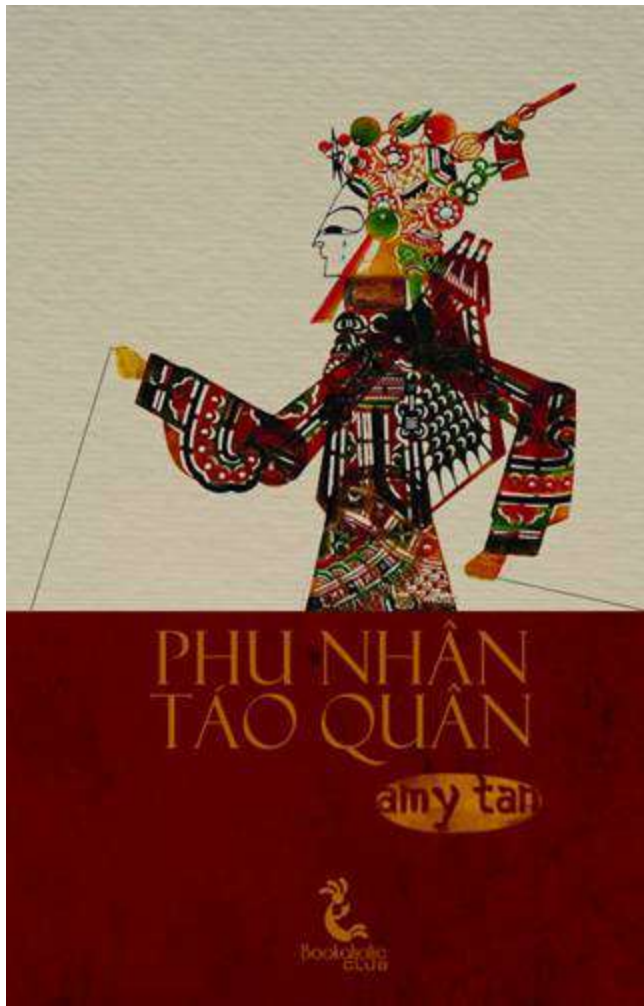




# PHU NHÂN TÁO QUÂN

amy tan



# PHU NHÂN TÁO QUÂN

Amy Tan

Making Ebook Project  
BOOKAHOLIC CLUB





Bookaholic  
Making Ebook Project CLUB

Tên sách: **PHU NHÂN TÁO QUÂN**

Tác giả: **Amy Tan**

Nguyên tác: *The Kitchen God's Wife*

Dịch giả: Hồng Vân

Nhà xuất bản: Văn Nghệ TP.HCM

Năm xuất bản: 2002

Số trang: 600

Khổ sách: 13 x 19 cm

Giá bìa: 57.000 đồng

Đánh máy: Thùy Ty, Thu Hằng, Minh Khuyên, Nguyễn Ngọc Quỳnh  
Trang, Thanh Hà, Kim Chi, Cường, Minh Khuê, Thùy Ty, Hồng Ngọc,  
Cường, Thanh Tâm

Kiểm tra: Hồng Phượng, Thảo Đoàn, Kiều Phương

Ảnh bìa: Minh Hoài

Chế bản ebook: Thảo Đoàn

Ngày thực hiện: 20/06/2012

Making Ebook Project #256 – [www. BookaholicClub. com](http://www.BookaholicClub.com)

Bạn đang đọc ebook **PHU NHÂN TÁO QUÂN** của tác giả **Amy Tan** do **Bookaholic Club** chế bản theo **Dự án chế bản Ebook (Making Ebook Project)**.

Mong rằng ebook này sẽ mang đến cho bạn một tác phẩm Văn học hay, giàu giá trị biểu cảm và nhân văn, với chất lượng cao. Chúng tôi luôn cố gắng mang đến những chế bản ebook tốt nhất, nếu trong quá trình chế bản có lỗi sai sót nào mong bạn góp ý và cho chúng tôi biết những ebook mà đang mong muốn.

**Making Ebook Project** của **Bookaholic Club** là một hoạt động phi lợi nhuận, nhằm mục đích mang đến những chế bản ebook hay, có giá trị với chất lượng tốt nhất mà chúng tôi có thể với Cộng đồng đọc - người Việt. Tuy nhiên, nếu bạn có khả năng xin hãy đọc tác phẩm này bằng sách trước hết vì lợi ích cho Nhà xuất bản, bản quyền tác giả và góp phần phát triển xây dựng nền Văn hóa đọc.

**Hãy chỉ đọc chế bản này trong điều kiện bạn không thể tìm đến ấn phẩm sách.**

# MỤC LỤC

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ

LỜI GIỚI THIỆU

1. CỬA HÀNG CỦA NHỮNG VỊ THẦN

2. ĐÁM TANG BÀ DÌ DU

3. KHI CÁ CHẾT ĐÃ BA NGÀY

4. ĐIỆN THOẠI ĐƯỜNG DÀI

5. MỘT NGÀN LẼ MỘT CHUYỆN

6. VẬN MAY CỦA PEANUT

7. CỬA HỒI MÔN

8. ÂM THỊNH DƯƠNG SUY

9. THỜI ĐIỂM TỐT NHẤT TRONG NĂM

10. LẠC DƯƠNG MAY MẮN

11. TAN ĐÀN XẺ NGHÉ

12. ĐỒNG TIỀN TAO NẠN

13. HỒI THỞ CỦA THIÊN ĐÀNG

14. MẮT HỒNG

15. CON BỌ CHẾT TRÊN ĐẦU CON SƯ TỬ

16. ĐẠI THẾ GIỚI

17. BỐN CỬA Ô

18. VŨ ĐIỆU MỸ

19. YẾU ĐUỐI VÀ MẠNH MẼ

20. BỐN CÔ CON GÁI BÊN BÀN

21. MẸ CỦA DU NHỎ

22. MỘT MÙA CÒN LẠI

23. THỰC SỰ ĐÚNG LÀ CỦA ANH

24. ƠN HUỆ

25. ĐÁM CƯỚI BẢO ĐẢM

26. VĨNH BIỆT NỖI BUỒN

## GIỚI THIỆU TÁC GIẢ



AMY TAN sinh ở OAKLAND, CALIFORNIA vào năm 1952, hai năm rưỡi sau khi cha mẹ cô nhập cư vào nước Mỹ. Mặc dù cha mẹ cô mong mỗi cô sẽ theo nghề bác sĩ giải phẫu thần kinh kiêm nghệ sĩ dương cầm nghiệp dư, cô lại trở nên bác sĩ tư vấn cho trẻ em tàn tật, và đồng thời là nhà văn tự do. Cô viếng quê hương Trung Hoa lần của đầu tiên năm 1987 và thấy đúng như mẹ cô đã nói: “Ngay khi chân tôi chạm đất Trung Hoa, tôi lập tức trở thành người Trung Hoa”.

AMY TAN hiện sống cùng chồng tại San Francisco.

Amy Tan thuộc thế hệ nhà văn gốc Hoa đầu tiên thành công trên văn đàn Mỹ. Bà thường viết về những gian nan mà phụ nữ người Hoa đã gặp ở quê nhà cũng như cuộc sống khó khăn mà con gái của họ gặp trên đất Mỹ. Bà thành công ngay với những tác phẩm đầu tiên, như:

- **The Joy Luck Club** (*Phúc Lạc Hội*, 1989; dựng thành phim năm 1991)

- **The Kitchen God's Wife** (*Phụ nhân Táo quân*, 1991;)



Cả hai đều mang tính tự truyện.

Sau đó bà còn viết:

- **The Hundred Secret Senses** (*Những linh cảm bí ẩn*, 1995)

- **The Bonesetter's Daughter** (*Con gái thầy lang*, 2000)

Hai truyện thiếu nhi:

- **The Moon Lady** (*Chị Hằng*, 1992)

- **The Chinese Siamese Cat** (*Mèo xiêm Trung Quốc*, 1994)

Tác phẩm của bà đã được dịch nhiều ở Việt Nam.

# LỜI GIỚI THIỆU

**Phu nhân Táo Quân** (nguyên tác *The Kitchen God's Wife*) là tác phẩm lớn thứ hai của Amy Tan ra đời hai năm sau khi cuốn đầu tay của bà **Phúc lạc hội** thành công vang dội trên tất cả các phương diện. Mới ra đời, cuốn sách này đã phải chịu một sức ép rất lớn. Mọi người tự hỏi và có lẽ chính tác giả cũng tự hỏi không biết đứa con tinh thần thứ hai sẽ làm hài lòng hay thất vọng số đông bạn đọc đã kì vọng rất nhiều vào nhà văn tài năng mà ngay ở bước khởi đầu đã gây xôn xao dư luận không chỉ ở Mỹ mà còn trên quê cha đất tổ Trung Quốc và nhiều khu vực khác trên thế giới. May mắn thay, với tác phẩm này, Amy Tan một lần nữa khẳng định tài năng và chỗ đứng của mình trong dòng văn học đương đại.

Cũng giống như tác phẩm đầu tiên, **Phu nhân Táo Quân** nói về mối quan hệ hai mặt yêu thương và mâu thuẫn giữa hai thế hệ mẹ và con trong cộng đồng những người nhập cư ở Mỹ. Nhưng mặt khác, tiểu thuyết này tập trung vào câu chuyện về cuộc đời đầy sóng gió, thăng trầm và đau thương của một người đàn bà sinh ra trong một gia đình giàu có, thế lực trong xã hội cũ ở Trung Quốc. Một người bằng nghị lực và sức sống không thể vùi dập được đã chịu đựng và vượt qua cuộc hôn nhân với một người chồng kinh khủng – quái thai của chế độ phong kiến Trung Quốc, cái chết thương tâm của ba đứa con đầu lòng, sống sót qua một thời chiến tranh tao loạn trên đất mẹ, đến được nước Mỹ và gây dựng lại được hạnh phúc từ con tim tan nát của mình.

Chuyện đời Winnie Louie là câu chuyện về thân phận của người đàn bà đã từng làm cho Nguyễn Du phải thốt lên *Đau đớn thay phận đàn bà, Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung*. Một câu chuyện làm nhức nhối bao nhiêu con tim. Dù cái cảnh ngược đãi phụ nữ trong truyện không còn tồn tại một cách hiển nhiên nữa, nhưng ai biết được còn có bao nhiêu người phụ nữ phải âm thầm đau khổ trong chính ngôi nhà mình. Điều cần nhấn mạnh ở đây là câu chuyện của Winnie Louie dựa trên những chuyện có thật trong cuộc đời của mẹ tác giả, bà Daisy Tan. Với tất cả con tim mình, Amy Tan muốn người mẹ anh hùng của mình bước ra chỗ sáng, dưới ánh mặt trời

tuyên bố về sự hiện diện của chính mình, trong vai trò con gái, người vợ, người mẹ.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu với bạn đọc tác phẩm **Phu nhân Táo Quân** của nhà văn nữ Amy Tan. Mong nhận được tiếng nói tri âm của độc giả với tác phẩm này.

**Người dịch**

# 1. CỬA HÀNG CỦA NHỮNG VỊ THẦN

Mỗi khi mẹ tôi nói chuyện với tôi bà thường bắt đầu câu chuyện như thế là chúng tôi đang ở giữa một cuộc tranh luận.

“Pearl, con phải đi thôi, không còn cách nào khác,” mẹ tôi nói trong cuộc điện thoại tuần trước như vậy. Vài phút sau tôi hiểu ra lí do bà gọi điện. Di Helen mời cả họ đến dự lễ đính hôn của cậu em họ tôi, Bảo Bảo.

“Cả họ” có nghĩa là nhà Công và nhà Louie. Nhà Công gồm có di Helen, dượng Henry, Mary, Frank và Bảo Bảo. Còn bây giờ “nhà Louie” tức là mẹ tôi và tôi bởi vì cha tôi đã mất, và em trai tôi Samuel sống ở New Jersey. Chúng tôi được biết đến như “Người trong một họ” lâu lắm rồi, như tôi còn có thể nhớ được, mặc dù gia đình Công không có liên hệ với chúng tôi bằng huyết thống, chỉ là quan hệ thông gia với nhau; người chồng đầu tiên của di Helen là anh trai của mẹ tôi, người đã chết rất lâu trước khi tôi ra đời.

Còn cậu em họ Bảo Bảo của tôi có tên thật là Roger. Nhưng mọi người quen gọi cậu ta là Bảo Bảo từ lúc cậu còn bé tí, Bảo Bảo có nghĩa là “quý tử”, sau này chúng tôi cũng vẫn gọi nó như thế vì rằng nó là một đứa “mít ướm” cứ gào toáng lên ngay khi di dượng tôi ra khỏi nhà, nhờ chúng tôi trông chừng nó. Và ngay cả bây giờ khi cậu ta đã 31 tuổi thì chúng tôi vẫn gọi là Bảo Bảo và vẫn phải để mất quan tâm.

“Bảo Bảo hả? Làm sao mà nó lại đính hôn được nữa?” Tôi hỏi mẹ, “đây chắc là lần đính hôn thứ 3.”

“Lần đính hôn thứ 4.” Mẹ tôi đính chính. “Lần đính hôn trước nó không cưới, tan vỡ ngay sau khi chúng ta gửi đồ mừng, tất nhiên di Helen không bảo là tiệc đính hôn, bà ấy nói là một tiệc đoàn viên với Mary.” “Mary cũng đến à?” Mary và tôi có một mối quan hệ chị em họ từ lâu rồi. Chị ta lấy

Doug Châu, học cùng trường Y với Phil, là người đã giới thiệu chúng tôi với nhau 16 năm về trước.

“Mary cũng tới cùng với chồng con nó. Bay tới đây từ Los Angeles vào tuần tới. Không có thời gian để mua vé giảm giá đặc biệt nữa. Vé không giảm một xu nào nhé, con tưởng tượng được không?”

“Tuần tới á? Tôi nói, cố tìm ra một cơ để chôi từ. “Quá trễ để chúng con thay đổi kế hoạch. Chúng con định –”

“Dì Helen nhất định kê con vào sổ thực khách. Một bữa tiệc linh đình ở nhà hàng Water Dragon đấy – năm bàn nhé. Nếu con không đến thì mất nửa bàn đó.”

Tôi hình dung ra dì Helen, tròn quay và thấp tè, dúi người lại bên một chân bàn. “Còn ai đến nữa ạ?”

“Nhiều lắm, toàn những người quan trọng.” mẹ tôi trả lời, nhấn mạnh từ quan trọng như cách bà nói tới những người mà bà không ưa. “Tất nhiên dì ấy cũng bảo với mọi người là Bảo Bảo sẽ đến với vị hôn thê của nó. Rồi khi mọi người hỏi “Vợ chưa cưới à? Bảo Bảo có vợ chưa cưới à,” thì dì ấy nói. “Ồ tôi quên mất. Định dành cho mọi người một bất ngờ ấy mà. Đừng nói gì với ai nhé.””

Mẹ tôi khịt khịt mũi, “Dì ấy thông báo theo kiểu ấy đấy. Vậy con cũng phải mang đồ mừng đến, cũng là một bất ngờ. Lần trước con tặng cái gì vậy?”

“Cho Bảo Bảo và một cô sinh viên ư? Con không nhớ, có thể là...”

“Sau khi chia tay với cô ta, nó có gửi trả lại con không?”

“Chắc là không. Con cũng không nhớ nữa.” “Con xem! Nhà Công là như vậy đấy. Lần này đừng có mua gì nhiều.”

Cách đây hai hôm, trước khi ăn tối, tôi lại nhận được điện thoại của mẹ.

“Nào bây giờ thì quá trễ để làm một điều gì rồi,” bà nói cứ như là lỗi của tôi không bằng. Và sau đó bà thông báo là dì Du đã chết ở tuổi 97. Tôi ngạc nhiên hết sức, tôi cứ nghĩ bà dì này chết từ lâu rồi.

“Bà có để lại cho con vài thứ đẹp lắm,” mẹ tôi nói. “Cuối tuần này con tới lấy nhé.” Bà dì Du đúng là họ hàng máu mủ của dì Helen, chị em cùng cha khác mẹ với cha của dì Helen hay đại loại như thế. Tuy vậy tôi nhớ là mẹ tôi mới là người luôn chăm sóc bà dì. Mẹ tôi đến dọn dẹp, đổ rác rến cho bà dì mỗi tuần, giúp bà cụ tránh khỏi việc phải đăng kí mua tạp chí mỗi khi bà nhận được tờ bướm quảng cáo in tên của bà bên cạnh dòng chữ “Một triệu đô”. Mẹ tôi làm đơn xin các cơ sở y tế hết lần này đến lần khác để người ta trả cho bà dì tiền thuốc bắc.

Bao nhiêu năm mẹ tôi phàn nàn với tôi là bà đã phải làm những việc ấy cho bà dì chứ không phải dì Helen. “Dì ấy thậm chí chẳng thèm để mắt tới,” mẹ tôi than vãn. Rồi đến một ngày – có thể là khoảng mười năm về trước – tôi cắt đứt chuyện lảm cẩm này. “Tại sao mẹ không nói với dì Helen về chuyện này rồi chấm dứt kêu ca đi?” Đó là điều mà Phil gợi ý cho tôi nói, một cách hoàn toàn có lí giúp mẹ tôi nhận ra sự rắc rối của bà và nhờ thế bà có thể có được những hành động tích cực.

Nhưng nghe tôi nói thế mẹ tôi nhìn tôi với vẻ mặt trống rỗng không nói nửa lời. Sau đó bà không than phiền gì với tôi nữa. Thực ra bà không nói chuyện gì với tôi suốt 2 tháng trời. Khi chúng tôi làm lành lại với nhau, bà không đả động gì đến bà dì. Tôi đoán vì thế mà tôi nghĩ là bà dì Du chết đã lâu, “Vì sao thế ạ?” Tôi hỏi sau khi nghe tin, cố làm cho giọng nói của mình ghen ngào như bị sốc. “Bệnh tim à mẹ?” “Một cái xe buýt,” mẹ tôi đáp.

Ồ rõ rồi, bà cụ Du khỏe mạnh cho đến tận cuối đời. Bà ngồi trên xe buýt, và rồi nó lạng sang bên kia đường để tránh cái mà mẹ tôi gọi là “con quỷ có gắn động cơ” của bọn nhóc điên cuồng chạy vượt qua biển cấm. Bà cụ bị nhồi về phía trước và ngã lăn xuống lối đi. Mẹ tôi chạy ngay tới bệnh viện để chăm bà, tất nhiên là thế rồi. Các bác sĩ không thấy gì bất thường trừ một vài vết trầy và sung bình thường. Nhưng bà dì nói rằng bà không thể chờ đến lúc bác sĩ tìm ra cái điều mà bà đã biết. Vì thế mà bà đọc cho mẹ tôi ghi di chúc của bà theo đó mẹ tôi được thừa hưởng một cái ghế sofa ngoài 30 năm tuổi, một cái ti vi đen trắng và vài thứ lặt vặt khác. Khuya

hôm đó bà chết vì một cú sốc ngoài dự đoán. Dì Helen định đến thăm vào ngày hôm sau nhưng quá trễ. “Bảo Bảo nói là chúng ta cần phải kiện một triệu đô,” mẹ tôi kể lại. “Con có thể tưởng tượng được không? Xem nó nghĩ thế đấy”. Khi mọi người biết là bà Du đã chết nó cũng chẳng khóc lóc gì, chỉ muốn kiếm tiền từ cái chết của bà thôi. Hừm! Thế đấy. Tại sao mẹ lại không bảo là bà có để lại cho hai cái đèn nhi? Có thể mẹ quên điều đó.”

Mẹ tôi dừng lại một chút, “Bà ấy là người tốt. Có 14 vòng hoa cả thầy.” Rồi bà hạ giọng trầm thì, “Tất nhiên mẹ và dì có giảm giá cho mỗi vòng là 20%”.

Mẹ tôi và dì Helen chung nhau cửa hàng hoa Đinh Hồ trên đường Ross Alley ở Chinatown. Họ bắt đầu hợp tác làm ăn từ 25 năm trước, ngay sau cái chết của cha tôi và sau khi dì bị thôi việc. Tôi đồ rằng một cách nào đó cửa hàng hoa này trở thành giấc mơ có thể xua đuổi tai họa.

Mẹ tôi đã dùng tiền quyên góp của nhà thờ Tin lành Trung Hoa, nơi cha tôi đã làm mục sư ở đó. Còn dì Helen thì dùng tiền bà để dành khi còn làm việc ở một cửa hàng hoa khác, nơi bà đã học được cách buôn bán. Đó cũng là nơi đã cho bà nghỉ việc, bởi vì bà quá “thẳng thắn” như bà đã tiết lộ lí do, mặc dù mẹ tôi ngờ rằng đó là vì dì Helen luôn xúi khách của bà mua những bó hoa rẻ nhất để tiết kiệm tiền.

“Đôi khi anh thấy tiếc rằng anh đã làm rẽ một gia đình Trung Hoa,” Phil nói thế khi anh biết rằng chúng tôi phải đi San Francisco một chuyến đi hàng năm chục dặm từ nhà chúng tôi ở San Jose, một quãng đường tệ hại vì nạn kẹt xe cuối tuần vì các trận bóng đá. Mặc dù anh thật sự quý mến mẹ tôi trong suốt hơn 15 năm chúng tôi chung sống, anh vẫn rất khó chịu với những đòi hỏi của bà. Những ngày cuối tuần với đại gia đình hoàn toàn không phải là điều mà anh ưa thích trong những ngày nghỉ làm ở bệnh viện.

“Em có chắc là chúng ta phải đi không?” Anh hỏi một cách hờ hững. Anh đang bận chơi một chương trình phần mềm mới mà anh vừa cài đặt nó vào máy tính. Anh nhấn vào một phím “Úi chà!” anh kêu lên với màn hình, vỗ tay. Phil đã 43 tuổi, và mái tóc ngả màu muối tiêu anh thường gây cho hầu hết mọi người ấn tượng là một người kín đáo và đúng mực. Tuy

vậy lúc này anh có cái vẻ bận rộn thuần túy của một chú nhóc đang chơi trò bắn tàu.

Tôi giả vờ rằng tôi cũng bận rộn lắm, đang theo đuổi một chương trình cần sự giúp đỡ. Ba tháng trước đây tôi trở thành một chuyên viên giúp những đứa trẻ gặp khó khăn về nói năng trong một trường quận. Trong khi rất phấn khởi về công việc này tôi cũng thầm lo sợ rằng tôi sẽ mất đi những cơ hội tốt hơn. Chính mẹ tôi đã cấy những ý nghĩ này vào đầu tôi. Ngay sau khi nghe tôi thông báo là tôi đã vượt qua hai ứng viên khác để được chọn vào vị trí này, mẹ tôi kêu lên, “Hai người à? Chỉ có hai người muốn làm việc này thôi ư?”

Giờ thì Phil ngẩng lên khỏi máy vi tính quan tâm nhìn tôi. Tôi biết anh nghĩ gì về “tình trạng bệnh tật” của tôi, như là chúng tôi vẫn gọi, căn bệnh xơ cứng lan tỏa, một căn bệnh không làm tôi suy nhược nhưng rất dễ làm tôi mệt mỏi. “Sẽ là một kỳ nghỉ căng thẳng đấy,” anh nói. “Hơn nữa anh nghĩ em không chịu đựng nổi cậu em họ Bảo Bảo của em đâu. Đây là chưa kể đến việc Mary nữa. Chúa ôi thật là kinh khủng.”

“Hừm!”

“Vậy em có thể bỏ qua chuyện này không?”

“Hừm!...”

Anh thở dài. Thế là kết thúc cuộc thảo luận. Qua bao nhiêu năm chung sống, chúng tôi đã học được cách dẹp sang một bên chủ đề về gia đình tôi và nhiệm vụ của tôi. Nó đã từng là địa hạt gây nên những cuộc cãi cọ giữa vợ chồng tôi. Khi chúng tôi mới cưới, Phil vẫn thường nói rằng tôi bị chi phối bởi một lòng tận tụy mù quáng cho sự sợ hãi và tội lỗi. Tôi đã cho là anh ích kỉ, rằng những chuyện mà người ta làm trong đời đôi khi chẳng có liên quan gì đến sự vui thú hoặc hài lòng cả. Sau đó thì anh lại nói là cái lí do duy nhất mà chúng tôi phải đi là tôi bị kích thích bởi ý nghĩ là tôi không có sự lựa chọn nào cả và rằng tôi đang làm chính điều đó với anh. Sau đó thì đứa con đầu lòng của chúng tôi, Tessa, ra đời và năm sau thì tôi lại bị bệnh. Nội dung các cuộc cãi cọ của chúng tôi thay đổi. Chúng tôi không còn hăng hái đấu nhau về những sự khác nhau có tính chất triết học có khả



năng lựa chọn của cá nhân nữa, có lẽ là bởi vì Phil lúc này có ý thức về bốn phận với đứa trẻ, cũng như là đối với tôi, hay ít nhất thì cũng là đối với “tình trạng bệnh tật của tôi”. Vì thế mà vấn đề những lựa chọn cá nhân trở nên lắt léo hơn, là một gánh nặng phải giữ, cho đến khi nó tự trôi qua cũng như những chuyện như là hút thuốc lá, ăn thịt bê và đeo đồ sứ vậy.

Đạo này chúng tôi có vẻ hay cãi cọ về những chuyện nhỏ hơn và cụ thể hơn, ví dụ tôi có nên cho phép Tessa xem thêm nửa tiếng truyền hình nữa không, nói chung các cuộc tranh luận đi không ra ngoài thái độ khác nhau của chúng tôi đối với vấn đề nguyên tắc và cuối cùng chúng tôi hầu như luôn đồng ý với nhau – có lẽ là quá sẵn lòng nữa bởi vì chúng tôi biết rõ hậu quả của phần lớn các cuộc tranh luận.

Và cuộc sống trở nên dễ chịu hơn, dễ chịu như chúng tôi có thể cố gắng làm như thế mặc dầu đôi khi nó làm tôi buồn chán. Thực tế thỉnh thoảng tôi ước rằng, chúng tôi lại trở về những ngày xưa khi Phil tranh luận còn tôi có thể bảo vệ ý kiến của mình và thuyết phục ít nhất với bản thân tôi rằng tôi đúng. Chứ không như bây giờ, ví dụ ngày hôm nay – tôi cũng không chắc là tại sao tôi phải thực hiện những bốn phận này với gia đình. Trong khi tôi chẳng bao giờ thừa nhận điều đó với Phil, tôi trở nên căm ghét những bốn phận. Tôi không muốn gặp gia đình Công; đặc biệt là Mary và mỗi khi tôi ở bên mẹ, tôi có cảm tưởng như là tôi mất toàn bộ thời gian để tránh vấp phải mình.

Vì thế chính cái cảm giác có lỗi với Phil và giận dữ với chính mình đã khiến tôi làm điều này: tôi đợi cho đến ngày hôm sau mới nói với Phil rằng chúng tôi phải ở lại qua đêm – để dự đám tang của bà dì Du.

Cho những ngày cuối tuần kinh khủng, Phil và tôi quyết định đi đến thành phố sớm hơn để ổn định mọi chuyện, có thể dẫn bọn trẻ đi sở thú. Ngày hôm trước chúng tôi có cuộc tranh luận lịch sự với mẹ tôi về việc chúng tôi sẽ ngủ ở đâu.

“Mẹ thật chu đáo,” Phil nói một cách ôn hòa với mẹ tôi qua điện thoại, “nhưng chúng con đã đăng kí khách sạn rồi.” Tôi cảm một ông nghe khác, cảm thấy sung sướng rằng anh đã gọi điện thoại và đưa ra lí do.

“Khách sạn nào?” Mẹ tôi hỏi. “Ở TraveLodge,” Phil nói dối, thực ra chúng tôi đăng kí ở Hyatt.

“Ôi, tốn tiền lắm!” mẹ tôi kết luận. “Tại sao lại phí tiền như vậy? Các con có thể ở nhà mẹ mà, có nhiều phòng trống lắm”.

Phil đã từ chối một cách duyên dáng, “Ồ không, không. Có nhiều rắc rối lắm. Thật thế.”

“Rắc rối cho ai?” mẹ tôi hỏi.

\*

Còn bây giờ thì Phil đang sắp đặt cho bọn con gái vào trong căn phòng trước đây dành cho em trai tôi. Đó là nơi mà chúng thường ở lại mỗi khi Phil và tôi đi dự một hội nghị về y học, thực tế là thỉnh thoảng chúng tôi nói đó là một hội nghị y học nhưng sau đó chúng tôi trở về nhà làm những công việc nhà mà chúng tôi không có khả năng hoàn thành khi có bọn trẻ xung quanh.

Phil quyết định rằng Tessa lên tám tuổi sẽ ngủ ở giường cá nhân, Cleo ba tuổi sẽ ngủ trong cũi. “Đến lượt con ngủ giường cơ,” Cleo kêu lên, “Ha-bu bảo thế.”

“Nhưng Cleo,” Tessa diễn giải, “em thích ngủ ở cũi mà.” “Ha-bu”, Cleo gọi mẹ tôi đến cứu nó.

Phil và tôi thì ở trong phòng cũ của tôi vẫn còn đầy những đồ đạc cũ kĩ. Tôi đã không ở đây từ ngày tôi lấy chồng. Trừ một điều là tất cả đều sạch sẽ, căn phòng vẫn y hệt như lúc tôi vẫn còn là một đứa trẻ, cái giường đôi với cái khung và bộ chân nặng nề, một cái bàn trang điểm với một cái kính tròn và những đường nét chạm trổ có cạnh hạt trai. Thật là buồn cười, tôi đã ghét cái bàn này biết bao, bây giờ thì trông nó rất đẹp với nghệ thuật trang trí của nó. Tôi tự hỏi không biết mẹ có chịu sang tên cho tôi không.

Tôi nhận thấy bà đặt đôi dép lê cũ kiểu Trung Quốc của tôi ở dưới gầm giường, một loại dép có một quai xoắn ngón chân cái; chẳng có gì vứt đi cả,

đề phòng trường hợp là nó còn cần đến có thể là sau 20 năm nữa. Tessa và Cleo chắc là đã lục lọi cái tủ này, đã moi móc tất cả những thứ đồ đặc linh tinh trong những cái hộp này. Rải rác quanh những đôi dép lê là những con búp bê bằng vải, một cái mũ miện dát đá và một cái hộp bằng plastic đựng đồ trang sức với dòng chữ “Những kho báu bí mật của tôi” trên nắp hộp. Trên cánh cửa vẫn còn treo tấm ảnh lố bịch nhại theo kiểu một ngôi sao Hollywood tôi chụp hồi lớp 6, viết tên tôi P-E-A-R-L trong một cái vòng đeo cổ bằng plastic.

“Ồ,” Phil nói giọng ấm ớ, “thế mà ở đây lại còn khá hơn ở đằng TraveLodge đấy.” Tôi đập vào chân anh. Còn chồng tôi thì vỗ vào những chiếc khăn tắm không đồng bộ dành cho khách trải trên giường. Những chiếc khăn này là quà Giáng sinh của nhà Công khi nhà tôi rời Chinatown đến quận Richmount, như vậy có nghĩa là nó đã ra ngoài 30 năm rồi.

Còn bây giờ thì Tessa và Cleo ủa vào phòng chúng tôi, la lên rằng chúng đã sẵn sàng đi sở thú rồi. Phil sẽ đưa chúng đi, trong khi tôi đến tiệm hoa Đình Hồ giúp một tay, nhưng mẹ tôi đã nói với giọng cộc lốc rằng dì Helen đã rời khỏi cửa hàng từ sáng sớm để chuẩn bị cho bữa tiệc - thay cho một sự thật là có quá nhiều việc phải làm ở cửa hàng hoa vì ngày mai là đám ma của bà dì Du. Sau đó mẹ nhắc nhở tôi rằng bà dì luôn tự hào về tôi – trong gia đình chúng tôi thì chữ “tự hào” có một cái nghĩa gần với từ “yêu”. Mẹ tôi gợi ý là tôi cũng nên đến viếng sớm với một vòng hoa đẹp.

“Em sẽ về nhà lúc 5 giờ rưỡi.” Tôi nói với Phil. “Con muốn xem voi châu Phi,” Tessa vừa nói vừa nhún nhảy trên giường chúng tôi. Sau đó thì nó đếm những ngón tay. “Rồi gấu túi và những động vật có xương sống loài ăn kiến này và cả cá voi lưng gù nữa.” Tôi luôn luôn ngạc nhiên không hiểu là nó lượm lặt được ở đâu cái danh sách những con vật này – từ Phil chẳng? Hay từ tôi? Hay từ tivi?

“Con phải nói, “Xin vui lòng” nghe chưa,” Phil nhắc con gái, “và ba không nghĩ là có cá voi trong sở thú”.

Tôi quay về phía Cleo. Đôi khi tôi lo lắng rằng con bé sẽ trở nên thụ động, nhút nhát dưới cái bóng của cô chị lớn quá tự tin.

“Con muốn xem gì?” Tôi âu yếm hỏi bé. Nó nhìn xuống chân, tìm một câu trả lời. “Dingbats,” cuối cùng nó nói.

Khi tôi quay lại đường Ross Alley, mọi vật chung quanh tôi lập tức trở nên yên tĩnh. Không còn cái nắng quái chiều hôm và những âm thanh rộn rã ở hai bên đường với những người mua kẻ bán tấp nập vào chiều thứ Bảy ở Chinatown nữa. Các âm thanh hai bên đường nhỏ đi, nhanh chóng tan xa, những tia nắng nhạt dần gần như là màu xanh hư ảo.

Phía bên tay phải vẫn là tiệm hớt tóc ngày xưa của A Phúc, người mà tôi nhận thấy vẫn dùng tông đơ điện để cạo tóc mai cho khách hàng. Dọc theo hai bên đường vẫn là những gia đình, những cửa hiệu buôn bán, kể cả một chỗ lưu giữ những kí ức về tổ tiên ở Trung Quốc với một khoản thù lao. Xa hơn một chút nữa là tiệm của một thầy bói. Một cái biển viết tay treo trên cửa sổ có hàng chữ “Những con số may mắn nhất, những lời khuyên tốt nhất”, có một cái biển khác treo trên cánh cửa cho biết thầy bói đang có khách.

Khi tôi đi qua nhà, cánh cửa đầy màu vàng bật mở. Bất thành linh một cô gái trẻ hiện ra, tay cô miết lên cửa kính. Cô nhìn tôi chằm chằm với một vẻ mặt buồn bã. Tôi vẫy tay với cô nhưng cô không vẫy trả. Cô bé nhìn tôi như thể tôi không thuộc về nơi này.

Và bây giờ thì tôi đang ở Công ty thương mại Tam Phúc, cách cửa hàng hoa của mẹ tôi vài nhà. Hàng dãy kệ đặt bùa may mắn, tượng bằng gỗ hoặc bằng sứ của các vị thần may mắn, hàng trăm bức tượng. Tôi đã gọi đây là cửa hàng của các vị thần từ khi tôi bắt đầu có kí ức. Nó cũng bán những thứ người ta dùng trong một đám tang theo nghi thức Phật giáo – giấy tiền vàng bạc, đồ trang sức hàng mã, nhang đèn và những thứ khác.

“Chào Pearl!” Ông chủ Hồng vẫy tay mời tôi vào. Lần đầu tiên gặp ông, tôi cứ tưởng tên ông là Tam Phúc, giống như tên cửa hiệu. Sau này tôi biết rằng Tam Phúc có nghĩa là “ba lần được chúc phúc” trong tiếng Quan thoại cổ, theo mẹ tôi – hoặc là những khách hàng Hồng Kông – thì *tam phúc* lại có nghĩa như đùa, giống như nói “ba người loong toong”. “Mẹ đã bảo ông ta phải đổi tên đi,” mẹ có lần bảo, “sẽ may mắn hơn”. Nhưng ông ta nói ông ta buôn may bán đắt lắm rồi.”

“Này Pearl,” ông chủ Hồng nói khi tôi bước vào cửa hàng. “Tôi có mấy món cho mẹ cô ở đây, cho đám ma ngày mai ấy mà. Cô mang về cho bà được không?” “Dạ được.” Và ông đưa cho tôi một gói giấy. Tôi nghĩ rằng đám ma của bà dì sẽ theo nghi thức Phật giáo. Mặc dù bà đã gia nhập giáo hội Tin lành Trung Hoa một vài năm, nhưng cả bà lẫn mẹ tôi đều thôi không đi nhà thờ ngay sau khi ba tôi mất. Dù sao, tôi cũng không nghĩ là bà từ bỏ niềm tin của bà, một tín ngưỡng mà chưa hẳn đã thuộc Phật giáo, chỉ là những nghi thức mê tín liên quan đến những vị thần phước thiện và việc tránh những việc xấu. Mỗi khi đến căn hộ của bà, tôi thường chơi đồ hàng với bàn thờ ở nhà bà, một đèn thờ đồ thu nhỏ đựng một bức tranh lồng khung một vị thần Trung Hoa. Trước ảnh thờ là một bình đựng tro giả bằng đồng thau cắm đầy chân nhang, một bên đặt những trái cam cúng với những gói thuốc lá, một chai rượu uytxki loại nhỏ như trên máy bay, hiệu Johnie Walker nhãn đỏ. Nó thu nhỏ một quang cảnh Trung Hoa như trong một nhà trẻ vào ngày Giáng sinh.

Giờ thì tôi bước vào cửa hàng hoa. Nó nằm ở tầng trệt một tòa nhà xây bằng gạch cao ba tầng. Cửa hiệu có kích thước bằng một gara chứa một chiếc xe, trông vừa buồn tẻ, vừa quen thuộc. Phía trước là một cái cửa viền đỏ được chằng lưới chống trộm. Trên cửa sổ có một tấm biển “Cửa hàng hoa Đình Hồ” bằng tiếng Anh và tiếng Hoa. Nhưng cái biển này khuất khỏi tầm nhìn – bởi vì ngôi nhà hơi thụt vào một chút – cửa hàng trông lúc nào cũng tối tăm âm u, như là nó đang đóng cửa vào lúc này. Vì thế mà cái địa điểm kinh doanh của mẹ tôi và dì Helen không phải là điểm kinh doanh tấp nập, tuy họ đã cố gắng để mọi việc đầu vào đầu ra theo một cung cách rất đặc biệt. Sau rất nhiều năm họ hầu như đã chẳng làm gì để theo kịp thời đại hay là làm cho cửa hàng trở nên hấp dẫn hơn. Tôi mở cửa, những cái chuông ngân lên, ngay lập tức tôi ngửi thấy mùi hoa dành dành, một cái mùi luôn làm tôi liên tưởng đến các đám ma. Trong phòng tối mờ, chỉ có một ngọn đèn huỳnh quang gắn ở bên trên máy tính tiền – chỗ mà mẹ tôi đang đứng trên một cái ghế đầu thấp nhỏ để mẹ tôi có thể nhìn qua quầy, một cái kính lão mua ở hiệu đồ cũ gắn trên mũi bà.

Bà đang nói chuyện điện thoại liên thoắt bằng tiếng Tàu và sốt ruột vẩy tay mời tôi vào đợi bà. Tóc bà búi thành một búi cao cuộn trong một tấm lưới, không một sợi tóc vương ra ngoài. Bây giờ cái lưới tóc đã được

làm sao cho trông nó dày hơn với một món tóc giả - cái đuôi ngựa – như bà vẫn thường gọi, bà chỉ dùng đến trong những dịp long trọng.

Bây giờ tôi có thể nói căn cứ vào cái giọng rít lên và nhấn mạnh những âm gió “vuh-vuh-vuh” rằng bà đang tranh luận bằng tiếng Thượng Hải chứ không chỉ là tiếng Quan thoại đơn giản. Có chuyện nghiêm trọng đây. Chắc là nó có liên quan đến người cung cấp hoa, căn cứ vào cách bà bấm vào chiếc máy tính bỏ túi sau đó đọc to những con số trên máy tính bằng một giọng gay gắt như thể điều đó có ghi trong bộ luật hình sự. Bà ấn vào nút “No sale” trên máy tính tiền và khi ngăn kéo của nó mở bà lôi ra một tờ giấy biên nhận xếp tư, vẩy cho nó mở ra với một cử động của cổ tay sau đó lại đọc to con số lên “Vuh! Vuh! Vuh!” bà cự lại. Máy tính tiền chỉ dùng để cất những thứ linh tinh hay như mẹ tôi gọi là những đồ tầm tầm. Máy đã bị hỏng, lần đầu tiên khi mẹ tôi và dì Helen mua ở hiệu về lắp đặt họ đã sớm nhận ra là bất cứ khi nào tính tiền nó cũng cộng thêm con số 9 vào còn những chức năng khác thì chẳng xài được. Dù vậy họ vẫn quyết định giữ lại cái máy đó, “để đánh lừa bọn chúng” như mẹ tôi đã giải thích như thế. Nếu họ bị cướp, mà điều này chưa từng xảy ra, thì tên cướp chỉ lấy được 4 đô và một vài xu lẻ, toàn bộ số tiền này để trong ngăn kéo. Còn tiền bán hàng thì được giấu ở bên dưới quầy, trong một chiếc ấm trà với cái vòi đã hai lần bị mẻ và phải gắn lại, một cái ấm sứ vòi đặt trên một cái mâm. Tôi đoán rằng đó là một mẹo lừa vì chẳng có kẻ nào lại muốn ăn cướp ở một cửa hiệu chỉ có trà nguội thôi.

Một lần tôi nói với mẹ tôi và dì Helen rằng một tên cướp sẽ không khi nào tin là một cửa hiệu mà chỉ có vốn vụn 4 đô la trong két. Tôi nghĩ rằng họ cũng nên đặt vào đấy 20 đô để cho nó có tính thuyết phục. Nhưng mẹ tôi cho 20 đô là quá nhiều để cho một tên cướp. Còn dì Helen thì nói rằng dì sẽ phát bệnh vì mất một món tiền như thế, vậy thì cái mẹo của tôi có ích gì?

Có lúc tôi đã nghĩ đến việc đưa cho họ 20 đô để chứng minh quan điểm của mình. Nhưng rồi tôi lại nghĩ, quan điểm gì mới được chứ? Và bây giờ khi nhìn quanh gian hàng một lần nữa tôi nhận ra rằng có thể họ đúng. Ai mà thèm vào ăn cướp ở một nơi mà tiền kiếm được không nhiều hơn tiền vé xe đò? Không, chỗ này chỉ nên phòng chống trộm theo cách của nó.

Sàn nhà ở đây cũng vẫn có cái màu xám đơn điệu 25 năm về trước, nay mới được sửa sang đánh bóng lại. Quầy hàng được phủ cùng một loại khăn giấy, những khung tre trắng và xanh lá cây ở hai bên rùng cây ở phía trên. Ngay cả cái máy điện thoại mẹ tôi đang dùng để nói chuyện cũng là một cái máy màu đen cổ lỗ sĩ với số quay tròn, dây bằng sợi tổng hợp không thể cuộn lại và kéo ra được. Trong suốt những năm qua, bức tường màu trắng đã ngả màu vàng xỉn, lồi lõm, bây giờ lại bị nứt nẻ từ cuộc động đất năm 89. Vì thế mà chôn này nom cũ kĩ, hoang tàn và ảm thấp. “Hảo hảo”, tôi nghe mẹ tôi nói. Bà dường như đã đạt được một thỏa thuận nào đó với người cung cấp hoa, cuối cùng bà đặt ống nghe xuống. Mặc dù đã không gặp nhau từ lễ Giáng sinh gần một tháng trước đây, chúng tôi cũng không ôm hôn như tôi và Phil vẫn làm khi chúng tôi gặp cha mẹ hoặc bạn bè anh. Thay vì thế mẹ tôi bước ra khỏi quầy lắm bầm: “Con có thể tưởng tượng được không? Tay này tính lừa dối mẹ! Đòi mẹ trả thêm tiền chuyên chở.” Bà chỉ vào một cái hộp đựng những dây nhợ, giấy bóng kính trong và giấy gói hoa, “đâu có phải lỗi tại mẹ nếu hấn quên đến tuần trước”.

“Thêm bao nhiêu tiền?” tôi hỏi. “Ba đô,” bà kêu lên. Tôi không bao giờ hết ngạc nhiên bởi sự tiêu hao xúc cảm của mẹ tôi vì một vài đồng đô la. “Tại sao mẹ không quên chuyện đó đi, có ba đô thôi mà.”

“Mẹ không chỉ quan tâm đến tiền!” bà cáu. “Hấn đã lừa mẹ. Điều đó là không được. Tháng trước hấn cũng có cộng thêm một khoản nữa.” Tôi có thể nói là bà định lao vào chuyện kể cho tôi nghe cuộc đấu khẩu tháng trước, thì hai phụ nữ ăn mặc lịch sự, tóc vàng ngó vào.

“Cửa hàng có mở không ạ? Có ai nói được tiếng Anh không?” một người hỏi bằng giọng Texas nặng trịch. Khuôn mặt của mẹ tôi bỗng tươi lên và bà gật đầu vẫy tay mời họ vào. “Mời vào, mời vào,” bà gọi.

“Ồ không dám làm phiền các bà.” Một người nói. “Các bà có thể bảo cho tôi biết cửa hàng bánh kẹo ở đâu không?”

Trước khi tôi có thể trả lời thì mặt mẹ tôi đã xụ xuống, bà lắc đầu nói, “Không hiểu, không biết nói tiếng Anh”.

“Tại sao mẹ lại nói thế?” tôi hỏi sau khi hai phụ nữ đã rút lui. “Con không biết là mẹ lại ghét những người khách du lịch như vậy.”

“Không phải là khách du lịch,” mẹ tôi nói, “mà là bà bán bánh kẹo ấy. Một lần bà ta chơi xấu mẹ. Vậy thì tại sao mẹ phải dẫn khách đến cho bà ta.”

“Trời ơi, buôn với bán ở đây!” Tôi cố gắng tránh cho câu chuyện không đến chỗ bùng nổ về bà bán kẹo bánh ở dưới phố.

“Khiếp chưa?” Bà nói, chỉ vào những sáng kiến của bà quanh cửa hàng, “mẹ bận quá, bận đến chết đi được với bao nhiêu là việc, con xem chỉ trong sáng nay mà mẹ đã làm được ngần này việc.”

Tôi nhìn quanh, ở đây không có những lồng hoa hay bó hoa kiêu dáng hiện đại. Mẹ tôi mở cửa kính một tủ lạnh trước vẫn dùng để chứa những lon soda và bia.

“Con thấy không?” Bà nói, chỉ vào một cái ngăn với những bó hoa nhỏ kết bằng hoa cẩm chướng sắp đặt rất khéo với các màu trắng, hồng và đỏ. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, chúng tôi sẽ đính những bó hoa này tối nay.

“Còn đây,” bà tiếp tục. Ngăn thứ hai đầy những lọ thủy tinh màu sữa mỗi cái cắm một nụ hoa hồng thêm một ít hoa baby nhỏ nhỏ, đó là một loại hoa người ta thường tặng cho những người nằm viện, những người chuẩn bị cho một cuộc giải phẫu mà bạn không biết là họ sẽ nằm viện trong bao lâu. Ba tôi đã nhận được rất nhiều những lọ như thế này trước khi ông chết. “Rất thông dụng,” mẹ tôi nói, “cái này nữa, mẹ cũng tự làm đấy.”

Ngăn dưới cùng chứa khoảng nửa tá những bình xịt bàn nhỏ. “Cho tối nay đây, dành cho sau bữa ăn tối”, mẹ tôi giải thích, có lẽ bởi vì điều đó không gây ấn tượng mạnh cho tôi, bà lại thêm, “cho người phụ trách quản lí ở Wells Fargo.”

Bà dẫn tôi đi xem những sản phẩm bà tự làm lấy để phía trong. Dọc theo những bức tường là những vòng hoa tang lớn có khung, “Thế nào?” mẹ tôi hỏi, chờ ý kiến của tôi. Với tôi những vòng hoa này bao giờ cũng gợi



nên một nỗi buồn góm guốc giống như những phao cứu sinh đẹp để được quăng xuống quá trễ.

“Đẹp lắm!” tôi nói.

Giờ thì bà khoe với tôi niềm vui và tự hào thực sự của bà. Ngay trước cửa hàng, cái chỗ duy nhất có ánh nắng chiếu vào một vài giờ một ngày là “sự mặc cả lâu dài” như bà gọi những chậu cảnh: những cây cao su, cỏ chân gà và những cây tắc cảnh, những chậu này được trang hoàng với những dải băng màu đỏ chúc mừng một công việc làm ăn nào đó trong ngày khai trương.

Bao giờ bà cũng tự hào về những băng giấy đỏ này. Bà không viết những câu chúc mừng chung chung như là “Chúc may mắn” hay là “Thịnh vượng và trường thọ.” Tất cả những lời chúc tụng viết chữ Tàu bằng nhũ vàng này đều là cảm hứng sáng tạo riêng của bà, là suy nghĩ của bà về sự sống và cái chết, may mắn và hi vọng như “Cuộc đời tốt đẹp nhất đang chờ đứa con đầu lòng của bạn”, “Hạnh phúc nhân đôi cho đám cưới, của cải nhân ba cho gia đình”, “Tiền bạc tỏa mùi thơm trong căn nhà mới của bạn”, “Sức khỏe mau trở lại, đừng để hi vọng sớm ra đi.”

Mẹ tôi nói rằng những câu chúc này là lí do tại sao tiệm hoa Đình Hồ buôn may bán đắt trong những năm qua. Với câu buôn may bán đắt tôi cho rằng bà muốn nói bà giữ được khách trong suốt 25 năm qua. Chỉ có điều bây giờ càng ngày càng ít những cô dâu e lệ, những chú rể choáng váng vì hạnh phúc và càng ngày nhiều hơn những người ốm, những người già và những người chết.

Mẹ tôi cười ranh mãnh rồi nắm lấy khuỷu tay tôi.

“Bây giờ thì mẹ sẽ cho con xem cái vòng hoa mà mẹ đã làm cho con”.

Tôi giật mình rồi nhận ra bà đang nói gì. Bà mở cửa đi về phía sau cửa hàng. Nó tối như hũ nút, tôi chẳng nhận thấy gì trừ mùi hoa tang. Mẹ tôi giật một sợi dây bật điện, cuối cùng căn phòng sáng lên nhờ bóng điện tròn đưa qua đưa lại trên sợi dây treo ở cửa. Bây giờ tôi có thể nhìn căn phòng đẹp kinh khủng như thế nào, hàng dãy những vòng hoa ánh lên dưới ánh

đèn là hoa dành dành trắng và cúc vàng, băng giấy màu đỏ chạy ngang qua khung, trông thật giống cách phục sức của một tiên đồng.

Tôi hơi bất ngờ vì lao động nặng nhọc đã bỏ ra cho những vật biểu trưng này. Tôi hình dung đôi tay bé nhỏ của mẹ tôi với làn da mỏng như giấy, mạnh mẽ tước những chiếc lá, chiếc gai, gắn chúng vào những sợi dây thép và xếp lên đó những bông hoa, bông nào bông nấy phải được đặt đúng vị trí.

“Cái này,” mẹ tôi chỉ vào vòng hoa đặt giữa hàng thứ nhất, trông nó cũng giống như những vòng hoa khác. “Nó là của con. Mẹ đã viết lên đây những ước nguyện của mẹ.”

“Nó viết cái gì ạ?”

Ngón tay mẹ đi xuống dưới dải băng đỏ khi bà đọc dòng chữ Tàu mà tôi không hiểu. Sau đó bà dịch sang tiếng Anh. “Vĩnh biệt bà, hãy yên nghỉ trên thiên đường. Cháu gái yêu quý của bà, Pearl Louie Brandt và chồng.”

“Ôi con suýt quên mất.” Tôi đưa cho mẹ tôi gói giấy từ cửa hiệu Tam Phúc. “Ông Hồng đưa cho mẹ cái này.”

Mẹ tôi gỡ sợi dây, mở cái hộp giấy ra. Bên trong là một mớ tiền âm phủ, những đồng tiền mà bà dì có thể dùng hối lộ để đi qua cổng thiên đường của người Hoa. “Con không biết là mẹ tin vào những thứ này đây,” tôi nói.

“Tin hay không không biết,” mẹ tôi bực mình nói, “đây là sự tôn trọng tín ngưỡng.” Rồi mẹ tôi hạ giọng dịu dàng. “Mẹ gửi cho bà 100 triệu đô. Phải, bà là một người tốt.”

\*

“Nào chúng ta đi,” tôi nói, hít một hơi dài khi chúng tôi leo lên cầu thang đi vào phòng đãi tiệc.

“Pearl! Phil! Hai em đây rồi,” cô chị họ Mary kêu lên. Tôi đã không gặp chị hai năm qua từ khi chị và Doug chuyển đến Los Angeles. Chúng tôi đợi

Mary đi ngang qua đám người dự tiệc. Cô nhào về phía chúng tôi, tặng tôi một cái hôn, sau đó xoa xoa vào má tôi và cười dưới lớp phấn hồng dày cộp trên mặt.

“Em trông tuyệt lắm!” Cô bảo tôi, rồi quay sang nhìn Phil, “Thật thế, cả hai em... trông tình cảm lắm.”

Mary chắc là 41 tuổi, lớn hơn tôi 6 tháng. Chị ta trang điểm rất đậm, đeo cả lông mi giả nữa, tóc được chải thành từng lọn xịt keo cứng ngắc. Một khăn choàng lông cáo màu bạc vắt vẻo trên vai chị. Khi sửa lại nó lần thứ ba, chị ta cười nói, “Doug tặng chị cái này trong ngày Giáng sinh đấy. Ôi chán chết!” Tôi tự hỏi tại sao lại chán. Bây giờ chúng tôi đã ở trong nhà hàng. Nhưng Mary là như vậy, người con lớn nhất trong hai gia đình và một vẻ ngoài hào nhoáng của sự thành đạt bao giờ cũng là điều tối quan trọng đối với chị. “Jennifer, Michael”, chị gọi, bật bật ngón tay. “Lại đây nào, lại đây chào dì, dượng đi.” Chị ta đẩy hai thiếu niên về một bên và bóp cánh tay chúng. “Nào, các con nói gì?” Hai đứa nhìn chúng tôi với vẻ mặt bí xị, mỗi đứa lí nhí câu gì đó trong miệng rồi khẽ gật đầu với chúng tôi.

Jennifer tròn múp míp trong khi đôi mắt đen của nó lại ti hí với cái nhìn khó dăm dăm. Nó cột một món tóc trên đỉnh đầu bằng một dải băng, mớ tóc còn lại đổ xuống lưng. Trông nó có vẻ gò bó, còn khuôn mặt của Michael thì có hình tam giác nhọn với cái cằm đầy mụn trứng cá. Chúng chẳng còn vẻ dễ thương hồi còn thơ bé. Tôi tự hỏi không biết chuyện gì sẽ xảy ra với Tessa và Cleo nếu chúng cũng như thế này vào cái tuổi ấy. “Em xem chúng thế đấy.” Mary nói vẻ có lỗi, “Jennifer đã có áo nylon và giày cao gót Giáng sinh vừa rồi. Nó tự hào lắm, không còn là con gái bé bỏng của mẹ nữa rồi.”

“Ôi mẹ!” Jennifer vùng vằng, rồi giăng ra khỏi cái nắm tay của mẹ chạy biến vào đám đông. Michael cũng đi theo nó. “Xem kìa, Michael cao gần bằng Doug phải không?” Mary hỏi tự hào ngắm nhìn cậu ấm khi nó bỏ đi. “Nó ở trong đội tuyển của trường, ông huấn luyện viên bảo nó là chân chạy xuất sắc nhất đấy. Chị không biết là nó thừa hưởng chiều cao ở đâu cũng như là khả năng thể thao của nó – chắc chắn là không phải từ chị rồi. Mỗi khi thử chạy bộ thì chị sẽ chạy về với cái chân cà nhấc.” Mary vừa cười vừa nói. Rồi khi nhận ra rằng chỉ có chị cười nói này giờ, chị bèn tắt ngay nụ cười trên môi và nhìn vào đám đông.

“Kìa bố mẹ chồng chị đến. Chị phải đến chào họ một tiếng”.

Phil xiết chặt tay tôi, dù rằng tôi chẳng nói gì, anh biết là tôi đang sôi lên. “Bỏ chuyện đó đi,” anh nói.

“Em sẽ cố,” tôi đáp, “nếu chị ta muốn thế. Chị ta bao giờ cũng vậy mà.”

Khi tôi và Phil làm đám cưới, thì Mary và Doug là những người quan trọng bởi vì họ làm mối cho chúng tôi. Họ là những người đầu tiên chúng tôi thổ lộ cho biết là tôi đang mang bầu Tessa. Khoảng 7 năm về trước Mary đã đẩy tôi đến lớp học thể dục nhịp điệu, lúc tôi than phiền là tôi thường cảm thấy mệt. Sau đó khi tôi cảm thấy có một cảm giác mõi lạ lưng ở chân phải thì Phil khuyên tôi đến gặp Doug lúc đó đang làm bác sĩ chỉnh hình ở một trung tâm y khoa thể thao.

Vài tháng sau, Doug bảo tôi rằng vấn đề của tôi dường như có chuyện gì khang khác, lúc đó tôi kinh hoàng nghĩ rằng anh ta bảo tôi bị ung thư xương. Doug trấn an tôi rằng anh chỉ muốn nói là anh không đủ chuyên môn để đưa ra kết luận. Sau đó anh giới thiệu tôi với người bạn cũ từ ngày còn ở trường Đại học, một bác sĩ thần kinh giỏi nhất ở trung tâm Y khoa San Francisco. Sau một năm xét nghiệm, và sau khi tôi đã tự thuyết phục được mình rằng sự mõi mệt của tôi là do việc hút thuốc, còn cái chân là di chứng để lại sau lần mang thai – thì ông bác sĩ bảo là tôi mắc chứng xơ cứng lan tỏa. Mary khóc òa lên khi nghe tin đó, rồi cố gắng trấn an tôi, làm cho tôi cảm thấy còn tồi tệ hơn. Một lát sau, chị lảm nhảm nói về một món ăn nào đấy mà chị ta chỉ tình cờ tìm ra công thức nấu ăn tuyệt vời của nó, cho đến khi tôi phải bảo chị im đi. Rồi sau đó nữa thì chị làm một màn lâm li trong khi nói với tôi rằng bạn của Doug đã làm chị an tâm rằng bệnh của tôi “thực sự không có gì đáng ngại” cứ như thể chị ta nói chuyện về thời tiết, rằng cuộc sống của tôi sẽ không có gì thay đổi và rằng ở tuổi 70 tôi vẫn có thể tham gia câu lạc bộ chơi golf và vẫn chơi giỏi ra trò mặc dù tôi phải cẩn thận tránh những căng thẳng cả về mặt tinh thần lẫn thể xác.

“Thật thế mà, mọi chuyện đều bình thường,” chị nói với một sự vui vẻ gượng gạo “trừ một chuyện là Phil sẽ dễ chịu với em hơn. Có chuyện gì không ổn đâu nào?”

“Em không chơi golf,” đó là tất cả những gì tôi có thể nói.

“Chị sẽ dạy em,” chị nói một cách vui vẻ. Tất nhiên, Mary chỉ cố làm ra vẻ tốt bụng thôi. Tôi phải thừa nhận rằng cũng có lỗi của tôi một phần trong cái chiều hướng tình cảm bị xấu đi của chúng tôi. Tôi chưa bao giờ nói thẳng với chị rằng cái kiểu thương cảm của chị ta đã làm tôi buồn bực như thế nào. Vì thế tất nhiên chị ta không biết rằng tôi không cần ai an ủi hết. Tôi không cần chăm chút bằng một món ăn nào hết. Lòng tốt là một sự đền bù. Lòng tốt là một cái gì nhắc nhở là đời tôi đã thay đổi. Rằng một người nghĩ là tôi buộc phải chấp nhận tất cả những điều này phải trở nên mạnh mẽ hoặc can đảm hơn hoặc thanh thản nhẹ nhàng hơn. Tôi không muốn những điều ấy. Ngược lại, tôi muốn sống với cùng những mối quan tâm như hầu hết mọi người – lo lắng về chuyện học hành của các con tôi, chứ không phải bản khoán là tôi có ở bên cạnh chúng khi chúng tốt nghiệp không, vui mừng rằng tôi đã sút vài kí lô mà không phải lo sợ rằng các cơ đang bị teo. Tôi muốn một điều đã trở nên không thể được. Tôi muốn quên.

Tôi rất bực mình vì nỗi Doug và người bạn chén chú chén anh với anh ta đã nói về tình trạng bệnh tật của tôi với Mary. Nếu họ đã nói với chị ta điều đó thì họ cũng ắt nói với chị ta điều này, rằng đây là một căn bệnh không thể tiên liệu được. Tôi sẽ giảm đau trong vòng 10 năm, 20 năm, 30 năm hoặc 40 năm. Hoặc có thể là bệnh bất thành linh tiến triển nhanh vào ngày mai, và ngày càng nhanh hơn, nhanh hơn nữa và cuối cùng là tôi phải ngồi trên xe lăn hoặc là một điều gì còn tệ hơn nữa.

Tôi biết Mary nhận ra điều đó, bởi vì tôi thường bắt gặp chị liếc trộm tôi khi chúng tôi đi ngang qua một người tật nguyên. Một lần chị cười một cách gượng gạo khi chị tìm đường vào một bãi đậu xe hóa ra lại là của người tàn tật. “Ôi!” chị ta nói lùi xa thật xa. “Chúng ta không cần điều này.”

Đầu tiên tôi và Phil đã thề là sẽ sống một cuộc đời bình thường bên nhau suốt đời trong khả năng của chúng tôi, “Bình thường như có thể được” – giống như một lời ca vô nghĩa. Nếu tôi bất thành linh bị trượt té vì một món đồ chơi trên sàn, tôi sẽ phải mất 10 phút xin lỗi Tessa vì đã rầy la nó, sau đó thì phải mất thêm một tiếng đồng hồ nữa để tự hỏi xem một người “bình thường” có thể bị té vì một chuyện như vậy không. Một lần khi chúng

tôi đi nghỉ mát ở một bãi biển với mục đích là quên tất cả những chuyện này đi thì trái lại trong tôi chỉ tràn ngập những ý tưởng đen tối. Tôi nhìn những con sóng chạy nhanh ra khỏi bờ, - hỏi Phil rằng không biết liệu đến một ngày nào đó tôi có trở nên bất lực như ngọn rong biển, hay như những con còng trên bãi này không.

Trong khi đó thì Phil đang đọc một cuốn sách giáo khoa cũ của anh, cố tìm một lời giải cho căn bệnh của tôi. Sau đó thì anh cảm thấy thất vọng vì những kiến thức y học của anh không đưa ra được một hiểu biết rõ ràng hơn về một căn bệnh chỉ được miêu tả là “chưa tìm được nguyên nhân”, “biến chuyển rất phức tạp”, “không thể dự đoán được” và “không có biện pháp điều trị đặc biệt”. Anh đã đi dự những hội nghị khoa học về rối loạn thần kinh. Một lần anh cũng đưa tôi đến sinh hoạt với một tổ chức giúp đỡ những người bị bệnh xơ cứng lan tỏa, nhưng chúng tôi quay về ngay khi nhìn thấy những người ngồi trên xe lăn. Anh thực hiện cái gì mà anh gọi là “những kiểm tra an toàn hàng tuần”, kiểm tra phản ứng của tôi, cũng như thăm dò sức căng của bắp chân. Chúng tôi thậm chí còn dọn đến một ngôi nhà có hồ bơi, để tôi có thể luyện tập cơ bắp hằng ngày. Chúng tôi đã không nói toạc ra rằng ngôi nhà thì không có lầu, chỉ có một vài bậc thềm, lối đi thì rất rộng phòng một ngày nào đó có thể nói ra cho một chiếc xe lăn đi qua, nếu cần thiết.

Chúng tôi nói chuyện theo quy ước riêng, như thể chúng tôi thuộc về một giáo phái bí mật, để tìm kiếm một phương pháp chữa trị, hoặc là những triệu chứng mà chúng tôi quan sát được, một lối thoát cho những lo lắng triền miên.

Thực ra chúng tôi học được cách không nói về tương lai, cả những khả năng tồi tệ nhất đến những hi vọng mơ hồ. Chúng tôi không lục tìm trong quá khứ về một loại virus hay mẫu gien di truyền nào gây nên bệnh cho tôi. Chúng tôi chỉ quan tâm đến ngày hôm nay, những chiến công nho nhỏ trong cuộc sống bừa bộn, những chuyện bực mình lật vật – tập cho Tessa thói quen vệ sinh cá nhân, phát hiện ra sai sót trong biên lai tính tiền, tìm ra nguyên nhân tại sao xe hơi của chúng tôi lại kêu xình xịch một cách yếu ớt khi chúng tôi vào số 3. Những chuyện như vậy trở thành vấn đề thông thường của chúng tôi, những thứ mà chúng tôi có thể tách ra và kiểm soát được, một cuộc sống có những bước chuyển khôn lường.

Vì thế tôi không thể đổ lỗi cho Phil khi anh làm bộ như mọi chuyện vẫn bình thường. Tôi cần điều đó hơn anh. Bây giờ tôi không thể nói với anh điều mà tôi thật sự cảm thấy, nó là cái gì. Tất cả những gì mà tôi biết là tôi thức dậy mỗi buổi sáng trong nỗi kinh hoàng sợ rằng có một điều gì đó xảy ra trong giấc ngủ. Đây là những ngày tôi bị ám ảnh rằng nếu như tôi chỉ bị mất một nút áo thì tôi nghĩ rằng cuộc đời của tôi sẽ không thể bình thường được cho đến khi tôi tìm thấy nó. Đây là những ngày tôi nghĩ Phil là người không biết điều nhất trên đời, chỉ bởi vì anh quên mua một món trong danh sách hàng đi chợ. Đây là những ngày tôi sắp xếp ngăn kéo đồ lót của mình theo màu, như thể nó có thể mang đến một sự thay đổi nào đó. Đây là những ngày tồi tệ.

Trong những ngày sung sướng tôi nhớ rằng tôi là một người may mắn, may mắn theo tiêu chuẩn mới. Trong vòng bảy năm qua, tôi chỉ có một cơn bộc phát ghê gớm, điều này giờ đây có nghĩa là tôi dễ dàng mất quân bình, đặc biệt là khi tôi bức tức hay vội vã. Nhưng tôi vẫn đi được. Tôi vẫn mang rác đi đổ. Thỉnh thoảng tôi vẫn có thể quên bệnh tật trong một vài giờ, hoặc có thể là trong cả một ngày. Tất nhiên, cái điều tệ hại nhất là tôi còn có thể nhớ lại – thường là bằng những cách không ngờ nhất – rằng tôi đang sống trên một mảnh đất bị nguyên rủa gọi là sự thú tội.

Sự thăng bằng mong manh ấy bao giờ cũng bị đe dọa vượt ra khỏi mức của nó mỗi khi tôi gặp mẹ. Bởi vì đó là lúc tôi phải đối diện với một điều khó khăn nhất: tôi mắc một căn bệnh khủng khiếp và tôi còn chưa nói cho bà biết.

Tôi cũng muốn nói với mẹ tôi. Một vài lần tôi đã có kế hoạch hản hoi. Khi bệnh tôi mới được chuẩn đoán, tôi nói “Mẹ à, mẹ cũng biết là con có vấn đề rắc rối chút xíu ở chân, như con đã nói cho mẹ biết đấy. Vâng, ờn Chúa, nó không phải là bệnh ung thư nhưng...”

Lập tức là bà kể cho tôi nghe về một khách hàng của bà vừa mới chết vì bệnh ung thư, rằng ông ta phải đau đớn ra sao và trong đám ma của ông có bao nhiêu vòng hoa. “Rất lâu trước đó, mẹ nhìn thấy một vết trên mặt ông ta” bà kể. “Mẹ bảo ông ấy đi khám bác sĩ đi. Chẳng có vấn đề gì, ông ấy

nói, dấu vết của tuổi tác ấy mà – chẳng thể làm gì được với nó hết!” Rồi bà nghiêm khắc cảnh cáo tôi. “Đó là lí do tại sao con phải cẩn thận.”

Sau khi sinh Cleo, không muốn có thêm rắc rối về phần tôi hay bà, tôi lại bắt đầu nói về chuyện này. Nhưng mẹ đã ngắt lời tôi, lần này thì than vãn là ba tôi đã không sống được đến lúc này để nhìn con cháu khôn lớn. Sau đó bà sa vào màn độc thoại không có lời kết về việc cha tôi đã phải chịu những đau khổ mà ông không đáng phải chịu.

Ba tôi chết vì bệnh ung thư bao tử khi tôi 14 tuổi. Bao năm qua mẹ tôi vẫn không thôi tự hỏi về nguyên nhân của nó, cứ như là bà vẫn kịp sửa lại cái tai họa này nếu như bà tìm được nguyên nhân lúc bệnh mới phát.

“Ông ấy là người tốt như thế,” mẹ tôi ngâm ngùi. “Cớ làm sao mà ông ấy lại chết thảm như vậy”. Thỉnh thoảng bà cũng cho đó là ý của Chúa để lí giải nguyên do của mọi việc, nhiều khi bà có một ý khác. Bà nói rằng đó là tại vì cha tôi là mục sư. “Ông ấy lắng nghe mọi vấn đề rắc rối của người khác”, bà nói. “Ông ấy vận vào mình cho đến khi chúng làm ông ấy phát bệnh. Ôi giờ. *Ứng hài* phải tìm cho ông ấy một công việc khác.

*Ứng hài* là điều mà mẹ tôi luôn nói khi bà ngụ ý *lí ra tôi phải*. *Ứng hài* là mẹ tôi phải thay đổi bàn tay của số phận, mẹ tôi lẽ ra phải ngăn ngừa được tai họa. Với tôi, *Ứng hài* có nghĩa là mẹ tôi sống cả một đời với những nỗi tiếc không bao giờ nguôi với thời gian.

Những tiếc nuối này càng lớn hơn khi bà tìm thấy nhiều lí do hơn trong cái chết của cha tôi. Một lần bà nói lên quan điểm của bà về những nguyên nhân do môi trường chung quanh – rằng người thợ điện đang bị bệnh vào cái lúc ông ta mắc lại dây điện trong bếp nhà tôi. “Ông ta đã truyền bệnh thẳng ngay vào mái nhà của chúng ta,” bà tuyên bố.

“Đúng như thế. Mẹ mới phát hiện ra là người thợ điện này cũng chết vì ung thư. *Ứng hài* đã bắt đi một người khác”.

Cũng chính là do sự mê tín này mà tôi đã đi đến chỗ nghĩ về cái thuyết 9 điềm gở của bà. Bà nói rằng một lần bà đã nghe nói là một người sẽ phải chết nếu trước đó có tám điều xấu xảy ra. Nếu bạn không nhận ra trước tám



điều đó và ngăn chặn lại thì cái điều thứ 9 sẽ là đòn chung cuộc. Sau đó bà đã đi tìm tám điều xấu đã xảy ra và có sao bà không đủ khôn ngoan để phát hiện ra chúng đúng lúc.

Cho đến hôm nay chuyện này đã làm tôi phát điên lên – cứ phải nghe mãi những giả thuyết khác nhau của bà; về tôn giáo, về thuốc men, và những điều dị đoan nổi cộm lên trong tín ngưỡng của bà. Bà chẳng đặt mảy may lòng tin nào vào logic của người khác, đối với bà logic là cái có lấu cá về những thảm kịch, nhằm lẫn và tai họa. Theo như mẹ tôi thì chẳng có điều gì là bất ngờ cả. Bà thích quan điểm Freud của người Trung Hoa hoặc là một cái gì còn tệ hơn nữa. Mọi thứ đều có lí do. Mọi thứ đều có thể ngăn chặn được. Ví dụ lần cuối cùng tôi ở nhà bà, tôi cụng đầu vào khung ảnh của cha tôi và làm bể khung kính. Mẹ tôi nhặt những mảnh kính lên, rên rỉ. “Sao mà chuyện này lại xảy ra cơ chứ?” Đầu tiên tôi cho đó là câu hỏi khoa trương ngớ ngẩn, nhưng sau đó bà lại nói với tôi, “Con có biết tại sao không?” Tôi đáp, “Dào ơi, đó là một việc không may mà. Cùi chỏ của con va phải nó.” Và tất nhiên câu hỏi của bà làm tôi phải suy nghĩ căng thẳng, phải chăng đó là dấu hiệu bệnh tình của tôi trầm trọng hơn.

“Tại sao lại là ảnh cha con chứ?” bà lẩm bẩm một mình.

Vì thế mà tôi không bao giờ nói với mẹ tôi về vấn đề của mình. Trước hết tôi không muốn nghe cái lí thuyết của bà về bệnh tật của tôi, nguyên nhân của nó, rằng tại sao bà lại không làm điều này điều kia để ngăn chặn lại. Tôi không muốn bà nhắc nhở tôi về điều đó.

Bây giờ thì bao nhiêu thời gian đã trôi qua rồi, cái sự thật là tôi vẫn chưa hé miệng với bà về căn bệnh làm cho nó sẽ mười lần nghiêm trọng hơn. Tôi sẽ luôn luôn bị đay nghiến mỗi khi tôi gặp bà, hay mỗi khi nghe bà nói.

Mary biết điều này và đó là lí do tại sao tôi lại tức điên lên – đó không phải vì chị ta đã xía vào chuyện bệnh tật của tôi. Tôi phát điên lên bởi vì chị ta đã nói với dì Helen về bệnh tật của tôi.

“Chị phải nói với bà” chị ta giải thích với tôi một cách suồng sã. “Bà bao giờ cũng nhắc nhở chị bảo Pearl về thăm mẹ nó thường xuyên hơn, chỉ một giờ lái xe thôi. Nói với Pearl là nó nên mời mẹ nó đến sống chung với

nó, mẹ nó sẽ đỡ cô đơn hơn. Cuối cùng chị phải nói với bà là không thể bảo em những điều này. Rồi bà hỏi là tại sao.” Mary nhún vai nói tiếp. “Em biết tính mẹ chị. Chị không thể nói dối bà. Tất nhiên là chị đã buộc bà phải hứa là sẽ không nói điều này với mẹ em, rằng em sẽ tự nói ra.”

“Em có thể lái xe,” tôi bảo Mary, “và đây không phải lí do tại sao em không mời mẹ em đến sống với chúng em?” Sau đó tôi lườm chị ta. “Tại sao chị lại làm như thế?”

“Bà ấy sẽ không nói gì đâu”. Mary nói, “chị đã bắt mẹ chị hứa rồi.” Sau đó chị ta nói thêm hơi có vẻ thách thức. “Dù sao thì em cũng phải nói với mẹ em từ lâu rồi mới phải.”

Mary và tôi đã không cãi cọ nhau về điều này, nhưng quan hệ của chúng tôi lạnh nhạt dần từ đó. Chị ta chắc chắn là phải biết được cái điều tệ hại nhất mà chị ta có thể sẽ gây ra cho tôi. Chị ta đã một lần làm thế chín năm về trước, khi tôi thổ lộ với chị rằng tôi đang mang thai. Tôi bị sảy thai trong lần có bầu đầu tiên và mẹ tôi cứ lải nhải mãi về chuyện nào là tôi uống bao nhiêu cà phê, rồi sao mà tôi lại chạy bộ như thế, rồi đáng lí Phil phải quan tâm nhiều hơn đến việc ăn uống của tôi. Vì thế khi tôi có thai lần thứ hai tôi quyết định để cho chắc ăn đến tháng thứ 4, thứ 5 mới nói cho mẹ tôi biết. Nhưng vào tháng thứ 3 tôi đã mắc một sai lầm khi cho Mary biết. Rồi Mary tiết lộ cái tin này cho dì Helen, người không trực tiếp nói điều ấy với mẹ tôi. Nhưng khi mẹ tôi tự hào khoe với nhà Công là tôi đang có bầu thì dì Helen lập tức chỉ cho mẹ tôi chiếc áo len nhỏ màu vàng mà bà đang đan cho đứa nhỏ trong bụng tôi.

Thế là tôi bị ngập trong những lời ca thán của mẹ tôi về chuyện này ngay cả sau khi Tessa đã ra đời. “Tại sao con có thể nói với nhà Công mà không phải là với mẹ đẻ ra mình chứ?”, bà không ngừng trách móc. Khi bà không thể nuốt trôi được chuyện này và trở nên thực sự bức tức, bà kết tội tôi đã biến bà thành ngớ ngẩn. “Hừm! Dì Helen giả vờ hết sức ngây thơ và hết sức ngạc nhiên.” “Ôi, tôi không đan áo len này cho con của Pearl đâu. Chỉ là trùng hợp thôi mà.”

Cho đến nay, dì Helen vẫn giữ kín mồm miệng về căn bệnh của tôi. Nhưng mà nó làm cho bà đối xử với tôi như một con bệnh thật sự. Khi tôi

tới nhà bà, bà sẽ cẩn thận bảo tôi ngồi vào đúng chỗ, trong khi bà đi tìm một cái gối để cho tôi lót lưng. Bà sẽ miết lòng bàn tay của bà trên cánh tay tôi, hỏi tôi cảm thấy thế nào, nói với tôi rằng bà bao giờ cũng coi tôi như con gái. Rồi bà thở dài náo ruột và tiết lộ một vài tin buồn như là một cách ngầm hiểu rằng bà đã biết về bệnh tình của tôi.

“Câu Henry đáng thương của con tháng trước cũng suýt đi đấy chứ. Bao nhiêu tiền đổ ra đấy. Ai mà biết chuyện gì xảy ra? Đừng nói với mẹ con nhé. Dì không muốn bà ấy phải lo lắng.”

Đến lượt tôi lại phải lo lắng rằng dì Helen sẽ cho rằng sự thú nhận nhỏ của bà sẽ là một kiểu đền bù nào đó do đó bà có quyền tỉ tê với mẹ tôi: “Ôi Winnie à, tôi nghĩ là chị đã biết về nỗi đau của con gái chị.”

Còn tôi thì sợ muốn chết rằng một ngày nào đó mẹ sẽ gọi cho tôi và hỏi tôi tới tấp hàng trăm câu hỏi. “Tại sao dì Helen biết? Tại sao con không nói cho mẹ biết để mẹ ngăn chặn điều đó?”

Vậy thì tôi có thể làm gì đây?

Trong bữa tiệc, chúng tôi ngồi ở “mâm trẻ con”, chỉ có điều “trẻ con” bây giờ đã 30, 40 tuổi. Những đứa trẻ con thực sự - Tessa và Cleo – thì ngồi với mẹ tôi.

Tối nay, Phil là người độc nhất không phải là người Hoa, mặc dù đây không phải là trường hợp duy nhất trong họ chúng tôi trong bảy năm qua. Hai người vợ trước của Bảo Bảo là người mà dì Helen gọi là “người Mỹ” như một ám chỉ về chủng tộc. Bà mê mẩn cả người với cái việc vợ chưa cưới của Bảo Bảo, một cô gái tên là Mimi Wong không những người Hoa thuần chủng mà còn xuất thân từ một gia đình giàu có sở hữu ba công ty du lịch.

“Nó giống người Nhật,” mẹ tôi nói trong lần gặp đầu tiên với Mimi. Tôi không hiểu sao mẹ tôi lại nói thế. Theo tôi thì cô ta trông rất quái dị, cũng như rất trẻ con. Tôi đoán là cô ta chỉ 20 tuổi dù là mái tóc nhuộm màu cam và cái mũi sửa làm cho cô càng trẻ hơn. Tôi nghe đâu cô là thợ thực tập cắt

tóc ở một tiệm tẽm là Oliphant. Mẹ tôi thì nghe nói rằng Mimi chỉ làm nhiệm vụ gội đầu và quét dọn thôi.

Bảo Bảo đã thay đổi hình dạng bên ngoài từ lần chúng tôi gặp nhau mới đây. Tóc hắnh chải ngược ra phía sau với dầu bóng. Hắnh mặc một chiếc áo pull đen bên trong bộ đồ giả da cá voi lóng lánh. Mỗi một lần hắnh giới thiệu Mimi với thực khách tôi lại cho phép mình liếc nhìn cái mũi làm lại của cô ta. Tôi tự hỏi không biết cô sẽ ra sao khi bị sổ mũi.

“Bà chị họ yêu quý của em thế nào?” Bảo Bảo nói với tôi từ phía bên kia bàn, gấp cho tôi một miếng bò bít tết và nâng li sâm banh lên. “Đẹp không. Em thích mái tóc này, ngắn và dễ thương. Mimi, em nghĩ thế nào về kiểu tóc của Pearl? Dễ thương hả?” Bảo Bảo có biệt tài trong việc đưa đây những câu chuyện giữa đám đông. Đôi khi tôi tự hỏi tôi có quý hắnh hơn không nếu tôi không biết về hắnh rõ như vậy.

“Chào ông anh Phil,” Bảo Bảo gọi, rót thêm champagne. “Em thấy là anh lên vài kí đấy. Cuộc sống dễ chịu hả. Có lẽ là anh đã sẵn sàng mua dàn âm thanh mới mà em đã nói với anh ấy. Thêm vài đồng mà âm thanh thì khỏi chê.” Bảo Bảo bán đài và tivi ở tiệm “Những chàng trai tử tế”, hắnh rất giỏi trong việc thuyết phục mọi người là tai mắt của họ đủ tinh tế để thấy được sự khác nhay giữa một dàn hifi chuẩn và việc nâng cấp nó lên với giá \$500. Phil đã có lần nói rằng nếu Bảo Bảo có cơ hội kiểm chác thì hắnh dám bán cả kinh thánh cho dân Hồi giáo lắm.

Đằng sau bàn của chúng tôi là bàn “người lớn”, có một ông tên là Lôi Phong – “cậu Lôi”. Ông quay lại nâng li bằng plastic chứa rượu chúc mừng. “Thật là tiện cho Mimi”, ông nói, “ Cô ấy chỉ cần thêm chữ K vào tên của mình là có được một ông chồng. Wong thành Kwong (Công), phải không?” Ông phá lên cười to hơn ai hết, thưởng thức câu nói đùa của mình, sau đó ông quay lại bàn mình lặp lại chính câu đùa ấy với người khác. Ngồi cạnh ông là bà vợ Edna. Những người này cùng đi chung một nhà thờ trong nhiều năm, nhưng họ lại không thực sự thân thiết với nhà Công hoặc gia đình tôi. Tôi nghĩ hai vợ chồng này được mời bởi vì Edna Phong là người có trách nhiệm mua hoa trong thánh đường, và bà luôn mua hoa ở Đình Hồ, tất nhiên là được hưởng hoa hồng 20%.

Dì Helen ngồi cùng một bàn với vợ chồng cậu Lôi. Trong dịp long trọng này, dì mặc một chiếc áo dài kiểu Tàu bằng satin màu hồng non, quá chật so với tấm thân đầy đà nên tạo thành những nếp gấp chung quanh cái bụng ngấn mỡ. Mỗi lần dì vươn tay ra rót trà, cái áo căng lên ở dưới nách và tôi lo rằng đường chỉ sẽ bục ra mất. Mái tóc mỏng tang của bà được làm dợn sóng với một nỗ lực làm cho nó trông dày hơn, nhưng trái lại làm trở cả sợ.

Mẹ tôi ngồi đối diện với dì Helen. Bà mặc một cái áo mới màu xanh mà bà tự may lấy, thực ra bà tự thiết kế lấy không dựa theo mẫu nào hết. Chiếc váy đơn giản hình chữ A với ống tay áo rộng của hoàng hậu. Nó làm cho thân hình bé nhỏ của mẹ tôi trông càng mỏng mảnh hơn.

“Hàng lụa đẹp làm sao chứ,” Edna Phong nói với bà.

“Hàng polyester,” mẹ tôi tự hào nói. “Giặt bằng máy được nhé.” Cleo tụt khỏi ghế của nó ngồi lên lòng bà, “Ha-bu,” nó nói, “con muốn ăn bằng đĩa”.

Mẹ tôi đẩy vào cái khay tròn lớn xoay giữa bàn, nhúng đĩa của bà vào món ăn ưa thích. “Đây là cá đông,” mẹ tôi giải thích, gấp một miếng cá rung rinh đưa lại trước mặt Cleo. Tôi ngấm nhìn con gái tôi há miệng thật to như con chim non để mẹ tôi bón miếng cá vào miệng nó.

“Coi này, con thích ăn đây!” mẹ tôi kêu lên khi Cleo nhai tóp tép mỉm cười.

“Khi mẹ con còn bé, mẹ con nói là ăn nó như ăn miếng cao su vậy.”

“Đừng nói thế với con”, bất thành linh Cleo ré lên sau đó thì khóc nức nở, một nửa miếng cá nhai dở rớt ra khỏi cái miệng mếu máo của nó.

“Nín đi, nín đi con,” dì Helen kêu lên với nó từ phía bên kia bàn. “Xem này con, có miếng thịt bò thơm lắm nè. Con ăn nhé, giống như bánh mì hamburger của Mc Donald đó. Ăn đi.” Và Cleo vẫn còn thẫn thức, há miệng ra đón lấy miếng thịt bò, nuốt lấy nuốt để. Mẹ tôi mím chặt miệng mắt nhìn đi chỗ khác.

Tôi cảm thấy buồn cho mẹ, vì bà đã bị thất bại với kỉ niệm của mình về sự thích thú hồi bé của tôi với bất cái gì dai như cao su. Tôi nghĩ đến khả năng một đứa trẻ làm tổn thương mẹ nó bằng những cách mà nó không bao giờ hình dung được. Buổi tối hôm đó trở nên tệ hại hơn là tôi nghĩ nữa. Suốt trong bữa tiệc tôi quan sát mẹ tôi và dì Helen căng thẳng với nhau. Họ cãi nhau bằng tiếng Hoa về nôi hoặc là thịt heo mặn quá hoặc là thịt gà nấu kĩ quá, rồi là món “Gia đình hạnh phúc” dùng quá nhiều nước hầm hạt để làm mở miệng sò. Tôi để ý thấy Phil cố hết sức để nói chuyện một cách lịch sự với cậu em họ Frank, người hút thuốc lá liên tục, một điều mà Phil ghét tệ ghét hại. Tôi nhận thấy những gia đình đã đi lại với nhau bao năm qua cũng chẳng thật tình chút nào trong câu chúc cô dâu chú rể bách niên giai lão vì họ biết tổng rằng đôi này sẽ li hôn trong vòng hai năm. Tôi cười gượng gạo, lắng nghe Doug và Mary tán chuyện với tôi như thể chúng tôi vẫn là những người bạn thân nhất.

Chủ yếu là tôi nhìn mẹ tôi ngồi ở bàn bên cạnh, tôi cảm thấy mình cũng cô đơn như là tôi nghĩ như vậy về bà. Tôi nghĩ đến cái khoảng cách xa tít tắp đã ngăn cách chúng tôi khiến cho mẹ con tôi không có khả năng chia sẻ với nhau những vấn đề quan trọng nhất trong đời. Làm sao mà chuyện đó lại xảy ra được nhỉ?

Và bất thành linh tất cả mọi thứ - những bình hoa đặt trên bàn ăn bằng plastic, kí ức của mẹ về thời thơ ấu của tôi, các mối quan hệ gia đình, tất cả đều là một sự vờ vạy vừa buồn bã vừa chân thật, tất cả những điệu bộ vô nghĩa này, những sự hiểu lầm cũ rích này, những bí mật đau buồn này, tại sao chúng tôi lại giữ chúng? Tôi cảm thấy ngạt thở, tôi muốn bỏ chạy.

Một bàn tay vỗ vào vai tôi. Đó là dì Helen.

“Có mệt quá không?” Dì thì thầm hỏi. Tôi lắc đầu.

“Thế thì hãy giúp dì cắt bánh nhé. Nếu không thì dì lại phải trả thêm tiền cho nhà hàng thôi.” Và tất nhiên tôi tự hỏi bí mật nào bà sắp thổ lộ đây.

Trong bếp, dì Helen cắt một cái bánh kem trắng phau ra thành từng miếng vuông nhỏ và đặt lên những đĩa giấy. Dì liếm những ngón tay còn dính kem, nhét trái dâu rơi ra vào đúng vị trí của nó.

“Bánh ngon nhất ở San Chee Bakery trên đường Clement đấy. Cháu biết chỗ này không?”

Tôi vừa lắc đầu, vừa đặt muống vào từng chiếc đĩa nhựa.

“Vậy thì có thể cháu biết một điều gì khác chứ,” dì nói với vẻ nghiêm nghị. Dì ngừng cắt bánh, nhìn tôi, đợi một câu trả lời. Tôi ngạc nhiên vì sự thay đổi trong giọng nói của bà vì quả tình tôi chẳng hiểu bà đang nói gì cả.

“Chẳng sao,” bà nói cụt lủn, rồi tiếp tục cắt bánh. “Dì biết rồi.”

Và trong lúc đứng ở trong bếp, bà nói cho tôi biết là bà phải đi khám bệnh hai tháng trước đây. Một ngày trời mưa bà té ở bậc thềm trước nhà, đầu đập vào hàng rào. Mẹ tôi lúc đó đang ở đây vội đưa bà vào bệnh viện. Họ chụp X.quang: không gãy xương, không bị chấn thương sọ não, không giống như bà dì Du, thật may mắn cho bà quá. Nhưng người ta tìm thấy một điểm đen trên sọ, lại có nhiều xét nghiệm nữa.

Tôi há hốc mồm nghe, còn dì Helen thì nhanh chóng tiếp lời. “Tất nhiên, các bác sĩ làm nhiều xét nghiệm sau đó để kiểm tra. Họ bảo dì rằng đó là một khối u “lạnh tính”. Bà nói từ này như thể bà đang xướng lên câu 9B trong một phòng chơi bingo. “Họ nói không có vấn đề gì. Không cần mổ.”

Tôi thở dài, trong khi bà vẫn tiếp tục. “Mẹ con nói chị may mắn quá, không có gì đáng ngại. Các con dì, dượng Henry, tất cả đều nói như vậy, bây giờ dì sẽ sống lâu trăm tuổi. Nhưng mà cháu nghĩ là họ thực sự nghĩ gì?”

Tôi lắc đầu.

“Cháu xem đây. Tại sao Bảo Bảo bất thành linh tuyên bố là nó sẽ lấy vợ? Sao Mary lại bay đến đây mang theo cả gia đình nó? Và Frank nữa, nó cắt tóc trước khi dì yêu cầu đến lần thứ hai.” Dì mỉm cười. “Rồi cả mẹ con nữa. Hôm nay bà ấy đến cửa hàng nói: về đi về đi, chị quá bận rộn với bữa tiệc của con trai rồi. Để tôi làm vòng hoa cho. Tại sao con lại lắc đầu? Điều đó

đúng mà.” Khuôn mặt bà trở nên nghiêm trọng hơn. “Dì tự hỏi, sao lại có sự thay đổi lớn thế này, tại sao mọi người trở nên rất dễ thương đối với tôi như thế? Tại sao lại đột ngột như thế? Con cái dì trở nên kính trọng dì hơn, tại sao nào? Chúng đến để gặp dì, để làm gì nào? Mary lại gọi dì là mẹ yêu... Mẹ con thì giành làm tất cả mọi chuyện. Con biết tại sao không? Họ biết đây, tất cả bọn họ biết là dì sắp chết. Họ không nói, nhưng dì nghĩ là cũng chẳng lâu đâu.” Tôi đặt những cái đĩa vào. “Ôi dì ơi. Con chắc là không có chuyện gì đâu. Nếu họ nói là u lành thì có nghĩa là...”

Dì Helen giơ tay lên. “Không cần phải vờ vịt làm gì. Dì không sợ gì đâu. Dì đâu còn trẻ trung, sắp 73 tuổi rồi còn gì”.

“Con không giả vờ”, tôi cự lại. “Dì sẽ không chết đâu”.

“Ai cũng giữ kín điều này, được thôi. Họ muốn tỏ ra tử tế với dì trước khi dì chết, được thôi. Dì cũng sẽ giả vờ như dì chẳng biết gì.”

Tôi trở mắt nhìn vì bối rối. Tôi không biết là dì bệnh thật hay chỉ nghĩ những điều tệ hại về ý định tốt đẹp của con cháu. Dù sao nó cũng làm tôi thấy kì lạ việc dì nói về sự thay đổi thái độ đột ngột của mọi người. Có vẻ như nhà Công có một bí mật mà họ giả vờ là không ai biết gì.

“Đừng lo cho dì,” bà nói, đập vào tay tôi. “Dì không cho con biết để làm con lo lắng. Dì chỉ nói để cho con hiểu tại sao dì sẽ không giữ bí mật của con nữa.”

“Bí mật nào ạ?”

Dì thở dài thườn thượt “Pearl à, đó là một gánh nặng đối với dì, đôi vai dì, trái tim dì nặng trĩu vì mẹ con đã không biết điều đó. Làm sao dì có thể bước vào thiên đường khi gánh nặng này chưa được cất đi? Không, con phải nói với mẹ con, Pearl à. Bảo với bà về bệnh của con đi.” Tôi quá sợ sệt để có thể cất tiếng cười hoặc sửa sai cho bà. “Đó là một việc làm đúng đắn,” dì Helen nói với vẻ thuyết phục. “Nếu con không nói được, để dì tự nói cho – trước tết Âm lịch.” Dì nhìn tôi với vẻ mặt nghiêm nghị.

Còn bây giờ tôi muốn lay tỉnh bà, bảo bà thôi cái trò này đi.



“Dì Helen, dì biết là con không thể nói điều đó với mẹ con được. Dì biết mẹ con thế nào mà.”

“Tất nhiên rồi,” dì nói. “Dì biết mẹ con đã 50 năm rồi, đó là lí do dì biết là đã đến lúc phải nói với bà ấy.”

“Tại sao con phải nói với mẹ con lúc này? Mẹ con sẽ chỉ giận dữ là chúng ta đã giấu bà sự thật bấy lâu nay”.

Dì cau mày. “Con chỉ quan tâm đến việc mẹ con giận dữ với con sao? Chà chà! Con ích kỉ quá.” “Không, không phải thế, con muốn nói rằng chẳng có lí do gì để nói với mẹ con lúc này.”

“Con nghĩ rằng con có thể giấu điều này đến khi bà chết sao? Có thể bà ấy sống đến 100 tuổi. Lúc ấy con làm sao?”

“Không phải vậy, con chỉ không muốn mẹ con lo lắng”.

“Mẹ con có quyền được lo lắng,” dì Helen nói, “bà ấy là mẹ con mà”.

“Nhưng mẹ con không cần phải lo lắng vì một điều không có gì nghiêm trọng.”

“Đó là lí do tại sao con phải nói với bà ấy lúc này, sẽ không có vấn đề gì phức tạp sau này.”

“Nhưng mẹ con sẽ ngạc nhiên tại sao chúng ta lại giữ bí mật với bà. Mẹ con sẽ nghĩ là nó còn tồi tệ hơn nữa.”

“Có thể bà ấy cũng có những bí mật.” Bà mỉm cười sau đó cười lên thành tiếng như đó là một trò đùa riêng tư. “Mẹ con, ồ phải có nhiều bí mật lắm!”

Tôi có cảm tưởng như tôi đang sống trong một cơn ác mộng, cãi nhau với một người không hề nghe tôi. Có thể dì Helen đúng, dì có một cái bấu ở trong não. Có thể là nó đã ăn hết đầu óc của dì và dì đã phát điên lên.

“Thôi được”, cuối cùng tôi nói. “Nhưng dì không phải là người nói với mẹ con điều đó. Con sẽ nói.”

Dì Helen nhìn tôi ngờ vực. “Con hứa thế chứ?” “Con hứa,” tôi thì thầm, thậm chí tôi đã không biết là tôi đã nói dối. Bà xoa xoa vai tôi, sờ chiếc áo len xanh của tôi. “Màu này hợp với con lắm Pearl à. Thôi không nói chuyện nữa. Ta ra ngoài đi.” Dì cầm lấy cái khay bánh.

“Con mang được mà,” tôi nói cụt lủn, dì Helen do dự, sẵn sàng tranh luận. Rồi có lẽ nghĩ đến bệnh của dì, dì để tôi mang khay.

Sau bữa tối, chúng tôi quay lại nhà mẹ tôi. Hai con gái tôi hết cười đùa lại đánh nhau, khóc lóc rồi cuối cùng lăn ra ngủ. Tôi nghĩ đến việc hỏi mẹ tôi về cái “não” của dì Helen nhưng rồi tôi quyết định không phải là lúc hỏi về một chủ đề có thể dẫn đến những chủ đề khác. Tôi kiệt sức và sau khi uống trà, cà phê hòa tan và nước cam với mẹ tôi, tôi đứng dậy ngáp. “Con đi ngủ đây,” tôi nói. Phil hôn mẹ tôi chúc ngủ ngon, mẹ tôi đón nhận cái hôn với một cái má ngẩng lên cứng ngắc, cuối cùng thì chúng tôi cũng trốn được về phòng.

“Con có mang bàn chải đánh răng không?” Mẹ tôi kêu lên bên ngoài cánh cửa đóng kín của chúng tôi. “Đã đánh răng chưa?”

“Rồi ạ,” Phil kêu lớn. “Chúng con đang đánh răng.”

“Có đủ khăn không, có đủ khăn không?”

“Nhiều lắm ạ,” anh la lên và tắt điện, im lặng được 5 giây.

“Có lạnh quá không? Lò sưởi có thể bị tắt đấy.” “Mẹ ơi, chúng con ổn mà,” tôi nói với một chút bực mình. Sau đó tôi nói thêm, lần này nhẹ nhàng hơn. “Mẹ đừng lo, mẹ đi ngủ đi.”

Tôi nín thở. Chỉ còn im lặng và cuối cùng, tôi nghe tiếng dép của bà nhẹ dần trên lối đi, mỗi một tiếng động nhẹ nhàng lại làm lòng tôi tan nát.

## 2. ĐÁM TANG BÀ DÌ DU

Mẹ tôi ra khỏi nhà từ hai tiếng trước với dì Helen để họ có thể chăm lo mọi việc cho đám ma. Bây giờ thì tôi và Phil sẽ đến đám ma bà dì trễ vì một vụ cãi nhau giữa Tessa và Cleo, kết quả là những quả trứng dễ dàng chọi trúng cái áo đẹp và chiếc cà vạt duy nhất của Phil. Khi chúng tôi tìm địa điểm trên đường Clement, Phil gợi ý rằng chúng tôi không nên mang bọn trẻ đến đám ma, “Chúng có thể làm mất trật tự,” anh nói, “và chúng cũng chẳng thích một người chết đâu”.

Tessa cười nhả nhở nói một giọng như hát, “Ba đang nói một từ xấu nha.”

“Có thể anh với chúng sẽ đợi em ở ngoài xe.” “Bọn chúng sẽ ổn thôi,” tôi trấn an anh. “Em đã hỏi mẹ cái quan tài có đầy nắp không, mẹ nói là có. Và em cũng đã giải thích với bọn trẻ cũng như hồi chúng ta đến dự đám cưới Steve và Joane - chúng lớn rồi mà. Phải thế không các con?” “Chúng con sẽ có bánh phải không?” Cleo hỏi.

“Thôi được”, Phil nói, “nhưng sau khi liệm hãy kiểm một cái có để về nhà ngay”. “Tất nhiên rồi.”

Hai giờ 20 phút, bốn chúng tôi đi vào nhà tang lễ. Cậu em họ Frank đưa cho chúng tôi băng tang đeo ở tay. Khi choàng nó vào cánh tay, tôi cảm thấy có phần nào ngượng ngập với vật biểu tượng cho nỗi đau mất mát này. Bây giờ tôi nhận ra là tôi chẳng biết gì về bà dì này ngoài cái việc người bà bao giờ cũng có mùi băng phiến, bà luôn ép tôi ăn mấy cái kẹo của người Hoa, hay bò khô tẩm đường lấy từ trong những cái hộp cũ kĩ, bản thủ đặt trên nóc tủ lạnh.

Bảo Bảo cũng đứng ở đây để chào đón chúng tôi, với nụ cười ngoác đến mang tai. “Chào mọi người, rất mừng khi cuối cùng anh chị cũng đã tới,”

rồi đưa cho chúng tôi mỗi người một cái kẹo và một phong giấy đỏ đựng tiền may mắn.

“Chúng ta làm gì với những thứ này?” Phil thì thầm. “Đưa cho bà dì Du hả?” Anh mở một góc phong bì đựng tiền may mắn ra.

“Làm sao em biết được?” Tôi thì thảo với anh. “Em chưa bao giờ dự một đám tang Phật giáo, hay một cái gì tương tự cả.” “Mẹ em nói những thứ này để giải những xúi quẩy mà anh chị có thể bị khi đi đám ma.” Bảo Bảo nói, “Anh chị còn kẹo để gắp may mắn. Rồi lại mua được may mắn nữa với số tiền này.”

“Con sẽ ăn kẹo của con ngay,” Tessa tuyên bố.

Cleo đưa kẹo của nó cho tôi bóc, “Mẹ, con nữa, con nữa.”

Phil giở phong bao của anh, “Nói xem, nếu anh dùng tiền này mua kẹo cao su, thì vận may của anh có kéo dài hơn không?” Chúng tôi bước lại chỗ quan tài. Đột nhiên ánh đèn chiếu vào làm chúng tôi lóa mắt. Và Cleo - sửa sang lại đầu tóc và cúi chào như một ngôi sao điện ảnh. Tôi không tin vào mắt mình: Dượng Henry đứng ở giữa lối đi đang quay video đám ma! Ai là người coi những thước phim này?

Mặc dù lóa mắt vì ánh đèn, tôi vẫn có thể nhìn thấy mẹ tôi. Bà ra dấu cho chúng tôi đến ngồi với bà ở dãy thứ hai. Phil dắt bọn trẻ con, trong khi máy vẫn tiếp tục quay. Chúng tôi bước thật lẹ trên lối đi, đi qua hàng chục người trong nhà tang lễ - Mary, Doug và bọn trẻ, một vài người đi chung nhà thờ, tất cả đều là người Hoa. Tôi nhìn thấy mấy bà già mà tôi chưa từng gặp bao giờ. Trông họ như những người mới nhập cư nếu căn cứ vào những mái tóc không nhuộm, ngắn ngắn và những cái áo bông trần lố thời màu nâu.

Khi chúng tôi vào đến chỗ ngồi, dì Helen quay xuống từ hàng ghế trước. Bà nắm chặt tay tôi và tôi nhìn xuống những giọt lệ trong mắt bà, trong khi mắt mẹ tôi vẫn vẫn ráo hoảnh, “Sao tới trễ vậy các con. Dì bảo họ đợi cho đến khi các con đến.”

Bất thành linh Cleo cười như nắc nẻ, chỉ trỏ. “Ba ơi, có một bà nằm kia kìa. Còn bữa cơm của bà ấy thì bốc cháy.” Tessa cũng nhìn chăm chăm, duy chỉ có đôi mắt nó mở thật lớn, cái miệng há to.

Tôi cũng nhìn thấy điều đó – Chúa ơi – bà dì Du nằm trong quan tài, với cặp kiềng trên khuôn mặt vô cảm như bằng sáp. Ngay trước quan tài là một cái bàn thấp, dài đựng đồ ăn – trông giống như một mâm cơm Tàu 9 món, cùng với đĩa trái cây xếp một cách kì cục với những trái cam, xoài và những miếng dưa hấu đã xẻ. Đây chắc là cơm từ biệt cõi trần của bà dì Du để bước lên thiên đường. Khói nghi ngút bốc lên từ hàng nắm nhang đang cháy, khói cuộn lên quanh cổ quan tài, như một con đường đưa bà sang thế giới bên kia.

Phil nhìn tôi lom lom, chờ một lời giải thích. “Có thể là một sự nhầm lẫn,” tôi thì thầm, quay qua mẹ tôi, cố giữ cho giọng nói thật bình tĩnh. “Con nghĩ là mẹ quyết định đóng nắp áo quan mà,” tôi nói thật chậm rãi.

Bà gật đầu. “Con thích không? Mẹ chọn quần áo cho bà đấy, tất cả là đồ mới. Cả áo quan mẹ cũng góp phần quyết định đấy. Chưa hẳn là gỗ tốt nhất, nhưng cũng gần như là tốt nhất. Trước khi chôn, chúng ta sẽ lấy lại đồ trang sức, tất nhiên rồi.”

“Nhưng con nghĩ là mẹ nói quan tài đây nắp kia mà.”

Mẹ tôi cau mày. “Mẹ không nói vậy. Làm sao con nhìn thấy bà nếu đóng nắp quan tài lại?”

“Nhưng...”

“Chúng ta có ăn ở đây không mẹ?” Tessa sợ hãi hỏi, vịn vịn trên ghế ngồi. “Con không đói”, nó thì thầm. Tôi nắm chặt tay nó.

“Bảo bà ấy dậy đi mẹ,” Cleo ré lên và cười khúc khích. “Bảo bà ấy không được ngủ trước bàn ăn. Như vậy là không lịch sự.”

Tessa đập vào chân Cleo. “Im mồm đi Cleo, bà ấy không ngủ. Bà ấy chết rồi, như con mèo Bootie ấy.”

Và môi dưới của Cleo trễ xuống, dài ra. “Đừng nói thế!” nó hét lên, ẩy vào vai Tessa. Tôi cố nghĩ ra một cách gì đó để làm chúng dịu đi – nhưng quá trễ. Chúng bắt đầu nhào vào nhau, kêu khóc la hét “Thôi đi! Mà thôi đi!” “Mày bắt đầu trước!” Mẹ tôi quan sát cảnh này xem tôi xử trí như thế nào. Nhưng tôi cảm thấy tê dại, bất lực không biết phải làm gì nữa.

Phil đứng dậy, dẫn bọn trẻ ra ngoài, “Anh cho chúng đi ăn kem ở Colombus. Một tiếng sau anh sẽ quay lại”.

“Khoảng 45 phút thôi,” tôi thì thầm. “Không lâu hơn đâu. Em đợi anh ở ngoài.”

“Ba ơi, con được ăn kẹo chocolate với kem không?” Cleo hỏi.

“Và một cái gì rắc bên trên,” Tessa thêm.

Tôi nhẹ người khi nghĩ rằng đó có thể là tất cả những tổn thất còn lại, cái khẩu vị bị phá hỏng và những bàn tay nhóp nhép. Ở dãy ghế bên kia, con trai của Mary là Michael đang cười gằn. Trong khi ném cho nó một cái nhìn giận dữ, tôi nhận ra một điều khác.

Dượng Henry vẫn tiếp tục quay video.

Sau khi Phil và mấy đứa nhỏ đi ra ngoài, tôi cố giữ bình tĩnh. Tôi nhìn về phía trước, tránh cặp mắt của mẹ tôi và ống kính của dượng Henry. Không nên cãi nhau, tôi tự nhủ. Cái gì đã xảy ra thì cũng xảy ra rồi.

Trước các hàng ghế là một bức ảnh lớn chụp bà dì. Trông như là được phóng lớn từ bức ảnh trong passport cách đây 50 năm. Trong ảnh bà không còn trẻ, nhưng vẫn còn nguyên hàm răng. Tôi nhìn lại trong cổ quan tài. Cái miệng của bà móm xồm vào trong, khuôn mặt gầy gò trông như một con chim khô quắt. Bà nằm im, vì vậy tôi có cảm tưởng chúng tôi đang chờ một điều gì đó xảy ra như là bà dì đột nhiên biến dạng, hiển hiện thành một con ma.

Điều này làm tôi nhớ lại chuyện xảy ra lúc tôi mới 5 tuổi, cái tuổi mà bất cứ điều gì cũng có thể xảy ra nếu như bạn có một trí tưởng tượng. Tôi đã nhìn chăm chăm vào những cái mắt nhấp nháy của một quả bí đỏ tạc hình người chờ những con yêu tinh bay ra. Cho đến tận hôm nay tôi vẫn nhớ một cách sống động tiếng cười của con ma cuối cùng thoát ra khỏi cái miệng của quả bí đỏ. Mẹ tôi chạy vào phòng trong khi tôi đang la hét. Tôi lấp bắp một cách kinh hoàng là tôi đã thấy ma. Thay vì an ủi tôi rằng cái chuyện kinh khủng đó chỉ là do tôi tưởng tượng ra, bà chỉ nói “Ồ đâu?” Rồi đi tìm quanh phòng.

Tất nhiên là sau đó ba tôi đoán chắc với tôi rằng chỉ có một con ma, đó là Chúa trời, mà Người thì không bao giờ lại nhát tôi cả. Tiếp đó ông chứng minh một cách khoa học rằng cái mà tôi nhìn thấy chỉ là làm khói bốc ra từ ngọn nến cháy chậm trong trái bí đỏ. Nhưng tôi chẳng thỏa mãn gì với câu trả lời của ông, bởi vì mẹ tôi đã trừng mắt nhìn tôi như thể tôi đã phản bội bà, làm cho bà trở thành ngớ ngẩn. Mọi chuyện là như thế đấy. Mẹ tôi luôn cố gắng che giấu những điều mà bà tin tưởng, nhưng không đồng nhất với niềm tin công giáo của cha tôi, nhưng thỉnh thoảng những niềm tin này cũng bị rơi rớt mất.

“Cả bao chỉ, mẹ cũng làm,” bây giờ mẹ tôi lại nói với tôi. “Bà dì nói mẹ làm bánh ngon nhất.” Tôi gật đầu ngắm nghía những chiếc bánh bao hấp dẫn trên bàn. Mẹ tôi chắc chắn là làm bánh bao ngon nhất rồi, tôi nghĩ rõ hoài của nếu những chiếc bánh này chỉ được người ta ngắm nghía thôi. “Dì Helen nấu món gà với tiêu xanh,” mẹ tôi nói, sau cái gật đầu của tôi, bà tiếp. “Trông khô quá.” Tôi lại gật gù tiếp tục hỏi không biết là bà dì có thể thưởng thức tài nghệ nấu nướng này trong bữa tiệc dành cho bà không. Tôi nhìn những món ăn khác và nhận ra ở đây có cả những miếng bánh kem còn thừa ngày hôm qua.

Phía trên cổ quan tài là một tấm áp phích trắng dài làm từ giấy gói hàng được đóng lên tường. Tấm áp phích viết những dòng chữ lớn màu đen, cuối câu có một dấu chấm than, cũng giống như những biểu ngữ chính trị mà tôi đã nhìn thấy trong một tạp chí của Trung Quốc.

“Nó viết gì vậy mẹ?” Tôi khẽ hỏi mẹ. “Hy vọng kiếp sau bà sẽ sống dài lâu và thịnh vượng. Chẳng có gì đặc biệt,” mẹ tôi đáp. “Mẹ không viết cái

này, chắc là của ai đó quen với nhà Công. Có thể là Helen đã làm gì giúp họ.”

Tôi nhìn những vòng hoa đặt trên kệ. Tôi tìm vòng hoa tôi viếng, đang định hỏi mẹ xem nó ở đâu thì dựng Henry bật đèn pha lên và bắt đầu quay cảnh bà dì nằm trong quan tài. Ông giờ tay ra hiệu một ai đó đứng lảng vảng gần đấy đi ra chỗ khác.

Một lát sau, tôi nghe có tiếng cóc cóc của những vật bằng gỗ gõ vào nhau theo sau một âm đing-đing-đing đều đều như thể có ai thiếu kiên nhẫn rung một cái chuông trong tiền sảnh của một khách sạn. Những âm thanh này hòa cùng hai giọng hát một điệu gì đó chỉ gồm có bốn nốt cùng với một vắn. Điệu ê a này được lặp đi lặp lại nhiều lần, tôi đã chắc chắn là nó được phát ra từ máy hát thì nó dừng lại.

Bây giờ, bước ra khỏi góc tường bên tay trái là hai nhà sư với những cái đầu trọc và áo nhà chùa màu vàng nghệ. Nhà sư to lớn hơn, già hơn thấp một nén nhang lớn, vái ba vái trước quan tài, cắm nhang vào bát nhang đang nghi ngút khói, quay lại vái thêm lần nữa. Nhà sư trẻ hơn luôn tay gõ mõ. Sau đó cả hai chậm chậm bước trên lối đi, tụng niệm “Ami – Ami Amitaba, Amitaba.” Khi nhà sư lớn tuổi đi ngang qua, tôi nhìn thấy một bên má của ông xẹp dể xuống và cái tai bên má ấy cũng bị dể xuống.

“Chắc ông ta bị một vụ đụng xe khủng khiếp,” tôi thì thào với mẹ.

“Đại cách mạng văn hóa,” mẹ tôi nói.

Nhà sư nhỏ hơn, như bây giờ tôi mới thấy rõ, không phải là đàn ông, mà là đàn bà, một nữ sư với ba, bốn vết sẹo trên đầu.

“Cô ta chắc cũng trải qua cách mạng văn hóa,” tôi nói với mẹ.

Bà nhìn cô. “Trẻ quá. Có thể là do bộ chết cần.” Bà kết luận như vậy.

“Amitaba, Amitaba,” họ tiếp tục đọc đều đều. Bây giờ thì mấy bà già trong chiếc áo khoác cổ lỗ sĩ bắt đầu rên rỉ và gào khóc đưa tay lên hạ tay xuống, có vẻ như quá khổ đau. Dựng Henry hướng ống kính về phía họ.



“Họ có phải là bạn thân của bà dì không?” Tôi hỏi.

Mẹ tôi cau mày. “Không phải, đó là những người khóc mướn. Họ đến đây từ sớm, rồi ở lại khi thấy chúng ta không có nhiều người hờ người chết. Họ sẽ khóc lóc cho rôm rả, đổi lại dì Helen cho họ vài đồng. Bây giờ thì họ làm theo phong tục ngày xưa, khóc thật to và làm như thể họ không muốn người chết từ bỏ cuộc đời sớm như thế. Làm như vậy là để kính trọng hương hồn người đã khuất.”

Tôi gật đầu, kính trọng.

“Những người này có thể làm tới hai, ba đám ma một ngày,” mẹ tôi nói thêm, “kiếm được dăm, bảy đồng. Cũng tốt chán. Còn hơn là đi quét dọn.”

“Hừm” tôi ừ hử, không biết được là bà nói thế với ý chê bai hay chỉ đơn giản là kể lại sự việc.

Tiếng mõ vẫn đều đều, cộng thêm tiếng chuông nhanh hơn, nhanh hơn. Bất thành linh, câu đối viếng màu trắng tróc khỏi tường, cái ước muốn may mắn trường thọ ở kiếp sau cho bà dì của gia đình nọ rơi xuống quán ngang ngực bà dì như tấm băng quấn ở ngực của các cô hoa hậu. Mẹ tôi và các phụ nữ lớn tuổi khác bật dậy kêu lên “Ôi giời ơi!” Con trai Mary kêu lên, “Rơi đúng chỗ thiệt,” rồi cười hô hô. Hai nhà sư vẫn luôn miệng tụng kinh, khuôn mặt không thay đổi. Mẹ tôi phát cáu, “Tệ quá!” bà lăm bầm rồi đứng dậy ra khỏi phòng.

Vài phút sau mẹ tôi quay lại với một người Âu trẻ có mái tóc lưa thưa màu vàng. Anh ta bận đồ đen, vì thế anh ta chắc là người của nhà đòn. Tôi có thể nói là mẹ tôi tiếp tục mắng mỏ anh ta trong khi bà chỉ trở vào câu đối viếng đã rơi xuống một cách tai hại. Mọi người xì xào, trong phòng mấy bà vẫn kêu gào và khăn vái, các nhà sư vẫn tiếp tục đọc kinh. Người đàn ông tóc vàng bước nhanh về phía trước, có mẹ tôi theo sau. Anh ta xá bà dì ba xá, sau đó dịch cổ quan tài sang một bên, chuyện này khá dễ dàng vì nó có gắn bánh xe. Sau một cái xá nữa, người đàn ông cung kính gỡ tấm băng ra khỏi ngực bà dì, nâng lên bằng cả hai tay như thể nó là một tấm áo lễ thiêng liêng. Trong khi anh ta đóng câu đối viếng lên tường, mẹ tôi chỉ đạo. “Góc

này, đóng thêm đinh vào đây. Nữa, làm sao anh có thể để cho điều may mắn của bà rơi xuống như thế?”

Xong việc, anh ta đẩy chiếc quan tài về vị trí cũ, lạy ba xá về phía người chết, một cái về phía mẹ tôi vẫn còn sôi lên vì giận, rồi nhanh chóng rút lui. Không hiểu anh ta xá như vậy để biểu lộ lòng thành kính thật sự, tôi tự hỏi, hay chỉ vì anh ta học được điều này để phục vụ khách người Hoa?

Bây giờ thì Frank đưa cho chúng tôi mỗi người một cây nhang đang cháy. Tôi nhìn quanh, cố gắng nghĩ xem phải làm gì. Từng người một, chúng tôi nhập bọn với các nhà sư, và đọc theo, “Amitaba! Amitaba!” Chúng tôi đi quanh quan tài nhiều vòng, tôi cũng không biết là bao nhiêu lần nữa. Tôi cảm thấy thật ngớ ngẩn, cái nghi lễ chẳng có chút xiu ý nghĩa nào đối với tôi hết. Nó làm tôi nhớ đến một lần tôi theo một người bạn đến một thiền viện. Tôi là người duy nhất có vẽ mặt châu Á ở đây. Tôi cũng là người duy nhất ngó ngoáy liên tục, bắn khoản một cách sốt ruột không biết khi nào thì nhà sư đến để buổi thuyết pháp bắt đầu, hoàn toàn chẳng biết gì, mãi đến hai mươi phút sau mới nhận ra là những người khác không yên lặng ngồi chờ, như tôi tưởng, họ đang thiền.

Bây giờ thì mẹ tôi đang vái bà dì. Mẹ tôi cắm nhang vào bát, xầm xì khấn vái, “Ai! Ai!” Những người khác theo gương bà, một vài người khóc, mấy bà già thì khóc to hơn. Bây giờ đến lượt tôi vái. Tôi cảm thấy có lỗi thế nào ấy, cũng cái cảm giác có lỗi trước kia – khi cha tôi làm lễ rửa tội cho tôi mà tôi không tin là mình được cứu rồi đời đời, khi tôi được ban thánh thể mà tôi không tin nước nho ấy là máu của chúa Jesus, khi tôi cầu nguyện với những người khác về một phép màu nào đó sẽ cứu sống cha tôi, thì tôi cảm thấy ông đã chết trước đó rồi.

Bất thành linh một tiếng nức nở bật ra từ lồng ngực tôi làm cho mọi người kể cả tôi cũng phải ngạc nhiên. Tôi hoảng hồn cố kìm lại nhưng mọi cố gắng đều vô ích. Trái tim tôi tan nát, cơn giận dữ đang cay trào ra và tôi không thể dừng lại.

Mẹ tôi cũng khóc. Bà mỉm cười với tôi qua hàng nước mắt, bà hiểu rằng nỗi đau này không dành cho bà dì mà cho ba tôi. Bởi vì bà đã chờ đợi tôi

khóc như thế từ rất lâu, rất lâu rồi, từ hơn 25 năm về trước, từ cái ngày đám ma ba tôi.

Tôi 14 tuổi, đầy giận dữ và bàng quan với mọi sự. Mẹ tôi, em tôi và tôi ngồi bên nhau trong một góc chờ khoảng nửa tiếng thì bắt đầu khâm liệm ba tôi. Mẹ tôi đã mắng mỏ tôi, bởi vì tôi nhất định không chịu đến bên quan tài nhìn mặt ba tôi lần cuối.

“Samual đã từ biệt cha con, Samuel đã khóc,” mẹ tôi nhắc.

Tôi không muốn khóc thương người đàn ông trong quan tài, người đàn ông ốm yếu gầy gò, hoàn toàn bạc nhược, người luôn rên rỉ, trở nên bất lực, người vào những ngày tháng cuối đời luôn dỗi theo mẹ tôi với đôi mắt hoảng loạn. Ông ta chẳng có gì giống với cha tôi trước kia: duyên dáng, sống động, mạnh mẽ, tử tế, bao giờ cũng rộng lượng cùng với tiếng cười vui đời, một người biết rõ phải làm gì khi mọi việc trở nên tồi tệ. Trong con mắt của ba, tôi là một cái gì hoàn hảo, một “viên ngọc không tì vết” của ông, chứ không phải một con bé luôn quạu quọ, bứt rứt khi ở với mẹ tôi.

Mẹ tôi hỉ mũi: “Cái đứa không thể khóc cha là cái loại gì vậy?”

“Người này không phải cha con,” tôi nói mặt chù hụ.

Ngay lập tức mẹ tôi chồm lên tát vào mặt tôi. “Đồ xấu xa!” Bà hét lên. Tôi choáng váng. Đây là lần đầu tiên mẹ đánh tôi.

“Ái chà! Nếu mày không khóc được, tao sẽ làm cho mày khóc.” Rồi bà tát tôi, tát cái nữa, cái nữa. “Khóc đi, khóc đi!” mẹ tôi gào lên điên dại. Nhưng tôi ngồi bất động như cục đá.

Cuối cùng nhận ra mình đang làm gì, mẹ tôi cắn vào bàn tay, lẩm bầm cái gì đó bằng tiếng Hoa, rồi dắt tay con trai đi, bỏ tôi ở lại.

Thế là tôi ngồi lại giận dữ và tất nhiên cũng thắng thế nữa, mặc dù tôi cũng chẳng hiểu ra thế nào nữa. Có thể tôi cũng chẳng hiểu gì, tôi thấy mình đi quanh cỗ quan tài, thở phì phò, tự nhủ rằng tôi đúng, mẹ tôi sai. Khi

tôi kiên quyết không khóc, tôi cũng không bao giờ xét xem là tôi sẽ cảm thấy điều gì khác.

Nhưng khi tôi nhìn ông, trắng nhợt và gầy gò. Tôi chắc là ông không yên nghỉ với Chúa, khuôn mặt ông rất nghiêm khắc, cứ như thể nó được đúc vào cái giây phút đau đớn cuối cùng của ông.

Tôi cố giữ lại cho mình hơi thở dồn dập, cố gắng không khóc, thế là tôi bắt đầu thở gấp. Tôi chạy ra khỏi nhà tang lễ, chạy ra hóp lấy hóp để làn không khí trong lành bên ngoài, tôi chạy xuống đường Columbus về phía cảng, phớt lờ những người khách du lịch đang nhìn chăm chăm vào khuôn mặt giận dữ, đầy nước mắt của tôi. Cuối cùng, tôi bỏ lỡ mất đám tang ba tôi.

Một cách nào đó, cái điều này cứ diễn ra trong quan hệ giữa mẹ con tôi từ dạo ấy. Cả hai chúng tôi đều được, cả hai chúng tôi đều mất, và tôi chẳng hiểu cuộc chiến giữa hai chúng tôi là kiểu gì nữa. Mẹ tôi cứ nói hoài nói hủy về cha tôi và nỗi thống khổ của ông, không bao giờ để cho mọi chuyện được chôn vùi. Cho đến tận hôm nay, tôi không bao giờ khóc hay nói về tình cảm của tôi dành cho cha tôi trước mặt mẹ tôi.

Ngược lại, tôi cố giữ những kí ức sâu kín riêng tư của mình về ông - một nụ cười nào đó, chiếc áo mà ông mặc, tình cảm nồng nhiệt toát ra mỗi khi ông đứng trên bục giảng đạo. Nhưng tôi thường kết thúc những hồi tưởng khi tôi nhận ra là tôi đang nhớ những gì tôi tưởng tượng ra từ những tấm ảnh. Còn trong thực tế, kí ức sống động của tôi là vào lúc mà ông đau ốm, “Pearl ơi,” ông gọi yếu ớt từ giường bệnh, “con có muốn ba giúp con làm bài tập không?” Còn tôi thì lắc đầu. “Pearl ơi.” Ông gọi khi đang nằm ở ghế sofa, “đến giúp ba ngồi dậy với.” Tôi sẽ giả bộ là tôi không nghe thấy gì hết.

Cho đến tận hôm nay, tôi vẫn còn có những cơn ác mộng về ba tôi. Tôi lại vừa có một giấc mơ như vậy. Trong giấc mơ này, tôi đi đến bệnh viện để kiểm tra xem căn bệnh của tôi có tiến triển tốt hay không. Không một lời giải thích, một bác sĩ nhét tôi vào một phòng đầy những bệnh nhân thập tử nhất sinh. Tôi la hét vầy vùng: “Sao lại làm thế này với tôi. Anh phải giải thích!” Tôi cứ la hét mãi, la hét mãi nhưng chẳng ai đến cả. Rồi tôi nhìn

thấy ba tôi, ở ngay trước mặt tôi trong một cái giường hẹp bản thủ, bận một bộ đồ dơ bẩn. Ông rất già và gầy một cách thảm hại, tóc của ông bạc trắng, có vài chỗ trơ cả sọ ra sau nhiều năm chờ đợi trong lãng quên. Tôi lại ngồi gần ông hỏi, “Là ba phải không?” Ông nhìn tôi với đôi mắt tìm kiếm vô vọng. Khi nhìn tôi, ông bật lên một tiếng kêu thảng thốt - rồi sau đó bật khóc, khóc mãi, quá vui mừng khi cuối cùng tôi cũng đến đưa ông về nhà.

Những thủ tục khám nghiệm bà dì rồi cũng xong. Chúng tôi đứng cả bên ngoài, làn gió từ cảng bắt đầu nổi lên xuyên qua lớp áo mỏng manh của chúng tôi, thổi rất rát những chiếc váy vào người. Mắt cay xè, tôi cảm thấy hoàn toàn kiệt sức.

Mẹ tôi đứng bên tôi thỉnh thoảng lại ngó tôi chăm chăm. Tôi biết bà muốn nói với tôi về những gì đã xảy ra, không phải những chuyện linh tinh xảy ra trong đám ma mà là chuyện tôi bật khóc.

“Con ổn chứ?” mẹ tôi dịu dàng hỏi.

“Không sao đâu,” tôi đáp, cố làm ra vẻ hoàn toàn bình thường.

“Phil và mấy đứa con gái sẽ tới ngay bây giờ thôi.” Mẹ tôi lấy một tập khăn giấy từ trong túi đặt vào tay tôi, tôi biết là mình đã làm lem lớp mascara trên mi. Ngay lúc đó Bảo Bảo hiện ra. “Mẹ kiếp, thật là quái đản,” cậu ta nói, “nhưng tôi đoán đây là kiểu đám ma mà bà dì khoái. Bà luôn, dì biết đấy...” và hấn đập ngón tay hai lần vào đầu mình.

Mẹ tôi cau mày, “Biết cái gì?”

Bảo Bảo cười nhả nhở một cách ngượng ngập, “Dì biết đấy, rất khác biệt, bất bình thường - một quý bà rất vĩ đại!” Hấn nhìn tôi, nhún vai. Sau đó nét mặt hấn dần ra, “Chu cha! Kia Mimi đã đánh xe đến kìa. Phải vù thôi. Chị có đến nghĩa trang không?”

Tôi lắc đầu. Mẹ tôi nhìn tôi, kinh ngạc. Bảo Bảo đi đến bên chiếc xe Camaro đen bóng. Mimi ngồi sang một bên nhường tay lái cho anh chàng. “Anh chẳng có dịp nào cả. Mẹ trối anh vào với cái bọn nhà đòn.” Bảo Bảo gập cánh tay lại. “Thật may là anh đã xong ra,” hấn mở radio và gập tay

nhANH hơn cùng một nhịp với tiếng nhạc. “Rất vui được gặp lại chị Pearl. Gặp dì sau nhé.” Chiếc xe chồm lên phóng đi. Bây giờ tôi nghe tiếng dì Helen gọi tôi từ phía sau. “Pearl! Pearl!” Dì lạch bạch chạy đến vừa đưa khăn giấy lên lau mắt, “Con có đi đưa đám không? Sẽ có tiệc đứng sau đó, ở nhà dì. Nhiều món ngon lắm. Mẹ con nấu món thịt nướng. Dì làm món gà ngon lắm. Mary và Doug cũng đến. Các con tới nhé.”

“Chúng con không đến được ạ. Mai phải đi làm rồi mà đường về nhà xa lắm.”

“Ôi các con thật là,” dì nói, hai tay giơ lên trong nỗi thất vọng rất kịch, “bao giờ cũng bận rộn. Thôi được, ghé thăm dì sớm nhé, không cần mời mọc gì đâu. Các con tới rồi chúng ta sẽ trò chuyện.”

“Vâng ạ,” tôi hứa đại.

“Winnie à!” Dì Helen kêu âm lên với mẹ tôi mặc dù hai người đứng cách nhau chưa đầy hai thước. “Chị sẽ đi với chúng tôi đến nghĩa trang chứ. Henry đang đi lấy xe.” “Pearl sẽ đưa tôi về nhà,” mẹ tôi trả lời. Tôi đứng đó, cố hỏi tại sao mẹ cứ muốn bám riết lấy tôi như vậy.

Dì Helen đi về phía mẹ tôi, mặt dì lộ vẻ lo lắng. Dì hỏi nhanh bằng tiếng Hoa, “Không đến à? Chị không khỏe à?” Tôi không hiểu nhiều tiếng Quan Thoại, chỉ đoán chừng. Có vẻ như mẹ tôi không muốn ai lo lắng cho bà, “chẳng có gì không ổn cả, chỉ là một chút không thoải mái ở đây” bà chỉ vào ngực mình – có một cái gì đó làm bà mệt. Mẹ tôi muốn nói một cái gì đó chắc là chỉ cái việc câu đối viếng đám ma rơi xuống và sau đó toàn thân bà đau nhức như thế nào.

Dì Helen vuốt vuốt lưng mẹ tôi. Dì bảo mẹ tôi là bà có thể đến viếng bà dì Du sau khi cái gì gì đó đã yên không chạy nhảy tùm lum nữa. Sau đó dì Helen pha trò với mẹ rằng bà dì sẽ đợi, tất nhiên sẽ đợi mẹ tôi đến, không còn cách nào khác. Mẹ tôi nói đùa lại là có thể bà dì đã phát khùng lên vì những gì xảy ra hôm nay và đã thổi cái gì đó vào chỗ mà bà không phải làm cái gì đó nữa với một gia đình điên khùng như vậy.

Cả hai cùng cười ồm lên, cười to đến nỗi chảy cả nước mắt ra và họ khó có thể thở ra hơi nữa. Mẹ tôi lấy tay bịt miệng cười nắc nẻ như một cô nữ sinh trung học.

Dượng Henry đánh xe đến, trong lúc dì Helen leo lên xe, dì nghiêm nghị nhắc mẹ tôi uống thật nhiều trà nóng. Họ đi khỏi, bóp còi xe hai lần.

“Mẹ không khỏe à?” tôi hỏi.

“Cái gì?”

“Mẹ bảo dì Helen là mẹ không đi đưa ma được vì mẹ mệt mà.”

“Mẹ đâu có nói thế. Mẹ chỉ nói là mẹ không muốn đi thôi. Mẹ đã hoàn thành nhiệm vụ. Mẹ đã đưa bà dì Du lên thiên đàng. Bây giờ thì đến lượt Helen có nhiệm vụ đặt bà vào lòng đất.”

Đó không phải là điều họ nói với nhau và mặc dù tôi không chắc là tôi đã hiểu gần hết những lời trao đổi giữa họ, rõ ràng có nhiều điều tôi còn chưa biết về mẹ tôi và dì Helen.

Trong lúc chúng tôi đi ngang qua thành phố đến nhà mẹ tôi, Phil ngỏ ý. “Anh hy vọng chúng ta ra được xa lộ trước giờ cao điểm để về nhà.”

Mẹ tôi cũng có chuyện để kể, bà bảo rằng rồi Bảo Bảo cũng sớm mất việc thôi. Bà biết được điều này trong bữa tiệc từ miệng ông Lôi. Ông này nghe con trai mình nói lại. Bà cũng bảo tôi rằng Frank lúc này làm bảo vệ nhưng nó làm dì Helen đau buồn vì nó bỏ hết cả thời gian rảnh và tiền bạc lông bông ở chôn ăn chơi đường Geary.

Khi chúng tôi đi đến gần nhà, bà chỉ cho tôi một chỗ trên đường Clement, Happy Supper, nơi bà vẫn tới mua bán. Đó là một trong những loại chợ búa của dân Châu Á trong vùng, người ta mua bán ngay ngoài đường, chọn mua hàng đông trái cây và hoa quả, những bao gạo năm bảy chục ký chồng lên nhau như những hòn gạch khổng lồ dựa vào cửa sổ.

“Con mua đậu phụ bao nhiêu?” Mẹ tôi hỏi và tôi có thể nói là bà nóng lòng bảo với tôi cái giá rẻ hơn, cho tôi biết là tôi có thể để dành được 20 hay 30 xu ở các cửa hàng quen của bà. Nhưng tôi cũng chẳng buồn chiều lòng bà nữa. “Con không biết. Con chưa bao giờ mua.”

“Ôi!” Bà kêu lên thất vọng ta mặt. Sau đó thì mặt bà sáng lên, “Bồn cuộn giấy vệ sinh giá bao nhiêu?”

“1 đô 69 xen,” tôi đáp ngay tức thì.

“Con thấy chưa!” Bà reo lên. “Ở chỗ mẹ chỉ có 99 xen thôi. Hiệu tốt nhé. Lần sau mẹ sẽ mua cho con. Con sẽ trả tiền lại cho mẹ sau.”

Chúng tôi quẹo trái về phía đường số 8 và đi về phía Anza. Dì Helen và dựng Henry sống ở một khối nhà phía trên đường số 9. Với tôi những ngôi nhà ở vùng này rất giống nhau, những biến thái của những ngôi nhà 2 tầng xây vào những năm 20, khác nhau chủ yếu là ở màu sơn hay là kiểu trang trí ngoài mặt tiền, bằng vữa hay lát gạch hay dùng cửa nhôm kéo.

Phil quẹo vào đường nhà mẹ tôi. Mặt trước nhà sơn màu hồng hết sức nham nhở. Thật đáng ngạc nhiên là trong tất cả những thứ mẹ tôi phàn nàn không có trong danh sách cái màu sơn của ngôi nhà. Mẹ tôi nghĩ nó thực sự dễ thương. “Khi nào thì mẹ gặp lại các con đây?” bà hỏi tôi khi bà ra khỏi xe.

“Nhanh thôi,” tôi đáp.

“Nhanh cũng giống như với dì Helen chứ gì?” Bà hỏi. “Không, nhanh thôi. Con nói thật mà.”

Bà dừng lại, nhìn tôi cứ như bà không tin tôi. “Nhưng dù sao mẹ cũng gặp các con trong đám cưới của Bảo Bảo vào tháng tới.”

“Cái gì? Đám cưới tháng tới à. Con chẳng nghe thấy gì sất.”

“Nhanh thôi,” mẹ tôi nói, gật gật đầu.



“Bà Edna Phong nghe con gái của bà nói thế. Mimi gọi đầu cho cô ta trong tiệm uốn tóc. Mimi bảo với con gái bà ta là họ phải vội vã làm đám cưới. Edna Phong nói với mẹ rằng, có thể một cái gì đó vội vã ra đời. Di Helen không biết gì đâu. Đừng nói với di ấy.”

Ấy thế mà di Helen nghĩ rằng Bảo Bảo vội làm đám cưới bởi vì di sắp chết. Một cái gì đó đang lớn lên, đúng thế, nhưng không phải cái khối u trong não của di Helen.

Mẹ tôi bước ra khỏi xe. Bà quay lại hôn vào má Tessa rồi má Cleo. Mẹ tôi không phải là người thích hôn hít, nhưng bà biết rằng chúng tôi dạy bọn trẻ làm điều đó với cha mẹ Phil. “Tạm biệt Ha-bu,” chúng kêu lên. “Chúng cháu yêu bà lắm.”

“Lần sau các cháu đến,” mẹ tôi nói với bọn trẻ, “bà sẽ làm món thịt heo ngon lắm, các cháu sẽ ăn bánh như trong dịp tết âm lịch.” Bà lấy ra một khăn giấy lau mũi cho Cleo rồi vỗ vào đầu gối Tessa, “được không?”

“Được ạ,” bọn trẻ kêu lên. Chúng tôi nhìn theo mẹ tôi bước lên thêm trước nhà. Tất cả chúng tôi cùng vẫy tay. Khi bà đã vào trong nhà chúng tôi vẫy tay lại một lần nữa. Khi bà thò đầu ra ngoài cửa sổ, chúng tôi lên đường. “Tốt!” Phil thở dài, “nào về nhà.” Tôi cũng thở dài nhẹ nhõm. Đó là một kì nghỉ cuối tuần căng thẳng nhưng chúng tôi đã vượt qua. “Mẹ ơi,” Tessa nói khi chúng tôi dừng lại ở chỗ ngã tư đèn xanh đèn đỏ đầu tiên.

“Gì vậy con yêu?”

“Mẹ ơi,” nó thì thầm. “Con phải đi vệ sinh.” “Con cũng thế,” Cleo nói, “con cũng muốn đi lắm.”

Mẹ tôi đứng ở ngoài cửa khi chúng tôi quay lại. “Mẹ cố đuổi theo các con, nhưng các con đi nhanh quá,” bà nói ngay khi tôi ra khỏi xe. “Sau đó mẹ hiểu rằng con sẽ nhớ ra và quay lại.” Tessa và Cleo đã sẵn sàng chạy lên cầu thang. “Nhớ gì cơ ạ?” “Món quà của bà di, nhớ không? Hai ba ngày trước mẹ đã bảo con đừng quên. Vậy mà con quên à?” “Không, không” tôi nói, “nó ở đâu?”

“Ồ đằng sau ấy, trong phòng giặt đồ,” bà nói.

“Nặng lắm. Tốt nhất là hãy bảo chồng con mang giùm.” Tôi có thể hình dung nó là cái gì. Một cái ghế màu nho cũ mà bà dì vẫn dùng để gác chân hoặc có lẽ là một bộ đĩa Melmac. Trong khi chúng tôi chờ Phil trở về với bọn con gái, mẹ đưa cho tôi một tách trà, không để ý đến thái độ của tôi. “Pha xong rồi. Nếu con không uống, mẹ chỉ có nước đổ đi.”

Tôi uống một vài ngụm, “Ngon lắm.” Tôi đã nói thật, tôi chưa bao giờ uống loại trà ngon như thế. Nó ngọt, hăng và gây nghiện. “Của bà dì đó,” mẹ tôi giải thích, “vài năm trước bà cụ mua thứ trà này, 100 đô một pao.”

“Mẹ không đùa đấy chứ? Tôi uống thêm một ngụm nữa. Giờ thì nó còn ngon hơn nữa/

“Bà nói với mẹ, “Nếu ta mua cho ta thứ trà rẻ tiền thì sau đó ta sẽ nghĩ rằng cả đời ta cũng không xứng đáng với một thứ gì đó giá trị hơn,” thế là bà quyết định mua cho mình thứ trà ngon nhất. Bà uống trà và cảm thấy từ bên trong mình là người giàu có.”

Tôi bật cười. Mẹ tôi có vẻ được khuyến khích bởi tiếng cười của tôi. “Nhưng sau đó bà lại nghĩ, nếu ta chỉ mua một chút ta sẽ nghĩ rằng đời ta sắp hết rồi.” Vậy là bà mua trà đủ cho cả kiếp sau nữa. 3 pao! Con tưởng tượng được không?”

“Ba trăm đô la!” Tôi kêu lên, bà dì là người cần kiệm nhất mà tôi biết. “Mẹ nhớ là bà đã giữ tất cả những hộp kẹo See mà chúng ta đã biếu bà vào dịp Giáng sinh. Nói với chúng ta là nó quá ngon không nỡ ăn! Rồi một năm sau bà lại đưa lại một hộp cho chúng ta trong dịp lễ Tạ ơn gì đó. Chỉ có điều nó quá cũ...” Mẹ tôi gật đầu cười vang.

“Và tất cả những cái kẹo trắng phớ vì mốc!” tôi nói. “Cả bọ nữa chứ!” Mẹ nói thêm.

“Vậy là bà để lại trà cho mẹ theo di chúc.” Tôi nói.

“Không, bà đưa cho mẹ mấy tháng trước rồi. Bà nghĩ rằng bà chẳng sống được bao năm nữa. Bà chẳng nói gì, nhưng bà bắt đầu cho đi mọi thứ, những thứ tốt nhất chứ chẳng phải đồ tầm tầm đâu. Một lần mẹ ngồi uống trà. Mẹ nói trà ngon quá như mọi lần. Lần này bà đi quay vào bếp mang trà cho mẹ. Bà nói “*Tiểu nương*, cháu mang chỗ trà này về đi.” Đó là từ bà gọi mẹ từ những ngày đầu gặp gỡ. *Tiểu nương* có nghĩa là cháu nhỏ.

“Mẹ nói: Không, không, con không có ý như vậy”, bà nói “*Tiểu nương*, cháu hãy nhận chỗ trà này bây giờ để ta có thể thấy cháu vui sướng như thế nào khi uống trà trong khi ta vẫn còn sống. Một số chuyện không thể đợi đến khi ta chết.” Mẹ mới bối rối làm sao chứ? Tất nhiên mỗi lần đến thăm bà mẹ lại mang về một ít trà.”

Phil quay trở lại với Cleo, Tessa ngay sau lưng. Bây giờ tôi mới thật sự buồn khi chúng tôi phải ra về. “Chúng ta sẽ muộn mất,” Phil nói. Tôi đặt tách trà xuống.

“Đừng có quên,” mẹ tôi nói với Phil, “Quà của bà dì ở trong phòng phơi đồ.” Cleo nói, “Quà à, con có quà không?”

Phil ném cho tôi một cái nhìn ngạc nhiên. “Nhớ không?” Tôi nói dối, “Em đã bảo anh – quà của bà dì để lại cho chúng ta theo di chúc.”

Anh nhún vai và chúng tôi đi theo mẹ ra sau. “Tất nhiên nó cũ lắm rồi,” mẹ tôi nói. Mẹ tôi bật đèn, tôi nhìn thấy nó đặt trên máy sấy quần áo, đó là một cái bàn thờ vị thần may mắn của bà dì, một vị thần Trung Hoa.

“Ôi! Tessa kêu lên. “Một ngôi nhà búp bê Trung Hoa.” “Con chẳng thấy gì, con chẳng thấy gì.” Cleo nói còn Phil thì nhắc bàn thờ lên, mang nó vào bếp. Cái bàn thờ chỉ bằng kích thước của một ngăn kéo nhỏ sơn màu đỏ. Theo một cách nào đó nó giống một sân khấu thu nhỏ trong một vở kịch Tàu, phía trước ó hai cái cột sơn son thiếp vàng, hai ngọn đèn điện giả nền làm bằng plastic màu đỏ, nóc bàn thờ trang trí bằng giống cây tròn của Trung Hoa, màu đỏ như là cái khung. Hai bên là những mẫu gỗ có viết mẫu tự Tàu.

“Câu này có nghĩa gì mẹ?”

Bà di ngón tay xuống bên phải rồi xuống bên trái “*Cát tường như ý*, hai chữ đầu có nghĩa là may mắn, hai chữ kế tiếp cũng nói đến một lại may mắn khác, và những chữ này có nghĩa là tất cả những gì mà bạn mong muốn. Tất cả những điều mà bạn ao ước.”

“Cái này thờ ai, cái người trong khung ảnh này là ai?” Bức vẽ trông gần giống như trong phim hoạt hình. Người đàn ông to béo với dáng ngồi trông vừa vương giả vừa đường bệ, một tay cầm viết lông ngỗng, một tay cầm bài vị. Ông ta có hai cái ria rõ dài trông giống như hai ngọn roi đen mượt.

“Ô, ông này người Hoa gọi là ông Táo. Theo mẹ, ông này không phải là vị thần quan trọng. Không giống như Đức Phật, không giống như Quan Âm Bồ Tát cứu khổ độ nạn – không phải là ở địa vị cao, cũng không cùng một nấc với Thần Tài. Có thể ông là một người quản lí, một người giữ kho, quan trọng, nhưng vẫn còn nhiều nữa những vị thánh ở bên trên.”

Phil lặng lẽ cười trước lời giải thích Mỹ hóa của mẹ tôi về tôn ti trật tự trong thế giới thần thánh của người Hoa. Tôi tự hỏi đó có phải là điều mẹ tôi thật sự nghĩ về họ như thế hay bà chỉ dùng những ẩn dụ để cho chúng tôi dễ hiểu.

“Ông Táo là cái gì vậy? Tessa hỏi. “Con có thể có một ông như vậy không?”

“Ông chỉ là một truyền thuyết thôi,” mẹ tôi đáp.

“Một truyền thuyết à!” Cleo kêu lên. “Con muốn nghe.”

Mặt mẹ tôi vụt sáng lên. Bà vỗ đầu Cleo. “Con muốn nghe một chuyện nữa của Ha-bu ư? Tối qua con nghe chưa đủ sao?”

“Chúng ta về nhà thôi,” Phil nói với Cleo. “Ha-bu quá mệt để kể thêm một chuyện nữa cho con lúc này.”

Nhưng mẹ tôi làm như không nghe cái cơ Phil đưa ra. “Đó là một câu chuyện hết sức đơn giản thôi”, bà nói với Cleo giọng âu yếm. “Ông ta trở

thành ông Táo như thế này.”

Trong khi mẹ tôi bắt đầu câu chuyện tôi băng khuâng bởi một cảm xúc quen thuộc như thể tôi cũng như Cleo, lại bé lại cái tuổi lên ba, vẫn háo hức tin vào tất cả những gì mẹ nói.

“Ngày xưa ngày xưa ở nước Trung Hoa,” tôi nghe mẹ tôi kể, “có một nhà nông giàu có tên là Trang, ông ta là một người may mắn cực kì. Cá tôm ngoài sông ngòi nhảy vào ao của ông, heo nhớn như trên đất của ông, gà vịt bay tới bay lui trên sân nhà ông dày đặc như những đám mây. Sở dĩ ông được như vậy là vì ông đã được ban cho một người vợ chăm chỉ hết mực tên là Quắc. Bà đánh bắt cá trong ao của ông, chăm đàn heo cho ông. Bà vỗ béo đàn gia cầm nhà ông, bà cứ nhân đôi tài sản của ông năm này qua năm khác.

Trang có tất cả những thứ mà ông có thể đòi hỏi - từ dưới nước, trên cạn và trên trời cao. Nhưng Trang không thỏa mãn. Ông muốn vui vẻ với một người phụ nữ xinh đẹp, nhớn như vô tư lự tên là Lí. Một hôm ông ta đưa bà này về nhà và bắt người vợ tốt bụng của mình hầu hạ bà ta. Khi người đàn bà tên Lí này đuổi vợ ông ra khỏi nhà, ông cũng chẳng buồn đuổi theo kêu lên:

“Trở lại đi, người vợ đáng quý của tôi. Trở lại đi.”

Bây giờ ông ta và bà Lí tự do ngã vào vòng tay nhau. Họ quăng tiền đi như là đồ nước dơ ra ngoài cửa vậy. Họ giết hàng đàn gà vịt chỉ để ăn cái lưỡi của chúng. Chỉ trong vòng hai năm thôi, của cải đội nón ra đi, đất đai của Trang cũng chẳng còn gì cũng như trái tim của ông ta vậy. Tiền bạc không còn, người đẹp Lí cũng bỏ ông ta chạy theo một người đàn ông khác.

Trang phải ngửa tay xin ăn, ông ta chẳng còn gì ngoài một cái khó. Ông ta bò từ cửa nhà này sang nhà người khác van nài “cho tôi xin nắm gạo mốc.”

Một hôm ông ta ngã nhào xuống đất, mặt ngẩng lên nhìn trời sẫm sàng chờ chết. Ông ngất xỉu đi, mơ thấy mình ăn những đám mây mùa đông đang bay trên đầu. Khi mở mắt ra ông thấy những đám mây hóa ra là một

làn khói. Đầu tiên ông ta sợ hãi nghĩ rằng ông ta rơi xuống hỏa ngục, nhưng khi ngồi dậy, ông thấy mình đang ngồi trong nhà bếp cạnh một bếp lửa ấm áp. Cô gái ngồi coi lửa giải thích rằng bà chủ cô đem lòng thương hại ông - như bà lão cũng đối xử như vậy với tất cả mọi người nghèo, những người già cả, những người đau ốm và những người khó khăn.

“Thật là một người phụ nữ quý hóa!” Trang thốt lên, “Bà ở đâu để cho tôi đến cảm ơn?” Cô gái chỉ ra ngoài cửa sổ và ông ta chỉ thấy một người đàn bà đang bước đến trên lối đi. Ủi da, người này chẳng phải ai khác chính là người vợ tốt đẹp Quắc của ông! Trang bắt đầu nhìn quanh trong bếp tìm chỗ nấp, rồi ông ta nhảy vào ngọn lửa luôn ngay khi vợ ông ta bước vào.

Người vợ tốt bụng Quắc chảy không biết bao nhiêu là nước mắt để dập tắt ngọn lửa. Vô ích, Trang bị thiêu ra tro vì hồ nhục, và tất nhiên cũng bởi vì ngọn lửa rừng rực trong lò. Quắc nhìn nắm tro của chồng bay thẳng lên trời với ba cột khói. Ủi trời.

Trên thiên đàng, Ngọc Hoàng nghe lại toàn bộ câu chuyện của người mới thăng thiên. “Vì nhà người đã dũng cảm thừa nhận sai lầm của mình”, Ngọc Hoàng phán, “ta sẽ phong cho người chức Táo Quân để giám sát cách cư xử của người trần. Mỗi một năm người phải cho ta biết ai xứng đáng hưởng những điều tốt đẹp, ai phải bị trừng phạt.”

Kể từ đây người Hoa biết là Táo Quân sẽ để mắt trông coi họ. Từ cái góc của mình trong mỗi ngôi nhà, mỗi cửa hiệu, ông sẽ ghi nhận tất cả những kiểu cách tốt đẹp cũng như xấu xa của con người: rộng rãi hay tham lam, bản tính dễ hòa hợp hay ưa phàn nàn, gây sự, mỗi năm một lần vào bảy ngày trước Tết, ông Táo sẽ rời bếp lò bay về trời báo cáo lại ai là người đáng được thay đổi phần số, tốt hơn hay tệ đi.

“Hết rồi à!” Cleo reo lên hoàn toàn thỏa mãn. “Nghe như là ông già Noel ấy,” Phil vui vẻ nói.

“Hừm!” Mẹ tôi thốt ra với giọng điệu ám chỉ Phil thật là ngu ngốc. “Ông ta không giống như ông già Noel - mà là một kiểu do thám - như là nhân viên FBI, CIA, Mafia, còn tệ hơn cả nhân viên thuế, một kiểu người như vậy đấy. Ông ta không cho ai quà, mà người ta phải cúng ông ta mọi

thứ. Suốt một năm người ta phải thể hiện lòng tôn kính với ông bằng cách cúng trà, cam. Vào dịp Tết âm lịch, người ta thậm chí phải cúng nhiều hơn - có thể là úytxki để ông uống này, thuốc lá để ông lâng lâng vì rượu, để khi bay về trời thì ông sẽ nói tốt cho họ. Gia đình này tử tế đấy, người ta hi vọng ông nói thế, làm ơn hãy ban cho họ nhiều may mắn lợi lộc trong năm tới.”

“Thật là một cách chả tốn kém gì để có thêm nhiều may mắn tới.” Tôi đùa, “rẻ hơn chơi xổ số nhiều.”

“Không phải,” mẹ tôi la lên làm tất cả mọi người giật mình. “Con không biết đâu, thỉnh thoảng ông ấy rất khó chịu. Đôi khi ông ấy nói, thần không thích gia đình này, hãy làm cho họ lụn bại đi. Thế thì con sẽ gặp rắc rối to mà chẳng làm gì được. Tại sao tôi lại cần cái loại người như vậy phán xét tôi, cái người đã xử tệ với vợ như vậy? Chỉ có vợ ông ta mới là người tốt, ông ta xấu.”

“Vậy tại sao bà đi lại thờ cúng ông ta?”

Mẹ tôi cau mày suy nghĩ về điều đó. “Mẹ nghĩ có thể là thế này. Một khi con đã bắt đầu thì con không dám dừng lại. Bà đi thờ cúng ông từ ngày bà còn bé tí. Họ hàng nhà bà đã thờ cúng như vậy hàng mấy thế hệ rồi ở Trung Hoa.”

“Tuyệt!” Phil nói. “Thế bây giờ bà ấy chuyển cho chúng con của nợ này. Cảm ơn bà đi nhưng chẳng có ân huệ gì cả,”

Anh liếc nhìn đồng hồ, tôi biết anh rất nóng lòng muốn ra về.

“Đây là món quà bà di để lại cho con,” mẹ tôi nói với giọng tủi hờn. “Làm sao bà nghĩ là nó không tốt chứ? Bà chỉ muốn để lại cho con cái gì tốt đẹp nhất của bà.”

“Có thể bọn con gái sẽ dùng bàn thờ này để làm đồ chơi,” tôi gợi ý. Tessa gật đầu, Cleo tán thưởng. Mẹ tôi nhìn chằm chằm cái bàn thờ chẳng nói gì.

“Mẹ nghĩ ra cách này,” cuối cùng bà tuyên bố, mặt bà biểu hiện một nỗi ưu tư. “Con cứ mang bàn thờ này về đi. Mẹ có thể tìm cho con một vị thần may mắn để thờ, không phải ông này.” Bà lấy bức hình Táo Quân ra khỏi bàn thờ. “Mẹ sẽ thờ ông này. Bà dì sẽ hiểu thôi. Kiểu ban phước này con không cần, thì con cũng không cần phải lo lắng gì.”

“Tốt,” Phil nói ngay. “Gói nó lại.” Nhưng bây giờ tôi lại đâm ra lo lắng. “Mẹ chắc chứ?” Mẹ đang nhét hai cây đèn cây bằng plastic vào một cái túi dùng rồi. Tôi không tin dị đoan. Tôi không thích những lá thư cầu may mà Mary luôn gửi đến cho tôi, trong khi tôi không bao giờ nhận bản những lá thư ấy thì tôi cũng không rút lá thư gốc đi.

Phil mang cái khung bàn thờ, Tessa cầm giỏ đựng mấy cây đèn cây. Mẹ tôi dẫn Cleo lên cầu thang tìm vòng đeo tay phản quang mà nó bỏ quên trong phòng tắm. Khi mẹ tôi quay lại với Cleo bà đưa cho tôi một giỏ thực phẩm nặng, một bọc trái cây, kẹo Tàu cùng vài thứ lặt vặt,

“Mẹ đưa cho con một ít trà của bà dì,” mẹ tôi nói. “Đừng có cho quá nhiều trà. Chỉ việc thêm nước vào. Vị trà luôn còn lại.”

Mười lăm phút sau khi rời nhà mẹ tôi bọn trẻ đã ngủ cả. Phil chọn con đường cao tốc 280, một con đường vắng hơn và cũng dài hơn. Chúng tôi còn cách nhà khoảng 35 dặm.

“Chúng ta sẽ không giữ cái bàn thờ này phải không?” Phil nói. Đó là một câu khẳng định hơn là một câu hỏi.

“Hử.”

“Xấu hoắc.” anh nói thêm. “Dù vậy anh nghĩ rằng chúng ta có thể cho bọn trẻ chơi cho đến khi chúng chán thì thôi.”

“Ừm.” Tôi nhìn qua cửa sổ xe hơi nghĩ về vị thần may mắn nào đó bà sẽ mua cho tôi. Chúng tôi vượt qua những biển trên đường cao tốc và những chiếc xe vào ngày Chủ nhật để đi vào làn đường có tốc độ chậm hơn. Tôi nhìn vào đồng hồ tốc độ, chúng tôi đi gần 140 cây số một giờ.



“Làm gì mà phóng dũ vậy?” tôi hỏi.

“Có gì ăn không em?”

Tôi nhớ đến cái giỏ mẹ đưa cho tôi. Nó nằm dưới chân tôi. Tôi nhìn vào trong giỏ, bên trong có một vài cuộn giấy vệ sinh, một ít trà của bà dì, vài quả quýt và bức ảnh của cha mà tôi đã vô tình làm vỡ tháng trước, khung kính đã được thay lại.

Tôi đưa cho Phil một quả quýt sau đó quay mặt về phía cửa sổ để anh không nhìn thấy những giọt nước mắt của tôi. Tôi nhìn quang cảnh chúng tôi đang vượt qua, những bồn chứa, những quả đồi thoải thoải, những ngôi nhà mà tôi đã đi qua hàng trăm lần mà chẳng bao giờ tự hỏi ai sống trong đó. Hết dặm này đến dặm khác, tất cả đều quen thuộc, mà không, khoảng cách này đang chia cắt chúng tôi, tôi và mẹ.

### 3.

## KHI CÁ CHẾT ĐÃ BA NGÀY

Helen nghĩ rằng tất cả những quyết định của bà đều đúng nhưng thật ra bà ta gặp may mắn thôi. Suốt trong 50 năm qua tôi đã chứng kiến những ý nghĩ ngớ ngẩn của bà lại trở thành một điều may mắn như thế nào. Cũng giống như bữa ăn trưa hôm qua.

“Winnie à,” bà ta nói, “đi chợ mua gà đi.” Tôi bảo Helen tôi không muốn ăn bất cứ một món ăn nào còn thừa trong đám ma, năm ngày là quá đủ. Vì thế chúng tôi đi Happy Supper quyết định mua một cái gì mới để ăn trong bữa tối.

Helen chọn một con cá đẹp, cá pom-pom, bà ta gọi như vậy. Chỉ có một đô la 69 xen một pao, sau khi mặc cả.

Tôi nói, “Của rẻ là của ôi. Của đầy nòi là của bỏ đi. Nhìn mắt cá mà xem, trương sinh, trắng nhách. Con cá này chết cũng phải ba ngày rồi.”

Nhưng Helen nhìn vào mắt cá nói: “Tôi chẳng thấy có gì là không ổn cả.” Thế là tôi nhặt con cá lên, cảm thấy thân hình của nó trượt khỏi tay tôi. Một con cá đã trượt khỏi cuộc đời rất lâu rồi. Helen thì nói rằng đó là dấu hiệu tốt - thịt nó chắc là rất mềm, bỏ vào môi trôi vào miệng. Thế là tôi ngửi con cá. Tôi bảo với bà ta là tất cả sự ngọt ngào đã bốc hơi ra khỏi da thịt của nó và tỏa mùi trong không trung. Bà ta nhấc con cá lên dí vào mũi ngửi và nói mùi cá pom-pom này mới dễ chịu làm sao.

Helen mua một con cá pom-pom chết ba ngày. Trong bữa ăn tối, bà đã mời chồng, ông này gấp một bên má cá bỏ tọt vào miệng nhai tóp tép rồi khen ngon sau đó cậu con trai Frank xơi nốt má kia. Còn Helen thì gấp một miếng ở gần đuôi, chỗ mỏng nhất, sau khi liếm môi bà ta nói rằng cá đã nấu vừa đủ độ, không quá lửa, bà nhìn bát tôi chẳng có gì ngoài com, bà hạ đũa

lần nữa, gần này thì gần cái bụng, chỗ mập nhất của con cá, gấp một miếng bỏ vào bát tôi.

“Winnie à, đừng có giữ ý quá,” bà ta trách. Thế là tôi phải tỏ ra lịch sự rồi ngồi ăn hết miếng cá. Tôi phải công nhận rằng con cá làm tôi phát tức điên lên. Thịt nó mềm và ngọt. Chỉ có một đô la 69 xen một pao. Tôi bắt đầu nghĩ, có thể Helen đã quay lại chợ đổi con cá khác. Nhưng sau đó tôi lại nghĩ Helen chẳng khôn đến thế. Dù Helen xuất thân từ một gia đình nghèo rớt mòng tơi, dù rằng bà chưa bao giờ xinh đẹp thì may mắn cũng luôn đổ vào đĩa bà, thậm chí từ miếng con cá chết ba ngày.

Tôi không được như thế. Tôi sinh ra với may mắn. Nhưng năm tháng trôi qua, vận may của tôi - cũng như sắc đẹp của tôi - đã chết dần, sau đó thì khắc những nếp nhăn lên mặt tôi để tôi không bao giờ có thể quên được.

Tôi không thể giải thích chính xác điều này xảy ra như thế nào - những đổi thay trong đời tôi. Nếu tôi có lí giải và xâu chuỗi lại những sự kiện thì đời tôi cũng không giống như câu chuyện một dòng sông, từ thượng nguồn đến hạ nguồn, mọi cái đều được kết nối với nhau, suối tạo thành sông, sông lại đổ ra biển. Nếu đời tôi trôi đi như vậy, cái này dẫn đến cái kia thì tôi có thể có một cái nhìn khác và tôi sẽ biết những bài học của đời mình, cái số phận đã dành cho tôi những lựa chọn, những nhầm lẫn. Và có lẽ tôi còn có thời gian để thay đổi đời mình.

Helen thường nói với tôi, “Tại sao chị cứ nghĩ về những chuyện xưa xưa như vậy? Tiếc nuôi làm gì vô ích. Chị không thể thay đổi được quá khứ.” Bà ấy chẳng nhớ gì cả. Hai chúng tôi đã nhiều lần thay đổi quá khứ, vì nhiều lí do. Và đôi khi bà ấy cũng thay đổi cả số phận của tôi mà không ý thức được việc mình đã làm.

Cũng giống như con cá pom-pom mà bà ấy đã mua. Bây giờ nó lại bơi trở lại trong kí ức của tôi. Bởi vì, một lần rất nhiều năm về trước, tôi đã mua một con cá đặc biệt cho chồng của tôi, cho Jimmy Louie. Ôi tôi mới yêu ông ấy làm sao! Con cá bơi lội tung tăng trong chậu khi tôi trông thấy nó, chắc nó vừa mới bị bắt ra khỏi biển khơi nên nó mới giận dữ như thế. Toàn thân nó ánh lên rực rỡ bởi những chiếc vây màu cam đỏ lộng lẫy, và khi nó vẫy cái đuôi tím lỏi thoát ra khỏi cái chậu nhỏ, những cái vây quẫy trong

nước trông giống như vàng ròng. Tôi bảo người bán hàng gói con cá sống không phải vào tờ giấy báo cũ mà vào một tờ giấy trắng sạch sẽ. Trong khi ngồi trên xe buýt mang cá về nhà tôi cảm thấy hết sức tự hào, này nó trườn đầu, quẫy cái đuôi nhọn vào người tôi. Tôi tưởng tượng nó sẽ ngọt ngào như thế nào trong miệng Jimmy, chồng tôi sẽ nhận thấy con cá đặc biệt ra làm sao, một con cá may mắn và tôi thật sung sướng khi báo tin vui cho ông ấy.

Vậy mà, con cá này không ngừng vùng vẫy chống lại tôi. Trước khi tôi làm thịt nó, nó phồng mang lên phun bao nhiêu bong bóng ra khỏi miệng làm tôi nghĩ rằng nó rất độc. Thậm chí sau khi tôi đã moi ruột nó ra, nó vẫn còn nhảy lên nhảy xuống trong cái chảo rồi rơi xuống sàn, trườn quanh bếp buộc tôi buộc tôi cầm một cái búa đuôi theo nó. Khi tôi đã nấu chín rồi, nó vẫn còn tìm cách chống lại tôi. Jimmy mới chỉ ăn một miếng thì một cái xương đã cắm vào cổ họng ông, nằm lại trong cổ, vì thế mỗi lần nuốt nước bọt ông lại nghĩ rằng con cá tìm cách cắn ông suốt đêm ấy.

Sau đó ở bệnh viện, các bác sĩ phải mổ để lấy cái xương ra. Ngay cả lúc ông chưa mở miệng nói được, cứ nhìn vào vẻ mặt lo lắng của ông, tôi cũng biết ông đang nghĩ đến phí tổn cho cuộc giải phẫu, tiền phòng, tiền thuốc giảm đau, thuốc ngủ. Đó là lúc tôi nhớ đến tin vui của mình vì cái lí do có làm sao tôi lại mua con cá đắt tiền như vậy. Tôi đã kiếm được việc, tôi nói với ông, một công việc làm mì sợi cho tiệm bánh Hằng Anh. Tiền lương của tôi sẽ đủ, quá đủ cho tiền viện phí trong một năm. Nghe tôi nói, Jimmy dụi mắt và nước mắt của ông ứa ra. Ông mấp máy môi định nói, nhưng không lời nào thoát ra từ cái cổ bị đau của ông. Nhưng tôi có thể thấy điều ông muốn nói, điều mà ông muốn la lên, “May quá! Chúng ta gặp may rồi!”

Thế đấy, vận may của tôi đâu có giống như Helen. Cũng không giống như những người khác, những người khoác lác là họ chuyển từ vận xui sang vận hên nhẹ như không. Không, tôi sẽ nói điều đó xảy ra với người khác như thế nào, với tôi ra sao. Ví như cái cô gái mà tôi từng biết ở Thượng Hải, một người bạn cùng lớp với tôi ở trường truyền giáo. Cô cũng xuất thân từ một gia đình gia thế giàu có như gia đình tôi. Vào cái lúc mà tôi cưới người chồng đầu tiên thì cô đính hôn với con trai của một gia đình giàu có thuộc giới tài phiệt. Nhưng mùa hè năm sau khuôn mặt xinh đẹp

của cô bị tàn phá bởi những dấu vết để lại của bệnh đậu mùa, thế là hôn ước bị hủy bỏ. Tôi thương cô ấy lắm vì cô ta bị “mất mặt” đến hai lần.

Nhiều năm sau tôi gặp lại cô ấy, khi Jimmy và tôi chuyển đến Fresno. Cô ấy cưới một người Mỹ gốc Hoa, chủ một tiệm chạp phô bán soda, khoai tây chiên, thuốc lá, nói tóm lại mọi mặt hàng giá cao. Tôi đã gặp lại cô ta tại một quầy tính tiền. Tôi mua một cây kem que. Cô ta kêu lên “Chị, chị nhớ em không?” Nhưng cô ta chẳng bớt cho tôi đồng nào. Sau khi nhận tiền của tôi, cô ta kể chồng cô ta trung hậu, tốt bụng và dễ thương như thế nào. Trong khi cô ta nói thế thì cô ta vung tay lên lên xuống xuống khiến cho bao nhiêu là những vòng tay bằng bích ngọc va vào nhau làm thành một điệu nhạc vui tai. Khi cười hết cỡ thì tất cả những vết rỗ trên mặt cô ta trông như những lúm đồng tiền duyên dáng.

Sau đó cô ta thôi cười, hạ giọng thì thầm “Chị có nhớ con trai gia đình nhà băng Thượng Hải không?” Rồi cô ta kể lại cho tôi với một nỗi buồn thành thực không pha một chút hí hửng nào rằng cuộc đời đã ưu đãi cô bằng cách nào – cái gia đình chồng hụt của cô mất tất cả các cơ sở tín dụng của nó khi Cách mạng giành được chính quyền. Sau đó, con trai họ, người đã từ hôn với cô đã nhảy lầu tự tử từ một tòa nhà mà gia đình này sở hữu bên bờ sông Hoàng Phố. Thậm chí cô vợ xinh đẹp của anh ta, người mà anh ta thực sự cưới làm vợ quá sợ không dám đi nhận xác chồng “Thật may mắn là anh ta không cưới em.” – chị bạn của tôi kết luận.

Tôi không bao giờ có một may mắn loại ấy. Tôi đã từ chối không chịu lấy một người tốt, một người tên là Lĩnh, trong lần lấy chồng đầu tiên, ngược lại tôi lấy một người chẳng ra gì họ Văn. Cả hai cùng ở một hòn đảo mà tôi đã đến sống từ lúc 6 tuổi. Đó là một vùng đất cổ hủ, một hòn đảo bé tẹo vây quanh bởi nước, bởi sông và biển, vì thế mà những tư tưởng mới lạ chẳng dễ dàng trôi tới đây được. Người đàn ông mà tôi nên ăn đời ở kiếp xuất thân từ một gia đình không nhiều tiền lắm của nhưng có học và có cốt cách. Khi tôi 16 tuổi ta, tôi đã từ chối lời cầu hôn của gia đình này mà không thèm biết đến mặt mũi người con trai. Đó là bởi vì tôi nghe lời thím Lớn, nghe cái cách bà thông báo lời cầu hôn của gia đình này ở bàn ăn trước mặt thím Nhỏ, chú tôi, các em họ tôi cùng bạn bè gia đình. “Nhà này, cái thằng Lĩnh á,” bà bắt đầu khịt mũi, “hừm, muốn chui vào dòng họ nhà ta qua váy cưới con Vi Vi.” Với những lời này tôi có thể hình dung cậu con

traí, cái người mà tôi chưa bao giờ gặp, trông giống như một con thần lùn xấu xí to bự bò lên chân tôi mỗi tối. Sau đó thím Lớn quay về phía tôi bên bàn ăn hỏi, “Vi Vi con có muốn làm dâu gia đình này không?”

Bà nói điều này bằng một giọng vang lên như thể bà đang hỏi, “Mày có muốn nhảy xuống sông không?”, điều mà thím Lớn luôn hăm dọa khi bà có chuyện không vui về với chồng.

“Tôi sẽ nhảy hai chân xuống sông tự vẫn.” Thím Lớn thét lên. “Tôi sẽ tự tay treo cổ lên.” Sau đó bà quay sang chú tôi, giọng bà thậm chí còn rít lên cao hơn bao giờ hết, “Ông muốn tôi làm gì? Nói đi, tùy ông quyết định đấy.” Chú tôi là người sau này đã dùng hai chân và hai tay tự tiêu diệt mình khi cách mạng nổ ra năm 1949, ông quá sợ hãi để bỏ chạy, quá sợ hãi để ở lại. Ông mất tin thần, cứ đi tới đi lui quanh cái cảng ở bờ bắc hòn đảo và ở đây ông ngồi xuống suy nghĩ về sự lựa chọn của mình. Hai người đánh cá sau này nói rằng khi một xe tải chở đầy những con cua nhỏ đi vào một con đường tối tăm đến cảng, họ nhìn thấy chú tôi đứng lên chạy về phía trước chiếc xe vẫy hai tay hét to: Quay lại quay lại. Những người đánh cá nói rằng thật là kì cục cứ như thể ông ra lệnh cho cả thế giới, cứ như thể ông sẵn sàng dừng chiếc xe lại trước khi nó nghiền nát người ông. Sau khi ông chết, thím Lớn bắt đầu tin rằng cái cây lớn sau nhà chúng tôi chính là hiện thân của đức lang quân của bà, quá lười xê dịch và giúp đỡ bà trong việc giải quyết hết khó khăn này đến khó khăn khác.

Đây là cái gia đình của tôi, những lời khuyên họ có thể cho tôi. Nếu tôi không mất mẹ từ lúc còn bé thì tôi chẳng phải nghe thím Lớn. Có thể tôi đã cưới cậu con trai tên là Linh khi tôi còn trẻ. Có thể tôi sẽ học cách yêu chàng sau đám cưới. Có thể chúng tôi cũng có những khó khăn trong cuộc đời như bao nhiêu người khác nhưng không phải cái loại khó khăn khiến tôi căm ghét bản thân mình, nghĩ rằng trái tim mình là kẻ thù tệ hại nhất.

Tôi gặp người đàn ông tên Linh ngày lần đầu tiên sau đó 20 năm, khi tôi đã sống ở Mỹ được 5 năm. Lúc đó tôi là một thiếu phụ đã trưởng thành. Winnie Louie, vợ của Jimmy Louie, Pearl hơn 4 tuổi và Samuel gần 3 tuổi. Dù rằng chúng tôi rất nghèo, tôi tin rằng đời tôi thế là mãn nguyện cũng giống như một phụ nữ Công giáo có lần giải thích cho tôi. “Một bát com đầy là tất cả những gì mà chị có thể đòi hỏi.”

Tôi tin rằng điều đó đúng, tôi còn muốn gì nữa chứ? Jimmy là mục sư ở một nhà thờ ở Fresno, họ trả cho ông 50 đô la một tuần và cấp cho chúng tôi một ngôi nhà nhỏ, thế là tôi tin rằng tôi chẳng ao ước gì hơn nữa. Tôi tin vào điều này cho đến ngày người đàn ông tên Lĩnh xuất hiện trong nhà thờ của chúng tôi, và cứu sống tôi. Tất nhiên có rất nhiều người tên Lĩnh ở Trung Hoa, thậm chí có nhiều ông Lĩnh ở giáo phận, vì thế mà đầu tiên tôi chẳng nghĩ rằng ông ta có thể là cái chàng trai mà tôi chề không chịu cưới. Ông ta mới chuyển đến vùng này, mọi người xì xào “Ông ấy là bác sĩ, sống ở Talure có một hồ bơi thật lớn, cưới con gái của một vị cựu tướng quân, một người nói tiếng Hoa tuyệt hảo, giọng Bắc Kinh, giống như một ngôi sao nhạc kịch.”

Chủ nhật ấy khi vợ chồng ông đến nhà thờ của chúng tôi, mọi người đang đứng ngoài sân, dưới ánh mặt trời chói chang. Tất cả mọi người đều tò mò nhìn về phía ông bác sĩ và người vợ quý phái của ông ta. Jimmy nói tiếng Anh, thứ ngôn ngữ thông thường giữa những người Hoa nói nhiều thứ tiếng địa phương trong giáo phận của chúng tôi, “Rất vui được gặp ông, rất vui được gặp bà, xin vui lòng trở lại lần nữa.” Jimmy nhắc đi nhắc lại những điều này, những từ mà tôi thực tập suốt đêm mà cũng không mở mồm nói trơn tru được, thế là tôi chỉ gật đầu mỉm cười giả vờ là tôi quá nhút nhát. Ngày Chủ nhật nào cũng như thế. Chỉ có điều ngày Chủ nhật hôm ấy trời nóng chảy mỡ ra mà tôi thì không thể cởi cái áo khoác bởi vì có một con nhện đã cắn một cái lỗ to ở ngay lên vai phải cái áo mặc trong của tôi.

Tôi gật đầu chào vợ chồng ông bác sĩ. Tôi nhìn theo đám đông ủa về phía họ tự giới thiệu. “Tôi là Gladys Vọng”, “Mavis Châu”, “George Bộ”, “Murray Dương”, “Iren Vĩnh”. Tôi nghĩ tất cả mọi người đều ngượng ngập khi nói cái tên ngắn ngủn của họ với ông bác sĩ quan trọng đường bộ nọ.

Cũng không nhắc là tôi nghĩ về những điều này, chỉ là để những điều này bập bênh trôi vào óc tôi, bởi vì tôi buồn ngủ quá: miệng trễ ra, mặt nóng bừng và ngứa. Khi tôi gãi gãi má, ông bác sĩ trông thấy. Cũng gãi vào cổ ông, gật đầu cười sau đó thì nói với tôi, “*Ding-ngin*”.

Khi ông thốt ra từ này, *ding-ngin*, tôi có cảm tưởng tôi đang mơ. Lạ lùng làm sao, ông ta biết được cái từ địa phương ở hòn đảo của tôi từ khi tôi còn

bé. Tôi nhớ cái lúc tôi nghe cái từ này lần đầu tiên. Tôi 6 tuổi, đó là mùa hè đầu tiên, cha tôi gửi tôi đến sống ở hòn đảo này. Ngày cũng như đêm những con bọ chét nhỏ li ti không thể nhìn thấy cắm vào khắp bắp chân của tôi và chẳng bao lâu tôi rơi vào một nỗi khổ sở cực kì kinh khủng: gãi và gãi, không thể dừng lại dù một giây, “*Yangsele*,” tôi kêu lên. Đó là một tiếng Quan thoại thông thường có nghĩa là ngứa muốn chết”.

Mọi người cười rộ lên, thím Lớn đập vào tay tôi bắt tôi im mồm. “Sao con lại nói vậy?” Ngày hôm sau một người chị họ lớn hơn tôi bảo với tôi rằng *ding-ngin* là từ người dân ở đây nói khi người ta muốn nói về sự ngứa ngáy còn *yangsele* có nghĩa hoàn toàn khác.

Tôi không biết sự khác nhau đó mãi cho đến 10 năm sau, vào trước cái đêm tân hôn của tôi với người chồng chẳng ra gì. Lúc ấy tôi nghe hai thằng em họ thì thầm với nhau, “*Yangsele*, cái ấy của chị ấy ngứa toáy lên làm cho chị ấy không thể chờ đến lúc có một người đàn ông nhảy lên.”

Cái ngày nóng nực hôm ấy tại nhà thờ Fresno khi tôi nghe từ này lần nữa, tôi nhớ lại kí ức thơ ngây của mình. Khi gọi lại kí ức này, tôi cảm thấy mặt tôi nóng bừng lên vì giận dữ và xấu hổ mà chẳng biết làm gì. Tôi càng cố nhớ về kỉ niệm này bao nhiêu thì đầu óc và thân thể tôi càng phát sốt bấy nhiêu. Lúc này ông bác sĩ Lĩnh chạm vào khuỷu tay tôi, ân cần hỏi, “Bà có bệnh không?”

Tôi không trả lời ông, chỉ ngấm khuôn mặt ấy. Cái cách ông nhướn lông mày lên rồi cái cầm giật giật hai lần cho tôi biết rằng ông ấy muốn nghe câu trả lời của tôi. Khuôn mặt của ông – cách nhướn lông mày và giật giật cái cằm chính là vẻ mặt của ông trưởng tộc họ Lĩnh và ai trong dòng họ này cũng có điệu bộ này, là cái mà thím Lớn đã từng miêu tả là “cái mặt dài thòng của nhà họ Lĩnh giống như một con ngựa dụi vào người con tìm kẹo trong túi con.” Nhìn cái biểu hiện trên khuôn mặt của ông bác sĩ, tôi nghĩ rằng mọi thứ đều hòa quyện vào nhau – quá khứ, hiện tại của tôi, người chồng thứ nhất, người chồng thứ hai và Lĩnh. Tôi choáng váng, vì thế tôi thực sự không biết ai là người đã hét lên, “Say nắng! Cảm nắng rồi.” Tôi không biết tại sao người ta cởi áo khoác của tôi, bế tôi lên mang vào trong nhà thờ. Chồng tôi sau đó nói khi tôi nằm ướt đẫm trong tay ông là ông đã một lần nữa rửa tội cho tôi, cứu rỗi linh hồn cho tôi. Lúc này ông dờ cười



dở mếu nói rằng ông bác sĩ cũng đã rửa tội cho tôi và cứu sống tôi. Tôi vẫn còn quá bối rối vì thế tôi chỉ lầu bàu đưa ra một cái có rất vớ vẩn. “Ôi, tôi nghĩ tôi trông thấy ma.” Lúc ấy tôi mới nhận ra là không chỉ có vợ chồng tôi, những người đi dự lễ và vợ chồng ông Linh vây quanh chúng tôi. Tất cả mọi người đều quan sát tôi. Tôi ngượng chín cả người khi bắt gặp ánh mắt mọi người nhìn vào vết rách trên vai áo tôi.

Tôi không bao giờ nói với Jimmy rằng người đàn ông tên Linh này là người lẽ ra tôi phải cưới trong lần lấy chồng đầu tiên chứ không phải người khác, rồi mới tới ông. Tôi chỉ nói với ông rằng vì từ “ngựa” mà ông này dùng, tôi biết rằng tôi là người cùng quê với ông bác sĩ, hòn đảo Tổng Minh còn có tên gọi là làng Cửa Sông. Tôi muốn kêu lên, phủ nhận những lời nói của chồng tôi, giải thích rằng có lẽ tôi đã nhầm, tôi đến từ một hòn đảo khác. Tôi nghĩ Linh có thể nói trước mặt mọi người, “Này, có phải cô là người từ chối gia đình tôi không?”

Nhưng mà Linh chỉ mỉm cười nói, “Chúng ta đã ở đây lâu lắm rồi phải không bà chị?”

Có thể ông ấy rất lịch sự. Ông có một phong cách rất mực tao nhã. Hoặc cũng có thể ông cũng chẳng muốn cưới tôi nữa. Vợ của ông rất đẹp. Hoặc cũng có thể ông không phải là chàng trai Linh đã hỏi cưới tôi. Sau cùng, tôi nghe rằng còn có những người con trai khác trong gia đình này. Tôi sẽ chẳng bao giờ biết rõ được. Tôi quá sợ tìm ra sự thật. Tôi có lợi gì khi biết được điều đó.

Vì thế tôi chẳng hỏi thêm câu nào nữa. Cũng từ ngày hôm đó tôi nhìn mọi thứ trong cuộc đời tôi theo hai lối, một lối đã thực sự xảy ra, lối kia có khả năng xảy ra.

Đêm hôm đó, khi chồng con đã ngủ cả, tôi nghĩ về bản thân, tất nhiên tôi chẳng nuối tiếc gì về việc đã lấy Jimmy Louie. Tôi yêu Jimmy. Tôi đã đợi năm năm mới lấy được ông. Tôi đã đến đất nước này để sống với ông. Tôi rất mãn nguyện, còn trên cả mãn nguyện nữa. Đó là tình yêu đích thực, chứ không phải là sự tận tụy dành cho một người chồng đã nuôi sống mình, dạy dỗ đàn con của mình. Tôi không nghĩ gì về Linh hết, về những bộ quần áo đẹp hay là bể bơi của họ. Ai mà cần những thứ này? Tôi tự nhủ.

Nhưng rồi đêm càng về khuya tôi càng nung nấu về điều này. Tôi nghĩ như thế này, ta đã hối tiếc bao nhiêu vì đã không cưới Lĩnh. Bởi vì nếu ta lấy chàng thì ta đã chẳng lấy người đàn ông kia. Ta đã chẳng bao giờ trở thành cái hạng đàn bà cầu cho quân Nhật giết bég chồng đi. Ta cũng chẳng phải là cái loại làm mẹ gù mà chẳng hề đau buồn khi con cái lần lượt bị chết. Ta cũng chẳng bao giờ phải đầu độc thần kinh của ta tìm mọi cách thoát khỏi cuộc hôn nhân ấy, cuộc hôn nhân chỉ hút rỗng thể xác của ta. Ta cũng sẽ không phải chìm đắm trong nỗi tiếc là ta đã chẳng còn lại được bao nhiêu để dành cho người chồng thứ hai, mà với chàng ta cũng chỉ có cảm giác dễ chịu chứ chưa bao giờ hoàn toàn sung sướng. Sau khi Jimmy qua đời, tôi không thể dẹp bỏ cái ý nghĩ rằng nếu tôi lấy Lĩnh thì tôi sẽ chẳng bao giờ gặp Jimmy Louie, cưới ông và luôn luôn dõi tìm ông, cuộc tìm kiếm chẳng vì cái gì cả, thịt da tôi sẽ không phải chờ đợi được vuốt ve bởi chẳng ai cả, như vậy tôi sẽ không biết đến cái cảm giác của một nỗi đau không sao làm dịu được. Nếu tôi lấy Lĩnh, tôi sẽ không bao giờ biết được có Jimmy trên đời này. Và như vậy tôi sẽ không phải luôn nhớ về một người mà đến cái tên tôi cũng không biết được.

Mới gần đây tôi lại nghĩ về điều này lần nữa. Nếu tôi lấy Lĩnh, tôi sẽ sống đến đầu bạc răng long với chàng, Helen sẽ không bao giờ biết đến những bí mật tồi tệ của tôi. Tôi chẳng có lí do gì để cho bà ta lấn át mình hết. Tôi biết rõ như thế, bởi vì Helen nói với tôi đêm qua, trong bữa ăn tối là người đàn ông tên Lĩnh góa vợ đã từng sống ở Fresno, nay lại chung giáo phận với bọn tôi ở San Francisco này.

“Ông ta là bác sĩ,” bà nói, “nhưng ông ta chỉ bỏ vào thùng phước thiện có 5 đô.” Helen, chứng kiến vẻ ngạc nhiên trên mặt tôi, đã nghĩ rằng bà biết hết mọi chuyện. “Thế đấy, chị có tưởng tượng được không? Có loại người như vậy đấy.”

Tôi đã không nói cho Helen rằng tôi lẽ ra phải lấy người này, một người tốt làm sao. Tôi đã không nói rằng đó chính là số phận và tôi thật mù quáng. Hoặc là bởi vì tôi không biết nên tôi đã có một lựa chọn tai hại. Tôi đã không thừa nhận với Helen điều này. Có thể tôi đã phạm sai lầm, một sai lầm thật đơn giản – nói không với người này nói có với người kia, giống

như chọn cá trong một cái chậu. Làm sao mà bạn biết được cái gì tốt cái gì xấu, khi bạn còn chưa nếm trải.

Thậm chí nếu tôi nói thì bà ấy cũng không hiểu. Cách nghĩ của chúng tôi khác nhau nhiều lắm. Đầu óc của chúng tôi khác nhau nhiều lắm. Đầu óc của bà vẫn còn ở đâu bên Trung Hoa. Như kiểu thế này này, khi bà mua cá cho bữa tối, tôi hỏi rằng: “Này chị biết chuyện gì xảy ra với nó ba ngày trước không?”

Bà sẽ trả lời ngay tắp lự, “Nó còn bơi ở ngoài biển.”

Suốt 40 năm qua tôi giới thiệu với mọi người rằng Helen là chị dâu, là vợ của anh trai Cung của tôi đã bị chết trong chiến tranh. Điều đó không đúng.

Nhưng tôi không nói thế để lừa dối ai. Chẳng qua là sự thật quá rắc rối. Chẳng ai có thể hiểu được cho dù tôi có hết lòng giải thích đi chăng nữa.

Anh tôi bị chết chẳng? Trong thực tế anh chỉ là anh em cùng cha khác mẹ với tôi. Anh là con trai người vợ thứ hai của cha tôi, người đã chết, mẹ tôi mới là người thay thế vị trí của bà. Vì thế mà chúng tôi không hề gần gũi với nhau.

Người anh em cùng cha khác mẹ này không chết trong chiến tranh mà là trước khi chiến tranh nổ ra. Đầu của anh ấy lìa khỏi cổ ở Trường Sa vì bán vải cho quân khởi nghĩa.

Đó là năm 4638 theo lịch Trung Quốc, năm Ngọ, cái năm mà người ta dậm dật chân tay trên khắp các nẻo đường, trở nên bán loạn. Tôi không nhớ về năm dương lịch. Có thể là năm 1929, 1930 hay 1931 nhưng dù sao thì cũng là trước khi tôi gặp Helen.

Nhưng khi tôi nói điều này, tôi lại phải giải thích rằng người anh này không phải là người làm cách mạng. Sự thật, anh ấy đã phản đối – đầu tiên là giận dữ với những người khởi nghĩa sau đó thì lại quỳ gối tuyệt vọng van xin bảo với họ rằng anh đã không biết những khách đêm qua của anh là những người làm cách mạng nên mới khoe khoang rằng đã lừa họ bán với

giá thật cao, cười nhạo rằng những thước vải đó rất xấu. Dù sao thì Quốc dân Đảng cũng đã giết anh ấy, một bài học có ích cho những người khác nữa.

Nhưng giờ đây, làm sao tôi có thể mở miệng nói về điều đó, rằng một thành viên trong gia đình tôi đã lừa dối khách hàng. Không, tôi chỉ có thể nói là thời ấy rất nhiều người bị giết chỉ vì những chuyện vớ vẩn. Không nên biết về những điều nguy hiểm này, rằng anh trai tôi tham lam một cách cực kì ngu xuẩn.

Chính người vợ chính thức của anh ấy cũng nghĩ vậy. Chị ấy đã không thích dọn đến Trường Sa thời gian đầu. Nhưng nếu có ai hỏi chị ấy ở đâu thì tôi cũng không biết. Sau khi chồng chết, chị viết thư, kể cho chúng tôi mọi chuyện. Sau đó chúng tôi chẳng có tin tức gì về chị hết, chỉ nghe đâu vùng chị ở bị lụt, có rất nhiều những cái xác trôi lềnh bềnh trong dòng nước đến nỗi nhân dân hai bên bờ phải bỏ xứ mà đi để thoát khỏi mùi xú uế, vì thế có thể chị dâu tôi cũng chết đuối, xác trôi dạt dờ ra sông rồi ra biển. Hoặc có thể là chị ấy đã thay đổi và trở thành chiến sĩ Cách mạng, hoặc giờ đây đang sống ở một nơi nào đó ở Trung Hoa mai danh ẩn tích.

Nếu tôi nói tất cả những điều này, mọi người sẽ nghĩ rằng đó là kết cục câu chuyện về người anh cùng cha khác mẹ của tôi. Tôi cũng sẽ nói láo khi đồng ý: Anh ấy đã chết. Người vợ trên thực tế của anh cũng đã qua đời. Thế là chẳng còn gì để nói, chẳng có kết thúc có hậu một cách đáng ngạc nhiên.

Đôi khi trong gia đình, chúng tôi nói với nhau một câu chuyện về một con bò hủ gọi vàng trắng khuyết, nghĩ rằng đó chính là cái sừng của nó. Mọi người đều biết là chúng tôi đang nói về ai. Một thằng ngốc tìm đường lên trời nghĩ rằng nó có thể hái được ngôi sao trên bầu trời, cuối cùng chỉ té nhào mất xác. Chúng tôi không bao giờ dǎ động đến cái tên ấy. Thật là nguy hiểm khi quen biết bất cứ ai có chuyện với những người làm cách mạng. Cũng chẳng thành vấn đề cái việc anh Cung đã chết, vì việc này không dính dáng gì đến chính trị cả.

Nhưng rồi sau đó ông anh lại hóa kiếp thành nhiều cuộc đời khác. Khi quân Nhật chiếm đóng Thượng Hải năm 1937, chú tôi chào đón chúng

trong cửa hàng vải sợi của ông: “Cháu trai tôi học ở Nhật, giờ sống ở Trường Sa, cưới một cô gái Nhật.”

Khi quân Nhật thất trận năm 1945 và Tưởng Giới Thạch quay trở lại, ông chú tôi lại nói, “Thằng cháu tội nghiệp của tôi, thằng Cung là anh hùng của quân đội Quốc dân Đảng, cháu chết ở Trường Sa.”

Khi Hồng quân Trung Quốc chiếm chính quyền năm 1949, truyền thuyết đầu tiên lại trở lại, chỉ có điều lúc đó chú tôi đã chết. lúc này thì thím Lớn là người nói rằng anh Cung là một chiến sĩ cách mạng vĩ đại, anh đã hiến vải đẹp cho những sinh viên công nông – không lấy một xu – tất nhiên, và hi sinh cả cuộc đời.

Lúc đến đất nước xa lạ này, tôi nghĩ cuối cùng tôi cũng có thể quên được ông anh cùng cha khác mẹ này, người đã chết rất nhiều lần bằng nhiều cách khác nhau. Thật là rối rắm khi cứ phải giải thích đi giải thích lại: ai có họ với ai, mối liên hệ ra làm sao, năm nào xảy ra sự kiện đó theo Âm lịch, theo năm Dương lịch nào, chuyện gì xảy ra cho bà chị dâu của tôi, tại sao chúng tôi cứ quay như chong chóng từ quân Nhật sang quân Tưởng rồi đến những người Cách mạng.

Làm sao tôi có thể giải thích những chuyện như vậy cho bộ phận làm thủ tục nhập cư chứ. Họ không hiểu đâu. Họ chỉ biết có một kiểu chính quyền. Họ bao giờ cũng hỏi tôi tất cả những câu hỏi rối rắm như là, “Sao bà sinh năm 1918 ở tờ giấy này, lại sinh năm 1919 ở tờ giấy khác?” “Tại sao bà không có giấy chứng nhận kết hôn, cũng chẳng có giấy phép cho li hôn?” “Bà nhiễm giun sán ở Trung Hoa hay ở nước khác? Khi tôi đến đất nước này, tôi tự nhủ mình sẽ có một lối nghĩ mới. Bây giờ tôi có thể quên bi kịch của đời mình, đóng tất cả những bí mật của mình lại sau một cánh cửa và sẽ không bao giờ mở ra nữa, sẽ không có một cặp mắt của người Mỹ nào nhìn thấy được. Tôi đã nghĩ là quá khứ của tôi khép lại mãi mãi cùng tất cả những gì mà tôi hình dung được về Trung Hoa bao la đã được nhồi nhét vào một hòn đảo bé nhỏ mà tôi chưa từng thấy trước đó.

Tôi đã nghĩ không có ai đuổi theo tôi tới đây. Tôi có thể cất giấu những lỗi lầm, những tiếc nuối và những tâm sự đau buồn của mình. Tôi có thể thay đổi số phận của mình.

Ôi, tôi đâu có phải là người duy nhất bỏ lại phía sau tất cả để phù hợp với môi trường mới. những người đi chung nhà thờ với tôi, người bạn học với khuôn mặt bị bệnh đậu mùa, Linh và người vợ của ông ta, kể cả Helen – tất cả đều đã bỏ lại một cái gì đó phía sau. Những món nợ cũ, những khởi đầu tồi tệ. Những bậc sinh thành già nua ốm yếu, chế độ đa thê và những dòng con, sự mê tín dị đoan và số mệnh của người Hoa.

Thậm chí tôi đã sợ rằng quá khứ cũ sẽ ập lên đầu tôi. Nhưng rồi nước Trung Hoa tắt ánh đèn sân khấu, đóng cửa lại bảo mọi người im lặng. Tất cả những người này biến thành những bóng ma. Chúng tôi không thể nhìn thấy họ. Chúng tôi không thể nghe họ. Vì thế tôi nghĩ rằng giờ thì tôi có thể quên đi mọi chuyện. Chẳng có ai để nhắc tôi nhớ lại.

Nhưng rồi Helen lại muốn ra khỏi nước Trung Hoa Dân chủ. Tôi phải đứng ra bảo lãnh cho chị ấy, người nói rằng tôi nợ chị một món từ nhiều năm trước và bây giờ đã đến lúc tôi phải trả. Thế là tôi trả lời với tổ chức nhập cư của Mỹ năm 1953 rằng Helen là chị dâu của tôi, lấy con của một trong năm bà vợ của cha tôi. Nhưng một khi Helen đã ở đây rồi làm sao tôi có thể nói với những người trong xứ đạo rằng cha tôi có tới năm bà vợ? Tôi là vợ của một mục sư mà.

Vì thế tôi bảo rằng Helen là chị dâu tôi từ thời xưa thời xưa, đã từng lấy anh trai tôi, một trong những anh hùng quân đội Tưởng Giới Thạch đã hi sinh trong chiến tranh. Thật quá tệ.

Tôi không thể nói lí do tại sao Helen lại sang đây, tại sao lại phải giúp đỡ chị ấy. Điều đó thậm chí còn phức tạp hơn nữa.

Tôi đã kể câu chuyện Helen cưới anh trai quá nhiều lần đến nỗi cả Helen cũng tin vào điều đó. Bà ta nói với tôi những ai hỏi về những ngày này. “Ồ đám cưới của tôi tổ chức theo lối mới lớn lắm. Winnie là phù dâu của tôi. Đáng tiếc là chồng tôi chết trẻ quá.” Bà ta nói điều này ngay cả khi bà đã trở thành công dân Mỹ và không ai có thể đuổi bà về nước.

Helen cũng kể những câu chuyện về tôi rất nhiều lần đến nỗi đôi khi tôi cũng tin là thật. Jimmy là người chồng đầu tiên và duy nhất của tôi. Chính

bà đã giới thiệu chúng tôi với nhau ở Thượng Hải. Bà đã dự tiệc cưới của tôi, một đám cưới linh đình theo lối truyền thống.

Sẽ không có ai tin tôi nếu bây giờ tôi nói rằng Helen không phải là chị dâu của tôi. Bà ta chẳng có dây mơ rễ má gì với tôi cả về mặt huyết thống cũng như quan hệ hôn nhân. Bà ta không phải là người mà tôi chọn là bạn. Đôi khi tôi chẳng thích thú gì với cái tình bạn này. Tôi không đồng ý với bà ta về nhiều điểm. Tôi cũng chẳng ngưỡng mộ tính cách của Helen nữa, mặc dù chúng tôi có lẽ còn gần bó hơn cả chị em ruột thịt, bởi sự ràng buộc của số phận, sự nối kết nợ nần. Bà giữ bí mật cho tôi, tôi giữ bí mật cho bà. Chúng tôi có một lời thề trung thành không hé một lời nào về quá khứ trên cái đất nước này.

Vì thế bạn có thể tưởng tượng được sự giận dữ của tôi khi Helen bảo tôi ở trong bếp ngay sau bữa ăn tối rằng bà quyết định nói ra hết những bí mật của tôi.

## 4. ĐIỆN THOẠI ĐƯỜNG DÀI

Đây là cách mà bà ấy nói với tôi điều đó.

Sau bữa tối với con cá nọ, Henry trở lại phòng khách xem ti vi và ngủ thiếp đi trên ghế bành. Helen vẫn ở trong bếp nấu nước pha trà. Còn tôi ngồi ở phòng ăn. Thực ra nó cũng chẳng phải là phòng ăn nữa, chỉ là một phần của cái bếp được ngăn ra bởi một bức sáo bằng nhựa. Nhưng mà Helen không thể nhìn thấy tôi, bà ta nói oang oang cũng cứ như thể chúng tôi ở cách xa nhau lắm, khoe khoang về việc Bảo Bảo sẽ lấy vợ trong ba tuần lễ.

Bảo Bảo thế này, Bảo Bảo thế kia, đó là tất cả những điều mà bà ta nói say sưa. Giọng của bà như trong một màn quảng cáo trên tivi, thắng cái này, thắng cái kia, tuần nào cũng như tuần nào.

Bảo Bảo đã 31 tuổi mà bà ta vẫn gọi nó là bé cưng. Nhưng có lẽ Helen đúng. Bảo Bảo của bà vẫn là một đứa trẻ quá được cưng chiều đến nỗi nó không có đủ kiên nhẫn để đợi một chuyến xe buýt. Một lần xe nó bị hỏng nó gọi cho tôi mới dễ thương và lịch sự làm sao, “Dì yêu quý, bao lâu rồi con chưa gặp dì. Dì có khỏe không ạ? Tốt quá, tốt quá. À mà dì có thể cho con mượn chiếc xe của dì không? Con có một cuộc phỏng vấn rất quan trọng.” Khi nó trả lại xe cho tôi, 3 ngày sau đó, thì ôi thôi tôi nhìn thấy những dấu vết vương vãi trong và ngoài xe - một cú va chạm vào thanh cản xe, lon coca vứt lung tung trên sàn xe, không một giọt xăng. Nó thậm chí vẫn hoàn toàn thất nghiệp.

Vì thế tôi chẳng hơi đâu nghe Helen khoe khoang về cậu quý tử. Tôi vẫn còn nhớ là tôi phát điên lên vì cái xe. Bởi vì tôi chẳng xỏ ra vào lúc ấy nên nhớ lại bây giờ tôi vẫn còn giận lắm. Tôi nghĩ con trai tôi không như vậy. Samuel không bao giờ nói những lời ngọt ngào để rồi ngay sau đó lại hỏi mượn một cái gì đấy. Nó cũng chẳng bao giờ mượn xe Helen để đi



phòng vẫn tìm việc làm cả. Nó có việc làm hăn hoi ở New Jersey, một chuyên viên quản lí phúc lợi chuyên phân tích những kỳ nghỉ ốm, tiền trả cho người bệnh, người nào thực sự ốm đau, người nào lại cố tình lừa dối.

Helen mang trà vào phòng, vẫn nói ông ổng như thể tôi ngồi ở xa lắm. Bây giờ thì bà nói về Mary, “Tôi nói cho chị nghe chưa nhỉ? Mary vừa gọi về cách đây mấy ngày, vợ chồng nó lại sắp đi Hawaii nữa. Lần này là lần thứ tư đó. Tôi nói: “Các con đã đến đấy rồi mà. Đâu có cần đi lần nữa.” Nó đáp, “Không mấy ai đến Hawaii bởi vì họ cần. Mẹ đến đấy bởi vì mẹ không cần đến.” Helen đưa tách trà cho tôi. “Tôi bảo nó rằng, “Suy nghĩ kiểu gì thế. Mẹ không cần đến Hawaii và mẹ không đi. Mẹ muốn về Trung Quốc và mẹ cũng không đi.” Helen cười một mình, “Con gái của tôi thế đấy! Ô tôi đã nói chị nghe chưa nhỉ? Nó gọi tôi lần nữa sau 10 giờ đêm hôm qua.” Helen vẫy tay, bất mãn, “làm tôi sợ muốn chết!” Tôi hỏi nó, “Chuyện gì vậy? Ai bị ốm? Đụng xe hả? Doug mất việc?” Nhưng nó lại cười “Không, không, không. Con chỉ gọi nói chuyện thôi.” Helen mỉm cười, “Chị nghĩ sao? Tại sao nó lại gọi? Nói tôi nghe nào.”

“Nó là một đứa con gái ngoan,” tôi đáp. Helen lắc đầu, “Lần này nó nói nó gọi chẳng vì một lí do nào cả. Không có lí do! Chỉ là không có lí do gì hết.”

Helen rót thêm trà cho tôi. “Tất nhiên, đó không phải là ý của nó, hoàn toàn không phải. Nó xem một đoạn hàng quảng cáo trên tivi về một công ty điện thoại, một cô con gái gọi cho mẹ chẳng có lí do gì cả. Tôi mới hỏi nó, “Vậy con nói chuyện đường dài mà không có nguyên cớ gì cả ư? Đừng nói lâu quá, tốn tiền lắm.” Nó nói, “Không sao đâu mẹ, sau 8 giờ điện thoại giảm giá cước.”

“Tôi lại bảo nó, “Đừng có ngốc thế. Người ta toàn nói xạo trên tivi thôi. Có thể là rẻ hơn nếu con nói nhanh hơn. Ai mà biết được điều đó có nghĩa gì cơ chứ.” Nó nói, “Mẹ ơi, đắt rẻ không thành vấn đề.” Tôi hỏi lại, “Không thành vấn đề á? Sao con lại có thể nói nhẹ như không như vậy được nhỉ? Con muốn quảng đi 10 đô ư? Đừng có làm giàu cho công ty điện thoại. Gửi cho mẹ đi.”

Tôi có thể nghe thấy Helen tranh luận với con gái; phí tiền để tranh luận về việc dùng có xài hoang phí. Helen là như vậy đấy.

Helen thở dài, “Cuối cùng tôi thuyết phục được nó rồi cúp máy.” Bà nhìn tôi cười thật sự sung sướng, quay lại nói bằng tiếng Hoa. “Chị thấy đấy, nó vẫn nghe lời tôi. Nó biết rằng mẹ nó bao giờ cũng đúng.” Bà húp trà đến soạt một cái, “Vậy, chị có nghe được gì từ Pearl tuần này không? Nó có gọi, phí tiền vì những cuộc điện thoại liên tỉnh không?”

Khi Helen hỏi tôi điều đó, tôi biết rằng bà ấy không cần nghe câu trả lời. Bà biết tôi và con gái không nói chuyện vu vơ. Tất nhiên nó gọi cho tôi kể rằng nó đưa Tessa và Cleo đến chỗ gửi trẻ. Nó gọi để dặn dò tôi. Tuần trước, nó gọi tôi nói gia đình nó không thể ngủ qua đêm ở nhà tôi. Thực ra nó không gọi mà chồng nó gọi. Nhưng tôi biết là nó bảo chồng nó gọi và nó nghe ở một máy khác.

“Pearl không ở quá xa,” tôi nhắc Helen.

“San Jose cũng vẫn là xa,” Bà cãi lại. “50 dặm cơ mà. Mã số vùng khác.”

“Nhưng nó không ở xa,” tôi lại nói.

Helen không chịu thua, “Cũng vẫn là điện thoại đường dài. Chị vẫn phải trả thêm tiền cho mỗi một phút. Chị vẫn không nên nói quá lâu.”

“Có lẽ chúng ta không nên nói nhiều nữa,” tôi nói. “Henry đang ngủ,” tôi chỉ vào đức lang quân mệt mỏi của bà ta đang nằm ngủ trên ghế miêng há hốc. “Có lẽ tôi nên về nhà thôi.”

“Henry, dậy đi!” bà ta hét lên, đẩy vào vai ông cho đến khi ông chồng cau mày dụi mắt, thả hai chân xuống sàn, chậm chạp đi về phòng ngủ.

Sau khi Henry đi khuất, Helen bảo tôi “Nào, bây giờ thì tôi có tin tức tốt lành cho chị đây.” Bà mỉm cười.

“Tin tốt lành gì vậy?”

Lại mỉm cười. Nhấp một ngụm trà. Bà lấy một chiếc khăn giấy ra lau mũi. Lại một tuần trà nữa, lại mỉm cười. Tại sao bà ta cứ làm như trong một buổi lễ của người theo đạo Phật vậy? “Bây giờ thì chị không cần phải trốn tránh nữa,” cuối cùng bà ta nói.

“Tôi chẳng trốn tránh gì hết. Tôi đang ở đây này.”

“Không, không, cả đời chị đã phải ẩn náu rồi. Bây giờ thì chị có thể bước ra ngoài ánh sáng được rồi đây.” Bà ta nhòm lên tìm cái bóp, một cái xách tay bụi và thọc tay vào bên trong. Tôi có thể nói là bà đang vội vã tìm cái gì đó. Bà lấy ra một quả cam đặt lên bàn, sau đó là hai bịch đậu phộng của hãng hàng không, tấm của nhà hàng, một cái ví nữa để lừa bọn trộm rồi bà quay cái túi về phía khác, đồ tất cả những đồ linh tinh dự phòng chiến tranh xảy ra mọi người lại phải bỏ chạy như ngày nào. Hai cây đèn cây ngắn, giấy tờ căn cước được ép plastic, hộ chiếu Trung Quốc làm cách đây 40 năm, một cục xà bông, một cái khăn nhỏ, một cặp vớ dài, đồ lót bằng vải ni lông vẫn còn nguyên mác. Sau đó bà lôi tiếp ra những thứ khác: thuốc đau bao tử, kẹo ngậm ho, cao hổ cốt để xoa bóp, bùa may mắn trong trường hợp những phương pháp khác không có hiệu quả.

“Nó đâu rồi nhỉ?” bà nói, kiểm tra đi kiểm tra lại lần nữa cho đến khi cuối cùng bà lôi từ bên cạnh túi cái vật mà bà tìm kiếm bấy giờ. Đó là một lá thư, một loại vừa là thư vừa là phong bì. Bà vẩy nó trong tay.

“Đây này”, bà nói với một vẻ tự hào trên khuôn mặt. “Người này này!”

Lúc ấy tôi bắt đầu cảnh giác. Đạo này bà ta trở nên lẫn lộn. Lúc sau này bà nhớ nhớ quên quên. Lúc sau này đầu óc bà trở nên lộn xộn, có lẽ là bởi vì bà bị té bậc thang hai tháng trước mà vì thế bà nghĩ mình sắp chết.

“Làm sao chị có thể đặt một người đàn ông trong phong bì này?” Tôi cẩn thận hỏi. “Cái gì?” “Chị nói chị cho một người đàn ông vào trong phong bì?” “À, tôi không nói thế. Tôi nói tin tức ấy trong này này, mà là tin tức tốt lành. Người đàn ông này đã chết, Vân ở Hồng Kông nói với tôi như thế trong cái lá thư này. Bà ta mới đến Thượng Hải. Chị có nhớ bà ta đấy, người đẹp Vân đấy, người ta vẫn gọi bà như vậy suốt trong thời gian chiến

tranh, mặc dù bây giờ bà không còn đẹp nữa.” Helen cười thành tiếng. “Chị có nhớ cái máy khâu tôi cho bà ấy không? Bà ấy kiếm được khối tiền sau này, bây giờ thì làm chủ một cửa hàng thời trang ở Cửu Long.”

Sau này đầu óc Helen lảng đãng ở đâu đấy, như con bò đi tìm cỏ ở bất cứ đâu mà cái mõm dẫn nó đi tới.

“Bà ấy bắt đầu bằng một cửa hàng nữ trang.” Tôi nhắc Helen, một cửa hàng ở Cửu Long, trong gian hàng của khách sạn Ambassador.

Helen lắc đầu, “Một cửa hàng thời trang,” bà ta nói, “dành cho phụ nữ, toàn hàng giảm giá.” Tôi chẳng muốn cãi cọ. Tôi chẳng thèm nói cho bà biết bà luôn ghi nhớ những điều xấu hơn là những điều tốt đã xảy ra. Bà đã không nhớ rằng tôi mới là người cho người đẹp Betty cái máy khâu.

“Ông nào chết?” Cuối cùng tôi hỏi bà, chỉ vào lá thư.

“Ồ, phải, người đàn ông này,” bà thờ dãi, giả vờ rằng bà đã phóng đại với tôi. “Người đàn ông này, người đàn ông này chị biết rõ mà, sao chị lại không đoán được?” Sau đó bà rướn người về phía trước thì thầm, “Người đàn ông xấu xa ấy.”

Tôi nín thở. Tôi có thể nhìn thấy hấn ta, cái người đàn ông xấu xa ấy. Văn Phú - người chồng quý ám - người mà tôi bảo Helen đừng bao giờ nhắc tới. “Chớ nhắc đến tên hấn ta, đừng bao giờ nói với ai cả.”

Tôi có thể nhìn thấy mái tóc dày, đôi lông mày giao hoạt, bộ mặt đẹp trai giả dối, cái miệng khôn ngoan của hấn. Tôi đã không gặp hấn trong suốt 40 năm qua. Bây giờ mới chỉ nghe Helen nhắc đến tên hấn tôi cũng có thể cảm thấy hơi thở của hấn trên gáy tôi, nhớ lại tiếng người của hấn khi hấn nói rằng cuối cùng hấn đã tìm thấy tôi, lời tôi trở về, không có sự lựa chọn nào hết.

“Đừng sợ, hấn đã chết rồi,” Helen nói, “Chị tự đọc đi.”

Tôi cầm lá thư từ tay bà, đọc. Tôi biết được là: suốt 40 năm qua Văn Phú vẫn tiếp tục cười vào mặt tôi, bởi vì lá thư đã không nói là hấn chết 30,

40, 50 năm trước mà hấn chết tháng vừa rồi vào ngày Giáng Sinh.

Tôi đập vào lá thư, “Chị tưởng tượng được không?” Tôi nói với Helen, “Ngay đến lúc chết cũng tìm ra cách làm cho tôi đau khổ suốt đời! Chết đúng vào ngày Giáng sinh”.

“Chuyện hấn chết vào lúc nào thì có ý nghĩa gì,” Helen nói. Bà ta xĩa răng bằng một cái tăm, cắm nó ở góc miệng vì thế trông bà như là đang cười. “Hấn đã chết, không thể theo đuổi chị nữa, vấn đề là như vậy.”

“Hấn đã có tôi,” tôi kêu lên. “Ngay trong đầu tôi này! Bây giờ thì tôi luôn nghĩ tới hấn và sau này lễ Giáng sinh làm sao tôi có thể hát bài “Đêm thánh vô cùng”, “Niềm vui trên đời” khi tôi chỉ muốn gào lên rằng tôi rất sung sướng vì hấn đã chết. Một ý nghĩ tồi tệ, một ngày tồi tệ.”

“Vậy thì chị phải quét nhà chị thôi, quét hấn ra khỏi đời mình.” Bà ta nói, vung tay ra như là điều đó dễ dàng lắm ấy. Tôi biết là bà định nói về năm Âm lịch sắp tới, về câu tục ngữ, “Quét rác của năm cũ, cùng với tất cả những cảm xúc tồi tệ.”

Helen biết gì về việc quét dọn chứ? Nếu bạn nhìn vào sàn bếp của nhà bà bạn sẽ thấy - những đám bụi to như lũ chuột, những vết dơ đã đen bóng như đánh xi ở các góc bếp chắc cũng phải được 20 năm rồi, tất cả những điều này Helen nghĩ tôi không thể nhìn ra được.

“Tôi nghĩ thế,” Helen nói. “Chúng ta nên quét tất cả những điều dối trá ra khỏi cuộc sống của chúng ta. Nói với mọi người sự thật chúng ta đã gặp nhau như thế nào.”

“Chị đang nói gì vậy?”

“Tại sao tôi lại phải đi xuống mộ với tất cả những điều dối trá này? Rằng tôi là chị dâu của chị, lấy ông anh cùng cha khác mẹ của chị, một người mà tôi chưa hề gặp. Ngay cả năm sinh tháng đẻ của tôi cũng sai nốt. Chị đã làm tôi trẻ hơn một tuổi. Bây giờ khi tôi chết tuổi thọ của tôi mất đi một năm.”

“Chị nói vớ vẩn cái gì vậy?”

“Tôi nói rằng giờ đây khi Văn Phú đã chết, tôi muốn sửa sai trước khi quá trễ. Không còn bí mật gì hết, không còn những lời dối trá.” Một cảm giác kinh khủng cuộn trong lòng tôi, tại sao bà ta lại nói thế? Bà ta muốn cho nổ tung mọi thứ lên ư? - quá khứ của tôi, cuộc hôn nhân của tôi với Văn Phú. Tất cả những cái mà tôi đã làm hết sức mình để chôn vào quên lãng.

“Sao mà chị có thể làm thế được?” tôi đay nghiến “Chị muốn nói ra những bí mật của tôi phải vậy không? Chúng ta đã hứa - không bao giờ nói ra.”

“Đó là từ thời xưa thời xưa,” Helen cãi lại. “Tất nhiên lúc đó chúng ta không thể nói được. Chị quá sợ hãi. Chị nghĩ Văn Phú vẫn theo đuổi chị. Cả hai chúng ta cần phải tìm đường đến đất nước này. Lúc ấy cần phải như vậy. Nhưng bây giờ...”

“Đó là một bí mật.”

“Thì có ý nghĩa gì nào? Văn Phú đã chết.” Helen nói. “Hắn ta không thể đến đây tìm chị. Chúng ta không thể bị trục xuất. Vấn đề là cần phải nói ra sự thật, không thể đi sang thế giới bên kia với quá nhiều chuyện lừa dối. Làm sao tôi có thể gặp gỡ người chồng đầu tiên của tôi trên thiên đàng, khi trong bao nhiêu năm qua tôi nói là tôi đã lấy một người khác? Làm sao tôi có thể để cho người ta khắc trên bia mộ mình là tôi sinh năm 1919? Mọi người sẽ cười vào cái xác chết của tôi, nói rằng tôi già đến mức lú lẫn không biết mình bao nhiêu tuổi nữa.”

“Vậy thì cứ việc nói về những chuyện liên quan đến chị ấy, chỉ có điều đừng nói gì đến tôi hết.”

Helen cau mày, “Làm sao tôi có thể làm như thế? Vậy thì tôi lại phải nói dối tiếp, chúng ta gặp nhau như thế nào, tại sao tôi biết chị. Chị đang buộc tôi đến những điều tệ hại hơn. Nếu chị không nói ra, tôi sẽ nói trước Tết.”

“Chị đang ép tôi phải rước họa vào thân thì có. Nếu chị nói với con chị thì con tôi cũng sẽ biết.”

“Vậy thì chị hãy tự mình nói ra đi.” Helen nói. “Chúng đã lớn cả rồi; không còn trẻ nít gì nữa. Chúng sẽ hiểu. Có thể chúng sẽ vui vẻ khi biết một cái gì đó về nguồn gốc của mẹ chúng. Cuộc sống khốn khổ ở Lục địa trước kia bây giờ người ta nói đầy ra đây, chẳng có gì phải xấu hổ cả.”

“Chị không biết xấu hổ là gì cả đâu,” tôi nói.

Chúng tôi cãi nhau qua lại hồi lâu. Cuối cùng tôi nhận thấy cãi cọ như vậy thật là vô ích. Cũng giống như con cá pom-pom và cước phí điện thoại đường dài của bà ta. Helen nghĩ bà ta lúc nào cũng đúng. Làm sao tôi có thể cãi nhau với một người chẳng biết phải trái gì cả? Tôi giận run cả người.

Khi bà ta đứng dậy châm thêm nước vào bình trà, tôi nói rằng quá trễ rồi tôi phải về. Tôi mặc áo khoác, cầm những món đồ tôi mua ở siêu thị hồi chiều và chuẩn bị ra về.

“Chờ một chút,” Helen nói. “Đề Henry đánh xe đưa chị về. Như vậy an toàn hơn.”

Mỗi lần tôi đến chơi bà ta lại nói như vậy. Mỗi lần nghe Helen nói thế tôi đều hiểu thực ra bà ta muốn nói điều gì. Ba mươi năm trước Jimmy và tôi rời Chinatown mua một căn hộ ở trên đại lộ số 8 giữa đường Geary và Anza. Trong vòng hai năm Helen không ngừng nói với tôi rằng cái khu vực ấy không an ninh, rằng cái chôn ấy chẳng bao giờ gia đình bà dám dọn tới. Sau đó Jimmy chết - thử đoán coi chuyện gì xảy ra? Bà ta và Henry mua một ngôi nhà lớn cách nhà chúng tôi một khối nhà, trên đại lộ số 9, con đường lớn hơn đường chúng tôi một số. “Bây giờ thì chúng tôi có thể chăm nom cho chị” bà ta nói. “Như vậy an toàn hơn.” Nhưng tôi biết bà ta chỉ dùng tôi làm cớ. Tối hôm qua tôi nói như mọi lần tôi vẫn nói, “Không phiền chị đâu, tôi có thể đi bộ về nhà, tập thể dục mà.”

“Nguy hiểm lắm,” bà ta khẳng khái. Song tôi biết điều đó chẳng có nghĩa gì cả. Bà ta thì thảo, để đánh thức ông chồng dậy, “Chị phải cẩn thận đây,” bà ta nói.

“Úi dào, chị nghĩ là có kẻ muốn trấn lột tôi vì mấy trái quýt và hộp măng tươi này sao?” Bà ta chộp lấy cái giỏ nhựa trong tay tôi. “Vậy thì tôi sẽ giúp chị mang cái này”, bà ta nói. “Nó quá nặng so với chị đấy.”

Tôi giật lại cái giỏ, “Đừng có lịch sự vờ với tôi.”

“Chị quá già để xách túi này,” bà ta nói, lại đôi co, giằng lấy cái giỏ của tôi.

“Chị quên à. Chị cũng già như tôi thôi. Còn lớn hơn tôi một tuổi.”

Cuối cùng thì bà ta cũng để cho tôi và giỏ rau quả ra về.

Tôi kì cọ nhà cửa suốt đêm cho quên mọi sự. Tôi rũ bụi khỏi những tấm màn cửa, đập bụi khỏi ghế sofa, lau rửa những cái bàn và tay vịn cầu thang. Tôi lau chùi những khung ảnh ở trên cao, lau kiếng và nhìn bức ảnh phía dưới: Jimmy của tôi lúc nào cũng trẻ.

Tôi đi vào phòng ngủ thay ra trên cái giường tôi vẫn nằm chung với Jimmy, hình dáng của thân hình ông vẫn còn vương trên giường. Tôi đi vào phòng của Samuel lau bụi cái máy bay bằng plastic mà nó tự chế, những chiếc máy bay ném bom của Nhật và Mỹ, những người lính nhỏ bé đang chạy trên bàn nó. Tôi mở ngăn kéo của nó, trông thấy tạp chí Playboy. Ôi tôi gần như bị một cái tát vào mặt. Một lần tôi bảo Samuel quảng cuốn sách ấy đi. Cuốn sách in năm 1964, cũng cái năm Jimmy mất, cái lúc mà mọi người không nghe lời tôi nữa. Tôi đi vào phòng Pearl. Bao nhiêu tổn thương và tranh cãi đã diễn ra trong căn phòng này. Tôi cho phép nó chơi búp bê Barbie nhưng không phải Ken. Tôi không cho nó dùng nước hoa bởi vì nó làm cho con tôi bốc một mùi rẻ tiền. Cái bàn trang điểm chạm trổ với cái gương tròn và tay nắm bằng bạc, một cái tủ tôi rất thích nhưng tôi lại cho con gái tôi. Nhưng khi nó nhìn thấy cái bàn, nó nói nó rất ghét cái bàn ấy, “Mẹ để nó ở đây chỉ để hành hạ con thôi.” Nó hét lên.

Tôi nhớ lại những điều này khi tôi lau chùi cái bàn. Đúng lúc ấy tôi nhìn thấy một trong chữ nhỏ khắc trên mặt bàn trang điểm, “Tôi yêu RD.”



Ai là RD? Ai là kẻ mà con gái tôi yêu đến độ phá hỏng cả cái bàn mà nó ghét đến vậy? Hẳn là người Hoa hay người Mỹ? Tôi bùng bùng giận dữ. Xem này, nó đã làm gì với cái bàn gỗ quý của tôi?

Tất nhiên sau đó thì tôi dịu lại, tôi nhận ra là Pearl không hề làm điều này mới đây. Chuyện này xảy ra khoảng 26 năm về trước. Bởi vì bây giờ Pearl đã ngoài 40 tuổi. Nó không còn yêu RD nữa. Nó đã lấy Phil Brandt, không phải người Hoa, nhưng vẫn là một người tốt, một bác sĩ mặc dù không phải loại bác sĩ mà người ta cần.

Khi Pearl giới thiệu anh ta với tôi lần đầu tiên, tôi cố tỏ ra thân thiện. Tôi nói, “Bác sĩ à? Bác sẽ giới thiệu tất cả bạn bè của bác tới chỗ cháu khám.” Nhưng sau đó nó bảo tôi nó là một bác sĩ về bệnh lí học - một bác sĩ khám xét bệnh nhân chỉ khi tất cả đã quá trễ, sau khi người ta chết. Làm sao mà tôi có thể giới thiệu mọi người đến chỗ một bác sĩ như anh ta chứ?

Nhưng Pearl thì lại có một công việc tốt, một bác sĩ chuyên khoa, điều trị cho những đứa trẻ “đần độn” mất khả năng nói bình thường, mặc dù nó bảo tôi đừng gọi những đứa trẻ kém may mắn ấy như vậy. Một vài năm trước nó bảo, “Chúng con không gọi những đứa trẻ đó là trí độn hay tật nguyền nữa. Chúng con gọi chúng là “những trẻ khuyết tật”. Chúng con đặt chữ trẻ em lên trước, khuyết tật ra sau. Con cũng không phải là bác sĩ chuyên khoa điều trị cho những đứa trẻ mất khả năng nói, mà con là chuyên viên y tế về ngôn ngữ và giao tiếp. Mẹ đừng bao giờ gọi chúng là những đứa trẻ đần độn”.

Tôi đề nghị nó nói lại nghề nghiệp của nó một lần nữa rồi viết thật rõ ràng trên giấy cho tôi. Tôi thực tập nói đi nói lại rất nhiều lần. Tôi bỏ cả tờ giấy ấy vào trong sách. Nhưng tôi vẫn không nói lại cho chính xác được. Vì thế có thể bây giờ Pearl cũng nghĩ tôi là một kẻ đần độn có vấn đề với ngôn ngữ đấy.

Tất nhiên hai đứa con của Pearl không có vấn đề gì với chuyện nói tiếng Anh. Đứa con lớn của nó mới được hai tuổi đã biết chạy đến cửa, chào to, “Ha-bu! Ha-bu! Ha-bu ở đây!” Nó mới thông minh sáng láng làm sao, tôi nghĩ. Nó biết cách gọi bà ngoại nó bằng tiếng Thượng Hải. Rồi nó nói với

bà ngoại nó bằng tiếng Anh. “Bà có quà gì cho con nào? Cái gì? Bao nhiêu cái? Chúng ở đâu?”

“Tuyệt chưa mẹ?” Pearl nói, “Nó bao giờ cũng nói cả một câu hoàn chỉnh. Hầu hết những đứa trẻ ở tuổi nó chỉ nói vài từ. Nó thông minh lắm.”

Tôi đáp, “Hay hóm gì cái chuyện có một đứa con lanh lợi kiểu ấy chứ? Con phải dạy cho nó cốt cách, đừng có hỏi một lúc quá nhiều, theo như cái cách mẹ đã dạy con ấy.”

Con gái tôi ném cho tôi nụ cười nửa vui nửa giận. Nó nói, “Ôi mẹ!” Chỉ có thể, không một lời tranh cãi nào.

Tôi nhớ lại điều này trong khi tôi quét dọn phòng của nó. Nó là như vậy đấy, bao giờ cũng lịch sự một cách thận trọng, bao giờ cũng cố gắng tránh những cuộc đụng độ như những người xa lạ.

Chợt tôi chạm phải một vật gì dưới gầm giường của con gái. Những đứa cháu ngoại - thật quậy phá khi chúng chơi đùa với nhau. Tôi lôi ra một cái hộp nhựa màu hồng. Hộp khóa chặt không thể mở nếu không có khóa. Trên nắp hộp có dòng chữ “Kho tàng bí mật của tôi.”

Tôi đã nhớ ra. Tôi đã tặng con gái cái hộp này vào sinh nhật lần thứ 10 của nó. Khi ấy nó mở ra, nhìn vào trong.

“Chả có gì,” nó nói, nhìn tôi làm như tôi có thể thay đổi được điều đó. “Tất nhiên. Bây giờ thì nó không có gì. Nhưng sau này con có thể cho đồ của con vào.” tôi bảo nó. Có thể nó nghĩ cái hộp cũng đáng vứt đi như cái bàn trang điểm. Nhưng với tôi cái hộp này rất hiện đại, một cái gì mà tôi cho là nó thích “Những cái gì ạ?” Nó hỏi lại tôi.

“Những món đồ của Mỹ, thật bí mật, thật riêng tư ấy”

Nó chẳng nói gì, chỉ chăm chăm nhìn cái nắp có vẽ một cô gái với một bím tóc đuôi gà màu vàng, đang nằm trên giường, chân cong lên chạm vào tường và đang gọi điện thoại. Chúng tôi đã có nhiều tranh luận về chuyện này, những cuộc nói chuyện điện thoại quá lâu.

Nhưng bây giờ tôi có thể thấy cái mái tóc màu vàng của cô gái đã chuyển thành màu đen. Cái hộp trước kia trống rỗng và chỉ chứa đựng nỗi thất vọng của con gái tôi bây giờ thì nặng trĩu, đầy những món đồ bên trong.

Ôi tôi thật sự bị kích động. Tôi muốn mở kho tàng trong trái tim đưa con gái bé nhỏ của tôi, tất cả những thứ này đã được giấu kín bao nhiêu năm qua. Tôi tìm trong các ngăn kéo khác chìa khóa để mở. Không có. Tôi cúi tìm dưới gầm giường. Tôi chỉ thấy một đôi dép lê cũ của Tàu có hai cái lỗ xỏ vào ngón chân cái.

Tôi quyết định xuống dưới nhà tìm dao để phá cái chốt. Nhưng khi chân tôi bước đi, đầu óc tôi đã lao vút về phía trước. Cái gì ở bên trong? Có phải là những cái làm thất vọng, tổn thương? Và nếu tôi mở ra và nhìn thấy một cái gì kì cục? Nếu những thứ bên trong đó lại chẳng có gì giống như tôi hình dung?

Tôi cố gắng quyết định phải làm gì. Phá cái chốt hay không? Đặt trả lại cái hộp vào chỗ cũ, sau này hãy mở nó ư? Trong lúc tự hỏi mình như vậy, tôi đưa tay vuốt tóc, tay kia chạm phải cái ghim cài tóc và đó là câu trả lời ngay tức thì. Tôi lấy cái ghim cài tóc, nạy vào ổ khóa.

Tôi nhìn thấy hai cây son nhỏ, một cây màu hồng, một cây màu trắng. Tôi tìm thấy mấy món đồ trang sức, một cái dây chuyền bằng bạc với cây thánh giá, một cái nhẫn có một viên đá giả ruby ở một bên, một cục bong bóng ở bên kia. Ở bên dưới còn nhiều món lặt vặt khác, kể cả những vật kinh khủng - những mút bông gòn mà tôi đã cấm nó không được dùng trong những ngày có kinh, phấn mắt màu xanh, tôi cũng cấm không được bôi, dưới nữa là những món còn ngớ ngẩn hơn, một thông báo cho một cái gọi là ngày khiêu vũ của tuổi chanh cốm và những lá thư của Jeanette bạn nó. Tôi nhớ đứa con gái này, một đứa có bà mẹ bao giờ cũng cho phép nó đàn đúm với bọn con trai.

Pearl cự nự tôi “Tại sao con không được mời một đứa bạn trai đi nhảy đầm? Jeanette cũng đi kìa. Mẹ nó cho phép nó đi.” “Con muốn theo đuôi

một đứa con gái chẳng biết phải quấy gì sao? Con muốn nghe lời mẹ nó à? Một người mẹ thậm chí chả thèm quan tâm đến con gái nữa.”

Tôi có thể nhìn thấy tất cả những điều đó trước mắt, tôi mở một trong những lá thư của Jeanette. Cái gì thế này. “Ê nhớ quậy tót khỏi nghe. Cho hấn đi tong.”

Tôi hoàn toàn đúng. Một đứa con gái điên rồ hư hỏng.

Chợt tôi nhìn thấy một món khác. Tôi nín thở. Đó là một cái cạc nhỏ có một bức ảnh chúa Jesus ở một mặt. Ở mặt kia có dòng chữ. “Để tưởng nhớ James.Y.Louie.” Một hàng chữ nhỏ nữa ghi ngày sinh của chồng tôi, 14 tháng 4 năm 1914, có cả ngày ông tạ thế. Nó được tô bằng bút đen với rất nhiều nét vạch giận dữ. Tôi cảm thấy buồn vui lẫn lộn, cũng giống như điều mà bạn cảm thấy khi bạn nghe lại những bài hát ngày xưa mà bạn đã quên. Bạn chỉ có thể gạt đi mỗi một nốt nhạc vừa mới vang lên vào lúc tai nghe thấy và trước khi bạn có thể nói, “Đúng làm sao. Đúng làm sao!”

Bởi vì tôi nhận ngay ra rằng tôi đã sai. Vào lúc này tôi muốn gọi cho Pearl để bảo nó, “Bây giờ thì mẹ đã biết. Con đã buồn phiền. Con đã khóc không phải ở bên ngoài mà ở trong phòng con! Con yêu cha con lắm!”

Sau đó tôi nghĩ đến Helen, cái điều mà bà ta nói tôi qua, rằng bà ta sẽ nói với Pearl tất cả những bí mật của tôi, những điều dối trá của tôi. Sau đó, con gái tôi liệu còn tin tôi nữa không?

Tôi dùng máy hút bụi để dọn sạch bụi bẩn, tôi giận dữ ném làn bụi vào không khí để quăng đi nỗi âu lo của mình. Tôi đi ra ngoài hành lang, hút bụi dưới những tấm thảm, thanh trượt bằng nhựa, những chỗ mà tấm thảm lộ ra. Tôi nhấc thanh trượt lên, chỗ bị che đi vẫn mới, một tấm thảm thêu kim tuyến màu vàng, nhưng ở hai đầu tấm thảm lộ ra ngoài thì đã tua cả, trông rất bẩn thỉu. Mặc cho mọi cố gắng làm sạch của tôi, trông nó vẫn vậy. Cũng giống như những vết dơ trong đời tôi, không có cách gì gột sạch được.

Tôi đã xuống cầu thang, ngồi vào ghế bành. Trời bắt đầu hửng sáng mà tôi vẫn ngồi, hoàn toàn tỉnh táo, tay cầm chặt lá thư của người đẹp Betty. Tôi nghĩ về tất cả những thời điểm mà Văn Phú có thể chết và phải chết.

Trong chiến tranh khi mà bao nhiêu phi công ưu tú đã chết cùng một lúc, trong khi hấn chồm khỏi xe Jeep, giết chết một người nào đó, khi quân Cách mạng quay trở lại tiến hành thanh trừng Quốc dân Đảng, trong Cách mạng Văn hóa. Trong những thời điểm này có bao nhiêu người khác đã chết lẽ ra hấn phải chết nhưng hấn đã không chết.

Đây là lá thư của người đẹp Betty gửi cho Helen viết rằng hấn đã chết ở trên giường bệnh trong sự quây quần của gia đình: vợ hấn, những đứa con của hấn với một người vợ khác, vợ chồng người em trai, những đồng đội phi công cũ của hấn.

Tôi có thể hình dung ra tất cả bọn họ, những giọt nước mắt nhỏ xuống mặt Văn Phú, những bàn tay vuốt tóc hấn, những hòn gạch ủ ấm cái chân hấn, những giọng nói dịu dàng làm hấn bình tĩnh lại, vuốt ve hấn, gọi tên hấn. “Đừng ra đi! Đừng ra đi.”

Hấn chết một cách an lành, lá thư nói như vậy. Chết vì một cơn đau tim ở tuổi 78. Tôi gấp lá thư lại làm đôi. Sao cái bệnh teo tim lại cho hấn sống lâu thế! Bây giờ để lại tôi với một con tim đau nhức. Tôi ngồi trên ghế sofa khóc than, la hét, ước gì tôi được ngồi lên giường bệnh của hấn, ước gì hấn vẫn còn sống. Bởi vì nếu hấn vẫn còn sống tôi có thể cúi xuống giường của hấn, gọi tên hấn, tôi có thể cạy cho mắt hấn mở ra để nói với hấn rằng: “Văn Phú, giờ thì tao đã trở về.” Khi hấn có thể nhìn thấy ruột gan của tôi qua đôi mắt của tôi, tôi sẽ chum miệng lại nhỏ toẹt vào mặt hấn.

Hãy xem hấn đã chết như thế nào! Chết rồi, mà hấn vẫn còn quay trở lại. Suốt buổi tối hôm qua Helen cứ nói, “Chuyện đó có nghĩa gì.” Bà ta sẽ nói với con cái bà ta như thế nào? Bà ta sẽ nói với chúng bao nhiêu chuyện?

Chắc chắn là tôi có thể nói với con tôi trước: Mẹ có một cuộc hôn nhân khác với một người khác. Đó là một cuộc hôn nhân tồi tệ. Mẹ đã mắc sai lầm. Giờ người đàn ông đó đã chết.

Tôi có thể nói với chúng: Tôi có những đứa con khác trong cuộc hôn nhân thứ nhất, nhưng tôi đã để mất chúng, thật đáng buồn, nhưng đó là trong thời chiến, đã lâu lắm rồi. Tôi giả vờ nói là tôi đã cưới cha chúng để tôi có thể được nhập cư vào đất nước này. Helen đã che giấu cho tôi, để sau

này tôi cũng phải che giấu cho bà. Tôi có thể nhìn thấy khuôn mặt của Pearl thể hiện sự nghi ngờ. “Không, không” tôi muốn nói, “nó không kinh khủng như là con nghĩ đâu. Mẹ đã lấy cha con, ngay sau khi mẹ tới đây. Chúng ta đã sống thật là hạnh phúc kể từ dạo đó, cũng giống như những câu chuyện khác nếu ba con không ra đi.”

Nhưng thậm chí nếu tôi nói với chúng như vậy, Pearl cũng sẽ biết rằng không phải tất cả sự thật đã xảy ra như vậy. Nó thấy điều đó qua đôi mắt đen tối, đôi tay cứng đờ, cái giọng run rẩy của tôi. Nó sẽ không nói gì hết, nhưng nó sẽ biết cái điều mà tôi muốn giấu.

Lúc đó Pearl sẽ biết những điều tồi tệ nhất - điều mà Jimmy cũng không biết, điều mà tôi đã cố quên đi trong suốt 40 năm qua. Văn Phú, người ông xấu xa ấy là cha của Pearl.

Tôi cố nghĩ xem tôi phải nói thế nào với con gái tôi. Mỗi lần bắt đầu tôi lại có thể nghe giọng nói của nó với bao đau khổ, “Con biết đúng thế mà. Mẹ bao giờ cũng yêu Samuel hơn.” Thế là nó sẽ không bao giờ tin tôi. Nhưng có thể tôi sẽ bảo nó, điều đó không đúng, mẹ yêu con nhất trên đời, hơn cả Samuel, hơn tất cả những đứa con khác mà mẹ đã có trước con. Tôi có thể nói với nó. Mẹ yêu con bằng những cách mà con không bao giờ biết được. Có thể con không tin điều đó, nhưng với cả trái tim mình mẹ biết đó là sự thật. Bởi vì con đã làm cho trái tim mẹ đau đớn nhất, có thể mẹ cũng đã làm chính điều đó với con. Tôi sẽ gọi điện thoại cho nó, điện thoại đường dài. Tiền bạc không thành vấn đề, tôi sẽ nói mẹ không thể đợi được nữa, mẹ phải cho con biết một điều. Sau đó tôi sẽ bắt đầu cho nó biết không phải chuyện gì đã xảy ra mà là tại sao chuyện đó lại xảy ra và làm sao nó không thể xảy ra theo bất cứ một cách nào khác.

## 5. MỘT NGÀN LẺ MỘT CHUYỆN

Đầu tiên tôi bảo con gái là tôi không còn cảm thấy đau ở ngực nữa, đó chỉ là lý do tôi đưa ra để bảo nó nên đến ngay lập tức. Nó vẫn có vẻ mặt lo lắng ghê gớm, “Có thể chúng con sẽ đưa mẹ đi bác sĩ ngay. Để kiểm tra cho chắc.”

“Mẹ chắc chắn mà,” tôi nói. “Bây giờ mẹ thấy đỡ nhiều lắm rồi. Không cần phải trả tiền khám bệnh cho bác sĩ đâu. Cởi áo choàng của con ra.”

“Con vẫn nghĩ là chúng ta nên đi bác sĩ.” “Thì hãy ăn một ít mì trước đã. Xem mẹ nấu như thế nào, cũng giống như hồi con còn bé với rất nhiều củ cải chua và một ít thịt heo ướp gia vị. Vào những ngày mùa đông, con rất sung sướng được ăn món này!” Tôi hi vọng là nhớ lại cái mùi vị của món mì tôi nấu sẽ làm cho nó cảm thấy dễ chịu, nó cởi áo khoác ra và ngồi xuống ăn.

“Nhưng mẹ cảm thấy đau như thế nào hả?” Nó hỏi, một muỗng đầy chuẩn bị đưa vào miệng.

“Nóng quá hả?” tôi hỏi.

“Không nóng đâu,” nó nói.

“Có đủ nóng không?”

“Không, vừa ăn lắm, thật thế ạ.”

Tôi múc thêm cho nó, nhìn nó ăn món mì tôi nấu và bắt đầu kể cho nó nghe tất cả.

Đó cũng là cái cảm giác đau đớn mà mẹ đã cảm thấy từ rất nhiều năm trước, do việc ém kín mọi chuyện bên trong đợi cho đến lúc đã quá trễ.

Ta nghĩ mẹ ta đã để lại cho ta lỗi lầm này cũng như cái nỗi đau này. Bà để lại cho ta trước khi bà có thể giải thích tại sao bà ra đi. Ta nghĩ rằng bà cũng muốn giải thích nhưng vào phút chót bà lại đổi ý. Thế là cho đến tận hôm nay ta vẫn cứ có cái cảm giác là ta đang đợi bà quay trở lại, nói cho ta nghe tại sao mọi việc lại xảy ra như vậy.

Ta chưa bao giờ nói cho con nghe về mẹ ta phải không? Rằng bà đã bỏ ta mà đi? Ô, đó là bởi vì chính ta cũng chẳng bao giờ tin vào điều đó. Vì thế có thể đó là lí do ta không kể cho con nghe.

Tất nhiên điều đó tuyệt không có nghĩa là ta không nghĩ đến bà. Ta yêu bà lắm. Thực tế là từ khi ta còn bé tí, và trong bao nhiêu năm qua ta vẫn giữ mái tóc của bà, dài cả thước cuộn trong một cái hộp thiếc nhỏ. Ta đã giữ gìn cho bà ngàn ấy năm qua, nghĩ rằng một ngày kia bà sẽ quay trở lại, ta sẽ đưa lại cho bà như một món quà. Sau này khi ta tin là bà đã chết, ta vẫn giữ mái tóc ấy. Ta nghĩ ta có thể tìm thấy xác của bà, khi ấy cơ thể và mái tóc bà lại tìm thấy nhau, nhập lại làm một, như thế sang thế giới bên kia bà sẽ không mất đi mái tóc của mình. Lại một lần nữa bà có thể để cho những ý nghĩ của bà lang thang hoang dại.

Đây là những điều mà ta nhớ về mẹ, ngồi trong phòng bà, chải mái tóc dài óng ả và để nó đổ xuống lưng. Mẹ cũng để cho ta chạm vào suối tóc ấy.

Còn gì nữa? Rất nhiều, ta không nhớ hết mọi chuyện về mẹ ta. Ta chỉ mới 6 tuổi khi bà biến mất. Nhưng có một số điều ta nhớ rất rõ; mái tóc dài, nặng trĩu của bà, bàn tay rắn rỏi của bà khi bà nắm tay ta, cái cách bà gọt một trái táo làm sao cho vỏ không bị đứt và làm sao cho nó cuộn tròn trong lòng bàn tay ta như một con rắn vàng dẹt lét. Con còn nhớ không? Ta đã học được điều này từ bà để làm cho con vui.

Có những điều khác nữa trong kí ức của ta nhưng nó rất lộn xộn. Ta thấy bức chân dung của bà. Bức họa này được thực hiện sau khi bà ra đi. Ta nhớ cái miệng của bà không giống trong bức chân dung, trong bức họa nó cứng và nghiêm nghị quá. Ta nhớ rõ đôi mắt buồn, chứa đựng bao nhiêu



mắt mát. Ta không nhận ra mẹ ta trong bức chân dung họa lại này. Tuy vậy, ta cần phải tin rằng người đàn bà trong tranh là mẹ ta bởi vì đó là tất cả những gì còn lại về bà.

Ta thường đặt bức tranh vào lòng, nhìn vào khuôn mặt bà từ phía này sang phía kia. Nhưng khuôn mặt của bà luôn nhìn về một hướng, không bao giờ gặp ánh mắt ta cả. Khuôn mặt của bà chẳng nói lên điều gì. Ta không thể nói là bà nghĩ gì trước và sau khi bức họa được thực hiện, ta không thể hỏi bà tất cả những điều muốn hỏi trước khi bà ra đi: tại sao bà đang giận dữ với cha ta mà vẫn giữ một nụ cười tươi tắn trên môi. Tại sao bà nói chuyện với mình trong gương suốt đêm như thể khuôn mặt bà trong gương đang nhìn lại là thuộc về một người nào khác. Tại sao bà bảo ta rằng bà sẽ không bế ta nữa, rằng ta phải học đi lại một mình.

Một hôm, lúc đó ta khoảng 10 tuổi - sau khi bà đã bỏ đi được vài năm - ta lại nhìn vào bức họa của bà một lần nữa. Ta thấy một vết lem in lên một bên má xanh xao của bà. Ta lấy một miếng vải mềm nhúng nước, rửa mặt cho bà. Nhưng má bà càng trở nên đen hơn. Ta kì thật mạnh, mạnh hơn nữa. Chẳng bao lâu ta thấy kết quả việc mình làm. Ta đã hoàn toàn làm mất một nửa gương mặt bà. Ta khóc dữ lắm, cứ như chính ta đã giết bà. Sau đó không bao giờ nhìn lại bức họa mà ta lại không cảm thấy một nỗi đau khủng khiếp. Vì thế con biết đấy, ta cũng chẳng có lấy một bức ảnh của mẹ ta.

Nhiều năm qua, ta cố nhớ lại khuôn mặt của bà, những lời bà nói với ta, những chuyện mẹ con ta đã làm với nhau. Ta nhớ về bà bằng hàng ngàn cách khác nhau, như người Hoa vẫn thường nói – thiên ức vạn tải chuyện. Đó làm một con số lớn, một con số cường điệu. Nhưng mà ta đã nghĩ về mẹ ta trong gần 70 năm trời vì thế có thể là có đến mười ngàn cách nghĩ khác nhau về bà, như thế chắc là bà đã được thay đổi hàng ngàn cách, với mỗi một lần ta nghĩ đến bà. Có lẽ vì thế mà kí ức của ta về bà không còn chính xác nữa.

Thật đáng buồn! Có lẽ điều đáng buồn nhất trên đời là khi con mất đi một người nào đó mà con yêu, mà người ấy lại luôn luôn thay đổi. Sau đó con sẽ tự hỏi phải chăng đó chính là người mà con mất? Có thể là con mất

nhiều hơn hoặc ít hơn mười ngàn lần trong kí ức hay là trong trí tưởng tượng của con - con không còn biết cái gì thật cái gì giả nữa.

Nhưng có một số điều ta chắc chắn là biết rất rõ như đôi chân ta, tại sao nó lại như thế này. Hãy nhìn chân ta coi, chúng rất gầy, không có một thớ thịt nào ở bắp chân. Mẹ thường bế ta đi khắp nơi, ngay cả khi ta đã 6 tuổi, mẹ rất chiều ta, ta không bao giờ chịu bước đi một mình dù chỉ là 10 bước chân. Đây không phải do ta ốm yếu, bệnh hoạn gì đâu. Ta bao giờ cũng muốn nhìn thấy thế giới này ở cùng với chiều cao của bà, cũng một cách nhìn của bà.

Đó là lí do tại sao ta không nhớ nhiều về những ngày đầu ta sống trong một ngôi nhà sang trọng ở Thượng Hải. Ta không biết về ngôi nhà này, những người ở đó theo cái cách mà con sẽ biết nếu con là một đứa trẻ tự đi lại một mình khám phá hết góc này đến góc khác. Mỗi khi ta nhớ về những ngày thơ bé này ta chỉ nhớ căn phòng của mẹ con ta và một cái cầu thang dài đưa chúng ta xuống lối đi có những họa tiết nước trên sàn.

Trong kí ức của mình, ta vẫn có thể nhìn thấy cầu thang dốc đổ xuống hết tầng lầu này đến tầng lầu khác, mẹ ôm ta trong khi bà cúi người nhìn xuống các tầng dưới nơi có những người vợ khác của cha ta sống, mặc dù đó chỉ là ước đoán của ta thôi. Mẹ bảo ta phải tuyệt đối giữ yên lặng, không được cười hoặc hỏi han này nọ. Ta nín thở, cố gắng vâng lời mặc dù ta chỉ chực khóc òa lên, bảo với bà rằng ta sợ nhìn xuống cầu thang phía dưới lắm. Khi nghe thấy giọng những kẻ hầu người hạ mẹ lại đứng thẳng lên. Chúng ta cùng hít một hơi thật sâu, ta ôm bà thật chặt, thật may là ta đã không lộn nhào xuống. Mỗi khi ta nghĩ về cái cầu thang này ta lại nhớ căn phòng, sau đó nhớ về những cái khác nữa, nhiều, nhiều nữa cho đến ngày bà bỏ đi. Hoặc là cũng có thể tất cả kí ức của ta và trí tưởng tượng của ta về bà giờ đây tập trung vào một ngày.

\*

Sau khi nhìn xuống cầu thang, chúng ta quay về phòng. Đó là lúc sáng sớm, những thành viên trong gia đình vẫn còn ngon giấc. Ta không nhớ được tại sao chúng ta lại thức dậy, cũng không thể đoán được nữa. Nhìn vào

màu mây trên trời có thể đoán là lúc đó vào khoảng một tiếng đồng hồ trước khi người đầy tớ gái phục vụ bữa điểm tâm cho mọi người.

Mẹ ta đang chơi một trò gì đó với những quân bài nhỏ màu đỏ và đen đang dàn ra trên một cái bảng. Mẹ nói đó là trò chơi ngoại quốc gọi là chếc cơ, “tù nhân và khóa tay”. Chỉ đến bây giờ khi nghĩ đến trò chơi chếc cơ ta mới nhận ra là bà chắc là đang chơi cờ đam. Bà di chuyển những quân cờ dọc ngang trên tấm bảng, giải thích rằng những màu khác nhau là những người đang đánh nhau dưới sự chỉ huy của các vị tướng khác nhau, cố gắng bắt sống kẻ khác. Nhưng khi bà bắt đầu giải thích nữa thì cái đầu non nớt của ta trở nên dần độn. Tất nhiên, ta không nói rằng ta bối rối như thế nào, ngược lại ta than vãn rằng ta đang đói. Ta có thể làm điều đó với mẹ ta, mè nheo, đòi hỏi này nọ. Bà không bao giờ cứng rắn đối với ta, không như một số bà mẹ có thể quá nghiêm khắc với con cái. Bà có lẽ là tỏ ra khoan dung với ta hơn là ta đối với con. Đúng thế, con có thể hình dung được không? Nếu ta đòi một cái gì đó thì ta chắc chắn là sẽ có được nó, không hề nghĩ rằng mình phải làm một cái gì đó để đáp lại. Con thấy đấy, dù ta chỉ có mẹ trong một thời gian ngắn ngủi, ta đã học được điều đó ở bà, một sự tin tưởng thuần túy. Cái ngày đó, khi mà ta nói là ta đói bụng, ta đã biết là mẹ ta có một hộp bánh bích quy của Anh giấu ở trên nóc cái tủ áo cao cao của bà. Bà lấy cái hộp thiếc đó xuống. Loại bánh này mẹ ta rất thích, ta cũng thích như mẹ - nó không quá ngọt và không quá mềm. Mẹ ta có nhiều vật ưa thích, sản phẩm của nhiều nước khác nhau. Tất nhiên là bà thích bánh bích quy của Anh, cũng thích đồ trang trí nội thất nhẹ nhàng của họ nữa, thích xe hơi của Ý, găng tay, giày của Pháp, nhạc Ja của người Mỹ, đồng hồ Hamilton. Trái cây thì nhập khẩu từ nước nào cũng được.

Cha của ta sở hữu vài nhà máy dệt và một lần một người khách ngoại quốc tặng mẹ ta một lọ nước hoa Pháp. Bà mỉm cười, bảo rằng bà thật là hân hạnh được nhận một món quà từ một người khách hàng lớn và quan trọng như thế. Nếu con biết bà ngoại con, con sẽ biết ngay là bà không thích ông này theo cái cách bà gọi ông ta là “một khách hàng lớn và quan trọng.”

Lát sau bà cho ta ngửi mùi trong cái lọ. Bà nói nó có mùi nước đáí và đó lí do ta cũng ngửi thấy như vậy. “Tại sao người ngoại quốc lại bỏ ra hàng bao nhiêu tiền để đổ thứ này lên người nhỉ?”, mẹ ta hỏi. “Tại sao không tắm rửa thường xuyên? Đúng là ngớ ngẩn.” Mẹ ta đổ hết nước hoa vào xô, đưa

cho ta cái lọ pha lê tròn. Nó có một màu xanh thắm. Khi ta giờ nó về phía cửa sổ, lắc lắc thì có không biết bao nhiêu là sắc màu nhảy múa trong phòng ta. Buổi sáng hôm ấy ta ăn bánh bích quy của Anh, chơi đùa với cái lọ pha lê của Pháp. Ta có thể nghe thấy những âm thanh của ban mai. Mẹ chính là người đã dạy ta cách lắng nghe. Mẹ bao giờ cũng nhắm tai về phía có tiếng động, chỉ cho ta nhận biết tầm quan trọng của nó. Nếu nó là quan trọng bà tiếp tục lắng nghe, nếu không bà lại quay lại việc mình đang làm. Ta bắt chước bà điều đó.

Chúng ta cùng nghe thấy tiếng những người hầu gái đi lại ngoài hành lang mang những chiếc xô đi đổ, nhắc chúng lên với những tiếng cầu nhàu nho nhỏ. Chúng ta nghe có ai đó kéo một cái thùng xuống cầu thang, tiếng một ai đó thì thầm nghe rõ mồn một. “Chuyện gì thế, đầu óc mày để đi đâu vậy?” Bên ngoài một xô nước lớn hắt ra ngoài cửa sổ cao, tất cả nước đổ ào xuống sân sau - ách chà - âm thanh của nó nghe như là dầu sôi vậy. Một lúc sau chúng ta cũng nghe thấy tiếng ting ting nho nhỏ của những đôi đũa ngà va vào những chiếc bát sứ, một thông báo rằng những người ở gái đang mang bữa điểm tâm đến các phòng.

Đó là những âm thanh thường nhật, chúng vang lên vào mỗi buổi sáng. Nhưng buổi sáng hôm ấy mẹ ta dường như để ý đến tất cả những điều nhỏ nhặt bình thường này. Tai mẹ động lên, tai ta cũng vậy. Cho đến nay điều này vẫn là một thắc mắc trong đầu ta - có phải bà nghe những điều bà muốn nghe, bà có thất vọng không hay là cảm thấy nhẹ nhõm khi lắng nghe những điều này.

Trước khi ta ăn sáng xong, mẹ ta đã nhanh chóng rời khỏi phòng. Bà ra ngoài một lúc lâu hoặc giả chỉ một vài phút thôi. Con cũng biết bọn trẻ con như thế nào rồi đấy, dù là một tiếng hay một giây thì chúng cũng trở nên mất kiên nhẫn. Con cũng thế mà.

Khi ta không thể chờ lâu hơn được nữa, ta mở cửa nhìn ra ngoài, sau đó nhìn về cuối phòng lớn. Ta thấy mẹ và cha ta đang đứng ở đấy to tiếng với nhau. “Chuyện này không liên quan gì đến cô,” cha ta nói một cách nghiêm khắc. “Đừng có nhắc đến nữa.”

“Một khi miệng tôi đã mở ra,” mẹ ta hấp tấp nói, “thì lời lẽ cứ việc tuôn ra thôi.” Đó là lần đầu tiên ta thấy họ cãi lộn. Mẹ không giống như những người vợ khác của cha ta, những người có chung một cung cách giả tạo làm như họ bao giờ cũng sung sướng mãn nguyện hơn những người kia, như thể họ ở trong một cuộc thi đua giành một cái gì to tát lắm.

Bản chất của mẹ ta rất trung thực. Bà có thể rất dịu dàng, tất nhiên thế rồi, nhưng bà cũng rất bộc trực, thẳng thắn. Ai cũng nói đó là thiếu sót của bà. Khi bà nổi nóng lên thì bà sẽ để cơn giận nổ tung ra, sau đó là những rắc rối sẽ kéo đến.

Vì thế buổi sáng hôm ấy khi ta nghe thấy cha mẹ ta lời qua tiếng lại ta sợ lắm, cả hai người không ai la hét cả nhưng cả hai đều rất nóng nảy, ta có thể nói như thế. Giọng gay gắt của cha ta làm ta muốn chạy trốn vào trong phòng, đóng cửa lại. Trong khi đó thì giọng mẹ ta – thật khó mà miêu tả được một âm thanh mà một đứa bé gái có thể cảm nhận được - ta chỉ có thể nói là nó vang lên rất dữ dội, nghe như tiếng vải tốt bị xé toạc thật mạnh tay, không bao giờ có thể vá lại được.

Cha ta quay lưng đi. Lúc đó ta nghe thấy mẹ ta nói, “Bà Hai Phẩy” như thể cái tiếng đó là một câu chửi. Cha ta không quay lại, “Cô sẽ không bao giờ thay đổi được điều này.” Đó là tất cả những gì mà ông nói. “Ông nghĩ tôi không thể thay đổi được điều đó ư?” mẹ ta nói với theo, khi cha ta đã bỏ đi.

Lúc đó ta cũng không hiểu nghĩa của những từ này, “Bà Hai Phẩy”, ta chỉ biết nó rất xấu, cái tên tồi tệ nhất mà người ta gọi mẹ ta, cái tên bao giờ cũng buộc mẹ ta bỏ ra hàng giờ ngồi trước gương buộc tội cái bóng đang nhìn chăm chăm vào bà.

Cuối cùng mẹ ta quay lại, khoác lên mặt một nụ cười lạ lùng mà ta chưa nhìn thấy bao giờ. Mẹ nhìn ta. “Vẫn đói lắm”, ta lập tức than vãn với một giọng nhõng nhẽo.

“Vào đi, vào đi,” bà nói giọng nhẹ nhàng. Lúc ấy nụ cười của mẹ trở lại đúng là nụ cười quen thuộc đối với ta mặc dù ta thắc mắc, làm sao bà vẫn cười được khi bà đang giận dữ như vậy?

Quay vào phòng, bà bảo ta mặc quần áo vào. “Bộ nào đẹp nhất ấy,” bà nói. “Chúng ta sẽ đi chơi”.

“Ai nữa ạ?”

“Chỉ hai mẹ con ta thôi,” bà nói. Điều này cũng bất thường nữa. Nhưng ta không hỏi han chi cả. Ta lấy làm vui sướng cho cái dịp hiếm hoi này. Bà mất một lúc lâu - chuẩn bị. Ta chỉ quan sát. Ta thích ngắm nhìn mẹ ta mặc quần áo. Bà mặc vào người chiếc áo đầm, ngắm nghía trong gương, rồi lại cởi ra, mặc một tấm áo dài Trung Hoa, rồi cau mày, cuối cùng sau khi đã thử nhiều chiếc áo khác nhau, bà lại mặc chiếc áo đầm đầu tiên, một chiếc áo màu xanh ngọc có ống tay áo ngắn, chân váy dài với những nếp gấp mềm mại rủ đến tận mắt cá.

Ta đợi cho đến khi mẹ bỗng ta lên, cuối cùng chúng ta sẽ lên đường.

Nhưng trái lại, bà vỗ vào đầu ta. “*Tâm can*,” bà nói “Con đã lớn rồi.” Bà luôn gọi ta là *Tâm can*, từ này có nghĩa là “ruột gan”, một bộ phận của cơ thể trông giống một trái tim nhỏ. Trong tiếng Anh, con gọi nó là mề nghe chẳng có gì là hay ho. Nhưng trong tiếng Hoa *Tâm can* nghe rất hay, là từ mà các bà mẹ thường gọi những đứa con bé bỏng mà họ yêu hết lòng, yêu nhiều lắm lắm ấy. Ta cũng thường gọi con như vậy. Con có biết không?

“*Tâm can*”, mẹ ta nói, “hôm nay mẹ sẽ dạy con những bí mật quan trọng. Nhưng trước hết con phải học bước đi một mình.” Trước khi ta có thể kêu khóc hoặc than vãn bà đã bước đi trước ta, miệng nói “đi nào, đi nào” như thể có nhiều niềm vui đang chờ đợi ở phía trước. Ta chạy theo sau, rồi chúng ta ra khỏi cổng trước, ngồi vào một chiếc xe lôi kiểu mới lao vùn vụt trên khắp phố phường nhanh hơn xe tay cũ nhiều.

Mới là đầu mùa hè, vì thế không khí buổi sáng vẫn còn vương chút hơi lạnh mặc dù vào buổi chiều thì nóng đỏ mồ hôi hột ra. Trong khi chúng ta đi xa ra khỏi nhà ta nghe thấy những âm thanh khác nhau: tiếng rao của những người bán hàng rong, tiếng động cơ xe, tiếng còi ô tô và nhiều những âm thanh ồn ào khác – tiếng đồ âm âm của những ngôi nhà cũ đang bị phá đi, âm thanh của những ngôi nhà đang mọc lên. Nghe những âm thanh này

ta vui sướng xiết bao! Mẹ ta dường như cũng rất vui. Bà trở thành con người khác, cười nói, trêu chọc, chỉ trỏ, kêu lên với giọng hân hoan như một người bình thường.

“*Tâm Can, nhìn này!*” qua cửa sổ của một cửa hàng chúng ta nhìn thấy tràn ngập những đôi bao tay bằng da dê thuộc dành cho phụ nữ. Chúng ta bước ra khỏi xe, dán mũi vào cửa sổ. “Có bao nhiêu là cánh tay khăng khiu giờ lên cho khách hàng,” mẹ ta nói. Ta vẩy tay lên như những con rắn, cả hai mẹ con ta cười vang. Rồi chúng ta quay lại xe.

“Mẹ nhìn kia!” Ta kêu lên một phút sau đó. Ta chỉ vào một người đàn ông đang thổi một đồng bột đậu đặc sệt dài thông vào một cái nồi nước sôi. Ta rất tự hào vì đã phát hiện ra một điều thú vị chỉ cho mẹ ta coi. “Ông ta giống như một con cá,” ta reo lên. “Con cá trong một vòi phun!” ta đứng hẳn lên trên xe. Bột cuộn lại thành những sợi mềm nhão. “Ông ta dùng mồm như một dụng cụ nấu nướng,” mẹ ta giải thích.

Trong ngày ấy chúng ta chứng kiến rất nhiều cảnh thú vị. Dường như mẹ muốn ta mở to mắt, động tai lên, ghi nhớ tất cả mọi thứ. Hoặc có thể là trí tưởng tượng của ta đã khiến ta nghĩ như vậy. Có thể là bà cũng chẳng có ý định ấy. Có thể là chúng ta chẳng hề chứng kiến những cái cảnh mà ta đã miêu tả. Có thể chúng ta cũng chẳng đi đến những chỗ mà ta vẫn còn nhớ ấy. Làm sao chúng ta có thể làm ngần ấy việc trong vòng một ngày. Nhưng đó là điều mà ta nhớ, thậm chí còn nhiều hơn nữa.

Cũng ngày hôm ấy, chúng ta cũng đi đến tất cả những nơi có những thứ tuyệt nhất có thể tìm được trên đời. Đến đường Chiết Giang nơi mẹ nói là người ta đóng những đôi giày da đẹp nhất theo kiểu Pháp, nhưng bà chẳng mua đôi nào. Đến Thành Hoàng Miếu bà nói là người ta bán loại phấn đẹp nhất làm từ ngọc trai nghiền, bà bôi một ít lên mặt ta, nhưng bà cũng chẳng mua gì hết. Đến đường Bubbling Well nơi bà mua cho ta loại kem ngon nhất của Mỹ nhưng bà chẳng ăn gì, bảo ta rằng nó hồ lớn và ngọt quá. Đến Phúc Châu nơi bà bảo ta có thể mua bất cứ loại sách báo nào của Trung Quốc cũng như của các nước khác. Ở đây bà mua một cái gì đó, một tờ báo, mặc dù lúc ấy ta cũng chẳng biết nó là cái gì, bởi vì ta đã biết đọc đâu.

Sau đó chúng ta đến Little East Gate, nơi có những tiệm ăn hải sản ngon nhất. Bà nói rằng bà đang tìm một món cao lương mỹ vị mà bà đã không được nếm trong nhiều năm qua. Đó là một loại cá nhỏ rất hiếm gọi là *Wah-wah-yu* vì nó kêu như một đứa trẻ khóc oa - oa, nó có thể quẫy vây và đuôi của nó. Khi chúng ta tìm ra con cá này ta nghe nó kêu rõ to, ta nhìn thấy nó vẫy đuôi và vây y hệt như mẹ ta nói.

“Ngày xưa ta thích ăn thịt con cá này lắm,” bà nói. “Thịt nó mới ngon, ngọt làm sao. Đến cả cái vây của nó cũng ngọt, mềm như lá non vậy. Nhưng bây giờ thật là buồn khi ăn một sinh vật như vậy. Mẹ chẳng có lòng nào muốn ăn thịt nó nữa.” Ta chú tâm vào tất cả những nơi, những sự vật mẹ con ta khám phá. Ta nhớ cái ý nghĩ này, nó thật quan trọng. Hãy lắng nghe thật cẩn thận, có bao nhiêu là khao khát được ghi nhớ, bao nhiêu nơi chốn phải tìm tòi. Ta nghĩ mẹ ta muốn dạy cho ta một điều bí mật - rằng hạnh phúc của ta tùy thuộc vào việc ta tìm cho ra, ngay lập tức, câu trả lời cho mỗi một ước vọng.

Buổi chiều hôm đó chúng ta đi đến một rạp chiếu bóng. Bên ngoài trời rất nắng, mặt trời rừng rực đổ lửa xuống trần, cả người ta mồ hôi mồ kê dính nhem nhẹp. Vì thế mà ta vô cùng vui thích được đi vào trong rạp chiếu bóng tối om. Tất nhiên ta đã nhầm khi nghĩ rằng trong rạp mát hơn. Lần cuối cùng ta vào đây là vào mùa đông hay mùa xuân gì đó. Nhưng hôm ấy, ở ngoài thì nóng như ở phòng xông hơi, còn bên trong rạp hát thì nóng hầm hập như trong bếp lò. Người ta đã chiếu phim khi chúng ta bước vào rạp, phim kể về một cô gái nhỏ tóc vàng. Một ai đó đánh đàn piano, âm thanh lớn, chất chúa.

“Con chẳng nhìn thấy gì cả, chẳng thấy gì hết,” ta kêu lên với mẹ, sợ rằng sẽ bước hụt. “Chờ một chút” mẹ ta đáp. Lúc sau mắt ta đã quen với bóng tối, ta có thể nhìn người ngồi thành từng dãy, ai cũng phe phẩy một cái quạt giấy. Mẹ ta đếm các hàng ghế “...6, 7, 8,” ta không ngạc nhiên vì sao mẹ ta làm thế, tìm hàng ghế thứ 8 từ đằng sau. Ta chỉ để tâm đến những câu đếm của mẹ vì ta cũng đang học đếm, sau đó thì chúng ta đứng bên hàng ghế số 8, tìm đường đi vào ghế ở giữa cho đến khi mẹ ta đi đến một cái ghế trống. Bà thì thầm với người ngồi ở bên cạnh. Lúc đó ta nghĩ bà đang nói câu xin lỗi. Chỉ mãi đến sau này ta mới đi đến chỗ nghĩ ra bà nói một cái gì khác.



Ta đã xem nhiều hình chuyển động trước đây với mẹ - đó là những bức hình câm, Charlie Chaplin, người đàn ông béo ú, cảnh sát và những người chữa cháy, những chàng cao bồi cười ngửa vòng vòng. Chiều hôm đó bộ phim nói về một cô bé mồ côi bán diêm trong khi trời đổ tuyết, cô bé run rẩy. Người đàn bà ngồi trước mặt ta khóc thành tiếng, khịt mũi âm ỉ, nhưng ta nghĩ cô bé này thật may mắn được còng lạnh trong một ngày nóng nực như thế này. Đó là điều ta nghĩ trước khi ngủ thiếp đi trong rạp hát tối om. Khi ta tỉnh dậy đèn đã được bật lên, mẹ ta đang nghiêng đầu về phía người đàn ông bên cạnh thì thầm với ông ta bằng một giọng nghiêm trọng. Ta giật mình cảnh giác. Có vẻ như rất nguy hiểm, cái việc mẹ ta đang làm, nói chuyện với một người lạ. Thế là ta nhòe dậy, kéo mẹ về phía ta. Người đàn ông nhìn lên, mỉm cười với ta. Ông ta còn trẻ và trông rất thanh lịch. Da ông mịn màng, trắng trẻo không như gương mặt của một người phải làm việc ngoài trời cả ngày. Dù vậy ông mặc một chiếc áo khoác nông dân tầm thường, màu xanh nhưng có vẻ rất sạch. Mẹ ta cảm ơn ông, chúng ta đứng dậy ra về.

Trên xe trở về nhà, ta lại ngủ gật nữa, tất cả những kích động cũng ngủ lịm. Ta chỉ thức dậy một lần - giật bắn người khi nghe người kéo xe chửi một cái xe đi chậm ở phía trước. Mặt ta tựa vào mái tóc của mẹ. Ta phát hiện mình đang chiêm ngưỡng mái tóc của bà. Nó mới khác với màu tóc của ta, của những người phụ nữ khác trong gia đình hay bất cứ ai khác mà ta từng gặp làm sao. Không phải là màu đen nâu hay màu nâu đen nhé. Không có một sắc đen nào có thể dùng để đặt tên cho nó.

Tóc mẹ ta có một cái màu mà con chỉ có thể cảm nhận được hơn là đặt cho nó một cái tên - đen tuyền, một cái màu đen bóng như là nước ở dưới đáy một cái giếng sâu. Gió lùa vào búi tóc của bà thổi tung mái tóc làm ánh nó lên trông giống như những gợn sóng lăn tăn trên mặt hồ khi có một hòn đá nhỏ ném xuống. Thực ra, những lời này cũng chưa đủ để miêu tả mái tóc mẹ.

Ta chỉ nhớ một vài chuyện xảy ra vào buổi tối. Ta đã quá mệt sau một ngày như vậy. Chúng ta ăn bữa tối đơn giản trong phòng sau đó mẹ dạy ta những mẫu thêu mà bà tự chế ra. Ta làm theo bà, chẳng ra gì cả, nhưng mẹ không chê bai ta, không một lần nào. Mẹ khen ngợi những gì ta đã làm. Sau

đó mẹ giúp ta cởi quần áo đi ngủ, mẹ lại dạy ta đếm ngón tay, ngón chân. “Hơn nữa, con sẽ biết có phải con thức dậy vào mỗi buổi sáng với cùng một con số hay không?” bà nói, “6,7,8,9,10” Con xem mẹ ta thông thái, học thức như thế nào? Bà luôn tìm ra lý do tại sao ta phải học. Một lần bà bảo ta bà đã từng mong muốn trở thành cô giáo như người truyền giáo đã dạy bà.

Sau đó thì bà ngồi lên chiếc ghế đầu trước tủ gương, ta ngắm nhìn bà cởi bỏ quần áo, đồ nữ trang. Bà tháo cái kiềng vàng, bông tai ngọc bích ra. Bà trông thấy ta đang ngắm nhìn bà qua chiếc gương soi. Bà quay lại, giờ những chiếc bông tai lên.

“Một ngày nào đó nó sẽ là của con,” bà nói giọng rầu rầu. Ta gật đầu.

“Tất cả những món này,” bà đập vào hộp nữ trang. Ta gật đầu cái nữa.

“Khi con đeo tất cả những thứ này vào người, người ta sẽ nghĩ lời nói của con có trọng lượng hơn.” Ta lại gật thêm một lần nữa.

“Nhưng con đừng bao giờ nghĩ như thế nghe con, đừng bao giờ.” Bà nói và ta gật ngay lập tức.

Rồi hai mẹ con ta lên giường đi ngủ, bà nằm vuốt tóc ta. Ta ngược mắt lên nhìn khuôn mặt bà, còn bà thì hát cho ta nghe một bài hát ngắn về một con chuột lấu ăn cắp dầu thấp đèn. Con nhớ không? Mẹ thường hát cho con nghe bài này. Còn đêm ấy trước khi nghe hết bài hát ta đã ngủ thiếp đi. Ta mơ về tất cả những thứ mà ta đã chứng kiến ban ngày. Một con cá kêu la, hát một bài về con chuột nhắt. Cô bé tóc vàng thử đôi giày đẹp đẽ của Pháp, còn mái tóc của mẹ ta, khi luồn những ngón tay qua đó ta khám phá ra đó không phải là tóc mà là vải thêu, đồ trang sức. Mẹ ta, ngồi trước bàn trang điểm chải mái tóc dài, khóc lên với bóng của mình trong gương, “Bà Hai Phẩy! Bà Hai Phẩy!”. Dù vậy đó chưa phải là đoạn cuối trong giấc mơ của ta.

Sáng hôm sau thức dậy ta không thấy bà ở trong phòng nữa. Ta nghĩ bà đã lặng lẽ ra khỏi giường đi ra cầu thang như là chúng ta đã làm ngày hôm trước. Ta mở cửa nhìn ra. Ta chỉ nhìn thấy những người hầu kẻ hạ mang những chiếc xô đi đổ. Ta trở lại phòng ngồi đợi mẹ quay về. Sau đó ting,

ting, ting - một người giúp việc đi đến với hai tô súp đậu tương bốc khói nghi ngút. Con biết món này đây, một món súp sữa đậu nành có vị mặn mà chúng ta ăn ở Fountain Court vào dịp cuối tuần. Lần trước Cleo ăn một tô bự một mình mà không làm đổ ra ngoài. Tuy vậy, sáng hôm ấy ta chẳng muốn ăn món này. “Mẹ, mẹ ở đâu?” ta hỏi, người ở gái không trả lời ta, chỉ nhìn quanh phòng bối rối. Cô ta đặt cả hai cái tô xuống bàn. “Ăn nhanh lên. Đừng để nguội,” cô ta cau có, rời khỏi phòng ngay lập tức. Ta để cho tô súp nguội. Ta cứ đợi, khi ta không thể đợi lâu hơn nữa thì ta bắt đầu khóc nhưng chỉ chút xíu thôi. Có một cảm giác đau đau trong họng ta, ta lại ngồi đợi mẹ về để giải phóng cho ta cái cảm giác đau rát kia. Ta quyết định là khi bà quay về ta sẽ chỉ cho bà xem tô súp đã nguội như thế nào. Ta sẽ đòi mẹ cho ta bánh quy của Anh ít nhất thì cũng phải ba cái để cho ta hết giận. Ta đợi thêm một lúc nữa. Ta vẩy tô súp, làm cho nó thành món cám heo. Ta đứng lên một cái ghế để lấy hộp bánh quy bằng thiếc xuống mà mẹ vẫn chưa chịu về cho.

Người đầy tớ quay lại mang những tô súp đi. Cô ta nhìn vào cái chất sền sệt trong cái tô, nhìn quanh phòng, nói, “Nhìn xem cô làm cái gì này!” cô ta la lối rồi vội vã ra khỏi phòng. Ngay khi cô ta đóng cửa lại thì ta lại mở ra ngay. Ta nhìn người đầy tớ báo cáo lại với người quản gia. Cả hai lao xuống cầu thang còn ta chạy lên để nhìn họ đi xuống. Sau đó ta nghe giọng nói ồn ào dưới cầu thang, nhiều người đi ra, các cánh cửa mở ra, đóng vào. Ta có thể nhìn thấy nãi nãi từ từ đi xuống cầu thang trong khi người đầy tớ nói liến thoắng với bà. Nãi nãi không phải là một bà nội thông thường, người thường vỗ về lên đầu cháu nhỏ và bảo rằng nó rất dễ thương. Nãi nãi là người chủ tối cao của đám đàn bà con gái trong nhà, còn ta là đứa con gái nhỏ nhất mà cụ chỉ nhận ra khi bà muốn rầy la. Ta chạy vào trong phòng, ngồi trên giường, sợ hãi. Có chuyện rắc rối đây, ta biết rõ như thế.

Ta khóc òa lên khi họ bước vào phòng. “Mẹ mày đâu?” Nãi nãi hỏi hết câu này đến câu khác, “Mẹ mày đi lúc nào? Có mang gì đi không? Có ai đến đưa mẹ mày đi không?”

Một đứa con gái mới 6 tuổi ngu ngơ chẳng biết gì liệu có thể nói lên được điều gì? Ta chỉ lắc đầu thẩn thức. “Mẹ không đi đâu hết. Mẹ vẫn ở đây, ở ngay đây.”

Bỗng một ai đó lao vào phòng. Ta không nhớ được đó là ai, bởi vì ta chỉ nhìn cái mà bà ta cầm trên tay, đó là mái tóc của mẹ đã bị xén ngang bây giờ buông xuống như một cái đuôi ngựa. Tất nhiên ta hét lên, có cái cảm giác như nhìn thấy thủ cấp của mẹ ta vậy. Kinh khủng làm sao!

Từ đây kí ức của ta trở nên hết sức lộn xộn. Ta chỉ nhớ là ai cũng lo sợ, thì thào một cách bí mật, cha ta vô cùng giận dữ. Ông vào trong phòng mẹ ta, mở ngăn kéo ra, quần áo và hộp trang sức vẫn nguyên. Ông ngồi xuống lặng lẽ. Ông nhìn ta một cách dữ dằn như thể đó là lỗi của ta.

“Mẹ mày đi đâu?” ông nói. Ta cố gắng tỏ ra ngoan ngoãn. Ta cố đưa ra những phán đoán ngô nghê. Ta nói đường Chiết Giang. Ta nói có thể là Hoàng Thành Miếu. Ta nhắc đến tiệm bán đồ biển ở Little East Gate. Ta nói bà ở rạp chiếu bóng.

Trong vòng ba ngày ta không rời khỏi phòng. Ta ngồi ở đấy chờ mẹ, không ai bảo ta phải ngồi chờ ở đấy cả. Nhưng cũng chẳng có ai đến với ta. Người đầy tớ mang thức ăn đến cho ta cũng chẳng hề nói gì mà ta cũng không hỏi han chi hết.

Ngày thứ 4 ta tự xuống cầu thang một mình. Như ta đã nói với con, mẹ bao giờ cũng bế ta đi khắp nơi. Vì thế đôi chân ta chưa bao giờ mạnh mẽ. Ngày ấy nó rất yếu ớt. Nhưng cũng có thể là do ta sợ một cái gì ta có thể nhìn thấy ở dưới nhà.

Để ta nói cho con nghe, điều ta nhìn thấy còn tệ hơn là điều ta tưởng tượng ra. Ta nhìn thấy những lá cờ tang treo ngoài cửa, ta hiểu điều đó có nghĩa gì mà không cần hỏi han thêm. Tuy vậy ta không tin vào điều đó. Thế là ta đi đến chỗ cô gái vẫn giặt giũ cho chúng ta, hỏi là ai chết. Cô ta nói, “Sao mà cô chủ có thể hỏi câu đó nhỉ!” Ta đi đến chỗ thím Lớn, người mới tới hôm đó, bà nói, “Đừng có nói gì với bất cứ ai.”

Có thể là một tuần sau hay chưa đến một tuần ta được gửi đến sống với em trai của cha ta cùng hai bà vợ của chú, thím Lớn và thím Nhỏ. Hòn đảo này cách Thượng Hải hai giờ đi canô ngược lên Sông Hoàng Phố. Đó cũng là quê nội của ta. Trên bản đồ, có thể nó chỉ là một chấm nhỏ nổi lên trên mặt nước chẳng nói với đâu cả và dễ dàng bị bỏ qua.

Tuy vậy vào cái lúc mà ta đi đến đảo ta quá mệt mỏi buồn nôn vì chuyến tàu, vì nỗi thống khổ của ta. Ta gào khóc thật to, thật thống thiết, chẳng để ý đến lời dọa của thím Lớn rằng thím sẽ tát cho mặt ta chẻ ra làm đôi. Ta hét lên, “Con muốn mẹ con! Con muốn ở với mẹ con! Bảo với mẹ con ở đây mẹ sẽ tới đón con.”

Đây là điều thím Lớn nói với ta, “Suýt! Đây là nơi chôn mẹ mày, trên hòn đảo này.”

Nếu hôm nay con hỏi ta điều gì đã thật sự xảy ra với mẹ, ta không thể nói với con một cách chính xác được, chỉ là những điều mà người ta nói với ta thôi. Điều này có thể không đúng, có thể chỉ là những chuyện ngồi lê đôi mách thôi.

Dù vậy ta biết một điều: mẹ ta đã gây ra một nỗi ô nhục lớn. Đó là lí do tại sao họ nói bà đã chết và ra sức dập tắt vụ xì căn đàn này. Đó là lí do tại sao không một ai dám nói về mẹ ta với cha ta. Đó là lí do họ đẩy ta đi cho khuất mắt; để ta không làm cho cha ta nhớ đến bà. Nhưng dù vậy họ đã xâm xì rất nhiều về bà. Tất cả bọn họ - thím Lớn, thím Nhỏ, chú ta và bạn của họ - khi uống trà, khi ăn uống, sau giấc ngủ trưa. Trong nhiều năm mẹ ta là đầu đề của rất nhiều chuyện xấu xa, tức cười, những bí mật ghê tởm và những chuyện tình lãng mạn. Cũng giống như quật mộ bà lên, sau đó lại ném xuống, bao giờ cũng tập bao nhiêu điều bẩn thỉu lên nắp quan tài. Con có thể hình dung một đứa bé gái có cảm giác như thế nào khi nghe người ta kháo chuyện như thế về mẹ nó không?

Ta nghe những điều họ nói. Ta cảm thấy hết sức khổ sở. Nhưng tuy vậy ta không thể buộc mình không nghe những điều đó. Ta muốn biết tại sao mẹ lại bỏ ta đi không một lời giải thích.

Như thế mẹ ta trở thành một câu đố, mà mỗi một mẩu chuyện xáo xào về bà lại làm nảy lên trong ta một câu hỏi. Nếu bà chết, sao họ làm đám ma? Đôi khi ta cố chấp nối tất cả những mẩu đàm tiếu mà ta đã nghe được thành một câu chuyện thống nhất. Nhưng chuyện này mâu thuẫn với điều kia cho đến khi chẳng có phần nào có nghĩa cả. Sau đó thì ta nhìn lại những điều mà ta biết về bà cả điều tốt lẫn điều xấu. Ta cố nghĩ về tất cả những lý

do khiến đời bà diễn ra theo cách này mà không theo cách khác. Đây là điều mà ta nghĩ đã đưa mẹ ta đến làm người vợ thứ hai của cha ta, sau đó khiến bà tuyệt tích giang hồ.

Mẹ của ta không như những người phụ nữ Trung Hoa mà người Mỹ các con thường hình dung, cái loại người đi không vững với đôi chân bó nhỏ xiu, dẫn đo từng lời một cách tao nhã như họ chọn từng bước đi. Mẹ ta là một cô gái tân thời. Nhiều cô gái ở Thượng Hải như thế. Họ không phải là “tiểu thư khuê các”, không có cái gì như thế cả. Khi mẹ ta lên 8, bà đã thôi không bó chân nữa, chân mẹ ta to gần như không bó và một vài người nói đó là lí do tại sao bà chạy rất nhanh.

Bà sinh ra trong một gia đình danh giá, khoa bảng ở Thượng Hải, đưa con duy nhất của một người cha quê ở Ninh Ba và một người mẹ ở Tô Châu. Tô Châu là một thành phố, phụ nữ ở đó có giọng nói mượt mà và du dương; ngay cả một người Thượng Hải cũng sẽ bảo với con rằng giọng nói người Tô Châu là hay nhất. Con người Ninh Ba thì buôn bán rất giỏi, họ vẫn hằng hái cái nhau tiếp, cả khi cuộc mặc cả đã ngã ngũ. Vì thế con thấy đấy, mẹ ta ra đời với hai tính cách đánh lộn nhau bên trong tâm hồn bà.

Ta nghĩ mẹ ta chắc là có một vẻ đẹp hoàn hảo đến mức cổ điển, cái đẹp những người con gái khác sẽ tìm thấy trong một câu chuyện cổ và phải rút nước mắt vì nó, ao ước rằng họ đang đọc về chính mình. Một lần nữa mẹ đã đọc cho ta nghe một câu chuyện như thế về một cô gái đẹp nhưng hết sức lẻ loi. Một hôm cô ta soi mình xuống ao và nghĩ rằng cuối cùng cô đã tìm thấy một người bạn, một người không ghen tị với cô. Cô không biết là cái khuôn mặt đang lay động mỉm cười lại với cô chính là cái bóng của mình. Cuối câu chuyện mẹ ta thốt lên, “Ngớ ngẩn! Cô gái này không biết đó chính là bóng phản chiếu của mình!”

Dù sao thì mẹ ta cũng không bao giờ soi bóng mình xuống ao, bà soi gương. Đêm nào bà cũng làm thế. Vì thế nếu trung thực ta sẽ nói rằng mẹ ta tự hào về nhan sắc của mình, có thể là kiêu hãnh nữa nhưng mà đôi chút thôi.

Tất nhiên bà có lí do để tự hào. Da của bà có màu trắng của ngọc ngà. Hoặc là có cái màu phớt trên những trái đào mùa hè. Hoặc có thể là ta chỉ

nhớ về mẹ ta như là ta biết được từ những câu chuyện cổ tích, tất cả những khắc họa về những nhân vật nữ có giọng nói ngân nga tuyệt vời như tiếng sáo, làn da trắng như ngọc như ngà và về xuân sắc trường tồn như những dòng sông êm ả. Có làm sao mà những chuyện này luôn miêu tả người phụ nữ như vậy, làm cho chúng ta tin rằng chỉ có như thế mới được gọi là đẹp? Có thể là mẹ ta chẳng đẹp chút nào và ta chỉ muốn tin là như vậy thôi. Nhưng nếu vậy, ta nghĩ, có làm sao cha ta lại cưới mẹ ta? Cha ta là một ông lớn. Ông có thể có trong tay bất cứ loại phụ nữ nào - thật sự là ông đã có như vậy. Hẳn là chẳng có lí do nào khác để cưới thêm người thứ 2, thứ 3, thứ 4 trừ phi dùng sắc đẹp của người phụ nữ tô điểm thêm danh giá cho người đàn ông. Vì thế ta nghĩ mẹ ta hẳn là rất đẹp. Không phải là do những câu chuyện cổ viết tôi làm cho ta nghĩ thế. Có một vài lí do đây.

Bà rất khéo léo, khôn ngoan và thông minh nữa. Ta có lần đề cập rằng bà là người có học. Bà đã theo học trường truyền giáo ở Thượng Hải, trường đầu tiên ở Trung Hoa cho phép phụ nữ được vào học. Đó là bởi vì cha bà, ông ngoại của ta là người học vấn cao, một viên chức chính quyền, giống như là bộ trưởng phụ trách cải cách những chính sách làm ăn với nước ngoài, một cái gì đại loại quan trọng như vậy. Dù sao thì nhiều người trong giới chức thời ấy cho con gái đi học. Đó là một tư tưởng tiến bộ - có con trai con gái đi học là một điều chứng minh con không có đầu óc cổ hủ. Nhưng ông ngoại của ta không muốn gửi con gái sang Pháp, Anh hay Mỹ, điều mà nhiều gia đình đã làm chỉ để chứng minh là họ giàu như thế nào. Tất cả những cô gái này trở về quê hương với những mái tóc ngắn ngắn, những khuôn mặt đen thui vì chơi tennis ngoài trời. Có gì mà ông lại cho con gái mình ăn học để trở thành cái loại tân tiến mà ông không ưa? Thế là vào năm 1897, trường truyền giáo đầu tiên mở ra ở Thượng Hải, ông ngoại cho mẹ ta đi học ở đây.

Ta nghe nói rằng mẹ ta học tiếng Anh ở đây mặc dù ta chưa hề nghe mẹ ta nói một từ tiếng Anh nào ngoài từ “bánh bích quy”. Thím Nhỏ, người học cùng trường với mẹ ta nói rằng mẹ ta không phải là một học sinh giỏi, không giỏi chút nào, có lẽ vì thế mà ta mới cứng đầu như thế. Mẹ ta rất quậy phá, có lẽ vì thế mà ta mới ngang bướng.

Thím Nhỏ kể lại rằng một lần trong một buổi cầu nguyện ở trường, một bà xơ già đánh rắm một cái rõ to – xui xẻo thôi, tất nhiên rồi – và mẹ của ta

bật cười như điên rồi nói, “Có chúa chứng giám.”

Ta không biết tại sao các xơ lại thương mẹ mày đến thế. “Chúng ta sẽ hết lòng cầu nguyện cho con. Nếu con trở thành một con chiên của Chúa con có thể đến nước thiên đàng sau khi con chết.” “Mẹ mày, thật hết chỗ nói, đã trả lời là, “Khi chết con không muốn sống trong thiên đường uy quyền của người nước ngoài.” Mày có biết những bà xơ này nói gì không, họ chỉ cười - thế thôi.”

Thím Nhỏ rất ghen tị với mẹ ta. Bà thường nói “Ta chẳng bao giờ xấu như mẹ mày. Vậy thì tại sao các bà xơ không chăm chút cầu nguyện cho ta?”

Thím Lớn trái lại không đi học ở trường ấy, cũng không học ở một trường nào cả. Bà lớn lên trong một gia đình phong kiến, sống theo lối cũ. Đôi mắt của người con gái không phải dùng để đọc sách báo mà chỉ để thêu thùa. Đôi tai của người con gái không phải để nghe tư tưởng này nọ mà chỉ để nghe mệnh lệnh. Đôi môi người con gái phải nhỏ xiu, ít khi được sử dụng đến trừ khi để diễn đạt sự hàm ơn hoặc là yêu cầu được chấp thuận. Tất nhiên tất cả những tư tưởng phong kiến cổ hủ này chỉ làm cho thím Lớn thêm ngoan cố trước mọi chuyện trên đời. “Chính học vấn của chị ấy đã gây nên mọi chuyện,” thím Lớn lúc nào cũng nói như vậy. “Người ta đã thổi những tư tưởng phương Tây vào đầu óc của một người Trung Hoa để xúi giục kích động mọi chuyện. Cũng giống như ăn đồ ăn Tây ấy - làm rối loạn tiêu hóa, rối loạn đầu óc. Những người truyền giáo phương Tây đảo ngược mọi trật tự trên đời. Khổng tử là xấu, Chúa Jesus là tốt. Con gái sinh ra chỉ để lấy chồng. Họ dạy những điều đó để làm gì chứ? Chỉ làm lộn tung phèo mọi suy nghĩ - đó là cái đã đưa chị ấy đến chỗ bất hạnh.” Sau đó thì thím Lớn cảnh báo ta “Vi Vi, đừng có theo sát thầy cô giáo. Hãy nhìn gương mẹ mày ấy.”

Nếu con hỏi ta chuyện gì đã xảy ra cho bà, ta có thể nói đó không phải là học vấn kém cỏi mà là số phận tệ bạc. Học vấn của mẹ ta chỉ làm cho bà có những ý nghĩ bất hạnh dù bà có cố gắng thay đổi thế giới vây quanh bà.

Chú ta thường nói rằng sẽ chẳng có điều gì tồi tệ xảy ra nếu mẹ ta không phải là con một. Tất cả những sự bướng bỉnh, những tính cách hoang dã



đáng lẽ phải là của con trai thì lại chuyển hết sang cho mẹ của ta. Tệ hơn nữa song thân của bà lại không gả chồng sớm vì thể tính cách bất trị của bà lại càng trở nên hoang dã hơn. Họ nghĩ rằng họ có thể chờ đợi và kiếm một người chồng cho cô con gái duy nhất của họ khi mẹ ta lúc ấy cũng vào khoảng 22 tuổi.

Trước khi điều đó xảy ra thì cách mạng đã nổ ra, lật đổ triều đình Mãn Thanh. Vào năm 1911 thì mẹ ta cũng đã 21 tuổi. Không triều đại nhà Thanh, không còn chức quan trong triều cho ông ngoại nữa. Một người đầy tớ báo tin xấu này cho Công Công khi ông đang dùng bữa trưa. Người đang nhai một miếng gân hầm. Bất thành lình người rú lên một tiếng như con thú hoang, sau đó thì cắn vào lưỡi, hoặc ông cắn vào lưỡi trước sau đó thì la lên. Dù sao thì ông ngã ngựa người ra, cả ghế và thân hình cùng chết một lúc, chỉ trong một cú ngã. Gia đình của mẹ ta đã xuống với tốc độ chóng mặt. Ai cũng nghĩ rằng ông ngoại ta đã tự tử vì đau buồn do sự sụp đổ của triều Thanh. Bây giờ thì mẹ của mẹ ta, Ha-bu của ta đã là một quả phụ không còn giàu có nữa. Ha-bu cũng chẳng vội vã gì gả chồng cho con gái. Con gái có thể chăm sóc lúc mẹ tuổi già, đó là điều mà Khổng Tử đã dạy, ta không hiểu tại sao người người đều nghĩ Khổng Tử thật là tốt đẹp, thật là thông thái. Ông ta chỉ làm người này coi thường người kia, và phụ nữ là cái gì thấp kém nhất. Dù sao thì mẹ ta cũng đã 21 tuổi, được giáo dục trái ngược với lối nghĩ Nho giáo.

Có thể là bà muốn lấy chồng, có thể không. Ai mà biết được. Dù sao thì bà cũng tự lựa chọn cho mình. Chú ta thường nói chính lối sống chỉ nghĩ đến mình đã khiến mẹ ta gặp tai họa.

Thím Nhỏ không đồng ý. Cái tai họa thực sự, thím nói, là cái khát khao ngu xuẩn, lãng mạn của mẹ ta về một cuộc hôn nhân vì tình. Mẹ ta đã gặp một sinh viên ở trường Phúc Đán, một nhà báo. Người này lớn tuổi hơn mẹ ta, có thể 29 tuổi bởi vì ông ta bắt đầu sự nghiệp học hành quá trễ. Lúc đó mẹ ta khoảng 26 tuổi.

Người sinh viên này tên là Lữ, một người mác xít, đúng cái loại người mà ông ngoại ta rất ghét. Thím Nhỏ nói rằng thím biết rất rõ về anh ta, bởi vì sau khi mẹ ta bỏ đi thím Nhỏ đã lục lại đồ đạc của bà, tìm ra một bài báo về sinh viên làm cách mạng tên là Lữ này. Chắc là đúng người sinh viên mà

mẹ ta yêu, thím khẳng định như vậy. Nếu không mẹ giữ bài báo làm gì? Thím Nhỏ nói bài báo được viết rất dở. Một câu chuyện về cảm hứng và những người anh hùng. Vì thế có thể nó chỉ phần nào đúng sự thật cũng như người ta đổ thêm nước vào cơm cũ nấu lại. Dù sao thì cũng giống như những chuyện làm cách mạng, câu chuyện này rất lãng mạn. Lữ sinh ra ở Sơn Đông, ngược lên phía bắc Thượng Hải, một nơi nổi tiếng về hải sản quý. Anh là con trai của một người đánh cá vì thế tất cả những cái anh khát khao trong đời chỉ là thừa hưởng những cái lỗ thủng trong những tấm lưới của cha anh, những cái mà anh khâu vá hàng ngày. Anh không được học hành. Không có tiền đồ, không có cách gì thay đổi số phận. Thực tế đó là cuộc đời của hầu hết mọi người, tất nhiên trừ những nhà khoa học, những người ngoại quốc và phần lớn bọn thối nát. Rồi một hôm một người mácxít chân chính đến gặp anh và đưa cho anh một mảnh giấy.

“Đồng chí có thể đọc cái này cho tôi không?” Người đàn ông với mảnh giấy hỏi và Lữ đáp, “Xin lỗi tôi sinh ra đã là một thằng ngu.” Nhưng người đàn ông nói, “Đồng chí sẽ nói gì nếu tôi bảo rằng tôi có thể dạy bất cứ cái gì đồng chí muốn trong vòng 10 ngày. Hãy đến dự một cuộc họp, tự tìm hiểu điều đó!” Con người tốt lành này bảo Lữ một phương pháp mới dạy học cho những người lao động và nông dân để họ tự giải phóng khỏi kiếp tôi đòi. Nó được gọi là *Thiên tự thập nhất*. Trong buổi họp, những người mácxít nói rằng nếu một người học hành chăm chỉ, anh ta có thể học đọc và viết 100 từ một ngày, 1990 từ trong vòng 10 ngày. Anh ta lập tức được xóa mù, có thể đọc những bài báo thông thường, viết thư từ, hợp đồng mua bán, giải phóng anh ta khỏi cuộc đời khốn khổ đã dành cho mình.

Sau đó thì họ đề nghị Lữ tham gia cách mạng. Anh trả lời, “Cả đời tôi gói gọn trong một điều, tôi làm như trâu, khổ như chó.”

Thế là Lữ học thật hăng say và đã thay đổi được vận may của mình. Nhưng anh không dừng lại ở việc học 1000 từ, nghị lực của anh thật đáng nể. Anh học 2000 từ, 4000 từ sau đó 10000 từ. Anh học cho đến khi anh trải qua được kỳ thi để được vào trường đại học Phúc Đán, quá sung sướng là có thể thay đổi cuộc đời mình từ đây, anh tuyên thệ một ngày nào đó anh sẽ viết về cuộc sống cơ cực của người nông dân và những người lao động, trở thành người phát ngôn cho họ, tổ khổ cho họ, bảo họ rằng họ có thể thay đổi số phận của mình bằng những tư tưởng cách mạng.

Vì thế bây giờ con đã hiểu tại sao mẹ ta đã hủy hoại cuộc đời bà vì tình yêu. Làm sao mẹ ta có thể không yêu một người đàn ông như vậy?

Ta nghĩ chắc là anh phải đẹp trai lắm. Có thể anh cũng có những cái mà mẹ ta ngưỡng mộ ở mình. Đôi mắt to, nước da sáng, khuôn mặt cân đối, đôi môi mỏng, mái tóc đen như mun. Có thể anh là một người có tư tưởng tiên bộ trong cuộc sống bởi vì anh đề nghị mẹ lấy anh không mà cần đợi cho phép hoặc qua mai mối. Chắc đó phải là ý nghĩ rất hấp dẫn với mẹ ta. Một cuộc hôn nhân cách mạng. Mẹ ta gật đầu ngay tức thì rồi trở về nhà nói với Ha-bu điều bà đã làm.

Ha-bu gất lên với mẹ ta, “Sao con có thể nghĩ đến một việc động trời như thế nhỉ? Làm sao con có thể nói chuyện với một người như thế? Điều này chỉ xảy ra khi mà đất nước này không có một vị hoàng đế trị vì.”

Sau đó mẹ ta dọa sẽ nuốt vàng nếu bà không được phép cưới Lữ. Thực ra, vào buổi chiều hôm ấy mẹ ta đã nuốt một nửa cái vòng vàng. Thím Nhỏ thường kêu lên khi kể đến đoạn này. “Xem chị ta dữ dội như thế nào?” Tất nhiên, mẹ ta không nuốt vàng. Nếu không mẹ ta đã chết, bà chỉ giả vờ là đã nuốt thôi. Bà bôi một ít nhũ vàng lên môi sau đó thì lên giường nằm ngay đơ. Trong lúc ấy Ha-bu quỳ trước bàn thờ gia đình cầu khẩn trước bài vị của người chồng đã mất. Bà cầu khẩn một sự tha thứ, một sự hướng dẫn cho đứa con gái lầm đường lạc lối của bà tránh khỏi thảm họa. Trong khi cầu khẩn như vậy, Ha-bu nghĩ rằng bà nghe người chồng đã khuất nói: “Hãy đến cầu cứu người bạn tốt của ta Giang Tiêu Yên.” Thế là Ha-bu đi đến đấy. Bà kể cho ông Giang việc mẹ ta đã trở nên kì cục như thế nào, dọa sẽ tự vẫn vì đã yêu một tên cách mạng. Ha-bu hỏi người bạn lâu năm của chồng bà phải làm gì. Chiều hôm ấy, Ha-bu, Giang Tiêu Yên thảo ra một hợp đồng. Giang đồng ý lấy đứa con gái hư của người bạn thân đã khuất núi làm vợ hai.

Mỗi khi ta nhớ đến cái đoạn này ta đều tự hỏi tại sao Ha-bu không phản đối, tại sao bà không nói với Giang, “Vợ hai ư? Sao không lập nó làm chính thất?” bởi vì người vợ cả đã chết. Nhưng có thể Ha-bu quá vui sướng vì vấn đề của bà đã được giải quyết. Dù sao thì bà cũng đồng ý vô điều kiện. Đó là lí do tại sao Giang có được một người phụ nữ xinh đẹp làm vợ hai - không

phải là một cô hầu hay một cô gái từ một gia đình thấp kém - mà là một thiếu nữ xinh đẹp xuất thân từ một gia đình danh gia vọng tộc tuy đã hết thời.

Ngay hôm sau mẹ ta nhìn thấy bản hợp đồng, bà chạy đi tìm Lữ và hỏi xem bà phải làm gì. Có lẽ họ hôn nhau. Có lẽ họ khóc với nhau, ta vẫn nghĩ rằng mẹ ta rất là lãng mạn.

Và Lữ nói, “Em phải cự tuyệt. Đó là cách duy nhất chấm dứt tục lệ cưới xin cổ hủ.” Sau đó anh kể cho mẹ ta nghe câu chuyện về một nữ chiến sĩ cách mạng đã làm gì với chuyện này.

Đó là một thôn nữ rất xinh đẹp, cô cũng bị ép buộc phải lấy một ông già mà cô thậm chí không biết mặt. Cô nói với gia đình “Con muốn tự chọn chồng cho con hoặc là con sẽ không lấy chồng.” Cha cô giận dữ đến nỗi nhốt cô vào chuồng heo. Mỗi ngày cô gào thét rằng cô không cưới cái lão già ấy. Cô la hét cho đến tận ngày đám cưới của cô. Khi ra khỏi chuồng heo cô trở nên lặng lẽ, hết sức dơ bẩn như con chó thể hình dung ra được.

Mẹ và các dì của cô tắm rửa cho cô, bận đồ cưới cho cô, cho cô vào trong một cỗ kiệu cưới khóa chặt. Sáu người đàn ông khiêng cô trên một quãng đường dài từ làng của cô đến nhà ông già ở làng bên cạnh. Khi họ tới nơi nhiều người đứng ngoài cổng đón chào – âm nhạc vang lừng, đồ ăn bày la liệt. Họ cười nói và chúc phúc cho tân lang, tân giai nhân sau đó thì mở kiệu để đón cô dâu. Úi chà – Cô ấy đã chết. Cô lấy tóc treo cổ vào cái xà ngang trong chiếc kiệu.

“Em thấy đấy,” Lữ nói với mẹ ta, “em phải cự tuyệt – không phải chỉ cho tình yêu mà còn cho đất nước em.”

Tội nghiệp mẹ ta, bà cứ nghĩ mãi về cô gái treo cổ bằng chính tóc của mình. Bà nghĩ đó là điều mà Lữ muốn. Bà về nhà tự hỏi không biết bà có đủ cam đảm để chết cho tình yêu. Hai ngày sau bà đến nhà Giang, trở thành vợ hai của ông.

Phải đó là những điều mà ta nên kể cho con nghe. Bà đã cưới ông Giang cha ta, ông ngoại của con, một ông già trước khi ta ra đời. Nhưng điều tồi tệ

hơn cả là khi về nhà chồng bà biết được là ở đây còn có bà ba, bà bốn, thậm chí còn có bà năm – kẻ hầu người hạ kể rằng bà cả chết vì bệnh lao, bà hai tự vẫn khi Giang không chịu đưa bà lên địa vị chính thất. Bây giờ mọi người đều nói mẹ ta đến đây lấp vào một vị trí xui xẻo – thay thế người vợ thứ hai đã chết. Đây là lý do tại sao mẹ ta trở thành bà Hai Phẩy. Dẫu rằng những người vợ khác không muốn cái địa vị xui xẻo của mẹ ta, họ vẫn ganh tị với bà, làm cho bà đau khổ vì có một địa vị cao hơn. “Hừm! “Bà hai”, thực tế chị chỉ là bà Hai Phẩy, bằng một nửa bà hai.”

Đôi khi ta nghĩ cuối cùng mẹ lại bị xua đuổi bởi những người vợ khác. Họ đầy dọa bà, than phiền nếu như bà đòi một tô mì đặc biệt, chế giễu đôi giày Pháp ngoại lai mà bà rất thích, trêu chọc cái việc đọc sách báo của bà bởi vì họ không biết chữ. Họ ghen tị với mái tóc của bà, mái tóc đen nhánh như gỗ mun – nói rằng đó là lý do cha ta cưới mẹ ta, chỉ vì mái tóc của bà.

Có lẽ vì thế mà mẹ ta cắt đi mái tóc. Bà để nó lại cho những người vợ tranh giành nhau.

Nhưng ta lại nghĩ: Mẹ ta đủ mạnh mẽ để có thể đứng vững trước những người vợ này. Dù sao thì tất cả những bà vợ trong gia đình đều oán thán về nhau, kèn cựa nhau từng tí một suốt đời. Ta biết những người vợ này: San Ma, Sz Ma và Wu Ma, má ba, má tư, má năm. Họ không đến nỗi xấu, thật thế. Ví dụ San Ma, bà có một tính cách Thượng Hải điển hình – trêu chọc mọi người nếu họ tỏ ra quá tự kiêu, chê trách mọi chuyện như nhau, vì thế con sẽ không thể biết là bà thích cái gì, không thích cái gì.

Có thể chuyện xảy ra là như thế này, mẹ ta đã bỏ nhà ra đi để tìm đến Lữ. Tất nhiên bà làm thế rồi. Bà yêu anh từ những ngày đầu mà. Người đàn ông trong rạp chiếu bóng ngày hôm trước khi bà biến mất là ai? Chắc chắn là Lữ. Họ đã dàn xếp cuộc gặp mặt, cuộc chạy trốn, chẵn chẵn bà đã làm điều đó.

Có thể bà có đầu óc cấp tiến. Đó là lý do tại sao bà dẫn ta đi khắp thành phố trong ngày hôm ấy. Để chỉ cho ta tất cả những tàn tích xấu xa của chế độ vua chúa ở Thượng Hải, để dạy ta những gì Lữ đã dạy bà trước đây – những gì quá rời rắm, quá ngọt ngào, quá hiêm hoi, quá sâu thẳm. Đó là lý

do tại sao mà cắt mái tóc của bà để chứng minh rằng bà cũng có thể làm như cô gái đã treo cổ bằng tóc của mình trong chiếc kiệu đưa dâu.

Cuối cùng bà đã giải thoát cho mình. Nhưng sau đó ta lại nghĩ, nếu bà bỏ chạy với Lữ, thì bà vẫn còn sống. Chắc chắn bà sẽ phải đi tìm ta. Ta là *tâm can* của bà mà. Bà sẽ phải đi đến đón ta ở trường, cũng cái trường mà bà đã học. Bà sẽ phải đi trên một chiếc thuyền bí mật đến đảo, núp vào một bụi cây nào đó. Rồi bà sẽ xuất hiện và nói “Ta đến để đón con. Hãy chào cha dượng của con đi.” Rồi ta lại nghĩ bà phải bỏ chạy bởi vì bà bất hạnh, quá bất hạnh để ở lại thế giới này. Có thể bà biết là Lữ đã chết. Bà đã đọc tờ báo, cái tờ báo mà bà đã mua ở đường Phúc Châu, có thể bà đã mua nó sớm hơn trong ngày như là ta có thể nhớ điều ấy. Bà biết cái tin anh bị bắn trong khi đang dạy những người nông dân tập đọc. Nhiều người cách mạng đã bị chết như vậy, nỗi đau buồn bất ngờ này đã nhắc bà nhớ đến mối tình vô vọng của bà. Trong khi ta ngủ trong rạp chiếu bóng tối om, bà đã nghĩ về điều này, khóc than cho sự mất mát của bà. Trong khi chúng ta ngắm nhìn con cá wah-wah-yu, bà đã tràn ngập cảm giác có tội, nhớ rằng bà đã không cưỡng lại cuộc hôn nhân không tình yêu như thế nào. Trong khi ta ngủ trên xe lô về nhà bà cảm thấy hồ thẹn là bà đã quen với cuộc sống vương giả của mình. Trong khi soi gương hôm ấy, bà đã căm ghét chính bản thân mình, quyết định thanh lọc mình ngay lập tức.

Cắt mái tóc của mình là một dấu hiệu chắc chắn rằng bà không trở về. Bà trở thành một chiến sĩ cách mạng hoạt động bí mật, những người lãnh đạo của bà đã ra lệnh bà không được gặp bất cứ ai dính líu đến quá khứ, bà đã tuân lệnh. Đó là lí do tại sao bà không thể trở lại đón ta đi.

Nhưng ta lại nghĩ: Mẹ ta không phải là loại người vâng lời bất cứ ai. Mẹ ta làm theo những gì mà bà thích, có thể là làm theo ý mình cho đến khi bà mất tất cả. Có thể điều này đã xảy ra, bà đã chạy ra khỏi nhà, mất phương hướng, không biết là bà phải đi đâu nữa.

Thỉnh thoảng ta nghĩ mọi việc là do bà vợ hai đã chết – Bà ta ganh tị với mẹ ta. Hồn ma của bà ấy quay lại cuốn mẹ ta đi, đôi khi ta nghĩ mọi chuyện giống như người ta đã nói, bất thình lình bà bị bệnh rồi chết ngay trong đêm hôm đó, bây giờ bà được chôn ở hòn đảo này.

Bây giờ thì ta chẳng còn biết chuyện nào đúng chuyện nào sai, cái gì là lí do thực sự khiến bà bỏ đi. Tất cả những chuyện này đều giống nhau. Điều đúng và điều sai. Quá nhiều đau thương trong mỗi câu chuyện. Ta cố gắng tự nhủ, quá khứ đã trôi qua, chẳng còn có thể làm gì được nữa, chỉ quên đi mà thôi. Đó là điều ta bắt mình – tin. Nhưng mà ta không thể làm như vậy. Làm sao ta có thể quên được màu tóc của mẹ ta. Làm sao ta có thể thôi hi vọng là ta có thể nhìn thấy bà lần nữa.

Tất nhiên trong sâu thẳm, ta biết rằng bà sẽ không bao giờ trở về nhưng ta vẫn nhớ, bao nhiêu lần trong đời ta nhớ và bây giờ cũng vậy.

Có một góc nhỏ trong trái tim ra. Trong góc ấy vẫn có một cô gái nhỏ chỉ mới 6 tuổi đầu. Cô bé bao giờ cũng chờ đợi với một niềm hi vọng vô cơ. Cô bé tin chắc rằng cánh cửa sẽ mở ra bất cứ lúc nào, mẹ cô sẽ bước vào. Rồi nỗi đau trong tim cô gái nhỏ sẽ lập tức trôi qua mau, chìm vào quên lãng. Bởi vì bây giờ mẹ cô nhắc cô lên cao cao trên đầu, cười và khóc, khóc và cười “*Tâm can, Tâm can, con đây rồi!*”

## 6. VẬN MAY CỦA PEANUT

Con thấy đấy, ta chẳng có một người mẹ để khuyên bảo ta nên lấy ai không nên lấy ai. Không như con đầu, dù rằng thậm chí một người mẹ đôi khi cũng không giúp được con gái trong chuyện này. Con có nhớ cái thằng con trai mà con nghĩ là con không thể sống nổi nếu không có hắn? Tên hắn là gì nhỉ? Randy. Con không nhớ hả? Nó là thằng con trai đầu tiên mà con để ý đến. Con đưa nó về nhà ăn tối.

Ta để ý thấy con mỉm cười mỗi khi nó mở miệng trong khi nó chẳng để ý nghe con nói gì sất. Con hỏi nó muốn ăn gì nữa không. Còn nó thì cũng chẳng thèm nói, nó lại hỏi: Có bia không? Con thì lại mắc cỡ, con nói: Em xin lỗi, em thật sự xin lỗi!

Sau đó ta bảo con hãy cẩn thận, thật cẩn thận. Vậy mà con vẫn lại, mẹ đang nói chuyện quái gì vậy? Thế ta mới nói, khi một thằng đàn ông nghĩ đến nó trước rồi mới đến con, thì sau này con là cái thứ ba hay thứ tư, sau đó không là cái gì cả đối với nó. Nhưng nếu con lúc nào cũng nói với nó là con có lỗi vậy thì con bao giờ cũng hối tiếc về chuyện đó. Con có biết con nói gì với mẹ không? “Tại sao mẹ lại có những ý nghĩ tiêu cực như vậy?” Đó không phải là một lời suy nghĩ tiêu cực. Đó là những suy nghĩ vì con gái của mẹ bởi vì nó không biết nghĩ đến bản thân.

Sau đó con không nhắc đến tên nó nữa. Nhưng ta biết trái tim con đã tan vỡ vì nó, trái tim nhân hậu của con! Con đã giấu ta, cố ghép những mảnh vỡ đó lại. Vì thế mà ta chẳng nói gì.

Ta không nói, “Mẹ đã bảo con mà”. Chẳng nói một điều gì như thế. Trái tim ta cũng tan nát vì con. Bởi ta biết con có một trái tim tốt lành, hồn hậu. Khi còn trẻ ta cũng có một trái tim tốt lành như thế. Ta đã không biết nhìn nhận một con người như Văn Phú và không biết nghĩ đến bản thân. Người đàn ông này đã gây cho ta bao nhiêu đau đớn. Người này lấy đi sự hồn



nhiên trong sáng của ta. Người đàn ông này là lí do tại sao ta luôn nói với con gái ta, hãy cẩn thận, cẩn thận.

Khi ta gặp Văn Phú hẳn ta đang yêu cô em họ ta Hoa Sinh. Đó là con gái của thím Nhỏ. Chúng ta gọi Hoa Sinh là Peanut “đậu phộng” bởi vì nó nhỏ bé mập mạp giống như hạt đậu tròn xoe. Con biết đấy, nó mới là người định cưới anh ta. Bây giờ ta luôn tự hỏi tại sao những điều này không xảy ra theo cách khác.

Đảo Tông Minh đã từng là nhà của ta trong suốt 12 năm. Suốt thời gian này, ta không hề gặp cha ta, ngay cả khi ta được gửi đến học nội trú ở Thượng Hải. Mỗi khi ta trở về nhà chú, ta cư xử như một người khách, không bao giờ đòi hỏi, chỉ chờ đợi người ta nhớ ra là ta cần gì.

Ví dụ nếu ta cần một đôi giày mới, ta sẽ chờ cho đến khi có một người khách đến chơi nhà. Chúng ta ngồi uống trà ở dưới nhà. Thím Lớn, thím Nhỏ sẽ dẫn dắt những câu chuyện vô thưởng vô phạt, toát lên rằng họ chẳng có vấn đề gì phải bận tâm hay lo nghĩ trên đời này. Đó là lúc ta có thể chìa đôi giày cũ mềm của ta ra trước mũi mọi người. Ta sẽ đợi cho đến khi mặt thím Lớn đỏ rần lên vì chính thím cùng cả gia đình và khách khứa đều nhìn thấy đôi giày chuột khoét của ta.

Con biết đấy, ta chưa bao giờ cảm thấy mình thuộc về gia đình này, tuy họ là cái gia đình duy nhất mà ta biết. Họ không nghiệt ngã với ta, thật thế. Nhưng ta biết họ không yêu ta theo cái cách mà họ yêu Peanut và những đứa con trai của họ. Mọi chuyện như thế này. Trong bữa ăn tối thím Lớn hoặc thím Nhỏ có thể nói với Peanut, “Món này con thích ăn đây”. Họ có thể nói với mấy đứa con trai, “Ăn nữa đi, ăn nhiều vào không thì lại bị gió thổi bay”.

Họ chẳng bao giờ nói như thế với ta. Họ chỉ chú ý đến ta khi họ cần chỉ trích điều gì, hoặc là ta ăn quá nhanh, hoặc là ăn quá chậm. Ở đây có một sự phân biệt. Khi Peanut và ta từ trường nội trú trở về nhà chú ta bao giờ cũng cho Peanut một món quà bất ngờ nào đó – mứt mận, tiền hoặc một cái lông đuôi chim công. Với ta, ông chỉ vỗ lên đùi nói, “Vi Vi, con đã về nhà”. Thế thôi. Chú ruột của ta đấy, ông chẳng nghĩ ra được cái gì để nói.

Tất nhiên, ta tủi lắm. Nhớ lại điều đó bây giờ ta cũng cảm thấy tủi nữa. Nhưng làm sao ta có thể than phiền? Ta được coi là nỗi hổ nhục cho gia tộc. Họ đã lãnh ta như lãnh một cục nợ sau hành động ô nhục của mẹ ta. Theo một chuẩn mực nào đó, họ quá tốt đối với ta. Họ chẳng hề muốn khắc nghiệt với ta, không một chút nào. Có thể vì thế ta cảm thấy tủi thân – họ không chủ tâm làm điều đó. Họ quên rằng ta không có mẹ, người có thể nói rõ được xúc cảm của ta, cái mà ta thực sự cần, một người dìu dắt hướng dẫn ta trong những sự cố trên đời. Ở với gia đình này, ta học được việc chẳng chờ đợi điều gì nhưng lại mong muốn thật nhiều. Một năm sau, mọi sự lại thay đổi. Năm ấy ta 18 tuổi, vào khoảng giữa năm dương lịch và năm mới âm lịch. Đó có thể là vào đầu năm 1937 theo Dương lịch, và chắc chắn là vào trước Tết Âm lịch. Năm hết Tết đến là lúc mà con có thể thay đổi vận may của mình. Ô chúng ta không thờ ông Táo, không giống như bà dì Du. Chúng ta là người nhà quê nhưng không quá lỗi thời. Tất nhiên có thể bọn đầy tớ có thờ một ông Táo thế nhưng ta không nhớ. Dù sao thì chúng ta cũng có cách để nghĩ về vận may, một số điều thì chỉ để vui vẻ, một số điều thì hệ trọng hơn. Vào ngày này ta luôn mơ ước về một cuộc sống tốt đẹp hơn. Tốt đẹp hơn như thế nào ta cũng không biết nữa. Ta không mơ có được một triệu đô, không như các con với trò chơi xổ số. Ta chỉ có một hi vọng le lói trong tim ta là mọi việc rồi sẽ thay đổi. Có thể ta muốn bớt cô đơn hơn một chút. Vì thế mà con thấy tại sao những điều này lại xảy ra, tại sao ta gặp Văn Phú.

Chúng ta ăn Tết không như các con ở Mỹ ngày hôm nay có múa lân, đốt pháo, tiền mừng tuổi cho trẻ con, chỉ có vui, vui và vui. Nhưng nó cũng là một ngày để suy ngẫm nữa. Theo phong tục của chúng ta, trước thềm năm mới không được để lại dù chỉ một hạt bụi của năm cũ trong nhà. Không một đồng xu nợ nần nào không được trả. Không một lời nói không vui nào được thốt ra từ miệng bất cứ ai trong vòng 3 ngày. Ta thích năm mới vì lẽ đó, thím Lớn sẽ không mắng mỏ ta vì bất cứ lí do, điều này có khác đây – ngoài ra con sẽ nghe la hét suốt ngày.

Khi mặt trời vừa ló lên vào cái buổi sáng cuối cùng lạnh lẽo của năm cũ, Peanut và ta đã nghe mẹ nó ra lệnh cho con hầu đầy tớ phải lau chùi quét dọn chỗ này chỗ kia, không phải như thế này mà là như thế này!

Mặt dù Peanut và ta ngủ chung một giường nhưng mỗi đứa có một cái mền. Chăn, nệm không riêng rẽ như các con ở đây, mọi thứ đều đắp lên người. Chăn ở đáy được quấn quanh người, như hai lớp kén dày, rất ấm.

Buổi sáng Peanut trùm chăn kín đầu tìm xem giấc ngủ của nó đi đâu. Nhưng rồi cho ta nghe thím Nhỏ gọi, “Peanut, cô bé lười biếng, con ở đâu?”

Con xem thím chỉ gọi Peanut không gọi ta, đó không phải là thím ưu đãi ta, để cho ta ngủ nướng thêm đâu. Bà muốn gọi con gái mình dậy, bảo ban con phải coi sóc việc nội trợ như thế nào để một ngày kia nó sẽ biết làm thế nào để trở thành một người vợ hoàn hảo. Thím Nhỏ không nghĩ là ta cũng cần học những điều nữ công gia chánh đó. Nhưng ta vẫn học lóm. Ta học mà không có người hướng dẫn chỉ bảo.

Ta để ý thất ruột chăn được lôi ra ngoài, đập bằng vò như thế nào, vò chăn được giặt thật sạch sao cho không còn một vết lem nào. Các chân bàn được đánh bằng dầu cho đến khi nó sáng choang. Đồ gỗ được dựng đứng vào tường – tủ lớn tủ nhỏ - để con có thể nhìn thấy tất cả bụi bẩn, mạng nhện, lỗ chuột. Ta cũng nghe được cái cách mắng mỏ đầy tứ của thím Nhỏ, thím thường nói: “Tại sao chỗ này còn dơ mà mày dám nói là đã sạch?”

Ta liếc thấy thím Lớn vào trong nhà bếp. Bà ra lệnh cho đầu bếp thái thêm thịt, rau. Sau đó bà kiểm tra tất cả thực phẩm dự trữ. Bà mở nắp những hũ dầu đậu phộng lớn, sốt đậu, giấm, gừng từng cái một. bà đếm số cá bơi lội trong những cái thùng gỗ, số gà vịt chạy qua lại trong sân. Bà kiểm tra lại nồi bánh bột nếp có nhân xem nó đã chín tới chưa. Bà mắng người phụ bếp đã để phao câu gà bị oi khói trong nồi xúp gà, la mắng một người khác vì không biết cắt râu mực, “Đồ ngu! Chúng phải cuộn lại như một quả cầu may mắn khi nấu chín chứ. Còn mày cắt như thế này trông chúng sẽ như những mẩu vải thừa. Điềm xấu lắm.”

Ta học tất cả những điều này cho tương lai của ta. Ta cố gắng dạy lại con những điều này khi con đang tuổi lớn... Nhưng con có nghe ta đâu. Con nói, “Nghe chán chết. Quá nhiều rắc rối. Con thà ăn fastfood còn hơn”. Phải, con đã nói những điều như thế. Con xem ta nóng lòng muốn học hỏi như thế nào? Từ khi còn rất trẻ ta đã biết rằng món ăn nào trông ưa mắt thì

ném vừa miệng và đó có nghĩa là một điều tốt lành, cái cách mà nó kéo dài hơn, thỏa mãn khẩu vị của con và cũng thỏa mãn kí ức của con dài lâu hơn.

Còn chuyện gì xảy ra trong ngày hôm ấy? Ô ta nhớ rằng, mọi người đều có việc, không chỉ bọn người làm. Về phần mình ta phải hoàn thành việc sắp đặt quần áo cho mọi người trong nhà. Trong một tuần ta phải làm công việc này, sửa chữa lại tất cả những dấu hiệu của một điềm gở có thể có, một đường khâu bị sút, một miếng rách nhỏ, một chỗ rạn, hay một cái nút áo bị mất. Buổi sáng hôm ấy ta vội vã hoàn thành nhiệm vụ để ta có thể cùng Peanut đi chơi chợ Tết. Đêm hôm trước, thím Nhỏ đã cho chúng ta đủ tiền để mua quà Tết trong những cái sạp đặt biệt dựng lên trong phiên chợ. Ta lớn hơn Peanut một tuổi, nhưng thím Nhỏ không giao tiền cho ta. Bà đếm tiền, đặt vào tay con gái. Tất nhiên Peanut phải tiêu tiền cho cả ta nữa. Không cần thím Nhỏ phải nói gì, Peanut cũng sẽ làm như thế. Nhưng ta biết điều gì sẽ xảy ra. Nó sẽ tiêu tiền theo sở thích của nó, hoặc là nó sẽ nắm chặt tiền trong tay cho đến khi ta thắng được nỗi ngại ngùng đưa ra những ám chỉ này nọ.

“Cả hai đứa, làm những công việc của các con nhanh nhanh lên, sau đó thì các con có thể đi chơi”, Thím Nhỏ nói. “Đừng quên nhé, phải ăn tiêu tiết kiệm, kể cả khi mua những món đồ đặc biệt nhé”. Điều đó có nghĩa là chúng ta phải mặc cả khi mua hàng. “Đừng cho mấy đứa em ăn quá nhiều kẹo”, có nghĩ là chúng ta phải dẫn Gông bé và Gao bé một đứa 10 tuổi, đứa kia 11 tuổi đi chơi chợ Tết.

Ta dẹp mớ quần áo sang một bên, nghĩ rằng ta có thể ngồi trên chiếc ghế vắng vẻ trước nhà, dẹt mòng với những khát khao thầm kín. Nhưng lão Gô người quản gia đang đứng ở ngoài sân chỉ đạo những người làm công nhật những việc phải làm. Ông ta chỉ vào cái hàng rào đan xiêu vẹo đen xì bao quanh nhà, tay chỉ vào lỗ hổng lớn mà Gông bé đã gây ra vào hai tuần trước khi nó cưỡi chiếc xe đạp lao vào. Sau đó thì lão Gô lại chỉ trở những chỗ khác cần sửa. “Nhà Cũ phía Đông làm cái này. Nhà Mới phía Tây sửa cái kia.” Ông ta đang nói về cấu trúc của hai nửa ngôi nhà.

Nhà Cũ phía Đông là nơi người ta ăn, ngủ, nấu nướng, nơi trẻ con ra đời, người già chết. Đó là một ngôi nhà lớn kiểu Trung Hoa chỉ có một tầng với một cái sân vuông được bao quanh bởi lối đi và khu gia nhân, tất cả cửa

ra vào, và cửa sổ đều nhìn ra sân. Những căn phòng quan trọng nhất quay về hướng Đông: bếp ở đằng sau, phòng của chú ta, phòng khách bên hông.

Nhà Mới phía Tây mới được xây thêm vào sau này, khi gia đình chúng ta giàu có lên nhờ tiền buôn bán nhung lụa, rèm cửa, thảm với nước ngoài. Giống như tên của nó, nhà này quay mặt về hướng Tây, cao hai tầng với 3 ống khói vươn lên trên nóc. Nhà được xây theo kiểu Anh, thím Lớn đã một lần nói thế. Nhưng nhiều năm qua người ta cứ xây thêm ở phía mặt tiền, đến một lúc nào đó thì những phần đẹp nhất của ngôi nhà bị che khuất đi. Thế nên giờ đây trông nó giống như là mặt sau của một nông trại cũ.

Đó là nơi ta bước lên cái bậc tam cấp bằng gỗ trước phòng thím Lớn, qua một cái sàn, nghĩ rằng ta có thể vá quần áo ở đây. Chú ta đã cho xây thêm cái sân này 10 năm trước. Mùa hè sau đó thím Lớn cho rào nó trở lại bằng lưới mắt muỗi để ngăn côn trùng sâu bọ vào nhà. Nhưng một vài con vẫn cố trườn vào được, lúc đó thì thím Lớn lập tức dí chết nó bằng đế dép của bà. Chỗ này, chỗ khác ta vẫn có thể nhìn thấy xác một con muỗi hay con chuồn chuồn dính vào lưới, cánh của chúng vấy trong gió nhẹ như những miếng giấy bị xé vụn. Mọi thứ ở đây đều rỉ sét, cánh cửa mở ra sân kêu lên vu vu khi gió thổi qua. Ta cảm thấy mình dính chặt vào trong một cái lồng dế. Đó chẳng phải là chỗ thích hợp để mơ mộng về tương lai. Thế là ta rời khỏi chỗ đó, đến chỗ nhà kính, một chỗ ẩn náu bí mật trong suốt thời thơ ấu của ta. Ta nhìn xem có ai ở đây không. Ta lau kính cửa sổ thật kĩ càng như thể nó là con mắt của một đứa trẻ vừa thức giấc. Trống trải, nó trống trải nhiều năm rồi.

Khi mới đến hòn đảo, chú ta đã cho xây thêm kính vào mặt phía Nam của nhà Mới phía Tây, một mặt nó hướng về phía mặt trời. Trông nó giống như một học ngấn kéo bị mở ngỏ. Ông thường khoe khoang rằng đó là cái mà một quý tộc người Anh gọi là “thú vui” – trồng hoa hồng, hoa phong lan, những loài hoa quý mà không có giá trị buôn bán. Ông luôn gọi đó là “hobby” bằng tiếng Anh vì trong tiếng Hoa không có từ nào chỉ một việc làm gì đấy chỉ tốn tiền, mất thời gian. Ta không hiểu tại sao ông nghĩ cái việc bắt chước người ngoại quốc này là tốt, cứ như thể bất cứ thứ gì của Trung Hoa cũng đều là tồi tệ. Mỗi một năm chú tìm ra một thú vui mới. Thím Lớn sẽ la chú, gọi thú tiêu khiển mới của chú là hapi. Có nghĩ là “thối như rắm”, ngụ ý những ý tưởng của chú chẳng ra gì.

Sau khi chán nhà kính, chú bắt đầu khoái những cuộc đua chó, những con chó đua, những con vật chú để cho đỏi meo với mục đích cho nó chạy nhanh hơn. Sau khi chó chết, ông mua súng trường để bắn bỏ câu nuôi, những con bằng đất sét thì quá đắt. Sau đó là những cái tàu hút thuốc, chúng làm cho ông ngã bệnh, rồi đến những cuốn sách của Anh bọc bìa da mà ông không bao giờ đọc, rồi lại đến xác côn trùng ghim bằng những cái kim. Ông có thể ngồi ngoài sân chơi cái trò này.

Nhưng nhà kính vẫn là thú tiêu khiển đầu tiên. Và khi ông đã chán thì nó được dùng như một chỗ chứa đồ phế thải. Khi thím Nhỏ ngồi xuống, làm gãy một cái ghế - nó được đưa vào đây. Khi chú chán những khẩu súng trường, những bộ sưu tập côn trùng - nó được mang vào đây. Khi thím Lớn kêu ca là chú giữ quá nhiều bức ảnh của những người họ hàng xa tít tắp mà bà cũng chẳng nhận ra ai là ai, quá nhiều những bức tranh cuộn để ghi nhớ - chúng được đem vào đây. Đó là cái nơi dành cho những thứ mà một ai đó quyết định là chúng không thuộc về một nơi nào khác nữa. Khi còn bé ta thường ngồi trên chiếc ghế gãy. Ta sờ vào những khẩu súng và hình dung ra tiếng nổ của nó. Ta cũng vờ uống trà với những bậc tiền bối không quen biết. Mỗi năm qua đi, nhiều thứ hơn lại được vứt vào đây, những thứ mà người ta không cần đến nữa, mà ta thì biết hết.

Một hôm vào lúc ta lên 9,10 tuổi gì đó, ta tìm thấy một bức chân dung một người phụ nữ đẹp, mặc một cái áo màu xanh nhạt, tóc chải ra sau, mắt nhìn thẳng về phía trước, thật đáng buồn ta suýt nữa không nhận ra đó là mẹ ta. “Mẹ phải không?” ta kêu lên, thực sự nghĩ là bà nhìn thấy ta. Ta tưởng tượng bà bước ra khỏi khung ảnh với cái nhìn thờ ơ trong bức tranh, hỏi ta, “Vi Vi quý báu, sao mà chỗ này có nhiều cửa sổ nhỏ quá vậy?” Ta nhận ra rằng đó là chỗ dành cho mẹ con ta, nơi chứa những món đồ vứt đi. Thậm chí cho đến khi lớn lên, ta vẫn có cảm giác ấy. Dù sao thì đó cũng là chỗ ta ngồi may vá quần áo cũ.

Ta ngồi vá quần áo cho những đứa em họ luôn lẫn lộn bò toài. Những miếng rách lớn ở đầu gối, khuỷu tay. Quá nhiều chỗ sờn. Ta quyết định là chỗ quần áo này không thể vá vuiu nữa. Có thể ta sẽ đưa cho những người làm, không phải để sửa lại mà để cho con cháu họ. Nếu sau này thím Lớn có mắng ta thì ta sẽ nói rằng ta chỉ nghĩ về những cậu em họ, chúng sẽ bị

khinh rẻ khi chạy chơi ngoài đường như quân ăn mỳ nếu chúng khoác những bộ quần áo rung rúc này lên người. Sau đó ta sẽ mỉm cười khi nhớ lại ta đã bí mật để lại một lỗ nhỏ trong túi áo rét của thím Lớn. Có thể là một ít quyền lực của bà sẽ bị rơi vãi.

Tại sao con lại cười? Con nghĩ rằng mẹ con bao giờ cũng là một đứa trẻ ngoan ngoãn sao? Con nghĩ rằng ta không biết quậy phá một cách thâm lên ư? Cũng giống như lúc con lên đọc một cuốn sách cấm, *Đón cô ta trong một cuộc xe*, ta biết con đâu có đọc Kinh. Ta cũng đã làm như thế ở tuổi con, giấu một cuốn sách trong giỏ khâu của ta. Đó là một thiên diễm tình éo le có tên là *Kim Bình Mai*, một cuốn sách cấm. Sơ Momo ở trường nội trú nói đi nói lại với học sinh không biết bao nhiêu lần là chúng ta không được phép đọc cuốn sách đó. Thế là ta mượn nó từ một người bạn tên là Du nhỏ, một siêu quậy, chuyên làm những việc nó bị cấm. Nó bảo cuốn sách viết xung quanh chuyện tình dục. Người chồng thích làm cái gì, người vợ thích làm cái gì, cái gì người chồng thích hơn người vợ, người chồng cần thực hiện nhiệm vụ của mình thường xuyên như thế nào, về phía người vợ ra sao. Nó bảo ta trong đó cũng có nhiều những từ bí mật như “ngọc đình”, “ngoạn tiêu”, “vân vũ” – những từ nó không giải thích nghĩa những từ này cho ta nghe. Cứ đọc đi rồi biết, nó nói.

Sáng hôm ấy, ta đọc cuốn sách đó, cố tìm ra những nghĩa bí mật. Nhưng sau 10 trang ta chẳng đọc thấy gì bất thường, chỉ những chuyện thông thường ta được dạy để làm theo – cho tặng quà như thế nào là tùy thuộc vào sự quan trọng của người được tặng, làm sao người thân luôn được hạnh phúc, tại sao con không nên nghĩ đến bản thân mặc cho đời sống có ngăn ngại bao nhiêu. Rồi ta nghĩ có lẽ cuốn sách này giống như một câu đố, ta quá ngây thơ để có thể hiểu được ý nghĩa của nó. Có lẽ đoạn miêu tả về những cây thông đẹp đẽ này có chứa những hàm ý nào đó, chứa trong đó một loại kiến thức khác hẳn. Thế nào việc người đàn ông nhận bánh trà từ tay vợ một người khác thì sao? Điều này chắc chắn là không chính đáng rồi. Tại sao là hai bánh trà? Tại sao không phải là một? Điều gì xảy ra khi cô ta đưa cho anh ta hai quả cam? Trước khi có thể nghĩ ra được điều gì ta nghe Peanut gọi tên ta bằng cái giọng nhão nhột của nó. “Vi Vi! Mày ở đâu hả cái đồ ngu ngốc kia?” Ta đã định không lên tiếng như ta vẫn thường làm thế lúc còn bé. Nhưng sau đó tất nhiên là ta nhớ ra phiên chợ Tết. Giấu cuốn sách giữa hai cái nôi, ta vội vã chạy ra ngoài với cái giỏ quần áo.

Khi chúng ta sẵn sàng đi chợ, Peanut tuyên bố gian hàng nào chúng ta sẽ ghé qua trước, loại hàng nào chúng ta sẽ mua. Có thể là những con rối bằng giấy hoặc là đèn lồng hình con thú cho em trai nó. Trà ngon cho người lớn trong nhà. Những ví tiền nhỏ cho những đứa em họ khác của chúng ta, những người con gái của thím Lớn đôi khi về thăm nhà cùng với chồng con vào dịp năm mới. Sau đó chúng ta đồng ý mua trâm cài tóc hình hoa cho cả hai chúng ta. Tất nhiên sẽ xem một quẻ bói để coi có những điều gì tốt đẹp chờ chúng ta trong năm mới.

“Chúng ta sẽ không thèm xem bói cái mụ có hàm răng vầu nữa”, Peanut nói. “Năm ngoái mụ nói với tao toàn những chuyện xấu, toàn là đe dọa, nào là những điềm xấu trong tính cách của tao khóp với những điềm xấu của năm mới”.

Ta nhớ lại những điều bà thầy nói nói với nó năm ngoái. Rằng nó là một con cừu lúc nào cũng trốn sau bộ lông dày của nó như thế nào. Trong năm con chuột, bà thầy bói bảo Peanut rằng một ai đó sẽ cắn qua cái áo khoác da của nó tìm ra những sơ hở của nó nếu như nó không cẩn thận. Peanut tức lắm nó đã đòi tiền lại nhưng người đàn bà này không chịu. Peanut cao giọng để cho những người xung quanh nghe thấy. “Cái bà này lừa dối tôi, cho tôi toàn những điều xúi quẩy. Chẳng có may mắn gì ở đây đâu. Tốt nhất là tránh xa ra.” Ta cảm thấy bối rối nhưng ta cũng nghĩ làm cách nào mà bà thầy bói này lại biết tường tận về cô em họ ta như vậy?

“Năm nay”, nó nói, “tao chỉ muốn biết về người chồng tương lai của tao và gia đình chàng”.

Tiếp đó, Peanut bắt đầu tô lục chuốt hồng để đi chơi chợ Tết. Nó vắn cho tóc nó cong lên ở hai bên má. “Tao thấy kiểu tóc này ở trong một tạp chí thời trang”, nó giải thích. Ta buột miệng nói cho nó biết là kiểu tóc đó không hợp với nó đâu, nhưng như thường lệ nó đâu có để ý gì đến điều ta nói. Rồi nó mất nhiều thời gian băn khoăn xem sẽ mặc bên trong cái gì và khoác cái gì ra ngoài.

Cùng một gu thẩm mỹ với gia đình, Peanut có rất nhiều bộ quần áo đẹp, đa số là hàng của Anh hay Pháp mua ở những shop thời trang đắt tiền ở



Thượng Hải. Một cái khoác bằng lông cừu màu đen với một cái khăn choàng kim tuyết. Khi thắt chặt một sợi dây ở ngang bụng, gấu áo chạm đến mắt cá chân làm cho nó khó mà bước đi được dù chỉ là những bước ngắn. Thật lố bịch! Đó là cái áo mà Paenut quyết định sẽ mặc cùng với đôi giày cao gót mới tinh. Chúng chắc chắn là trông rất ngứa mắt đối với người dân quê – những người mừng hóm nếu chỉ có được một miếng vải để may một cặp quần áo mới. Nhưng bây giờ là Tết mà, dịp để cho người ta khoe của.

Chúng ta là một gia đình phong lưu nhất trong làng, tất nhiên giàu nhất theo cái tiêu chuẩn của một vùng quê hẻo lánh ở ngoài đảo, của một cái làng nhỏ có tên là Cửa Sông chu vi nửa dặm chiều dài và  $\frac{1}{4}$  dặm chiều ngang, không kể một con đường dẫn ra bến tàu, những tiệm tạp hóa nằm rải rác. Một cái làng bé đến nỗi chỉ có một nhà giàu, có thể có thêm một gia đình trung lưu, còn thì hầu hết mọi người sống trong cảnh đói khổ.

Ta sẽ không nói là điều này đúng, chỉ có một nhà giàu còn lại thì đều nghèo khổ. Đó là cái cuộc sống mà người ta có từ ngày xưa, chẳng thắc mắc gì ráo, một cái số phận quy định dành cho con người. Đó là nước Trung Hoa.

Đa số những người nghèo này làm việc trong nhà máy dệt của gia đình ta vì thế mà họ không đến nỗi chết đói. Họ sống trong những gian nhà lụp xụp bằng đất sét thuê lại của dòng họ nhà ta. Họ chẳng có đất đai gì ráo ngoài đất cát quét được trên sàn nhà họ. Mỗi năm một lần họ trông chờ vào bữa tiệc lớn mừng năm mới của dòng họ Giang ở làng Cửa Sông. Hay ít nhất thì cũng một bữa cỗ lớn vào ngày mừng 4 Tết.

Tất nhiên, ta chẳng nghĩ đến những chuyện này trong khi ta chuẩn bị đi chợ Tết. Cũng giống như Peanut ta mặc bộ quần áo đẹp nhất, một chiếc váy dài lễ hội với những dải băng màu đỏ tươi, cái áo bông chần đẹp nhất của ta khoác bên ngoài.

Ta thất bím ở sau gáy như người lớn. Ta liếc thấy Peanut kiễng chân nhìn ra lối đi. Nó nghe ngóng những tiếng động vọng qua sân, rồi nghe giọng mẹ nó vang lên từ lối đi vẫn la hét chỉ bảo om xòm. Nó quay lại mở ngăn kéo đoạn lấy ra một cái hộp bọc trong một lớp giấy trắng mỏng bên ngoài cột một dây ruy băng màu đỏ. Từ đó nó lấy ra ba cái hộp tròn với

những kích cỡ khác nhau. Nó ngồi trước gương, trát phấn trắng lên mặt. Trong khoảng một vài phút nó nhồi phấn gạo trắng lên đôi má phình phính, cái mũi nhỏ của nó.

“Trông mày như một con ma ngoại quốc vậy”, ta nói nhanh, cần nhẹ vào môi. Ta sợ cho nó, cho cả ta nữa. Ta lớn hơn nó một tuổi, thím Nhỏ có thể kết tội ta vì đã không chỉ bảo nó đang hoang. Nhưng nếu ta mắng Peanut thì thím Lớn lại nói, “Mày chỉ trích ai đấy? Hãy trách mình trước đi”.

Vì thế ta chẳng nói gì, ta quan sát Peanut khi nó lấy ra một cái hộp khác, nhỏ hơn với một cái nắp màu ngọc trai. Nó quét màu đỏ choét lên đôi môi.

“Ái chà, miệng mày trông như cái đít con khỉ ấy”, ta chọc, nghĩ rằng điều này sẽ làm nó nản lòng.

Nó mở cái nắp hộp cuối cùng, nhỏ nhất, và giở một tạp chí thời trang. Rồi với một nụ cười của một ngôi sao điện ảnh, như nó tưởng tượng, nó nhanh chóng đắp hai cục đen xì lên mí mắt trên, sau đó thì kẻ hai đường thật đậm lên lông mày làm cho chúng trông giống hai cái chân đế đen xì đang chực nhảy. Thực sự trông nó rất ghê, chẳng dễ thương chút nào. Khi nhìn xuống, hai cái vật đen trông giống như cặp mắt của quỷ sứ đang chăm chăm nhìn ta.

Thật may cho Peanut nó có thể giấu gương mặt của nó sau cái cổ áo dựng đứng lên, có thời gian lủi đi trên con đường vẫn còn tối mờ mờ rồi ra bằng cửa sau trước khi có ai nhận ra khuôn mặt mới của nó. Ta tháp tùng Gông nhỏ, Gao nhỏ, đưa chúng ta ngoài đường. Khi nhìn thấy bà chị, chúng thì thảo với nhau, sau đó cười rộ lên cho đến khi Peanut bước lại gần, tát cho mỗi đứa một cái. Chúng ré lên bỏ chạy mang theo tiếng cười nhạo lướt xa trên đường, sau đó quay lại nhảy múa, chỉ trở.

Từ nhà đến chợ chỉ mất 10 phút đi bộ. Nhưng ngày hôm ấy chúng ta mất đến 40 phút. Peanut phải bước ba bước với đôi giày cao gót của nó mới theo kịp một bước của ta. Khi những người dân quê đi ngang qua nó, họ dừng lại trở mắt nhìn, cúi đầu chào, sau đó thì cười phá lên khi họ tiếp tục đi theo đường của mình. Ôi, con phải nhìn thấy Peanut lúc đó mới được. Nó

thở hồng hộc giận điên lên như một bà hoàng mà bọn quân hầu bỏ chạy hết để bà ta trơ ra trên chiếc kiệu. Nếu nó có đỏ mặt dưới lớp mặt nạ trắng phớt thì ta cũng không biết được.

Hãy nhìn nước da của ta xem nó mịn màng như thế nào ngay vào lúc này. Khi ta còn trẻ, ta chẳng bao giờ trang điểm. Ta đâu cần – không một nốt tàn nhang, không một chấm nhỏ, không sẹo, không tí vết. Nhiều người bảo ta có một khuôn mặt may mắn, có sao ta lại phải che giấu nó đi?

Bây giờ thì vào bếp đi và làm một tách trà. Sau đó ta sẽ kể cho con nghe việc Peanut đã thay đổi số phận của ta trong năm mới như thế nào.

Chợ phiên ngày Tết rất đông, vào lúc 11 giờ trưa người ta mua bán rất nhộn nhịp. Tất cả những cảnh này làm ta hào hứng khôn xiết. Hôm ấy người phụ nữ bán hàng trước nhà không phải rao lên, “Mần thần, mần thần đây. Thử nếm một chút coi”. Cả hai cái bàn đều đầy người với đôi má lạnh ửng hồng đang xì xụp cúi xuống những tô mần thần bốc hơi nghi ngút, hàng chục người ngồi chồm hòm ngay dưới đất, đầu gối quá tai, chan chan húp húp.

Chúng ta đi qua những cái sạp bán trái cây, rau quả, trứng, những con gà còn sống. Ngày hôm ấy trái cây to hơn mọi ngày, gà què quang quác hơn bao giờ hết. Những câu đối đỏ mừng xuân treo ở khắp nơi. Pháo nổ đi đẹt qua mỗi bước đi, trẻ con kêu lên khi mẹ chúng chọn những trái đào trái cam, lựu, hồng vàng. Gông và Gao xem một con khỉ nhẩy múa. Cuối tiết mục chúng ném hai đồng xu xuống đất. Con khỉ nhặt những đồng xu lên cắn vào từng đồng như để xem có phải là tiền thật không, ngả mũ chào bọn trẻ đoạn đưa cho chủ nó. Người này đưa lại cho con khỉ hai con thần lằn khô, nó tọng ngay vào mồm nhai ngau ngáu. Tất cả mọi người đều vỗ tay.

Sau đó thì Peanut tìm thấy người thầy bói mà nó ưng, một bà mập ú với nụ cười chào hàng hứa hẹn ồn ào rằng bà ta biết tất cả mọi chuyện – tình yêu, hôn nhân và tiền đồ. Một cái biển trước quầy của bà ta, khoe rằng bà ta có những quẻ bói may cực kì, những sự kết hợp cho một cuộc hôn phối may mắn, chọn ngày tốt nhất cho những quyết định làm ăn, các phép màu để đổi vận xui thành vận hên tuyệt vời. Mọi thứ đều được bảo đảm.

“Chào các em gái”, bà ta gọi chúng tôi, sau đó vỗ vào bụng. “Coi xem chị đã trở nên giàu có, tốt tướng như thế nào vì đã làm theo những lời khuyên của chính mình. Chị đâu có ngồi đây để kiếm sống, không đòi nào, chị làm việc này chỉ vì Phật Bà đã yêu cầu chị tạo phước cho kiếp sau. Các em xem những lời tiên đoán của chị sẽ làm lợi cho cả hai bên. Nào tới đây, vận đỏ nhất, chị có thể chứng minh ngay cho các em”.

Và sau đó bà thầy bói làm một điều tuyệt diệu. Bà ta nói với Peanut. “Con số may mắn của em là số 8 phải không?”

Peanut nhớ rằng nó sinh vào tháng Tám, khi nó 8 tuổi nó đặc biệt hạnh phúc, nó sẽ 18 tuổi vào năm mới. Thế là với cái miệng há hốc, với một nửa số tiền thím Nhỏ đưa, nó mua cái lời hứa hẹn rằng trong năm tới nó sẽ cưới một người đàn ông làm cho bậc song thân của nó chẳng những hạnh phúc mà còn tự hào. Mẹ chồng nó thì tốt một cách khó tin. Gia đình tương lai của nó giàu có đến mức không còn gì để ao ước nữa. Tất nhiên nó sẽ có cả một bầy con khỏe mạnh.

“Chồng của tôi trông như thế nào? Tôi hi vọng là không quá già”, Peanut lại nói với giọng ai oán. “Mà gia đình chồng tôi sống ở đâu? Tôi không phải ở lại cái làng Cửa Sông này suốt đời chứ?” Người đàn bà nhặt một quẻ thẻ khác, chau mày, nhìn có vẻ bối rối. Một quẻ thẻ khác nữa. Cau mày lâu hơn và rồi một cái nữa.

“Ừm, chồng của em cũng trẻ lắm, chỉ lớn hơn em vài tuổi thôi. Nhưng mà gia đình anh ta sống ở đâu đây thôi, đó là điều mà ta nhìn thấy. Cũng chẳng đến nỗi tệ nhưng có lẽ ta có thể làm cho số phận của em tốt hơn”.

Lại xì thêm một ít tiền nữa, người đàn bà viết tên Peanut lên một miếng giấy đỏ, cùng với ngày tháng năm sinh, con số may mắn, dính thêm một miếng giấy có chép một bài thơ có vần có vè. Nó đại loại như thế này, “Hạnh phúc gần đâu đây, ngay bên Biển Đông này”.

“Nó có nghĩa là gì?” Peanut hỏi sau khi đã đọc xong bài thơ.

“À”, người đàn bà nói, dí bài thơ sát vào mặt. Cuối cùng bà ta chỉ vào chữ “gần đâu đây” và chữ “hạnh phúc” rồi nói, “Xem đây. Đây là người đàn

ông ở đây mà em phải cưới, nhưng bây giờ chị đã đuổi hắn đi, gán hắn cho một người khác”. Bà ta chỉ vào chữ “Biển Đông”, “chữ này có nghĩa là chồng tương lai của em là người ở xa, không xa như là ở một nước nào khác, nhưng không phải ở đây. Có thể xa về phía Bắc như Dương Châu”.

Peanut nhăn mặt một cách xấu xí.

“Có thể gần hơn như ở Thượng Hải”, người thầy bói nói. Sau khi nhìn thấy Peanut cười, bà ta nói thêm. “Đó là điều ta nhìn thấy. Giàu không thể tưởng tượng được. 5 con trai, tất cả đều hiếu đễ. Không có người vợ nào khác, em là người vợ duy nhất”.

Bà thầy bói đặt tất cả những miếng giấy, bài thơ lên trên một chiếc khay màu vàng cùng với tiền của Peanut trước tượng Phật Bà.

“Nào bây giờ thì không cần phải lo lắng gì hết”, người đàn bà nói rồi mỉm cười cầu tài với ta. “Còn em thì thế nào? Ta cũng nhìn thấy chồng tương lai của em.”

Sau đó bà ta nhìn lom lom vào mặt ta, lại nhìn gần hơn, miệng há cả ra. “Ái chà! Xem này có vấn đề đấy, ta có thể nhìn thấy nó ngay bây giờ ngay phía trên mắt em. Cái đốm đen này này, nó có thể làm cho mọi việc em nhìn thành ra đen tối”. Rồi bà ta chỉ vào cái vết đen nằm ngay trên mắt dưới lông mày. “Chị có thể điều chỉnh lại”, bà ta nói nhanh. “Tất nhiên chẳng dễ gì tìm ra bùa để giải vận xui. Nhưng chị có thể làm điều đó cho em, một biện pháp tức thì trước năm mới. Quyết định đi”. Bà ta viết ra số tiền mà ta phải trả.

Nhưng Peanut đã kéo khuỷu tay ta về hướng khác, bảo rằng nó nghe đâu có một quầy bán kẹo chocolate có hình 12 con thú trong 12 con giáp. Tất nhiên, ta cũng muốn nghe về tương lai của ta, muốn có được lá bùa thay đổi số phận của ta. Nhưng ta không thể gào lên trong đám đông giữa chợ, “Ê! Peanut đưa tiền cho tao, để tao cũng có thể kiếm được một người chồng tử tế cho mình”. Có thể bà thầy bói không làm được điều gì thay đổi số phận của ta. Có thể bà ta chỉ dùng đến một cái trò lường gạt thông thường nhất, chẳng có điều gì bà ta nói là đúng cả. Nhưng điều mà bà ta nói chần chẫn đúng với ta. Bất hạnh đang chờ ta, mà ta chẳng làm gì để ngăn cản cái đốm

kia đang lớn lên trên mắt ta. Điều này cũng là sự thật. Peanut đã không cưới cái thằng con trai ở đây đã được dành cho nó trong quẻ bói đầu tiên. Nó lấy một người ở Thượng Hải. Còn ai là người đã được bà bói đuổi đi với một bài vè? Té ra cái người này lại chạy thẳng vào đời ta.

Không, ta không mê tín. Ta chỉ kể lại những chuyện đã xảy ra. Làm sao con có thể nói là vận may và cơ hội là một? Cơ hội là bước đầu tiên mà con chọn lựa, vận may là cái gì đến sau đó. Cơ hội của con chẳng có nghĩa gì, nó chẳng qua chỉ là cái cớ để con không phải đổ lỗi cho mình – một điều đã được nói ra, rồi một điều tương tự xảy ra. Chúng ta để lạc mất Gông, Gao và chúng ta tìm thấy Văn Phú. Ta chẳng làm gì khiến điều đó xảy ra, phải đây là những diễn biến tiếp theo.

Chúng ta lùng Gông và Gao ở khắp chợ. Peanut chửi rủa chúng như thể chúng nó ở quanh đây. “Mấy đứa con trai hư hỏng này, luôn luôn gây chuyện rắc rối. Tại sao chúng mày không nghe lời chị hai?” Chúng ta đi từ hàng này sang hàng khác để tìm chúng, không có khả năng để mắt dù chỉ một giây đến những món đồ nữ trang giả. Cuối cùng chúng ta tìm thấy chúng đang đứng trong một cái bãi ngoài trời cùng với mọi người chờ một vở kịch bắt đầu. Khán giả đứng trong một cái bãi được quây lại bằng dây thừng. Một cái băng rôn căng trên sân khấu có dòng chữ, “Vở kịch năm mới chào mừng vị thành hoàng, chào mừng những con nợ”.

“Mày nhớ chứ”, ta bảo Peanut “giống y hết năm ngoái”. Bọn ta quyết định sẽ ở lại xem kịch cùng với hai thằng nhóc. Đó là vở kịch giễu nhại mà dân làng biểu diễn vào ngày 30 Tết mỗi năm, một phong tục cũ. Theo tục này, nếu có một ai đó nợ tiền con, con có thể đuổi theo họ đến cùng, bắt phải trả nợ. Nhưng điều này chỉ xảy ra vào cái giờ cuối cùng trong cái ngày cuối cùng của năm cũ. Sau đó ư, mọi việc trở nên rất xấu. Vì thế chủ đất, chủ nợ luôn luôn truy đuổi những người nghèo, vây bắt họ cho đến tối. Chỉ có một chỗ an toàn mà một người nghèo có thể đến ẩn náu là chỗ diễn ra vở kịch này, một vở kịch chào mừng vị thành hoàng. Một khi con còn đứng bên trong cái vòng dây thừng này thì không một ai dám đòi nợ con. Tất nhiên, sự thật là con vẫn phải trả hết nợ nần trước thềm năm mới. Đó là một bổn phận phải thực hiện. Còn vở kịch này được diễn cho vui thôi. Những người bên trong sợi dây chằng chưa chắc đã là những con nợ, họ tình nguyện vào trong vòng dây, trở thành một phần của vở kịch.

Ta vẫn có thể nhìn, nghe thấy những chuyện đó vào lúc này. Tiếng trống, thanh la và chũm chọe rộn ràng, các diễn viên trong những trang phục rẻ tiền xuất hiện trên sân khấu. Một bà già bước ra, quét một cái chổi lúa, khóc cho đứa con bị mất, một tên cướp. Xa xa một con rồng đang cất mình lên khỏi mặt biển, đuôi của nó cuộn lên như sóng. Con rồng sà xuống vì nóng lòng muốn ăn thịt cả một tàu chứa những kẻ tham lam. Ở đây có hai đoàn ca kịch cùng biểu diễn gây một ấn tượng thật ghê sợ.

Bất thành lĩnh những diễn viên ngừng lại. Một tên ăn mày trong bộ quần áo rách như tổ đĩa nhảy lên từ dưới khán đài, đi thẳng lên sân khấu. Hắn đuổi theo bà già, con rồng nắm lấy cái chổi, rồi cái đuôi rồng kêu lên với một người nào đó phía sau. “Tôi không có tiền. Tôi xin thề!”

Một người khác lại từ đám khán giả chạy lên, giơ cao chiếc đèn lồng trên tay “Ah!” đám đông xì xầm, “tên chủ đất ác độc”. Hắn chạy ngang qua sân khấu, ba bốn lần suýt bắt được người ăn mày, túm vào tóc, vào tai, vào đuôi cái áo khoác te tua của người này nhưng lần nào người ăn mày cũng có thoát ra được. Khán giả cười rộ lên vì sung sướng.

Nữ diễn viên đóng vai bà già giả vờ bực mình, “Dừng lại! Trật tự! Chúng ta biểu diễn một vở kịch quan trọng”, bà ta kêu lên trong khi hai người đàn ông xoay tròn quanh bà, bà ném cái chổi vào họ, nhưng bị trượt – bình! Nó rơi trúng đuôi con rồng. Một tràng cười nữa rộ lên! Người đàn ông nâng cái đuôi con rồng lên, xoa xoa cái đầu đau của nó rồi hỏi, “Ta ở đâu đây vậy?” Khán giả lại còn cười to hơn nữa.

Rồi nhiều tiếng la hét, “Tránh đường, đứng dẹp ra!” Hai người đàn ông đẩy khán giả lùi lại. Một lúc sau, người ăn mày chạy xuống sân khấu, an toàn trên mặt đất. Đám đông vỗ tay. Người chủ đất với cái đèn lồng trên tay bây giờ ở phía bên kia sợi dây, đứng dậm chân trong khi mọi người cười chế nhạo hắn.

Gông và Gao xem mãi không biết chán cho đến khi vở kịch được diễn thêm hai lần nữa, một người khác đóng thế vai tên ăn mày còn vẫn một diễn viên đóng vai chủ đất. Cuối cùng ông ta phát khùng lên làm chiếc đèn vỡ ra làm đôi rồi tuyên bố ông ta đi về nhà. “Quên món nợ đi”, ông ta la lên. Mọi

người vui vẻ vì chiến thắng như thể họ chính là người thắng cuộc. Nhưng khi chuẩn bị đi khỏi, tên chủ đất bất thành lĩnh quay lại hét lên với khán giả, “Ta đi về nhà đúng thế, nhưng tất cả các người nợ các diễn viên giỏi của chúng ta một đồng trong năm mới no đủ của các người đây”.

Sau đó thì tất cả diễn viên ủa xuống chỗ người xem, chìa cái âu đựng tiền ra cho mọi người. Cái đuôi của con rồng quệt vào người Peanut, nó hóa thành Văn Phú. Chắc là hắn nghĩ rằng Peanut sẽ thưởng rất hậu, căn cứ vào cách hắn nhìn bộ quần áo đẹp của Peanut, cách hắn gọi nó là “tiểu thư hào phóng”. Để ta nói cho con nghe, hắn không phải là loại người mà con sẽ nói ngay: “Ôi người này đẹp trai quá. Ta sẽ lấy chàng”. Không, không giống như cha con. Nhưng Văn Phú có một điều gì đó làm cho mắt con phải dõi theo hắn từ cái nhìn đầu tiên, một kiểu cách tự tin một cách khác thường, rất táo bạo ngang tàng. Khi hắn nói, “quý tiểu thư hào phóng” giọng hắn có vẻ thành thực, trong khi khuôn mặt hắn lại thể hiện cái gì châm chọc: đôi mắt rùa nháy chậm chạp nhưng không nhìn đi chỗ khác, một nụ cười tươi tắn trên môi. Hắn ta – con sẽ nói thế nào nhỉ - rất quyến rũ.

Ở đây có những điểm khác mà ta thấy ở hắn, điều mà sau này Peanut nói là nó cũng nhận ra – những dấu hiệu cho thấy hắn lớn lên trong một gia đình khá giả nề nếp, rằng hắn rất mực phong nhã, một người mà con không thể coi thường. Bộ đồ đang mặc rất hợp với hắn, mọi thứ đều vừa khít tay chân hắn. Hắn bận một bộ Âu phục, một cái áo sơ mi cổ rộng, mở hàng cúc trước ngực, quần tây có dây lưng, có chiết li ở bụng. Tóc hắn dày, lông mày thon gọn, nom đẹp như hai nét vẽ bằng mực tàu. Hắn có một hàm răng chắc khỏe, đều tăm tắp, không một cái nào bị sứt.

Hắn chìa ra một cái âu nhỏ đựng tiền “Không phải cho tôi” hắn giải thích một lần nữa bằng cái giọng dịu dàng, thành thực. “Mà là cho bệnh viện mà chúng tôi đang xây ở phía Nam của hòn đảo này”. Đôi lông mày hắn nhướng lên trong một cái nhìn ân cần. Hắn nhìn Peanut rồi nhìn ta. Tất nhiên ta quá mắc cỡ vì ta không có tiền bạc để cho hắn. Vì thế ta ném cho hắn một cái nhìn nghiêm nghị, như bảo hắn không nên làm phiền chúng ta.

Peanut cười với hắn. “Múa rồng vất vả nhỉ?” nó nói, thả vào âu mấy đồng bạc cắc, cả hai chúng ta đều quay đi. Nhưng lúc đó Văn Phú gọi Gông và Gao. “Này các em, anh có tiền lì xì cho các em này”. Hắn móc hai bao lì



xì màu đỏ ra khỏi túi, đưa cho mỗi đứa một cái. Một lát sau hai đứa moi ra một cái kẹo đóng hình đồng tiền, bọc trong giấy vàng. “Tiền thật chứ?” Gao kêu lên, giơ lên về phía mặt trời, quan sát cái vẽ sáng choang của nó. Chúng cho đồng xu vào trong bao lì xì với vẻ trân trọng hơn.

“Cảm ơn chú!” chúng nói.

“Các em có thấy anh múa đuôi rồng giỏi như thế nào không?” Văn Phú hỏi, còn chúng thì gật đầu bên lề, rồi mỉm cười. “Có thể các em thích xem cả con rồng?” Về bãi rồi biến mất, chúng nhảy tung tung, chạy lên sân khấu. Văn Phú nhìn Peanut, sau đó nhìn ta, rồi nhún vai như thể hẳn không còn cách nào khác.

Suốt buổi chiều hôm đó Văn Phú đi theo chúng ta. Đứng ra là hẳn dẫn bọn con trai đi xem những trò khác – một cuộc đá gà, một trò chơi với những thuyền gỗ bị đánh chìm bởi bom cát, một quầy hàng thông báo là có bán răng hổ - hai chúng ta chỉ theo sau. Tất nhiên đầu tiên chúng ta phản đối, nói rằng “Không, không. Anh đã gây cho chúng tôi quá nhiều rắc rối rồi”. Nhưng ta nghĩ cả hai chúng ta đều thầm nghĩ là hẳn rất thú vị. Chúng ta thờ dài cũng như chúng ta cười khúc khích bởi vì chúng ta không biết phải thể hiện nỗi phẫn khích tuổi mới lớn như thế nào.

Hắn xách đồ cho chúng ta, tiêu hết tiền của hắn cho bọn con trai. Sau đó hắn cố mua quà cho Peanut và ta, vài món xa xỉ mà hắn thấy chúng ta nhìn một cách thèm muốn như một con rồng giấy trên một sợi dây, một cái kẹo chocolate có hình con cừu mà Peanut đã đề mắt tới. “Anh đừng có mua”, chúng ta phản đối. Hoặc có thể chỉ có ta phản đối. Còn Peanut thì chỉ cười.

Con thấy đấy, ta chưa bao giờ nhận được món quà nào từ Văn Phú. Nhưng Peanut thì có. Nó nói nó sẽ bảo mẹ mua những món ấy, món ấy cho nó với giá rẻ. Nhưng ta biết không phải như vậy, đó chỉ là một cách màu mè để kiếm chác một cái gì đó từ người đàn ông. Có nhiều câu tục ngữ về điều đó như là: Ăn một cái kẹo, nuốt cay đắng cả đời. Ăn kẹo cấm dạ dày nổ tung.

Ta có thể thấy những câu tục ngữ ấy đều đúng. Có một cái gì đã xảy ra. Văn Phú nháy mắt với Peanut, đôi lông mày đẹp như vẽ nhảy múa. Cả buổi

chiều diễn ra như thế.

Có một câu thành ngữ của Mỹ nói về những điều mà Văn Phú đã làm với Peanut: Hắn liếm gót cô ta. Đó là điều mà hắn đã làm, chính xác là như thế. Cuối cùng khi Peanut ca cẩm rằng chân nó nhức như hai cục than nóng bỏng, hắn liền tìm đến một người nông dân, thuê của ông ta một chiếc xe đẩy giá một vài xu. Rồi hắn trải chiếc áo khoác của hắn vào trong xe, mời cô em họ cười khúc khích như điên của ta lên xe để đưa nàng về nhà trong một cái kiệu mới. Trong lúc đẩy xe đưa Peanut về nhà, hắn hát cho nó nghe, những bài vui, buồn, những bài hát về những khu vườn bí mật và những cung điện âm u.

Ta cứ hỏi mình suốt, “Phải chăng đây là những lời lẽ từ trong cuốn *Kim Bình Mai*?” Vào lúc đó bao nhiêu phần trắng trên mặt Peanut rơi lả tả trên áo khoác của nó. Ta có thể thấy đôi má nó cũng ửng hồng như má ta. Nó rất hạnh phúc. Ta cũng phải thừa nhận điều này. Ta cảm thấy đau nơi ngực, một cảm giác thật tồi tệ.

Con đã thấy hắn như thế nào chưa? Bao giờ cũng trở ra bằng một cung cách thật đẹp, hắn là một nghệ sĩ trong ngày hôm ấy. Hết sức lôi cuốn. Nếu hắn là người đàn ông đang hoang, trong khi tìm một chiếc xe đẩy, hắn phải kín đáo trả tiền cho người chủ xe, không để chúng ta thấy. Hoặc hắn phải biểu lộ mối quan tâm bằng cách mời chúng ta nghỉ một chút, đưa chúng ta vào một quán nước uống một cái gì đó giải khát. Hắn không nên nhận xét về bàn chân của em họ ta mong manh làm sao, hèn chi mà chúng chẳng mau mõi. Một người tử tế không bao giờ quá thiên vị đồ đầy trái tim cô gái này lòng tự hào và cô kia lòng ghen tị. Dù thể hiện bất cứ sự quan tâm nào, thì hắn cũng không nên đòi hỏi cô gái kia phải đáp đền.

Nhưng Văn Phú thì đòi hỏi. Hắn đẩy Peanut về nhà. Hắn nhìn thấy ngôi nhà to của chúng ta. Hắn nhìn thấy những câu đối Tết. Hắn đề nghị bốn ngày nữa sẽ đến chơi, vào ngày mừng ba Tết, để bày tỏ lòng kính trọng của hắn đối với Peanut, gia đình nó, tất nhiên là cả với ta nữa.

Ngày hôm sau là ngày đầu năm. Ai cũng cố tỏ ra phấn khởi và tốt bụng trong khi chúc tụng nhau. “Đông con nhiều cháu”, “Phúc như Đông Hải,

thọ tựa Nam Sơn”, “Thăng quan tiến chức”, “Phát tài phát lộc”... Những câu chúc đại loại như vậy, chẳng có ý nghĩa gì nhưng nghe cũng vui tai.

Bọn đây tở đặc biệt vui vẻ vì chúng không phải làm gì trong ngày mừng Một Tết. Tất cả đồ ăn đã được nấu nướng xong, không được đụng dao thớt, không một lời gay gắt nào được thốt ra. Chúng ta ăn đồ ngọt và những món đồ nguội.

Peanut và ta nói chuyện về Văn Phú, tự hỏi không biết ba ngày nữa hấn có đến không. Chúng ta không biết hấn sống trong ngôi nhà như thế nào ở phía bên kia hòn đảo. Chúng ta tự hỏi không biết mẹ hấn có tốt đến mức không thể tin được không? Ta không nói gì với Peanut về bài về mà nó dùng để xua đuổi cuộc hôn nhân với một người sở tại. Sáng hôm sau Peanut thức dậy, kêu lên là nó phải từ chối không tiếp Văn Phú. Làm sao mà nó có thể gặp hấn được? Hấn đã gặp nó trong lúc nó trang điểm thật đẹp, phấn trắng, son đỏ và bộ quần áo cầu kì nhất. Nó không thể trang điểm, ăn mặc như thế trước mặt cha mẹ. Nó không thể để Văn Phú nhìn thấy cái mặt mộc mạc của nó. Ta cố an ủi Peanut rằng Văn Phú sẽ thấy nó còn quyến rũ hơn với cái vẻ đẹp tự nhiên của nó. Ta không nói điều đó chỉ vì lòng tốt. Điều đó là đúng. Nếu hấn thích nó trong khi nó trông thật kệch cỡm thì tại sao hấn không thích nó với khuôn mặt tự nhiên?

Nhưng ta không thể thuyết phục được Peanut, khi Văn Phú đến, nó trốn đi. Nó vẫn ở đây, tất nhiên rồi, ngắm nghía hấn từ chỗ núp khác nhau: Trên cầu thang, sau cánh cửa trong một căn buồng tối qua cửa sổ nhà kính.

Khi thím Lớn, thím Nhỏ gặp Văn Phú, hấn nói với họ bằng một cái giọng thật như đếm, “Dì, dì, con, con” như thể đó là một cuộc hội ngộ vui vẻ. Đầu tiên họ ngỡ ngàng. Họ chịu không nhớ được hấn là ai. Hấn biểu họ một lẳng trái cây đắt tiền. Hấn chuyển lời chào kính trọng của cha mẹ hấn đến gia đình, đặc biệt là từ mẹ hấn, một người hình như là chỗ quen biết lâu năm của thím Lớn. Cuối cùng thím Lớn cũng nhớ ra. Bà vật lộn với trí nhớ cho đến khi bà phát hiện ra, “Ah, cháu là con của bà Văn phải không? Lần trước ta gặp cháu cháu còn nằm trong nôi”.

Ta nghe, cười khúc khích. Nếu như có một lúc nào đó trong suốt cuộc đời ta, ta có những cảm xúc tốt đẹp dành cho hấn thì chính là lúc đó, có thể

có thêm một vài khoảnh khắc nữa. Hấn thật táo bạo, khôn ngoan, vui tính, liều lĩnh.

Vì thế con thấy đây, ngay cả bây giờ ta cũng vẫn nhớ một vài điều tốt đẹp về hấn đây chứ.

Thật may cho Văn Phú, nhà ta lúc đó bỗng tràn ngập hàng trăm người khách, tất cả đều là người làng, đến để ăn *niên cao*, một loại bánh nếp có cái tên nghe như khi con nói “Chúc mừng năm mới”. Vì thế nếu thím Lớn, thím Nhỏ bối rối vì cuộc viếng thăm của Văn Phú thì nó cũng được xem là bình thường. Quá nhiều người nhớ sao cho xuể.

Trong lúc ta múc ra tô những chiếc bánh hấp nghi ngút khói thì Văn Phú đến chỗ ta. “Cô ấy đâu?”

“Nó ngượng”, ta bảo.

“Cô ấy không thích tôi hả?” Hấn hỏi. Đôi lông mày chau lại nhưng miệng lại mỉm cười. “Chỉ ngượng thôi”, ta lại nói. Có vẻ như không đúng mực nếu thừa nhận rằng Peanut thích hấn.

“Tại sao bỗng dưng lại ngượng?” hấn hỏi vẫn với một tiếng cười. “Cô nghĩ là cô ấy thích tôi phải không?” Sau đó hấn quay sang ta. “Cô không ngượng. Có nghĩa là cô không thích tôi? A ha, có phải thế không?” Hấn nhìn ta trêu ghẹo.

Ta suýt nữa thì không trả lời hấn, “Tôi không phải như vậy – ngượng ngùng cái gì”.

“Vậy có lẽ cô cũng thích tôi chẳng?” hấn nói huých toẹt.

“Ngượng ngùng không có nghĩa là thích hay không”, ta đáp.

Cứ thế chúng ta đối đáp theo kiểu ấy, cho đến khi tim ta nhức nhối vì có tỏ ra lịch thiệp, vì cố trốn tránh những câu hỏi giăng bày của hấn ta. Cuối cùng hấn móc trong túi ra một cái phong bì.

“Em gái, cô đưa giùm cho cô ấy nhé,” hấn nói. “Làm ơn bảo cô ấy trả lời tôi ngày mai”. Rồi hấn bỏ đi.

Peanut chứng kiến tất cả cảnh này vì vậy khi Văn Phú đi khỏi nó chạy bỏ nhào từ sau cánh cửa bếp, giăng lấy lá thư từ tay ta.

“Y viết gì vậy?”, ta hỏi. Ta cảm thấy mình có quyền đòi hỏi được đọc lá thư đó. Ta đã giúp Peanut rất nhiều. Nhưng nó lại lấy vai che lá thư, bảo vệ nó khỏi ánh mắt của ta như con gà mẹ xòe cánh che chở cho đàn con. Nó cười ngật nghẻo, cắn cắn ngón tay, rồi nắm chặt tay, rồi kéo kéo một lọn tóc.

“Y nói gì vậy?”

Peanut nhìn ta, “Ảnh cần câu trả lời vào ngày mai”, nó nói, “bảo với anh ta tao chưa trả lời đâu. Bảo ảnh đợi”. Rồi nó bỏ đi. Thế là từ đó ta giúp Peanut, Văn Phú mang thư tình của nọ trao đi đổi lại, đưa họ đến chợ, đến giữa đường. Ta giúp họ thiết tình. Ta chẳng may may có ý định cướp Văn Phú khỏi tay Peanut. Ta thề như thế. Ta không nhớ điều này có khác với việc đổ lỗi cho mình không. Mỗi lần ta đưa thư cho Văn Phú ta lại tả về Peanut. Ta bảo hấn nó mặc áo màu gì ngày hôm ấy, màu hoa hồng cùng với màu má của nó. Ta thuật lại nó trang điểm cho mái tóc như thế nào, đang gầy đi vì tương tư ra sao.

Tất nhiên chẳng có điều gì trong đó là đúng hết. Ta chỉ dùng trí tưởng tượng của mình để nói về tất cả những điều ngu xuẩn này, chuyện tương tư của các cô gái đang yêu xưa nay.

Vậy thì tại sao ta lại đi đến chỗ cưới hấn? Đôi khi ta nghĩ ta sẽ hỏi Peanut. Nếu vẫn còn sống ở Trung Quốc cho đến hôm nay cô ta hẳn sẽ đồng ý với ta, ta biết chắc điều đó. Ta đã không làm gì khiến Văn Phú để mắt đến ta, chẳng làm gì hết. Văn Phú đã thay đổi ý định.

Ta có một trái tim nhân hậu, giống như con. Ta rất ngây thơ, cũng như con. Vì vậy con có thể hình dung được mẹ của con ngày xưa như thế nào: một cô gái lẻ loi, một cô gái chẳng trông mong vào ai, lại ao ước quá nhiều.

Rồi bất thành lình một người đi đến gõ cửa nhà ta – mà hấn ta lại quá quỵén  
rũ, một lí do để mơ ước về một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Ta có thể làm gì khác? Ta mời hấn vào.

## 7. CỦA HỒI MÔN

Chắc con nhớ là Helen bao giờ cũng bảo với mọi người rằng dì là phù dâu của ta. Dì ấy bảo là đám cưới của ta thật linh đình theo lối truyền thống.

Điều đó đúng. Duy có điều dì ta không có ở đây. Chỉ có Peanut, với khuôn mặt trắng phớt như thạch cao, đôi môi đỏ như ớt khi, nụ cười toe toét cứ như thể nó thực sự vui với hạnh phúc của ta.

Nhưng một tháng trước đám cưới của ta con phải thấy Peanut mới được, nó như điên như dại mỗi khi trông thấy ta. Nó nói rằng ta có lỗi trong chuyện Văn Phú cưới ta chứ không phải là nó. Nó giả vờ không thèm nghe ta khi ta nhắc nó nhớ rằng ta đã giúp hai người như thế nào. Điều đó đúng, ta tiếp tục đưa thư cho họ, những lá thư mà Peanut cất ở hộp trang điểm của nó. Ta bảo Văn Phú chỗ giấu xe đạp của hắn. Ta dẫn hắn đến chỗ Peanut để họ có thể tình tự suốt hai tiếng trong lúc mọi người ngủ trưa sau bữa ăn. Ta đứng ngoài cửa canh thím Lớn thím Nhỏ trong lúc hai người hôn nhau.

Tất nhiên ta không chứng kiến cảnh này, cái màn hôn hít ấy. Nhưng ta biết họ làm gì – hôn nhau như những kẻ tương tư phát điên phát cuồng lên vì yêu – bởi vì khi họ chui ra khỏi những cái nôi võ, mặt và cổ Peanut đầy những vết đỏ, những chỗ mà đôi môi của Văn Phú in lên. Còn miệng của Văn Phú thì ngoe ngoét những vết son của Peanut, hai má hắn đầy những phấn là phấn. Trông hắn giống một kép hát. Ta nhìn theo hắn khi hắn lôi cái xe đạp ra với một nụ cười rộng ngoác đến mang tai đầy thỏa mãn.

Sau đó ta giúp Peanut lau sạch dầu vết của những nụ hôn, rửa sạch son phấn. Ta la nó, “Sao lại để cho y hôn? Mà chỉ nên nói chuyện hay để cho y nắm tay là cùng thôi chứ”.

Thật là kinh khủng khi chia miệng ra cho một thằng con trai mà cha mẹ không biết hôn hít. Tất nhiên, nó không tệ hại như chia ra những phần khác

trong cơ thể.

“Tao thích thể”, Peanut nói, có một cái gì rất tục tĩu trong nụ cười của nó.

“Cái gì! Mày thích hôn à, vậy là mày ném cả danh dự của gia tộc đi chỉ để thỏa mãn dục vọng của bản thân mày sao? Cũng giống như hai con chó ngu ngốc, chạy tót lên người vào đít nhau ấy!”

Nhưng trong lúc ta kì cọ mặt cho Peanut, nó vẫn tiếp tục mơ màng về Văn Phú, nói với ta là hắn đã khen ngợi đôi má mịn mành, đôi tay nhạy cảm của nó như thế nào. “Ái”, nó kêu lên quang quác, “mày lột cả da mặt tao rồi đây nè!”

“Lỗi tại mày”, ta nói, “cái vết này nó không đi cho. Y cắn vào cổ mày như con nhện ấy. Bây giờ thì mọi người đều thức dậy cả rồi. Lại rắc rối cho coi”.

Peanut chỉ cười sằng sặc, với lấy cái gương và nói, “Đâu, tao xem nào. Ôi, xem ảnh làm gì này”. Nó kéo cổ áo lên, cười tí ta tí tởn to hơn nữa.

Nó đã không biết đến một điều là ta đã hết sức liều lĩnh giúp nó. Nó biết rằng nếu mẹ nó phát hiện ra chuyện thì ta sẽ gặp nguy hơn là nó. Peanut ít tuổi hơn ta, ta có trách nhiệm về những hành vi đạo đức của nó. Ta thật sợ hãi khi nghĩ đến việc thím Lớn, thím Nhỏ sẽ làm gì với ta.

Tất nhiên, chắc con không hiểu được điều này, tại làm sao ta lại phải bị rắc rối vì Peanut chứ, tại sao ta phải sợ. Ở Trung Hoa ngày xưa, con luôn phải chịu trách nhiệm về một ai đó. Không giống như ở đây, ở nước Mỹ này – tự do, độc lập trong những suy nghĩ của mỗi cá nhân, làm cái điều mà con muốn, không cần vâng lời cha mẹ. Ở Trung Quốc không có những chuyện đó đâu. Chưa từng có ai nói với ta, “Ngoan nhé, bé con, ta sẽ cho con một cục kẹo”. Con không bao giờ được thưởng vì ngoan ngoãn, mà con buộc phải ngoan ngoãn. Nếu con làm điều gì không tốt – gia đình con sẽ làm bất cứ điều gì trừng phạt con không cần viện lý do gì cả.



Ta vẫn nhớ những lời đe dọa, “Mày có muốn bị đuổi đi vĩnh viễn rồi thành ăn mày như mẹ mày không?” “Mày có muốn mắc một chứng bệnh khủng khiếp sẽ ăn hết cái mặt mày, giống như mẹ mày không? Từ ngày ta đến sống ở cái hòn đảo này thím Lớn luôn nói với ta những điều như thế - cũng chẳng thành vấn đề nếu như nó vô nghĩa. Ta chẳng biết điều gì đã xảy ra cho mẹ ta – có phải bà đã chạy khỏi cuộc hôn nhân theo cái kiểu mà Peanut nói không, có phải bà chết vì một căn bệnh quái dị như là cha ta đã nói, có phải bà bị tống cổ khỏi nhà vì bà đã chọc giận cha ta với một vài lí do chưa rõ, như người ta vẫn thì thầm với nhau khi họ nghĩ là ta không nghe thấy? Khi ta mới đến đây, thím Lớn chỉ cần nhắc đến tên của mẹ là nước mắt đã dàn dụa trên mặt ta.

Sau này ta không khóc nữa. Ta cố không nhớ mẹ ta thật da diết hoặc là dập tắt cái hi vọng đã một lần le lói trong ta rằng một ngày kia mẹ ta sẽ trở về với ta. Thế là thím Lớn nghĩ ra những câu đe dọa mới làm cho tao sợ. Một lần thím dẫn ta và Peanut đến chơi một gia đình ở Thượng Hải. Bà chỉ vào một đày tớ gái đang quét sân.

“Nhìn cô gái đáng thương này”, thím Lớn nói với giọng thương cảm. Cô gái bận một chiếc quần rách tươm quá ngắn so với đôi chân còm nhom của cô. Đôi mắt vô hồn. Thím Lớn nói rằng cô gái này bị cha cô bán làm nô lệ vì cô cư xử chẳng ra gì sau khi mẹ cô chết.

Còn những lời dọa nạt khác nữa. Khi thím Lớn nghĩ là ta có vẻ chưa sợ hãi đúng mức – khi ta không cúi gập người đúng cách, không cần xin được tha thứ - bà sẽ bạt tai ta. “Thật là bất trị, thật là hỗn hào! Có gia đình nào muốn cưới mày làm con dâu chứ? Có thể tao sẽ gả mày cho lão già thổi sữa giày!”

Bà bóng gió đến một lão già kiết xác làm nghề sửa giày dạo đi từ nhà này sang nhà kia, cái người mà cả hơi thở và thân thể bốc lên một mùi kinh tởm như những đôi giày cũ kĩ mà lão sửa lại, rao bán. Ta nghĩ tất cả các bà mẹ ở đây đều dọa sẽ gả con gái họ cho lão sửa giày. Nếu tất cả những cô gái này đều phải vâng lời, như vậy, lão có thể có đến 20 bà vợ.

Ta không nghĩ thím Lớn nói những điều này vì ác nghiệt đối với ta hay vì thói dọa dẫm vô duyên cớ. Ta không quá hào hiệp để nói thế. Dọa trẻ con

là một truyền thống trong những gia đình cổ lỗ như gia đình ta. Mẹ của thím Lớn chắc chắn cũng làm thế với thím khi thím còn bé, đưa ra những lời đe dọa về một cuộc sống quá kinh khủng cho trí tưởng tượng được – cũng như đưa ra gương những đứa trẻ vâng lời quá dễ bảo để có thể là sự thật. Đó là cách dạy dỗ trẻ cho ngoan ngoãn. Đó là cách con tổng những suy nghĩ ích kỉ ra khỏi cái đầu ngu ngốc của chúng. Đó là cách con chứng tỏ con quan tâm đến tương lai của chúng, dạy chúng phải giữ nền nếp lễ thói trong gia đình.

Đó là lí do tại sao ta lại sợ cho mình vào cái ngày ấy trong nhà kính. Peanut hư hỏng làm sao khi để cho Văn Phú hôn hít nó. Nó cũng sẽ bắt ta phải trả giá bằng cả tương lai của ta. Vì thế tất nhiên, lần sau khi Peanut nhờ ta mang thư đến cho Văn Phú ta từ chối.

“Mày tự mang đi”, ta nói. “Tao không muốn làm trạm liên lạc giữa chúng mày nữa”. Peanut khóc lóc, van xin rồi réo tên ta mà chửi. Nó không nói chuyện với ta suốt ngày hôm đó. Ta nghĩ ta phải kết thúc những rắc rối của mình. Làm sao ta có thể biết được ta chỉ làm cho nó tệ hơn?

Sau đó ta phát hiện ra là Văn Phú cũng giận ta. Hắn chờ ta hằng giờ ngoài đường để lấy thư. Khi ta không đến ngày hôm sau, hôm sau nữa thì hắn không đợi nữa. Hắn tìm ra một trạm trung chuyển thực sự, một người không những đưa thư mà còn đứng ra mai mối.

Con thấy đấy, Văn Phú quyết định phải cưới Peanut không phải vì hắn yêu nó một cách chân thành – mà vì gia đình nó. Thật thế, hắn chẳng có gì khác với hầu hết những người đàn ông thời đó. Cưới xin trong những ngày ấy giống như mua một điền sản. Ở đây, con có thể nhìn thấy ngôi nhà mà con muốn sống ở đấy. Thực ra con chỉ cần tìm đến một người môi giới bất động sản. Ở Trung Hoa, nếu con biết một gia đình giàu có chỉ có một con gái, con phải tìm đến một người môi giới, một người biết cách làm ăn trong những chuyện như vậy.

Bà môi mà hắn tìm đến là một bà già tên là thím Mao. Bà này nổi tiếng vì mát tay, tìm đúng chồng đúng vợ cho từng cặp sao cho họ sinh ra thật nhiều con trai. Bà đã mai mối việc hôn nhân cho hai con gái của thím Lớn mấy năm trước. Còn bây giờ thì ta nghĩ rằng bà Mao cũng là người giúp

thím Lớn đuổi đi một người con trai của gia đình họ Lĩnh mà ta chưa bao giờ gặp, nhưng anh ta lại là người mà lẽ ra ta phải lấy làm chồng. Nhưng trước khi ta có thể nuôi hi vọng thì cơ hội đã vượt mất.

“Họ không có tiền của gì”, bà Mao nói với thím Lớn. Ông bố thì có học thật đấy. Nhưng mà để làm gì? Ông ta thậm chí chẳng có lấy một cái chân cạo giấy thấp kém nhất. Hãy nhìn bà vợ ông ta mà xem, gần 40 tuổi rồi còn đẻ con. Chẳng có đạo đức, chẳng biết mắc cỡ là gì cả”.

Nhưng đó không phải là lí do chính bà Mao không thích họ Lĩnh. Nguyên nhân chính và thực sự là một mối cừu hận từ bao nhiêu năm trước. Peanut nghe lén cha nó nói về điều này, về việc họ Lĩnh đã có hôn ước với một cô gái ở địa phương. “Một vài tháng trước khi cưới”, Peanut nói, “con trai nhà họ Lĩnh bỏ chạy, cưới một cô gái ở Thượng Hải – cưới vì tình, chuyện là thế đấy! Tất nhiên gia đình họ Lĩnh bắt cô gái ở Thượng Hải theo phận làm thiếp còn thì cô gái ở đây mới là chính thất. Nhưng thế coi sao được, chàng trai ghét người vợ chưa cưới đến mức anh ta lấy người thiếp thay vì lấy cô gái nọ”. Kể đến đây Peanut cười, “Cô gái ấy không phải ai khác chính là bà Mao. Mất mặt, tức uất người – bà ta phải đợi đến ba năm sau mới có người rước đi cho”.

Cũng cái bà Mao ấy giờ đây thường xuyên ghé qua nhà ta chơi, trò chuyện với thím Lớn, thím Nhỏ, đưa chuyện trong làng, người nào bệnh, người nào vừa nhận được thư từ ngoại quốc, con ai hư hỏng bỏ nhà trốn đi làm cách mạng...

Trước mặt bà, Peanut và ta gọi bà ta là bà Mao Mao. Sau lưng, chúng ta gọi là Ngao Ngao bởi vì bà giống như một con mèo, đôi tai bà cứ vểnh ra mọi hướng, sẵn sàng nhảy lên vì một điều thầm kín nào đó.

Ta chắc là bà Ngao đã rỉ tai với Văn Phú mọi điều bí mật về gia đình chúng ta rằng chú ta có một cơ sở làm ăn tốt như thế nào nhưng ông cũng bị mất đi nhiều hợp đồng. Làm cách nào mà thím Nhỏ trở thành vợ hai của ông, một người vợ làm ông rất mãn nguyện. Làm thế nào mà thím Lớn lại là vợ cả của ông, một người mà ai cũng phải chiều lòng bà, rằng Peanut là đứa con gái út, là cục cưng của cả nhà. Rằng ta là chị họ của Peanut, được đưa đến đây khi mẹ ta biến mất – bị giết hay bị bắt cóc bởi bọn thảo khấu,

chết mất xác dưới biển hay bị chôn trong lòng đất thì không ai rõ. Cái chính là ta là con gái của một người giàu đến nỗi có thể mua ngôi nhà đẹp nhất, sang nhất ở cái làng Cửa Sông này vì ông ta còn có nhiều hơn rất nhiều ở Thượng Hải. Ta biết Văn Phú phải hỏi những điều này bởi vì đây là điều xảy ra tiếp theo đó.

Chẳng bao lâu sau khi ta từ chối mang thư cho họ, bà Mao gõ cửa nhà chúng ta cùng với cha mẹ Văn Phú. Buổi chiều hôm họ đến, Peanut bị kích động đến nỗi nó suýt làm đổ bình trà khi nó mời họ dùng trà. Nó cười ngặt nghẽo làm cho thím Nhỏ phải la nó hai lần vì không rót thêm trà cho chú ta. Nhưng ta thấy mẹ của Văn Phú không để mắt đến Peanut và cung cách ngớ ngẩn của nó. Bà ta lại nhìn ta dò xét.

Bà ta hỏi có phải ta tự may lấy quần áo không. Bà ta xem đường chỉ nơi ống tay áo của ta đoạn nói rằng chuyện may vá của ta không đến nỗi tồi nhưng cần phải cải thiện... Bà ta hỏi về nước da xanh xao của ta – có phải là màu sắc tự nhiên của ta không hay là ta mới ốm dậy? Tại sao ta lại lặng lẽ như vậy? Ta có bị ho không? Ta có dễ dàng bị mệt không? Ngày hôm sau thím Lớn, thím Nhỏ sang thăm nhà họ Văn ở phía bên kia hòn đảo. Peanut quá phấn khởi, nó đã quyết định sẽ mặc áo cưới kiểu phương Tây. Ngày hôm sau nữa, thím Lớn thông báo một lễ ăn hỏi với gia đình nhà Văn không phải cho Peanut mà cho ta. Ta không trả lời có hay không. Chẳng ai hỏi ta cả bởi vì ta không có quyền lựa chọn.

Tất nhiên ta chẳng chấp tay lại cảm ơn các bà thím của ta vì đã hoạch định một tương lai tốt đẹp cho ta. Ta cũng chẳng giam mình trong phòng, không ăn cho đến ngắt xiú đi, dọa tự vẫn, điều mà các cô gái vẫn làm khi gia đình chọn cho họ những người chồng không vừa ý.

Nếu con hỏi ta cảm thấy như thế nào khi nghe người ta bảo là ta sẽ lấy Văn Phú, ta chỉ có thể nói điều này: cứ như là ta được bảo cho biết, ta đã thắng một giải thưởng lớn. Cũng như là ta được báo là đầu ta sắp sửa lìa khỏi cổ. Một cái gì lẫn lộn giữa hai cảm xúc đó.

Sau thông báo này ta vẫn ngồi ở bàn mặt mày ngơ ngác, quá bối rối để nói ra bất cứ điều gì. Peanut buột miệng. “Tại sao Vi Vi lại cưới?” Nó hỏi.

Thím Nhỏ hiểu câu hỏi của con gái theo nghĩa tốt, “Đừng có ích kỉ thế con! Chị ấy vẫn có thể đến thăm con thường xuyên. Nhưng bây giờ chị ấy phải lấy chồng, ra ở riêng. Chị ấy là lớn nhất. Chị ấy cũng đến tuổi lấy chồng, ít hơn chồng năm tuổi là tốt. Sau này con có thể đến chơi nhà chị ấy”.

Ta ngồi im lặng, cố hình dung Văn Phú trong vai chồng ta. Ta thấy mình chạy ra ngoài đường gặp hấn theo cái cách mà Peanut vẫn làm. Chỉ có điều bây giờ hấn hôn ta chứ không hôn Peanut. Hấn cười nham nhở. Hấn cũng bảo ta rằng ta có đôi má rất dễ thương màu của hoa hồng giống như chiếc váy mà ta đang mặc. Hấn cũng đưa cho ta một lá thư tình. Ta có thể cảm thấy trái tim ta đập thành thịch vì nóng lòng muốn đọc thư hấn. Ta nhìn Peanut vẫn trẻ mãi ra không thể nói lên lời, sự tức tối của nó thoát ra đằng mũi phì phì giống như một con rồng đang quạt đuôi. Nó không biết giấu cảm xúc như ta. Đến lúc đó ta nhận ra rằng ta đã giấu những xúc cảm của ta thật lâu thật giỏi. Thậm chí tự ta cũng không nhận ra được nữa – cho đến lúc này. Tất cả những lần ta giận dữ cáu kỉnh với Peanut vì đã để cho Văn Phú hôn má – Bây giờ ta biết. Ta muốn hấn cho chính mình. Không, đó không phải là tình yêu! Đó không phải là điều ta đang nói, không phải một điều như thế, đó là một loại hi vọng ngu xuẩn. Một cái gì để hi vọng cho chính mình.

Con không tin ta ư? Dì Helen không kể cho con nghe chuyện này ư? Phải, bà ta muốn thế lắm. Ta đã ngăn bà ấy lại. Ta biết nếu bà ấy kể cho con nghe thì mọi chuyện sẽ trở nên sai lạc trầm trọng. Bà ấy sẽ nói với con. “Mẹ con yêu say đắm, một tình cảm lãng mạn làm sao”.

Nhưng con biết dì ấy rồi đấy. Nếu một cái gì đúng, dì ấy nghĩ ngược lại. Cũng giống như cái u não, dì ấy chẳng có u iếc gì sất. Ta cũng bảo thế nhưng dì ấy đâu có nghe ta. Dì ấy nghĩ ta nói thế chỉ để tỏ ra tử tế. “Tại sao tôi phải tỏ ra tử tế?” ta hỏi dì. “Bởi vì tôi sắp chết”, Helen nói. Làm sao con có thể tranh luận với một người như dì chứ?

Đó là lí do tại sao ta kể cho con nghe câu chuyện này chứ không phải dì Helen và con phải tin ta bởi ta là mẹ con. Ta không yêu Văn Phú, ngay từ lúc ban đầu. Tất nhiên ta hạnh phúc, nhưng chỉ bởi vì ta nhìn đám cưới của ta như một cơ hội mới. Mặc dù có thể ta đã lẫn lộn hạnh phúc với tình yêu

hoặc chỉ một chút lẩn lộn. Vài ngày sau thông báo trên, ta nghe các bà thím dặn dò một cách cẩn thận, giữ cho đầu ta cúi xuống trong một vẻ cung kính. Ta nghe họ bảo rằng gia đình họ Văn tốt như thế nào, ta may mắn ra làm sao. Thím Lớn nói gia đình bên chồng chấp nhận ta mặc cho tai tiếng của mẹ ta. Họ bảo ta rằng nhà họ Văn điều hành công việc buôn bán với nước ngoài, rằng Văn Phú sẽ giúp cha ta và chú ta bán lụa, bông của gia đình ta ra nước ngoài. Hắn đã hứa hẹn điều này. Họ cũng nói rằng mẹ của Văn Phú là một người toàn tài: một thợ may, một họa sĩ vẽ tranh tứ bình, một đầu bếp tuyệt vời, một người quản lý rất giỏi việc nhà. Bà sẽ dạy ta rất nhiều thứ, nhà của họ tất nhiên không thể sánh với nhà của chúng ta nhưng cũng là một ngôi nhà xinh đẹp với rất nhiều đầy tớ. Thậm chí họ còn có cả xe hơi.

Càng nghe họ bao nhiêu ta càng muốn tin họ bấy nhiêu. Ta hình dung Văn Phú lái chiếc xe hơi chở ta đi, ta hoàn toàn sung sướng từ bỏ cuộc đời cũ. Ta mơ được sống trong một ngôi nhà hạnh phúc không có ai hé miệng than phiền. Ta nghĩ về người mẹ chồng quá tốt để có thể là sự thật, người chỉ khen ngợi ta, chẳng bao giờ phiền lòng về ta. Ta có thể hình dung cảnh bọn người hầu kẻ hạ dâng trà cho ta trước khi ta có thể biết là ta đang khát. Chạy nhào nhào trong đầu ta là bao nhiêu những đứa con ta, tất cả đều giống nhau, vây quanh ta hết đứa này đến đứa khác, làm ta sung sướng. Khi các bà thím bảo ta là ta sẽ cưới Văn Phú thì đó là những điều ta hình dung ra. Đó là điều bà thầy bói tiên đoán cho Peanut.

Tất nhiên cùng với tất cả những điều tốt đẹp cho ta, ta cũng cảm thấy buồn cho Peanut. Lúc này nó quay ra đổ lỗi cho ta. Bảo ta đã phản bội nó. Trong suốt thời gian trước đám cưới, chúng ta vẫn ngủ chung một giường. Khi ta bước vào phòng, nó nhổ nước bọt xuống đất. Đêm đến, nó đá vào chân ta, đẩy cái mền của ta sang một bên, ra rả nói rằng ta còn xấu xa hơn cả dòi ăn thịt thối rửa. “Mày nghe mẹ mày rồi đó”, ta phản đối, “tao lớn hơn mày phải lấy chồng trước. Tao phải vâng lời thôi. Nếu mày muốn thay đổi điều đó, đi mà nói với mẹ mày ấy”.

Nếu ta nghĩ về điều này rõ ràng hơn ta ắt phải nhận ra, các bà thím ta không quan tâm đến chuyện tuổi tác. Peanut là đứa con cưng, bất cứ điều gì họ dành cho nó cũng tốt hơn. Những bộ quần áo đẹp hơn, những lời khen nồng nhiệt hơn, cho nó nhiều tiền hơn, những cái bùa may mắn tốt hơn,

chăm sóc tốt hơn khi nó bệnh. Như trước ta đã nói, họ không cay nghiệt với ta. Họ chỉ cưng chiều Peanut hơn. Vì thế tại sao ta lại ngu ngốc đến vậy, ta phải biết rằng nếu họ gả ta cho gia đình Văn Phú thì đó là bởi vì đây không phải là một đám tốt.

Sau đó một chuyện xảy ra làm ta nghĩ rằng tất cả những điều tốt đẹp đã biến mất. Các bà thím ta nói rằng họ sẽ dẫn ta đến Thượng Hải gặp cha ta để xin người ban phép cho ta lấy chồng. Họ cho ta xem thư của ông chỉ thị khi nào chúng ta phải tới, chỉ có thể, không một lời chúc mừng. Ngày xưa chúng ta không có đường điện thoại nối Thượng Hải với hòn đảo, lá thư này được một người đưa tới không qua đường bưu điện. Vì thế lá thư ta cầm trong tay có vẻ rất nghiêm trọng.

Với cả trái tim mình con hãy hình dung ta cảm thấy như thế nào. Ta đã không gặp cha ta suốt 12 năm trời kể từ khi ông gọi ta đến đây. Các bà thím ta chưa bao giờ dẫn ta tới gặp ông trong những lần ta đến Thượng Hải. Ông không bao giờ viết cho ta, không bao giờ đến thăm ta dù ở trên đảo hay là ở trường nội trú vì thế ta không biết là ông bức hay vui khi gặp ta. Ta không biết là nên sợ hãi hay là vui mừng khi được gặp ông. Buổi sáng hôm ấy thím Lớn, thím Nhỏ và ta tắm rất sớm. Chúng ta mặc những bộ quần áo đẹp nhất, những áo dài bằng lụa tươi màu với áo khoác ngoài. Chúng ta mua vé hạng nhất trong chuyến ca nô kéo dài hai giờ xuôi theo sông tới cảng Thượng Hải. Khi chúng ta ra khỏi ca nô, một chiếc xe hơi dài với một người tài xế đợi chúng ta ngoài cổng để đưa mọi người về nhà cha ta ở phố Julu. Mọi thứ đều giống như trong một câu chuyện thần tiên. Nhưng khi chúng ta bước trên lối đi vào nhà, ta biết chúng ta đã phạm một sai lầm nghiêm trọng. Áo quần của chúng ta màu tươi quá, rợ quá, cho mọi người biết rằng chúng ta không phải là những người quan trọng gì. Cánh cửa mở ra, ta lại đứng ở trong tiền sảnh rộng thênh thang của ngôi nhà ta đã từng sống nhưng không còn nhớ gì. Ngôi nhà này 10 phần lớn hơn, đẹp hơn chỗ của chúng ta ở làng Cửa Sông hoặc có thể là con không nên so sánh theo cách ấy. Đó là một cái nơi mà mỗi thứ mắt nhìn thấy con đều muốn chạm tay nhưng con vẫn sợ chỉ một cử động nhỏ con có thể làm một cái gì đó đổ vỡ. Ngay bên cạnh ta là những cái kệ cao chạm trần, trên có đặt những bức phù điêu trắng nhỏ, một người đi săn đuổi theo một con hươu, một bức tượng hai cô gái đang bước đi trong những chiếc áo đầm Ăng-lê. Một cái

hắt hơi, một tiếng ho, một lời nói to thôi, chắc chắn con sẽ làm vỡ những vật tinh tế này.

Ta nhìn xuống chân, ước gì ta có thể cúi xuống lau sạch bụi trên đôi giày mới của ta. Lúc đó là lúc ta nhìn xuống sàn nhà lát cẩm thạch trắng bong.

Đột nhiên ta nhớ những mẫu hoa văn viên quanh - mẹ ta có lần bảo ta đó là những viên đá quý do nước sông chảy qua những tảng đá cẩm thạch mà thành. Ngay trước mắt ta, trên mặt sàn ánh lên bao nhiêu sắc màu khác nhau đang nhảy múa - Bóng những con cá đủ màu từ cùng một dòng sông, mẹ ta bảo thế.

Ta ngược nhìn lên xem những ánh sáng đủ màu này từ đâu - một cái cửa sổ lắp kính màu ở trên cầu thang thứ nhất, có hoa lá, cây cối, bầu trời trên tấm kính. Trong khi nhớ lại tất cả những chuyện đã qua, ta nhìn lên cái cầu thang xoắn ốc rộng thênh thang cố gắng nhớ lại cái thành cầu thang bằng gỗ lim trơn bóng, cảm giác xưa cũ khi ta lướt tay trên đó.

Đúng lúc đó ta nhìn thấy cha ta đi xuống cầu thang, mỗi bậc một bước, quắc thước như một lão thần tiên.

Ta nhớ lại cung cách của ông, ông lúc nào trông cũng ung dung tự tại. Ta nhớ lại cái cảm giác chờ đợi, sợ hãi, không biết điều gì sắp xảy ra của ta khi đứng trước mặt cha. Còn bây giờ thì ông đứng ở giữa cầu thang nhìn ta chằm chằm không có một biểu hiện gì trên mặt. Ta chắc rằng ta cũng nhìn ông như thế. Giống như một con ma nhìn một con ma. Ồ có lẽ là ông nhìn thấy mẹ ta trong khuôn mặt ta, vì thế mà ghét ta. Ta cúi đầu.

“Con gái”, ông bất thành linh nói, “con nên mời khách của chúng ta ngồi xuống”.

Ta quay sang bên cạnh nhìn quanh như thể kiểm tra xem ông đang nói về người khác trong phòng. Nhưng thím Lớn đẩy vào người ta, rồi ta thấy mình chỉ vào bộ bàn ghế ở gần, nói, “Xin mời các thím ngồi. Đừng có khách sáo, mời ngồi”. Cứ như là ta bao giờ cũng đón chào các bà thím của ta vào một ngôi nhà mà ta không sống như vậy. Chúng ta lặng lẽ ngồi vào



những chiếc sofa đệm lông chim, nệm lún xuống thật nhanh, ta cảm thấy mình bị nuốt chửng.

Thím Lớn hướng về phía cha ta một cái nhìn nôn nóng.

“Anh có khỏe không, anh cả? Em hy vọng anh mạnh giỏi”. Thím Nhỏ cũng lặp lại câu hỏi, “Anh thế nào, khỏe không ạ?” cha ta mỉm cười, chậm rãi bắt chéo chân rồi nói, “Không đến nỗi nào nhưng cũng không khỏe lắm. Các thím sẽ biết điều đó khi xương cốt mỗi ngày một già đi”.

“Đúng thế ạ!” Thím Lớn đón lấy một cách sốt sắng, “Thì em cũng vậy. Em cứ bị đau bao tử suốt, ngay sau khi ăn tối, đau ở bụng”.

Một bên lông mày của cha ta nhướn lên, mọi người im bật. Tiếng chuông đồng hồ vang lên từ căn phòng bên cạnh, các bà thím của ta lắng nghe tiếng chuông với một vẻ thích thú vờ vịt sau đó đồng ý với nhau là đó là tiếng chuông hay nhất mà họ từng nghe.

Ta ngồi im lặng, nhận thấy cha ta là hình ảnh của ông chú chỉ có điều già hơn, gầy hơn. Nét mặt ông trông cũng nghiêm khắc và thông minh hơn. Ông mang một cái kính tròn gọng vàng, bận Áo phục màu đen, bên trong có một chiếc áo ấm Trung Hoa. Ông không cao, mặt dù ông có vẻ oai vệ cái cách ông chậm rãi ngoái cổ ra sau về phía người đầy tớ đã nói lên điều đó. Nhưng thay vì nói với người đầy tớ, ông lại quay sang ta.

“Con gái, con quyết định đi. Chúng ta sẽ uống trà với bánh ngọt Trung Quốc hay bánh bích quy Angle với trà?” Đầu óc ta như hai con ngựa chạy về hai hướng. Bánh gì? Câu trả lời nào là đúng?

“Một cái gì đơn giản thôi ạ”, cuối cùng ta lí nhí nói.

Ông mỉm cười, “Tất nhiên, bao giờ con cũng thích thế”. Ông vẫy tay một cái nữa về phía người đầy tớ, bảo anh ta mang bánh bích quy Angle, đào Trung Quốc và kẹo chocolate của Bỉ.

Ta nghĩ về điều ông làm. Phong cách của ông rất mực tao nhã, rất lạ lùng đối với ta. Tuy ông có vẻ như hiểu ta. Nếu ta thực sự nói lên những

ước muốn của mình thì đó là những món mà ta sẽ gọi, tất cả những thứ đó.

Tiệc trà kéo dài không lâu, rồi thím Lớn báo cáo với cha ta về họ Văn - đám này thích hợp với con gái của ông như thế nào, một triển vọng làm ăn mới cho dòng họ của ông ra sao. Ta cúi nhìn đôi tay cuộn lại trong lòng, thỉnh thoảng lại chờ xem phản ứng của cha ta. Tất cả chúng ta ngồi nghe thím Lớn vốc một dùm sự thật thổi phồng ra khắp mọi hướng.

Cơ sở xuất khẩu của họ Văn đã trở thành một công ty tàu biển quốc tế. Với những kinh nghiệm buôn bán với nước ngoài Văn Phú đã từng bắt tay thân mật với chủ tịch những tập đoàn tư bản quan trọng nhất ở Anh, Mỹ. Mẹ của Văn Phú thì là một phụ nữ toàn tài - cứ nghe lời thím Lớn thì con có thể nghĩ là bà ta có thể biến một cái cây trụi trong mùa đông thành cái cây đầy lộc non lá thắm trong vòng một đêm!

Cha ta không phải người ngu. Ông ngồi im nghe, nhấp từng ngụm trà. Một khi thím Lớn cường điệu quá nhiều, thì ông lại chăm chăm nhìn bà không nói một lời, không một biểu hiện gì trên khuôn mặt cho đến khi bà đỏ mặt lên, những đánh giá về gia đình họ Văn giảm đi một chút.

“Ồ, thật ra, công việc làm ăn của họ không thành công theo tiêu chuẩn của bác, không cao như yêu cầu của bác, nhưng họ cũng dư dả đầy đủ và rất đáng kính trọng. Điều quan trọng nhất đối với con gái bác, em nghĩ là một gia đình nề nếp”.

Bây giờ thì thím Lớn đã kiệt cả sức vì tâng bốc nhà họ Văn. Cha ta vẫn chẳng nói gì.

“Một cậu trai tử tế, trong một gia đình khuôn phép”, thím Nhỏ nói, lấp khoảng im lặng.

Cha ta nhìn ta. Ta rất bối rối, cố không để lộ điều đó. Có lẽ ông không thích cuộc hôn nhân này. Có lẽ ông vẫn giận mẹ ta rồi giận lây sang ta.

“Tôi biết gia đình này”, cuối cùng ông lên tiếng. “Tôi đã cho một vài người xem xét làm ăn của họ, tìm hiểu về gia thế. Ông vẫy ta ra sau như thể

xua đi một con muỗi. “Thật là dễ chịu khi nghe chính người nhà của mình nói tốt như vậy.”

Điều này làm các bà thím giật nảy mình. Họ trông giống như hai tên trộm bị bắt quả tang. Họ cúi gầm mặt xuống vẻ có lỗi, chờ nghe những lời phán quyết của cha ta về những gì mà ông đã biết.

“Con gái, con nghĩ gì?” Giọng ông rất trầm gần như là đe dọa. “Đó có phải là điều con muốn không?”

Ta cắn môi, bấu bấu những đầu ngón tay. Ta vâng vâng tâng tâng, cố nghĩ xem ta phải nói gì. Cha ta lại khoát tay một lần nữa. “Nếu đó là điều mà nó muốn”, ông nói với các bà thím, đoạn thở dài. “Thì làm sao chúng ta có thể ngăn cản nó?”

Các bà thím bật cười gượng gạo như thể đó là một câu đùa. Nhưng ta nghe có điều gì khác. Giọng ông có vẻ buồn bã. Trước khi ta có thể nghĩ ngợi thêm được điều gì thì ông quay sang đặt những câu hỏi về chuyện làm ăn, hoặc có lẽ ta quên mất chẳng?

“Họ Văn dẫn cưới cái gì?”

Thím Lớn đưa ra cái phong bì, cha ta nhanh nhẹn đếm được 4000 tệ, sao đó gặt đầu. Ta thở dài nhẹ nhõm. Đó là một món tiền lớn, tương đương 2000 đô lúc bấy giờ, có thể trị giá 40, 50 ngàn đô theo thời giá hiện nay.

Một người thuộc tầng lớp trung lưu phải lao động hơn một năm mới kiếm được món tiền đó. Nhưng nó không có nghĩa là họ Văn đưa cho cha ta số tiền đó. Cha ta được chờ đợi là trả lại số tiền này trong ngày đám cưới, cho gia đình nhà chồng, và nói, “Ông bà đã chấp nhận con gái tôi vào nhà ông bà. Điều này là quá tốt rồi”.

Cha ta cũng được chờ đợi là đưa cho ta một số tiền hồi môn tương đương với tiền dẫn cưới của họ, rồi sẽ nói với ta. “Số tiền này thêm vào để con không trở thành gánh nặng trong gia đình mới của con”. Số tiền này sẽ là của ta, người sẽ mở cho ta một tài khoản trong ngân hàng. Ta không phải

chia sẻ số tiền đó. Không ai có thể lấy một đồng từ số tiền đó. Nó sẽ là tiền ta có suốt đời.

“Họ Văn mong chờ một món hồi môn là bao nhiêu?” cha ta hỏi tiếp. Ở đây cha ta đề cập đến những món hồi môn bằng hiện vật không kể số tiền trên.

Thím Lớn phải thận trọng trong câu trả lời. Nếu thím nói họ Văn không cần gì nhiều thì nó có vẻ như là gia đình họ không đáng làm thông gia. Nếu thím nói họ đòi hỏi nhiều thì có vẻ như ta không xứng đáng với họ. Nhưng mà thím Lớn đã có đủ kinh nghiệm trong việc gả bán hai đứa con gái, vì thế thím nói một cách giản dị. “Đồ đạc cho cô dâu, đồ đạc trong phòng đôi trẻ”. Tức là căn phòng trong nhà chồng ta. Câu trả lời như thế không làm cho nhà Văn có vẻ tham lam. Đó là một câu trả lời giống như một lượt đi trong ván bài pôkê. Bây giờ là lúc mà cha ta chứng minh lòng hào phóng của ông.

“Tất nhiên”, thím Lớn thêm vào, “nhà trai sẽ mua giường cưới”. Ở đây bà đề cập đến một phong tục cũ, bởi vì tất cả những đứa con trai của cặp vợ chồng mới cưới phải được tác thành trên cái giường của người chồng.

“Uống trà nữa nhé?” cha ta hỏi. Và bởi vì ông hỏi chứ không phải ra lệnh cho đây tớ châm thêm trà nên có phải được hiểu như một quy ước là buổi viếng thăm đã kết thúc. Các bà thím ta vội bật dậy.

“Không không, chúng em phải đi thôi”. Thím Lớn nói.

“Sớm thế?” cha ta nói.

“Trễ rồi ạ”, thím Nhỏ đáp, đó là một câu nói dối. Chúng ta chẳng có chỗ nào đi trong suốt buổi chiều, ca nô thì đến tận tối mới chạy. Mọi người chuẩn bị rời phòng khách.

Nhưng ta nghe thấy cha gọi. Ông không nói “con gái” mà ông gọi thẳng tên ta, “Vi Vi, con chào các thím đi. Sau đó đến phòng đọc sách của ta để bàn về của hồi môn của con?”

Chỉ có những hy vọng con con ta ấp ủ khi đến nhà cha ta chiều hôm ấy! Bây giờ thì bao nhiêu những ước muốn to lớn chỉ trực trào ra khỏi miệng ta bằng một tiếng kêu sung sướng. Ông đối với ta như thể ta là con gái độc nhất của ông, tất cả những năm qua bị lãng quên hoàn toàn.

Tất nhiên ông không ôm ta cũng chẳng hôn ta như kiểu người Mỹ các con vẫn làm khi gặp lại nhau sau 5 phút xa cách. Chúng ta thậm chí cũng chẳng nói chuyện gì lâu la sau khi các thím ta ra về. Nhưng những điều ít ỏi ông nói với ta làm cho ta băn khoăn cho đến tận bây giờ. Có thật là ông nghĩ rằng ông đã tác thành cho ta một đám tốt? Hay là ông nhìn thấy một khả năng dễ dàng để tổng khứ ta đi, mãi mãi, bởi vì ta là một cái gì đó nhắc nhở đến cuộc hôn nhân bất hạnh của ông?

Thế là ta đã nhớ rất rõ ràng những lời hiểm hoi ông nói với ta chiều hôm ấy. Ta không nghĩ là ta thay đổi chúng trong tâm tưởng để làm những điều ông nói có cái nghĩa mà ta muốn.

Khuôn mặt ông nghiêm nghị, những biểu hiện của ông là thành thật. Ông không nói một lời xin lỗi cho những gì xảy ra trong 12 năm xa cách. “Thế là con sắp lấy chồng”, ông nói, “con sẽ có được một vị trí thực sự trong cuộc đời”. Ông chỉ vào một bức tranh trải suốt từ đầu này sang đầu kia căn phòng. Có hàng trăm người khác nhau: đàn ông, đàn bà, trẻ con. Tất cả bọn họ làm hàng trăm việc khác nhau: làm việc, ăn uống, ngủ nghỉ, tất cả những khoảnh khắc ngắn ngủi trong cuộc đời được chụp cắt ngang.

“Khi con còn bé”, cha ta tiếp, “con đến phòng này, cứ ngắm đi ngắm lại mãi. Con nhớ không?”

Ta ngắm lại bức tranh một lúc lâu hy vọng là ta nhận ra nó. Cuối cùng ta nhớ một cái bóng nhỏ ở góc trong cùng. Đó là một thiếu phụ đang nhìn qua ban công. Ta gật đầu.

“Khi cha hỏi con có thích bức tranh này không, con bảo là nó được vẽ rất xấu. Nhớ không?”

Ta không thể tưởng tượng là ta có thể nói một điều như thế với người cha này dù là khi ta còn bé. “Con xin lỗi. Con không nhớ, con còn buồn hơn

khi điều mà cha nhớ về con lại là lúc con không ngoan”.

“Con nói bức tranh này rất rối rắm. Con không thể nói là người đàn bà đang thổi sáo một bài vui hay buồn. Con không thể nói là người đàn bà vác một món đồ nặng trên lưng là bắt đầu một cuộc hành trình hay đã kết thúc. Còn người đàn bà bên ban công thì con nói là lúc này trông như thể bà ta đang hy vọng, lúc khác trông như thể bà ta đang sợ hãi”.

Ta gơ tay bụm miệng cười, “Con đã từng là một đứa trẻ kỳ khôi biết bao”. Cha tiếp tục nói cứ như ông không hề nghe ta, “Cha thích điều đó ở con, không sợ hãi nói ra những điều con nghĩ”. Lúc đó cha nhìn ta, khuôn mặt như một bức tranh trống, không có suy nghĩ hay xúc cảm gì.

“Còn bây giờ hãy nói cho cha nghe con nghĩ gì về nó?”

Đầu óc ta làm việc rất gấp, cố gắng tìm ra câu trả lời, một câu vừa làm ông hài lòng vừa chứng tỏ với ông là ta không thay đổi tính thẳng thắn của mình.

“Con rất thích chỗ này”, ta nói, hấp tấp chỉ một người đàn ông đang van xin một ông quan tòa. “Bố cục rất cân đối, các chi tiết biểu hiện rất đạt. Còn chỗ này con không thích chút nào. Cha xem, nó quá tối, nặng nề ở phần dưới, các chi tiết lại tầm thường”.

Cha ta quay đi. Ông gật đầu mặc dù ta không nghĩ là ông đồng ý với ta.

Ông quay lại đối diện với ta. “Từ nay trở đi”, cuối cùng ông nói với cái nhìn nghiêm khắc, “con phải coi trọng những ý kiến của chồng con. Những ý kiến của con chẳng có ý nghĩa gì hết. Con hiểu không?”

Ta sốt sắng tán thành, lấy làm vui là cha ta đã dạy ta một bài học một cách tế nhị như thế. Sau đó ông nói thêm là ta sẽ ở lại nhà này đến tuần sau để mua sắm của hồi môn.

“Con biết con muốn gì không?”

Ta nhìn xuống vẫn cảm thấy ngại ngại, “Những thứ đơn giản thôi ạ”.

“Tất nhiên”, ông nói “bao giờ cũng là một cái gì đơn giản”. Ông mỉm cười, ta thật hạnh phúc là mình đã nói đúng cái điều phải nói.

Nhưng nụ cười của ông tắt ngay lập tức. “Cũng giống như mẹ con”, ông nói, “bao giờ cũng cần những điều đơn giản”. Rồi ông nheo mắt lại cứ như thể ông vẫn nhìn thấy mẹ ta đâu đó. “Bao giờ cũng cần những điều khác nữa”, ông nói và sau đó nhìn ta một cách xoi mói. “Con có thể không?”

Ý nghĩa trong lời nói của ông cũng giống như bức tranh thay đổi trong từng khoảnh khắc. Cũng như người thiếu phụ bên ban công chờ đợi với niềm hy vọng, chờ đợi với nỗi sợ hãi, trái tim ta lúc phập phồng, lúc se lại với mỗi một lời của ông. Vì thế cuối cùng ta không biết phải trả lời ông thế nào. Ta chỉ buộc miệng ra vài từ rất thật, “Cũng thế ạ” ta nói.

Chiều hôm ấy một người đầy tớ dẫn ta lên căn phòng của mẹ con ta ngày trước, sau đó để ta lại một mình trong phòng cho đến bữa ăn tối. Ngay khi cánh cửa đóng lại, ta đi thăm dò, chạm vào mọi thứ trong phòng.

Chăn mền cũng khác. Những bức tranh, tấm rèm mẹ ta đã dùng không còn nữa. Áo quần, bàn chải, gương lược rồi xà bông thơm, cả làn hương của bà không còn vương lại đâu đây. Nhưng mà đồ gỗ vẫn thế: giường, tủ quần áo, ghế, bàn trang điểm, cái gương đã từng soi bóng gương mặt mẹ. Ta kêu lên sung sướng. Cuối cùng ta đã trở về! Ngay sau đó ta lại khóc, cũng giống như một đứa trẻ băn khoăn tự hỏi khi nào mẹ quay về. Rồi ta cũng hiểu ra. Không ai muốn ở cái căn phòng xúi quẩy, không ai sử dụng căn phòng này trong suốt những năm qua, ngay cả khi ngôi nhà này chật ních những người. San Ma và Wu Ma vẫn ở lại đây. Con nhớ họ không - đó là những người vợ khác của cha ta. Sz Ma đã chết vài năm trước. Những người con trai của cha ta bây giờ đã có vợ có con cũng sống chung ở đây. Cả những người đầy tớ và con cái của họ nữa. Tổng cộng ngôi nhà này chứa từ 25 đến 30 người.

Nhưng thậm chí với nhiều người như vậy, ngôi nhà vẫn yên tĩnh lạ lùng. Khi ta xuống cầu thang ăn tối, mọi người nói năng nhỏ nhẹ với nhau. Mọi người chào hỏi ta một cách lịch sự, tất nhiên chẳng ai đề cập đến lý do ta vắng mặt suốt bao năm qua. Ta nghĩ họ không biết phải đối xử với ta như thế nào. Khi thức ăn bắt đầu được dọn lên bàn, ta định ngồi xuống bên cạnh

bà chị dâu nhưng cha ta chỉ cho ta ngồi bên cạnh ông. Mọi người ngoái đầu lại nhìn ta. Cha ta đứng dậy thông báo: “Con gái ta Giang Vi Vi sẽ làm đám cưới vào tháng tới”. Sau đó chúng ta chờ đợi, chờ đợi, chờ đợi, trong khi một người đầy tớ từ từ rót một loại đồ uống đặc biệt vào những cái ly ngọc bích nhỏ như một cái đê tay khâu áo.

Cuối cùng cha ta lại lên tiếng chúc mừng, “Trong đám cưới của mình con sẽ có tất cả những gì con ao ước. Cạn li! Cạn li!” Ông ngửa cổ ra sau, uống ực một cái hết ly rượu. Chúng ta làm theo ngay, lập tức ta thấy mình trong vòng vây của những lời chúc tụng, những câu chúc ồn ào vui vẻ của một gia đình hạnh phúc. Lưỡi ta cháy bỏng vì rượu, mắt ta nóng hổi những giọt lệ sung sướng.

Hóa ra là cha ta yêu cầu San Ma giúp ta mua sắm đồ cưới. Bà là người vợ lớn nhất và là người quản lý việc chi tiêu trong gia đình. Tất nhiên bà biết quá rõ tất cả những gì mà một người con gái cần khi cô ta lên xe hoa. Bà đã từng làm điều đó với ba cô con gái của Sz Ma, những người đi lấy chồng sau khi mẹ họ qua đời. Đó là điều bà nói với ta trong khi chúng ta lên xe đi đến Trường An Gungsi, cửa hàng cao cấp nhất ở đường Nam Kinh.

“Các con gái của Sz Ma” bà nói, “mỗi đứa đều thừa hưởng những khiếm khuyết tệ hại nhất của mẹ chúng. Khiếp! Đứa thứ nhất thì keo kiệt, một loại người chả bao giờ dám thả vào bát ăn mày một xu. Đứa thứ hai thì vô ơn bạc nghĩa, loại người ăn xong ném đá vỡ bát. Đứa thứ ba thì tham lam - con biết nó làm gì không? Nó vơ váo cả đá lẫn bát. Vì thế ta chẳng mua cho chúng nó nhiều của hồi môn. Sao ta lại phải hào phóng với những đứa con gái xấu nét như vậy?”

Ta phải thận trọng trong lời ăn tiếng nói với San Ma. Ta nhớ rằng bà là người vợ ghen tị với mẹ ta nhất, ghen tị với mái tóc, với địa vị và với học vấn của mẹ ta. Ta sẽ không để cho bà có cơ hội nói với cha ta là ta cũng không ra gì. Vì thế khi bà bảo ta chọn một cái ghế ta chỉ vào một cái ghế rất tầm thường không có chạm khắc gì hết. Khi bà bảo ta chọn một cái bàn trà, ta chọn một cái có chân đơn giản. Bà gật đầu, đi đến chỗ người bán hàng đang đợi chúng ta. Nhưng bà lại không đặt những món mà ta chỉ; bà mua cho ta những thứ ba lần tốt hơn! Ta cảm ơn bà nhiều lắm sau đó ta nghĩ chúng ta đã hoàn thành việc mua bán và sẽ trở về nhà. Đó là tất cả những gì



chúng ta mua, một cái ghế, một cái bàn trà. Nhưng San Ma rõ ràng là đã khuyến khích ta một cách tế nhị nhớ đến những cái mà một người vợ ra vợ cần phải có. “Con muốn một tủ áo kiểu gì?” bà hỏi.

Con tưởng tượng được ta cảm thấy gì không? Con có nhớ là ta đã hằng hy vọng, cầu nguyện cho một cuộc sống tốt đẹp hơn thế nào không? Giờ đây mọi người đều quá tốt đối với ta. Ta không còn đơn độc nữa. Ta đã có tất cả những gì mà ta ao ước, ta không còn ước muốn một thứ gì hơn nữa, chỉ cần như lời bà thầy bói là đủ.

Suốt cả ngày hôm đó San Ma và ta đi mua sắm. Nó cũng giống như là một trò chơi - một cái trò mà một người phụ nữ cứ một phút để chớp mắt bắt cứ cái gì trong một cửa hàng dành cho cô ta. Cô ta chẳng có thời gian để quyết định - lập tức chớp lấy bất cứ món gì vừa nhìn thấy. Ta làm một điều như vậy đấy, ta chỉ có một tuần thôi mà. Vì thế con có thể hình dung bao nhiêu đồ đạc mà chúng ta mua sắm, giấc mơ của ta về cuộc sống tương lai cứ lớn lên, phình to, phát triển như thế nào.

Ngày hôm ấy chúng ta cũng tìm ra những cái tủ quần áo, tủ gương đồ sộ rất đẹp. Đây là cái mà ta ưa thích nhất: một cái bàn trang điểm hiện đại ta tự chọn. Nó có một cái gương tròn lớn lồng trong khung bạc. Hai bên có hai ngăn kéo một ngắn, một dài. Mặt trước mỗi ngăn là gỗ đào hoa tâm, hoặc gỗ sồi có cấn ngọc trai với những họa tiết tỏa ra như nan quạt. Mỗi một ngăn có đáy bằng gỗ tuyết tùng vì thế mà mỗi lần mở ra con sẽ thấy mùi hương của nó bay ra. Phần giữa thấp hơn những phần còn lại. Đó là một cái bàn vuông có cấn đá bên trên, phía dưới bàn là một cái ghế trạm trổ, có cấn kim tuyến xanh. Ta hình dung mình ngồi trước bàn trang điểm này giống hệt mẹ ta.

Nào, bây giờ thì con biết là ta nói về cái gì, nó giống như cái bàn ta đã mua cho con. Ta đã lùng nó rất lâu. Con thấy đấy ta đâu có mua cái bàn ấy để đùa con. Đó là vật yêu quý của ta.

Ngày thứ hai, San Ma giúp ta mua những đồ giải trí: một cái radio, một cái máy quay, một cái máy quay đĩa hiệu RCA có thể tự thay mặt, một cái bể nuôi cá bằng sứ bự đến nỗi ta có thể nằm vào được. Văn Phú và ta sẽ có hàng bao nhiêu cách để sống đời hạnh phúc.

Ngày thứ ba, ngày thứ tư, San Ma và ta đi mua sắm những vật dụng cá nhân cho một phụ nữ có gia đình. Ôi, ta mới mắc cỡ làm sao chứ. Ta chỉ biết cười trừ mỗi khi bà nói ta cần cái này cái kia, và tại sao. Đầu tiên chúng ta tìm mua bồn tắm, một món đồ nội thất hết sức dễ thương, bên trong lát đá cẩm thạch xanh lá cây, lồng trong một cái khung gỗ chạm trổ. San Ma chỉ cho ta một cái phía dưới cùng để cất những món dành cho những ngày thấy tháng. Ngày xưa chúng ta dùng xô vải mùng thay cho băng vệ sinh bây giờ.

Tiếp sau hai loại bồn tắm là một cái thùng gỗ cao để ta tắm cả người vào buổi sáng, một cái nhỏ hơn, bằng sứ để ta rửa phần dưới, và đôi chân. Đó là một loại hầu hết phụ nữ ở Trung Hoa thường dùng bởi vì họ không có thời gian tắm cả người hàng ngày, họ chỉ lau rửa từng bộ phận. San Ma bảo “Con phải rửa ráy phần dưới mỗi buổi tối trước khi lên giường với chồng con. Như vậy nó sẽ luôn yêu con”. Điều này có nghĩa đây. Ta nhớ lại những lần ta chỉ muốn đẩy Peanut ra khỏi giường của hai đứa.

Nhưng San Ma lại nói, “Sau đó vào lúc đêm khuya phải rửa ráy lần nữa”. Bà không giải thích tại sao ta phải làm thế. Vì thế mà ta nghĩ đàn ông ưa làm đom hơn đàn bà, còn đàn bà thì tự nhiên đã dơ bẩn hơn đàn ông.

Sau đó thì San Ma bảo ta mua ba cái bồ. Mặt ta đỏ rần lên khi ta nhìn chúng, tưởng tượng rằng Văn Phú và ta sẽ dùng chung những thứ đó. Những cái bồ này có nắp đậy bằng gỗ, bên trong được sơn màu đỏ, sục lên một mùi dầu rất mạnh.

Ngày thứ năm, San Ma giúp ta mua những món đồ đi du lịch, những thứ đựng đồ, những cái vali lớn, tất cả đều bằng da, hai cái rương bằng gỗ tuyết tùng. Chúng ta đựng đầy hai cái rương, toàn những gói chần. Đường như San Ma đã phát điên lên! Bà khẳng khẳng ta phải mua nhiều mền nữa 20 cái.

“Tất nhiên là con cần nhiều chần mền”, bà nói. “Còn cách nào nữa để con ủ ấm tất cả những đứa con trong tương lai của con”. Vì thế ta chọn những tấm mền dày thật tốt - tất cả đều là hàng Trung Quốc, với những loại bông cao cấp nhồi bên trong, loại đắt nhất, người ta đập nó thật nhiều lần cho đến khi nó phồng tướng lên. Rồi sau đó là những cái chần ta chọn,

những cái vỏ chăn đẹp, tất cả đều bằng lụa, không có cái nào bằng vải sợi. Mỗi một cái đều được thêu bằng những mẫu hoa khác nhau, không có cái nào giống cái nào.

Ngày thứ sáu, chúng ta mua tất cả những thứ để tiếp khách, để thờ cúng tổ tiên: ghế sofa, ghế bành, bàn thờ, bốn cái đôn, và một chiếc bàn tròn thấp. Cái bàn tròn này làm bằng một loại gỗ đen bóng được chạm trổ theo kiểu Trung Hoa với những chiếc vuốt, những hàng chữ chúc thọ chạy ở ngoài mép bàn. Dưới cái bàn này còn có bốn cái bàn nhỏ có thể kéo ra, mỗi khi có nhiều khách tới. Vào ngày thứ bảy, ngày cuối cùng chúng ta mua tất cả chén đĩa, đồ bạc. Lúc ấy ta đã sống ở nhà cha ta đủ lâu để biết ta cần gì, hai bộ cho tất cả mọi thứ. Ta chọn một bộ cho những ngày có yến tiệc, một bộ dùng hàng ngày, mười món cho mỗi bộ. Đó không phải là dao, nĩa, phới xát như người Mỹ mà gồm một loại đũa, một loại câu kỳ. Tất cả đều sang trọng, bằng sứ hoặc bằng bạc. Con tưởng tượng được không? Đó là đồ bạc Trung Hoa, bạc nguyên chất, rất nhẹ, giá trị cũng như tiền con có thể mua bán trao đổi được.

Ở cửa hàng có một cái bàn to, dài, chúng ta chất đầy bàn tất cả những món mà ta chọn. Ta chạy vòng vòng quanh cửa hiệu cầm cái này cái kia lên cứ như là ta làm thế hàng ngày trong đời ta không thèm bận tâm đến giá cả. Ta có tách bạc để đựng súp đậu, uống trà, một cái đĩa bạc để đựng những cái muống ăn súp thịt, cái để ăn tráng miệng, cái để ăn súp hạt hoa li ti mà ta rất thích rồi còn hai cỡ khác một lớn một nhỏ mà ta cũng chẳng nhớ là để làm gì nữa. Để đồng bộ với những thứ mà ta chọn, có bốn cỡ chén để ăn súp, không phải bằng bạc vì chúng sẽ rất nóng không cầm lên tay được. Nhưng chúng cũng được làm bằng một loại sứ quý có viền vàng. Sau đó ta chọn hai loại đĩa, một loại nhỏ, một loại còn nhỏ hơn nữa, bởi vì như San Ma chỉ bảo thì “Nếu con chọn một cái đĩa quá lớn thì, như thế con muốn nói rằng con sẽ không còn cơ hội nào để ăn thêm nữa”.

Đũa ta chọn cũng là loại tốt nhất, cũng bằng bạc, một đôi được nối với nhau bằng một sợi xích nhỏ để chúng không bao giờ bị chia lìa, bị lạc nhau. Khi ta nghĩ đã hoàn tất việc mua bán thì người bán hàng lại chỉ cho ta một vật bằng bạc nhỏ có hình một con cá đang quẫy, ta biết ngay là ta cũng cần nó, bởi vì cái vật xinh xắn ấy là chỗ gác đũa khi con ngừng ăn một hay hai

phút, để thưởng ngoạn bàn ăn của con, để nhìn khách khứa, để tự chúc mừng mình với ý nghĩ “Sao mà ta may mắn thế!”

Vào cái ngày thứ bảy trong tuần lễ mua sắm của hội môn, đó đúng là những điều ta nghĩ: Sao ta may mắn thế. Chẳng có gì ngoài những ý nghĩ tốt đẹp tràn trề hạnh phúc trong đầu ta. Ta chắc chắn rằng đời ta đang thay đổi, mỗi một phút trôi qua nó lại càng tốt đẹp hơn và niềm hạnh phúc của ta là vĩnh hằng. Lúc ấy ta cầu trời khấn Phật hàng ngày, nhưng chỉ là để nói lên lòng biết ơn vô bờ bến của ta với các đấng tối cao vì đã ban cho ta những phước lộc không bao giờ vơi cạn. Hãy hình dung ta trong cửa hiệu, với nụ cười như nở hoa ngồi bên chiếc bàn dài thật dài với tất cả những món đồ sang trọng. Ta để lộ niềm vui sướng tràn trề trước mặt San Ma và người bán hàng. Ta cầm đôi đĩa bạc lên, giả vờ gấp một miếng sơn hào hải vị từ cái đĩa bạc. Ta quay sang một bên, tưởng tượng mình đang nói, “Phu quân chàng ăn miếng này đi, đó là phần ngon nhất của con cá ngon nhất. Không, không dành cho thiếp mà dành cho chàng, chàng ăn đi”. Ta là thế đấy, mơ mộng về tất cả những cách khác nhau thể hiện lòng tôn kính của ta đối với chàng. Ta cũng phải thừa nhận rằng: ta cũng nghĩ đến những cách để khoa trương - những bữa tiệc mà ta sẽ tổ chức. Một cho cha ta người mà giờ đây ta hết mực tôn kính. Một cho San Ma, ta kính trọng bà như người mẹ quá cố của ta. Một cho bố mẹ chồng người mà ta chắc rằng ta sẽ học tôn kính họ. Một để ăn mừng con trai đầu lòng của ta ra đời. Một cho thím Lớn, thím Nhỏ vì đã để cho ta ra đi. Một cho Peanut, có thể là cả nó nữa khi ta đã tha thứ cho nó.

Sau đấy ta biết rằng: San Ma đã mua của hội môn cho ta năm lần lớn hơn, tốt hơn cho các cô con gái của Sz Ma. Ta cũng biết rằng cha ta biết tất cả những mặt xấu của nhà họ Văn. Thế là bằng việc cho ta bước chân vào gia đình này ông cũng cho rằng ta chẳng xứng đáng với đám nào tốt hơn. Nhưng ta chắc chắn rằng ngay cả ông cũng không thể tưởng tượng họ Văn thực sự xấu xa như thế nào. Tất cả những đồ nội thất mà ta chọn làm của hội môn trong suốt bảy ngày qua đi đâu? Gia đình Văn Phú đã chiếm hết, bỏ tất cả lên tàu chở sang Mỹ và Anh, như là một phần công việc xuất khẩu của họ. Còn những tấm mền, những chiếc áo lụa của ta thì sao - chị gái, chị dâu của Văn Phú lấy hết. Còn những món quà cưới từ gia đình, bạn bè, những bức tranh khung bạc sang trọng, những cái lược, gương bằng bạc

ròng, những cái bồn tắm của Anh, những bình sơn màu đẹp dễ thì sao - mẹ của Văn Phú đặt chúng lên mặt bàn trong phòng riêng của mẹ.

Chỉ có một món trong của hồi môn của ta là họ không lấy cắp được - bởi vì có ai đó đã ăn trộm nó trước. Chuyện này xảy ra vào cái ngày một người đầy tớ xin nghỉ để chăm sóc bà mẹ ốm ở phía nam hòn đảo. Mẹ Văn Phú, người chẳng bao giờ thích người đầy tớ này, nhanh chóng đi đến kết luận về tên trộm. Thực ra khi bà chửi cái đứa bỏ chạy vì đã lấy trộm của bà mười đôi đĩa bằng bạc thì ta đã giấu chúng bên dưới đáy chiếc vali. Nhiều năm sau đó, khi cuộc sống trở nên khó khăn, ta thường lấy ra một đôi đĩa bạc ra nắm trong tay. Ta có thể cảm thấy sức nặng của của chất bạc trong tay ta như niềm hy vọng của ta. Ta lúc lắc sợi dây xích với thông điệp hai chiếc đĩa này không bao giờ bị thất lạc. Ta gấp một cái gì đó vô hình trong không khí.

Con có thể hình dung ta ngây thơ như thế nào, sự ngây thơ của ta chân thật ra làm sao. Ta vẫn chờ cái ngày cuối cùng ta có thể đưa đôi đĩa bạc này ra chỗ sáng, không còn phải che giấu một bí mật nào nữa. Ta vẫn tiếp tục mơ ước được đón nhận hạnh phúc của ta khi nó tới.

## 8. ÂM THỊNH DƯƠNG SUY

Bây giờ thì con biết ta đã một thời thế nào. Ta đâu có lúc nào cũng nhìn cuộc đời ở khía cạnh xấu như con và Helen thường nói. Khi còn trẻ ta muốn tin rằng tất cả mọi thứ đều tốt đẹp. Khi những thứ tốt đẹp ấy bỏ ta mà đi ta vẫn thiết tha chộp lấy chúng, giữ chúng ở lại. Bây giờ thì ta đã cẩn thận hơn một chút. Ta không hiểu sao Helen lại chỉ trích ta về điều đó. Bà ấy cũng nên tự chỉ trích mình mới phải. Con biết bà ấy là thế nào rồi đấy. Thấy một cái gì tốt lành - con cái di cư xử tốt - di lại nghĩ nó là xấu. Ta hỏi con có phải ý nghĩ tiêu cực không khi nghĩ rằng con sẽ chết vì mọi người tử tế với con? Chúng ta có một từ trong tiếng Trung Quốc, những suy nghĩ *đảo mai*. Chỉ có điều là thậm chí ý nghĩa của nó còn xấu hơn. Nếu con nghĩ đến *đảo mai* nó sẽ xảy ra. Nếu Helen nghĩ bà ta sắp chết - ôi thôi chúng ta không nên nói đến những điều này.

Tất cả những điều mà ta đang nói là: ta nghe một câu chuyện xấu, tin nó là thật như thế nào. Con may mắn bởi vì điều đó không bao giờ xảy ra cho con. Nhưng nó đã xảy ra cho cuộc hôn nhân của ta - ngay từ ngày đầu tiên. Tất nhiên có thể là cuộc hôn nhân của ta chưa bao giờ có một cơ hội thật sự. Nếu con lấy một người chồng không tốt con sẽ có một cuộc hôn nhân chẳng ra gì, không có cách nào tránh khỏi. Nhưng nếu như không có những lo lắng mà Peanut nhét vào đầu ta, có thể ta cũng có một vài khoảnh khắc hạnh phúc trước khi tất cả thực sự được phơi bày.

Đây là những điều đã xảy ra: ba ngày trước đám cưới của ta Peanut đã làm một việc vô cùng tồi tệ, nó cho ta biết những tin tức về họ Văn làm cho lòng ta đau đớn. Ngày hôm sau nó kể cho ta một bí mật, về mối hiểm nguy khi ta quá yêu Văn Phú. Vào ngày hôm sau nữa khi phải đi Thượng Hải để chuẩn bị làm đám cưới thì ta thực sự sợ rằng đám cưới của ta sẽ là ngày tận thế. Ngay cả lúc đó ta cũng không nghĩ rằng Peanut đã kể cho ta nghe những câu chuyện này là để trả thù vì ta đã cưới Văn Phú. Từ khi ta từ nhà cha ta trở về, nó lại trở nên thân thiện với ta. Nó cho ta xem một tạp chí của

Mỹ với những bức ảnh cô dâu bảo ta rằng cái loại áo cưới này sẽ phù hợp với ta, một cái áo dài xa tanh trắng với cái đuôi dài 3,4 mét. Nó chỉ một cái váy mà nó nghĩ là nó sẽ mặc, ngay cả khi ta không yêu cầu nó làm phù dâu cho ta.

Ta bảo với thím Lớn là ta đã chọn được cái áo cưới, một cái áo dài màu đỏ với áo khoác thêu. Peanut nhấn mũi nói, “Áo cưới của bọn nhà quê. Mày phải mặc váy cưới phương Tây. Không một cô gái Thượng Hải gia thế nào chịu mặc áo cưới Tàu nữa. Đúng là cổ lỗ sĩ. Hãy nhìn tạp chí này này”. Peanut lúc nào cũng thế, dè bủ tất cả những gì thuộc về truyền thống nhưng tự nó chẳng có ý gì mới mẻ cả. “Mới hay cũ không biết”, ta nói, “thím Lớn chắc không bao giờ đồng ý một áo cưới màu trắng”.

“Chỉ có những bọn thất học mới nghĩ màu trắng là màu tang tóc”, Peanut cãi lại. “Nếu mày để cho bà ấy quyết định mọi thứ bà ấy sẽ cho mày ngồi vào một chiếc cưới màu đỏ với một đoàn quân ăn mày đứng đầy hai bên đường, những người bạn quan trọng của cha mày bước ra khỏi ô tô sẽ cười cho một trận”. Peanut cười ta như ngựa hí khi nói cho ta biết ta sẽ nghe được gì trong ngày cưới của ta.

Ta chưa bao giờ nghĩ đến điều này.

“Ê! Đừng có vẻ nghiêm trọng quá vậy mày”, nó nói. “Tao sẽ nói với mẹ ta chuyện này ngay bây giờ. Với lại tại sao chúng mình không trang điểm cho ngày cưới. Con gái trong gia đình nề nếp cũng phải trang điểm chứ không chỉ bọn con đào, con hát, hay những cô gái mạt hạng. Hãy nhìn chị em nhà Xung kia kia.” Đến đây Peanut bảo là nó sẽ giúp ta, và ta để lộ sự phấn khởi về đám cưới một chút. Ta nói sẽ có hai tiệc cưới một sẽ được tổ chức ở một nhà hàng sang trọng của gia đình Văn, một ở YMCA một tòa nhà rất đẹp, hiện đại ở Thượng Hải vào năm 1937. Bây giờ thì nó không được nổi tiếng lắm nhưng ta phải nói với con rằng ngày xưa nó là nơi tốt nhất để tổ chức một bữa tiệc đấy.

Ta cũng kể với Peanut về những đồ dùng mà cha mua cho ta trong số của hồi môn, về cái bàn trang điểm với kiểu dáng cầu kì. Cũng như những điều mà ta đã kể cho con. Ta cũng bảo nó rằng gia đình Văn Phú đã đưa ta bốn ngàn tệ dẫn lễ. “Xem đấy họ mới rộng rãi làm sao. Họ đánh giá tao cao

như thế đấy”. Ta nói. Ở đây, ta cũng khoác lác ít nhiều. “Tao nghĩ rằng gia đình chồng tao sẽ dẫn lễ ít nhất là 40 ngàn tệ”, Peanut nói với vẻ mặt cong cớn.

Câu nói của nó giống như một cái tát. Ta chăm chăm nhìn nó. “Mày nhớ bà thầy bói nói gì không?” Peanut nói thêm. “Đám cưới của tao với một người chồng giàu có ở Thượng Hải sẽ linh đình hơn cái đám cưới ở đây mà ta đã từ bỏ”.

Lúc đó ta nhận ra một điều mách bảo ta rằng đó là sự lựa chọn của Peanut, rất lâu trước lễ đính hôn của ta. Nó bỏ Văn Phú cho một đám tốt hơn. Đó cũng là một cách nó cứu vãn danh dự cho chúng ta, cho ta vì đã cướp hân từ tay nó.

Ta đã nghĩ rằng đó là lòng độ lượng của Peanut, tìm ra một cái cớ để hai chúng ta chấp nhận điều đã xảy ra. Đó là lý do tại sao một lần nữa chúng ta lại gắn bó như chị em trong suốt thời gian cuối ta sống với gia đình này. Trong thực tế từ ngày hôm ấy cho đến khi ta lấy chồng chúng ta gọi nhau là *đường tử* một cách thân thiện để gọi một người chị em họ vì vậy cái chuyện về tiền bạc ấy không phải là điều xấu Peanut đã nói với ta. Nó chỉ khiến ta nghĩ rằng nó rất thành thực.

Ba ngày trước khi đám cưới, ngôi nhà chúng ta chen chúc những người họ hàng tới từ rất xa - có họ với thím Lớn, thân thuộc với thím Nhỏ, chị em họ liên hệ với chúng ta bằng những cuộc hôn nhân phức tạp. Quá nhiều người, với bao nhiêu là sự ồn ào chỉ ắng đi một chút sau bữa ăn trưa. Vì thế khi Peanut đi ra ngoài đi dạo ta bắt đầu sắp xếp quần áo, gói đồ nữ trang của ta trong một miếng vải mềm.

Vài ngày trước ta đã nhận được nhiều món quà trong bữa tiệc của gia đình: một cái nhẫn ngọc bích hình ôvan của bà nội, một cái kiềng vàng của cha ta, hai cái vòng tay bằng vàng của thím Lớn, thím Nhỏ. Còn một vật nữa, thím Lớn đưa cho ta vào lúc không có ai, đôi bông tai bằng ngọc bích rất quý phái đã từng thuộc về mẹ ta, mà bà nói một ngày nào đó sẽ là của ta.

Ta đeo thử đôi bông tai nhớ lại lời mẹ ta đã nói - về giá trị của nó, giá trị của những điều ta nói khi đeo nó - thì Peanut chạy vào phòng. Nó thì thào là



nó có một điều muốn kể cho ta nghe, rủ ta vào trong nhà kính để nói chuyện. Ngay lập tức ta dẹp mọi thứ sang một bên, chúng ta cùng bước ra ngoài. Những bí mật kể trong nhà kính bao giờ cũng là những điều bí mật nhất, rất hệ trọng cho những người liên quan, rất nguy hiểm nếu người khác biết được. Chúng ta len lỏi giữa đám nôi, chậu vỡ tìm ra bộ bàn trà từ thời chúng ta còn thơ ấu hai cái ghế nhồi cỏ, bọc len với cái lưng ghế đã bị gãy rời ra.

Peanut nói rằng nó đã ngồi ở bậc thềm trước cửa nhà Tây Mới. Sau lưng nó trong cái sân ngăn bởi những bức bình phong nó có thể nghe cánh đàn ông trong họ tán chuyện. Thím Lớn đã đuổi họ ra khỏi phòng khách bởi vì họ liên tục hút xì gà, thím còn phát hiện một vài ông còn gạt tàn thuốc lên thảm. Vì thế mà họ ngồi ngoài sân hút thuốc, tán dóc.

Peanut nói rằng đầu tiên họ nói về những chuyện chán ngắt: về thủ tướng mới ở Nhật, những nhà máy có chuyện bất ổn, đình công, sau đó chuyển sang đề tài mới - *lasa* hay là chuyện buôn bán rác của người ngoại quốc.

“Một ông chú kể người dân Thượng Hải điên khùng như thế nào trong việc làm giàu *lasa* với những người nước ngoài. Người Mỹ, người Anh, người Pháp - luôn luôn thải ra những đồ thừa trong công việc làm ăn của họ: thức ăn, bởi vì họ làm ra quá nhiều. Những đồ này đã được đóng vào trong những chiếc thùng gỗ, rồi họ lại mở ra, đổ đi. Họ bỏ hết đồ đạc trong nhà khi họ trở về nước.

“Chú nói rằng rất dễ làm giàu với những người ngoại quốc này. Mà chẳng cần phải khôn ngoan gì. Mà chỉ cần bảo họ, “Với một ít phí tổn, tôi có thể mang phế thải của ông đi - quần áo cũ, đồ gỗ, vật dụng gia đình, những thứ bỏ đi”. Sau khi họ trả tiền cho mà, mà có thể mang đi, bán những đồ phế bỏ này cho người khác. Đó là lý do tại sao mà có thể kiếm được cả một gia tài cho cả đời con đời cháu chỉ trong vòng một đêm”.

“Tại sao mà lại nói cho tao nghe chuyện này?” Ta hỏi Peanut. Ta không nghĩ là cái kiểu chuyện làm ăn này đáng nói trong nhà kính bí mật.

“Tao chưa nói xong mà”, Peanut nói. “Tao mới chỉ nói phần đầu thôi; bởi vì một ông chú khác nói rằng cái chuyện buôn bán rác ấy cũng không hẳn thủ như một loại làm ăn khác, ít nhất thì cũng không bằng”.

“Kiểu buôn bán nào nhục nhã đến thế?” ta hỏi, hình dung Peanut sắp nói cho ta nghe về “vợ những người truyền giáo”. Có những cô gái ăn sương tuyệt vọng nói với những người truyền giáo. “Để cho em làm vợ nhà truyền giáo tối nay đi. Ông sẽ cứu đời em. Làm ơn hãy cứu em”.

Nhưng Peanut lại nói, “Chú ấy nói về việc làm ăn của gia đình Văn. Ông ấy nói họ bán đồ phế thải của Trung Quốc cho người nước ngoài, đặc biệt là người Mỹ và người Anh”.

Ta lập tức cảm thấy bị đuổi sức. “Loại rác nào?” “Họ bán những thứ bị hỏng, những thứ kỳ cục, hoặc bị cấm”. Peanut nói “Những đồ hư hỏng họ bảo từ đời nhà Minh. Những đồ kỳ cục người ta gọi nó là đồ cấm thôi, không cần phải giấu giếm điều đó”.

“Những đồ cấm như thế nào?”

“Chú nói cha của Văn Phú đi đến những làng nhỏ, những vùng bị hạn hán, lụt lội hoặc bị nạn dịch châu chấu... Ông ta tìm ra những gia đình không có khả năng trả tiền thuê, những người phải bán đi mảnh đất cuối cùng để cứu họ không bị chết đói. Với một vài đồng ông ta mua những bức họa về tổ tiên của họ. Đó là sự thật. Tao không nói dối đâu. Những người này cùng đường rồi họ phải bán đi cả những đồ thờ cúng tổ tiên của họ. Mày tưởng tượng được không? Tất cả những vị tổ tiên này di cư đến Mỹ trái ý muốn của họ. Một ngày thức dậy - ái da - họ bị đứng áp lưng vào tường của những người Tây mũi lõ, nghe một thứ tiếng mà họ chẳng hiểu mô tê gì”. Peanut cười sằng sặc.

Thật là một ý nghĩ gớm guốc. Ta nghĩ về bức tranh của bà mẹ tội nghiệp của ta. Nó ở đâu?

“Không đúng,” ta nói. “Nhà Văn làm ăn buôn bán hàng hoàng chỉ những món đồ có chất lượng cao, những món hàng tốt nhất. Bà Ngao Ngao cũng nói thế”.

“Chồng của Ngao Ngao ở đây mà”, Peanut nói. “Ngay cả ông cũng nghĩ là nhà Văn làm ăn mờ ám. Đúng thế, họ kiếm được nhiều tiền, ông ta nói, những người ngoại quốc thích những bức họa này. Nhưng đây là làm giàu từ nỗi bất hạnh của người khác. Nhưng đó chưa phải là điều tệ hại nhất. Chồng bà Ngao nói khi họ nhà Văn chết, cô bước lên thiên đường, thì những vị tổ tiên kia sẽ đứng đợi ngoài cổng tổng cổ họ ra ngoài”. Ta nhảy dựng lên phui đít quần. “Tao không tin, những người này chỉ ghen tị thôi. Mà cũng biết rõ chồng bà Ngao, và những người khác ấy. Toàn nói láo”.

“Tao chỉ nói lại với mày những điều tao nghe được thôi. Tại sao mày lại nổi khùng chứ? Có thể đó không phải là sự thật. Mà chuyện đó có mắc mớ gì chứ? Vẫn là một việc làm kiếm ra tiền. Họ chẳng làm gì phi pháp. Đó là cái cách họ cho là làm ăn hợp thời với người nước ngoài”.

“Mọi người không nên đàm tiếu về gia đình chồng tao”, ta nói, “mày không được nói lại những điều bịa đặt này với bất cứ ai nghe không”. Ta ngoắc tay nó.

Ta nghĩ về những điều Peanut nói mấy ngày đêm. Ta cứ tự nhủ, điều đó sai. Nhưng sâu thẳm trong lòng mình ta vẫn biết đó là sự thật. Ta phát bệnh về những ý nghĩ đó. Tất nhiên ta còn có những lý do để ở trong tình trạng bất an, những suy nghĩ về đám cưới. Tất cả mọi người sẽ ở đây, cha ta, những người bạn quan trọng của ông, những bà chị cùng cha khác mẹ, cùng chồng con họ. Khi ta nói với thím Lớn là ta cảm thấy khó ở, thím nói, “Tất nhiên là con phải cảm thấy như vậy rồi. Con sắp rời gia đình con, bắt đầu một cuộc sống mới”. Bà bắt ta nằm lên giường ép ta ăn món súp cay, nóng, ta cảm thấy chưa bao giờ thím ân cần với ta như thế.

Peanut đến thăm ta vào buổi chiều hôm sau lúc ta đang nằm trên giường. Nó nói nó lại ở ngoài sân lần nữa, nghe được một chuyện khác.

“Tao không muốn nghe bất cứ chuyện gì nữa”.

“Không phải chuyện nhà chồng mày đâu”, nó cãi lại. “Không phải chuyện làm ăn, chuyện này hay lắm”. Nó cúi xuống thì thầm vào tai ta, “Chuyện phòng the”.

Khi ta nghe Peanut nói đến hai chữ “phòng the” tai ta đã động lên. Chúng ta cùng cười như nắc nẻ, ta ngồi dậy lắng nghe.

Hồi ấy ta còn khờ dại lắm chẳng biết gì, còn ngây thơ hơn hầu hết các thiếu nữ Trung Hoa. Khác với con, coi phim ở trường về cơ thể người, hẹn hò lúc 16 tuổi, yêu say đắm ngay năm đầu đại học, cái thằng Randy nào đấy. Con cũng đã thử với nó đúng không? Xem đấy, ngay cả bây giờ con cũng không thừa nhận chuyện ấy. Ta cảm thấy điệu bộ của con lúc con đi với nó mà. Đấy vẻ mặt của con bây giờ còn đầy mắc cỡ. Mẹ của con đâu có khờ khạo gì. Tất nhiên trước khi cưới thì ta có khác đấy. Ta nghĩ về quan hệ tình dục như một cái gì hết sức bí ẩn, cũng giống như về một vùng khi ho cò gáy nào đó ở Trung Hoa lục địa. Một cái gì giống như một khu rừng tối tăm, lạnh lẽo. Một cái gì giống như một điện thờ trên trời. Đó là cảm giác của ta về tình dục.

Ta cũng biết một số điều - qua những câu chuyện ba lớp mà Peanut nói ta nghe hoặc là những câu chuyện mà chúng ta vừa nghe vừa tưởng tượng thêm. Ta biết rằng tình dục là một chuyện bị cấm đoán không giống như là bán những bức tranh của các bậc tiền bối, tất nhiên rồi. Ta biết rằng một người đàn ông thường sờ soạng người đàn bà trong bóng tối, chân của cô ta chẳng hạn. Ta biết một người đàn bà đôi khi cũng ở trần. Người đàn ông ai cũng có một hòn giống - chẳng có ai dạy cho ta một từ để chỉ cái ấy của một thằng con trai, bởi vì đã có lần ta nhìn thấy cái ấy ở thằng em họ - *rji-jis*. Vì thế mà ta nghĩ là cái ấy của người đàn ông là một miếng thịt nhỏ màu hồng, mịn màng, nhỏ, tròn như ngón chân. Nếu người đàn ông không muốn trở dậy, dùng đến cái bô vào giữa đêm thì ông ta sẽ hỏi vợ là ông ta có thể cho cái *rji-jis* của ông vào giữa hai chân bà không?

Đó là tất cả những điều ta biết từ những câu chuyện mà ta nghe được. Ta nhớ là Peanut và ta thường cười cho đến khi trào hết cả nước mắt. Ôi, thật là gớm guốc! Một người đàn ông *shu-shu* vào người đàn bà làm bà ta ướt sũng như một cái bô. Con xem ta ngây thơ như thế đấy!

Hồi ấy chúng ta nghĩ thật là buồn cười - với những gì xảy ra với thím Lớn, thím Nhỏ. Nhưng ngay trước khi làm đám cưới ta đã nghĩ về điều đó theo một cách khác. Ta lo lắng rằng những chuyện ấy sẽ xảy ra cho ta. Ta sẽ

trở thành cái bô của chồng ta! Vậy có gì ta phải mua đến ba cái trong số của hồi môn trong đó một cái để gằm giường. Thế nên con có thể hiểu được ta sốt sắng muốn nghe câu chuyện phòng the của Peanut như thế nào, đặc biệt khi chỉ còn hai ngày nữa là đến ngày cưới của ta.

“Chiều nay”, Peanut nói, không nín được cười, “một trong những ông chú của tao, kể chuyện kín về một cặp mới cưới”.

“Chú nào thế?”

“Em họ của thím Lớn từ Ninh Ba đến. Mà biết tao nói *ai* đó”.

“Chú Rùa!” Ta thốt lên. Chúng ta luôn gọi ông như thế, từ khi Gông bé cho một con rùa con sống vào trong tô súp của ông, ông than phiền với thím Lớn là súp chưa nấu chín. Đó là cái biệt hiệu rất xấu để gọi một người đàn ông. Đó là một từ mà con gọi một người đàn ông quá ngu đến nỗi không biết là vợ ông ta lừa dối mình ngay trước mũi mình. Dù sao thì đó cũng là cái tên chúng ta gán cho ông. Peanut kể cho ta nghe những gì mà chú Rùa đã nói ở ngoài sân.

“Ông kể cho mọi người nghe là ông đã tình cờ gặp một người bạn học mới đây như thế nào”, Peanut nói, “người bạn này hỏi chú, “Anh có nhớ Sơn, em họ về đằng ngoại tôi không?” Chú Rùa trả lời, “Nhớ chứ cái anh chàng trẻ tuổi ở trường đua ngựa với chúng ta cách đây 3 năm chứ gì? Anh ta cá là không con ngựa nào có thể tới đích. Anh ta thế nào? Không còn cá ngựa nữa chứ, tôi hy vọng thế”.

“Lúc đó người bạn học trở nên nghiêm trang, nói là năm ngoái Sơn đã cưới vợ, một cô gái mà gia đình không đồng ý. Gia thế cô ta thấp kém, cha mẹ là một loại thương gia làng nhàng buôn bán sôt cà của Nhật, dù sao thì cũng thua kém địa vị gia đình Sơn. Mà cô ta cũng chẳng sắc nước hương trời gì. Vì thế cô ta chắc là phải quyến rũ Sơn cả phần xác lẫn phần hồn, thuyết phục anh ta phải cương quyết đến cùng với gia đình. “Con xin lỗi cha, mẹ, nhưng con phải cưới cô gái này bằng bất cứ giá nào”.

Đến đây, Peanut cúi lại gần ta, “Sau đó chú Rùa thì thâm với mọi người ở ngoài sân những điều chú ấy nghĩ là cô gái này đã làm để mê hoặc Sơn”.

Nó lại ngồi xuống, “Nhưng mọi người rộ lên cười to quá tao không thể nghe chính xác được chuyện gì ngoài những từ như là “yêu gà”, “tay vắt sữa bò”, “chơi đêm trong vườn”.

“Những từ này có nghĩa gì?”

Peanut cau mày suy nghĩ, “Đó là một cái trò kín mà người con gái có thể làm với người con trai. Tao nghĩ điều đó có nghĩa là cô ta học được từ người nước ngoài. Dù sao thì bố mẹ Sơn cũng phản đối sự lựa chọn này, đe dọa con trai. Họ nói người con gái này là kẻ hư hỏng, quá dữ dội, quá mạnh mẽ. Nếu anh ta lấy cô gái họ sẽ từ con trai.

“Nhưng vào lúc đó Sơn đã bị lằm quá sâu trong mối quan hệ với cô gái, không còn cách nào dừng lại được. Cuối cùng người nhà đành bỏ cuộc, bởi vì anh ta là con trai một - họ có thể làm gì khác được? Thế là Sơn cưới cô gái đó, họ về sống với cha mẹ. Một thời gian sau mọi chuyện dường như êm xuống. Cô dâu, nhà chồng ngày càng ít va chạm với nhau hơn. Sơn ngày càng đăm đuổi cô ta hơn dù rằng bây giờ cô ta đã là vợ chính thức”.

Peanut hít một hơi dài, ngồi xuống thở ra, với một nụ cười hơn hớn cứ như là đó là câu chuyện về nó với một kết thúc có hậu. Nhưng bất thành linh nó hít hơi thật mạnh, nói “Đoán xem chuyện gì xảy ra nào?” Ta lắc đầu dướn người về phía trước. “Khi họ lấy nhau được ba tháng thì một thảm họa xảy ra! Đêm khuya hôm ấy bà mẹ thức dậy nghe tiếng con trai, con dâu cãi nhau. Sơn la lối còn cô dâu thì khóc lóc, van xin. Bà mẹ nghĩ: Tốt, bây giờ thì nó đã biết dạy vợ nó phải vâng lời. Nhưng rồi - lạ chưa! - con trai bà đã thôi chửi bới nhưng con dâu thì vẫn nài xin. Vài phút sau cổ ta bắt đầu rống lên như một con vật. Cô ta la hét, la hét không ngừng. Bà mẹ chồng, tất cả người nhà chạy vào phòng người con trai. Ái chà, xem họ thấy gì? Đôi vợ chồng trần như nhộng. Sơn nằm bên trên, cô dâu trẻ nằm bên dưới luôn miệng kêu la. Nhưng Sơn không động đây không nhúc nhích. Anh ta như là một bức tượng gỗ. Cô con dâu kêu lên, “Chúng con bị dính vào nhau. Giúp con. Giúp con”. Thật thế họ dính chặt vào như những con chó”.

“Không thể thế được!” ta thốt lên.

“Đúng thế! Đúng thế! Người mẹ cố lôi họ ra, đánh vào lưng đứa con trai, bảo anh ta đứng dậy. Bà ta kéo qua kéo lại cho đến khi hai người lăn qua một bên. Đến lúc đó bà mới nhìn thấy khuôn mặt xám ngoét của con trai, đôi mắt ngưng đọng một nỗi đau đớn khôn cùng, đánh vào người con dâu. “Thả nó ra! Thả nó ra! Đồ quỷ sứ!” bà ta gào lên.

“Bây giờ thì đến lượt ông bố chồng cứu con trai. Ông ta lôi bà vợ ra khỏi phòng. Ông ta sai đầy tớ mang đến những xô nước lạnh. Người cha tát nước lên người đôi vợ chồng chẻ, bởi vì ông đã thấy người ta làm thế với những con chó. Một xô, hai xô, xô nữa, xô nữa cho đến khi ông suýt làm cô con dâu chết đuối. Sau đó thì ông ngừng lại cho gọi một ông lang đến. “Ông lang đến bắt mạch cho người con trai trước, anh ta đã lạnh ngắt, cứng đờ rồi. Nhưng thay vì cảnh cáo người nhà họ đang nói đến việc giết cô gái để giải thoát cho con trai, thì ông lang lại lặng lẽ hướng dẫn người nhà mang đến một tấm nệm. Ông ta nhanh chóng pha trộn một thứ nước đã pha chế bằng lá moxa với muối rang, giấm ấm. Ông lang cố gắng xoa bóp cái chỗ mà người con trai, người con gái bị dính vào nhau. Những họ vẫn không tách rời nhau ra được, ông bèn cho cô gái uống rất nhiều rượu mao đài cho đến khi cô ta say xỉn. Trong khi cô ta nằm trên tấm nệm rơm cười cười khóc khóc, thì những những đầy tớ khênh cô ta ra khỏi nhà với người chồng đã chết nằm bên trên. Chú Rùa nói rằng ở bệnh viện cuối cùng người ta cũng tách người chồng ra khỏi người vợ. Tất cả những ông chú khác thì bắt đầu thì thăm bàn tán đoán xem người ta đã làm gì. “Họ đặt cô gái lên một cái giường ướp đá lạnh cho đến khi cô ta nhả người chồng ra”. “Họ bôi thật nhiều dầu nóng để làm cho hai vợ chồng tách nhau ra”. Sau đó tao nghe chú Rùa bảo họ rằng - ông thực sự không muốn giải thích - nhưng mà điều kinh khủng là anh bạn cũ Sơn đã sang thế giới bên kia như một thái giám. Eo ơi mọi người cười ầm lên, nhổ phì phì ra ngoài sân. “Mày tưởng tượng xem. Người ta cười ầm ĩ, không một chút tình cảm nào dành cho người đàn ông xấu số và vợ anh ta. Sau đó thì chú Rùa bảo mọi người im đi, đó là một chuyện có thật. Bạn học của chú đã đi dự đám ma, đã biết được sự thật. Mặc dù cả gia đình cố ém vạ xì căn đàn này đi thì vào cái lúc họ đặt Sơn vào lòng đất, ai cũng thừa nhận là các bậc cha mẹ đã đúng. Cô gái này quá mạnh mẽ. Cô ta có quá nhiều chất âm của người đàn bà. Cô ta đã yêu chồng quá mức đến nỗi khi anh ta kết hợp với cô ta làm một thì cô đã đông cứng anh ta lại đấy, không cho rời ra nữa. Cô ta đã hút tất cả những chất tinh túy

của người đàn ông. Những chất này của anh ta cứ trào tuôn ra mãi, không ngừng lại cho đến khi chẳng còn gì cả, và anh ta chết”.

“Cái gì gọi là “chất tinh túy?” Ta hỏi. “Trời ơi! Mày cũng không biết cái đó sao!” Peanut kêu lên, “Đó là cái chất đàn ông, là dương khí của anh ta. Một người đàn ông chứa nó như một liều thuốc nước trong người anh ta”. Peanut dùng một ngón ta kẻ một đường thẳng từ trên đầu nó xuống đến cái điểm giữa hai đùi. “Đó là 10 ngàn thế hệ con người trải qua từ ông tổ đầu tiên, từ người cha đến người con trai. Đó là khí dương, lý do tại sao người đàn ông lại là một con đực”. “Đó là bởi vì...” Peanut dừng lại cau mày.

“Nói thật đi”, ta nói.

“Nó như thế này. Nếu một người đàn bà có đủ chất dương trong người, bà ta có thể đẻ con trai. Nếu không bà ta chỉ đẻ ra con gái. Vì thế mày biết đấy, nếu một người đàn bà có quá nhiều chất âm thì bà ta sẽ hút nhiều khí dương hơn từ ông chồng. Cô gái kia đã lấy tất cả chất nước trong người chồng cô ta, cuộc sống ở kiếp này của anh ta, của tất cả các thế hệ con cháu anh ta trong tương lai nữa”.

“Điều gì đã xảy ra với cô ấy?”

“Tất nhiên là bố mẹ chồng ghét cô ấy như đào đất đổ đi. Nhưng họ không đuổi cô ấy. Mà cô ấy cũng chẳng có chỗ nào mà đi. Cô còn có thể đi đâu chứ? Cô ấy sẽ không bao giờ tái giá được - ai mà muốn lấy một người như vậy? Bây giờ cô vẫn sống ở nhà chồng. Bà mẹ chồng thì xử tệ với cô ấy hết mức. Họ bảo họ giữ cô ấy lại chỉ vì khi cô ấy chết, mà điều này thì họ hy vọng sẽ sớm xảy ra thôi, họ sẽ chôn cô ấy cùng với người con trai. Như vậy, anh ta một lần nữa lại có thể lấy lại tất cả những khí dương mà cô ấy hút bây giờ đang tràn ngập trong cơ thể cô ấy.

Peanut đánh vào chân ta. “Đừng có nhìn tao như vậy. Chuyện thật đấy. Chú Rùa biết gia đình này. Có thể ông còn biết nơi cô ta sống ở đâu đó ở Thượng Hải. Có thể chúng ta sẽ tìm ra. Có thể một ngày nào đó chúng ta sẽ đi đến đấy, nhìn cô ta qua cửa sổ. Tao không biết trông cô ta như thế nào, một cô gái yêu chồng đến nỗi phải vắt kiệt cuộc sống của anh ta. Sao mày lại nhìn tao như vậy?”



“Chuyện thật không?” Ta thì thầm.

“Chuyện thật đấy”, Peanut trả lời.

Hai đêm sau vào đêm tân hôn của ta, ta mới sợ hãi làm sao chứ. Khi chồng ta cởi áo quần ra, ta kêu lên. Con có la lên khi con thấy *rji-jis* của chồng con không có gì giống như của đứa em họ không? Con có nghĩ tất cả chất dương của y đang vỡ, phụt ra không?

Ta phải thú thật điều này. Ta đã sợ yêu chồng ta ngay từ đầu. Tất nhiên lúc đó ta là con bé ngốc nghếch. Ta tin lời Peanut, một đứa con gái có quá nhiều niềm tự hào ngu ngốc. Nhưng nếu ta ngốc nghếch thì Peanut cũng ngớ ngẩn nốt. Bởi vì nó tin lời chú Rùa một người đàn ông chậm tiêu như chính cái con vật mà ông ấy tìm thấy trong tổ súp của mình. Chú ta ngốc nghếch vì đã tin lời người bạn học, người sau này đã phản ông ta trong cách mạng văn hóa. Vì ai mà biết được người bạn học này là ai mà tin tưởng?

Tại sao người ta lại nói những chuyện này? Tại sao bất cứ ai con gặp con cũng phải tin? Tại sao chúng ta luôn tin vào điều xấu trước?

Sau đó ta thường nằm mơ về người con gái này, tưởng tượng những gì xảy ra cho cô ta. Ta mơ về một lá thư ta viết cho Peanut.

Peanut, em còn nhớ về người con gái hơn 50 năm về trước, cái người mà em nói là đã hút chết người chồng không? Hôm qua chị gặp bà ấy. Phải đó là sự thật. Chị gặp bà ấy ở Mỹ. Bố mẹ chồng của bà ấy đã chết trong thời gian chiến tranh, bị dịch sốt thương hàn. Sau đó bà ấy đến đất nước này, lấy một người chồng khác, một người Hoa, tất nhiên rồi.

Bây giờ bà ấy già lắm rồi, nhưng em vẫn có thể thấy rằng khi còn trẻ bà ta rất đẹp, đẹp hơn những miêu tả của chú Rùa nhiều. Bà và người chồng thứ hai vẫn chung sống hạnh phúc bên nhau - sau 40 năm làm vợ làm chồng.

Họ sống trong một ngôi nhà lớn ở San Francisco, California, một ngôi nhà hai tầng, trả tiền thế chấp rất thấp, ba phòng ngủ, hai buồng tắm, đủ

rộng để cho tất cả con cháu của bà đến chơi. Mà những đứa cháu thì cứ đến chơi suốt - bốn đứa - hai cháu gái con của người con gái, hai cháu trai con của người con trai. Phải, em có thể tưởng tượng được - hai cháu gái, hai cháu trai từ một người đàn bà có quá nhiều chất âm. Tất nhiên đó là sự thật. Ta đã gặp cô ấy, ta tìm ra nơi cô ấy sống. Ta đi đến gần nhà cô. Cô ấy vẫy tay với ta từ cửa sổ.

## 9. THỜI ĐIỂM TỐT NHẤT TRONG NĂM

Sau đám cưới ta mới gặp Helen. Ta có thể nói với con là hai chúng ta không phải là cùng một đẳng cấp vào năm 1937. Dì ấy gốc gác còn ta thì ngây thơ. Sau đấy dì không những vẫn ngu ngốc như thường mà con trở nên cứng đầu cùng với sự ngu ngốc ấy. Còn ta thì mất đi sự trong trắng, bao giờ cũng hối tiếc về những gì ta đã mất. Cũng bởi vì ta mất quá nhiều cho nên ta cũng nhớ rất nhiều. Còn Helen - dì ấy chỉ nghĩ là dì ấy nhớ thôi.

Mỗi khi Helen nói về quá khứ, dì thường nói, “Cả hai ta đều trẻ, đẹp, nhớ không? Còn bây giờ xem thân hình tôi đã phì ra như thế nào!” Dì cười rồi thở dài cứ như là dì vừa để nhan sắc của mình tàn phai mới đây thôi. Rồi dì quay lại với việc đan lát, lắc lắc đầu và mỉm cười nghĩ về quá khứ của dì, nó mới tốt đẹp để ghi nhớ làm sao chứ!

Nhưng mà không phải như vậy. Bởi vì ta vẫn nhớ Helen trông như thế nào khi ta gặp dì lần đầu tiên.

Đó là mùa xuân 1937 ở Hàng Châu, nơi ta và Helen sống khoảng 5 tháng trong khi các đức ông chồng của chúng ta hoàn thành khóa huấn luyện ở một trường hàng không kiểu Mỹ tọa lạc ở ngoại vi thành phố cổ này. Lúc ấy ta chỉ 19 tuổi, vẫn còn nghĩ rằng ta có thể tìm ra câu trả lời cho mọi ao ước của mình. Bởi vì ta mới về ở với Văn Phú được một tháng cho nên ta vẫn nghĩ là ta may mắn, tự hào là đã lấy một anh hùng trong tương lai. Ngày ấy, trước khi chiến tranh nổ ra ai cũng nghĩ chúng ta là một cặp trai tài gái sắc, vợ phi công đâu phải là chuyện đùa. Cả nước Trung Hoa rộng lớn chỉ có khoảng ba bốn trăm phi công thôi. Trong thời gian làm đám cưới ta không biết là ta lấy một người vừa gia nhập quân đội. Ta không phải là người ngu nhưng chả có ai bảo ta biết điều đó. Tuy vậy 2,3 tuần sau đó Văn Phú bảo ta là hắn sẽ trở thành một phi công. Những phi công này, hắn nói, được tuyển chọn từ những gia đình danh giá nhất, tốt nghiệp từ những trường tốt nhất. Lúc đó có một thông báo: họ sẽ được đưa đến Hàng Châu

trong một khóa huấn luyện đặc biệt, với sự có mặt của tổng chỉ huy phụ nhân, Madam Tướng, nhân danh vị tổng chỉ huy, Văn Phú nói hẳn sẽ ở đây ít ngày. Ta còn nói gì được nữa, thế là ta đi theo hẳn.

Khi chúng ta đến Hàng Châu, tất cả các phi công được chiêu đãi một bữa tiệc lớn do một vị tướng của Mỹ nổi tiếng với một cái tên rất phụ nữ là Claire Chennault chi tiền. Tất nhiên lúc đó ông chưa nổi tiếng. Thật chí ông cũng chưa phải là tướng nữa. Nhưng ta nhớ các phi công gọi ông bằng một cái tên Trung Quốc nghe rất hay *Shan Náo*, nghe như là “Chennault”: *Shan* có nghĩa là “ánh sáng” *náo* có nghĩa là “tiếng động”, ánh sáng, tiếng động là âm thanh của những chiếc phi cơ bay ngang qua bầu trời - xẹt! Đó là lý do Shan Náo đến để dạy các phi công lái máy bay.

Ta cũng có mặt trong bữa tiệc khi ông già Shan Náo nói với các phi công một điều gì đó làm tất cả những ông thầy người Mỹ kêu la, hét âm lên như những chàng cao bồi rồi họ tung mũ lên trời. Trong khi đó tất cả các phi công người Trung Quốc chỉ ngồi, mỉm cười, vỗ tay, đợi cho đến khi mọi người trở nên im lặng hơn để nghe người ta dịch lại.

“Shan Náo nói chúng ta sẽ cho bọn Nhật một vương quốc mới”.

Các phi công bàn tán ồn ào, bất mãn nói rằng Shan Náo không nên có ý nói là cho người Nhật một lãnh địa mới. Ông ta định nói ai là vua? Cuối cùng sau nhiều cuộc tranh cãi nhiều lý luận nữa cùng nhiều lời phiên dịch chúng ta mới biết điều mà Shan Náo thực sự muốn nói: “Với sự giúp đỡ của các vị, chúng ta không đuổi người Nhật về Nhật mà đưa họ sang thế giới bên kia”. Tất cả mọi người đều cười nói rộn ràng, “Có nghĩa là chúng ta sẽ giết ta cả bọn chúng. Thế giới bên kia là địa ngục”.

Ta biết nhiều cuộc tranh luận như thế. Người Mỹ nói một đằng chúng ta hiểu một nẻo, mọi người cứ cãi nhau nặng xị lên. Mọi chuyện xảy ra như thế vào lúc khởi đầu khi chúng ta đến trại huấn luyện ở ngoại thành Hàng Châu. Chúng ta biết rằng chúng ta chẳng có chỗ ăn chỗ ở. Những phi công khóa trước cùng gia đình của họ sống ở những cái nhà nhỏ quây quần với nhau đã giận dữ phản đối. Sau đó chúng ta biết rằng người Mỹ báo cáo với lãnh đạo của họ rằng các phi công Trung Quốc chưa có đủ phẩm chất để bay, rằng họ đã bị trượt trong các kỳ thi kiểm tra điều này làm cho lớp phi

công đầu tiên cảm thấy đó không chỉ là thất bại của họ mà còn là thất bại của cả đất nước Trung Hoa. Mất mặt. Những khuôn mặt thật bực. Nhiều người trong số họ xuất thân từ những gia đình Trung Quốc danh giá nhất, họ than phiền với lãnh đạo của họ rằng: Đó là vì người Mỹ chỉ chú ý đến những tiểu tiết nào là những đôi giày bóng lộn, cà vạt phải thắt đúng cách, mũ phải đội đúng kiểu, rằng những máy bay của người ngoại quốc được thiết kế rất dỏ, hay hồng. Tất nhiên không một ai có thể lái chúng một cách tử tế được. Đến khóa thứ hai khóa của chồng ta mọi người hét lên, “Đừng có phí thời gian nữa chúng tôi cần huấn luyện để cứu nước Trung Hoa”. Cuối cùng cũng đến lúc người Mỹ đồng ý huấn luyện cho khóa thứ nhất, cùng một lúc với khóa huấn luyện phi công thứ hai. Nhưng lời than phiền vẫn không chấm dứt, bởi vì chúng ta vẫn chưa có chỗ ở.

Lúc đó ở Trung Quốc mọi việc là như thế đấy. Người ta bận rộn cãi nhau trước khi cùng nhau chiến đấu. Không chỉ có người Mỹ, người Hoa còn những nhà cách mạng cực đoan, những người cấp tiến, Tưởng Giới Thạch và cộng sản, địa chủ và đạo tặc, cả sinh viên nữa. - Úi chà - tất cả mọi người đều hùng hổ đấu nhau như những con gà trống đua nhau tiếng gáy lúc mặt trời mọc. Tất cả những người còn lại - phụ nữ và trẻ con, người già và người nghèo - chúng ta cũng giống như những con gà mái bất loạn, để cho mọi người đuổi chạy từ góc này sang góc khác. Thế là tất nhiên người Nhật nhìn thấy cơ hội, lên vào như một con cáo, ăn trộm mọi thứ. Lớp phi công thứ hai, vợ con họ, cuối cùng cũng có được một chỗ ở Hàng Châu, trước đây vốn là một thiền viện, ở giữa đường đi lên núi nơi các nhà sư trồng trà, các loại trà tốt nhất trên toàn cõi Trung Hoa. Các nhà tu hành đã tạm thời hiến chỗ này cho lực lượng không quân, bởi vì họ tin rằng không quân sẽ cứu nước Trung Quốc. Mọi người dân Trung Hoa đều có chung một niềm tin là chúng ta sẽ đuổi bọn Nhật ra khỏi đất nước mãi mãi. Hầu hết các phi công ngủ trong một căn phòng chung lớn. Nhưng nếu anh có vợ hoặc là người Mỹ, anh sẽ có một phòng riêng nhỏ hẹp. Mọi người dùng chung một bếp ở phía cuối tòa nhà, cũng dùng chung một nhà tắm không nước nóng có chứa năm cái thùng gỗ để tắm. Một vài người Mỹ cũng dùng nhà tắm này, nhưng may thay họ chỉ tắm một tuần một lần vào các đêm thứ bảy. Nhà ở của chúng ta rất bất tiện, tuy vậy chúng ta không than phiền có lẽ bởi cái cách khôn ngoan mà các nhà sư đã chào đón chúng ta. Chúng ta đến đây vào cuối mùa xuân. Các ngọn đồi tràn ngập hương trà. Người ta nói rằng chúng ta đến thật đúng lúc. Đúng cái tuần là khoảng thời

gian đẹp nhất của cái mùa đẹp nhất, họ nói thế - khi những cái lá ngọt ngào nhất của cây trà thơm nhất trên đồi có thể thu hoạch được. Khi cái hồ đẹp nhất trần ở trong cái vẻ quyến rũ nhất của nó. Khi thời tiết giống như một sự ban phước hàng ngày. Những điều này là để chào đón những phi công đến nhà mới của họ, làm cho họ lập tức cảm thấy hài lòng với mình, những con người chiến thắng. Thường thường vào buổi chiều chúng ta đi dạo quanh hồ, một ai đó kêu lên, “Đây là lúc nước hồ trong nhất trong năm”. Rồi một ai đó đệm vào, “Nhìn kìa, mặt trời trên hồ, trong nước hồ - hai, không, ba mặt trời cùng một lúc”. Một ai đó thở dài lắm bầm, “Cảnh hoàng hôn như thế này, tôi có thể nhìn ngắm suốt ngày”.

Con thấy đây không ai trong chúng ta nghĩ rằng cái điều may mắn nhỏ nhoi này - đến vào đúng thời điểm - sẽ nhanh chóng qua đi, có lẽ một cái gì khác sẽ nhanh chóng thay thế.

Tất cả những điều đẹp đẽ này thậm chí gần như quá đầy đủ đối với ta. Ta có thể đi bộ vòng quanh hồ một mình, ta không nghĩ gì về quá khứ không hạnh phúc của mình cũng như cuộc sống tương lai với chồng. Ta chỉ ngắm nhìn những con chim bay lượn trên mặt hồ, đậu nhẹ nhàng trên mặt nước không làm một làn sóng nào gợn lên. Chỉ khoảnh khắc ấy. Hoặc ta có thể chiêm ngưỡng một cái lưới mà con nhện đã chăng lên trên một bụi cây trong một hình thức hoàn hảo, sáng lấp lánh với những viên ngọc của sương đêm. Ta tự hỏi liệu ta có thể đan một cái áo len với những đường như vậy, chỉ dùng ký ức như là những hình họa. Nhưng rồi những con chim bất thình lình gọi bạn, tiếng kêu vọng lên như tiếng đàn bà khóc. Hoặc con nhện cảm thấy hơi thở của ta co thân hình của nó nhỏ, gợn trước khi bỏ chạy. Ta nghĩ về nỗi sợ hãi của ta, về những thắc mắc trong cuộc hôn nhân của mình.

Ta biết Văn Phú chỉ một thời gian ngắn trước khi chúng ta làm đám cưới, sau đám cưới chúng ta sống một tháng với cha mẹ hắn, trong ngôi nhà của họ ở trên đảo vì thế nói thật, ta biết bản chất mẹ chồng ta rõ hơn là bản chất của chồng ta. Bà ấy là người dạy ta phải trở thành người vợ tốt đối với con trai út của bà. Đó là người mẹ rất chiều con. Bà là người dạy ta phải trở thành người vợ đầy đủ bốn phận đối với một người chồng kinh tế. Ta lắng nghe bà, bởi vì ta không có mẹ, chỉ có thím Lớn, thím Nhỏ, mỗi người dạy ta trở nên khiếp nhược theo những cách khác nhau.

Đây là cái cách mẹ chồng dạy ta: phải bảo vệ chồng để chồng bảo vệ ta. Phải sợ chồng, nghĩ đó là sự kính trọng. Phải nấu món súp nóng sốt cho chồng, một món súp chỉ được mời chồng, khi ta đã nhúng ngón tay út vào để thử.

“Không đau đâu,” mẹ chồng ta sẽ giải thích nếu ta kêu lên vì đau đốn. “Một sự hi sinh đích thực cho chồng không bao giờ gây ra đau đốn.”

Ta tin rằng bà cũng nói rằng cái kiểu đau đốn cho chồng ấy cũng là tình yêu đích thực, thứ tình cảm ấy lớn dần lên giữa người chồng và người vợ. Ta cũng học điều đó trong những bộ phim Trung Quốc và phim Mỹ. Một người đàn bà bao giờ cũng cảm thấy đau đốn khổ sở, nhỏ những giọt lệ trước khi cô ta cảm thấy tình yêu. Bây giờ khi ta sống với Văn Phú trong một căn phòng nhỏ ở một thiền viện ở Hàng Châu ta đau khổ nhiều lắm. Ta nghĩ tình yêu của ta đang lớn dần lớn dần. Ta nghĩ ta đã trở thành người vợ tốt hơn.

Bây giờ đã đến lúc ta phải nói toạc ra mọi chuyện. Ta nghĩ ta không nên nói về những chuyện này với con, những chuyện liên quan tới tình dục. Nhưng nếu ta không nói với con thì con sẽ không hiểu tại sao ta lại ra như thế, và hẳn đã thay đổi như thế nào. Vì vậy ta sẽ nói với con một số điều đã xảy ra hoặc có thể là nói tất cả. Có thể có những chỗ ta không thể nói ra lời. Con hãy tưởng tượng về những điều đó. Rồi con lại hình dung nó một lần nữa. Nó sẽ 10 lần tệ hại hơn.

Đêm nào Văn Phú cũng muốn ta. Nhưng không phải theo cách như khi chúng ta sống ở nhà cha mẹ hẳn. Ta rất ngưng ngưng, còn hẳn hết mực dịu dàng, bao giờ cũng an ủi, vuốt ve ta, dừng lại khi ta quá sợ hãi, trước khi ta phải la lên. Ở Hàng Châu hẳn nói đã đến lúc ta phải học để trở thành người vợ thực sự.

Ta nghĩ ta sẽ học một cái gì đó làm cho ta bớt sợ hơn. Tất nhiên ta vẫn còn hồi hộp lắm. Nhưng ta đã sẵn sàng học hỏi.

Đêm đầu tiên trong căn phòng nhỏ ở thiền viện, chúng ta nằm trên một giường hẹp, ta mặc áo ngủ, Văn Phú đánh độc cái quần đùi. Hẳn hôn lên mũi, má và vai ta tán dương ta đẹp như thế nào, rằng ta đã làm hẳn hạnh

phúc ra sao. Rồi hắn thì thầm với ta những từ bần thiêu, chỉ các bộ phận trên thân thể người đàn bà - không phải những phần của người đàn bà bất kì mà là của một con điểm nước mặn, cái loại bán thân thể của nó cho những thủy thủ nước ngoài. Đôi tai ta đau lên khi nghe chúng. Ta đẩy hắn ra.

“Em không thể nói những từ này”, cuối cùng ta bảo hắn.

“Tại sao chứ?” hắn hỏi ta, trông hắn vẫn dịu dàng, rất quan tâm. “Một người đàn bà không nên nói những chuyện đó”. Ta nói tìm ra một lí do - Rồi ta cười, chút xíu thôi, cho hắn biết là ta mắc cỡ như thế nào dẫu chỉ nghĩ về điều đó. Bất thành linh nụ cười của hắn tắt ngay, hắn biến thành một con người khác. Hắn ngồi bật dậy khuôn mặt trở nên xấu xí điên dại còn ta rùng mình sợ hãi. Ta ngồi dậy vuốt ve vai hắn, sốt sắng muốn làm hắn nguôi giận.

“Nói đi”, bất thành linh hắn hét lên. Hắn lập lại ba, bốn từ dơ bẩn, “Nói đi!” hắn lại hét lên. Ta lắc đầu thút thít khóc, lúc đó hắn bắt đầu dịu dàng trở lại, lau nước mắt cho ta nói rằng hắn quan tâm đến ta bao nhiêu, vuốt ve lưng, cổ ta cho đến khi ta nghĩ ta xỉu đi vì sự nhẹ nhõm, vì niềm vui. Anh ấy chỉ muốn trêu đùa thôi, ta vui vẻ nghĩ. Ta mới ngu ngốc làm sao! Sau đó hắn giúp ta đứng dậy. Hắn cởi áo ngủ của ta ra và khi ta đã trần ngồng ngồng, hắn nắm tay ta, nhìn ta một cách không che đậy.

“Nói đi”, hắn nói với giọng khe khẽ. Nghe những từ này một lần nữa, ta đổ sụp xuống sàn. Nhưng trước khi ta té xuống, hắn đã kéo ta dậy, lôi ta về phía cửa như một cái bao gạo. Hắn mở cửa đẩy ta ra ngoài hành lang thiền viện nơi bất cứ ai đi qua cũng có thể nhìn thấy ta không một miếng vải che thân.

Ta có thể làm gì được? Ta không thể la hét, một người nào đó sẽ tỉnh dậy thấy ta vì thế ta thầm van nài hắn qua cánh cửa, “Mở cửa ra! Mở cửa ra! Mở ra!” Không một động tĩnh trong vài phút cuối cùng ta đầu hàng, “Em sẽ nói.”

Từ đó những chuyện như vậy lặp lại đêm đêm, ở điểm này con có thể hình dung nhiều chuyện nữa, ở đây nó còn tồi tệ hơn nữa.



Thỉnh thoảng hắn bắt ta cởi hết quần áo, bò lổm ngổm trên sàn, làm như thể ta đang van nài hắn cho một lúc “đính vào nhau vui vẻ”, thế là ta tuyệt vọng làm tất cả mọi điều để xin một ân huệ. Hắn sẽ giả vờ từ chối với lý do ta không đủ đẹp, hoặc là ta là một người vợ tồi trong ngày hôm ấy. Ta đã phải van lên lay xuống. Hàm răng ta tê dại lập cập cho đến khi ta thực sự phải nài xin cho ta đứng dậy khỏi sàn nhà lạnh cóng. Những đêm khác hắn bắt ta đứng ở trong phòng trần truồng run rẩy vì cái lạnh ban đêm, khi hắn gọi tên từng bộ phận cơ thể lên, ta buộc phải nói một lời thô tục sau đó chỉ tay vào chỗ ấy chỗ nọ, tự vuốt ve mình chỗ này chỗ kia, tất cả mọi chỗ, trong khi hắn quan sát, và cười nham nhở. Thường vào buổi sáng hắn than phiền, nói rằng ta không phải người vợ tốt, rằng ta sống không có đam mê, không như những người đàn bà hắn biết. Đầu ta, thân thể ta nhức nhối khi hắn kể cho ta nghe hết những người đàn bà này tới người đàn bà khác, cô ta tốt như thế nào, đẹp mà lại sẵn sàng ra làm sao. Ta không tức giận. Ta không biết là ta có quyền tức giận. Đây là Trung Quốc. Người đàn bà không có quyền giận dữ. Nhưng mà ta rất bất hạnh, biết rằng ta sẽ phải kinh qua bao nhiêu đau khổ nữa để chứng tỏ với hắn ta là người vợ tốt.

Ta khám phá một điều nữa về chồng ta trong tháng đầu tiên. Tất cả những người phi công khác đều gọi hắn là Văn Chân. Và điều này rất lạ đối với ta, bởi vì ta biết chồng ta tên là Văn Phú.

Ồ, hắn có hai người anh lớn, một người từng tên là Văn Chân. Nhưng người anh này đã chết hai năm trước vào năm 1935, vì bệnh lao, ta nghĩ thế. Gia đình thường nói chuyện về anh ta: Một người con sáng láng tận tụy, nhưng luôn bị bệnh, luôn ho ra máu. Ta nghĩ những người phi công này đã lẫn lộn, có thể Văn Phú có nhắc đến cái tên người anh đã chết, bây giờ họ nghĩ đó là cái tên của Văn Phú. Còn chồng ta thì quá lịch sự không sửa lại cái sai cho họ. Nhưng một ngày ta nghe hắn tự giới thiệu, lạ chưa! - Hắn nói hắn là Văn Chân. Tại sao thế, ta hỏi lại hắn sau đó. Hắn bảo là ta nghe nhầm. Tại sao hắn lại nói tên hắn là tên của người khác? Rồi ta nghe hắn nói thế một lần nữa. Rằng tên hắn là Văn Chân, lần này hắn bảo ta rằng, lực lượng không quân đã viết nhầm tên hắn. Làm sao hắn có thể sửa lại cái sai của toàn bộ lực lượng không quân. Hắn nói hắn phải bảo với họ rằng Văn Phú là cái tên hồi còn nhỏ, chỉ là một biệt hiệu.

Ta chấp nhận điều hắn nói, nghe cũng có lí. Nhưng sau đó, khi ta soạn lại mấy cái thùng giấy để bỏ đi một số đồ, ta tìm thấy một cái bằng, một lá đơn xin gia nhập không quân. Những giấy tờ này của Văn Chân người anh chồng đã chết của ta, người đã tốt nghiệp trường hải quân thương mại hạng ưu. Sau đó ta biết: Chồng ta không đủ tiêu chuẩn để gia nhập không quân, nhưng lại đủ khôn ngoan để mạo nhận là người anh đã chết.

Bây giờ ta cảm thấy như thể chồng ta có hai con người. Một chết, một sống. Một thật, một giả. Ta bắt đầu nhìn hắn một cách khác, quan sát hắn nói láo, thật tron tru, bình tĩnh. Hắn giống như những con chim đậu trên mặt nước mà không làm gợn sóng. Vì vậy con thấy đây ta cố gắng làm một người vợ không quá xấu của hắn.

Ta gặp Helen vào khoảng hai tuần sau ngày chúng ta đến Hàng Châu. Dì ấy cũng rất trẻ có thể là 18 tuổi, nghe đâu rằng cũng vừa mới lấy chồng - không phải cưới anh trai ta. Nhưng mà ta sẽ nói về điều đó sau này. Ta nhìn thấy dì ấy nhiều lần trước đó - trong phòng ăn hoặc là trong khuôn viên của thiền viện nơi cả hai chúng ta cùng đi dạo hoặc là ở ngoài phố, mua thịt, rau ở những cái sạp ngoài vỉa hè. Tất cả phụ nữ ở trong thiền viện đều biết nhau, bởi vì chỉ có sáu người. Phần lớn các phi công đều rất trẻ hầu như còn là những cậu bé, rất ít người có vợ. Những huấn luyện viên người Mỹ không có vợ hoặc bạn gái ở với họ, mặc dầu thỉnh thoảng họ có dẫn vào phòng họ một cô gái lẳng lơ ở địa phương. Bao giờ cũng là một cô gái ấy, sau này ta nghe như vậy, bởi vì cả năm người Mỹ đều do cô ấy truyền cho một thứ bệnh, đó là một loài rận vô hình mà ai cũng nói rằng nó sống ở trong bồn tắm. Trên thực tế chính vì cô ấy, con kí sinh trùng mang bệnh ấy mà ta gặp Helen. Không một người vợ nào muốn dùng cái nhà tắm ấy nữa cả khi các ông sư tuyên bố rằng bệnh này không lây. Chúng ta nghe rằng không thể giết được cái loài rận này. Nếu một phụ nữ bị lây thì cô ta cũng chẳng khác gì một con điếm. Bởi vì cô ta sẽ suốt ngày gãi sồn sột vào chỗ kín. Con ngựa chỉ dụi đi khi cô ta có một người đàn ông gãi cho cô ta vào sâu nữa chỗ kín.

Ta nghĩ sẽ phải yêu cầu chồng ta làm việc ấy. Tất nhiên ta cũng nhớ thời gian ở đảo khi ta bị một con mòng cắn, ta đã sột soạt luôn tay tựa gậy đàn, kêu lên *yangsele* như thế nào. Đó là cái kiểu hành vi của một người vợ không trung thành, một người luôn ngứa ngáy cái ấy đến độ cô ta cho phép

mình trở thành một con điểm - không chứa một ai. Người Trung Hoa, người Mỹ, người hủi... Đây là một loại kiến thức lưu truyền giữa những người phụ nữ trẻ mới cưới. Tất nhiên chúng ta tin vào điều này. Thì có ai nói cho chúng ta điều gì khác đâu? Con có nghĩ ta chỉ là một con mụ ngu ngốc không?

Thế là tất cả chúng ta - năm người phụ nữ và ta - quyết định không dùng buồng tắm nữa. Trái lại, một người trong bọn, một thiếu phụ hóm hỉnh luôn than phiền về bất cứ chi tiết gì - đã tìm ra một cái phòng từng dùng để chứa lá trà mang từ trên núi xuống. Trên sàn vẫn còn phủ đầy những lá trà cũ từ nhiều vụ trước. Có một cái bếp củi ở góc phòng dùng để sấy trà.

Chúng ta quyết định dùng ngay cái bếp lò này để làm nóng căn phòng, biết nó thành một nhà tắm. Chúng ta chằng dây quanh phòng rồi căng những tấm vải lớn lên để ngăn ra thành những buồng tắm nhỏ.

Sau đó chúng ta thay phiên nhau, hai người chạy tới chạy lui giữa phòng phơi trà và bếp ở đầu kia của tòa nhà, mang những cái xô nước sôi và quần áo đã được đun sôi. Ba người kia ngồi trên ghế đầu. Đằng sau những tấm chắn, nhúng vải vào trong thùng nước rồi lau lên người. Nước sẽ chảy xuống sàn ngấm vào những lá trà. Hơi nước sẽ bốc lên từ những cái xô đặt trên sàn. Chằng bao lâu cả không gian thơm ngát hương trà rồng. Chúng ta đều hít vào thở ra. Hít vào thở ra để những làn hơi này ngấm thành những giọt sương đọng trên khuôn mặt. Chúng ta không quan tâm đến nhà tắm nữa. Ngay cả cái cô gái hóm hỉnh cũng cười vang, nói rằng cô ta rất là sung sướng vì những người Mỹ đã mắc bệnh này. Tối tối ta có công việc thật quan trọng ta mang những thùng nước nóng từ bếp đi ra cùng cô gái tên là Huệ Lan. Đó là cái tên ngày xưa của Helen: Huệ Lan. Con thấy đấy, Helen đâu phải chị dâu ta. Bà ấy đâu phải dì con. Làm sao ta có thể nói với con điều đó, rằng ta đã gặp dì ấy trong thời gian chiến tranh ở Trung Quốc? Khi con còn bé thậm chí con không biết rằng ở Trung Quốc cũng có chiến tranh! Con nghĩ chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu một vùng ở Hawaii có cái tên giống như tên con Pearl Harbor - Trân Châu Cảng. Ta cố gắng nói với con, nhưng con luôn chỉnh lại. Con nói, “Ôi mẹ, đây là lịch sử Trung Hoa.” Điều đó đúng, rất đúng. Con đã bảo ta điều đó một lần. Nếu ta bảo con dì Helen không phải dì con, có thể con cũng chỉnh ta về điều đó nữa.! Con thấy đấy, con vẫn cố gắng sửa lại mẹ con mà. Dù sao thì điều đó cũng

là sự thật. Ta gặp Helen ở buồng tắm. Dì ấy tên là Huệ Lan. Mấy đêm đầu ta cũng không nói nhiều với cô ấy, có lẽ chỉ thỉnh thoảng hỏi cô ấy, “Nước có đủ nóng không?” Cô ấy là vợ của một đội phó, thủ trưởng của Văn Phú. Vì thế ta nghĩ ta phải cẩn thận từng lời ăn tiếng nói với cô ấy, không than phiền về điều kiện ăn ở của chúng ta hoặc không nói rằng ta muốn ở Hàng Châu mãi mãi. Cô ấy có thể nghĩ rằng ta không muốn các phi công của ta trải qua kì huấn luyện.

Nhưng ngay từ đầu cô ấy đã rất thân thiện, thậm chí còn mạnh miệng nói với ta rằng các nhà sư không sạch sẽ tí nào, rằng trên thực tế họ rất bẩn, bởi vì cô ấy đã tìm thấy móng chân, tóc tai dưới gầm giường của cô ấy. Ta cũng chẳng ừ hử, mặc dầu ta cũng thấy những thứ bẩn thiếu ấy dưới gầm giường của ta, thậm chí còn ở trên giường nữa.

Sau đó cô ấy bảo ta rằng chồng cô ấy, một người tên là Long Gia Huy than phiền rằng cái đợt tập huấn này vẫn gặp nhiều trục trặc. Cô nói người Mỹ có nhiều ý kiến bất đồng với người Trung Hoa. Bây giờ có một đề đạt là sẽ đưa tất cả mọi người đến trại huấn luyện ở Lạc Dương. Cô ấy nói rằng điều đó rất đáng sợ bởi vì Lạc Dương là một nơi rất kinh khủng, một thành phố chỉ có hai mùa lụt lội, bão cát. Vậy mà nó đã từng là một nơi nổi tiếng với hàng trăm ngàn những bức tượng Phật, và trong những năm gần đây hầu hết những bức tượng Phật đã bị chặt đầu. Vì thế nơi này với bao nhiêu bức tượng bị tàn phế sẽ chỉ mang lại cho lực lượng không quân những điều xúi quẩy nhất.

Ta tự hỏi làm sao cô ấy biết rõ về Lạc Dương, có phải cô ấy từng sống ở một làng gần đấy không. Cô ấy nói năng rề rà với cái giọng oang oang quê đặc mà ta không thể phân biệt được là vùng nào. Cử chỉ của cô ấy vừa vụng vừa thô, chẳng duyên dáng chút nào. Nếu cô ấy đánh rơi một cái trâm cài đầu, thì cô ấy chỉ đơn giản là cúi xuống, chống hông lên, nhặt cái trâm, cài bừa lên bất cứ chỗ nào. Khi đi cô ấy bước những bước dài, quơ quơ hai tay giống như một người gánh hai thùng nước nặng.

Rõ ràng cô ấy có điệu bộ của một hầu gái chốn nhà quê. Ta ngạc nhiên tự hỏi làm sao cô ấy có thể lọt mắt xanh một người đội phó, một người có học, đẹp trai, chắc chắn xuất thân từ một gia đình quyền quý. Ta cũng biết nhiều cô gái khác xuất thân từ những gia đình nghèo có diễm phúc cưới

được chồng cao sang. Nhưng vẻ đẹp của họ không ai sánh được, các bà mẹ chồng đã nhanh chóng huấn luyện họ có một phong thái phù hợp. Huê Lan không thể gọi là đẹp được, ngay cả khi con chấm điểm cô ta với cái nhìn rộng lượng: mập mập nhưng không phải là cái mập mập cổ điển của những trái đào mà cái nước da hồng hào của nó gần như trào ra với tất cả sự ngọt ngào. Cái mập mập của cô ta là cái gì thừa mứa tràn ra một cách vô tội vạ giống như một cái bánh hấp bị xì, nó tràn ra khắp mọi phía. Cổ chân to tướng, cánh tay vạm vỡ, hai bàn chân to như hai cái bơi chèo. Cô lại để một kiểu tóc thông thường kiểu phương Tây chẻ một đường ngôi bên như thế này, chải tóc thẳng ra sau, uốn quăn vào. Cô ta không có một chút ý thức thẩm mỹ nào. Một hôm ta gặp cô ta mặc một cái đầm hoa theo kiểu phương Tây, bên trong là một cái áo Trung Quốc màu vàng, phát phơ như một cái đuôi dài, ngoài cùng cô bận một cái áo len tự đan lấy, với hai cánh tay áo ngắn cùn. Trông cô ta giống như một đồng quần áo chẳng ra để hong cho khô.

Ta không quá khắt khe khi nhớ lại hình dáng của cô ta chỉ bởi vì ta giận dữ Helen bây giờ đâu. Tại sao ta lại phải giận dữ chứ? Bởi vì chính Helen là người muốn kể với con dâu chuyện của ta, muốn lôi ra ánh sáng tất cả mọi thứ trước khi đi ấy chết. Tất nhiên, cuối cùng tự ta phải nói chuyện này. Ta phải đợi đến đúng thời điểm. Bây giờ con ngồi đây để ta kể cho con nghe mọi chuyện. Mặc dù rất giận dữ ta vẫn có thể nhớ được nhiều điều tốt đẹp về Huê Lan. Phải, đôi mắt của cô ấy trông rất hiền, luôn mở to, đôi má của cô ấy căng tròn dễ thương làm cho miệng của cô ấy nhỏ đi có cái gì rất dễ thương, ngọt ngào. Cô ấy có một cái cằm xinh xắn, không quá mạnh mẽ cũng không có cái vẻ yếu ớt. Và cô ấy là người trung thực, thẳng ruột ngựa, không bao giờ giấu diếm cảm xúc của mình.

Hoặc có thể không phải là sự trung thực mà là sự ngu xuẩn, một sự thiếu tinh tế, không hiểu khi nào thì cần phải kín đáo. Phải cô ta là như thế đấy. Nói huych toẹt tất cả cứ như không.

Hãy coi cô ấy như thế này. Khi chúng ta tắm giặt với nhau mỗi tối, cô ấy ngồi trên một cái ghế hai chân dạng ra như thế này, xát cái khăn vào người thật mạnh – ngực, nách, đùi non, chỗ kín, mông, sau lưng cho đến khi cả người cô ấy nổi lên những vệt đỏ rực. Cô ta chồng mông lên như một con

chó, chẳng có quần áo gì hết trơn, rồi nhúng cả đầu vào chậu nước còn lại sau khi tắm, hơi nước vẫn còn bốc lên nghi ngút.

Ta lấy làm xấu hổ cho cô ấy – và cho chính mình, biết rằng ta cũng hiện hình với chồng ta như thế hằng đêm. Ta cố gắng không nhìn cô ấy. Ta giả vờ đang bận bịu kỳ cọ, đôi cánh tay mảnh dẻ của ta khoanh lại che ngực, một cái khăn lớn cuốn ngang bụng, trong khi ta dùng một miếng vải khác kín đáo kì cọ phía bên trong. Nhưng ta không thể không nhìn Huê Lan. Cô ta mới trông gớm ghiếc làm sao chứ. Ta quan sát cô ấy trong khi cô ta nhúng đầu lên lên xuống xuống vào trong một cái chậu giống như một bà điên, rồi ngẩng đầu lên vuốt tóc bằng hai cánh tay mạnh mẽ xoắn nó như xoắn một cây lau nhà. Cô ấy đứng lên một cái khăn ở bên tai, lau mũi lau cả người, cười với ta, nói, “Nhìn chị kìa! Nước của chị sẽ bốc hơi hết trước khi chị tắm xong.” Sau khi tắm, Huê Lan và ta cùng đi dạo tìm kiếm những chuyện thú vị, bao giờ đó cũng là gợi ý của Huê Lan. Cô ấy gia công lượm lặt những chuyện đồn đại trong nhà ngoài phố, cô ấy dường như nói chuyện với tất cả mọi người, hỏi xem có gì bất thường không, một lần cô ấy nghe kể về một dòng suối kì diệu.

“Nước trong dòng suối này”, cô ta nói. “Nặng như vàng, ngọt như mật, nhưng lại trong như pha lê. Nếu chị soi mình xuống nước chị sẽ thấy gương mặt mình rõ như trong gương soi vậy. Chị có thể nhìn xuống tận đáy nước phủ đầy những hòn đá đen. Em nghe nói rằng nếu chị múc một li nước đây, rồi thả những viên sỏi đen vào trong li để làm nước tràn ra, nước sẽ đặc lại. Một nhà sư nói với em như thế.” Nhưng khi chúng tôi tìm đến dòng suối này hóa ra đó chỉ là một cái tiệm trà, có bán một loại trà có hương vị đặc biệt. Huê Lan uống thử rồi nói rằng nó thật sự là một phép màu. Nó tràn vào tim vào phổi, sau đó làm cô ta hoàn toàn thanh thản. Một lần khác, cô ấy lại biết một chỗ trong thành phố bán loại mì gọi là “tai mèo”, ngồi trên một cửa sổ của cái tiệm ăn này là một nửa tá mèo cụt tai – một bằng chứng cho thấy nhà hàng này không phải loại treo đầu dê bán thịt chó. Nhưng chúng ta chẳng bao giờ tìm thấy chỗ này, sau này ta biết rằng “tai mèo” chỉ là từ địa phương để gọi món mằn mặn. Ta bắt đầu nghĩ rằng mọi người thích lừa Huê Lan, quan sát miệng cô ta há ra vì kinh ngạc khi họ kể cho cô ta những điều dối trá kinh khủng để rồi cười sau lưng cô ta. Ta cảm thấy thương hại cô đến nỗi ta chẳng muốn mình là người đầu tiên bảo cho cô ấy biết sự thật rằng mọi người chỉ đem cô ra làm trò đùa mà thôi. Nhưng sau đó ta cảm

thấy khó chịu. Ta biết rằng cô ấy chỉ giả vờ ngây thơ, giả vờ sẵn lòng tin vào những gì người khác nói thôi, “Đi xem con rắn trắng có hình một người đàn bà đi, đi xem cái hang với những tiếng tiêu tiếng sáo đi.” Sau này khi cô ấy mời ta đi xem những thứ này, ta bắt đầu kiếm có thoái thác, rằng ta mệt, bụng ta hơi bị đầy, chân ta sưng phồng đến nỗi không đi được. Ta nói những cái có này thường xuyên đến nỗi chúng trở thành sự thật. Những ý nghĩ *đạo mai*. Mọi chuyện xảy ra giữa ta và Huê Lan là thế đấy. Cô ấy trông cậy cả một cánh đồng hi vọng từ một cái hạt giống bé nhỏ của tưởng tượng. Mặc dù ta không biết điều này, với tất cả những cái có đưa ra để từ chối Huê Lan, ta bắt đầu mang thai.

## 10. LẠC DƯƠNG MAY MẮN

Khi chiến tranh nổ ra ta cũng không biết nữa. Bây giờ chắc con nghĩ mẹ con là một kẻ ngu đần – thiên hạ đánh nhau ầm ầm mà cũng không biết nữa.

Nhưng con phải biết là, không phải chỉ mình ta mà còn có nhiều người cũng không biết – không phải vì ngu ngốc mà vì bàng quan. Lúc đó cũng chả có ai bảo con điều đó. Và con cũng chẳng có nơi nào để hỏi những thông tin chính thức. Những ông chồng không nói gì với chúng ta. Chúng ta chỉ nghe hơi nổi chỗ thôi.

Nếu con đọc được một cái gì trên báo thì con cũng không thể tin dù chỉ một phần trăm. Báo chí chỉ nói những điều mà chính quyền muốn con nghe, chỉ những điều tốt đẹp về phía họ, những điều tồi tệ về phía địch. Ta không chỉ nói về những chuyện đang xảy ra ở Trung Hoa ngày nay. Điều đó đã xảy ra trong chiến tranh, thậm chí còn trước đó nữa. Có thể là bao giờ nó xảy ra như vậy, họ làm thế để cho mọi người thờ ơ, giống như một truyền thống làm xa lạ hóa mặc dù chẳng có ai gọi như vậy.

Vì thế mà chúng ta chỉ có được tin tức qua những chuyện ngồi lê đôi mách từ miệng người này qua miệng người kia. Chúng ta không nói về những chuyện đánh đấm nhiều. Chúng ta trao đổi về những gì ảnh hưởng trực tiếp đến chúng ta, cũng giống như mọi người ở nước Mỹ này – thị trường chứng khoán, vật giá lên hay xuống, cái gì đắt quá con không đủ tiền mua, những chuyện đại loại như vậy thôi.

Tất nhiên, bây giờ nhìn lại, ta biết cái gì đã khơi ngòi nổ chiến tranh. Con nghĩ nó bắt đầu ở Châu Âu phải không? Con xem, có thể con cũng không quan tâm đến điều này nốt. Nó bắt đầu ở Trung Quốc với tiếng súng đạn vào lúc nửa đêm ở Bắc Kinh, một vài người bị giết nhưng những người Nhật cũng bị đánh bại.



Con không biết điều đó phải không? Ấy vậy mà ta biết đấy. Có điều nghe những chuyện này ta cũng chẳng chú tâm lắm. Những chuyện đùng độ như thế trở nên thường xuyên trên lục địa Trung Hoa từ nhiều năm trước. Vì thế nó có vẻ chỉ là một sự thay đổi nhỏ, giống như tất cả chúng ta đều đồng loạt kêu ca cái nóng nực vào buổi sớm đầu hè hôm nay còn khó chịu hơn ngày hôm qua. Đó là điều mà ta nhớ về chuyện chiến tranh nổ ra, chỉ giống như chuyện thời tiết, cái không khí nóng ầm làm cho đầu óc ta cũng lơ lơ như đôi chân mệt mỏi của ta.

Suốt trong thời gian đó Huê Lan và ta chẳng nghĩ gì ngoài chuyện món ăn nào có thể làm mát ruột mát gan. Chúng ta bận bịu với việc quạt phàn phạch hoặc là đuổi ruồi với một cái quạt tua rua. Ban ngày chúng ta chẳng làm gì ngoài việc uống trà nóng, tắm nước lạnh, ngủ trưa rõ lâu, hoặc là ngồi ở ngoài hiên, chuyển cái ghế của chúng ta vào trong hiên khi mặt trời đi chuyển trên bầu trời, chiếm hết bóng râm của chúng ta.

Ta mệt mỏi thường xuyên, cảm thấy chẳng hào hứng trò chuyện gì. Huê Lan thì quàng quác luôn như một con chim lăm mồm. Cô ta nói cô ta biết chính xác tại sao ta cảm thấy khó ở. “Thức ăn họ phục vụ chẳng tươi gì cả, tất cả đều chua,” cô ta nói.

Khi thấy ta không bắt lời, cô ta lại tiếp tục kêu ca chuyện khác. “Ở dưới kia kia,” cô ta nói chỉ tay về hướng thành phố, “còn tệ hơn nữa bốc mùi kinh tởm như là nhà tắm với những con rận. Ở đây, mùi hôi thối từ các rãnh nước có thể làm cho mũi chị co lại.” Những kiểu nói chuyện như thế không làm cho bụng ta có cảm giác dễ chịu hơn chút nào.

Vào buổi tối các phi công, những người thầy huấn luyện trở về thiền viện ăn tối. Tất cả chúng ta ăn trong một sảnh lớn. Nhưng người Mỹ ăn thức ăn dọn trên những cái đĩa của họ. Quá nhiều thức ăn khó tiêu – tất cả chúng ta đều thì thào – trong thời tiết nóng nực như thế này. Chỉ nhìn thấy chúng ta cũng đã phát bệnh.

Huê Lan, Gia Huy cùng ăn với Văn Phú và ta. Chúng ta ăn tối cùng nhau như thế nhiều lần, ta nhớ ta đã nghĩ về sự khác nhau giữa chồng Huê Lan và chồng ta. Anh ấy lớn hơn Văn Phú, có thể là 10 tuổi hoặc hơn. Bởi vì anh ấy là sếp của Văn Phú, là đội phó, anh chắc chắn là nhiều quyền lực

hơn. Tuy vậy điều đó không hoàn toàn đơn giản như thế. Một tối chúng ta nghe Huê Lan rầy la Gia Huy, bảo anh ấy không được ăn cái này cái kia, bởi tình trạng gan ruột của anh ấy. Một đêm khác cô ta thông báo là đã tìm thấy cuốn sách mà anh ta đăng trí vớt đi đâu mất. Cũng một lần khác, cô ta nói rằng cô đã cố giặt những quần áo dơ của anh nhưng vết dơ trên quần của anh ta vẫn không sạch được. Nghe tất cả những điều này, Văn Phú và ta nhìn Gia Huy chờ xem những gì sẽ bùng nổ tiếp theo. Văn Phú đã bảo rằng tính khí Gia Huy nóng như lửa, rằng anh ta đã một lần ném một cái ghế vào một người phi công khác, chiếc ghế chỉ lướt qua người này trong đường tơ kẽ tóc. Nhưng mỗi lần nghe Huê Lan mắng mỏ, Gia Huy dường như không giận dữ hay mắc cỡ gì cả. Anh chỉ lơ cô đi giống như ta vẫn thường làm vậy. Anh tiếp tục vừa ăn vừa nói, “Dào ôi,” trong khi Huê Lan vẫn tiếp tục nổ lép bép hết chuyện này đến chuyện kia. Nếu Văn Phú có thể cấm ta chơi với Huê Lan, hẳn sẽ làm thế, ta chắc như vậy. Nhưng làm sao hẳn có thể bảo ta không thân thiện với vợ của sếp? Hẳn thường nói xấu Huê Lan, “Một người đàn bà như thế,” hẳn dè bủ, “chỉ là một con điếm mặt hạng, một con quỷ cái. Anh thà góa vợ còn hơn có một người vợ như thế.” Ta chẳng nói gì. Nhưng ta âm thầm ghen tị với Huê Lan. Chồng cô khoan dung với vợ dẫu rằng cô ấy chẳng phải là người lí tưởng. Nhưng ta cũng chẳng ngưỡng mộ gì Gia Huy. Ta thương hại anh ta, tất cả nhược điểm của anh ta đã bộc lộ trước mặt mọi người như thế đấy. Tất nhiên ta không biết những chuyện xảy ra trong cuộc hôn nhân của họ, tại sao anh ta lại để cô ta lòn mặt như vậy?

Sau bữa tối, cánh đàn ông, người Mỹ cũng như người Hoa sẽ ở lại trong phòng chung, đánh bài. Nếu cánh phụ nữ ra ngoài tìm một ngọn gió lạnh, muỗi lập tức reo lên vì sung sướng khi nhìn thấy chúng ta – vo vo vo – đuổi chúng ta trở lại vào trong nhà. Chúng ta ngồi quan sát bọn đàn ông đánh bài, ngồi giữa cái mùi thuốc lá và xì gà, mùi mồ hôi người ngoại quốc và rượu nặng của Trung Hoa.

Chứng kiến cảnh này, ta biết thêm một điều rằng chồng ta rất có uy thế với những người đàn ông khác. Có một người đàn ông bao giờ cũng dành cho hẳn một cái ghế ở gần cái quạt trần nhất. Một người đàn ông khác bao giờ cũng mời hẳn một li rượu hoặc một điếu thuốc lá. Văn Phú sẽ thưởng cho họ một tiếng cười hô hố rất kẻ cả trong khi đám tay thùm thụp lên bàn. Những người đàn ông khác sẽ cười theo, cũng nện lên bàn như thế. Một lần

ta nhìn thấy Văn Phú nhảy cẫng lên, nói to, “Muốn biết cái ông thầy Mỹ dạy tôi cái gì hôm nay không?” Hai người đàn ông khác cổ vũ hân hoan, sau mọi người cười chảy cả nước mắt ra, khi hân hoan ngực lên hai tay chống nạnh xoay lui, xoay tới sửa lên những câu vô nghĩa.

Ta nhận thấy sự ngang tàn cộng với sự bất cần của hân đã làm những người đàn ông khác kính nể, cũng muốn như hân, có cái vẻ yên hùng; không bao giờ nếm mùi thất bại, không hiểm nguy nào sờn. Người ta chắc phải tin vào điều đó khi làm bạn với hân, khi cười theo tiếng cười hào sảng của hân, cái cảm giác này cũng sẽ căng phồng trong lồng ngực của họ.

Nhưng hân cũng làm cho họ sợ, làm cho họ cảm thấy hân nguy hiểm như thế nào. Ta đã chứng kiến điều đó. Một lần hân nhảy ra khỏi một cái bàn hết sức giận dữ, làm cho mọi người hoảng sợ. Hân quát tháo một người đàn ông trẻ ngồi trước mặt hân, đập lên những quân bài, hỏi đi hỏi lại, “Có phải anh chơi xấu tôi không, có phải đây thực là quân bài của anh không?” Người đàn ông trẻ - trên thực tế tất cả những người đàn ông ngồi trên bàn ấy - không có khả năng nhúc nhích hoặc mở miệng nói một câu, trong khi chồng ta vẫn tiếp tục la hét ồn ào. Rồi trong khi vẫn đứng, hai tay tì lên bàn hân bất thành linh mỉm cười.

“Vậy thì tốt,” chợt hân thấy quân bài của hân ra. – Ui cha, hân đã thắng. Những người đàn ông nhìn nhau, cười rộ lên, đánh vào lưng người đàn ông bị buộc tội khi này, chúc mừng chồng ta trong cái trò đùa vừa rồi.

Huê Lan, Gia Huy, tất cả những người đàn ông khác trong phòng đều nghĩ là chồng ta mới thông minh, duyên dáng, vui vẻ làm sao. Ta cũng cười rất to, một tiếng cười gượng gạo. Ta biết rằng chồng ta đã chơi cái trò đùa rồi không phải chỉ với ta mà còn với bạn bè của hân. Ta cũng bắt đầu hiểu rằng, hân độc ác, xấu xa nhưng dường như không ai nhìn thấy điều đó. Vì thế có thể chỉ ta biết điều đó bởi vì ta không bàng quan. Những người phi công khác đều thông minh, tốt bụng, nhưng họ không nhìn thấy cái điều mà ta đã thấy. Hân buộc tội, hành hạ, la hét và dọa dẫm. Nhưng đúng đến cái lúc con nhận thấy không còn đường lui, hân sẽ mở một con đường thoát hiểm, thoát trở nên tử tế, khoan dung, tươi cười và hạnh phúc. Trở mặt như trở bàn tay, con người của hân là như thế. Tất nhiên chúng ta bị đẩy đến chỗ lúc nào cũng phải tìm cách làm hài lòng hân. Khi chúng ta không làm được

điều đó, chúng ta cố gắng hết mình để làm cho bản tánh tốt của hần quay trở lại. Sợ rằng chúng ta sẽ bị thua nếu không làm được như vậy.

Những buổi chiều mùa hạ, bầu trời đang trong sáng bỗng đen sầm lại, sầm chớp ì ầm nổi lên. Mỗi khi nghe thấy tiếng sấm Huê Lan và ta vội vã cùng nhau xách một làn đồ ăn nhỏ, một làn đồ thêu hoặc một cái gì đó đại loại như thế. Đó cũng là một cuộc phiêu lưu. Chúng ta sẽ bước nhanh trên con đường phía sau thiền viện, trèo lên ba dãy bậc thang cho đến khi chúng ta đến một cái đình nhỏ bốn phía trống trải tọa lạc trên một cái đồi nhỏ với cái phong là những quả đồi xanh ẩm ướt xa xa, một cái hồ dưới chân đồi, xa hơn nữa là một thành phố nhộn nhịp. Trên cái thiên đường nhỏ bé này chúng ta có thể ngắm cả cái thế giới được tắm gội cho đến khi chúng ta không còn nhìn thấy thành phố hay những quả đồi nữa, tất cả chỉ còn là một tấm màn trắng bạc của nước mưa cô lập chúng ta hoàn toàn. Cái đình này gọi cho ta nhớ đến khu nhà kính trên đảo. Nó làm ta nhớ nhà – dù không hẳn là cái nhà nơi thím Lớn, thím Nhỏ sống. Ta khao khát được trở về cái nơi mà ta đã từng ăn náu, nơi ta giả vờ bị lạc, khi ta tưởng tượng có ai đó đi tìm ta – Ta nhớ về cái kho báu sứt mẻ nhỏ bé đáng thương của ta: bức ảnh của mẹ, đôi cánh bướm bị vùi trong đất, một cái nụ hoa khô mà đã có thời ta tưới nước mỗi ngày nghĩ rằng nó có thể lớn lên thành một thiên thần trong trắng, làm bạn với ta trong mỗi trò chơi.

Tất nhiên ta không nói với Huê Lan về những cái trò chơi con trẻ ấy. Chúng ta lặng lẽ ngồi trong đình giống như hai phụ nữ có chồng chững chạc, nhưng ta cũng nghĩ rằng cả hai đang lục lọi trong kí ức cố nhớ lại cái gì đã làm cho chúng ta mất đi tuổi thơ nhanh chóng đến như thế. Ta nhớ một buổi chiều chúng ta ngồi trong cái thế giới nhỏ này, trong tiếng sấm chớp nhì nhảnh, mưa càng lúc càng đổ xuống nhanh hơn, mạnh hơn, dường như mưa không bao giờ tạnh. Có vẻ bất bình thường với cái cơn mưa nặng hạt, lâu hàng giờ như thế. Chúng ta nóng ruột, mặc dầu chúng ta cố không tỏ ra điều ấy.

“Chúng ta phải quay về thôi,” Huê Lan nói ngay lúc ấy. “Nhưng chúng ta làm thế nào mà về được? Đừng lo lắng chắc chắn là nó phải tạnh chứ,” ta nói. “Ai, nói gì về chuyện lo lắng? Chị đang nói chuyện với một người đã sống với lũ suốt cuộc đời, nước ngập đường, ngập đến ngang lưng em, trước khi em kịp uống một li trà.” Huê Lan cúi kính.

Trong khi ngồi đợi mưa tạnh, ta đọc tờ báo Thượng Hải cũ mà ta tìm thấy trong phòng ăn tối mấy ngày trước. Có rất nhiều chuyện giật gân: Một nghệ sĩ nổi tiếng dính líu đến một vụ xìcăngđan lớn, một ca sĩ Do Thái gốc Nga vừa đến từ Mãn Châu Quốc, hát cho một vở kịch nổi đình nổi đám. Cướp nhà băng, cũng cái nơi đã bị cướp trước đây 2 tuần. Một con ngựa Anh tên là *Đi thêm một dặm đường* đã thắng trong cuộc đua lần trước. Một quảng cáo cho loại thuốc Jellow có thể chữa được bệnh trầm uất, đầu óc chậm phát triển. Thím Lớn đã từng mua cho chú một chai thuốc lớn như thế. Không có nhiều tin về chiến sự, chỉ có một tuyên bố của Tướng Tưởng huênh hoang rằng Trung Quốc sẽ không nhượng bộ bất cứ điều gì với Nhật Bản dù chỉ một tấc đất.

Trong khi đọc báo ta giơ tay với cái giỏ đựng thức ăn vẫn còn nguyên từ trước tới giờ. Có lẽ mọi âu lo của ta về chiến tranh đã làm ta chán ăn. Ta thường không nuốt được gì cho đến khi ta thấy đói bụng. Phút này ta thêm ăn một thứ nhưng một phút sau đó ta đã không thể nuốt nổi miếng thứ hai, vào một phút khác ta lại muốn ăn một món gì khác! Thế là ta tích trữ mỗi thứ một ít, ta ăn tất cả mọi thứ, nếm nấp chút đỉnh tùy theo sự thèm ăn, tình trạng tiêu hóa của mình: một miếng cá khô mặn chát, một lát thịt bò ướp đường, dưa chua ngọt thậm chí cả bắp cải muối cay chặn đứng việc ăn uống bằng cách làm mất ta cay xè cho đến khi nước mắt trào ra. Những món đồ ăn ở đây các con gọi là snack.

Khi cả những món đồ ăn này cũng chưa đủ ta bảo Huê Lan mang theo chút gì để ăn nếu như cô ấy có món gì mặn mặn, giòn giòn. Đó là lúc Huê Lan bảo là ta đã có bầu.

“Em biết rõ mà,” cô ấy nói cứ như là cô ấy đã sinh hàng trăm đứa cho đời. “Đó là dấu hiệu chắc chắn về một cái gì đó trong người chị đang thèm nếm tất cả mùi vị trên đời. Chắc chắn là một đứa con trai căn cứ vào chuyện ăn dở của chị.”

Khi cô ta nói điều ấy, ta không tin. Ta mới 19 tuổi, vẫn còn ở tuổi đang phát triển. Huê Lan thậm chí còn ít tuổi hơn ta, làm sao mà cô ấy biết được? Không có gì hết, chẳng có đứa bé nào sẽ chui đầu qua núm ruột của ta hết.

Tuy vậy ta vẫn cảm thấy một cái gì đó, có thể là thèm muốn cho một đời sống có thể ăn tươi nuốt sống ta.

Lúc đó ta nghĩ, không, đó chỉ là sự bất hạnh của ta, bao giờ cũng muốn một cái gì khác hơn nữa, chẳng bao giờ hài lòng với những điều mà cuộc đời đã trao tặng cho ta. Thím Lớn cũng đã một lần nói rằng mẹ ta cũng như thế trước khi bà chết. “Lòng dạ lúc nào cũng sôi sục,” thím chỉ tay vào bụng, “không bao giờ thỏa mãn, bao giờ cũng tìm một quả lê trong khi mẹ con đã có trong tay 10 quả mận đã được chọn lựa kĩ càng.”

“Đó chỉ là cảm giác bất an ở bao tử,” ta bảo Huê Lan, “tất cả những cái này báo hiệu điều gì xấu sắp xảy ra.”

“Em đã bảo chị mà, đó là một đứa bé.” Ta lắc đầu.

“Một đứa bé,” cô ấy khẳng định, gật đầu.

“Em nghĩ chị không biết gì về đứa con trong bụng mình sao?”

“Vậy thì nói cho em nghe xem kì kinh cuối của chị là vào lúc nào?”

Mặt ta lập tức nóng bừng lên! Cô ấy nói to cái từ ấy, đơn giản cứ như là nói về bệnh ho, nhức đầu hay là chuyện một hạt bụi bay vào mắt.

“Chuyện này thì có liên quan gì đến con cái chứ?”, ta nói, Huê Lan cắn vào môi dưới cố nén cười.

“Mẹ của chị không nói gì với chị sao?” Ta cố gắng nhớ lại những điều thím Lớn nói với ta vào cái buổi sáng ta thấy kinh. Ta thức dậy, cảm thấy dinh dính trong người, vén cái áo ngủ lên nhìn xuống chân. “Có ai đó đã đâm tao mày à!” ta thì thầm với Peanut, nghĩ rằng đang sống trong một cơn ác mộng. Peanut nhìn thấy máu trên người ta, la lên. Nó nhảy xuống giường chạy ra ngoài sân, kêu choe choe “Nhanh lên! Vi Vi bị giết rồi cũng giống như mẹ nó. Nó sắp chết rồi! Cứu nó, cứu nó mau.”

Thím Lớn chạy ra khỏi phòng sau đó là thím Nhỏ, hai người đầy tớ, mấy đứa con trai em họ ta, sau họ là người phụ bếp, vung vẩy con dao phay

trong tay. Thím Lớn bước lại gần nhìn ta từ đầu đến chân, nhưng không có vẻ quan tâm lắm. Thím vẫy tay cho mọi người ra ngoài.

“Im mồm đi,” Thím Lớn nạt ta khi chúng ta còn lại trong phòng. Thím Nhỏ quay lại phòng với Peanut, nhìn ta với đôi mắt mở to.

“Xem đây, nó không chết đâu.” Thím Nhỏ nói, đưa cho ta miếng vải xô.

“Hãy nghe cho kĩ, cả hai đứa nghe chưa,” thím Lớn nói. “Chảy máu là một dấu hiệu, khi một đứa con gái bắt đầu có những ý nghĩ không trong sạch thì cơ thể tự nó sẽ phải tẩy rửa. Đó là lí do tại sao máu lại chảy ra nhiều như vậy. Sau này, nếu đứa con gái đó lấy chồng, bước chân vào một gia đình tử tế, nếu nó là một người vợ tốt, yêu chồng thì máu sẽ ngưng chảy.” Đó chính là những điều thím Lớn đã nói với ta. Như bà tiên đoán, một khi ta đã là một người vợ tốt thì ta không thấy kinh nữa.

“Úi da!” Huê Lan kêu lên, nhô toẹt xuống sàn khi ta kể cho cô ấy nghe điều đó, “ngớ ngẩn!”

Mưa vẫn rơi xối xả xung quanh mái đình. Buổi chiều hôm ấy Huê Lan bảo ta những điều kì cục nhất mà ta không thể tin. Làm sao ta tin được chứ. Cô ta là người ưa tin vào những điều lố bịch nhất. Cô ta nói rằng cơ thể một người đàn bà xây cái tổ trong nó mỗi tháng một lần. Cô ta nói rằng một đứa trẻ sơ sinh sẽ được chào đời qua con đường mà người đàn ông đã đi vào người đàn bà, những lời lẽ mới ngu xuẩn làm sao.

Sau đó cô ấy bảo cho ta biết cô ấy đã biết điều đó như thế nào. Cô ấy nói một lần cô ấy đã đỡ đẻ cho một cô gái. “Em nói với chị sự thật đây,” Huê Lan nói. “Em đã chứng kiến cảnh một đứa bé ra đời vào năm ngoái.”

Cô gái ấy, Huê Lan nói, đã đem lòng yêu một trong những phi công ở Lạc Dương gần cái làng mà Huê Lan và gia đình cô sống. “Cô gái khốn khổ này chỉ tìm kiếm một cơ may để thay đổi cuộc đời cô,” Huê Lan kể, “Nhiều cô gái làm như thế hi vọng kiếm được một ông chồng để thoát khỏi làng quê nghèo đói. Cô gái này như mọi cô gái khác trong làng, không lấy gì xinh xắn, đã có hôn ước hoặc với một lão nông hoặc một người thợ hàn nồi một mắt ở cuối làng, một cuộc sống được biết trước là sẽ phải làm lưng vát

vả cả đời, chẳng có một hi vọng gì về hạnh phúc. Vì thế khi cô gái này gặp một phi công, tất nhiên cô ta trao thân cho hắn – với một hi vọng thậm chí chỉ là một hi vọng mong manh để bầu vịu.”

Huê Lan có thể thấy rõ là ta không tin điều đó. “Em biết là chị khó mà tin nổi điều đó. Hoàn cảnh của chị khác. Chị bao giờ cũng tin chắc rằng chị sẽ cưới một người tốt, chẳng có gì phải lo lắng cho tương lai cả.” Cô ta nói như thể trách móc, buộc tội ta. Điều này làm cho ta nghĩ có thể cô ấy chính là người con gái ấy, người đã hiến dâng tất cả cho Gia Huy để kiếm lấy một cơ hội. May mắn thay cho cô ta, cái người đàn ông ấy đã trở thành chồng cô.

“Khi người con gái ấy sắp có con,” Huê Lan tiếp tục, “cô ấy nhờ em đi với cô ấy đến doanh trại phi công. Cô ấy đau đến nỗi chúng em phải dừng lại nhiều lần trên đường đi. Cuối cùng chúng em cũng đến doanh trại. Người tình phi công rất giận dữ khi gặp cô ấy. Hắn ta la hét om sòm đến nỗi những người khác phải yêu cầu họ ra ngoài. Em đứng bên ngoài, nhưng em nghe thấy hết.

“Cô ấy nài nỉ người phi công làm đám cưới với cô ấy. Hắn không chịu, cô ấy hứa đứa trẻ sẽ là con trai. Hắn ta nói hắn ta cóc quan tâm. Cô ấy nói anh ta có thể lấy cô ta làm thiếp, vai chính thất để lại dành cho người khác. Hắn cũng từ chối. Cô ấy kêu gào, trở nên điên loạn, chẳng còn biết mắc cỡ gì hết. Cô ta gào lên rằng cô ta chẳng còn trông mong gì trên đời nữa. Cô ta đã trao hết tất cả cho hắn ta. Rằng bây giờ cô không còn cơ hội lấy ai nữa, mọi người trong làng đều biết sự mua bán bản thiêu của cô. Gia đình sẽ đuổi cô đi. Đứa bé trong bụng cô sẽ không có bất cứ một cơ hội nào hết, một tương lai không có tương lai.

“Sau đó cô ấy hành động như một người điên, kêu gào, la hét om sòm chửi mắng hắn. “Mày đã giết cả hai mẹ con tao. Còn độc ác hơn là để chúng tao chết dần chết mòn. Nhưng sau khi chúng tao chết, chúng ta sẽ sớm gặp mày. Chúng ta sẽ kéo mày ra khỏi máy bay!”

Người phi công rất phần nộ khi nghe những lời nguyên chết chóc của cô gái. Hắn đánh cô ta làm cô ta ngã xuống va cái bụng bầu vào tay ghế và lăn xuống sàn. Cái tát ấy không giết cô. Cái tay ghế cũng không giết nổi cô ấy.



Nhưng trong khi cô ấy nằm lăn trên sàn thì đứa bé lại đòi ra. Cô ấy gào khóc, rên rĩ bò ngang như một con cua. Cô ấy khóc với đứa trẻ, “Đừng có ra bây giờ. Không có lí do gì để ra đòi con ơi!” và em chạy đến bên cô ấy. Em vén váy cô ấy lên và nhìn thấy chòm đầu đứa nhỏ, sau đó cả cái đầu nó lộ ra với một sợi nhau cuộn cổ. Mặt nó xanh như tàu lá, đôi mắt nhắm nghiền. Em cố gắng lôi đứa bé, lôi cái nhau ra. Em cố gắng dữ lắm. Nhưng cô gái cứ vặn vẹo liên tục. “Nằm im!” người phi công hét lên. Còn cô ấy nắm lấy tóc hẳn, không để cho hẳn đi.

“Lúc ấy thì cả ba chúng em đều la hét, chia nhau nỗi đau đớn này. Đứa bé lại thụt vào. Em phải cố lôi nó ra, trong khi cô ấy nắm tóc người phi công. Sau đó thì dường như không ai chịu đựng nỗi cảnh giằng co này nữa, cô gái ngã lăn ra và bắt đầu cào cấu. Cô ta lăn lộn quần quai. Cả thân hình cô run lên từng đợt. Cô hít một hơi dài, há miệng hóp hóp như thể cô không có đủ không khí để thở. Cô ấy thở hắt ra, rồi lại hít vào thật sâu một lần nữa, nhưng không, thế là hết, không có một hơi thở nào nữa. Thật là kinh khủng! Trước khi một cuộc đời bắt đầu, thì một cuộc đời khác lại kết thúc. Thế là cái đầu xanh như chàm chui ra khỏi cơ thể cô gái trở nên tím đen lại và chết.”

Huê Lan ngừng lại. Cô ấy vò nát một vạt áo, cắn môi. Ta nghĩ câu chuyện đã hết.

“Thật đáng buồn,” ta nói “chị nói đúng, chúng ta là những người may mắn.” Nhưng Huê Lan chưa kể xong. Cô khóc, “Em không biết là con trai hay con gái. Mẹ em không lôi nó ra để biết là trai hay gái. Bà nhất định không chịu để con gái bà sang thế giới bên kia với một cái bụng mở toang. Bà cũng không muốn cái đứa cháu ngoại đầu tiên bị cắt đầu. Thế là bố mẹ em chôn chị ấy với đứa trẻ nằm nửa trong nửa ngoài cơ thể mẹ nó.”

Huê Lan nhìn vào mặt ta, “Đó là sự thật,” cô nói vẫn còn khóc. “Đó là chị em. Người phi công ấy là Gia Huy, quá sợ hãi lời nguyên rủa của chị em mà phải cưới em.”

Ta nhìn cô, không thể thốt lên lời. Cuối cùng chính Huê Lan lại nói, lần này đã bình tĩnh hơn. “Em biết hẳn cưới em chỉ vì sợ hãi, sợ chị ấy sẽ quay lại lôi máy bay của hẳn xuống. Dù sao thì em cũng lấy hẳn, nghĩ rằng em sẽ

trả thù cho chị em. Tất nhiên bố mẹ em rất giận dữ với việc làm của em. Em phải nói đi nói lại với họ là em lấy hấn để làm cho hấn đau khổ trong mỗi một ngày còn lại của đời hấn, một sự nhắc nhở trường kì về chị em, nỗi bi thảm của chị ấy do hấn gây ra.

Nhưng làm sao mà em biết được rằng Gia Huy lại trở thành một người tốt, một người dễ chịu đến như vậy? Chị biết đó, chị đã biết rõ tính cách của anh ấy. Anh rất hối hận, rất buồn. Anh rất tử tế đối với em, mua cho em những bộ quần áo đẹp, dạy dỗ em cách sống và không bao giờ cười em. Làm sao em biết được anh lại tốt thế?” Huê Lan nhìn ra, bên ngoài trời vẫn còn mưa. “Đôi khi em tức anh ấy lắm”, cô lặng lẽ nói. “Đôi khi em lại nghĩ khác đi. Thật ra anh đâu giết chị ấy. Chị ấy dù sao cũng chết trong lúc sanh con dù có cười hay không cười. Thỉnh thoảng em lại nghĩ chị ấy giận em, con chị ấy thò một nửa ra ngoài đời, chị ấy nguyên rửa em vì đã cười cái người mà lẽ ra phải là chồng chị.”

Huê Lan và ta bắt đầu kể cho nhau nghe mọi chuyện, và giữ gìn những bí mật cho nhau như vậy đấy. Ta kể cho cô ấy trước về sự bàng quan của ta đối với thân thể ta. Cô ấy bảo cô ấy ao ước được trả thù như thế nào, mà cuối cùng lại được hưởng hạnh phúc. Ta kể cho cô ấy nghe về Peanut, làm thế nào mà lẽ ra nó mới là người cưới Văn Phú.

“Thế là cả hai số phận của chúng ta, đều thay đổi đúng thời điểm,” Huê Lan kêu lên. Ta chẳng nói gì. Ta mới chỉ nói cho Huê Lan nghe một nửa sự thật, bởi vì ta không biết là ta có may mắn không nữa.

Ta đợi cho đến nửa đêm mới nói cho Văn Phú biết về đứa bé. Chúng ta đã lên giường nằm. Hấn ôm lấy ta.

“Bây giờ chúng mình phải cẩn thận, em đang có bầu đấy”.

Hấn cau mày. Thế đấy, đầu tiên hấn không tin vào cái tin này. Thế là ta bảo hấn về chuyện ăn dở của ta, về những cơn nghén, bao nhiêu những dấu hiệu khác của một sự sống mới bắt đầu. Hấn vẫn không nói gì.

Có lẽ Văn Phú không muốn nói về những gì hấn cảm thấy. Dù sao thì hấn cũng không cho ta biết là hấn nghĩ gì. Có lẽ đại đa số các ông chồng sẽ

đi đi lại lại như một con gà trống khoe khoang với mọi người. Nhưng Văn Phú chỉ hỏi, “Có thật không?” Hấn bắt đầu cởi quần áo.

Bất thành linh hấn cúi xuống, ôm chặt lấy ta, hôn lên trán ta phà hơi thổi vào tai ta. Lúc đó ta đã nghĩ là hấn sẽ bảo ta là hấn quả thực rất hạnh phúc, rất hài lòng với đứa trẻ. Lúc đó ta cảm thấy rất cục thì ta cũng đã làm cho hấn vui lòng, ta rất sung sướng được là cái tổ cho những đứa con tương lai của hấn.

Nhưng cảm giác đó chỉ kéo dài một, hai phút. Văn Phú sờ vào đùi non của ta, tóc vấy lên. Hấn nghĩ cái quái gì thế? Ta chống cự một cách nhẹ nhàng, điều đó chỉ càng làm cho hấn vội vã hơn. Hấn cố gắng bạnh chân ta ra.

Ta nói, “Một đứa trẻ đang lớn lên trong bụng em, chúng ta không thể làm như vậy nữa.”

Tất nhiên, ta thật ngây ngô khi nói thế. Nhưng hấn không hiểu ta hoặc thông cảm với ta. Hấn chỉ cười và bảo ta là con bé quê mùa ngớ ngẩn.

“Anh chỉ muốn chắc chắn nó là thằng con giai,” hấn nói đoạn đẩy ta nằm ngửa ra giường, trèo lên người ta. “Dừng!” ta kêu lên. Sau đó thì ta kêu lên nữa to hơn, to hơn, “Dừng lại! Dừng lại!” Văn Phú ngưng lại, cau mày nhìn ta. Ta chưa bao giờ la hét chồng như thế. Có thể đó là vì đứa trẻ trong bụng ta. Có thể nó làm ta muốn tự bảo vệ. Nhưng hấn vẫn tiếp tục nhìn ta với ánh mắt đe dọa khiến ta cuối cùng phải nói “Em xin lỗi.” Không nói thêm một lời, hấn thực hiện nốt cái việc mà ta nài xin hấn dừng lại.

Ngày hôm sau ta lại giải bày tâm sự với Huê Lan một lần nữa. Ta nghĩ cô ta sẽ lắng nghe ta với đôi tai của chị em ruột thịt. Vì thế mà ta kể với cô ta rằng chồng ta có những “dục vọng bất bình thường,” một cái “ham muốn của con đực” không thể chịu đựng được. Hấn ta làm như thế hàng đêm, ngay cả sau khi ta đã bảo hấn là ta đang mang trong bụng đứa con của hấn. Ta hết sức lo lắng, bấn loạn – ta xin lỗi cô vì đã làm cô ấy bận lòng về những rắc rối của ta.

Huê Lan nhìn ta không biểu lộ điều gì qua nét mặt, Có thể cô ấy bị sốc vì những lời thú thật của ta. Cuối cùng cô ấy nói, “Hừm! Đó không phải là một vấn đề. Chị phải vui lên. Chị sắp có con rồi, phải không?” Giọng cô ta có vẻ mai mỉa. “Điều đó không làm hại gì đến đứa bé. Chỉ là một chút khó chịu đối với chị thôi. Chị không nên làm thế đối với chồng. Chị nên sung sướng vì anh ấy vẫn thèm muốn chị! Khi anh ấy không còn thấy hứng thú với chị, anh ta sẽ tìm đến chỗ khác. Lúc đó thì chị sẽ thực sự biết thế nào là bất hạnh trong đời sống vợ chồng.”

Bây giờ thì đến lượt ta sưng sờ. Ta đã nghĩ cô ta phải tỏ ra cảm thông với ta, thế mà cô ta lại trách móc ta chứ. Mà cô ta đâu có thôi cho.

“Tại sao chị lại nghĩ một việc tốt thành việc xấu vậy?” cô ta nói. “Nếu chị nghĩ đến một món ăn nào đó nấu sẽ không ngon, thì tất nhiên, khi nếm chị sẽ thấy là nó chẳng ra gì.” Con không bao giờ nhìn thấy mặt này ở dì Helen phải không? Bây giờ thì con biết dì ấy cũng có thể trở nên ác độc! Dì ấy chỉ biểu lộ điều đó với ta. Ta không biết tại sao. Hoặc có thể ta là người duy nhất để cho dì bộc lộ cái nét tính cách đó.

Con biết ta nghĩ gì rồi? Ta nghĩ cô ta nói thế khi có một cái gì làm cô ta bức mình mà không thể nói ra. Cô ta giấu nó đi bằng cách trở nên độc đoán, hống hách. Ngày hôm đó, khi cô ta nói điều đó ta cảm thấy đau đớn lắm. Cô ta làm cho ta cảm thấy mình nhỏ nhoi đến mức chả là cái gì cả. Ta không phát hiện ra được mãi cho đến mấy năm sau, cái lí do cô nói thế. Ta không biết rằng cô ta đang giữ một bí mật trong lòng, chỉ để cho nỗi giận dữ thoát ra. Nhưng ta sẽ kể cho con chuyện đó sau.

Cũng ở trên cái đình nhỏ này, một tuần sau đó, ta biết chắc rằng chiến tranh đã bùng nổ.

Huê Lan bắt đầu gà gât sau bữa trưa. Một cơn mưa lớn sẽ bắt đầu, ta quyết định một mình đi lên đình viết thư cho Peanut. Ta sẽ kể về những điều dễ chịu: những cảnh thú vị mà ta đã chứng kiến, những chiếc thuyền trên hồ, những đền chùa ta đã viếng thăm. Ta nói có thể chúng ta sẽ sớm quay về nhà, có lẽ là vài tháng nữa. Ta nói có thể trở về Thượng Hải vào năm mới lúc ta hi vọng sẽ khoe với mọi người đứa con trai bé bỏng.

Đúng lúc đó ta nhìn thấy Huê Lan chạy về phía đình, bộ quần áo ướt dán chặt vào thân hình mập mạp của cô có vẻ gì trông rất tục.

“Họ đang bay đi! Sẵn sàng rời khỏi đây!” cô ta hét lên thậm chí trước khi chạy đến bên ta. Chennault đã ở căn cứ không quân, những người lãnh đạo Trung Quốc sẽ từ miền Bắc, miền Nam bay đến. Tất cả các phi công đã được tập trung. Ai cũng nói một điều: Không có thời gian để chuẩn bị nữa. Phải sẵn sàng lên đường. Huê Lan, ta nhanh chóng trở về thiền viện vẫn ướt như chuột, chuẩn bị đồ đạc cho chồng. Ta cẩn thận cho quần áo sạch của Văn Phú cùng vợ, cái mền đẹp đẽ, tốt nhất vào một cái túi du lịch. Tay ta run run. Tim ta đập loạn lên. Chiến tranh đã nổ ra. Văn Phú có thể chết. Ta có thể không được nhìn thấy hắn lần nữa. Ta tự hỏi không biết ta đã yêu Văn Phú chưa, hay chỉ bây giờ mới nhận ra điều đó.

Một chiếc xe tải bấm còi inh ỏi, báo cho chúng ta biết đã đến giờ lên đường đi đến căn cứ không quân. Ta chạy đến phòng Huê Lan gọi cô ta. Ta thấy cô ta còn chưa chuẩn bị xong. Cô ta đưa tay sờ soạng ngăn kéo bàn, sau đó là mái tóc mình. Cô ta khóc lóc, bối rối, lẩm bẩm một mình: “Bức ảnh cô dâu xinh đẹp của tôi đâu? Cái bùa may mắn đâu? Cuốn sách mà anh ấy hay bỏ quên đâu rồi?”

Ở phi trường không ai nói cho chúng ta biết là các ông chồng sẽ bay đi đâu. Tuy vậy chúng ta có thể nhìn qua màn mưa: bầu trời xanh, những làn mây trắng. Chúng ta rất phấn khích, tự hào. Một người dẫn chúng ta vào một căn phòng nhỏ ảm thấp với một cái cửa sổ nhỏ xộc xệch làm cho mọi thứ bên ngoài trông nhỏ bé, nguy hiểm. Mưa như trút xuống phi đạo nhỏ hẹp. Phi công đứng dưới cánh máy bay. Một ai đó chỉ vào cánh quạt.

Một người đàn ông chạy đến mang theo một cái hộp đồ nghề. Gia Huy đi từ chiếc máy bay này đến chiếc khác, tay cầm một tờ giấy lớn, có lẽ là một tấm bản đồ bay phân phát trong gió, lúc này dường như muốn bay lên khỏi mặt đất.

Sau đó chúng ta thấy chân vịt bắt đầu quay, động cơ kêu to hơn. Ta cố gắng đấu tranh thật gắng để không nhìn vào ai khác, không nói điều gì, không để bất cứ một từ không đúng chỗ nào bật ra khỏi họng, một lời có thể

mang xui xẻo đến cho mọi người. Ta nghĩ ai cũng thế, im lặng, không nhúc nhích, chẳng chắc chắn về điều gì.

Nhưng khi những chiếc máy bay từ từ cất lên khỏi mặt đất Huê Lan bắt đầu vẫy tay. Mưa gió, hơi nước, khói cuộn chung quanh vì thế những chiếc máy bay trông như là chuyển động trong một giấc mơ kì quặc: Huê Lan vẫy tay mạnh hơn mạnh hơn, nước mắt trào ra dàn dụa. Những chiếc máy bay chạy xa dần trên phi đạo. Lúc đó cô ấy vẫy tay kịch liệt hơn, điên cuồng, giống như một con chim bị thương cứ như thể cái nỗ lực ấy cùng tất cả ước muốn, hi vọng của cô sẽ nâng họ lên khỏi mặt đất một cách an toàn, hết chiếc máy bay này đến chiếc máy bay khác, đưa họ đến thẳng lợi.

Tất nhiên, sáng ngày hôm sau chúng ta được tin về những chuyện xảy ra.

## 11. TAN ĐÀN XẺ NGHÉ

Con có nhớ cái cô gái hộm hĩnh, cái người mà ta và Huê Lan đã múc nước tắm cùng? Cô ta là người nói cho chúng ta biết những chuyện xảy ra ở Thượng Hải, nơi lực lượng không quân bay đến để cứu đất nước.

Cô ta bước vào phòng ăn, nơi chúng ta đang ngồi quanh chiếc radio. Chúng ta đã nghe tin các ông chồng vẫn sống, bây giờ chúng ta nghe những tin chiến thắng. Tai mọi người dựng lên hết, sẵn sàng thu nhận tất cả các mỹ từ của cái tin tốt lành này.

“Các chị đang nghe,” cô ta nói với một giọng chua chát, “những điều dối trá.” Mọi người quay lại nhìn cô ta.

Chúng ta thấy đôi mắt đỏ hoe như mắt quý.

Sau đó cô ta thông báo với chúng ta. Người phi công bao giờ cũng nhường cái ghế ở gần cái quạt trần nhất cho chồng ta đã chết. Người thanh niên mà chồng ta đã hét lên trong cái trò đùa giỡn của hắn, cũng chết nốt. Chồng của cô gái hộm hĩnh này cũng đã sang thế giới bên kia. “Các chị nghĩ là các chị may mắn bởi vì chồng các chị vẫn còn sống sót,” cô ta nói, “đừng vội mừng.”

Rồi cô ta kể những chiếc máy bay đã bay đêm khuya hôm qua về phía cảng Thượng Hải, về những cái tàu Nhật Bản. Quân ta dự định gây cho quân Nhật một sự bất ngờ. Nhưng trước khi họ kéo đến thì máy bay Nhật đã bổ nhào xuống từ bầu trời đen kịt phía trên – rõ ràng đã biết trước là máy bay của ta đang bay tới. Chỉ có những phi công của ta là bị bất ngờ, hoảng hốt, vội vã ném bom xuống. Một sự vội vã tai hại, ném bom ở cự li rất gần với mặt đất. Thế là bom trút xuống Thượng Hải đêm hôm ấy, rơi lên những mái nhà, những cửa tiệm, những chiếc xe chạy trên đường, lên hàng trăm

người, toàn người Trung Quốc. Còn quân Nhật – những tàu chiến của địch vẫn bình an dập dềnh trên sóng.

“Chồng các chị không phải là anh hùng. Tất cả những thường dân vô tội, những người phi công ấy, cũng như chồng tôi đã chết một cái chết oan uổng,” cô ta nói, rồi bỏ đi. Tất cả chúng ta đều cảm lạnh.

Huê Lan phá vỡ sự im lặng. “Làm sao chị ấy biết chuyện gì đã xảy ra chuyện gì không xảy ra?” Cô ta hỏi giọng giận dữ, rồi lại nói tiếp, giọng nhẹ nhõm vì Gia Huy của cô ta vẫn sống sót. “Ít nhất thì điều đó cũng đúng,” cô ta nói.

Con tưởng tượng được không? Trước mặt mọi người cô ta để lộ ra nỗi vui mừng của mình, chẳng coi ai ra gì. Sao mà cô ta lại có thể không ngại ngần phô ra những ý nghĩ ích kỉ như thế.

Nhưng ta không trách Huê Lan về cách cư xử vô ý thức. Ta cố gắng chinh cô ấy, về đàn chị: “Nếu chị ta nói thật, thì chúng ta nên suy nghĩ về thảm kịch này. Nhưng ta nên tỏ ra nghiêm túc, không để lộ niềm vui của mình ra.”

Cái vẻ hạnh phúc lộ ra trên mặt Huê Lan nhanh chóng biến mất. Miệng cô ta há ra để cho ý nghĩ này lọt qua, chui vào đầu. Ta nghĩ tốt, dù cô ấy vô học nhưng cô ấy cũng nhanh chóng học được một điều gì mới.

Nhưng sau đó với đôi lông mày cau lại, khuôn mặt cô sa sầm như một áng mây giông. “Cái kiểu suy nghĩ ấy – em thực không hiểu,” cô ấy nói. Vì thế ta lại giải thích: “Chúng ta phải quan tâm đến toàn cục, không chỉ nghĩ đến chồng chúng ta. Một cái gì đó tệ hại hơn có thể xảy.”

“Ái da! *Đạo mai!*” cô ta kêu lên, lấy tay bịt miệng. “Sao chị có thể dùng những từ xui xẻo như vậy để đầu độc tương lai của mọi người?”

“Đó không phải là chuyện xui xẻo,” ta cự lại. “Tôi chỉ nói rằng chúng ta phải thực tế. Đang là chiến tranh. Chúng ta cảm nhận bằng trái tim mình, nhưng cũng phải dùng cái đầu của mình một cách sáng suốt trong mọi hoàn



cảnh. Nếu chúng ta giả vờ rằng nguy hiểm không còn nữa, làm sao chúng ta tránh được chứ?”

Nhưng Huê Lan không còn nghe ta nữa. Cô ta kêu khóc, “Em sẽ không bao giờ nghe những lời lẽ độc địa như vậy nữa. Nghĩ như vậy thì ích gì chứ những ý nghĩ xấu chỉ kéo theo những việc xấu”.

Cứ thế cô ta lu loa như một mụ điên. Bây giờ nhớ lại điều này, ta biết rằng tình bạn của chúng ta đã có những rạn nứt, những lộn cộn từ ngày đó. Huê Lan đã hủy hoại sự tương hợp giữa hai người. Con phải biết rằng ngày ấy cô ta đã cho ta thấy con người thật của cô ấy. Cô ta chẳng phải là người bộc tuệch, bộc toạc dễ thương như cô ta làm cho mọi người tin là như vậy đâu. Cô gái này có thể ném ra những lời bông rât, cắt ngọt như bất cứ lưỡi dao nào.

“Chị nói là thảm họa cũng sẽ xảy ra đến cho chúng ta. Chị nói là một người nữa có thể chết,” cô ta hét lên. “Tại sao chị không thể hạnh phúc với những cái chị đang có trong tay?”

Con tưởng tượng nổi không? Cô ta buộc tội ta trước mặt mọi người. Ném ra một câu hỏi chỉ có thể có một câu trả lời sai được thôi, khiến mọi chuyện xoay ra ta là người đã ăn nói bậy bạ. “Tôi không nói thế,” ta trả lời ngay. “Chị bao giờ cũng mong những điều tệ hại nhất.”

Lại ăn nói láo lếu! “Không phải như vậy,” ta đáp. “Tính thực tế không phải là những ý nghĩ xui xẻo.” “Nếu như có năm cách để nhìn nhận một sự việc,” cô ta nói tiếp xòe năm ngón tay ra, sau đó thì lấy bàn tay còn lại đâm vào như thể đó là một cây củ cải thôi, “chị bao giờ cũng nhìn theo cách xấu nhất.”

“Không phải như vậy. Tôi chỉ muốn nói rằng hạnh phúc của chúng ta không có gì đảm bảo trong suốt cuộc chiến tranh này. Nó chẳng là gì cả. Nó không ngăn cản được chiến tranh.” Ta giận sôi lên không còn hiểu là mình đang nói gì nữa.

Huê Lan và những người phụ nữ khác nhìn ta chăm chăm. Không một ai trong số này bước ra can ngăn, “Các chị ơi. Các chị đều đúng. Các chị hiểu

lầm nhau.” Ta có thể thấy rằng những lời lẽ mạnh mẽ của Huê Lan rõ ràng đã ảnh hưởng xấu đến suy nghĩ của họ, để lại những hố lớn mà không sự hiểu nào có thể lấp đầy. Chẳng ngạc nhiên gì là họ đã không thấy được luận điểm của Huê Lan lô bịch như thế nào.

Vì thế ta nói, “*Toán liêu* – Quên điều đó đi!” Ta bỏ về phòng mình. Nhớ lại điều này, ta vẫn còn giận lắm, đó là bởi vì cô ta không hề thay đổi. Con có thể thấy rõ điều đó. Cô ta vẫn cho mọi thứ xoay quanh cái cách nghĩ của cô ta. Nếu một cái gì đó tồi tệ cô ta có thể làm cho nó như là tốt đẹp. Nếu một cái gì đó tốt cô ta sẽ làm cho nó thành xấu. Cô ta cự lại bất cứ những gì ta nói. Cô ta làm cho ta cảm thấy mình là một người làm gì cũng sai. Sau đó ta lại cãi cọ với chính mình để hiểu điều gì thực sự là đúng.

Dù vậy sau buổi cãi nhau hôm ấy, ta giận dữ đến nỗi chỉ có thể ngồi trên giường mà nghĩ về những lời móc máy của Huê Lan. Ta tự nhủ cô ta là người bao giờ cũng nói những lời ngu xuẩn. Cô ta là người để cho mọi người cười nhạo sau lưng. Khi không muốn nghe bất cứ lời nào của cô trong đầu nữa, ta tìm một cái gì đó để làm. Ta mở một cái ngăn kéo, lấy ra một miếng vải mà thím Nhỏ đã cho ta đó là một loại vải cotton dệt của cha ta. Một miếng vải màu xanh nhạt có những vòng tròn nhỏ màu vàng, một loại vải sợi nhẹ, phù hợp may một cái áo đầm mùa hè. Ta nghĩ ra một mẫu áo trong đầu, rất mới trong kí ức của ta, một cái áo đầm mà ta đã thấy ở Thượng Hải phát phơ trên người một cô gái vô tư.

Thế là với hình ảnh ấy trong đầu, ta bắt đầu cắt miếng vải. Ta hình dung cô gái ấy bông bênh trong chiếc áo màu xanh lá cây tất cả bạn bè ngưỡng mộ thì thầm với nhau rằng áo của cô cũng tuyệt vời như phong cách của cô. Nhưng sau đó ta lại thấy Huê Lan chỉ trích cái áo, với cái giọng oang oang, “Chồng vừa chết đã lo ăn diện.”

Ngay lập tức ta phạm sai lầm, cắt cái ống tay áo quá rộng. Đó là vì ta vẫn còn giận dữ. Xem cô ta đã làm gì! Ảnh hưởng đến sự tập trung của ta. Tệ hơn – xoắn lấy đầu óc của ta, đặt một suy nghĩ tồi tệ vào đấy. Một suy nghĩ rất tệ hại như vậy, chưa bao giờ ta tưởng tượng trong đầu! Chưa bao giờ - nhưng bây giờ nó đã xảy ra, đuổi theo ta. Ta hình dung một lúc nào đó, không quá xa, Huê Lan sẽ nói với ta, “Xin lỗi, chồng chị đã bị chết. Thật xui là anh ta đã bị rơi máy bay.”

“Ồ không, không,” ta tự nói với mình. “Phật bà sẽ không bao giờ để cho anh ấy chết.” Nhưng ta càng cố đẩy ý nghĩ ra khỏi đầu bao nhiêu thì nó càng đấu tranh ở lại bấy nhiêu. “Anh ấy đã chết,” Huê Lan nói. Cô ta chắc chắn sẽ mỉm cười khi nói với ta điều đó. Ta sẽ giận dữ, la hét như cô gái hờn hĩnh mới mất chồng.

Nhưng sau đó ta nghĩ: có lẽ ta sẽ khóc, và trông buồn cười lắm, cảm thương cho đứa trẻ mất cha của ta. Phải điều đó thích hợp hơn.

Một lúc sau ý nghĩ của ta lại chạy sang hướng khác. Ta có nên trở về đảo sống với thím Lớn, thím Nhỏ không. Có lẽ không, nếu ta cưới một người khác. Sau đó ta quyết định, lần sau ta sẽ tự chọn bạn đời cho mình.

Ta ngừng tay khâu – ta đang nghĩ cái gì vậy? Đó là lúc ta nhận ra rằng ta thực sự mong muốn Văn Phú chết. Ta không nghĩ đến điều đó bởi vì ta căm ghét hắn. Không phải thế. Đó là sau này khi hắn trở nên ngàn lần xấu xa hơn. Nhưng đêm ấy, trong căn phòng của ta, trong suy nghĩ của ta, ta tranh luận với chính mình. Đôi khi một cô gái có thể mắc sai lầm. Thỉnh thoảng một sai lầm có thể được cứu vãn, một cuộc chiến tranh sẽ thay đổi nó mà không ai có lỗi hết. Một sự việc không may có thể được thay đổi. Và thế là ta hoàn thành việc may áo. Ta cắt những sợi chỉ lược. Ta tròng cái áo qua đầu và lúc đó, bụng và ngực ta bắt đầu to ra vì đứa bé. Ta xỏ một tay vào trước khi nhận rằng ta đã bị kẹt.

Ta nghĩ – ôi chắc con buồn cười lắm nhỉ, mắc kẹt trong cái áo của ta, mắc kẹt với chồng ta, mắc kẹt với Huê Lan bạn của ta. Đôi khi ta tự hỏi tại sao cô ấy vẫn là bạn ta, làm thế nào chúng ta vẫn làm ăn với nhau được.

Có thể là bởi vì chúng ta đã đấu tranh với nhau quá nhiều trong những ngày ấy, có thể chúng ta không có ai khác để bầu bạn thế là chúng ta bao giờ cũng tìm ra được lí do để làm bạn. Có thể những lí do này vẫn còn. Dù sao thì đây là những điều xảy ra trong lần cãi nhau ấy. Vài ngày sau lực lượng không quân thông báo rằng họ sẽ đưa chúng ta đến Dương Châu nơi chúng ta sẽ sum họp với chồng. Nghe cái tin này vào bữa ăn sáng mọi người tỏ ra nghi ngờ. Chúng ta nghĩ rằng bom sẽ rơi xuống ngay chỗ chúng ta ngồi. “Một chuyện gì xấu đang đến gần,” ta nói, “đó là lí do họ đưa

chúng ta đi khỏi.” Một trong những phụ nữ khác, Lý Dung nói, “VẬY tại sao chúng ta phải đi ngay. Tại sao chúng ta không dờ lại hai hôm?”

Một người phụ nữ khác Mai Ly nói tại sao lại đến Dương Châu, bom đạn cũng có thể trút xuống đó.

“Dương Châu không phải là nơi quan trọng,” ta nói ra những suy nghĩ của mình, “một thành phố mà quân Nhật không bao giờ muốn đến sẽ là nơi an toàn.” Con thấy ta suy nghĩ logic như thế nào. Ta không nói ta không thích Dương Châu. Sao ta lại nói thế? Ta đã đến đó bao giờ đâu.

Ngay lập tức Huê Lan nói ngược với ta, “Tôi nghe nói rằng Dương Châu đẹp lắm, nhiều thứ để xem,” cô ta nói, “nổi tiếng vì phụ nữ đẹp, mì thì ngon hết xẩy.”

Ta biết chắc rằng ta sẽ không bao giờ gặp những phụ nữ đẹp như thế cũng không bao giờ nếm món mì như thế. “Tôi không nói rằng nó không phải là thành phố đẹp,” ta giải thích cặn kẽ, “tôi chỉ nói rằng đó không phải là thành phố tốt đối với người Nhật. Cái mà người Nhật muốn không giống với cái mà người Trung Quốc muốn.”

Thế là chúng ta chuyển đến Dương Châu vào cuối mùa hè, vài tuần sau khi chiến tranh nổ ra. Chúng ta đi đường thủy bởi vì ở nhiều nơi đường bộ và đường tàu hỏa bị phá hủy. Đến nơi ta đã nhìn thấy một thành phố đúng như ta đã hình dung, một nơi mà phát xít Nhật không bao giờ muốn đặt chân tới. Nhà mới của chúng ta cách Thượng Hải nửa ngày đường về phía tây bắc. Thượng Hải, thành phố tốt nhất thế giới rất hiện đại, còn Dương Châu thì hoàn toàn trái ngược, một nơi mông muội không có lấy một ngôi nhà cao tầng, chỉ có những ngôi nhà một tầng, có thể có vài ngôi nhà hai tầng ở những khu vực quan trọng. Ai mà biết được tại sao Đỗ Phủ và những nhà thơ cổ điển lại viết và làm thơ về nơi này? Với ta, thành phố này dường như làm toàn bằng bùn và bụi.

Lực lượng không quân tìm cho chúng ta một ngôi nhà tương tự trong thành phố, bùn đất và bụi bẩn, chia làm bốn phòng, một cái bếp dùng chung với bốn cái bếp xài than đá cổ lỗ sĩ. Khi chúng ta nhìn thấy chốn này tất cả chúng ta đều sững sờ.

“Chiến tranh mà,” cuối cùng ta nói với những người khác, “tất cả đều phải hi sinh thôi.” Lý Dung, Mai Ly ngay lập tức gật đầu biểu đồng tình. Huê Lan quay mặt đi.

Sau đó cô ta bắt đầu xem xét mọi thứ, chê bai tất cả những gì nhìn thấy. “Úi,” cô ta chỉ tay vào một chỗ tường bị rạn nứt. “Ồi” cô ta chỉ vào một bức tường khác nơi những con bọ đang đậu xung quanh điểm mặt trời chiếu vào. “Eo ơi,” cô ta dậm chân lên sàn nhà, “nhìn xem bụi bốc lên trên sàn, đuổi theo chân em như thế nào.”

Ta nhìn qua, tất cả mọi người đều nhìn. Ta muốn la lên, các chị xem cô ta thế nào đây. Cô ta luôn than phiền còn tôi thì không. Nhưng ta thấy rằng ta không cần phải nói một lời, Mai Ly, Lý Dung, họ có thể nhìn rõ Huê Lan như thế nào.

Buổi chiều một cô gái nấu bếp, và một người phục vụ tới. Lực lượng không quân chỉ cung cấp một người phục vụ, vì thế chúng ta phải chia sẻ với nhau. Người đầu bếp là một cô gái địa phương, với khuôn mặt to, hồ hởi. Công việc của cô ta là giữ cho những cái lò than rực lửa, thái rau, giết gà, làm cá, dọn dẹp mọi thứ khi chúng bắt đầu bốc mùi.

Người giúp việc thuộc về lực lượng không quân, một người đàn ông đứng tuổi mà chúng ta gọi là Cần vũ binh một từ thông thường gọi một người lính thông thường, cái người chỉ đánh nhau bằng chổi, chỉ chống lại ruồi nhặng. Ông ta là một người nhỏ thó, mỏng mảnh trông như thể chân tay ông ta sẽ bị gãy nếu như ông phải mang cái gì quá nặng. Ông ta cũng hơi điên điên. Khi làm việc ông ta thường nói chuyện một mình; tưởng tượng rằng ông ta là một sĩ quan cao cấp buộc phải nhận một cái lệnh quái gở. “Đập nệm giường! Rửa sạch cái này!”

Đó là lúc ta biết được Huê Lan ra lệnh cho Cần vũ binh trộn sáu cái lòng trắng trứng vào trong một xô bùn.

“Lấy công thức kì cục này từ trong không khí,” ta nghe ông ta lầm bầm một mình, ta nghĩ vậy. “Phết cái chất này lên sàn, cô ta bảo thế, chắc là gió

đã thổi nảo cô ta ra ngoài! Chắc nghĩ là cô ta ăn sắn nhà hăn. Chắc nghĩ là nó giống như một cái bánh to ngon lành hă!”

Ta bảo Lý Dung, Mai Ly điều mà Cần vũ binh đã nói. Ta phải làm vậy. Điều gì sẽ xảy ra nếu Huê Lan điên rồ đến mức quyết định thiêu cháy nhà? Những người phụ nữ khác cũng có những điều kì lạ báo lại mấy ngày sau, Huê Lan ra lệnh cho Cần vũ binh đổ món súp trứng này lên sắn trong ba ngày liền. Khi các loại súp này đã khô mặt, cô ta lại bắt ông già nấu hồ bằng gạo, bunn. “Đổ lên tường trong phòng cô ta ấy. Nói là nó được nấu xong xuôi rồi,” ông nói. Hết thấy chúng ta đều le lưỡi. Huê Lan đáng thương!

Nhưng vài ngày sau Cần vũ binh chẳng nói năng gì nữa. Ông ta thực hiện công việc của mình một cách lặng lẽ, chỉ than rằng người bán hàng đã lừa ông, bán cho ông ta một con ngỗng quay được bom phòng lên khi ông ta chặt nó, nó xì xuống chỉ còn một nửa.

“Đừng lo lắng về chuyện con ngỗng,” ta nói. “Đó không phải là lỗi của ông.” Bởi vì không thể nhận được vì tò mò, ta thăm dò, “Còn hơn là món súp bunn phải không?”

Cần vũ binh cau mày nhìn ta, “Xin lỗi cô,” ông ta thận trọng đáp. “Tôi nghe không rõ.”

Ta gật đầu về phía phòng Huê Lan ở dãy bên kia, “Cái món súp cô ta bắt đầu nấu ấy, chắc là chẳng ngon lành gì phỏng?”

“Tôi xin lỗi cô,” ông ta nói. “Ngày hôm nay tại tôi có vấn đề, tôi chẳng hiểu gì hết.”

Vì thế ta nghĩ ra có đi tìm Huê Lan, để tận mắt xem cô ta điên rồ như thế nào. Ta nhặt cái kim móc tốt nhất trong giỏ khâu của mình lên.

“Đây là cái kim của chị phải không?” Ta nói khi cô ta bước ra cửa, “tôi tìm thấy trên sắn bên tôi, không biết có phải của chị không?” Trong lúc Huê Lan nhìn cái kim móc, ta quan sát cô ta đã làm gì với trứng trộn, súp bunn. Sắn nhà có một màu vàng cứng ngắc, bóng lộn như men sứ, không một vết

bụi. Các bức tường trước cũng lồi lõm, nứt nẻ như tường bên nhà khác – bây giờ thì láng bóng, sạch sẽ, không một con côn trùng nào có thể đậu lên.

Trong lúc ta chú mục vào sự thay đổi này, Huê Lan tuyên bố, “Chị nói đúng. Đây là cái kim móc của em. Em đã đi tìm đúng cái này mấy hôm rồi.” Chiều hôm đó, Huê Lan giúp ta làm lại tường, sàn nhà. Ta để cho cô ta vá víu mọi chuyện giữa chúng ta theo cách này: sửa chữa một chuyện này để có thể hàn gắn một chuyện khác. Cô ta biết là ta sẽ để cô ta làm điều đó. Bởi vì cô ta lấy cái kim móc mà cả hai chúng ta đều biết nó là của ai.

Ta không biết vì sao ta nói quá nhiều về Helen. Đây không phải là câu chuyện về dì ấy, mặc dù dì ấy là lí do ta kể cho con nghe về đời mình. Nếu Helen kể cho con nghe về ta, dì có thể nói là ta đã không cố gắng hết sức để vun đắp một cuộc sống gia đình hạnh phúc. Để ta nói con nghe. Ta đã cố gắng nhiều lắm.

Một hai tuần sau khi đến Dương Châu, các ông chồng trở về nhà, ta nấu cho Văn Phú một bữa ăn thịnh soạn. Một bữa tiệc không chỉ mừng Văn Phú mà còn cả những bạn bè phi công của hắn; năm, sáu người từ khóa hai, khóa ba.

Những người này thích tính rộng rãi của Văn Phú, cái cách hắn nói. “Đến chỗ tôi nghe! Các anh có thể ăn bất cứ món gì các anh muốn!” Hắn mời họ đến có cả Gia Huy. Vì thế tất nhiên ta mời cả Huê Lan, Lý Dung, Mai Ly cũng như là chồng họ. Như vậy ta làm một bữa tiệc cho 14 người. Huê Lan ngỏ ý muốn giúp ta đi chợ, nấu nướng. Bởi vì có rất nhiều việc phải làm, ta từ chối một cách chiếu lệ trước khi vui lòng để cô ta giúp một tay.

Ta dùng một phần trong số tiền hồi môn, tiền mà cha ta cho trong ngày cưới mua sắm thức ăn. Không, gia đình Văn Phú không cướp mất của ta số tiền này. Cha ta rất khôn ngoan. Ông đã mở một tài khoản đứng tên ta trong ngân hàng, 4000 tệ. Sau đám cưới ta rút ra 2000 tệ. Lúc ở Dương Châu ta vẫn còn lại 100 tệ.

Văn Phú kiếm được 70 tệ một tháng. Đó là mức lương cao có thể là gấp hai lần một thầy giáo phổ thông. Nhưng Văn Phú chỉ tiêu tiền của hắn cho

những việc ngó ngán – mua rượu uytxki, chơi mạt chược, đánh cuộc là thời tiết sẽ thay đổi theo ý muốn của hắn.

Ta sẽ dùng tiền hồi môn để mua đồ dùng gia đình, mà chúng ta cần trong cuộc sống nay đây mai đó. Ta không mua gì nhiều. Ta dùng tiền để mua thức ăn ngon hơn là thức ăn của không quân cung cấp, cho bữa tối hôm ấy. Ta mua thịt heo ngon, cỏ bốn nhánh để làm món bánh bao nhồi thịt, rượu ngọt khai vị, tất cả đều rất đắt đỏ trong thời chiến, hết cả thấy 50 tệ.

Ta không tiếc số tiền này. Khi mua những thức ăn ngon lành như vậy ta chỉ nghĩ về những người khách, những người phi công cũng như Văn Phú. Nếu như vận may rời bỏ họ thì những người đàn ông này không chắc đã trở về nhà để ăn bữa tiệc thứ hai. Với những ý nghĩ rầu rĩ đó, ta hấp tấp đặt tay lên những miếng thịt heo dày nhất với lớp mỡ béo trong suốt.

Sau đó ta quyết định nghĩ ra những cái tên tươi vui cho những món ăn này. Đây là những món ăn ta nhớ thím Lớn đã nấu trong dịp Tết – sò hấp cho sự giàu có, tôm chín tới cho tiếng cười và tài lộc, bào ngư đen hầm cho vạn sự may mắn, rất nhiều sứa, bởi vì, cái da giòn giòn của nó bao giờ cũng gây nên những âm thanh vui tai mà ta rất ưa.

Huê Lan nhìn ta chọn đồ ăn. Cô ta thêm rõ dãi khi thấy ta lựa toàn bộ hảo hạng. Ta không nghĩ là cô ta đã từng được nếm những món ăn như vậy.

Về nhà ta bảo cô nấu bếp đun một nồi nước sôi, thái đủ rau, thịt để làm hàng ngàn cái bánh bao, tất cả đều nóng sốt với nhiều gừng tươi, sốt đậu, dấm ngọt để làm nước chấm. Huê Lan giúp ta nhào bột, cán ra thành từng miếng bột nhỏ. Ta phải thừa nhận rằng lần đầu tiên tài nấu nướng của cô gây cho ta một ấn tượng tốt. Cô làm rất nhanh, miết thật mạnh trong khi nhào bột với một cái cây tròn. Cô có khả năng cuốn được ba lần da cho mỗi cái bánh trong khi ta chỉ cuốn được hai vòng, lúc nào cũng lấy đủ số lượng bột mì khi bột chảy xuống bề mặt của vỏ bánh, không bao giờ nhiều hơn hoặc ít hơn. Với một cái xoắn cô làm xong một cái bánh bao.

Ta cũng phải thừa nhận ta rất vui với sự có mặt của cô trong suốt buổi chiều hôm ấy. Cả hai chúng ta đều rất hạnh phúc. Những người phi công trở về ai nấy đều phấn khởi, làm cho những người vợ ở nhà cũng vui như Tết.



Hôm ấy Huê Lan và ta không chỉ trích nhau. Chúng ta không phàn nàn về nhau. Chúng ta cũng không phải tránh né để chỉ nói những vấn đề lịch sự. Tất cả lời lẽ của chúng ta đều tự nhiên trào ra từ những ý nghĩ vui vẻ phấn khởi.

Ta bảo Huê Lan “Xem này, chị làm mọi việc nhanh như thế nào. Với đôi tay của chị chúng ta có thể làm 10.000 cái bánh bao ngon ơ nếu chúng ta muốn; chẳng thành vấn đề”. Tất nhiên sau đó ta tìm ra rằng cô ta chỉ khéo tay trong những vấn đề nấu nướng có tính kỹ thuật: nhào bột, cuốn bột, nhồi nhân và nặn bánh. Về khẩu vị của cô ta chỉ có thể nói là ý kiến của ta có thể không giống với ý kiến của người khác? Có thể con bảo ta hãy trung thực nói xem ai là người nấu ăn giỏi hơn? Con xem ta không hề tự mãn. Đó chỉ là sự thật. Ta biết cần bao nhiêu sốt đậu cho món thịt, để cái vị đậm đà của nó không phải là vị đậm đà của gia vị. Ta biết không bao giờ nên cho thêm dù là một dấm đường, không thêm bất cứ thứ gì và con có thể có một món ăn Quảng Đông ngon tuyệt. Ta biết làm thế nào để nấu món nào cũng ngon trong khi mỗi món có một hương vị riêng, không phải món nào cũng giống nhau về độ mặn nhạt hoặc độ chín.

Các thực khách sẽ nói với con điều đó, nếu họ có mặt ở đây. Những người phi công kể cả chồng của Huê Lan ai cũng khen tài nấu nướng của ta, bảo Văn Phú may mắn như thế nào. Họ nói rằng một người đàn ông không thể có một người vợ vừa đẹp lại vừa nấu ăn khéo léo trong khi đó mắt họ, lưỡi họ còn khen ngợi nhiều hơn thế. Ta quan sát họ ăn uống, động viên họ ăn thêm nữa, chọc họ rằng ta sẽ gay go to với chồng nếu còn thừa dù chỉ mười cái bánh bao. Cuối bữa ăn chỉ còn lại bốn cái! Thật là một bữa tối tuyệt vời. Ta đã nấu nhiều bữa tiệc chiêu đãi như thế. Mỗi khi Văn Phú, các bạn phi công của hắn trở về nhà sau nhiều ngày vắng mặt, họ bao giờ cũng muốn ăn món bánh bao nhân thịt của ta đầu tiên – dù là hấp luộc hay chiên thì họ lúc nào cũng nghĩ đó là một món ăn tuyệt vời.

Trong những ngày này ở Trung Quốc việc quê quán của con ở đâu không quan trọng. Mọi người đều ăn uống, vui đùa với nhau như người trong một nhà. Con tìm thấy bất cứ một cơ nào để sống một cuộc đời no đủ như cái bụng con có thể chứa được. Trong những ngày ấy ta vẫn cố gắng chiều lòng Văn Phú, làm tất cả mọi việc như một người vợ tốt, vẫn cố gắng hết sức mình để tìm hạnh phúc lứa đôi. Ta luôn cố gắng nấu những bữa ăn

ngon dù rằng những người này trở về không bao trước – thỉnh thoảng họ trở về với lượng quân số ít hơn.

Đó bao giờ cũng là một chuyện đau lòng. Gia Huy là người đứng ra nhặt nhanh những đồ đạc còn lại của những người phi công mới qua đời. Anh ta sẽ gói ghém cẩn thận trong một miếng vải mềm, sau đó viết một lá thư dài tả người con hay người chồng này đã chết như một vị anh hùng chân chính như thế nào. Ta đã thấy những gói như thế đặt trên bàn may của Huê Lan, chờ được gửi đi. Ta luôn tự hỏi bàn tay vui vẻ nào sẽ mở gói ấy nghĩ rằng đó là món quà, đôi mắt buồn nào sẽ rơi lệ khi nhìn thấy món đồ bên trong. Thế là bữa tiệc của chúng ta trở nên ngày càng nhỏ đi trong những lần kế tiếp. Ta có thể hình dung về điều này, dường như đối với ta khi một phi công chết đi thì người khác lại có được cái sự thèm ăn của anh ta. Những người phi công này ăn uống như thể họ sẽ không bao giờ được thưởng thức những món ăn ngon như vậy thêm một lần nữa.

Ta nhớ rằng một đêm thường một người ăn 30 cái bánh bao, nói thất lung của anh ta ra, thờ dài, sau đó chén thêm 30 cái nữa. Ta cứ chạy tới chạy lui tiếp cho họ hàng đĩa bánh lớn, kể cả Huê Lan, người biết ních cho thật nhiều cũng vậy. Sau khi trò chuyện cười đùa, những người này lại nói thất lung một lần nữa, lại xoi tiếp, xoi tiếp cho đến khi một người cuối cùng pha trò. “Đề tỏ lòng kính trọng hơn với đầu bếp, tôi phải tụt quần xuống”. Người đàn ông nói câu đùa ấy là một người cao, gầy tên là Gan. Anh ta bao giờ cũng cười một cách lặng lẽ. Tuy điều anh nói hơi thô, nhưng ta không giận thậm chí cũng không xấu hổ. Anh là người pha trò rất khéo không bao giờ đẩy người khác đến chỗ làm trò cười cho mọi người. Với những câu đùa của mình, anh tự biến thành một kẻ ngốc nghếch một kẻ tự làm trò cười cho tất cả những người khác. Thực ra anh nhắc ta nhớ đến một diễn viên thượng thặng của Mỹ. Không phải là một nhân vật quan trọng ồn ào như John Wayne, giống với Danny Kaye hơn, một người ai cũng thích. Anh ta giậm chân, lộn nhào trước khi anh ta bước lên ba bước. Đó là cách của anh – thậm chí không cần cố gắng, anh làm cho mọi người cảm thấy mình tốt hơn. Khi không nói hay không cười anh thường lặng lẽ ngắm nhìn ta cố nghĩ ra một điều gì để nói. Một lần, sau khi nghĩ một lúc, anh nói với ta bằng một giọng nhỏ nhẹ thành thực, “Món này – thậm chí mẹ tôi cũng không thể nấu ngon hơn”.

Ta rầy anh, “Anh đừng bao giờ nói như vậy về mẹ mình!” Mặt anh đỏ bừng lên. “Em gái tha thứ cho tôi nhé!” Sau đó anh ăn thêm hai cái bánh nữa, nói cũng bằng cái giọng nhỏ nhẹ ấy, “ngon hơn là bánh mẹ tôi làm”.

Ta nhớ khi anh nói thế, Văn Phú cười phá lên nói, “Đó là lí do tại sao anh gầy như một cây tre còi phải không?” Ta không thể biết được câu hỏi đó là để làm nhục mẹ anh hay là nhắm vào ta. Ta tự hỏi mình, “Tại sao chồng ta không có gì giống với Gan một chút?” Điều này nhét vào đầu ta một ý nghĩ khác, ta cũng có thể lấy một người tốt. Chẳng có ai giống Văn Phú cả. Tại sao ta không biết rằng ta còn có một cơ hội? Ta thấy rằng những phi công khác đều tử tế, tốt lành. Họ đối với ta rất tốt. Họ chẳng bao giờ đề cập đến việc ta đang mang bầu, dù họ biết, họ chạy đến giúp ta mang rau quả khi họ thấy ta tay xách nách mang. Một người, thường lái chiếc xe tải của không quân để nghị chở ta đến bất cứ nơi đâu mà ta cần đi. Gan, người đàn ông nhút nhát rất thích món bánh bao ấy thường chơi đá cầu với ta trong khi Văn Phú và những người khác đánh bài hoặc chơi bài mạt chược vào buổi tối.

Ta nhớ những buổi tối ấy. Chúng ta chơi dưới ánh trăng và ánh sáng hắt ra từ các cửa sổ gần đấy, đánh quả cầu lông bay qua bay lại một cái lưới, cười vang khi chúng ta cố vụt vào cầu. Khi ta đánh hụt, Gan nhất định nhặt quả cầu lên để ta không phải cúi nhặt làm khổ cái bụng bự. Khi Văn Phú ra khỏi thành phố Gan mời ta đi ăn chỉ là một tô mì. Có thể chúng ta đi đến một tiệm mì bình dân chẳng có gì đặc biệt. Rồi anh tiễn ta về nhà, bao giờ cũng cư xử như người bạn thân thuộc của gia đình hoặc như một người anh trai, xin lỗi nếu anh vô tình chạm vào khuỷu tay ta.

Một lần Huê Lan nhìn thấy chúng ta nói chuyện ở bàn ăn trong bếp. Sau khi Gan đi về cô chọc ta, “Cẩn thận đấy.” “Chị muốn nói gì?” ta hỏi. “Không có gì”, Huê Lan bang quơ, “em chỉ bảo chị cẩn thận bây giờ để không có chuyện gì sau này.” Vớ vẩn, ta nói còn cô ta thì cười.

Thật là lạ lùng khi nhớ về điều này. Ta đã không nghĩ gì về Gan suốt 50 năm qua. Vì thế nhớ lại kỉ niệm này cũng giống như ta tình cờ khám phá ra một góc bí ẩn trong trái tim mình, cái niềm vui ta không thể khoe, cái nỗi buồn ta không thể tiết lộ với ai. Vậy tại sao ta có thể nói với Huê Lan được? Chính ta đã nói rằng chúng ta không thể sống những ngày hạnh phúc trong

chiến tranh. Ta đã nói điều đó trước khi ta biết hạnh phúc có thể là gì. Thế là ta có thể thú thật điều này với con bây giờ. Gan đã có một ý nghĩa đặc biệt đối với ta. Chúng ta không biết nhau lâu. Nhưng ta lại tỏ tường trái tim của anh hơn trái tim của chồng ta, điều đó làm ta cảm thấy đỡ cô quạnh. Một lần anh nói với ta anh rất thích đi dạo với ta vào buổi tối. Trước khi ta có thể hỏi tại sao anh đã trả lời: anh sợ ở một mình khi trời tối. Một lần nữa trước khi ta yêu cầu anh giải thích, anh nói. “Cô biết đấy, cô có thể nhìn thấy ở mọi vật vào ban đêm cái mà cô không thể thấy vào ban ngày”. Ta gật đầu, nói rằng ta bao giờ cũng cảm thấy như vậy. Sau đó anh kể cho ta thêm về nỗi sợ hãi ban đêm của anh. “Tôi chưa bao giờ kể chuyện này với ai khác,” anh bắt đầu, “chuyện xảy ra khi tôi là một đứa trẻ. Vào năm con hổ tôi đã nhìn thấy một con ma sáng nhờ nhờ trong bóng tối”.

Để đáp lại ta bắt đầu kể cho Gan nghe việc ta đã gặp ma nhiều lần khi còn là một đứa trẻ; rồi con ma lại trở thành mặt trăng nhòm qua cửa sổ hoặc chính là thím Lớn thức dậy vào giữa đêm vì bệnh khó tiêu, hoặc con ma lại là một cành cây khô đâm qua cửa sổ nhà chính.

Gan nói, “Tôi cũng nhìn thấy con ma như thế, chỉ là trí tưởng tượng tồi tệ. Nhưng con ma này khác. Con ma này nói rằng nó sẽ trở lại và bắt tôi trước khi tôi sống được đến năm Dần tiếp theo – trước khi tôi 24 tuổi”.

“Những giấc mơ thường hay lộn xộn và vô nghĩa lắm,” ta chêm vào. Nhưng Gan tiếp tục nói như thể anh đang sống trong một giấc mơ đáng sợ.

“Đừng lo lắng nhiều,” con ma nói, “cái chết của mi sẽ không đau đớn. Nhưng khi mi nhìn thấy ta, nghe tiếng ta gọi mi từ trong bóng tối mi phải đến với ta không kháng cự, thậm chí không nói một lời.” Tất nhiên tôi không tin nó. Tôi hét lên “Mày chỉ là giấc mơ ghê rợn. Cút đi.”

“Sau đó thì anh thức dậy,” ta nói cố làm cho anh và cả ta nữa bình tĩnh. “Anh vẫn sợ hãi, anh sẽ không bao giờ quên cái kỉ niệm này”.

“Còn tệ hơn nữa.” Gan nói, giọng anh ráo hoảnh. “Tôi thức dậy, điều đó đúng. Tôi thức dậy để thuyết phục mình rằng tôi không ngủ mê nữa. Nhưng khi đứng ở cửa tôi nhìn thấy con ma vẫn đứng đấy. “Mi không tin đó là số phận của mi sao. Ta có bằng chứng rằng điều đó sẽ xảy ra.” Rồi con ma kể

tên chín điều xấu sẽ xảy ra với tôi trước khi đời tôi chấm dứt. Chín, con số của sự hoàn thành. Khi con ma đi khỏi tôi vẫn đứng ở cửa”. “Ôi Gan, đó là một câu chuyện dễ sợ!” ta nói.

“Trong suốt 11 năm qua tôi đã cố quên đi giấc mơ này. Nhưng bây giờ tám điều xấu đã xảy ra, chính xác như con ma đã miêu tả. Bây giờ tôi nghĩ đến điều thứ chín sẽ đến. Trong bốn tháng nữa năm mới con Hổ sẽ đến”. Anh cười hoảng hốt, “bao nhiêu đau đón chờ đợi một cái chết không đau đón”.

Kể xong, Gan run run như thể mùa đông giá lạnh đang ở chung quanh chứ không phải sự ấm áp đầu thu. Ta có thể thấy anh tin vào câu chuyện này. Ngay cả ta cũng sợ. Ta sợ đến nỗi không dám mở miệng hỏi vậy tám cái điều xấu đã xảy ra kia là gì? Ta chỉ cười “Giấc mơ hồi bé của anh dễ sợ thật”.

Tại sao lúc đó ta nói thế? Đó không phải là cảm xúc đang tràn ngập trong ta, mà ngược lại. Sâu thẳm trong lòng ta, ta chỉ muốn ôm Gan vào ngực, khóc. “Con trai bé bỏng xinh đẹp của ta! Con có chắc về tám cái điều xấu đã xảy ra không? Chúng là gì? Điều thứ chín sẽ là gì mau nói cho ta nghe đi!” Nhưng bây giờ khi nhớ lại cảm xúc của mình, ta biết tại sao ta không nói điều đó với Gan. Ta sợ không phải bởi vì Gan mà vì lí do khác. Ta đã là gái có chồng, nhưng ta chưa bao giờ cảm nhận tình yêu từ một người đàn ông hoặc cho một người đàn ông. Nhưng đêm hôm ấy ta gần như cảm thấy điều đó, ta cảm thấy mối nguy hiểm như khi con cảm thấy yêu một người nào đó, một người vừa thổ lộ những ám ảnh, những sợ hãi của anh ta, còn con thì muốn làm gì đó để xoa dịu nỗi đau. Cùng một lúc bao nhiêu nỗi niềm sẽ trào dâng trong trái tim con, tất cả những gì trước đây được giấu kín, còn nhiều, nhiều nữa – nỗi đau, sự xấu hổ, sự cô đơn, tất cả những nhức nhối xưa cũ, tất cả được giải thoát cho đến khi trong con tràn ngập niềm vui là đã dứt bỏ được nó, cho đến lúc quá trễ để ngăn cái điều mới mẻ này đang dào dạt trong trái tim con. Nhưng ta đã dừng lại. Ta giấu kín mình. Ta chỉ cười với Gan, pha trò về con ma trong giấc mơ để trấn an mình. Có lẽ ta cũng không chú ý nhiều đến giấc mơ của anh, bởi vì cả hai chúng ta đều cảm thấy một cái gì rất xấu sắp xảy ra. Chúng ta đã không nói chuyện cởi mở như cái cách mà Gan đã làm.

Nếu một phi công nói đùa, “Đây là lần cuối cùng tôi mất tất cả tiền lương đánh bài với anh”. Thì những người khác sẽ la lên “Ấy! Đừng nói lần cuối cùng, đó là điềm gở. Bây giờ anh phải chơi tiếp để hóa giải điều đó”.

Những phi công này biết máy bay của họ vận tốc không nhanh như trước, dù vậy họ vẫn rời mặt đất. Họ biết họ không được huấn luyện đầy đủ, không có đủ khôn khéo để tránh những máy bay chiến đấu của Nhật mới hơn, nhanh hơn. Họ thường đứng thành một vòng tròn lớn trước khi bay, đồng thanh hô vang những khẩu hiệu khi họ ném một hòn đá vào mục tiêu. Đó là cách họ cười cợt về việc trở thành anh hùng. Đó là cách chúng ta biết họ rất can đảm. Đó là cách chúng ta biết họ đang hoảng sợ, làm sao họ có thể trở thành những người anh hùng thực sự khi họ không có sự lựa chọn, làm sao họ có thể không như thế khi họ biết họ không có cơ hội nào hết. Hai tháng sau một nửa số phi công dự những bữa tiệc đã chết. Chúng ta nghe nói rằng tất cả bọn họ đều chết như những vị anh hùng, tất cả bọn họ đều bị bắn bị giết trong những chiếc máy bay lộn nhào từ trên trời xuống – thật là một sự kinh hoàng khôn tả xiết. Con thậm chí không tìm thấy một thân thể nguyên vẹn để chôn cất. Con không có đủ niềm tin tôn giáo để cảm thấy ghê rợn về điều đó.

Một phi công quen biết trong chuyến bay đến thành phố Hồ Nam đã bay thẳng vào trong cửa ô, ôi thôi cả người lẫn máy bay đều bị nghiền nát trong đồng gạch vụn. Máy bay của chồng Mai Ly đụng vào một đỉnh núi cao. Người phi công thường chở ta trên chiếc xe tải thì sao – anh ấy bị bốc cháy trước khi máy bay của anh ấy đáp xuống đất.

Còn Văn Phú? Hắn ta thậm chí không bị trầy da. Con biết tại sao không? Hắn là một kẻ hèn nhát. Khi bắt đầu vào cuộc, Văn Phú bèn quay đầu lại bay theo hướng khác. “Ồ”, hắn sẽ giải thích với Gia Huy, “Tôi đuổi theo những chiếc máy bay của Nhật tấn công từ hướng khác, anh không thấy đấy thôi. Thật xui là tôi đã không bắt được nó”. Huê Lan cho ta biết điều đó, rằng Gia Huy nghĩ rằng anh ta sẽ phải lôi chồng ta ra tòa án binh. Con có nghĩ là cô ấy không tìm ra cơ hội để nói với ta điều ấy không?

Ta biết được điều này vào lúc máy bay của Gan bị bắn rơi bên ngoài Nam Kinh. Họ đưa anh vào bệnh viện, vẫn còn sống. Tất cả chúng ta vội vã

vào thăm anh, Văn Phú, Gia Huy, Huê Lan, những người đàn ông khác còn chưa chết.

Ồi ta thấy, mắt Gan nhìn vào một điểm trên trần nhà rồi anh cười, khóc. “Thế đây, con ma kia mày ở đâu?” anh la lên. “Tao không cưỡng lại cái chết”.

“Anh ta điên rồi”, Văn Phú nói. “Anh ta mất trí rồi, may cho anh ta, chẳng còn cảm thấy đau đớn nữa”.

Nhưng ta cảm thấy nỗi đau của anh một cách nhức thê. Ta không thể nói điều gì. Ta không thể đặt tay ta lên trán anh. Nhưng ta muốn khóc, gào lên. “Anh ấy không điên! Đó là điều con ma đã hứa với anh ấy, cái chết của mi không đau đớn, mi chỉ việc đến khi ta gọi mi vào ban đêm”.

Nhưng mà con ma đã nói dối bởi vì sự đau đớn của Gan mới thật là kinh khủng, tất cả ruột của anh ấy bị lòi ra ngoài. Suốt hai ngày hai đêm, anh đã vật lộn với bao nhiêu là đau đớn trước khi anh rời bỏ cõi đời, đuổi theo con ma. Đó là cả một nỗi thống khổ đối với ta, khi ta không thể để lộ bất cứ điều gì. Trái tim ta nhức nhối cũng như khi ta mất mẹ ta. Chỉ có điều ta không đau khổ về một tình yêu mà ta đã từng có. Ta hối tiếc vì ta đã không đón nhận nó. Thế là lúc Gan chết, cũng là khi ta khẳng định tình yêu của anh, anh trở thành một người tình ma. Mỗi khi Văn Phú mắng mỏ ta, ta lại nhớ đến lần cuối cùng Gan đến nhà ta ăn tối. Anh đã quan sát cách mà Văn Phú đối xử với ta suốt buổi tối. Khi chồng ta ra khỏi nhà, Gan nhìn ta, nói nhanh, “Cô chỉ nhìn cô qua một tấm gương. Nhưng tôi nhìn cô qua cách mà cô không bao giờ nhìn thấy mình, tất cả những gì thuần khiết nhất, không xấu cũng chẳng tốt”. Ta nhớ về điều này rất nhiều lần. Sau khi chồng ta mệt mỏi, kiệt sức vì cười lên người ta rồi nằm lăn ra ngủ, ta lặng lẽ bò dậy ra soi gương. Ta xoay mặt mình phải trái, cố tưởng tượng đôi mắt của Gan đang nhìn ta. Ta muốn khóc lên vì nhức nhối với câu hỏi, “Anh ấy đã nhìn thấy cái gì?”

Đôi khi mọi việc còn trở nên tệ hại hơn thế, khi ta tự hỏi ta đã làm gì để phải sống một cuộc sống khốn khổ như thế, ta thường nhớ những cuộc dạo chơi của chúng ta vào những buổi tối, câu chuyện mà Gan kể cho ta nghe.

Mặc dầu ta không bao giờ biết được tám điều xấu kia là gì, ta biết điều thứ chín. Ta là điều thứ chín.



## 12. ĐỒNG TIỀN TAO NẠN

Khi mùa đông tới gần, chẳng còn lại bao nhiêu máy bay. Chỉ có một thứ rơi xuống từ bầu trời đó là mưa. Rồi một ngày nước trên trời trở nên lạnh hơn, nó thành tuyết. Đó là tuần lễ chúng ta chuyển từ Dương Châu đến Nam Kinh chỉ sau vài giờ di chuyển bằng xe tải. Cái ngày ở Nam Kinh ấy là lần đầu tiên ta nhìn thấy tuyết. Nó gọi ta nhớ đến những cái lông nhỏ bay lơ lửng trong không trung khi Gan và ta chơi cầu lông gà. Đó là cái cách mà ta cảm nhận, ở Nam Kinh, chúng ta cũng có một người giúp việc của căn cứ không quân, khác với người ở Dương Châu, ông này không điên, bao giờ cũng nói, “Đừng lo lắng quý bà. Nó không kéo dài lâu đâu. Ở Nam Kinh, tuyết chỉ như một sĩ quan cao cấp - không tới thường xuyên, không ở quá lâu”.

Huê Lan và ta nhìn tuyết rơi từ cửa sổ của tầng thứ nhất trong ngôi nhà lớn mà chúng ta đang trú ngụ. Nơi này đã từng là một tòa nhà đẹp của một thương gia nước ngoài, bây giờ nó là nơi dừng chân cho đủ mọi loại người. Khu nhà gồm có hai tầng, với bốn cái cột, những cái cửa sổ cao chạy suốt mặt tiền. Xung quanh nhà có nhiều cây - người giúp việc nói rằng chúng được mang từ Pháp sang. Nhưng khi lá cây trút xuống, dù là Pháp là Trung Quốc con cũng chẳng thấy có sự khác nhau. Ngôi nhà ở trong một khu vực sang trọng của thành phố, gần bức tường ở phía tây, đi bộ một quãng ngắn thì tới hồ Hạnh phúc. Vì thế nó cũng không quá xa trung tâm nhưng cũng không quá gần. Nhưng tuy vậy nếu con nhìn vào bên trong tòa nhà thì đó lại là một chuyện khác. Khi con bước vào con có thể nhìn thấy ngay: Những chiếc ghế sofa nhàu nát bởi không biết bao nhiêu cái móng người ịn lên, những thảm thảm đã mòn xơ ra bởi vô số bước chân vào, ra từ năm này qua năm khác. Ở mỗi phòng, giấy dán tường chỗ thì nhăn nhó chỗ thì rách nát. Bếp thì có một cái lỗ rò chảy ra từ 2 góc. Con có thể nói ngôi nhà giống như một cô nhi viện chẳng một người nào ở đây mà yêu quý nó. Cũng trong buổi chiều ngắm nhìn tuyết rơi ta chỉ cho người giúp việc vét sạch lò than, để nó không bốc lên quá nhiều khói vào lần tới. Về đến nhà Văn Phú nói, “Nếu

em làm điều đó thì cũng chỉ để cho người khác hưởng thôi”, rồi hắn nói thêm rằng hắn được thông báo sẽ rời khỏi Nam Kinh trong vòng hai tuần hoặc có thể sớm hơn.

“Chúng ta có thể không ở đây đến một tuần”, ta bắt đầu nói. Văn Phú không cười, ta biết điều hắn muốn nói: người Nhật sẽ tới sớm.

Hôm ấy ta ra bưu điện của không quân để đánh đi 2 bức điện khẩn về Thượng Hải. Một cho nhà băng của ta hướng dẫn họ rút 400 tệ, gửi cho chị của Văn Phú, một bức điện cho chị chồng bảo chị nơi gửi tiền đến cho ta. Cô điện thoại viên giúp ta thêm những tín hiệu khẩn cấp. Cuối bức điện gửi cho chị Văn Phú ta thêm. “Nhanh lên, chúng ta sắp tao nạn”.

Ta thêm chữ *tao nạn* để khiến chị dâu ta khẩn trương, để coi lời yêu cầu của ta là nghiêm túc. Có lẽ quá phóng đại, có thể không phải vậy. Dù sao ta cũng đặt nó vào đây vì nó là một từ có thể làm cho mọi người chạy quỳnh lên.

*Tao nạn* là gì? Ồ không có một từ Anh Mỹ nào có một nghĩa tương đương với nó. Nhưng trong tiếng Hoa chúng ta có rất nhiều từ khác nhau để miêu tả cái cấp độ của nó. Không, “tị nạn” không có cái nghĩa đó, hoàn toàn không. Con là một người tị nạn sau khi con đã *tao nạn*, vẫn còn sống sót. Nếu con còn sống sót thì con không muốn nói đến cái gì đã làm cho con *tao nạn*.

Con thật may mắn con đã không bao giờ phải trải qua điều này. Nó có thể là mối hiểm nguy kinh khủng đang đến gần, không phải cho con mà cho nhiều người, vì thế mà mọi người chỉ có thể lo cho riêng mình. Đó là nỗi sợ hãi theo đuổi con như một căn bệnh, chính xác như một cơn bão nóng rát trong đầu con vì thế ý nghĩ duy nhất con là, “chạy trốn, chạy trốn” - chẳng có gì khác ngày, đêm. Đó là khi tóc con dựng đứng trên đầu, bởi vì dường như con có thể cảm thấy một lưỡi dao kè vào cổ con, hơi thở của một kẻ thù giấu mặt nào đó chỉ cách con hai bước. Nếu con nghe thấy một tiếng hét hoặc nhìn thấy đôi mắt của ai đó mở to, thế là đủ. Con sốt nóng sẽ trở thành sốt rét chạy suốt sống lưng con rồi chạy xuống chân con. Con chạy rồi té ngã lại vùng dậy chạy, trượt chân, cứ thế.

Con thật may mắn là con đã không biết ý nghĩa của nó. Nhưng ta sẽ bảo con nó là như thế nào, nó suýt xảy ra cho ta ra sao.

Sau khi viết xong bức điện, điện tín viên hỏi ta, “Chị có nghĩ là chúng ta sắp *tao nạn* không?”

Ta không muốn làm cô sợ, vì thế ta nói. “Tôi chỉ nói thế bởi vì chị chồng tôi rất đáng trí. Từ này sẽ làm chị ta khản trương nếu không chị ấy lại quên hết mọi chuyện”.

Cô gái cười khen ta khôn ngoan. Ta thích cô ấy lắm. Ta không biết tên thật của cô ấy, nhưng cô ấy có biệt hiệu là Vân Betty “Betty xinh đẹp” bởi vì cô ấy nom giống nữ nghệ sĩ Bette mà mọi người mến mộ. Cô ấy chải mái tóc đen cũng theo kiểu như thế, giọng cô hơi khàn khàn, đôi mắt to sụp xuống một chút, phía đuôi, hơi lồi - ta nghĩ có thể bệnh tuyến giáp hay bệnh thận, chứng bệnh đã làm cho cô có đôi mắt ra như thế.

Cô đúng là con gái Nam Kinh điển hình. Cô có một cuộc “hôn nhân chớp nhoáng” - gặp một phi công, cưới anh ta thật lẹ. Chồng cô ta cùng một khóa với Văn Phú, nhưng ta không biết nhiều về anh ta. Anh chết 2,3 tuần sau khi cưới, nhưng cũng đủ để lại một mầm sống trong người cô.

Bốn ngày sau ta trở lại bưu điện. Chị chồng ta - thật là tệ hại - đã gửi tiền ngay tức thì, 2 ngày sau đó, nhưng không phải cho ta mà cho Văn Phú! Đó là điều Vân Betty nói. Nếu Văn Phú đến lãnh tiền thì cô ta biết sao? Tên anh ta trên giấy tờ gửi tiền.

“Đó là tiền của tôi!” Ta bảo Vân Betty. “Đó là khoản tiền tản cư của chúng tôi cần đến để sinh tồn.

Betty rót trà từ trong phích mời ta. “Thật kinh khủng. Sao những chuyện như thế bao giờ cũng xảy đến cho phụ nữ. Như em đây chẳng có một xu hồi môn. Bốn trăm tệ là cả một món tiền lớn”.

“Tất cả là bốn ngàn đồng”, ta sửa lại, miệng cô ta há ra kinh ngạc, “cùng với nhiều đồ đạc nữa, đồ gỗ quý rất nhiều, rất nhiều thứ khác nữa - nhưng bây giờ tất cả thuộc về gia đình anh ta. Họ chiếm hết”.

“Chuyện này cũng xảy ra với em đấy”, cô nói, lắc đầu. “Khi chồng em chết - tất cả những khoản tiền trợ cấp, tiền tử tuất đều vào tay gia đình anh ấy hết. Em chẳng có gì sất. Vì thế chị thấy đấy em phải đi làm để kiếm cái bỏ vào mồm, nuôi đứa con trong bụng”. Cô đập dẹp những lá thư đang phân loại, “Còn bây giờ thì gia đình chồng nói em phải về Nam Sơn đẻ con, để lại đứa cháu nội cho họ. Rồi sau đó em có thể cắt, làm cái gì em muốn. Em hỏi chị, tại sao em lại phải đến đây để họ đối xử tàn tệ với em như vậy? Họ nghĩ em là con gà mái chắt - đẻ trứng để cho họ xơi à?”

Ta bật cười. Vân Betty là như thế đấy, bao giờ cũng rất trung thực, nói thẳng hết cả ruột gan ra, cùng với một sự đăc cay trong mỗi lời nói. Chẳng bao lâu ta thấy mình cũng nói y chang như thế, “Chị sẽ yêu cầu anh ấy đưa tiền lại cho chị”, ta nói.

“Đúng thế”, cô nói “Điều đó hoàn toàn đúng. Tiền là của chị mà. Tiền này là để cho *tao nạn*”.

“Tiền này của chị, cho *tao nạn*”.

“Không có cơ gì”.

“Không có cơ gì”.

Rất nhiều lời đao to búa lớn. Ta trở về nhà để lí sự với Văn Phú. “Chúng ta cần tiền để *tao nạn*”, ta nói “Chúng ta không bao giờ biết được là chuyện gì sẽ xảy ra”.

“Ai bảo em là chúng ta *tao nạn*”, hấn nói, nghiêng chặt hàm răng lại. “Dù như thế đi nữa, thì đó cũng là tiền hồi môn của em”, ta nói một cách nghiêm nghị.

Vào lúc đó Văn Phú ngoác cái miệng hấn ra, trông thật xấu xí. “Em làm gì với quá nhiều tiền như vậy - để trở thành một góa phụ giàu có, hạnh phúc à?” “Đừng có nói như thế!” Ta kêu lên.

“Vậy em nói những lời như thế mà được à?” hấn rống lên. Như thế, tất cả những lời lẽ ghê gớm của ta không còn có ý nghĩa gì nữa. Cứ như thế là cái phần đen tối nhất trong tim hấn có thể nhìn thấy cái phần tăm tối nhất trong tim ta. Tất nhiên, ta không nghĩ là hấn có thể chết. Nhưng một khi ý nghĩ này đã nảy ra, một khi hấn lại nhét vào thì khuôn mặt đỏ của ta không thể che giấu được trái tim đen. Làm sao mà con có thể nói phải quấy với người chồng như thế được?

Tối hôm ấy, ta nhận thấy lời lẽ của mình thực sự là vô ích. Văn Phú đã xài hết số tiền này. Một phi công người Quảng Đông ở khóa thứ 4, để lại một chiếc xe hơi ở sân bay sau đó thì bị chết vì tai nạn. Văn Phú bây giờ sở hữu chiếc xe đó.

Ôi thật là một điều xui xẻo! Làm sao mà Văn Phú có thể nghĩ đến việc mua lại đồ đạc của một phi công đã hi sinh! Như thế hấn vẫn tiếp tục cách làm ăn của gia đình hấn, biến cái thảm kịch của người phi công thiệt mạng thành ra lợi lộc cho hấn. “Nếu chúng ta thực sự tao nạn”, hấn nói “chúng ta có thể dùng chiếc xe để tẩu thoát”. “Nào bây giờ em thấy là em có một người chồng khôn ngoan như thế nào chưa?”

Ta chẳng nói gì, tất nhiên rồi.

“Chiếc xe chạy nhanh lắm”, hấn nói thêm vẫn tiếp tục mơ mộng về nó.

“Nhưng nếu họ đưa chúng ta trở lại đảo?”, ta nói “Vậy thì chúng ta không thể mang xe theo”. “Thì chúng ta có thể bán đi - giá gấp đôi, mà bằng vàng nhé chứ không phải là tiền giấy đâu”.

Ta bắt đầu nghĩ có thể là ta nhầm. Có thể đó là một ý tốt, ta không nên bướng bỉnh.

“Chắc nó là một chiếc xe tốt”, ta nói. “Hừm! Tất nhiên là nó rất tốt”, hấn nói “Em nghĩ rằng anh không biết làm ăn sao?”

Nhưng buổi chiều hôm ấy ta nhìn thấy hấn lái cái thứ gì trở về, một cái xe thể thao cũ kỹ không mui, hiệu Piat ta nghĩ thế. Có từ Anh - Mỹ nào dùng để chỉ một chiếc xe tồi tàn như thế - một cái xe cà tàng, chính thế đấy. Đó là

một chiếc xe cà khỗ nhỏ bé, bụi bặm, móp mép, không có mui để che mưa, tuyết hay gió lạnh, cái cửa dành cho khách thì không mở được. Tất nhiên xe hơi một món rất hiếm trong chiến tranh, đó là một thứ đồ xa xỉ. Vì thế Văn Phú không bận tâm đến việc hắn đã trả cho gia đình người phi công nọ 10 lần cao hơn giá trị thật của nó.

Hắn bóp còi inh ỏi, cười vang, kêu lớn, “Nào bây giờ em thấy thế nào?” Ta cười với hắn, để cho hắn nghĩ là ta tự hào rằng hắn đã làm một việc mua bán rất hời với người chết. Sau đó hắn bảo ta trèo qua cửa xe hư. Con tưởng tượng được không, ta vác cái bụng sáu tháng, áo đơn áo kép một đồng trên người vì đang vào lúc rét nhất của mùa đông. Ta phải vắt vả lắm mới cho được một chân vào trong. Hắn cười nhăn nhở lại bóp còi inh ỏi. Hắn nóng lòng muốn biểu diễn.

“Nhanh lên! Đồ lười biếng!” Hắn hét lớn đoạn đạp khá mạnh vào pêđan làm cho động cơ rồ lên khiến ta nghĩ là hắn sẽ lái đi trước khi ta cho nốt chân kia vào trong xe. Ta để cho hắn lượn một vòng, đi xuôi xuống đại lộ chính, ra khỏi cửa ô phía Đông, vượt qua những chiếc cầu nhỏ buốt giá, sau đó đi xuống những con đường dài bẩn thỉu dẫn chúng ta đến chân núi Tím và Vàng. Tóc tai quật vào má ta phần phật. Gió lạnh như kim châm thổi qua tai làm cho đầu óc ta tê dại.

“Ngồi cẩn thận nhé”, Văn Phú kêu lên rõ ga mạnh hơn. Trong khi ta hét lên, nhắm nghiền mắt lại, hắn cua thật gấp, để lại những vết bánh xe lún sâu xuống mặt đường.

“Thật là một chiếc xe hết xẩy, còn ngon lành lắm!” Hắn thét lên.

Hắn lại bẻ tay lái lần nữa theo hướng này rồi lại theo hướng khác, qua một ổ gà lớn đầy bùn rồi qua một chiếc xe lừa chậm chạp. Hắn bóp còi về phía một cậu bé làm cho nó phải nhảy vào một cái rãnh đầy nước mưa. Hắn chạy qua một đàn sáu con vịt con, thật non nớt trên đòì này để biết chúng phải sợ hãi điều gì. Mỗi khi ta chỉ cái gì đó nguy hiểm một cái xe chạy quá nhanh hoặc tai họa đang từ từ xảy đến, khi ta la hét hoặc bịt mắt lại thì Văn Phú lại cười phá lên. Ta nghĩ đó là khoảng khắc vui vẻ nhất mà hắn có với ta.

Ngày hôm sau ta bảo hắn là ta quá mệt không thể đi xe với hắn. Thế là hắn mời Gia Huy, họ đánh xe đi như những chú bé vô tư. Khuya hôm đó. Văn Phú về nhà mặt hắn chảy dài một dòng. “Anh có vui không?” ta hỏi. Hắn không trả lời ta. Ta hỏi tại sao hắn lại giận dữ làm vậy. Hắn vẫn không chịu nói, hắn châm một điếu thuốc, rót ra một li uýt-xi.

Vậy là ta nghĩ, “Kì cục làm sao, mình không nghe tiếng xe hắn quay về.” Ta nhìn qua cửa sổ, bước ra cửa. Ta nhìn xuống lối đi tối om về phía đường cái. Không có cái xe.

“Cái xe mới đâu rồi?” Ta hỏi hắn, ngồi xuống cái bàn bên cạnh hắn. Hắn vẫn nốc rượu mạnh tì tì, phun khói thuốc mờ mờ, mãi mới mở miệng: “Đồ vớ vẩn”. Hắn nguyên rủa sự vô giá trị của cái xe: “Như là con một con chó mẹ động đực với một con quỷ”.

Sáng hôm sau Huệ Lan kể ta nghe chuyện gì xảy ra theo lời kể của Gia Huy.

Họ lái xe ra vùng ngoại ô qua cửa Nam, qua một ngọn đồi nhỏ, xuống một con đường dài, hẹp rồi đến một chỗ mà Văn Phú nghĩ là một cánh đồng trống. Hắn lái xe rất nhanh đuổi theo một con thỏ, giả vờ nó là một chiếc máy bay của Nhật. Nhưng con thỏ nhanh hơn thoát ẩn thoát hiện. Nó chạy lên một gò đất, chiếc xe bon theo. Đó là lúc gầm xe động mạnh xuống đất - lên những tảng đá, úp lên nhau như những con rùa nằm xếp lớp. Hắn cố lái xe vượt qua. Gia Huy nhảy ra ngoài phụ đẩy chiếc xe. Rồi Văn Phú vào số mạnh nhất, làm cho bánh xe quay nhanh hơn, nhanh hơn, làm cho động cơ gầm lên to hơn, to hơn cho đến khi - oa! - một cụm khói đen phụt ra dưới gầm xe, nó bốc cháy.

Cả hai cùng nhảy ra xa và đứng đấy nhìn ngọn lửa thiêu cái xe trên một đồng đá. Ngọn lửa bốc cao dần, họ phải lùi ra xa hơn. Sau khi kiểm cách dập tắt đám cháy họ đứng nhìn mảnh đất khô cằn chung quanh được soi sáng bởi ngọn lửa. Họ nhìn thấy cả cánh đồng được bao phủ bởi bao nhiêu những hòn đá như vậy - hàng trăm con rùa mắc cạn trên một cái biển đã cạn nước. Trước khi Huệ Lan kể thêm nữa, ta đã biết Văn Phú làm cái gì - hắn lái xe vào nghĩa trang một làng quê nghèo!

Huê Lan vung tay, “Tất nhiên, lỗi một phần là do Gia Huy. Anh ta đã quá vô ý, không chịu hướng dẫn chồng chị cẩn thận hơn”.

Ta muốn bật khóc khi Huê Lan bảo ta là Văn Phú đã phá hỏng cái xe. Ta muốn điên lên vì giận dữ vì hắn đã làm mất toi 400 tệ theo cách ngu xuẩn ấy.

Thay vì thế ta lại cười. Huê Lan nghĩ ta phát khùng. Ta cười như điên, nước mắt tuôn lũ chã trên mặt, ta không nói được một lời nào.

Vì thế ta không thể giải thích được điều ta cảm thấy. Ta có thể nhìn thấy vẻ mặt chồng ta lúc đang đứng trong nghĩa trang, khi nhận ra hắn đang ở đâu. Ta có thể nhìn thấy chiếc xe nhỏ bốc cháy trên những phiến đá. Bây giờ ta cảm thấy vui sướng vô cùng khi cuối cùng người phi công quê ở Quảng Đông đã thiệt mạng nhưng lại được bay thẳng lên thiên đàng với cái xe hơi một lần nữa lại là của anh. Sáng hôm ấy, Huê Lan và ta vào trong phố. Ta mặc áo khoác dài màu xanh lá cây đi đôi giày hàng ngày bởi vì từ chỗ chúng ta ở vào đến trung tâm xa khoảng ba, bốn dặm Trung Quốc áng chừng hai dặm Anh. Ta đã đi bộ suốt quãng đường ấy. Không như con, thượng ngay lên trên xe với quãng đường bằng hai dãy nhà để mua rau. Trên đường đi ta dừng lại ở bưu điện gửi đi một bức điện lần này thì cho Peanut, người lúc này đã lấy một người chồng giàu có ở Thượng Hải, người mà bà bói đã chọn cho nó. Ta bảo Vân Betty viết đúng cái câu trước vào cuối bức điện “chúng ta sắp tao nạn”. Tuy nhiên lần này ta thêm vào, “gửi 400 đồng trực tiếp cho Giang Vi Vi”. Betty không hỏi chuyện gì đã xảy ra với 400 đồng kia. Nhưng ta nghĩ cô ấy biết.

Sau khi gửi bức điện, Huê Lan và ta ra chợ mua rau quả. Sáng hôm ấy trời lạnh, ta nhớ ta đã nhìn lên bầu trời xám xịt, đầy mây mù, nói “Có lẽ sắp có tuyết”.

Huê Lan cũng ngẩng lên nhìn trời, “Không nhiều mây. Dù sao thì em cũng nghe nói rằng chỉ có tuyết rơi một hay hai lần trong suốt mùa đông, hai trận không cách nhau có một ngày”.

Chúng ta đi vào trong chợ. Lúc ấy khoảng 10 giờ, người ta dọn hàng từ sáng sớm. Người ta đang nóng lòng tiến hành các cuộc mặc cả để làm máu



nóng lên. Ở ngoài chợ, mấy đứa bé trai đang lom khom chơi đáo trước mấy quầy bán rau. Trong chợ có hàng dãy bàn phô bày những xô đậu hũ cùng những chiếc cân với hàng đồng cà chua chín mọng, cả củ cải trắng, những giỏ nắm rom, chậu cá sông, những con cua đồng lột từ miền Nam mang đến, bột mì trắng, miến gạo.

Đoàn người di chuyển thành hàng rồng rắn qua những quầy hàng thò ra những làn mây mỏng vì lạnh. Vào cái giờ khắc ấy ai cũng rất hào hứng vui vẻ, họ còn chưa mệt mỏi sau một ngày làm việc và đang bận tâm về thực phẩm dành cho bữa ăn tối.

Huê Lan và ta đi theo làn khói ngọt ngào của hạt dẻ nướng, bây giờ thì chúng ta đang đứng trước một quầy bên lối đi. Ông chủ đang quấy vào một chiếc xô đầy những quả gì đen đen. Chúng ta ăn sáng đã được ba tiếng rồi, vì thế Huê Lan và ta đồng ý: Một nắm hạt dẻ làm ấm đôi tay, ấm bụng thì sẽ rất tuyệt.

“Các cô đến vừa đúng lúc”, người bán hàng rong nói, “tôi vừa thêm một vào nữa giờ trước khi vỏ hạt dẻ vừa mới mở ra”. Ông ta đổ sáu hạt dẻ vào mỗi cái bûn dài bằng giấy.

Ta vừa mới tách ra một hạt dẻ, chuẩn bị cho một hạt dẻ nóng hôi vào miệng thì có một tiếng kêu lớn trên đường phố, “Máy bay Nhật! Thảm họa đang tới”. Sau đó chúng ta nghe thấy tiếng máy bay ì ầm ở xa, giống như tiếng sấm đang vọng đến.

Tất cả những người đi chợ, những người bán hàng xô nhau chạy. Giỏ hạt dẻ để tung tóe. Gà vịt kêu quàng quạc mổ nhau để thoát khỏi lồng.

Huê Lan nắm tay ta, chúng ta co chân chạy cứ như là chúng ta có thể chạy nhanh hơn những chiếc máy bay trên đầu. Tiếng máy bay càng lúc càng to hơn, cho đến khi chúng ở ngay trên đầu gầm lên như những con voi. Chúng ta biết là bom đạn sẽ dội xuống. Lúc đó mọi người đều ngã dúi dụi xuống cùng một lúc như là một cánh đồng lúa mì ngã rạp xuống cùng một lượt trong một trận cuồng phong, ta cũng ngã xuống luôn. Huê Lan đẩy ta ngã xuống. Nhưng tôi vì cái bụng quá to, ta phải nằm nghiêng sang một bên. “Chúng ta sẽ chết bây giờ sao?”, Huê Lan meo mào.

Mặt ta úp xuống đất, hai tay ôm đầu. Nếu mọi người có la hét thì chúng ta cũng không thể biết vì tiếng máy bay gầm rú ở trên đầu. Tay Huê Lan run lấy bầy khi cô ta nắm lên vai ta. Hoặc có thể là cơ thể của ta đã làm cho tay cô ta run rẩy. Cho đến khi tiếng động cơ máy bay xa dần ta mới cảm thấy trái tim ta đập thùm thụp trong lồng ngực, nhờ thế ta biết rằng mình vẫn còn sống sót. Lúc ngẩng đầu lên cũng là lúc mọi người cùng nhóm dậy. Ta cảm thấy may mắn hết sức. Lòng ta tràn ngập cảm giác biết ơn. Ta có thể nghe mọi người khóc lên vì vui sướng. “Cảm ơn Phật Bà! Tạ ơn Người!” Sau đó chúng ta nghe tiếng máy bay quay lại, tất cả những lời tạ ơn trời Phật lại thành những câu chữ rửa. Chúng ta lại cúi đầu xuống, ta nghĩ rằng những lời nguyện rửa này sẽ trở thành kí ức cuối cùng của ta. Máy bay quần đảo trên đầu tới, lui, đầu mọi người ngẩng lên, gục xuống, lên, xuống cứ như thế chúng ta cúi lạy những chiếc máy bay này.

Ta vô cùng giận dữ. Ta vô cùng sợ hãi. Ta muốn đứng dậy, bỏ chạy nhưng toàn thân tê dại. Mặc dù trong ta cháy bỏng khát vọng được sống, ta lại chỉ nghĩ đến cái chết, có lẽ bởi vì mọi người chung quanh ta đang khóc, cầu kinh “Amitaba, Amitaba!” - sẵn sàng cầu đức Phật đưa đường sang thế giới bên kia.

Ta nghĩ có lẽ tất cả chúng ta đã chết. Làm sao ta biết? Có vẻ như hơi thở của ta đã tắt, tuy những ý nghĩ trong ta vẫn chạy đua, tay ta vẫn có thể cảm thấy mặt đất cứng, lạnh. Ta vẫn có thể nghe thấy tiếng máy bay bay giờ - ờ có vẻ đã xa hơn, xa hơn.

Tiếng cầu kinh tắt hẳn. Nhưng tất cả chúng ta vẫn nằm chờ không nhúc nhích, lát sau ta nghe có tiếng thì thảo. Ta cảm thấy mọi người xung quanh đang đuổi thẳng người ra. Có ai đó rên rỉ. Một đứa trẻ khóc - ta không muốn nhìn lên xem có chuyện gì xảy ra. Huê Lan lay ta “Chị có đau không? Dậy đi!”. Ta không thể nhúc nhích. Ta không còn tin vào các giác quan của mình.

“Dậy đi!” Huê Lan kêu lên thẳng thốt. “Có chuyện gì vậy?”

Huê Lan giúp ta đứng lên. Tất cả chúng ta từ từ vươn dậy như một cánh đồng lúa mì sau trận gió, không ngã rạp xuống nữa. Tất cả chúng ta đều thì

thầm, “Không có máu”. Sau đó thì Huê Lan kêu lên: “Không có máu! Chỉ có tuyết!” ít nhất thì đầu tiên cô ta cũng nghĩ là như thế. Bởi vì cô ta nói thế, thoát tiên ta cũng nghĩ thế. Những bông tuyết lớn phủ trên đường phố, trên lưng những con người nằm phủ phục trên mặt đất. Khi nhìn lên, ta thấy tuyết rơi từ trên trời xuống, mỗi một bông tuyết lớn như một tờ giấy. Một người phu xe tay trước mặt chúng ta nhặt lên những bông tuyết này, hóa ra nó là một mảnh giấy mỏng. Anh ta đưa cho ta, “Nó viết gì vậy?”

Tờ giấy vẽ một bức tranh vui vẻ, một người lính công kênh trên vai một cô gái Trung Quốc bé nhỏ, “Chính quyền Nhật”, ta đọc, “tuyên bố nếu chúng ta không kháng cự thì chúng ta sẽ được họ đối xử tốt, không việc gì phải sợ hãi. Nếu chúng ta kháng cự, rắc rối sẽ đến với tất cả mọi người”.

Sau đó ta nghe một người lính Trung Hoa kêu lên trên đường phố. “Nói láo! Nói láo. Đó là điều chúng đã rêu rao ở Thượng Hải. Xem chúng đã làm gì với chúng tôi! Đây là những gì còn lại của quân đội chúng ta. Chỉ có những miếng giẻ để lau sạch máu người dân Trung Hoa”.

Một bà già cất tiếng mắng y, “Im đi. Mi cứ ăn ở cho phải phép, nếu không chúng ta sẽ gặp rắc rối”. Nhưng người lính vẫn tiếp tục la hét. Bà già nhổ vào chân hắn, nhặt túi của bà lên, vội vã bỏ đi. Bây giờ thì mọi người đều rào lên nói chuyện, vài người khác la hét, chẳng mấy chốc cả đường phố dậy lên những giọng nói sợ hãi, hoảng loạn.

Ta cho con biết là ngày hôm ấy, khi nỗi sợ hãi bệnh hoạn lan ra mọi người đều trở thành một con người khác. Con không biết có một con người khác ẩn náu bên trong con cho đến khi con gặp tao nạn. Ta nhìn mọi người cướp đồ ăn, ăn trộm. Những người bán hàng đi xa khỏi những cái nơi thức ăn đang bốc khói. Ta chứng kiến những cuộc đánh lộn, cãi vã, trẻ con bị lạc, kêu khóc, người lớn xô nhau lên xe buýt sau đó lại ủa nhau chạy xuống khi họ nhìn thấy đường phố nhốn nháo đầy người.

Huê Lan bảo người phu xe ở phía trước đưa chúng ta về nhà. Nhưng ngay khi anh ta đứng lên giúp chúng ta ngồi lên xe, một người bự con hơn đánh anh ta gục xuống, nhảy lên xe, phóng đi. Trước khi ta có thét lên: “Ôi kinh khủng quá!” một người ăn mày chạy đến chỗ ta, cố gắng giật lấy cái bóp ra khỏi tay ta. Huê Lan đánh hắn.

Bất thành linh một người kêu lên, “Chạy đi! Chạy đi”. Sau tiếng kêu đó mọi người bỏ chạy tán loạn rồi cả đám đông ùa chạy về một hướng. Một cái thùng to đựng cá xô đổ như thể nó là một cái bình nhẹ bồng. Một người đàn bà ngã xuống, khóc - một tiếng khóc rợn người kéo dài cho đến khi nó tắt lịm dưới hàng trăm bước chân, Huê Lan túm tay ta, quay người ta lại, đẩy ta theo cùng hướng với đám đông. Chúng ta bị nuốt chửng trong dòng người bị dồn ép bởi vai của những người khác. Ta có thể cảm thấy khuỷu tay, đầu gối mọi người thúc vào lưng ta, vào cái bụng bầu của ta. Sau đó khoảng không giữa chúng ta bị thu hẹp lại, chúng ta bị ép vào nhau, di chuyển từng phân một.

Huê Lan đặt một tay lên vai ta và đẩy ta về phía trước “Nhanh lên, nhanh lên!” Cô ta nói trong khi nhích lên từng bước một. Bất thành linh đám đông túa sang một đại lộ lớn, ta không còn bị ép giữa dòng người, bây giờ người ta ào đi các hướng.

“Lối này, lối này”, Huê Lan nói. Ta cảm thấy tay cô trượt khỏi vai ta.

“Lối nào?” ta gọi, “Huê Lan!”

Không có câu trả lời.

“Huê Lan! Huê Lan!” Ta la lên. Ta quay lại, mọi người xô vào ta, nhưng không phải Huê Lan. Ta quay lại lần nữa. Cô ta không ở đây.

Trong đám đông ấy, tất cả nỗi cô đơn, nỗi sợ hãi dồn nén bấy lâu nay trào ra. Ta bắt đầu bơi ngược lại dòng người, nhìn phải nhìn trái, ngó ngược ngó xuôi. Cô ta đã biến mất.

“Mẹ ơi! Mẹ ơi!” Ta bật khóc. Ta ngạc nhiên với những tiếng kêu bật ra khỏi miệng mình, “Mẹ ơi! Mẹ ơi!”, cứ như thể mẹ có thể cứu sống ta, người mẹ đã bỏ rơi ta nhiều năm về trước.

Ta thật ngu ngốc trong cái ngày hôm ấy. Ta có thể ngã xuống, bị đạp lên, chết như nhiều người đã bị như vậy. Ai đó có thể đánh bật đứa trẻ ra khỏi bụng ta. Vậy mà ta vẫn xuyên qua đám đông gọi tên mẹ ta, tìm Huê Lan.

Nếu con hỏi ta chuyện này kéo dài bao nhiêu phút, bao nhiêu giờ cho đến khi ta được tìm thấy, thì ta không thể trả lời được. Khi ý thức trở lại, tất cả những điều ta biết là: ta, ngồi trên một chiếc ghế nhìn vào một hạt dẻ trong tay ta. Ta thấy nó ở trong tay ta, cũng cái hạt dẻ mà ta đã bóc trước khi máy bay đến. Ta dờ khóc dờ cười với cái mà ta còn nắm chặt trong tay vào lúc ta suýt chết. Ta đang định ném đi thì ta nhận ra rằng ta vẫn còn đang nắm nó trong tay. Vô số ý nghĩ hỗn độn mà con có khi thế giới của con thay đổi một cách đột ngột. Cả thành phố đang lên cơn điên, Huê Lan biết mất - con có giữ một hạt dẻ nguội trong tay hay không? “Ê bà chị! Em hi vọng chị có một cái cho em!” Giọng nói đó đã đánh thức ta dậy từ một cơn ác mộng.

Ta nhìn thấy Huê Lan đi về phía ta trên một chiếc xe. Tưởng tượng được không? Cô ta vẫn đùa được sau một cơn kinh hoàng như vậy, đùa khi ta nghĩ là cô ta đã chết. Ta chạy về phía cô ta với một tiếng kêu vui mừng.

“Lên nhanh lên!” Cô ta nói đưa tay kéo ta lên. Ta ném hột hạt dẻ đi rồi ngã người ra lưng ghế. Huê Lan đạp xe, cô ta đưa một cái gậy cho ta, chân của một chiếc ghế dựa hay ghế đầu.

“Nếu bất cứ ai muốn cướp cái xe này, chị cứ đánh nó cho em”. Cô la lên. “Chị phải làm thế, hiểu chưa? Đánh lui bọn chúng đi”.

“Đánh bọn họ”, ta lặp lại. Tim ta đập như trống làng. Ta ngó dáo dác giro cái gậy về phía một người đàn ông đang nhìn ta.

Cho đến tận khi về gần đến nhà ta mới hỏi cô ta làm sao cô ta tìm ra chiếc xe này.

“Thật là một thế giới kinh tởm!” Cô nói. “Cuối cùng khi chúng ta chạy đến đại lộ, cuối cùng em mới thở ra và nhìn quanh được. Ngay lúc đó em nhìn thấy người đàn ông đã cướp cái xe của người phụ đứng cạnh chúng ta. Y đang đạp qua chỉ cách vài mét, thậm chí em cũng chẳng có thời gian nghĩ nữa. Em chạy tới cố hết sức lôi hấn ra khỏi ghế. Khi hấn ngã xuống, em nhảy lên, đạp đi tìm chị. Em nhìn thấy cái áo khoác xanh lá cây của chị, nhìn thấy chị đang kiếm em nhưng trước khi em có thể gọi chị thì một

người chạy đến chỗ em. Ôi cha! Hấn vung vẩy cái gậy, sẵn sàng đánh em để cướp lấy cái xe cũng như em đã làm thế với gã đàn ông trước đó. Nhưng em đã sẵn sàng, khi hấn vung lên em bèn chộp lấy cái gậy, rồi dùng nó để đánh đuổi hấn đi”. Cô chìa tay về phía ta. Một ngón tay bị đập. “chị xem thế giới trở nên tồi tệ như thế nào, đời là thế”.

Ngày hôm ấy, chúng ta rời khỏi Nam Kinh. Con xem ta vẫn còn may mắn chán, ta chưa bao giờ thật sự tao nạn, chỉ mới xem đến đó thôi. Tất nhiên ta sợ đến nỗi quên cả bức điện gửi cho Peanut quên cả số tiền 400 tệ cho đến khi quá trễ.

## 13. HƠI THỞ CỦA THIÊN ĐÀNG

Vài năm trước, ta nói chuyện với Helen những điều đã xảy ra ở Nam Kinh, dì ấy vẫn than vãn về ngón tay, như một cái gì nhắc nhở ta.

Ta nói, “Chị có nhớ chị đã lấy trộm cái xe vào cái ngày máy bay rải truyền đơn như thế nào không?” Con xem, chưa bao giờ ta cảm ơn cô về cái ơn cứu sống. Chúng ta đã chạy bán sống bán chết, hoảng loạn đến mất trí, chẳng còn có thời gian để tỏ ra lịch sự. Thế là 50 năm trôi qua ta vẫn chưa cảm ơn cô ấy đến bây giờ ta mới có dịp nói cảm ơn.

Helen cười, “Em chẳng nhớ gì cả”. Dì ấy nói, “Dù sao chị cũng không buộc tội em tội ăn cắp chứ? Em chưa ăn cắp bất cứ cái gì cả”.

Ta nói, “Nhưng đây là thời chiến, chị đã đẩy một người đàn ông ra làm đập ngón tay của mình, cũng cái ngón tay mà bây giờ chị đã phải chịu chứng viêm khớp. Rồi sau đó chị tìm thấy tôi, đưa tôi về nhà. Lúc ấy tôi có bầu sáu tháng”. Nhưng Helen vẫn không nhớ ra. Dì ấy chỉ nhớ lảng máng về cuộc sống ở Nam Kinh, về món cật vịt mà dì đã ăn ở đấy, mà không bao giờ được ăn lại, về cái bàn mà dì không bao giờ muốn bỏ lại lúc bỏ chạy. Tất nhiên dì ấy nhớ Vân Betty. Dì ấy nghĩ Betty là bạn của dì ấy. Điều ấy không lạ lùng sao? Chúng ta ở cùng chỗ vào cùng một thời điểm. Với ta đó là thời gian khó khăn nhất trong đời. Ta nhớ tất cả mọi thứ. Với Helen, trừ những cái cật vịt chẳng có gì đáng để dì ấy giữ lại trong đầu. Tại sao con không hiểu đó là cái gì? Thời vui tươi, thời gian khó - chỉ có những điều đó làm ta nhớ. Chẳng có ai nhớ cả. Một cảm giác vô cùng trống trải.

Dù sao khi Helen than phiền về bệnh viêm khớp ngày hôm ấy, ta bảo với dì ấy rằng ta sẽ tự làm những vòng hoa. Ta không nói gì để cảm ơn dì ấy đã cứu sống ta ở Nam Kinh nhưng ta biết ta đang làm gì.

Bây giờ ta sẽ kể cho con nghe chúng ta đã trốn thoát, cứu được mạng sống của mình mà thậm chí không biết gì về điều đó.

Mỗi người một cái valy, đó là tất cả những gì chúng ta có thể mang. Chỉ một tiếng sau chúng ta đã phải rời Nam Kinh. Đây là những điều đã xảy ra - chúng ta quyết định, chúng ta không thể ở lại phía sau, tất cả chỉ có một tiếng. Không có thời gian để bán bất cứ cái gì. Cả thành phố này là điên cuồng tào nạn. Ta hết sức sợ hãi.

Nhưng Văn Phú thậm chí cũng không biết an ủi ta. Khi ta bắt đầu kể cho hắn nghe chuyện gì đã xảy ra ở chợ, hắn xua đi. “Không có mắt à?” Chồng ta nạt nộ, “Anh có nhiều việc quan trọng để làm hơn là nghe những chuyện mua bán của em”. Đoạn hắn bỏ đi nói chuyện với một người đàn ông trên xe tải. Hắn mời lửa một điếu thuốc lá, thở khói ra hai lỗ mũi sau đó nhìn đồng hồ rồi giập điếu thuốc trước khi châm một điếu khác. Vì thế ta biết là hắn cũng sợ.

Gia Huy là người bảo ta và Huê Lan rằng mỗi người chỉ được mang một valy. “Thế còn cái bàn mới của em? Hai cái ghế của em?” Huê Lan kêu lên.

Vài ngày sau khi tới Nam Kinh, Huê Lan và ta đã mua thêm một vài đồ gia dụng, nghĩ rằng chúng ta sẽ ở Thủ đô lâu hơn. Trong khi bàn ghế của Huê Lan rất rẻ, không phải loại tốt, chúng cũng còn sang chảnh so với bất cứ thứ gì Huê Lan đã từng có.

“Đừng tiếc rẻ làm gì”, Gia Huy nói, ngoắc Huê Lan ra một bên thì thầm gì đó với cô ta. Ta không thể nghe thấy nhưng có thể nhìn thấy mặt Huê Lan giống như khuôn mặt cô gái nhỏ, xị ra vào phút này tươi lên vào phút sau.

“Nhanh lên”, Huê Lan nói với ta bằng cái giọng quỵên thế mới mẻ. “Không có thời gian để cà kê, tiếc nuối”. Ta muốn nói với cô ta, “Tôi không phải là người ưa than vãn”. Nhưng chúng ta không có thời gian để tranh luận. Trong khi chúng ta đóng gói đồ đạc, Cần vũ binh đi tới đi lui trong phòng mang những thứ chúng ta yêu cầu ông ta tìm. Những bộ quân phục không quân của Văn Phú, giỏ đồ khâu của ta. Vì thế ta chỉ có thể mang đi mấy cái kim, hai cái tô, hai đôi đũa, một cho Văn Phú, một cho ta. Người giúp việc thì thảo một cách căng thẳng với chúng ta trong suốt thời gian đó.



“Nếu ông bà nghe radio, nếu ông bà đọc báo, ông bà sẽ chẳng biết gì về chuyện bọn Nhật sắp tới, chẳng biết gì”, ông ta nói, “nhưng tất cả những điều người ta phải làm là nhìn vào mặt mọi người trong thành phố”.

Ông ta càng nói bao nhiêu thì việc đóng gói đồ đạc càng khẩn trương bấy nhiêu. Ông ta nói là những người lính bỏ chạy đã cướp bóc, thậm chí còn giết người để ăn cắp quần áo của họ mặc vào người giả làm thường dân trước khi quân Nhật kéo vào Thủ đô. Bất cứ ai có tiền hoặc có những mối liên quan với giới chức đều bỏ chạy. Thậm chí cả thị trưởng - một người mà Tưởng Giới Thạch đã bổ nhiệm bởi vì ông ta hứa là ông ta sẽ bảo vệ Nam Kinh mãi mãi, ông này cũng bỏ trốn với nhiều tiền bạc.

“Chúng ta không bỏ chạy”, Huê Lan gắt lên với người giúp việc. “Khóa thứ 2, thứ 3 có công việc mới ở Côn Minh, một việc rất quan trọng đó là lý do tại sao chúng ta bỏ đi”. Ta tự hỏi cô ta có thực sự tin vào điều đó, có phải đó là điều Gia Huy đã bảo cô ta không. Công việc gì quan trọng ở Côn Minh, nhiều năm trước đây Côn Minh là nơi người ta điều những sĩ quan vô kỷ luật tới. Nếu người ta không chặt đầu con thì họ sẽ điều con tới Côn Minh là nơi sơn cùng thủy tận một nơi chỉ có các tộc người mọi rợ. Tất nhiên, không còn những trường hợp như thế nữa, nhưng đôi khi điều đó vẫn xảy ra. Ta còn nhớ câu thành ngữ mà chúng ta thường nói về Côn Minh. “Sống ở Côn Minh như kẹt trong kẹt đá”. Có nghĩa là con bị đẩy ra khỏi cuộc sống loài người. Sống ở Côn Minh có thể ví như trốn vào một nơi bí mật nơi không một ai có thể tìm thấy, một nơi an toàn, một nơi mà ta nóng lòng muốn đến.

Sau khi thu xếp xong quần áo cho Văn Phú, ta bắt đầu chuẩn bị cho mình, ở dưới đáy, trong một cái túi, ta có thể sờ thấy 10 đôi đũa bạc trong số của hồi môn, ta cho tất cả đồ trang sức, chiếc lọ nước hoa màu xanh vào trong một chiếc hộp đựng bánh bích quy rồi phủ quần áo lên trên. Sau đó ta thấy ta chỉ sửa soạn một ít quần áo ấm như thể ta không thể sống sót qua mùa đông vậy. Thật là một ý nghĩ xui xẻo! Đã thế vào phút cuối ta lại bỏ áo len ra, cho vào đây hai cái áo đầm mùa hè.

Nồi, xoong, những đôi giày cũ đều được cho người nấu bếp, người con gái của bà ta. Còn những thứ khác thì ta nghĩ ra ngay lập tức người mà ta có

thể tặng những món này, Vân Betty đang đi trên đường, ta gọi cô ta dừng lại một vài phút.

“Em định đi đâu?” Ta hỏi. “Trở về Nam Sơn quê chồng hả?”

Cô ấy lắc đầu. “Họ không cần em, em cũng không cần họ”, cô nói mạnh mẽ, can đảm. “Em sẽ ở lại đây”.

“Vậy thì hãy mang giúp chị những thứ này nhé”, ta nói. Ta bảo người giúp việc mang quần áo còn lại, radio của Vân Phú, chiếc máy khâu đen nhỏ, ta hướng dẫn ông ta đặt những món này vào chiếc xe vẫn còn đậu trước cửa nhà.

“Em hãy mang những thứ này về nhà”, ta bảo Vân Betty. Sau đó ta nhìn thấy Huê Lan bậm môi nhìn người giúp việc mang cái máy khâu đi. Ta thấy rằng cô ta thèm cái máy khâu ấy làm sao mặc dù chúng ta không có chỗ cho nó.

Vân Betty lắc đầu từ chối, nhưng ta chặn cô ấy lại: “Chúng ta không có thời gian đưa đầy lịch sự đâu”.

Cô cười, nói, “Vậy thì thôi em sẽ dùng cái máy khâu này để kiếm sống nuôi em, con em”. Cô nắm tay ta xiết chặt. “Đó là một quà ơn nghĩa mà em sẽ mang nợ chị suốt đời”, cô nói. “Thậm chí nếu em có thể trả lại 10 lần, em sẽ vẫn tiếp tục trả nợ chị mãi mãi”.

Ta biết đó là một mong ước may mắn, tốt đẹp. Rằng cả hai chúng ta còn sống, gặp lại nhau, đến đây cô nhanh chóng lôi một cái gì từ trong ví ra. Đó là bức ảnh có trong ngày cưới, một tấm ảnh rất cải lương chụp cô trong chiếc xoarê xa tanh dài màu trắng, người chồng phi công mặc quần đen áo khoác trắng thắt cà vạt. Đó là những bộ quần áo giống nhau mà người ta mượn từ những tiệm chụp hình đám cưới theo kiểu phương Tây. Ta cảm ơn cô về tấm hình. Ta nghĩ cô thật can đảm khi quyết định ở lại, bởi vì ta nghĩ cô có thể yêu cầu lực lượng không quân đưa cô đi sơ tán.

Bây giờ Gia Huy hét lên, “Lên đường”. Sau đó thì Văn Phú cũng kêu lên tương tự, người giúp việc giục già lên đường. Chúng ta ném những cái

valy vào cái thùng xe đã mở cửa cái xe tải quân sự, trèo lên thùng xe, cao ngất ngều. Văn Phú kéo ta lên trong khi Huê Lan đẩy ta lên từ phía sau. “Nhanh lên!” Gia Huy hét lên với cái giọng cao chói lói. Bất thành linh tim ta bắt đầu đập loạn lên, nghĩ rằng chúng ta chưa kịp rời khỏi đây thì quân Nhật đã kéo tới. Mọi người dường như cũng có chung nỗi sợ ấy. “Chúng ta đi thôi!”, mọi người hét lên, “nhanh lên”.

Cái thùng xe tải nhanh chóng bị lấp đầy bởi chín con người, chúng ta là một đám đông đứng ngồi chen chúc chạm cả khuỷu tay vào nhau. Chỉ có ta, Huê Lan là phụ nữ. Ngoài chúng ta, hai ông chồng còn có hai phi công thuộc khóa 3, hai sĩ quan mà mỗi người đều hành xử như mình quan trọng hơn người kia, một ông già trả rất nhiều tiền để đi theo xe, tất nhiên người lái xe, một người mà chúng ta gọi là ông già Mã. Anh ta không già. Đó chỉ là cách gọi trịnh trọng. Anh ta có trách nhiệm đưa chúng ta đến Côn Minh.

Khi ông già Mã hét lên một câu chửi bằng cái giọng khàn khàn thì cũng là lúc chiếc xe khởi động bằng một tiếng gầm ầm ỉ, chúng ta lên đường bỏ lại sau lưng những ngôi nhà đã mất đi vẻ quý phái của nó cũng giống như ngôi nhà mà chúng ta đã ở. Chúng ta quẹo sang đường khác rồi đi về cửa Tây.

Chúng ta quẹo nhiều lần đi vào những con đường nhỏ giấu mình dưới những rừng cây cao. Khi chúng ta bỏ lại thành phố phía sau thì cũng là lúc chúng ta đi qua hồ Hạnh phúc. Thậm chí ngay trong mùa đông nó cũng vẫn đẹp, yên tĩnh, trầm mặc với những đám sậy đung đưa, ngã rạp bên hồ. Dường như nó không thay một chiếc lá nào kể từ triều đại của vị hoàng đế đầu tiên. Ta cũng thấy tiếc là ta đã không đến đây đi dạo để cảm thấy một sự bình yên không bao giờ thay đổi ngấm vào lòng ta. Lúc ấy ta nhìn thấy một đứa bé đứng bên cạnh hồ. Nó đứng xa nhưng chúng ta vẫn có thể thấy nó đang vẫy. Nó nhảy lung tung, kêu lên một cái gì đó. Chúng ta nghĩ nó đã nhìn thấy bộ quân phục không quân, bây giờ đang chào đón những người anh hùng vì thế chúng ta cũng vẫy lại. Nó bắt đầu chạy về phía chúng ta rồi lại nhảy tung tung quơ quơ cả hai tay trên đầu. Nó muốn chúng ta dừng lại. Tất nhiên chúng ta không thể dừng lại. Khi xe chạy ngang nó dậm chân bành bịch. Chúng ta nhìn thấy nó nhặt vôi hòn đá bên bờ hồ, ném xuống mặt hồ yên tĩnh làm mặt nước vỡ ra xao động. Nó vung tay lên trời, giang rộng như là biểu hiện một sự bùng nổ “bùm” nó hét lên. “Bùm! Bùm!”. Sau

đó thẳng bé nhất một hòn đá khác ném về phía chúng ta. Mặc dù hòn đá bị trượt nhưng chúng ta vẫn nghe thấy nó hét, “Bỏ chạy à, quân hèn nhất!”

Chúng ta lái xe về phía cảng sông Dương Tử ở ngay bên ngoài thành phố. Chúng ta được lệnh tới đây để đón một chuyến tàu đến trạm dừng chân trên đường đi Hán Khẩu - Vũ Xương, ở vùng trung tâm của đất nước, một vùng có biệt danh là “Hỏa diệm sơn” - nóng đến nỗi có một chuyện đùa về vùng này rằng cách tốt nhất để trốn cái nóng là tắm mình trong một vạc dầu sôi. Nhưng tất nhiên, bây giờ thì không hẳn là như thế, bây giờ đang là mùa đông, đang lúc chiến tranh, chẳng có chuyện đùa gì hết.

Chúng ta ở trên tàu chừng vài ngày có thể là đến một tuần. Ta không nhớ là nó kéo dài bao lâu bởi vì chúng ta đón cả những chuyến tàu khác, đôi khi ta trở nên lẫn lộn.

Dù vậy sau khi chúng ta xuống tàu ở Hán Khẩu - Vũ Xương, chúng ta nghỉ lại một đêm ở khách sạn. Sáng hôm sau chúng ta tìm thấy ông già Mã đã sẵn sàng cho tất cả hành lí lên thùng một chiếc xe tải quân sự cùng một loại mà chúng ta đã đi ở Nam Kinh. Chiếc này tuy vậy vẫn có thêm một cái rơ moóc chở một thùng xăng lớn. Đó là một cách duy nhất để tới Côn Minh. Không có những trạm xăng ở dọc đường. Chúng ta cũng không đi trên những đường cao tốc lớn với vận tốc tối thiểu 70 dặm một giờ. Khi chúng ta rời Hán Khẩu, chúng ta rong ruổi trên những con đường hẹp bụi bặm, chỉ có hai làn xe, đôi khi chỉ có một làn xe. Chúng ta đi với vận tốc 20 dặm một giờ, bởi vì đó là vận tốc nhanh nhất của xe này vì thế nếu như có bất cứ một tên Nhật nào trên đường, tất cả những việc hấn có thể làm là đuổi theo xe tải và tổng chúng ta xuống.

Ngày đầu tiên ta lo lắng rằng chúng ta bỏ chạy chưa đủ nhanh. Ngày thứ hai ta vẫn còn hơi lo lắng. Nhưng sau đó, ta quên đi nỗi sợ hãi của mình, ta trở nên buồn chán. Chúng ta đi sâu vào hậu phương, cách xa cuộc chiến. Cũng giống như đi ngược lại thời gian, đến một thế giới khác, một nơi đã xảy ra trong quá khứ, trước chiến tranh. Không một ai trong chúng ta bận lòng về điều đó. Chúng ta sẽ an toàn. Trên con đường hướng về phía tây đến Trường Sa, chúng ta đi dọc theo bờ sông, qua những xóm làng với nhiều đường mương nhỏ chằng chịt chảy qua, ở một nơi chúng ta nhìn thấy cá dày đặc trong dòng nước - Huệ Lan nói trông nó giống như một tô súp

đặc. Ở cái vùng lạc hậu, nghèo nàn này, con không thể nghĩ là Trung Quốc đang có chiến tranh với những kẻ ngoại bang. Dân ở đây không biết đến báo chí. Họ không biết đọc. Mặc dù chiến sự đã bắt đầu, những người ở đây không nghĩ là mảnh đất của họ đáng cho kẻ khác giành giật. Họ chẳng có thời gian để lo lắng về bất cứ cái gì ngoại trừ giá gạo, giá thóc giống cho vụ mùa năm tới, làm thế nào họ có thể tồn tại khi hết tiền.

Đọc đường chúng ta không gặp bất cứ một tên Nhật nào. Kẻ thù duy nhất của chúng ta là một thân cây đổ nằm chắn ngang đường, một ổ gà lớn giữ bánh xe của chúng ta lại, những sự việc đại loại như thế.

Một lần có một con heo nhất định không chịu tránh đường, ông già Mã nhún cùi nhiều lần, từ từ lái về phía trước, ủi con heo với cái chắn bùn, nhưng con heo quay lại húc đầu tấn công cái xe như thể cái xe cũng là một con heo. “Oa!” chúng ta cười đau cả bụng. Hồi Văn Phú nói hấn có cách giải quyết vấn đề. Hấn nhảy xuống xe, lôi khẩu súng ra khỏi bao quàng ngang ngực.

“Đừng bắn nó”, ta gào lên, “nó sẽ đi ngay thôi”. Nhưng Văn Phú đâu có nghe ta hấn bước lại chỗ con vật lúc này đang dí mũi vào cái bánh xe. Huệ Lan nhắm mắt lại. Gia Huy nói, “Hấn chỉ đùa thôi”. Còn Văn Phú nhắm bắn về phía con heo. Tất cả chúng ta đứng lên nín thở, cũng giống như con heo ấy. Đôi tai dựng lên, cái đuôi cứng ngắc chổng lên trời, nó quan sát Văn Phú với đôi mắt cảnh giác.

Bất thình lình một ông già chạy từ bên đường tới kêu lên, “Thế là mày ở đây đấy, cái con vật thối tha kia”, ông già chạy đến vung vẩy ngọn roi có một núm tua rua. “Con heo xấu xa!” ông nện nó, “tới đây con vật xấu xa”. Ta nhẹ cả người, thở dài nhẹ nhõm. Tất cả chúng ta phá ra cười, nhưng đúng lúc đó Văn Phú đã quay lại phía con heo bóp cò chỉ một phát đúng vào giữa bụng. Con vật đáng thương rống lên, máu túa ra. Nó chạy loạn choạng sang bên kia đường rồi lăn xuống một cái rãnh chổng bốn vó lên trời.

Miệng há hốc, ông già chạy lại nhìn con heo, rồi đập cái tua rua xuống đất trước khi giơ lên chỉ vào mặt Văn Phú, “Mày có phải là một con quỷ điên khùng không?” ông già gào lên. Văn Phú cau mày, đoạn nhắm khẩu

súng về phía ông già, đôi mắt ông mở to như hai đồng xu. “Này” Gia Huy đứng dậy hét, “Dừng lại!” Văn Phú hạ súng xuống, nhếch mép cười với Gia Huy. “Tất nhiên tôi chỉ đùa thôi” hắn nói, bỏ súng vào bao rồi nhanh nhẹn trèo lên thùng xe. Nhưng ta có thể cảm thấy mọi người xung quanh ta sợ hãi như thế nào, không ai mở miệng suốt ngày hôm ấy. Tới Trường Sa chúng ta đi qua những ngọn đồi tới những thửa ruộng bậc thang trồng lúa. Đó là nước Trung Quốc mà người Mỹ các con thường nhìn trên phim ảnh, một vùng quê nghèo nàn, dân quê đội những chiếc nón rộng vành để tránh nắng. Không, ta không bao giờ đội những cái nón như thế. Ta là người Thượng Hải. Một cái nón như thế, cũng giống như ý nghĩ một người ở San Francisco, đội nón cao bồi và cười ngạo. Thật lố bịch!

Dù sao dân ở vùng này rất giản dị, trung hậu, và thân thiện nữa. Ban ngày chúng ta dừng lại ở một làng nhỏ, bọn trẻ con lập tức vây quanh nhìn không chớp mắt. Tuy vậy chúng không bao giờ chạm vào khách hoặc hỏi han gì cả. Người giúp việc sẽ mua đồ ăn cho chúng ta ở những quán ven đường. Đó là những món ăn địa phương vừa được nấu xong - một tô mì dương - dương hoặc là mỡ heo hầm với bắp cải. Một lần chúng ta còn được ăn món đậu hũ chiên với tiêu cay sè tuyệt ngon, món ăn ngon nhất mà chúng ta nếm trong vòng 200 dặm. Khi đêm đến, chúng ta nhanh chóng tìm một chỗ nghỉ trên chặng thiên lí vì đường đi rất tối, một người lái xe gà gât sẽ dễ dàng lao xuống ruộng, cũng giống như Văn Phú đã làm với chiếc xe nhỏ của hắn ở nghĩa trang. Vì thế khi trời lặn chúng ta cũng nghỉ, đó là khi chúng ta chiêm nghiệm sự may mắn của chúng ta là gì.

Một lần nó nằm ở một chỗ trú ẩn dễ thương, một khách sạn đơn giản với những cái giường sạch, phòng tắm dùng chung. Một lần khác nó là một cái mái che trên đầu, một ngôi trường hoặc là một trạm y tế trên đồi. Lần khác đó là những thanh gỗ dựng lên trong chuồng heo, suốt đêm những con vật đáng thương này cứ hằm hè ỉn ỉn ở bên ngoài, cố gắng đuổi cổ những kẻ chiếm nhà.

Chúng ta không kêu ca gì. Người Trung Quốc biết cách phù hợp với hầu hết ngoại cảnh. Hoàn cảnh xuất thân của con giàu hay nghèo không thành vấn đề nữa. Chúng ta luôn luôn ý thức được rằng tình cảnh của chúng ta thay đổi từng phút từng giờ. Con thật may mắn được sinh ra trên đất nước này. Con không phải lo lắng về điều đó.

Trên những chặng đường tao loạn, chúng ta đi qua đủ các vùng đất của những người dân tộc với những chiếc nón bần thiêu đội trên đầu. Họ chạy ra chỗ chiếc xe, cố gắng chèo kéo bán đồ cho chúng ta, thuốc lá, diêm, một cái li làm từ hộp thiếc, những món đồ linh tinh như vậy. Khi họ mời chào những món ăn ngon nhất, hảo hạng nhất thì điều mà con nên làm là nhìn chằm chằm vào hai miếng thịt khô nằm trên chốc bát com, tự hỏi không biết nó là từng là thịt con gì?

Ta nhớ cuối cùng chúng ta cũng đến thành phố lớn Quế Dương. Chúng ta ở lại đây vài ngày để người ta có thể sửa lại xe, lấy thêm xăng cho một chặng đường dài đầy khó khăn đến Côn Minh. Văn Phú biết một câu thành ngữ về Quế Dương, một câu đại loại như thế này “Trời không bao giờ có ba ngày đẹp, đất không đầy quá ba phân.” Đó là bởi vì mưa thối trời thối đất. Thành phố lớn nhón những tòa nhà, những con đường lên lên xuống xuống như vậy rỗng. Đằng sau thành phố là những đồi núi đá sắc nhọn đứng sừng sững trông như những người thượng cổ đứng im không nhúc nhích.

Mọi người ra khỏi xe, một đừ sau một ngày dài rong ruổi trên đường. Ông già Mã chỉ vào một quán ăn bên kia đường nói rằng chúng ta có thể ăn com ở đây trong khi anh ta tìm cho chúng ta một cái khách sạn. Thế là chúng ta bước sang đường. Ngay trước cửa nhà hàng chúng ta nhìn thấy một thùng gỗ khổng lồ. Nhìn vào trong chúng ta thấy lúc nhúc lươn trắng vẫn còn sống, đang bơi lội. Ở Thượng Hải, món này rất hiếm, cực đắt. Ở đây chúng ta biết được rằng lươn trắng nhiều đến nỗi có thể gọi nó như một món ăn thông thường - sáng, trưa, tối.

Người đầu bếp thọc cái vợt vào thùng, vớt lên những con lươn trơn trượt, hỏi chúng ta. “Tươi hỉ?” Đêm ấy chúng ta xơi mất mấy đĩa lớn cao có ngon thịt lươn xắt khúc dày như ngón tay. Chúng ta đồng ý với nhau rằng đây là bữa ăn ngon nhất từ trước đến nay. Vì thế khi ông già Mã nói rằng anh ta đã tìm cho chúng ta một khách sạn hạng nhất trong thành phố, thì chúng ta nghĩ ngay đến một cung điện.

Để ta nói con nghe, nó thật sự kinh khủng - mông muội, bần thiêu. Khi ta hỏi buồng tắm ở đâu họ nói “bên ngoài”. Ta đi ra ngoài không có buồng tắm, không có nhà cầu, thậm chí không có một bức màn che. Khi họ nói

bên ngoài thì có nghĩa là bên ngoài vậy thôi - một chỗ vô cùng bẩn thỉu nơi mà việc làm vệ sinh của mọi người diễn ra ngay trước mắt con. Ta có thể cười về điều đó lúc này, nhưng hồi ấy ta tự nhủ, chẳng thà ta nhìn còn hơn. Ta trở về phòng, nhìn cho đến lúc ta gần như xị cả ra ngoài. Nước mắt, mồ hôi chảy thánh thót trên mặt ta. Thật thế, ta đợi thật lâu cho đến lúc ta buộc phải ra bên ngoài.

Bên trong khách sạn cũng tồi tệ như thế. Họ dùng đủ thứ để làm nệm - những cọng rơm bẩn thỉu vẫn còn lẫn nhón đá dăm, lông gà, những thứ mà con cũng chẳng thể hình dung là cái gì. Vỏ nệm vừa mỏng vừa chưa từng nhúng vào nước nóng để làm chắc những thớ vải vì thế đối với những con rận việc trốn vào trong tấm nệm dễ dàng như là đi qua một cái cửa mở. Suốt đêm chúng bò ra để hút máu mủ trong khi chúng ta đang ngủ. Thật đấy ta nhìn thấy chúng trên lưng Văn Phú. Ta bảo hấn, “Vết gì thế này, chỗ này, giống như những chấm ban đỏ.”

Hấn với tay ra sau chạm vào mấy con rận rồi la “oai oái”. Hấn nhảy cá tung, đập vào lưng cổ rử cho rận rơi xuống. Ta cố gắng nín cười. Cuối cùng khi hấn bình tĩnh lại, ta giúp hấn bắt những con kí sinh trùng, nơi miệng chúng cắn vào bây giờ có những vết đỏ thâm dưới da. Đến lượt Văn Phú hét lên rằng ta cũng có một con trên gáy. Ta cũng bắt đầu nhảy, kêu la, hấn cười vang chỉ cho ta cái mà hấn bắt được sau đó lấy móng tay giết. Những con rệp hôi thôi! Cái mùi mới kinh khủng làm sao!

Ngày hôm sau, ta nghe mọi người đều có vấn đề tương tự. Trong bữa ăn sáng chúng ta than phiền với ông Mã một cách đùa cợt. Sau đó Gia Huy vào phòng thông tin mới nhận được. Quân Nhật đã chiếm thủ đô: Nam Kinh bây giờ bị phong tỏa hoàn toàn. Anh ta không bảo cho chúng ta biết là người ta có kháng cự hay không, dân chúng có được bọn xâm lược đối xử như đã hứa hay không. Không ai biết điều gì đã xảy ra.

Ta nghĩ về Vân Betty, những lời mạnh mẽ của cô. Liệu cô có cúi đầu chịu thua trước bọn Nhật? Ta chắc rằng những người kia cũng có những suy nghĩ tương tự mặc dầu trong chúng ta không ai nói về những cảm xúc của mình. Chúng ta yên lặng, không ai còn than phiền về cuộc sống của chúng ta ở Quế Dương nữa, thậm chí dù chỉ là đùa cợt.



Sau khi rời Quế Dương chúng ta đi lên cao hơn về miền sơn cước. Huê Lan và ta ngồi nhìn ra những vùng đồi núi lặng lẽ. Chỉ nhìn những vách đá dựng đứng cũng đủ làm cho chúng ta cảm thấy chúng ta đã muốn lộn nhào xuống đất. Con đường ngày càng trở nên nhỏ hẹp hiểm trở hơn. Mỗi lần xe gặp phải chướng ngại vật hoặc một cái hố và chúng ta lại kêu lên, “Oa,” sau đó chúng ta cười khúc khích rồi lấy tay bịt miệng. Tất cả chúng ta đều ngồi trên thùng xe này tung tung trên những chiếc vali, cố gắng vịn vào một cái gì đó để chúng ta không dễ dàng trượt ngã, đập lưng xuống sàn.

Lâu lâu ông già Mã để ta ngồi phía trước với anh ta bởi vì ta đang có bầu. Anh ta không nói lí do. Anh ta không bao giờ đưa ra một lí do nào với bất cứ ai. Anh ta sẽ nhìn mọi người vào mỗi buổi sáng trước khi lên đường, khi anh ta gật đầu với ai thì điều đó có nghĩa là người ấy được ngồi trong khoang lái.

Trên đường đi ông già Mã trở thành người có quyền nhất trong nhóm chúng ta, giống như một vị hoàng đế. Cuộc sống của chúng ta tùy thuộc vào anh. Tất cả chúng ta đều biết rằng cái ghế phía trước được coi như một vương miện. Nó có một cái nệm, nếu con một con có thể duỗi chân dài phía trước, ngã đầu ra phía sau mà ngủ. Nó không giống như ở thùng sau của xe tải nơi mọi người bao giờ cũng phải tranh nhau một vài phân để tránh đầu gối người khác thúc vào mình. Một cơ hội được ngồi lên phía trước. Ngoài ra tất cả mọi thứ khác thậm chí cả những thứ trong vali đều là vô giá trị. Tất nhiên, chúng ta có nhiều lí do đưa ra để chúng ta được ngồi phía trước. Người ta nói về những lí do này trong bữa ăn vì biết ông già Mã lắng nghe, một ông già than phiền về chứng viêm khớp, một người khác bị bệnh ở Quế Dương không lây nhưng anh ta vẫn còn yếu lắm. Một người khác ngụ ý nhiều lần rằng anh ta là một sĩ quan quan trọng như thế nào. Gia Huy thú thật rằng anh ta là một phi công cao cấp một đội trưởng vừa mới được bổ nhiệm. Huê Lan hết lời khen ngợi sự nhanh trí của ông già Mã trong khi lái. Còn Văn Phú đưa cho anh ta những bao thuốc lá hoặc là mời anh ta chơi những ván bài mà ông Mã bao giờ cũng thắng.

Vào ban ngày đường lên núi bao giờ cũng đông nhưng không phải vì xe cộ, không có phương tiện giao thông ở đây, chỉ có những bọn trẻ con với bao gạo lớn trên lưng hoặc một người đàn ông đi bên cạnh cái xe bò kéo hoặc là dân làng với những cái quán dựng tạm để buôn bán. Khi họ nhìn

thấy chúng ta đi tới họ sẽ đứng ép sát vào chân núi để nhường lối cho chúng ta qua, nhìn chúng ta không chớp mắt sau đó nhìn xuống con đường mà từ đó chúng ta xuất hiện.

“Bọn Nhật sẽ tới đây sớm đây,” Văn Phú đùa với họ. Và những người dân đáng thương này cảm thấy sợ hãi. “Chúng còn cách đây bao xa?” một ông già hỏi. “Không có gì phải lo lắng về điều đó,” Gia Huy kêu lên với họ “y chỉ đùa thôi, không có ai tới đâu.” Nhưng dân làng hành động như họ không nghe thấy Gia Huy. Họ vẫn nhìn xuống dưới đường.

Rồi một đêm ông già Mã dừng xe ở một bên đường, nhảy xuống, bảo chúng ta không có người dân nào đến đây trong vài giờ nữa. “Chúng ta sẽ ngủ ở đây”. Anh ta nói thế, nằm dài trên cái ghế tài xế không thảo luận thêm gì nữa. Con không thể nói là con đường chấm dứt ở chỗ nào cũng như chỗ nào là vách đá, chỗ nào là bầu trời. Không ai dám đi quá xa chiếc xe. Chẳng mấy chốc, bọn đàn ông đã làm một cái bàn nhỏ từ những chiếc valy chồng lên nhau, họ bắt đầu đánh bài dưới ánh sáng của một ngọn đèn cầy. Đứa bé trong bụng ta bây giờ đã nặng lắm, ta thường cảm thấy nhức nhối mỗi khi lê chân bước đi. “Tôi phải đi vệ sinh một chút chị có đi không?” Ta hỏi Huê Lan, cô ấy gật đầu. Thế là ta nghĩ ra một cách rất khôn ngoan. Ta cầm tay Huê Lan bảo cô ấy đi theo ta, tay kia ta lần theo sườn núi với những vách đá. Trong khi ta lần tay theo sườn núi, chúng ta rời xa khỏi những người đàn ông đến một chỗ khuất, tại đây cả hai chúng ta đều đi vệ sinh. Ta đã thay đổi nhiều kể từ khi Huê Lan và ta gặp nhau lần đầu tiên - ta đã không ngưng ngừng về những vấn đề này nữa, không phải như cái kiểu ta hành động trong nhà tắm ở Hàng Châu, cảm thấy mệt, chúng ta tựa vào vách núi nhìn lên bầu trời. Chúng ta không nói gì trong vòng vài phút, không cần một ngôi sao sa trên bầu trời.

Bỗng Huê Lan phá tan im lặng, “Một lần mẹ em chỉ cho em những vị thần tiên của bầu trời đêm. Bà nói trông họ rất khác nhau tùy thuộc vào đường đi của các vì sao. Đôi khi có thể nhìn thấy trước mặt, đôi khi nhìn thấy sau gáy.” Ta chưa từng nghe những chuyện như vậy. Ta không chắc điều này có đúng ở trong vùng cô ở hay không, vì thế ta chỉ hỏi, “Loại nào?”

“Ồ em quên bằng mắt rồi,” cô ta buồn rầu nói, lại lặng im. Sau một vài phút cô ta đột nhiên nói. “Em nghĩ có thể một trong những vị thần có tên là cô gái rắn. Nhìn kìa, trông nó không giống một con rắn với một đôi mắt đẹp trên đầu à? Còn cái này nữa với một đám mây lớn trôi qua em nghĩ đó là thiếu nữ chăn bò trên thiên đình.”Ồ ta đã nghe chuyện này. “Người con trai mới là người chăn bò, cô ấy là cô gái vẫy tay,” Ta sửa lại “một trong bảy cô con gái của ông Táo.”

“Có lẽ thế hoặc giả em nhớ đến chị của người chăn bò.” Ta không cãi lại, Huê Lan nhớ hay quên hoặc là cô ta bịa ra cũng không thành vấn đề. Ta quá mệt, ta để cho đầu óc ta lang thang, ta cùng nhìn lên những ngôi sao trên bầu trời. Ta tìm thấy một ngôi nhà mà ta gọi là người yêu ngỗng bị xa cách, một cái nữa ta đặt tên là người đàn bà chết đuối với mớ tóc xõa ra, sau đó chúng ta bịa ra những câu chuyện theo những hình tượng đó, những câu chuyện bao giờ cũng được bắt đầu bằng câu ngày xưa ngày xưa, tiếp theo là nơi chốn, dựa theo kí ức của tuổi thơ. “ở vương quốc kia có một nữ hoàng với một cái đầu ngựa hoặc ở mắt của ngọn núi thiên đàng”.

Ta không nhớ những chuyện này một cách chính xác, chúng rất ngắn ngủn, những câu chuyện của Huê Lan còn ngắn hơn nữa. Chuyện của cô ta bao giờ cũng kết thúc với kết cục nhân vật chính bắt ngờ cưới một con vật xấu xí, con vật này cuối cùng hóa ra lại là một công chúa xinh đẹp, tốt bụng. Ta nghĩ những câu chuyện của ta liên quan đến những bài học mà ta học được trong trường đời - không ăn quá nhiều, không nói quá to, không lang thang ban đêm một mình. Dù sao thì bao giờ chúng cũng nói về những người rời khỏi mặt đất bay lên bầu trời bằng cách thức khôn ngoan của họ. Mặc dầu, ta không còn lưu những hình ảnh đẹp đẽ trong đầu, ta vẫn nhớ cái cảm giác của tình bằng hữu khi chúng ta nhìn lên bầu trời.

Chúng ta đã bám lấy những điều nhỏ nhất như thế đây - một câu chuyện tưởng tượng, một ngôi sao xa xôi đã trở thành một cái gì gần gũi hơn trong lòng chúng ta. Suốt chặng đường, chúng ta tìm thấy những dấu hiệu của một sự mãn nguyện của tự nhiên, một sự bình yên không bao giờ thay đổi. Chẳng còn gì khác để nhìn ngắm. Một lần chúng ta nhìn thấy một con chim đậu trên lưng một con bò đang gặm cỏ. Chúng ta hình dung chúng là một đôi bạn một nhỏ, một to mãi mãi bên nhau. Một lần chúng ta nhìn thấy một thằng bé gầy dơ xương ở trong làng vắng chúng ta với một nụ cười thân

thiện, không giống như thằng bé ở bên Hồ ngoại ô Nam Kinh, nó cũng khôn ngoan nữa - nó gọi chúng ta nhớ đến những cậu em họ của chúng ta, những đứa mà giờ đây trong ký ức của mình chúng cũng trở nên ngoan ngoãn. Ngày ấy chúng ta cảm thấy có gì trong tim làm cho chúng ta quên hết thấy những khổ đau chúng ta đã trải qua, có những khó khăn chưa biết vẫn còn nằm phía trước.

Chúng ta nghỉ đêm tại một làng có tên gọi là Hai mươi bốn sự đổi thay. Nơi bắt đầu của một đoạn đường đèo qua núi. Một dân làng nói rằng tốt nhất là nên qua đèo ngày hôm ấy, bởi vì ngày hôm sau một chiếc xe quân sự sẽ đi qua từ hướng khác, bắt đầu từ một làng trên đỉnh đèo tên là Hoi thờ của Thiên Đường. Nếu chúng ta gặp họ đi lên thì thật là tai họa. Không có chỗ cho hai chiếc xe quân sự tránh nhau. Xe của chúng ta đang xuống dốc, sẽ phải chạy giạt lùi một đoạn dài cho đến khi chúng ta tìm được một chỗ tránh. Điều đó thật nguy hiểm: Nếu lái xe của chúng ta mất tập trung hoặc thậm chí chỉ phạm một sơ suất nhỏ thế là lộn xuống vách đá, đi đời nhà ma!

“Còn bao nhiêu dặm trước khi chúng tôi kết thúc 24 thay đổi này?” ta hỏi một người dân sở tại. Người này cười, “không phải 24 cái cùng một lúc cô chủ trẻ ạ,” ông ta nói. “Có thể là 24 trong mỗi dặm. Phải, một người phải đi 48 dặm trước khi đầu, bụng hẳn thôi không quay mòng mòng. Nhưng các cô chú phải để ý đến bóng ma của thiếu phụ áo trắng. Bà ta thích kéo mọi người ra khỏi con đường buộc họ ở lại lâu hơn, uống với bà 10 ngàn tuần trà. Đó là trà bất tử chúng tôi gọi nó như vậy. Nếu cô uống một ngụm, cô sẽ không bao giờ muốn rời ngôi nhà mây của bà, có thể cô sẽ quên đường về!”

Người đàn ông này có một khiếu hài hước thật kinh khủng! Những câu đùa sẽ thu hút hiểm họa! Ta không hiểu tại sao mọi người đều cười kể cả Huê Lan. Khi chúng ta bắt đầu qua đèo ngày hôm ấy con có thể nhìn thấy những đám mây lửng lơ trôi trên đầu gió hú lên từng cơn dài “u u u” rồi lại im lặng. Chúng ta quần chần thật chặt quanh người, chiếc xe bắt đầu leo dốc. Sau 24 khúc cua thứ nhất, chúng ta đã ở ngay dưới những làn mây mỏng gió gào thét mạnh hơn. Sau 24 khúc quẹo nữa mây đã quần ngang người chúng ta, đặc như sữa, rồi bất chợt cả thế giới biến thành màu trắng, lái xe của chúng ta hét lên rằng anh ta không thể nhìn xa được. Chiếc xe dừng lại. Mọi người nhảy xuống, trừ ta, miệng làm bầm, “Thật lạ lùng!” Ta

nghe giọng Văn Phú hét lên, “Sao chúng ta lại dừng lại? Không nghe người đàn ông nói gì ư, tiếp tục đi thôi!”

Ta nhìn Văn Phú, cái lỗ đen ngòm trong miệng hắn đang gào lên trong gió. Ta nhìn những người khác khuôn mặt họ mờ ảo sau lớp sương mù giống như mây, rất đẹp nhưng cũng rất đáng sợ. Ta tự hỏi có phải họ đã chết, chỉ mình ta biết điều đó. Ta nhìn xuống, không thấy con đường phía dưới.

“Cái gì sẽ đến với chúng ta đây?” ta gào lên. Những âm thanh dường như biến mất ngay khi nó được phát ra. Một lần nữa, ta lại có cảm giác là chúng ta đã chết. Ta tưởng tượng tiếng nói của ta chìm vào trong đám mây đầy những lời oán thán bi thương của những con ma cho đến khi những đám mây nặng hơn chúng rơi xuống thành những giọt nước mắt, giọt mưa.

Sau đó Huê Lan trèo trở lại thùng xe đặt phịch cái mông xuống một chiếc valy, ta biết rằng chúng ta chưa chết bởi vì một con ma thực sự không vụng về đến thế.

“Cũng giống như câu chuyện mà em đã kể cho chị.” Cô ta nói về cô gái chăn bò của thiên đình. “Đó là sữa của những con bò trên thiên đình đổ xuống từ bầu trời”. Ta tự nhủ một con ma thật không bao giờ nói những điều ngu xuẩn như thế.

Cô ta mở valy của mình, thọc tay vào bên trong cho đến khi cô ta lôi ra một cái gì trông như một cái áo cưới màu đỏ kiểu cổ, cô ta làm cái gì thế vậy? Cô ta ném cái áo cho Gia Huy. Anh này rất bình tĩnh ra lệnh cho mọi người quay trở lại thùng xe ngay. Bây giờ ta có thể thấy Huê Lan bắt chước sáng kiến của ta mấy đêm trước. Gia Huy lặn một tay theo sườn núi, sự thô ráp của nó cho anh biết rằng anh vẫn chạm vào thế giới thực. Tay kia anh cầm cái áo màu đỏ để nó bay phần phật trong gió làm cờ hiệu cho người lái xe có thể đi theo Gia Huy. Chiếc xe bắt đầu chuyển bánh rất chậm, nhưng ít nhất thì chúng ta cũng bắt đầu chuyển động. Nửa tiếng sau Gia Huy trèo trở lại thùng xe ướt sũng, kiệt sức sau cái lần lên dốc. Văn Phú thay thế anh, tiếp theo sau hắn là một phi công khác cho đến khi từng phân từng phân một, bầu trời trên đầu chúng ta trở nên sáng hơn, những đám mây mỏng

hơn, có một màu xanh nhạt, chúng ta không cần đến cái váy cưới màu đỏ để vượt qua những hiểm nguy trên đường.

Chúng ta tiếp tục cua quẹo, bò lên - qua rất nhiều những khúc cua gấp mà con không thể thấy được cái gì phía trước hoặc là một khúc đường cong khác, cho đến khi cuối cùng chúng ta hoàn toàn ra khỏi gió, mây. Tất cả chúng ta vừa thở hắt hắt vừa ngạc nhiên làm sao - sau đó thì thở dài xao xuyến bởi vì bây giờ chúng ta đang ở một nơi mà con chỉ có thể đọc được trong những câu chuyện cổ - chín tầng trời xanh biếc trên đầu, mây trắng quần dưới chân, tất cả những vấn đề lớn nhỏ trên đời đều bị bỏ lại phía dưới.

Suốt cả buổi chiều còn lại chúng ta đi lang thang trên những đỉnh núi này, cao cao trên những đám mây lòng thót thối. Chúng ta giống như những người đã chết, biến thành những vị thần bất tử, hạnh phúc, cường tráng khôn ngoan, tốt bụng.

Người đàn ông bị ốm ở Quê Dương bây giờ nói là anh ta cảm thấy rất khỏe, ông già bị chứng viêm khớp giờ tay lên tuyên bố ông ta cảm thấy khá hơn trước rất nhiều. “Nơi này giống như một mùa xuân thần kì mà tôi từng gặp,” Huê Lan nói, “có thể chữa lành được mọi thứ. Nó giải phóng những năng lực bên trong mà anh cũng không biết là mình có.” Đó lại là một kiểu chuyện ngu ngốc nào đó mà cô ta kể ở Hàng Châu nhưng bây giờ mọi người đều đồng ý với cô, kể cả ta. Không chỉ có Huê Lan giải bày những cảm xúc của mình, ta thấy cả Văn Phú cũng phơi bày một góc trong tâm hồn hẩn mà ta còn chưa biết.

“Thế này cũng giống như là bay ấy,” hẩn bảo ta. “Đó là một niềm vui, nhìn xuống, thấy những đám mây phía dưới - điều tốt đẹp nhất. Thỉnh thoảng anh hạ cánh trên ngọn những đám mây sau đó lại trở về với ánh nắng mặt trời, giống như là bơi trên những ngọn sóng bạc đầu ấy.” “Thật thế à? Bao giờ cũng thế à?” ta sốt sắng hỏi với một giọng đầy hứng khởi. “Thật thế. Bao giờ cũng như thế,” hẩn nói, “đôi khi anh vô cùng hạnh phúc anh hát to lên.” Ta cười trong khi hẩn cất tiếng hát - bài nhạc kiểu vui nhộn mà hẩn đã hát, khi ta gặp hẩn lần đầu tiên gần một năm về trước, ở sân khấu làng. Ta ngạc nhiên khi nhận ra giọng hát của hẩn rất tốt. Bây giờ thì cả thế giới nghe tiếng hát của hẩn, hẩn đang hát cho ta nghe. Cái ngày hôm ấy ở

trên núi, ta nghĩ con có thể đoán ra cảm xúc của ta. Thật may mắn khi đã được ở đây. Thật may mắn khi có những người bạn này. Thật may mắn khi có chồng bên cạnh. Trái tim ta ngập tràn hạnh phúc cho đến khi nó nhức nhối vì có quá nhiều xúc cảm, ta quên mất rằng ta sẽ phải rời chôn này. Chúng ta đến cái làng trên đỉnh, cái làng có tên Hơi thở của thiên đình. Ở đây, chúng ta đồng ý sẽ dừng lại sớm, ở lại suốt đêm. Có sao không làm cho cái cảnh thần tiên này kéo dài hơn. Sau đó chúng ta nhìn thấy một cái xe quân sự đang đi lên từ phía bên kia dốc. Nó đã ở đây, sẵn sàng đi xuống con đường mà chúng ta vừa đi. Tại sao không khoác lác với họ về những cảnh thần tiên mà chúng ta đã chứng kiến. Chúng ta sẽ bảo họ trước những cái gì phải nhìn ngắm. Chúng ta vội vã ra khỏi xe. Văn Phú nhắc bổng ta lên nói đùa rằng ta bị như hai người vợ. Ta chẳng để tâm. Chúng ta bỗng trông thấy những người lính đang ngồi trên mặt đất, lặng lẽ âm thầm. Ngay khi nhìn thấy khuôn mặt họ, chúng ta biết rằng những người đàn ông này chẳng có bụng dạ nào nghe câu chuyện vui vẻ của chúng ta. Họ kể cho chúng ta nghe họ đang trên đường tới Trung Kinh góp một tay xây dựng thủ đô mới vì những điều đã xảy ra ở cố đô. Sau đó chúng ta biết những điều chúng ta không biết ở Quế Dương, những tin tức về Nam Kinh.

Ai mà biết được tại sao bọn Nhật bội ước? Có thể có ai đó đã ném đá vào chúng, có thể có ai đã từ chối cúi đầu trước mặt chúng. Có thể bà già đã cố ngăn người bên cạnh, la hấn. “Hãy cư xử tử tế! Anh muốn chúng ta gặp rắc rối à?”

“Chúng nói láo,” một trong những người ngồi ở dưới đất nói. “Hãm hiếp người già, phụ nữ có chồng, cả những đứa con gái nhỏ, hết thằng này đến thằng khác hết lượt này đến lượt khác. Giết chết họ bằng gươm sau khi đã hãm hiếp xong. Chặt những ngón tay họ để lấy nhẫn. Bắt tất cả bọn con trai để diệt cỏ tận gốc. Hiếp 10 ngàn người, chặt đầu 20, 30 ngàn người, không còn con số lớn hơn, không còn người sống nữa.”

Ta hình dung tất cả những điều đó trong đầu. Bà già nấu bếp cho chúng ta, Vân Betty, thằng bé ném đá bên hồ. Ta nghĩ, những điều này đã xảy ra khi chúng ta có chuyện vui buồn, trong khi ta ca thán về việc di chuyển từ nơi này sang nơi khác. Ta nghe nói rằng không còn nguy hiểm cho ta tuy ta có biết bao nhiêu âu lo và sợ hãi trong lòng mà ta không thể tin được ta bảo người lính, “Chuyện đó không thể là sự thật. Chỉ là lời đồn đại thôi.”

“Thì cứ tin như thế nếu chị muốn,” y nói, nhỏ toẹt xuống đất.

Sau này ta biết rằng ta đã đúng, những điều người lính nói chỉ là những lời đồn thổi. Bởi vì con số những người chết còn cao hơn rất nhiều lần. Một sĩ quan nói với ta rằng có thì có 100 ngàn người chết, mặc dù ta cùng chẳng rõ làm thế nào mà anh ta biết được? Ai có thể đếm được ngàn ấy người trong một lúc. Họ có đếm được bao nhiêu xác người bị đẩy xuống sông không? Thế còn tất cả những người nghèo không bao giờ được tính đến cả khi họ còn sống thì sao?

Ta cố hình dung về điều này. Sau đó lại cố tổng những ý nghĩ đó ra khỏi đầu. Điều đã xảy ra ở Nam Kinh, ta không thể nói như là nỗi bất hạnh của chính ta. Ta đâu có bị ảnh hưởng gì, ta đâu có bị giết. Tuy vậy nhiều tháng sau ta vẫn mơ những giấc mơ dữ. Ta nằm mơ chúng ta trở lại Nam Kinh kể cho bà bếp, Vân Betty về phong cảnh tuyệt vời ở làng Hơi thở của thiên đình, khoác lác về những món ăn ngon ở Quê Dương mà chúng ta đã xơi. Bà bếp thủng thẳng nói, “Các chị đâu có cần bỏ Nam Kinh đi để nếm những món ăn ngon lành đó. Chúng tôi cũng có những điều ấy ngay tại Nam Kinh này.”

Ngay trước mặt ta bà để ra một đĩa đầy những con lươn trắng, đầy như ngón tay, chúng vẫn còn sống, cố gắng bơi ra khỏi đĩa của ta.

Helen nói rằng có một nhà hàng vừa mới khai trương - họ cũng có đúng cái loại lươn ấy, nấu với tía tô, dầu cay. Dì ấy muốn chúng ta đến ăn thử xem họ nấu có ngon lành không. Nhưng ta từ chối. Ta chẳng còn hứng thú gì với cái loại lươn này nữa. Lưỡi ta cũng chẳng còn ham thưởng thức những món ngon vật lạ như ngày xưa. Ví dụ, ta không ăn cần tây nữa. Vậy mà cả đời ta đã thích cần tây. Bây giờ vừa ngửi thấy mùi cần tây ta đã tự nhủ là không. Ta không nhớ cái gì đã làm cho ta không thích nó nữa. Nhưng còn những con lươn này thì ta biết, con biết tại sao vài kỉ niệm chỉ sống trong lưỡi hoặc mũi con, lại có những kỉ niệm khác lại sống trong tâm không?



## 14. MẮT HỎNG

Bây giờ ta sẽ nói con nghe khi nào thì tất cả những vận may của ta thay đổi, từ chỗ xấu đến xấu hơn, rồi nói ta nghĩ xem đó có phải lỗi của ta không.

Lúc đến Côn Minh thì ta đã có bầu bảy tháng, bụng chèn bè ra với một đứa bé mà ta nghĩ sẽ chui tọt ra ngoài mỗi khi xe tải vượt qua một ổ gà. Chúng ta đã ra khỏi vùng núi, người tài xế xem ra rất vội vã. Anh ta phóng nhanh trên con đường đồng bằng, còn ta thì hai tay ôm bụng mỗi khi chúng ta xô nghiêng ngã vào nhau. “Này,” Gia Huy hét lên với ông già Mã, “nếu anh phóng nhanh hơn một chút nữa thì anh đưa thẳng chúng tôi xuống địa ngục đó.” ông già Mã ngoái lại, “Nhanh hơn hả?” anh ta hét lên át cả tiếng động cơ, đoạn cất tiếng cười. Trước khi Gia Huy có thể nói gì, chiếc xe lại lao về phía trước với một sức mạnh mới.

Không thành vấn đề. Tất cả chúng ta đều nôn nóng về nhà mới. Không còn phải leo lên thùng xe mỗi buổi sáng, không còn những thôn làng tồi tàn với thức ăn không sao nuốt nổi. Nhưng vẫn còn là mùa đông. Tuy những làn gió thổi vào mặt chúng ta không còn lạnh buốt nữa. Có vẻ như tất cả chúng ta đã đến một vùng đất có một mùa hoàn toàn khác: một mùa xuân vĩnh cửu.

Huê Lan quay sang ta, “Nhìn kia”. Côn Minh cũng giống như trong câu thơ non xanh nước biếc như tranh họa đồ. “Bầu trời mới đẹp làm sao!” Tất nhiên vào lúc ấy chúng ta mới chỉ nhìn thấy vùng ngoại ô thành phố. Khi chúng ta tiếp tục tiến lên, phong cảnh hữu tình biến mất.

Chiếc xe đi chậm lại, bác tài bóp còi bim bim, chúng ta đi qua hàng trăm người, tay xách nách mang về mỗi một, Văn Phú hét lên bảo họ “Đẹp đẹp bên lề! Tránh đường!” Khi họ không nhảy lên theo lệnh hấn thì hấn

chửi họ “Louyi!” một câu chửi rất tục, gọi những con người đáng thương này là đồ con sâu cái kiến.

Chỗ này chỗ kia chúng ta nhìn thấy những người làm phu làm đường nạy những tảng đá lớn trên đường ném lên những xe goòng. Xa hơn nữa, chúng ta đi qua một cái xe tải quân sự nữa rồi một cái khác, cái khác nữa.

Văn Phú vẫy họ khi đi qua, chỉ vào ngực và kêu lên, “Không quân, Hàng Châu, khóa 2.”

Sau đó chúng ta đi vào thành phố đông đúc, nhộn nhịp, một thành phố lớn, lớn hơn ta hình dung nhiều. Chúng ta đi ngang qua một ga xe lửa, xuôi xuống một con đường rộng với những ngôi nhà xám, chẳng ra cổ điển cũng chẳng ra tân kì. Rồi đường phố trở nên hẹp hơn, đông đúc, ồn ào với khách đám đông bộ hành, xe cộ. Bác tài bấm còi liên tục. Không khí trở nên nặng nề hơn với những mùi khó ngửi. Ta đau đầu lắm. Ta nhìn thấy những ngôi nhà bằng gạch chen chúc bên nhau, một số khác nom quê kệch, xiêu vẹo đến nỗi con không hiểu tại sao nó vẫn còn đứng được. Nhiều khuôn mặt đứng lại nhìn chúng ta không phải là mặt người Hán. Họ là những dân tộc ít người mới dời từ trên núi xuống. Con có thể thấy là họ không phải là dân sở tại. Họ không bận những chiếc áo chùng và quần của những người nghèo vùng Giang Nam hoặc những áo dài của người buôn bán, hoặc âu phục của người có học. Họ mặc những chiếc váy sắc sỡ, có những đường viền tươi màu ở cổ tay, khăn xếp quần quanh đầu hoặc nón trông giống như những thố rom lèn chặt. Dù có phải là người Hán hay không thì người qua đường cũng nhìn chúng ta với khuôn mặt đăm đăm. Họ lặng lẽ quan sát chúng ta kĩ lưỡng, tất cả những biểu hiện của chiến tranh bây giờ đã kéo đến ngưỡng cửa; cái thành phố vốn yên tĩnh hàng trăm năm nay vụt trở nên náo động từ đầu này đến đầu kia.

Chúng ta tạm đến ở một khách sạn vài ngày, trong khi các nhân viên của lực lượng không quân tích cực tìm một ngôi nhà phù hợp cho chúng ta. Cuối cùng chúng ta dọn đến một ngôi nhà hai tầng ở vào quãng giữa của Đông và Bắc. Gia Huy và Helen cũng sống ở đây cũng như một cặp vợ chồng khác, những người mà chúng ta gặp trong ngày dọn nhà.

Người vợ lớn tuổi hơn Huê Lan và ta và có vẻ rất quyền hành. Chồng chị là một người có liên hệ với không quân, mặc dù anh ta không phải là phi công, mà là một thanh tra giao thông, cầu cống, đường sá, đường ray xe lửa. Lần đầu tiên nhìn thấy ngôi nhà, Huê Lan nói. “Nhìn những khuôn mặt gỗ dài thườn của nó kia. Hai cái cửa sổ lớn như những con mắt nhìn ta.” Tất cả những ngôi nhà trên đường phố này nom đều giống nhau, nhà gỗ hai hoặc ba tầng. “*Dương phòng*, chúng ta gọi kiểu nhà nhái theo kiểu phương Tây như thế”.

Không có sân trước, không có gì ngăn cách nhà với đường phố. Con chỉ cần bước ra ngoài ba bước và bùm, con đã ở ngoài với những người khách bộ hành đi trên đường. Nhưng chúng ta có một sân sau có hàng rào bao quanh. Đó không phải là một chỗ để dẫn bạn bè đến, không phải cái loại sân ấy. Nó được đổ bê tông và rất dơ bẩn, một vài bụi cây rải rác chung quanh chẳng ra một kiểu nào cả. Một bên hàng đậu là một máy bơm nước, một bồn nước dài để giặt quần áo. Phía trên là những sợi dây chằng qua đầu để phơi quần áo. Kế đó là một cối đá lớn để xay thóc, hạt mè hoặc ngũ cốc.

Hàng rào phía sau có một cái cổng dẫn đến một lối đi nhỏ, vừa đủ rộng để những người thu nhặt rác ban đêm đẩy xe của họ đi qua. Thẳng xuống lối đi này, rẽ trái sẽ đi đến một con đường có nhiều bụi cây dẫn đến một cái hồ nhỏ của thành phố. Ta nghe nói rằng cái hồ rất đẹp, hoặc có lẽ nó đã từng có một thời rất đẹp. Nhưng khi tìm đến ta chỉ thấy những người nghèo nhất trong thành phố dùng đó làm nơi tắm giặt, mà đâu chỉ có thế, họ còn làm những việc kinh khủng khác mà ta không muốn nhắc đến ở đây.

Như ta đã nói ngôi nhà có vẻ bề ngoài là theo phong cách Tây phương nhưng bên trong nó vẫn giữ lối cảm nghĩ của người Trung Quốc.

Chúng ta có hai phòng sinh hoạt chung khá lớn ở tầng trệt. Một cái bếp rất rộng với hai lò than đắp bằng đất sét trông rất bề thế với nhiều bếp lửa. Chúng ta cũng có một bồn rửa có chỗ thoát nước nhưng không có vòi nước chỉ có những chân chạy của bọn đầy tớ. Đó là cách thức của người Hoa. Đầu bếp, người làm phải chạy ra sân bơm nước; khênh những thùng nước to, nặng vào bếp. Có thể họ phải khiêng nước lên cho chúng ta. Bây giờ ta cũng không nhớ nữa. Khi con không phải làm một việc gì cho chính mình con cũng chẳng nhớ đến cái người đã làm việc ấy cho con. Dù sao thì cũng

phải có một ai đó mang nước lên trên gác. Bởi vì bao giờ ta cũng có đủ nước sạch đã nấu chín vào mỗi buổi sáng, buổi tối để rửa mặt mũi tắm một nửa người phía trên vào buổi sáng, nửa người phía dưới vào buổi tối. Với đứa trẻ trong bụng ta trở nên quá kênh càng để tắm một lượt cả người. Hàng ngày người giúp việc phải đổ nước dơ từ những cái bồn, cái chậu cũng như là mang những cái xô ra lối đằng sau đổ đi, rửa sạch.

Hai căn phòng sinh hoạt chung dùng làm nơi ăn uống, trò chuyện, ở đây chúng ta có một cái bàn lớn, mấy cái ghế dựa, hai cái sofa rẻ tiền, một chiếc máy hát chạy bằng dây cót. Điều này không có nghĩa là chúng ta thiếu điện để chạy máy hát. Thời chiến mà, con có thể tìm đâu ra một chiếc máy hát mới. Tất nhiên, đúng là hầu hết mọi người không có điện; họ sống trong những ngôi nhà lụp xụp làm bằng rơm trộn với bùn theo lối cũ. Nhưng trong ngôi nhà của chúng ta, trên đường phố của chúng ta mọi người đều có điện trên gác cũng như dưới nhà. Khi hầu hết thành phố trở nên tối đen, im ắng, chúng ta bật radio, bật quạt, bật đèn, chơi mạt chược cho đến khuya. Chúng ta bao giờ cũng sẵn sàng chớp lấy cơ hội nào để tiêu khiển. Chúng ta thích tỏ ra giống người đang sống ở Berlin. Chúng ta nghe rằng đó nơi điên rồ, nơi mọi người không ai nghĩ đến chiến tranh chỉ nghĩ đến những thú vui mà họ có thể tìm ra mỗi ngày - bài bạc, ăn uống, hộp đêm. Thời ấy chúng ta sống như vậy đấy, muốn đập theo một kiểu sống điên cuồng. Chỉ có điều chúng ta lại đang tản cư ở Côn Minh, và khi chán phải nghe cái nhạc eo éo người ta phát trên đài, khi không có gương mặt mới để nói xấu, khi tay mọi người mỏi vì cầm bài mạt chược, thì chúng ta có thể làm gì? Không thể đi đến những hộp đêm, chúng ta đi ngủ.

Vì Gia Huy là đội trưởng, vợ chồng anh ta có 2 phòng tốt nhất ở dưới nhà. Những người còn lại thì chiếm những phòng trên lầu, một điều rất khó khăn đối với ta. Ta không thể nhìn được cái gì phía dưới bụng ta. Vì thế một khi đã ở trên lầu ta chỉ đi xuống với ý nghĩ phải thận trọng đặt từng bước chân mỗi bậc thang một lần.

Lúc mới dọn đến Văn Phú và ta bị phân cho những căn phòng tồi nhất, cả hai đều trông ra cái hướng không đáng nhìn, chỉ có một cách làm cho giường ngủ xoay đúng hướng là phải đẩy nó về phía cái cửa gần nhất, chặn lấy cửa ra vào. Làm sao chúng ta làm thế được?

Thế là những căn phòng này thuộc về vợ chồng ta - chỉ vì người vợ của ông thanh tra đã chọn những phòng tốt nhất trên gác. Chị ta tuyên bố rằng chồng chị chức cao hơn chồng ta. Điều đó đúng, nhưng chị ta không nên cư xử như vậy. Chị ta nên nói, “Đây em chọn trước đi.” Ta sẽ chọn những cái phòng không tốt lắm để thể hiện sự biết điều của mình mà không phàn nàn chị ta. Ta sẽ chọn ít nhất một cái như thế.

Tuần lễ đầu tiên trong nhà mới thật kinh khủng. Ta không thích những căn phòng này, không thích vợ người thanh tra. Ta đặc biệt không thích cái cách chị ta chơi mặt chược, cái cách chị ta nhướn lông mày, nói “Hừm” mỗi khi ta ném quân bài xuống, điều tệ hại hơn cả là mỗi tối chúng ta phải nghe tiếng vợ chồng người thanh tra cãi nhau vọng qua những bức tường.

Đầu tiên là giọng người chồng nhỏ nhẹ. Sau đó giọng người vợ the thé. Khi người đàn bà khóc lu loa, Văn Phú với lấy giày của hắn ném vào tường. Nhưng cặp vợ chồng này chỉ im lặng được vài phút, sau đó lại bắt đầu một cuộc cãi nhau mới.

Sau ba bốn đêm như thế Văn Phú phàn nàn về người đàn bà, Huê Lan kêu ca về những chiếc giày ném vào tường “giống như bom nổ”. Cô ta nói, “Làm chúng tôi sợ hút chết!” Và chẳng bao lâu mọi người đều cãi cọ. Tất cả những cảm xúc tồi tệ tuôn trào không sao cản được cho đến khi không ai còn muốn nói với ai dù chỉ một lời. Ban đêm, khi chương trình phát thanh chấm dứt chúng ta không thức khuya, giao du với nhau nữa. Chúng ta ai về phòng nấy, đêm yên tĩnh đến nỗi có thể nghe thấy tiếng một con ruồi đậu trên mái nhà. Tình hình này kéo dài thêm mấy ngày nữa. Sau đó người thanh tra đi thị sát những công trình trên đường Burma. Sau này chúng ta nghe nói rằng bệnh sốt rét đã ăn hết não anh ta trong vòng 3, 4 ngày thế là anh ta chết một cái chết kinh khủng. Chúng ta phải nghe chị vợ khóc than, rên rỉ trong nhiều ngày. Tất nhiên lần này chúng ta không ca thán, Văn Phú cũng không ném giày vào tường. Tất cả chúng ta đều tử tế với chị. Vào thời gian chị ta chuẩn bị ra đi, chúng ta đồng ý làm bạn với nhau suốt đời. Mặc dù bây giờ ta không thể nhớ được tên của chị ta, có thể là Lưu hay Lâu gì đó.

Dù sao thì sau khi chị ta ra đi, ta cũng lấy những căn phòng của họ tất nhiên phải trả thêm tiền lấy từ cửa hồi môn của ta. Peanut lấy tiền từ tài

khoản của ta trong nhà băng gửi đến đây cho ta, và bằng cách ấy ta cũng biết rằng nó cũng gửi 400 đô Trung Quốc tới Nam Kinh, số tiền mà ta không bao giờ nhận được.

Trên thực tế có rất nhiều việc buộc ta phải trả thêm tiền. Lực lượng không quân không thể cung cấp những người giúp việc cho chúng ta nữa. Ngay cả Huê Lan vợ đại úy cũng không có. Thế là ta phải trả tiền cho người nấu bếp là một góa phụ già. Ta phải thuê một cô gái trẻ để quét dọn, ta cũng phải trả thêm tiền một căn phòng nhỏ ở cạnh bếp cho họ ở. Con phải nhìn thấy gương mặt của Huê Lan lúc cô gái giúp việc giặt giũ, kì cọ những chiếc bô của chúng ta. Huê Lan đã thay đổi rất nhiều không còn là cô gái quê mộc mạc nữa, cô tỏ ra cao ngạo vì đã làm vợ một đại úy không quân. Con hiểu điều ta nói không, khi Gia Huy được thăng cấp, Huê Lan cũng tự thăng cấp cho mình. Trong suy nghĩ của mình cô ta cho là mình quan trọng hơn ta, cô ta phát điên lên khi ta có thể nuôi người giúp việc còn cô ta thì không.

Tất nhiên, người giúp việc, người nấu bếp của ta cũng làm nhiều việc giúp Huê Lan. Họ lau dọn phòng chung. Họ múc nước từ giếng lên để pha trà, rửa ráy cho tất cả mọi người.

Nhưng Huê Lan không hề biết ơn. Cô cố moi ra những vết dơ trên sàn, khi tìm thấy chúng liền reo lên. “Ôi giờ nhìn kìa!” Còn khi ta mời vợ chồng cô ăn tối, cô sẽ ăn tì tì rồi nói, “Ngon lắm, nhưng có lẽ thịt nấu quá kĩ.” Lần sau cô sẽ nói, “Ngon lắm nhưng thịt chưa đủ lửa.”

Vì thế những điều mà ta đã làm, những ân huệ mà ta đã cho cô chẳng có nghĩa lí quái gì. Bao giờ cô ta cũng ám ức cho đến khi ta ở cùng một góc độ kém cỏi với cô ta. Vào tháng thứ 9 đứa bé trong bụng ta lớn nhanh như thể nó bằng hai đứa trẻ khác. Nhưng nó vẫn không chịu ra cho. Ta không lo lắng gì cả, bởi vì ta có thể cảm thấy nó bơi trong bụng ta, nó trở mình, đạp chân, xoay đầu. Nó cử động khi ta hát. Nó cử động khi ta bước đi trong giấc mơ của mình. Nó cử động khi ta nhìn thấy những loại rau ở chợ mà ta thêm ăn. Đứa bé này có cùng một suy nghĩ với ta.

Hàng ngày ta ngồi khâu chăn cho bé, hoặc là đan một cái áo len, chắp những tay áo bé nhỏ vào thân áo. Ta nhớ một ngày, trong khi ta đang ngồi

khâu, đứa bé đập một cái mạnh hơn bao giờ hết. Ta hình dung đứa bé mạnh mẽ này chẳng bao lâu sẽ chạy lên chạy xuống cầu thang cũng như cái cách nó chạy lên chạy xuống trong bụng ta. “Ra ngoài đi kho báu bé nhỏ của mẹ,” ta gọi, “Ma ma gọi con ra ngoài đó.” Đứa bé đập ta một cái nữa, ta đánh rơi kéo xuống nó cắm trên sàn giống như một người lính nhỏ sẵn sàng nhận lệnh. Đầu tiên ta cười, nhưng sau đó ôi – ta cảm thấy có gì lạ lắm, đứa trẻ trong bụng thôi không cử động. Ta không nghĩ đó là điều ta tưởng tượng ra. Mọi việc xảy ra như thế nào: cái kéo rơi xuống, đứa trẻ cũng trở nên bất động. Ta cố gắng nhổ cái kéo ra khỏi sàn, nhưng bụng ta kèn càng rất khó cúi xuống. Chợt ta sực nhớ ra điều thím Lớn đã một lần nói về điềm xấu khi đánh rơi kéo. Ta không thể nhớ được lí do chỉ nhớ được vài chuyện: một người đàn bà đâm ra dở điên dở dại, một người đàn bà rụng hết tóc trong vòng một đêm, một người đàn bà có một đứa con trai chọc mù mắt nó bằng một cái cành cây nhỏ, bà ta buồn đau đến nỗi tự chọc mù mắt mình cũng bằng cái que ấy.

Đó là điều kinh khủng ta làm, đánh rơi cái kéo. Ta gọi người đầy tớ lên ngay, sai nó ném cái kéo xuống hồ. Ban đêm đứa bé không nhúc nhích lấy một lần. Ta ca hát, ta đi tới đi lui trong nhà. Nó cũng không trả lời. Ngày hôm sau ta vào bệnh viện, các bác sĩ đã làm một cái gì đó để lấy đứa bé ra thật nhanh nhưng tất nhiên là đã quá trễ. Huê Lan cũng ở đây. Sau khi bác sĩ đi khỏi, cô ta cúi người bảo với ta rằng đứa bé rất bự, có lẽ gần 5 kg. Tốt lành gì cái việc bảo ta biết nó cân nặng bao nhiêu. Vậy mà cô ấy bảo ta về trọng lượng của nó cứ như thể nói một con cá nặng bao nhiêu khi được bắt từ dưới biển lên. Đứa bé gái không bao giờ khóc, thậm chí không bao giờ thở.

Văn Phú đập vào tay ta. “Ít nhất thì nó cũng không phải là một thằng con trai.” Ta không rõ tại sao nhưng ta bảo cô y tá mang đứa trẻ đến cho ta. Huê Lan, Văn Phú nhìn ta. “Tôi muốn xem mặt nó để đặt cho nó một cái tên thích hợp,” ta nói bằng giọng nghiêm nghị. Huê Lan, Văn Phú nhìn nhau. Ta thở dài, “Chỉ là một cách nhìn thiết thực khi đưa một đứa trẻ sang thế giới bên kia với một cái tên. Đứa trẻ sẽ lớn lên ở đây. Khi chúng ta sang thế giới bên kia, chúng ta có thể gọi nó, có thể yêu cầu nó chăm sóc chúng ta trong cuộc sống mới.” “Đúng là rất thực tế,” Huê Lan đồng ý. Cô ta cùng Văn Phú bỏ ra khỏi phòng. Ta chắc rằng họ nghĩ ta sẽ khóc đứa bé, họ không muốn phải ngượng ngùng khi chứng kiến cảnh này.

Sau khi cô y tá mang nó vào, ta không ngồi dậy để nhìn nó. Ta vẫn nằm thậm chí không xoay đầu nổi. Ta muốn làm sống lại kí ức về nó, ta nghĩ đến những lần chúng ta cùng khiêu vũ với nhau, bé sống động thế nào khi ta nói chuyện với bé. Cuối cùng ta buộc mình ngồi dậy để đi đến nhìn nó. Một hài nhi rất to. Rất nhiều tóc. Tai nó giống như tai ta. Cái miệng nhỏ nhưng nước da của nó thật đáng buồn giống như màu một hòn đá. Hai tay nó nắm chặt lấy thành những quả đấm nhỏ. Ta cố gắng gỡ ra. Và lúc ấy ta bắt đầu khóc. Nếu đứa trẻ này sinh ra ở Thượng Hải. Nếu đứa trẻ này không sinh ra vào thời loạn lạc. Nếu ta không đánh rơi chiếc kéo.

Nhưng ta nhanh chóng xua đuổi những ý nghĩ sâu thẳm này đi, cố trấn an. Dân ở các vùng quê đang chết đói. Người ta giết nhau ở những vùng xảy ra chiến sự. Người ta chết vì đủ thứ lí do, mà chẳng có lí do nào cả. Vì thế khi một đứa bé chết đi, ít nhất thì con cũng tự bảo mình là nó không có dịp để đau khổ. Chiều hôm sau chúng ta lái xe đến những chân đồi phía tây. Nơi mọi người gọi là Những người đẹp say ngủ. Những quả đồi ở đây trông như những thiếu nữ đồng trinh đang trong giấc ngủ, nằm nghiêng một bên. Đó là nơi ta chôn đứa con gái đầu lòng. Ta chỉ nói một vài câu để tưởng nhớ bé: “Con là đứa trẻ ngoan, con không bao giờ khóc”. Lúc ấy ta đặt tên nó theo cái hồ ở Nam Kinh, Mặc Sầu, vĩnh biệt nỗi buồn, bởi vì nó sẽ không bao giờ biết đến một nỗi thống khổ.

Ta không bao giờ dùng bất cứ một cái kéo nào trong một thời gian dài. Ta đợi đủ 100 ngày. Thật là khó nếu không thuê thừa may vá trong một thời gian dài. Như ta đã nói trước đó, ở Côn Minh không có nhiều chuyện vui để làm, chẳng có gì để xem, đặc biệt là vào ban ngày, con không thể nói, ta chán lắm, hãy đi xem phim chiều nay đi. Con chỉ có thể ngồi buồn như châu chấu. Thế là sau nhiều ngày ăn không ngồi rồi, ta quyết định mua một kéo mới, bắt đầu may vá lại. Huê Lan bảo ta, “Em nghe nói rằng kéo vùng Giang Nam là tốt nhất, rất sắc, bền. Điều đó đúng đấy, em mua một chiếc cách đây mấy tuần.”

Cô nói rằng có nhiều tiệm tạp hóa bán kéo nhưng những chiếc tốt nhất chỉ có thể tìm một cửa tiệm địa phương nằm ở khu vực buôn bán trong khu phố cổ. Kéo ở đây có chất lượng cao nhất lại rẻ tiền. Không có biểu hiệu tên đường ở khu vực buôn bán trong khu phố cổ. Nhưng nó rất dễ tìm.



Đây là lời chỉ dẫn của cô: “Qua cây cầu phía đông bắc sang bên kia hồ, hãy đi tìm một người đàn ông bán súp. Sau đó quẹo về chỗ có bán cá khô. Cứ đi tiếp cho đến khi tìm thấy một cô gái bán những đôi giày ngoại cỡ để đầy trong những cái sọt. Lại quẹo nữa – chỉ có một con đường để quẹo – tiếp tục cho đến khi nhìn thấy một đường vòng cung. Những ngôi nhà ở đây đẹp hơn, quét vôi trắng, lâu lâu cũng có một hai cái biển hàng. Hãy tìm một chỗ bán những tảng đá lớn ngoài biển rồi đi về phía đối diện. Chị sẽ nhìn thấy chợ chỉ sau năm phút đi bộ thật nhanh. Cô gái bán kéo ngồi ngay ở ngoài, bên một cái bàn.”

Tất nhiên ta bị lạc với những chỉ dẫn ấy. Khu vực này của thành phố đã hàng ngàn tuổi. Đi dạo trên những đường phố này con sẽ nghĩ rằng nó không mấy may thay đổi trong suốt những năm qua. Những con đường chạy lên chạy xuống gặp nhau ở chỗ này kết thúc ở chỗ kia chẳng có lí do nào. Đường phố vụn vẹo, được rải bằng những hòn đá thô đã mòn đi ở giữa bởi bao bước chân người. Những ngôi nhà nhỏ xúm xít vào nhau ở hai bên đường. Đường phố rất hẹp chắc chắn là chưa có một xe hơi nào từng chạy qua đây.

Ta bị lạc trong vòng hơn một tiếng, đi quanh quẩn trong một khu vực tồi tàn. Dù ta chỉ mặc một cái áo đầm đơn giản thì những người phụ nữ khác cũng dán mắt nhìn ta từ đầu đến chân, chỉ trỏ vào người ta. Bọn trẻ con bỏ chạy theo ta la khóc chìa tay ra, “đói quá! đói quá!” Ta nhìn quanh tìm một người nào đó có thể giúp ta, nhưng chẳng có ai. Những khuôn mặt quay lại nhìn ta đều lãnh đạm chẳng có gì là thân thiện cả.

Thế là ta đi tiếp với một lũ lau nhau quần bên chân, qua những ô cửa sổ tỏa ra mùi thức ăn rẻ tiền. Ta nhìn thấy một người đàn bà đi ra cửa ở trần đến thắt lưng đang cho con bú. Một ông già ngồi ở bậc cửa nhìn lên thấy ta ông mỉm cười méo mó rồi bắt đầu ho đến tắc thở, ho nhiều đến nỗi ta nghĩ ông ta sẽ chết ngay lúc ấy. Cổ họng ta nghẹn ngào vì cố kìm tiếng khóc. Cuối cùng ta cũng tìm ra được một con đường lớn hơn, đông người qua lại, ra đến chợ. Trẻ con vây kín ta vì thế ta không thể đi lại tự do được. Ta thọc tay vào ví, ném ra vài đồng xu lẻ qua đầu chúng. Chúng ré lên, lăn xuống đất, tranh giành nhau một cơ may nhỏ bắt được một đồng xu.

Ta quyết định hỏi đường để tìm ra một cái xe đi về nhà. Ta bước qua một phụ nữ trẻ để chân trần, mặt mày nhem nhuốc, mái tóc rối đang ngồi bên một chiếc bàn tre. Trước khi ta mở miệng ta đã nhìn thấy những chiếc kéo đặt trên bàn. Thật thế có bao giờ con có cảm giác như là có ai đó bày trò chơi khăm con chưa? Có bao giờ con cảm thấy con có được một cái gì đó vào lúc con lại không cần đến nữa?

Những chiếc kéo được xếp thành hàng ngay ngắn trên một miếng vải đỏ đã bột màu, từ nhỏ đến lớn với hai loại. Một loại đơn giản không có trang trí ở tay nắm. Loại kia rất cầu kì có hình những con chim đang nghênh cổ, một loại mà con chỉ có thể mong tìm thấy ở những cửa hàng cao cấp ở Thượng Hải. Ta rất ngạc nhiên khi nhìn thấy chúng ở đây. Lưỡi kéo mỏng, có hình dạng giống như cái mỏ chim. Ở chỗ mà hai lưỡi kéo gắn vào nhau bằng một cái ốc kim loại thì có một con mắt, ở hai cái lỗ con xỏ ngón tay vào thì có hai cái cánh.

Ta tự hỏi họ chế tạo kéo như thế nào, mỗi cái đều giống nhau như đúc chỉ khác về kích cỡ. Ta cầm một cái lên, nhấp nhấp cái kéo trong tay trông nó như đang vươn cổ lên nói chuyện và chuẩn bị cất cánh bay lên. Tuyệt vời! Nó mới tinh xảo làm sao? “Ai làm ra những cái kéo này?” ta hỏi cô gái.

“Chỉ những người trong họ chúng tôi,” cô nói mỉm cười làm lộ ra hàm trên không có răng. Ngay tức thì cô biến thành một bà già. Ta cầm một chiếc kéo lớn hơn. Cô đẩy cho ta một miếng giẻ bẩn thỉu để thử kéo.

Một thằng bé trần truồng chạy đến từ ngưỡng cửa phía sau cô. “Mẹ,” nó khóc. “Chờ chút,” cô mắng nó, “không thấy là mẹ có một khách hàng quan trọng sao?” Thằng bé lại chạy vào trong nhà.

“Nói không phải khoác lác đâu,” bây giờ thì cô nói chuyện cà kê với cái miệng móm. “Chị có thể thử kéo ở bất cứ đâu trong thành phố này, chị có thể thấy không ở đâu kéo sắc như ở đây. Đó là vì dòng họ tôi có nghề gia truyền làm kéo từ hàng ngàn năm về trước, để đến 10 ngàn năm ý. Đây, chị thử cái kéo này đi. Chất lượng hảo hạng.” Cô ta nói và lại đưa miếng vải cho ta cắt thử, kéo cắt vải rất ngọt.

Người đàn bà ngo ngoáy ngón tay, “Kĩ xảo làm kéo đã được truyền cho tất cả mọi người trong dòng họ của chúng tôi. Chúng tôi truyền lại nó từ thế hệ này sang thế hệ khác, qua cả mối quan hệ huyết thống lẫn những lớp huấn luyện. Chúng tôi dạy bọn trẻ làm những cái kim lớn nhất, sau đó làm những cái nhỏ hơn rồi làm kéo.”

“Bao nhiêu tiền một cái?” ta hỏi cầm lên một chiếc kéo chạm khắc cầu kì.

“Chị nghĩ chúng đáng giá bao nhiêu?” cô ta ướm hỏi, véo vào miệng, nhìn thẳng vào ta. “Bao nhiêu một cái kéo tốt như vậy? – thứ kim loại tốt nhất, bền nhất, thép của Mỹ.”

Người đàn bà này nghĩ ta ngu chắc, “Làm sao có thể là thép của Mỹ? Không có một nhà máy của Mỹ nào ở đây mà.” “Phía tây thành phố, đó là nơi chúng tôi có loại thép này, ở cuối đường Burma,” cô ta nói. “Lâu lâu ở đây có nhiều hàng hóa thải ra của ngoại quốc. Ôi cha nó cao hàng vài trăm mét – họ thải ra vào phút chót. Bọn con trai trong vùng đến đây trèo lên bằng những sợi dây thừng, hoặc công kênh nhau để lấy, gì cũng được miễn là đồ không bị bể. Họ để lại cho chúng tôi quản lí phần còn lại. Mười gia đình chia nhau. Hai gia đình lấy đồ gỗ. Hai gia đình khác lấy ghế và đồ nhựa. Chúng tôi chia đồ sắt với những gia đình còn lại. Với phần của mình, chúng tôi nấu kim loại chảy ra rồi đúc kéo.” Cô ta cười vô cùng hãnh diện với cái miệng sứt. Thật là đáng buồn khi nghe chuyện này – làm kéo từ những đồ phế thải của người ngoại quốc. Ta đặt cái kéo xuống, cô ta nói, “bốn tệ. Thế nào? Giá hơi quá rồi đấy.”

Ta lắc đầu. Nó chỉ vào khoảng 2,5 đô Mỹ, ta nghĩ sao ta phải trả nhiều tiền thế cho một cái kéo chỉ mang đến những điều xui xẻo?

“Ba tệ vậy. Đừng nói gì với chồng em nhé, ba tệ là giá thấp nhất rồi đó.”

Ta lắc đầu. Nhưng bây giờ thì người đàn bà nghĩ ta chỉ muốn trả giá thấp hơn nữa.

Người đàn bà thở dài, “Nếu chị thích, chị chỉ cần bảo tôi biết chị muốn bao nhiêu. Thôi thì hai tệ rủi vậy. Đừng nói với ai nhé. Giá rẻ không tin

được. Hai tệ rưỡi.”

Lúc đó ta thầm nghĩ, ngần ngại gì nữa, hai đồng rưỡi quá rẻ. Ta còn có thể tìm ở đâu những chiếc kéo tốt thế này? Ta mở ví, đặt tiền vào trong tay cô ta. “Lần sau tôi không dám hứa là bán cho chị giá này đâu,” cô ta nói, sau đó bật cười. Ta đang thầm chúc mừng bản thân vì cái giá hời này thì tuột tay đánh rơi chiếc túi lên một cái góc bàn chông chênh. Thế là cái bàn chông hai chân lên đổ sụp xuống, 40 chiếc kéo cùng rơi xuống đất!

Ta trở mắt nhìn, tất cả các con chim đều há mỏ, tất cả những điềm xấu ào ra từ đó.

“Ồi giờ! Kinh khủng làm sao!” ta kêu lên, “làm sao mà tôi có thể làm như thế được?”

“Không thành vấn đề. Không hư hại gì đâu,” người đàn bà nói. Cô ta cúi xuống nhặt những chiếc kéo rơi xuống đất. Nhưng ta đã vội vã bỏ chạy.

“Chờ chút! Chờ chút!” Ta nghe cô ta gọi với theo. “Chị quên kéo của chị này.” Ta đi như chạy, không nghĩ ngợi gì, rẽ vào những đường phố gồ ghề, ngoằn ngoèo. Bây giờ nơi nào trông cũng giống nhau, tuy chẳng có chỗ nào tương tự như nhau. Cứ như là đi quanh quẩn trong một cơn ác mộng không biết là mình đi đâu hoặc mình cần đi đâu, lo ngại rằng nếu ta dừng lại thì một chuyện gì tệ hại sẽ xảy đến với ta.

Vì thế con thấy đây, ta đã gây ra một chuyện ghê gớm, cứ như là kí thỏa thuận với quỷ. Mà để làm gì? Ngay sau đó, ta biết rằng ta có thể tìm thấy những cái kéo hình con chim đó ở bất cứ đâu, thậm chí giá còn rẻ hơn. Nhiều người làm kéo, không chỉ ở Trung Hoa. Vừa mới đây ta cùng nhìn thấy những cái kéo ấy - ở cửa hàng Năm Mười. Phải, con hình dung được không? Tất nhiên, ta không mua. Nếu con nghĩ rằng ta mê tín dị đoan, vậy thì tại sao ta lại đánh rơi tất cả những cái kéo vào ngày hôm ấy? Tại sao có một điều kinh khủng lại xảy ra ngay sau đó?

Huê Lan là người đã nói cho ta biết điều đó. Cô ấy đợi ta ở nhà. Cô ta nhảy lên hai tay bịt miệng bảo ta vào bệnh viện nhanh nhanh lên, “Tai nạn!” cô ta kêu lên. “Văn Phú bị thương rất nặng, có lẽ đang hấp hối.”

Ta để lọt ra một tiếng kêu nhỏ đầy sợ hãi, “Sao có thể thế được?” Rồi cả hai chúng ta vội vã chạy ra cửa nơi có một chiếc xe của không quân đang chờ để đưa chúng ta vào bệnh viện. Trên đường đi Huê Lan kể cho ta nghe chuyện gì đã xảy ra. “Y lái một chiếc xe Jeep, đi về hướng những quả đồi. Những người đẹp say ngủ. Nhưng một bánh xe rơi ra, chiếc xe lộn nhào hất y ra ngoài.”

“Úi da, đó là lỗi của tôi,” ta khóc. “Tôi đã làm cho điều đó xảy ra.”

“Đừng có nói thế,” Huê Lan cự, “làm sao đó có thể là lỗi của chị được.”

Sau đó cô ta kể là Gia Huy đã ra lệnh đưa Văn Phú vào bệnh viện Công giáo Pháp được điều hành bởi các nữ tu Trung Hoa và ngoại quốc. Huê Lan nói đó không phải là một bệnh viện địa phương, cái loại bệnh viện vừa nghèo nàn phung phí vừa chỉ gây thêm những vấn đề khác cho bệnh nhân. Gia Huy mới tốt bụng làm sao!

Trong khi đi dọc hành lang bệnh viện ta có thể nghe thấy tiếng Văn Phú rên rỉ, kêu la. Đó là tiếng kêu của một người đang ở trong lò luyện ngục, một kẻ nào đó chắc chắn đã mất hết lí trí. Sau đó ta nhìn thấy hắn. Đầu hắn băng kín mít. Khuôn mặt hắn sưng húp híp, tím bầm. Thật là kinh khủng khi thừa nhận điều này nhưng nếu không có ai bảo ta đó là Văn Phú thì ta không thể nhận ra hắn. Ta nhìn chằm chằm vào mặt hắn, cố nhận ra đôi mắt, cái mũi, cái cằm. Sau đó ta nghĩ có thể họ đã nhầm lẫn. Đây không thể là chồng ta.

“Văn Phú,” ta gọi.

“Anh ấy không thể nghe chị nói đâu,” bác sĩ bảo. “Anh ấy bị tổn thương rất nặng ở não. Anh ta đã chết vì sốc khi họ mang anh ấy đến đây. Nhưng tôi đã chích cho anh ấy một mũi adrenalin, anh ấy lại sống lại.” Tất nhiên ta cảm ơn bác sĩ vì đã cứu sống chồng ta.

Ta quay lại nhìn Văn Phú lần nữa, gọi tên hắn khe khẽ. Bất thành linh một con mắt mở ra. Ta há hốc mồm vì kinh ngạc. Mắt hắn to, đen ở giữa, vàng và đỏ bầm ở chung quanh. Dường như nó nhìn ta với biết bao phần

nộ, không có một chút cảm xúc tốt đẹp nào trong đó. Trông hắn giống như một con quỷ. Vài ngày sau, khi đã chắc chắn là Văn Phú sẽ sống sót, Gia Huy đến bệnh viện gọi ta ra một chỗ, “Vi Vi à bây giờ tôi phải báo cho cô những tin xấu.” Ta nghe anh nói, không hề thay đổi nét mặt, không bật ra một tiếng kêu. Chiều hôm ấy Gia Huy bảo ta là anh có thể phải đuổi Văn Phú ra khỏi không quân hoặc thậm chí cho hắn vào tù. Anh bảo rằng chồng ta không được phép lái cái xe đó. Hắn đã hối lộ cho người lái xe, bây giờ người này đang chịu kỉ luật. Không phải lỗi ở cái bánh xe. Hắn tông vào một chiếc xe tải chạy ngược chiều làm chiếc xe lộn nhào xuống. Rồi ta nghe Gia Huy nói về một cô gái. Ai biết được tại sao cô ta lại ngồi trên xe với hắn. Dù sao thì cô ta cũng đã chết, bị cán nát.

Đó là lần đầu tiên ta nghe nói Văn Phú đi lại với phụ nữ dù rằng sau này ta biết được cô gái đó không phải là người đầu tiên. Nhưng lúc ấy ta không tin. Có thể Văn Phú đến thung lũng Những người đẹp say ngủ để thăm mộ con gái. Có thể cô gái này lên xe để chỉ đường. Có thể hắn chỉ tốt bụng, bởi vì hắn thấy cô gái nghèo. Có thể cô ta chưa bao giờ ở cùng với hắn. Có thể cô ta chỉ đứng ở chân đồi khi xe của hắn cán phải, đó là lí do cô ta chết. Tất nhiên, không một lí do nào có thể tìm thấy chỗ trong đầu ta. Ngược lại ta có thể thấy Văn Phú đánh xe trên con đường lộng gió hôn một ai đó giống như Peanut. Hắn hát một bài nhạc kịch cho cô ta nghe, cả hai cùng cười khi hắn vòng lên vòng xuống lượn chiếc xe như giữa những đám mây.

Ta vẫn còn nghĩ thế khi ta thăm hắn lần sau. Mặt hắn không còn sưng như trước. Hắn đang ngủ, ta muốn lay hắn dậy hỏi hắn. “Tại sao anh lại làm thế? Bây giờ anh phải vào tù, thật tai họa cho tất cả chúng ta.” Nhưng trong khi ta nghĩ thế hắn trở mình rên rỉ, phát ra những âm thanh kinh khủng làm ta đau lòng. Thế là ta lau mặt cho hắn tha thứ cho hắn trước khi hắn có cơ hội nói lời xin lỗi.

Cuối cùng khi tỉnh dậy, hắn rất lo âu, rất yếu đuối. Hắn ta thán vè đủ mọi thứ: đau đớn, đôi mắt nhức, thức ăn, cung cách phục vụ của các y tá, sự chậm trễ của các bác sĩ, giường nệm cứng ngắc. Ai cũng cố làm hài lòng hắn. Lúc đó ta không nghĩ tai nạn đã làm hắn đổi tính, mà chỉ vì hắn quá đau đớn. Đó là lí do tại sao hắn trở nên khó chịu như vậy. Nhưng khi khỏe hơn hắn trở nên giận dữ, man dại. Hắn ném đồ ăn vào người các y tá, gọi họ là đồ đĩ, hắn chửi bác sĩ là quá ngu không đáng chữa bệnh dù cho một con

chó chết. Hấn ném bột vệ sinh vào ông bác sĩ đã cứu sống hấn. Hấn không chịu uống thuốc, khi bốn người y tá cố gắng ghì hấn để bắt hấn uống thuốc, họ không hiểu sức mạnh của hấn ở đâu ra mà hấn túm được một cô y tá quật xuống làm cô gãy răng. Một đêm, hấn nhào tới chộp ngực một cô y tá. Ngay hôm sau người ta cử một y tá già đến, hấn cũng chộp ngực bà này, trẻ không tha già không thương.

Chẳng bao lâu không còn ai muốn chăm sóc hấn nữa. Đó là nỗi nhục nhã của ta. Sức khỏe của hấn trở nên tốt hơn nhưng đồng thời tính cách hấn cũng trở nên quái đản hơn. Bác sĩ bảo hấn vẫn chưa đủ sức khỏe ra viện. Một mắt hấn sẽ bị mù vĩnh viễn. Họ cột tay, chân hấn vào giường, bảo ta phải làm sao cho chồng ta cư xử cho phải lễ hơn.

Hàng ngày ta nghe hấn năn nỉ ta cời trói cho hấn. Hấn van nài ta trèo lên giường với hấn, cởi áo quần của ta ra. Khi ta không làm những điều này hấn đã chửi ta. Hấn buộc tội ta đã ngủ với những người khác. Ta nghĩ rằng giọng hấn đủ to để bất cứ ai ngoài hành lang cũng nghe thấy.

Ta cố hết sức giữ mối cảm thông với hấn. Ta cứ nghĩ rằng chính nỗi đau đớn đã làm cho hấn ra như thế. Một cách âm thầm, ta nghĩ Văn Phú chẳng bao lâu sẽ vào tù. Ta hoạch định một cuộc sống thâm lặng khi ta không còn phải chăm sóc hấn nữa. Nhưng hấn không phải vào nhà đá. Gia Huy bỏ không buộc tội hấn vì bất cứ tội gì. Ta biết được sau này rằng Huệ Lan là người đã thuyết phục chồng không làm thế. Cô ta làm thế vì lợi ích của ta, cô ta bảo ta thế.

“Nếu anh trừng phạt người chồng, anh sẽ trừng phạt cả người vợ,” cô giải thích, “em đã nói thế.” Ta cảm ơn cô hết lời. Ta bảo cô, ta cảm thấy áy náy khi cô phải vất vả giúp vợ chồng ta như thế.

“Em có làm gì đâu, Gia Huy cũng chẳng làm gì cả,” cô nói, “bây giờ chỉ phải quên chuyện đã xảy ra.” Ngay khi cô ta nói thế ta biết rằng cô sẽ không quên, ta cũng không bao giờ quên. Ta có một món nợ lớn phải trả. Tất nhiên, Huệ Lan đã không lường được việc cô ta làm, ta đã buồn như thế nào về cái việc cô ta đã làm cho ta. Ta cảm thấy thật kinh khủng, vậy mà ta phải hành động như ta mang ơn cô ta lắm. Nó gợi cho ta nhớ đến một lần khi ta còn bé, thím Lớn hỏi ta trong ngày sinh nhật là con gà nào trong sân ta thích

nhất. Ta chỉ một con đã để ta cho nó ăn trên tay ta. Đêm ấy thím Lớn cho thịt nó.

Dù vậy, ta đã biểu lộ lòng cảm kích của ta với Huê Lan không biết bao nhiêu lần. Ta bảo người nấu bếp nấu những món ăn mà cô ta thích, rau củ được hầm nhừ cho đến khi chúng tới ra, chẳng có mùi vị gì. Huê Lan chẳng nói gì, mà đó là phải, không cần phải chú ý đến lời cảm tạ của ta. Ta bảo đũa ở dọn dẹp phòng ốc của họ thật cẩn thận. Huê Lan cũng chẳng nói gì. Vài ngày sau ta cho cô ta vài mét vải đẹp nói rằng màu đó không hợp với ta.

Tất nhiên điều đó không đúng. Ta chọn miếng vải đó đặc biệt là vì nó tôn nước da ta lên. Nó là một thứ vải rất đẹp màu trái đào, rất khó kiếm trong thời buổi gạo châu củi quế này, rất đắt. “Màu này cũng chẳng hợp với em đâu,” Huê Lan cau mày nói, nhưng tay vẫn vuốt vuốt miếng vải.

“Cứ cầm đi, cứ cầm đi, tôi chẳng có thời gian đâu mà may vá, bây giờ tôi phải dành thời gian chăm sóc chồng.” Thế là Huê Lan nhận món quà của ta, không đưa đầy gì nữa. Cô ta biết cuộc hôn nhân của ta kinh khủng như thế nào, cô ta để cho ta che lấp nó bằng một miếng vải đẹp.

Khi chồng ta trở về nhà, ta đã chuẩn bị một phòng đặc biệt dành cho hắn. Hắn vẫn còn yếu chưa thể rời khỏi giường vì thế ta phải thuê một y tá đặc biệt để chăm sóc hắn, thay băng, bón cho hắn ăn, nghe hắn kêu ca. Người này chỉ ở đúng một ngày. Người tiếp theo ở được hai ngày. Cuối cùng ta phải tự mình lo cho hắn.

Gia Huy và Huê Lan đến thăm hắn hàng ngày, tất nhiên vì họ ở cùng một nhà với chúng ta. Một hôm có ba phi công tới thăm. Ta dẫn họ vào phòng Văn Phú, họ đối xử với hắn như thể hắn là một vị anh hùng. Họ nói rằng khi Văn Phú khỏi bệnh, có thể lái máy bay lại Trung Quốc sẽ chiến thắng, một lời nói láo lịch sự như thế đấy. Mọi người đều biết hắn không thể bay lại được nữa. Làm sao hắn có thể lái máy bay chỉ với một con mắt? Nhưng những người phi công này rất hào hiệp khi nói thế, Văn Phú sung sướng lắng nghe. Họ rất dễ thương, ta mời họ ở lại dùng bữa tối, nghĩ rằng đó là điều Văn Phú muốn nghe ta nói. Hắn bao giờ cũng muốn trưng bày sự rộng rãi của hắn theo cách ấy. Trên thực tế, hắn đã nói, “Xin mời ở lại, vợ tôi nấu ăn khéo lắm.” Ta nghĩ hắn nhớ đến những bữa tiệc thịnh soạn ở Hàng Châu



khi ta làm hàng ngàn chiếc bánh nhân thịt. Những người phi công đồng ý ngay lập tức. Ta xuống dưới nhà sai bà bếp ra ngoài mua về cho ta một con gà vừa mới làm thịt. Sau bữa ăn, đồng đội của hân, vợ chồng Huê Lan và ta tiếp tục ngồi trò chuyện ở bàn ăn trong khi người giúp việc dọn dẹp. Đầu tiên chúng ta nói khẽ vì chúng ta không muốn đánh thức Văn Phú dậy. Ta nhớ là chúng ta nói chút ít về chiến tranh bằng cái giọng nghiêm trang, đúng là chúng ta vẫn tin là chúng ta sẽ thắng ngay khi Trung Quốc có thêm vũ khí đạn dược. Một phi công nói rằng anh ta nghe đâu là có một hợp đồng mua những máy bay Ấn Độ, có thể là hàng ngàn cái đủ để sống mái với quân Nhật. Một người khác lại nói có nhiều nhà máy chế tạo máy bay được mọc lên nhiều vùng ở Trung Quốc. Chẳng bao lâu có thể có một cái ở Côn Minh. Tất cả chúng ta đều đồng ý điều tuyệt vời nhất là máy bay do người Trung Quốc chế tạo sẽ là hoàn hảo không có nhiều trục trặc như máy bay cũ của Liên Xô và máy bay mới của Ý. Hàng của Trung Quốc là tốt nhất cả máy bay bỏ bom lẫn máy bay chiến đấu, tất cả đều có vận tốc siêu nhanh, có thể bay vào ban đêm. Nhưng chúng ta cũng biết đó là những câu chuyện phiếm, nói để mà nói thể thôi.

Sau một hồi, chúng ta bắt đầu nhớ đến những làng quê mà chúng ta đã đi qua, ôn lại những câu chuyện về nó, một loại chuyện rất dễ chịu, rồi tất cả chúng ta cất tiếng hát. Chúng ta thay phiên nhau nhớ những bài hát dân ca trào tếu, những bài mà người ta hát khi tiệc tùng hoặc khi say sưa.

Một người phi công có thể giả giọng nữ, chúng ta cùng nhau hát những bản tình ca vui nhộn rồi lại cười, lại hát. “Mười ngàn đám mây, một ngàn con chim, một trăm giọt nước mắt, hai mắt anh nhìn lên thiên đường chỉ thấy mình em, đôi mắt anh.” Bất thành linh chúng ta nghe thấy những bước chân nặng nề đi xuống cầu thang, rồi choang – một cái gì rơi xuống. Ta nhảy ra khỏi ghế, nhìn thấy Văn Phú, đầu cuốn băng, đứng tựa vào cái nạng. Mặt hân tái nhợt đầm mồ hôi, trông như một bóng ma. Bên ngoài bộ đồ ngủ hân khoác lên cái áo không quần.

“Anh đang yếu thế dậy làm gì?” Ta kêu lên, chạy đến giúp hân đi về giường. Gia Huy, các phi công khác cũng đứng dậy.

Văn Phú vung vẩy chiếc gậy trong không khí, “Sao mày có thể ca hát như thế?” hân gầm lên. “Tao ốm nằm đây, còn mày con đàn bà động đực!

Tao là một anh hùng còn mày là một con đĩ! Con mắt mày nhướng lên theo trai hả?”

Ta cũng không hiểu là hắn nói gì nữa. “Anh nằm mơ dữ hả?” Ta cố gắng xoa dịu hắn. “Anh vẫn đang nói mơ. Về giường nằm đi.” “Đồ nói láo!” Hắn gầm lên, rồi lao vào chúng ta dùng gậy gạt tất cả thức ăn trên bàn xuống. “Mày làm bậy. Quỳ xuống, cúi đầu xin ta tha lỗi. Quỳ xuống!” Hắn đập cái gậy lên bàn.

Ta nhìn hắn. Con mắt còn nhìn được nom điên dại như mắt người say. Khuôn mặt hắn bộc lộ hết sự xấu xa của hắn, ta tự hỏi làm sao ta có thể lấy một kẻ như thế. Sao ta có thể để cho điều đó xảy ra? Văn Phú chắc phải đọc được suy nghĩ của ta với con mắt hư của hắn, bởi vì ngay sau đó hắn giơ tay tặng cho ta một cái tát nảy lửa trước mắt tất cả những người này. Ta há hốc miệng sững sờ, không còn cảm thấy đau đớn gì nữa. Ta nghĩ chính nỗi hổ nhục của ta mới là điều làm ta nhức nhối. Mọi người đều đứng lặng vì sững sờ.

“Quỳ xuống!” hắn lại gào lên. Hắn bắt đầu giơ gậy lên, lúc đó Huệ Lan đẩy vào vai ta, “Quỳ xuống, quỳ xuống”, cô ta kêu lên, ta thấy mình ngã xuống quỳ trên hai đầu gối. “Hãy nghe lời hắn. Xin lỗi hắn, chẳng mất gì.” Ta nhớ rõ điều này: tất cả mọi người không ai ngăn hắn lại. Họ trơ mắt nhìn trong khi ta nằm rạp xuống sàn, chẳng nói gì trong khi Văn Phú ra lệnh bắt ta nói. “Em xin lỗi, em sai, anh đúng. Tha thứ cho em.” Không ai mở miệng nói, “Thôi đủ rồi.” khi hắn buộc ta van lạy hắn hết lần này đến lần khác. Trong khi ta van xin, lạy lục, khóc lóc và đập đầu xuống nền nhà, trong ta chỉ có một ý nghĩ, tại sao những người này không giúp ta? Tại sao họ đứng im như thể ta thực sự là người có lỗi? Giờ đây ta không đổ lỗi cho Helen vì những gì di ấy đã làm ngày ấy. Huệ Lan sợ hãi, cũng như những người khác. Nhưng ta cũng không sao quên được điều cô ta đã làm, người khác đã làm – nó thật sai trái và nguy hiểm. Nó nuôi dưỡng quyền lực của Văn Phú, làm cho hắn ngạo ngược hơn. Nhưng nếu ta nói điều này với Helen bà ấy sẽ chẳng nhớ gì hết trơn. Cũng giống như miếng vải màu trái đào ta đã cho đạo nào. Mới gần đây, chúng ta đến siêu thị vải, ta nói. “Coi nè miếng này có giống miếng vải tôi tặng chị hồi ở Trung Quốc không?”

“Vải nào?” bà ấy hỏi.

“Vải nào! Vải nào! Miếng vải màu trái đào với những bông hoa màu đỏ ấy”. Ta nhắc Helen nhớ lại “Tôi tặng chị vì chị đã bảo Gia Huy không tống Văn Phú vào tù. Chị biết hắn đã làm gì đây, cái cô gái trên xe jeep với hắn đã chết. Chị lấy miếng vải, may một chiếc áo đầm mùa hè. Chị đã sung sướng sau đó phát cuồng lên khi chiến tranh kết thúc – nhớ không? Chị đã làm rách cái váy khi nhảy tung tung trong ngày chiến thắng.” “Ồ miếng vải ấy!” cuối cùng thì Helen cũng nhớ ra, “chị đâu có cho tôi, mà tôi tự mua đấy chứ. Tôi đi vào khu phố cổ trong thành phố mua miếng vải này từ một cô gái ngồi bên một cái bàn. Đúng rồi tôi vẫn nhớ. Cô ta đòi giá cao lắm, tôi phải mặc cả mãi.”

Vì thế con thấy đây, làm sao ta có thể tranh cãi với trí nhớ của Helen? Sự thật sống trong một góc nhỏ lộn xộn trong đầu óc Helen, tất cả những điều tốt đẹp mà dì ấy vẫn muốn tin. Đôi khi ta cảm thấy ghen tị với dì ấy. Đôi khi ta ước ta không bao giờ cho dì ấy miếng vải đó.

## 15. CON BỌ CHẾT TRÊN ĐẦU CON SƯ TỬ

Một lần cha con có một bài thuyết giảng, “Chúa đã tha thứ, còn bạn thì sao?” Ta thích bài thuyết pháp đó lắm. Nó cho ta một cảm giác bằng an trong lòng, nó giải tỏa cơn cuồng nộ trong ta. Ta vẫn nhớ chuyện gì đã xảy ra sau đó, một người Italia chủ một cửa hàng đồ điện, đã đối xử với ta rất tệ, hắt la hét ta chỉ vì ta muốn lấy lại tiền mua cái bóng đèn tròn, nó đứt bóng ngay khi ta mua xong. Hắn giả vờ không hiểu ta. Tiếng Anh của ta quá dở vì thế ta không lấy lại tiền được, ta tức điên lên. Nhưng rồi ta tự nhủ, “hãy tha thứ hãy tha thứ.” Ta nghĩ về những điều cha con nói, hãy để cho giọt nước mắt của Chúa Jesus chảy xuống từ cây thánh giá rửa trôi mọi hiềm khích trong ta. Điều đó có tác dụng, ta không còn giận dữ nữa. Thế là ta có bảo cho người bán hàng biết ta đã xoáy chiếc bóng đèn vào trong ổ điện như thế nào. Ngay lập tức y cắt lời ta, “Bà mua rồi, bà đã làm hỏng.”

Ta lại điên lên. Ta nhủ thầm, tha thứ, tha thứ. Nó lại có tác dụng. Ta không còn giận dữ nữa. Nhưng khi gã bán hàng nói, “Thưa bà tôi có việc phải làm,” thì ta bật ra, “Anh chẳng có việc quái gì hết!” Ta để cho cơn giận dữ bùng lên. Ta đã tha thứ nhiều lần nhưng cái gã này đâu có học được điều gì. Hắn là cái thá gì mà dám chỉ trích tiếng Anh của ta? Tiếng Anh của hắn thì cũng hơn gì ta, giọng Ý đặc.

Vì thế con thấy ta là thế đấy, dễ dàng nổi nóng, khó lòng tha thứ cho ai. Ta nghĩ đó là bởi vì Văn Phú. Ta không thể tha thứ cho hắn vì cái tai nạn ấy. Ta không thể tha thứ cho hắn vì những gì xảy ra sau đó. Tại sao ta lại phải bỏ qua?

Khoảng một năm sau tai nạn của Văn Phú, đó là đầu năm 1939, ta trở lại cũng cái bệnh viện ấy, lần này là để sinh một đứa con khác. Huê Lan đi cùng với ta, nhìn thấy ta trả 100 tệ trong số tiền hồi môn của ta để có một cái phòng riêng, hạng nhất. Đó là một số tiền rất lớn hồi bấy giờ tương đương với một hoặc hai ngàn đô Mỹ bây giờ.

Văn Phú không đến thăm ta cho đến khi ta sinh được hai ngày, một đứa bé gái nữa. Thế là lần đầu tiên nhìn con gái chỉ có một mình ta. Khi nó mở miệng khóc ta cũng khóc theo. Khi nó mở mắt, ta hi vọng nó thích cái mà nó nhìn thấy, người mẹ tươi cười mới mẻ của nó. Khi nó ngáp, ta bảo nó, “Ồ con mới giỏi làm sao, con học được điều đó nhanh quá.” Vào lúc Văn Phú đến thăm, mắt hắn đỏ nọc vì quá nhiều chúc tụng. Hắn mặc bộ quân phục không quân, mùi rượu theo hắn vào tận trong phòng. Đứa bé vẫn ngủ. Hắn dòm mặt con gái, cười rồi nói, “Con bé bỏng của ta,” rồi cứ nói đi nói lại câu ấy. Hắn cố gắng mở bàn tay nắm chặt của nó.

“Ồ nó xấu quá!” Hắn đùa. “Trọc đầu như ông sư, mập ú như một kẻ tham lam. Sao ta lại có một đứa bé xấu xí như thế này? Mà lại lười nữa chứ! Dậy đi vị thần bé bỏng.” Nhìn đôi lông mày của hắn nhảy múa ta có thể nói là hắn rất vui vẻ. Hắn cố gắng quỳn rũ con gái hắn.

Sau đó hắn bế con bé lên trong đôi tay run rẩy vì rượu. Đứa bé quơ quơ tay bắt đầu khóc. Hắn đứng đưa đứa bé lên xuống, đứa bé càng khóc to hơn. “Chuyện gì vậy?” Hắn hỏi, “Có chuyện gì vậy?” “Nhẹ nhàng hơn, thật dịu dàng,” ta gợi ý. Nhưng hắn không thèm nghe ta. Hắn bắt đầu tung con bé lên xuống như thể nó là một chiếc máy bay đồ chơi. Hắn hát cho nó nghe một bài hát bằng cái giọng ông ổng của người say. Con bé vẫn khóc. Ta đưa tay ra. Hắn trả lại con bé cho ta. Vài phút sau nó im lặng. Lúc đấy ta nhìn vào mặt Văn Phú. Hắn không có vẻ dịu đi hay tươi cười. Hắn giận dữ, như thể hài nhi bé bỏng này đã xúc phạm hắn – như thể đứa bé mới một ngày tuổi này đã có sự lựa chọn yêu ghét. Ta tự hỏi cái loại người gì lại đổ lỗi cho cả một đứa bé? Cái loại người gì bao giờ cũng nghĩ đến mình trước ngay cả với con đẻ của hắn?

Lúc đó cô y tá đi vào phòng đưa thuốc cho ta. Ngay lập tức, Văn Phú bảo cô, hắn muốn ăn một cái gì đó. Một tô súp nóng sốt ngon lành-mì với gân bò. Hắn gọi món ấy tỉnh bơ như một người khách trong nhà hàng. Hắn bảo cô phải cho nhiều thịt. Đó là điều mà hắn cũng đòi hỏi trong một nhà hàng. Hắn cũng bảo cô mang cho hắn một loại rượu nếp thơm, không phải một loại rượu của địa phương rẻ tiền mà loại tốt nhất.

Trước khi hấn tiếp tục, cô y tá cắt ngang: “Xin lỗi không phục vụ thức ăn cho thân nhân mà chỉ phục vụ cho bệnh nhân.”

Văn Phú trừng trừng nhìn cô một lúc. Sau đó hấn đấm nắm tay vào tường. “Cô là người vẫn còn nguyên đôi mắt,” hấn hét lên với người y tá, “Cô biết ai đứng trước mặt mình không? Một vị anh hùng đã hi sinh cái này, vì tổ quốc.” Hấn chỉ vào một con mắt bị hỏng sau tai nạn. Ta muốn bảo cô không phải vì hành động anh hùng mà hấn làm hỏng một con mắt mà ngược lại. Nhưng cô y tá đã bỏ ra khỏi phòng. Sau đó ta đã phạm một sai lầm lớn. Ta bảo hấn đừng có bày hầy như thế. Thực ra ta không nói từ “bày hầy.” Ta không bao giờ nói một cái gì trực tiếp như thế đối với chồng ta. Vì vậy có thể ta đã nói là “Họ bận lắm.”

Bởi vì ta bào chữa cho họ, Văn Phú càng trở nên điên cuồng hơn. Hấn chửi rửa bệnh viện gào lên đến rát cả họng. Ta xin hấn hãy bình tĩnh lại. “Vì con bé,” ta nói, “con nó vừa mới ra đời, một đứa bé không nên nghe những điều như vậy.”

Ngay lúc đó thì đứa bé lại khóc. Văn Phú thôi không la hét. Hấn trừng trừng nhìn đứa con gái bé bỏng, giận dữ vì tiếng khóc của nó. Rồi hấn bỏ đi. Tốt, ta nghĩ, hấn đã đi rồi. Nhưng chưa đầy 15 phút sau cô y tá đã chạy lại phòng ta giận run lên. “Cái gã chồng chị ấy, hấn là cái thằng điên kiêu gì vậy?” Rồi cô kể cho ta nghe Văn Phú đã chạy xuống cầu thang tìm đến bếp của bệnh viện. Hấn cầm một con dao phay lớn, cái loại dùng để chặt xương ống ra làm hai – phăm phăm – hấn bổ lên bàn, lên tường, lên ghế. Hấn đập vỡ chai lọ bát đĩa. Hấn ngửi từng nồi thức ăn, chửi những món chứa trong đó rồi đổ tất cả đồ ăn họ đang nấu đi. Cuối cùng khi lưỡi dao đã gãy, hấn đe dọa tất cả những người đầu bếp, phụ bếp, những người đang sợ hãi nhìn hấn từ ngoài cửa: “Nếu chúng mày báo cáo việc ta đã làm, ta sẽ quay lại, chặt xương chúng mày ra làm đôi.” Nghe điều này ta xấu hổ quá chừng. Ta không thể nghĩ ra được một điều gì để nói. Ta khẩn khoản xin cô y tá hãy tha thứ cho ta vì đã đem đến những rắc rối cho bệnh viện. Ta hứa sẽ trả cho bệnh viện thêm 100 tệ nữa. Ta hứa sau này sẽ đi xin lỗi tất cả những người phục vụ trong nhà bếp. Sau khi cô y tá đi khỏi, ta nghĩ về câu hỏi của cô: Chồng ta là cái thằng điên kiêu gì vậy? Lần này ta không đổ lỗi cho mình vì đã lấy hấn làm chồng, ta trách mẹ hấn – vì đã sinh hấn ra đời, vì đã chiều theo mọi yêu sách của hấn như thể bà chỉ là đầy tớ của hấn, vì bao giờ cũng

cho chồng, con trai ăn trước, chỉ cho phép ta ăn sau khi ta đã nhặt hết thức ăn dính vào râu bố chồng ta, vì đã để cho sự quái đản trong tính cách của con trai lớn lên thành một thú vui độc ác, để cho hần bao giờ cũng cảm thấy quyền lực của hần bị đói khát.

Có lẽ điều này là không đúng, đổ lỗi cho một người đàn bà khác vì nỗi thống khổ riêng của ta. Nhưng đó là điều mà ta đã được dạy dỗ - không bao giờ chỉ trích người đàn ông hoặc cái xã hội mà họ thống trị, hoặc Khổng Tử - cái người đàn ông đáng sợ đã thiết lập nên kỉ cương cho cái xã hội này. Ta chỉ có thể đổ lỗi cho những người đàn bà khác nhất sợ hơn ta.

Bấy giờ ta cũng bắt đầu khóc, đưa con bé bỏng cùng khóc với ta. Ta nhét vú vào miệng nó nhưng nó không chịu bú. Ta đựng đưa nó nhẹ nhàng nhưng vô ích. Ta hát cho nó một bài hát ru dịu dàng. Nhưng nó không nghe. Nó khóc thật lâu, cho đến khi nó không còn hơi để khóc thành tiếng. Nó thôn thốc trong lòng, ta biết là nó sợ. Một người mẹ chỉ nghe cũng biết mọi thứ về con mình, nó đói hay mệt, tè ướt hay đau. Đứa bé của ta đang sợ. Vì thế ta làm một điều mà ta nghĩ là đúng. Ta nói dối.

“Con sẽ có một cuộc đời đẹp tươi phía trước,” ta thì thầm với nó. “Người đàn ông nào vừa la hét? Chúng ta không biết là ai. Không phải cha con. Chắc chắn không rồi. Cha con là một người hiền lành. Người cha thực sự của con sẽ đến thăm con sớm, đừng khóc nữa.” Chẳng bao lâu nó dịu xuống, bắt đầu ngủ. Đêm ấy ta đặt tên nó là Di Cô “niềm vui vượt lên sự cay đắng”. Hai từ trái nghĩa nhau, cái điều tốt đẹp đầu tiên sẽ trừ bỏ điều xấu xa thứ hai. Đó là khi mẫu tự này viết lên trên mẫu tự khác. Bằng cách ấy ta mơ ước con gái ta sẽ còn một cuộc sống dễ chịu, vượt qua được những khó khăn. Ta yêu đứa bé này ngay từ đầu. Nó có đôi tai giống đôi tai Mặc Sầu – Nhưng Di Cô mở mắt ra dõi theo ta. Nó chỉ bú sữa của ta không chịu uống sữa của Tầu nãi nãi, chị vú của nó vì thế ta cho chị Tầu nãi nãi nghỉ. Con thấy đấy Di Cô biết ta là mẹ của nó. Ta bế bổng nó lên trên trời, cả hai chúng ta cùng cười khanh khách. Bé thông minh lắm – chưa đầy ba tháng bé đã biết nắm tay lại chạm vào tóc ta không bao giờ giật. Nhưng mỗi khi Văn Phú bắt đầu la hét, bao giờ nó cũng khóc, khóc suốt đêm, sẽ không nín cho đến khi ta lại nói với nó những lời lừa mị, “Di Cô ngoan nào, đời con rồi sẽ tốt đẹp thôi.” Làm sao ta biết rằng đó là cách người mẹ dạy con mình sợ hãi.

Một hôm, có lẽ lúc ấy Di Cô được sáu tháng. Con bé giúp việc đến tìm ta bảo với ta rằng nó muốn nghỉ việc. Nó mới 14 tuổi, bé nhỏ, bao giờ cũng vâng lời, cả Huê Lan cũng không có lí do gì để trách mắng nó. Khi ta hỏi tại sao nó muốn nghỉ, nó xin lỗi bảo là nó làm việc không tốt.

Đó là cung cách của người Hoa, tự hạ thấp mình, nói rằng mình không xứng đáng khi thực sự muốn nói rằng mình xứng đáng hơn, ta có thể đoán tại sao nó không vui như vậy. Gần đây, Huê Lan bắt đầu yêu cầu con nhỏ làm rất nhiều việc vặt mà bây giờ việc vặt lại trở thành việc lớn hơn. Con bé đáng thương không bao giờ nói lời từ chối với bất cứ ai, chẳng bao lâu phải làm gấp đôi công việc mà chỉ nhận được món tiền ta trả nó. Ta không muốn mất nó, vì thế ta nói. “Con là một đứa giúp việc rất giỏi, chăm chỉ, xứng đáng được nhiều tiền hơn phải không?”

Nó lắc đầu, khẳng khái rằng nó không xứng đáng. Ta nói, “Cô vẫn thường khen con mà?” nó gật đầu. Lúc đó ta nghĩ rằng Huê Lan đã đối xử với nó không ra gì, chửi mắng nó sau lưng ta, bây giờ con bé không thể chịu được nữa. Ôi, ta giận điên lên. “Có ai làm gì con nào, có ai đó đã gây rắc rối với con? Đừng sợ, nói cho cô nghe.” Nó bắt đầu khóc, gật gật đầu nhưng không nhìn ta.

“Có ai đó làm khó dễ con phải không?” Nó gật đầu nước mắt chan chứa. Sau đó nó bảo ta đó là ai. “Thái thái, chú không tốt, chú xấu lắm. Con biết thế. Nhưng con không đổ lỗi cho chú.”

“Đổ lỗi? Con nói thế là nghĩa gì vậy?” Ta hỏi, đang là mùa hè, nhưng một cơn ớn lạnh chạy khắp châu thân. Ta ra lệnh cho con bé phải nói. Ta lắng nghe chuyện của nó cùng với tiếng khản khoản xin ta hãy tha thứ cho nó, nó tát vào mặt mình hai lần, thú thật nó là đứa có lỗi. Nó là kẻ yếu đuối đã để cho hắn chạm vào người. Nó kêu khóc, cầu xin ta không nói bất cứ điều gì với hắn. Lúc này ta không nhớ chính xác ta đã làm gì để buộc nó phải nói, ta đã biết rằng chồng ta đã đặt bàn tay bẩn thỉu của hắn lên người nó từ khi ta ở trong bệnh viện, rằng con bé đã phải vật lộn với hắn, lần nào hắn cũng “cưỡng hiếp” nó. Con bé con ngây thơ như thế làm sao nó biết được từ đó? Nó chỉ biết đổ lỗi cho mình. Ta gạn hỏi nó nhiều lần: Những vết bầm tím trên mặt mà nó nói do sự bất cẩn của nó - có phải là do hắn



cường bức nó không? Những lần nó kêu bị mệt, bao giờ cũng vào buổi sáng – có phải là vì những chuyện xảy ra trước đó không? Mỗi lần con bé thú nhận một điều gì đó nó lại kêu khóc, tự tát vào má mình. Ta vỗ vỗ vào cánh tay nó bảo nó ta sẽ giải quyết vấn đề này.

Khuôn mặt nó biểu lộ sự sợ hãi. “Cô sẽ làm gì?” Ta nói, “Con không phải lo lắng về điều đó nữa.” Ta cảm thấy mệt rã rời, hoang mang. Ta lên gác vào phòng Di Cô. Ta ngồi trên ghế ngắm nhìn con gái đang ngủ. Bao nhiêu sự thanh bình trong chiếc nôi của nó. Thật là một người đàn ông vô đạo, làm sao ta có thể biết được có một hạng đàn ông táng tận lương tâm như thế tồn tại trên đất nước này? Tại nạn năm ngoái không dạy cho hắn một điều gì cả. Rồi ta nghĩ, mọi người sẽ nghĩ gì khi biết chuyện này? Họ sẽ nghĩ gì về ta? Có phải là ta chống lại chồng ta để bảo vệ đứa ở gái không? Ta hình dung Huê Lan sẽ chỉ trích ta, đổ cho ta cái lỗi chỉ nhìn thấy mặt xấu của sự việc, và người khác. Ta hình dung người khác phê phán ta vì đã không chăm lo việc nhà tốt hơn. Ta hình dung mọi người cười cợt ta – một người chồng lém phéng với người đầy tớ gái vì vợ hắn ta là chưa đủ. Chuyện xưa như trái đất!

Sau đó ta nghĩ, điều hắn làm sai trái, có thể là tội ác nhưng cũng chẳng có gì ghê gớm. Nhiều người đàn ông đã làm những việc đồi bại như thế với con ở. Chẳng ai tin lời một đứa đầy tớ? Chồng ta sẽ bảo là nó nói láo, tất nhiên là hắn sẽ nói thế. Hắn sẽ nói rằng con bé đã quyến rũ hắn – một vị anh hùng. Hoặc hắn sẽ nói nó đã ngủ với nhiều phi công khác, hắn có thể nói đủ thứ. Còn ta được lợi gì trong việc buộc tội việc làm bẩn thỉu của hắn? Nhận được những cái nhìn thương hại từ vợ chồng Huê Lan? Tất cả chỉ là chuyện nhục nhã. Ta sẽ làm được gì nếu ta cố gắng giúp đỡ con bé? Chỉ có thêm những rắc rối trên giường ngủ của ta. Sau đó ta sẽ mất cái gì? Ta thậm chí cũng không dám nhớ lại về điều đó, ta ngồi xuống, hình dung một câu thành ngữ mà thím Lớn đã dạy ta mỗi khi ta ca thán vì đã bị trách oan: “Đừng có đập con bọ chết trên đầu con hổ.” Đừng có giải quyết một vấn đề rắc rối bằng việc gây ra một rắc rối lớn hơn. Vì thế ta quyết định không làm gì, cũng không nói gì. Ta làm cho mình điếc. Ta để cho mình cũng giống như Huê Lan, Gia Huy cái lần họ làm ngơ khi Văn Phú đánh ta. Ta cho con bé ba tháng lương, viết cho nó một lá thư giới thiệu thật tốt. Nó bỏ đi, ta không biết là nó đi đâu. Ta nghĩ nó rất biết ơn ta khi nó có thể lặng

lẽ ra đi. Hai ngày sau khi Văn Phú hỏi nó đi đâu ta bảo “Con bé ấy à? Ồ mẹ nó nhấc nó về quê lấy chồng. Vì thế em cho nó nghỉ.”

Vài tuần sau ta nghe nói đứa đầy tớ gái đó đã chết. Huê Lan kể cho ta nghe khi ta đang chăm sóc Di Cô, rằng con bé đã đến giúp việc cho một gia đình khác. Một buổi sáng, sau khi biết là mình có bầu, nó đã dùng đến cái cách giải quyết dã man của dân quê. Nó lấy một nắm rơm từ một cái chổi, tống vào cửa mình cho đến khi máu chảy ra xối xả, rồi nó chết vì bị băng huyết.

“Sao nó ngu thế, lại dùng đến một nắm rơm,” Huê Lan nói. “Cái gia đình đã chứa nó – ôi họ phát khùng lên vì con nhỏ đã thành ma ở nhà họ. May mắn cho chúng ta là nó đã không chết ở nhà này.”

Trong khi nghe Huê Lan nói ta có một cảm giác lạ lùng. Như thể ta nhận được vô số cái tát vào mặt, những người vô hình nhìn vào mặt ta, nói đó là lỗi của ta. Ta có thể nhìn thấy đứa con gái nằm trên sàn máu túa ra xung quanh, người chủ bức mình vì nó đã để lại cho họ một rắc rối. Tất nhiên Huê Lan không biết rằng Văn Phú là người đã đưa con bé đến kết cục bi thảm đó. Hoặc có thể cô ta biết mà không nói gì. Cũng vậy thôi, làm sao cô ta có thể nghĩ như thế? Chê trách một đứa đầy tớ gái vô phương tự vệ, vui mừng vì chúng ta đã rũ bỏ được nó trước khi nó thành ma. Tại sao cô ta không nhớ đến người chị, cái người cũng chết thương tâm như vậy? Rồi ta cảm thấy mình cũng xấu xa bởi vì ta cũng trở nên gần giống như Huê Lan: lòng lạnh tanh không một sự cảm thông, chỉ cảm thấy nhẹ nhõm vì ta đã thoát được rắc rối.

Sau khi Huê Lan đi khỏi ta bế Di Cô lên gác ta bảo nó, “Đừng có như mẹ. Con thấy ta khiếp nhược như thế nào? Đừng có như mẹ nghe con.” Khi Văn Phú trở về nhà đêm hôm ấy lần đầu tiên ta đã để lộ sự giận dữ của ta đối với hắn, ta đợi xong bữa cơm tối, tàn bữa tiệc trà, cuộc đánh bài cũng như những câu chuyện ngồi lê đôi mách và tiếng cười. “Anh còn nhớ con bé giúp việc nhà mình chứ?” Ta hỏi khi chúng ta đã ở trong phòng riêng. “Hôm nay nó đã chết.”

Văn Phú đang cời giấy, “Đôi dép lê của anh đâu rồi?” Ta có thể nghe tiếng vợ chồng Huê Lan nói vọng lên từ dưới bếp. Ta đóng cửa phòng lại,

lặp lại những điều vừa nói lần này to hơn. “Đứa ở đó đã chết.” Khi hắn tiếp tục hỏi về đôi dép lê của hắn, ta thêm. “Nó chết trong khi cố gắng tống cái thai của anh ra ngoài đồ con lừa ạ.” Hắn đứng dậy, “Mày nói cái quỷ gì vậy. Mày nghe đứa nào nói láo lếu vậy?” hắn hỏi, cúi về phía ta, trợn trừng cả con mắt hư lẫn con mắt lành. Ta không nhìn xuống. Ta trừng trừng nhìn lại hắn, mạnh mẽ. Ta có một cảm giác mới lạ giống như có một vũ khí bí mật. Bất thành linh - âm. Hắn đá vào một cái ghế. Hắn chửi bới. Hắn hét vào mặt ta. “Mày là cái thá gì mà dám buộc tội tao?”

Nghe thấy Di Cô khóc thảng thốt phòng bên, ta định bước về phía phòng nó nhưng Văn Phú hét lên chặn ta lại. Ta không sợ, ta đi về phía bé, nhìn thấy nó đứng lên trong cũi giơ một tay lên cho ta vỗ về. Ta bế nó lên, vuốt ve nó. Văn Phú đi theo ta, vẫn la hét, đập phá đồ đạc, nhưng ta không sợ. Lần này hắn không làm ta sợ, ta đặt Di Cô trở lại trong cũi.

“Tôi biết hết cả rồi!” ta hét vào mặt hắn. “Anh đã phủ lên con bé, làm hại đời nó, ai mà biết là bao nhiêu lần. Và bây giờ tôi nói cho anh biết anh đi mà làm cái chuyện đòi bại của anh ở đâu thì làm. Ra ngoài đường kia kìa, tôi cóc quan tâm, nhưng mà đừng có làm trên giường tôi nữa.” Hắn giơ nắm đấm lên, “Cứ đánh đi, tôi sẽ không thay đổi đâu.” Ta hét lên, “Anh hùng, người anh hùng vĩ đại! Anh chỉ bắt nạt được một đứa bé thôi.”

Hắn có vẻ rất sững sờ. Hắn nhìn về phía Di Cô đang đứng sau lưng ta, trong cũi. Nó khóc nức nở. Hắn hạ tay xuống, đi rất nhanh về phía chiếc cũi. Ta nghĩ rằng hắn rất buồn vì đã làm nó khóc. Ta nghĩ hắn sẽ ẵm nó lên, nói rằng hắn rất tiếc, rất ân hận. Nhưng ngay trước khi ta nghĩ đến việc chặn hắn lại thì hắn đã tát con bé – veo – hắn thẳng tay tát vào mặt nó, một bên má của nó đỏ ửng lên hắn nắm vết ngón tay.

“Câm mồm!” hắn hét lên.

Mắt con bé nhắm tịt lại vì đau. Miệng nó há ra nhưng không một tiếng nức nở nào lọt ra ngoài. Nó không thể thở được. Nó quá đau. Ta vẫn có thể nhìn thấy cái vẻ mặt của bé, đau đớn hơn bất cứ cái tát nào ta nhận được trong đời.

Ta nhào đến chỗ Di Cô, nhưng Văn Phú xô ta, ta té xuống. Sau đó ta nghe thấy nó nấc lên. Cuối cùng hơi thở đã trở lại với nó. Nó khóc to hơn, the the hơn. Veo! Veo! Văn Phú tát nó cái nữa, cái nữa, cái nữa. Vào lúc ta lom còm bò dậy được, đứng giữa hai người, ta thấy Di Cô cuộn tròn người lại như một trái banh nhỏ. Nó phát ra những tiếng rống của một con thú nhỏ. Ta khóc, van xin hấn. “Tha lỗi cho em. Em sai rồi. Tha lỗi cho em.”

Sau đó, mỗi lần Di Cô nhìn thấy cha nó đi vào phòng, nó ngã xuống cuộn tròn lại cho thật nhỏ cũng giống như lần ấy. Nó mút tay gây ra những tiếng động khe khẽ. Sự thực là thế, mới chỉ có sáu tháng tuổi mà con bé đã học được một điều không bao giờ cất tiếng khóc. Con tưởng tượng được không – một con bé học biết sợ trước khi nó học biết bò?

Nó trở thành một đứa bé kì lạ. Nó không bao giờ nhìn vào mặt người khác. Nó giật tóc ở một bên đầu. Nó đập đầu vào tường. Nó vẫy tay trước mặt, cười. Khi tập đi, nó đứng trên đầu ngón chân như các vũ nữ balê. Nó kiễng chân đi nhanh qua phòng, như thể nó có thể bay lên với mỗi một bước đi. Nhưng mỗi một lần nhìn thấy cha nó đi vào, nó lại lăn đùng xuống cũng giống như lúc nó còn bé tí. Nó không khóc, không nói một lời, chỉ há mồm nhưng không phát ra âm như giọng nói của một hồn ma.

Giọng nói của nó đang du dương rất cao, rất hay giống như cái cách ta thường nựng nó, “Di Cô nhìn mẹ này, nhìn mẹ này,” rồi bỗng nhiên trở nên gay gắt, gầm gừ như kiểu Văn Phú la hét, “Di Cô, đồ ngu xuẩn. Cút đi!” Đây là những âm thanh duy nhất mà nó phát ra.

Nó hết sức lạ lùng, làm ta hết sức lo âu. Nhưng Huê Lan luôn bảo ta, “lớn lên nó sẽ thay đổi. Bây giờ nó quá sợ hãi. Ai cũng thế thôi. Khi chiến tranh kết thúc, nó sẽ thay đổi. Rồi chị sẽ thấy.”

Ta muốn tin cô ta. Tại sao lại không tin chứ? Ta chưa nuôi con bao giờ. Ta không muốn nghĩ là con ta bị mất trí. Ta luôn nghĩ là chiến tranh rồi sẽ kết thúc, rồi Di Cô sẽ khá hơn. Ta tin như thế, hi vọng này dẫn đến hi vọng khác.

Ngày mừng 7 tháng Bảy là ngày được coi là may mắn. Nhưng hóa ra nó lại là một ngày toàn những việc đau lòng. Ta lại có bầu tháng thứ 6 hay

tháng thứ 7. Di Cô có thể là được 17 tháng, lúc đó chắc là vào năm 1940. Một ngày hè, thời tiết nóng nực một cách khác thường làm cho mọi người đều khó ở.

Hôm ấy chúng ta biết được là quân Anh đã tiến gần đến Burma Road để giúp đỡ quân Nhật. Cái ngày Gia Huy mời một viên chức ngành hỏa xa đến dùng bữa trưa để anh ta có thể thảo luận về các phương tiện giao thông khác nhau. Cái ngày mà Huê Lan ra chợ mua đồ, cô ta mua món nào cũng bị hớ. Người viên chức mang theo người vợ đến ăn trưa, một người phụ nữ làm cho ta nhớ đến thím Lớn khi bà nói, “Cô không nên ăn những món cay. Nếu không đưa trẻ ra đời sẽ có tính khí rất xấu.” Sau đó bà ta chén luôn món mì cay mà ta rất thích.

Khi mọi người đã ăn xong, ta vẫn còn bón cho Di Cô ăn vài miếng đồ laghim còn lại. Gia Huy, Văn Phú, người công chức nọ uống rượu, nói chuyện về thời giá của đồng tiền. Huê Lan quạt phành phạch, mắt dúi lại sau bữa ăn.

“Mọi thứ đều đi xuống một cách thảm hại,” ông viên chức nói với giọng quyền thế. “Tiền năm ngoái bằng nửa giá trị ngày hôm nay. Đó là điều mà chúng ta có thể biết là chúng ta thắng hay thua. Nhìn vào đồng tiền ấy. Kẻ thù không thể kiểm soát đất nước này chỉ bằng việc kiểm soát đồng tiền.”

“Vậy thì Trung Quốc phải in ra nhiều tiền nữa.” Văn Phú nói, khoác lên mặt mình một cái vẻ cái gì cũng biết. Ta biết là hắn cố tỏ ra hơn hắn vẻ bề trên của ông khách. “Phát cho mọi người nhiều tiền hơn. Họ sẽ tiêu nhiều hơn. Mọi người sẽ làm nhiều hơn. Tuy vậy tốt hơn là để cho người ngoại quốc cống nộp tiền cho chúng ta nhiều hơn.”

Gia Huy lắc đầu, “Dở ẹc. Sự can thiệp của nước ngoài vào ngay từ đầu đã làm cho Trung Quốc sa lầy, chia chúng ta thành những mảnh nhỏ quá yếu để có thể cùng nhau chiến đấu.” “Đó là lí do mà người ngoại quốc phải trả tiền,” Văn Phú cứ khẳng khẳng, “để dọn sạch những thứ mà chúng mưa ra. Bảo chúng cung cấp thêm tiền cho chúng ta chiến thắng.”

Người khách cười, quay sang nhìn ta chỉ ngón tay vào Văn Phú, “Phu nhân Tưởng Giới Thạch, phu quân của bà cuối cùng đã có một cách để giải

quyết tất cả những vấn đề của chúng ta. Thật đơn giản, chỉ cần sự giúp đỡ của ngoại bang. Chào ngài Roosevelt, chào ngài Churchill, đây là cái bát ăn xin của tôi. Hãy cho chúng tôi 100 triệu đô.”

Ta nghĩ ông khách này khá thô lỗ. Nhưng ta cũng cười góp, vì lịch sự. Ta biết Văn Phú không vui gì. Vì thế ta chọc cho hắn vui lên, “Anh sẽ cần một cái tô thật bự,” ta nói rồi mỉm cười, đó là một sai lầm lớn!

Mặt Văn Phú tím bầm, “Có thể tao sẽ cho mày một cái bát đi ăn mày.” Ngay lập tức, mọi người im phăng phắc, xấu hổ. Ta cố gắng nuốt nước mắt vào trong. Bất thành linh Di Cô xoay người sang phải rồi sang trái, cất tiếng hát. Nó múa tay trước mặt, hát lên bằng cái giọng cao non nớt của nó, sau đó lại gầm gừ những tiếng to, the thé, một âm thanh mà nó thường biểu diễn.

Bà khách nhào tới, chạm vào trán Di Cô, “Ôi, có chuyện gì không ổn với con bé vậy? Nó ốm à?”

Điều này làm cho Văn Phú thậm chí thêm giận dữ hơn. “Di Cô!” hắn hét lên, đập vào tay nó. “Thôi ngay. Đồ ngu, câm mồm!”. Nhưng Di Cô lại quay nhanh hơn, hát đi hát lại câu này, “Di Cô, câm mồm, đồ ngu!” Ta muốn bệnh khi nghe nó hát. Vợ chồng người công chức hỏa xa vội vã ra về. Gia Huy, Huê Lan trở về phòng họ, ngủ trưa. Khi còn lại chúng ta trong phòng, Văn Phú la lối hồi lâu, chửi ta là một người mẹ tồi tệ, một người mẹ không biết dạy con cho ra hồn, để cho Di Cô là một đứa bé không biết vâng lời. Lòng ta đau quặn lại, se thắt vì lần đầu tiên ta nhìn Di Cô theo cách mà vợ ông viên chức đã nhìn. Sáng hôm sau, bụng ta đau thật, ta biết rằng đó là do thức ăn ngày hôm trước. Ta tự nhủ, ồ ta hi vọng Huê Lan không mua rau ôi của những người Miến Điện. Những người này có quá nhiều thói quen rất mất vệ sinh – dùng phân để tưới rau, làm lây lan những mầm bệnh: tả, kiết lị, thương hàn... Trong khi lo lắng về điều này, ta nhận thấy Di Cô cũng bị ốm. Nó không khóc. Nó chỉ ngủ li bì suốt ngày. Vì thế làm sao ta biết được chuyện gì xảy ra?

Bệnh tiêu chảy của nó bắt đầu ngay chiều hôm ấy. Cho đến tối nó vẫn chưa bớt, con bé không chịu ăn uống gì, trong khi Văn Phú ra khỏi nhà đi đánh bài mạt chược ở nhà một người bạn. Mắt nó đã mở nhưng có vẻ như

nó chẳng nhìn thấy gì cả. Ta thật là ngu xuẩn. Ta bảo Huê Lan, “Có lẽ tôi phải đưa nó vào bệnh viện. Chị nghĩ sao?” Tại sao ta lại hỏi Huê Lan điều đó? Ta nên mang Di Cô vào bệnh viện ngay, nhưng ta lại tin vào điều Huê Lan nói, “Chị cần phải xin ý kiến bác sĩ trước. Chị không thể đi đến đây một mình được.”

Ta nhớ có một bác sĩ đang chơi mạt chược ở ngay cái chỗ mà Văn Phú đang chơi, một nơi cách nhà ta khoảng 15 phút đi bộ, ta chạy đến đây.

“Con gái mình bị ốm,” ta thì thầm với hấn khi đến nơi. “Chúng ta cần một bác sĩ để đưa con đến bệnh viện.” Hấn làm như thể hấn không hề nghe ta, vẫn tiếp tục chơi bài. Ông bác sĩ, ngồi cùng bàn với Văn Phú, nhìn ta hỏi, “Có chuyện gì vậy?” ông ta hỏi. Ta lặp lại những điều đã nói, bảo ông ta biết Di Cô ốm như thế nào.

“Nó rất yếu do bị tiêu chảy. Hơi thở ngắt quãng, mắt nó đảo tới đảo lui vì sốt, tôi sợ quá,” ta nói. Những người đàn ông đang đánh bài cũng chú ý. Ông bác sĩ đứng dậy, “Tôi phải đi,” ông ta nói.

Văn Phú nhảy lên. “Cứ chơi đi! Cứ chơi tiếp đi. Vợ tôi chỉ phóng đại lên thôi.” Hấn cười nhạt. “Cô ta thấy một con kiến thì nghĩ là con sư tử. Con nhỏ ho một tiếng cô ta nghĩ đó là bệnh viêm phổi. Ngồi xuống tiếp tục chơi.” Ta không chịu bỏ đi. Ông bác sĩ vẫn đứng. “Lần này bệnh nghiêm trọng lắm, tôi không phóng đại đâu,” ta nói nhỏ, “nó có thể bị chết.” Văn Phú điên tiết vì ta dám nói trái ý hấn. “Nếu nó có chết, tôi cũng không quan tâm!” Hấn hét lên, rồi ngồi xuống, vớ lấy một quân bài. “Cô ta chỉ cố gắng đuổi tôi về nhà trước khi tôi mất hết số tiền được bạc ấy mà,” hấn nói với nụ cười rộng ngoác. Những người khác cười với vẻ ái ngại, lại bắt đầu chơi bài. Ông bác sĩ lại ngồi xuống.

Đó là những việc đã xảy ra. Ta không phóng đại. Hấn đã nói như thế trước mặt tất cả những người này. Nếu nó có chết, tao cũng chẳng quan tâm. Đúng là những lời như vậy. Những người này cũng nghe thấy. Họ chẳng làm gì.

Ta đứng đó, miệng há ra suy nghĩ: Hấn lấy ở đâu ra quyền áp chế những người này? Hấn đã làm gì khiến họ sợ hấn như thế? Ta chạy về nhà, “Vô

ích,” ta bảo Huê Lan, “Bác sĩ không đến.”

Trong một giờ dài dằng dặc sau đó, Huê Lan và ta chạy lên chạy xuống cầu thang mang nước sạch lên để tắm cho Di Cô, cạy miệng nó đổ nước lọc vào. Nhưng Di Cô không chịu uống nước chỉ ngoảnh mặt đi.

Có thể là một tiếng sau cái cơ thể bé bỏng của nó bắt đầu co giật, sau đó nằm thẳng đuốn ra trước khi lại lên cơn giật lần nữa. Ta bế nó lên, chạy xuống cầu thang ra ngoài cửa, chạy xuống con đường tối om. Huê Lan chạy theo ta.

Họ vẫn đánh bài, cười cợt, uống rượu và hút thuốc. “Anh nhìn đi, nhìn đi.” Ta điên dại gào lên với thằng chồng, chìa Di Cô cho hắn xem. Bấy giờ bọn đàn ông dừng lại, đứng lên ngay lập tức. Cả phòng im phăng phắc, cái thân hình bé bỏng của Di Cô giãy đành đạch, cố gắng tuột ra khỏi tay ta. Ông bác sĩ chạy đến chỗ chúng ta ngay. “Con đàn bà ngu ngốc này!” Văn Phú la lên rồi bắt đầu chửi. “Tại sao mày không bảo ông là con bé bị nặng như vậy? Mày là mẹ cái kiểu gì vậy?” Hắn làm như thể hắn đã quên ráo mọi chuyện! Không một ai trong phòng mở miệng nói: “Anh nói láo. Chỉ một giờ trước đây, cô ta đã bảo anh điều đó.” Chỉ có ông bác sĩ nói. “Nhanh lên. Ai có xe nào?”

Trên đường đến bệnh viện, Văn Phú chửi rủa ta suốt. Ta không nhớ hắn nói gì, ta chẳng thèm nghe nữa, ta chỉ ôm Di Cô thật chặt vào lòng. Ta cố gắng làm cho thân hình của bé dịu xuống, cố gắng giữ bé ở bên ta. Nhưng ta biết là không còn hi vọng gì.

“Nào bây giờ, con bỏ mẹ mà đi,” ta nói. “Mẹ sẽ ra sao nếu không có con?” Ta như điên cuồng vì đau khổ. Sau đó ta thấy nó đưa mắt nhìn ta. Đó là lần đầu tiên nó nhìn ta như thế, nhìn ta với con mắt thấu hiểu, như thể cuối cùng nó đã nhận ra ta.

Ta nghĩ ta đã tưởng tượng ra điều đó chỉ bởi vì thời gian còn lại của nó rất ngắn ngủi. Nhưng ta lại chăm chú nhìn nó. Cái nhìn của nó đầy vẻ hiểu biết. Nó không cười, không khóc, cũng không quay đầu đi. Nó quan sát ta, lắng nghe ta nói. Ta nhớ lại một điều ta đã nghe trước đó: rằng trước khi một đứa trẻ qua đời, nó sống nốt quãng thời gian ngắn ngủi còn lại như là



sống suốt quãng đời dài lâu của nó. Nó nhận chân về cuộc đời, bất kể nó bé như thế nào. Trong đôi mắt của nó ta đọc được những lời nhắn nhủ, “Đây là cuộc đời ngắn ngủi của con, không tốt, không xấu hơn một cuộc đời trọn vẹn. Con chấp nhận, không đổ lỗi cho ai.”

Sáng hôm ấy, ta nhìn Di Cô ra đi. Văn Phú đã về nhà từ sớm, sau khi bác sĩ bảo hẳn, “Không có hi vọng, quá trễ rồi.” Chỉ có ta ở lại trong phòng bệnh với Di Cô. Ta nghĩ về tất cả những việc làm sai trái của mình, tại sao ta không bảo vệ nó tốt hơn, sao ta lại lừa dối nó khi bảo nó là nó sẽ có một cuộc đời tươi đẹp. Ta nhìn nó từ từ rời khỏi cuộc đời ta, trở nên nhỏ bé hơn, nhỏ bé hơn nữa. Ta bảo nó là ta rất buồn. Sau đó nó chỉ vào ngón chân của nó giống như chân diễn viên balê rồi ra đi mãi mãi. Ta không khóc. Vào lúc đó ta chẳng còn nước mắt, ta kiệt quệ cảm xúc. Ta bế nó lên. Ta biết ta không cần phải nói dối nó nữa. “Tốt cho con đó, con gái bé bỏng. Con đã trốn thoát được. May cho con.”

Nói ta nghe đi! Nếu con nhìn thấy điều đó xảy ra với con ruột của mình, con có tha thứ không?

## 16. ĐẠI THẾ GIỚI

Nếu ta có thể ngăn chặn được một đứa trẻ nữa lại ra đời, thì ta đã làm. Nhưng ta đã có bầu được sáu, bảy tháng sau cái chết của Di Cô. Đó là lí do ta để cho đứa bé này ra đời, biết rõ rằng đời nó rồi cũng chẳng ra gì. Dù là trai hay gái, ta cũng sẽ đặt tên nó là Đạm Như – Vô Vi – một cái tên rất đẹp của nhà Phật, ngụ ý đứa bé này sẽ không bao giờ có liên hệ với bất cứ thứ gì trên đời này, kể cả với mẹ nó. Đó là điều ta nghĩ trước lúc sinh con. Nhưng khi Đạm Như ra đời, Huê Lan nhìn nó thốt lên, “Ồ, nó giống cha nó quá đi mất.” Rồi Văn Phú cười mãn nguyện thì ngay lập tức ta muốn đấu tranh cho đứa bé, muốn bảo vệ nó khỏi lời nguyền này.

Sau khi mọi người đi khỏi, ta ngắm nhìn khuôn mặt Đạm Như trong giấc ngủ. Tóc nó mọc tua tủa như những lớp cỏ non. Ta vuốt lên mái tóc mịn như tơ của nó bằng cả bàn tay mình. Rồi nó mở mắt ra, không phải mở lớn ngay đâu mà chỉ hơi hé hé như thể tất cả ánh sáng trên đời này đều là một cái gì xấu xa. Nó nhìn ta, cau mày, không có cái vẻ đê tiện của Văn Phú mà là một cái nhìn âu lo. Nó đổ hết tất cả mọi lo lắng cho ta.

Con thấy đấy, ngay từ đầu ta đã yêu Đạm Như dù rằng ta đã cố không yêu nó. Đó là cái cảm giác bảo vệ một người nào đó mà con tin tưởng, lấy lại sự thơ ngây của mình. Ta ở lại bệnh viện năm ngày, nhưng Văn Phú chỉ đến thăm có hai lần, mỗi lần đều nhấn mạnh là hấn rất bận rộn với công việc mới. Gia Huy đã cắt cho hấn một vị trí trong trung tâm không quân, huấn luyện hấn công việc của một nhân viên không lưu.

Khi bác sĩ thông báo ta có thể về nhà, ta không đợi cho đến tối để Văn Phú đến đón mẹ con ta về, ta bảo người vú em thu dọn đồ đạc, gọi một chuyến xe, trong vòng 2 tiếng chúng ta đã về đến nhà.

Đó mới đầu giờ chiều. Cửa phòng Huê Lan vẫn đóng. Ta bảo vú em bế Đạm Như lên lầu đặt vào trong nôi còn ta thì nán lại dưới bếp chỉ bảo đầu

bếp sấm sủ, nấu nướng cho bữa tiệc ăn mừng. Sau đó ta bắt đầu lên lầu, chị vú chạy đến bên ta thì thào, “Thái thái, có ma.” Khi một người đầy tớ nói với con là có ma thì điều đó có nghĩa là có một điều gì đó không ổn, người này không có cương vị để giải thích với con tại sao. Ta bảo người vú em đi xuống bếp rồi đi vào phòng ngủ của ta xem có chuyện gì. Ngay lập tức ta nhìn thấy một người đàn bà trẻ nằm ngủ trên giường của ta, bên một trong những chiếc áo ngủ của ta, đang đánh một giấc ngon lành. Ta nhanh chóng đóng cửa phòng lại, đứng ngoài hành lang, cố nghĩ xem điều đó có nghĩa gì. Làm sao Văn Phú có thể đem một người đàn bà vào nhà ta – ngay trước mắt mọi người. Ta xuống dưới nhà gõ cửa phòng Huê Lan.

“Ê, coi kìa đã về rồi hả?” Cô ta nói. “Kho báu nhỏ đâu rồi, ngủ hả? Vào đi, vào đi. Chị chắc đã gặp người bà con của em rồi hả?” Cô ta không nói gì về người phụ nữ ngủ trong phòng của ta. Rồi ta nhìn thấy một người đàn bà khác, người này ngồi trên ghế sofa, mặt và tay đen đúa nứt nẻ như mặt đất khô hạn. Huê Lan giới thiệu với ta đó là dì của cô ta, Đỗ Thanh vừa đến từ miền Bắc. Trong cặp mắt non nớt của ta, bà trông như thể đã 90 tuổi, ta biết được ngay sau đó là bà còn chưa đến 50. Đoán xem ai? Dì Du. Đúng thế bà dì Du! Đó là lần đầu tiên ta gặp bà. Bà vừa mới đến hồi sáng.

“Dì đi đến đây mất mấy ngày ạ?” Ta lịch thiệp bắt chuyện với bà.

Bà dì Du cười vui vẻ như thể ta vừa nói đùa. “Không phải ngày hoặc cũng chẳng phải tháng – mà hàng năm, 7 năm, bắt đầu từ tỉnh Nhật Hà ở phía Bắc Bắc Bình.” Khuôn mặt bà đượm vẻ buồn bã, dịu dàng. Bà đập vào tay Huê Lan, “Ồi giờ, đó là lúc dựng con chết. Ông là một người chồng tốt. Dì vui lòng khi thấy ông chết trước khi nhìn thấy những sự thay đổi ở quê ta.”

Huê Lan gật đầu, dì Du quay về phía ta. “Ông ấy chết trước khi quân Nhật từ Mãn Châu Quốc tràn xuống, kiểm soát mọi việc: Mùa màng, giá cả thị trường, những gì được in trên báo, thậm chí cả số trứng mà một con gà gây giờ xương có thể đẻ - tất tât mọi thứ. Con không thể tưởng tượng được mọi chuyện tồi tệ như thế nào. Tất nhiên ta và con gái bỏ đi trước khi chuyện này xảy ra. Ta chỉ mới nghe gần đây thôi. Cũng chỉ mới biết ta có một cô cháu gái ở Côn Minh này.” Bà cười với Huê Lan, cô này châm thêm trà. Khi dì Du đề cập đến cô con gái ta lập tức nhận ra cô gái đang ngủ trên

giường ta là ai. Ta cảm thấy nhẹ cả người, cơn giận dữ tan biến. “Dì còn may là đã kịp ra đi khi vẫn còn chưa muộn,” ta nói.

“Đó là bởi vì khi dì mất chồng thì dì cũng mất luôn ý muốn tích của làm giàu. Dì bán tất. Cứ ôm lấy đất của mình làm gì để sau này bọn Nhật cướp không chẳng thí cho một xu? Dì đổi tất cả tiền bạc trong người thành bốn miếng vàng lá. Dì dùng số vàng ấy đổi ra bốn phương tiện đi lại: tàu lửa, tàu thủy, xe tải, bây giờ nhìn xem – đôi giày!”

Bà mang một đôi giày đen nặng chịch, cái loại mà những nhà truyền giáo thường mang. “Con phải tận mắt thấy những con đường ấy!” bà nói. “Ở nhiều nơi người ta làm đường rất nhanh, chỉ với đôi tay mà họ làm cho chúng thêm rộng ra. Ở những chỗ khác họ dùng mìn phá đường để quân Nhật không thể đi qua. Đường xá cũng như các thành phố đi đi qua qua chỗ nào cũng đông nghẹt người, giàu cũng như nghèo, tất cả đều cố tản cư đi nơi khác.” Khi bà nói thế, ta lại nghĩ đến người phụ nữ trẻ nằm ngủ trên giường ta. Cô ta chắc phải mệt mỏi sau một chặng đường dài. Tất nhiên ta tự hỏi sao Huê Lan lại để cho cô ta ngủ trên giường ta. Tại sao không phải là giường Huê Lan? Nhưng ta không hỏi sẽ là mất lịch sự nếu hỏi như vậy.

Sau một vài phút trò chuyện cho phải phép, ta xin phép cáo lui để chăm lo đứa bé. “Thằng nhỏ!” Huê Lan nói, chợt nhớ ra rồi quay qua dì Du, “trông giống hệt cha nó.”

“Không giống nhiều lắm đâu,” ta nói.

“Cũng đôi mắt, cái mũi, cái trán của cha nó mà.” Huê Lan khẳng khái. Ta đưa dì Du đi thăm em bé. Trong lúc đi lên cầu thang ta nói cho bà biết tên nó, nó nặng bao nhiêu, cổ nó cứng như thế nào, nó tè ra tay người bác sĩ đỡ dễ ngay cái phút nó ra đời ra sao, tất cả những điều cô y tá bảo ta. Thế là cả hai cùng cười vang khi đi lên gác, chắc là chúng ta đã đánh thức cô gái trong phòng dậy. Cô mở cửa nhìn ra với khuôn mặt ngái ngủ, nhanh chóng đỏ lên vì xấu hổ rồi đóng cửa lại. Ta hi vọng trong một giây là dì Du sẽ nói, “Ồ đây là con gái dì.”

Nhưng thay vì thế Huê Lan lại hỏi, “Ai đây?” còn dì Du thắc mắc. “Cô ta bệnh hay sao mà ngủ trễ quá vậy?” Ta phải nói với con rằng ta suýt lộn

cổ xuống cầu thang khi nghe thế. Dì Du, Huê Lan nhìn ta vẫn chờ câu trả lời.

“Một người khách,” ta chỉ có thể nghĩ được câu trả lời đó. Sau đấy ta biết rằng con gái dì Du đã gia nhập đảng Cộng sản ở Dĩ Nam. Dì Du không đồng ý cũng chẳng phản đối sự lựa chọn của con gái. “Như dì đây,” bà nói, “dì đã quá quen với quần áo cũ của mình, chẳng thể thay đổi được nữa. Làm sao mặc được tư tưởng của người khác.”

Khi chồng ta về đến nhà chiều hôm ấy, ta lập tức hỏi hấn về cô gái ở trong phòng ta. Ta không nói điều này với giọng điệu giận dữ, ta không buộc tội hấn về việc lén đưa gái về nhà trong lúc ta sinh con. Ta cúi mặt xuống Đạm Như để Văn Phú không thể nhìn thấy vẻ mặt ta.

Không chút bối rối, Văn Phú nói, “Người ấy à? Đó là em gái một người phi công cùng khóa với anh. Không thể ở trong nhà tập thể vì thế anh ấy hỏi xem anh có thể để cô ấy ở nhà ta vài ngày không. Lẽ tự nhiên, anh không thể từ chối.”

“Tại sao cô ấy lại ngủ trên giường chúng ta?” Văn Phú trả lời, “Anh không biết. Có thể cô ấy quá mệt.” Ta hiểu ngay là hấn đã nói dối. Nếu cô ta chỉ là khách hấn lại không nhảy dựng, la rầm trời lên, “Cái gì! Trên giường ta á? Tổng cổ cô ta ra.”

Đầu tiên ta điên ruột lên – hấn lại làm cái chuyện đòi bại ấy ngay trước mũi ta sao? Hấn đối xử với ta như với một con mụ nhà quê ngu ngốc sao? Hấn còn để con đàn bà của hấn mặc áo ngủ của ta nữa! Nhưng rồi ta lại nghĩ: Tại sao ta lại để cho hấn chứng kiến cơn giận dữ của ta như thể hấn đáng cho ta đấu tranh vì hấn? Tại sao ta phải quan tâm đến việc hấn ngủ với ai? Điều đó tốt cho ta mà! Có lẽ hấn sẽ để ta yên.

Vì thế khi mở miệng ra nói, giọng ta hết sức thân thiện, “Bảo với khách của chúng ta là cô ta có thể ngủ trên ghế sofa ở phòng bên cạnh.” Ta cũng không thèm ngoái sang để nhìn vẻ sừng sốt trên mặt hấn nữa.

Đêm ấy ta lên gác sớm, đóng cửa. Khi Văn Phú đi ngủ sau ta một chút, ta giả vờ là đã ngủ say. Sáng dậy, ta nhắm mắt vờ là ta vẫn còn ngủ khi hấn

bò sang phòng bên cạnh. Sáng nào, tối nào ta cũng làm thế. Ta ngủ thật ngon. Ta không còn phải lo lắng khi nào thì hấn thò tay banh hai chân ta ra. Như thế ta đã để cho một nàng hầu vào nhà ta. Tất nhiên ta không giới thiệu cô ta như thế với vợ chồng Huê Lan. Ta nói cô ta là một người khách, em gái của một phi công như cách nói láo của Văn Phú. Cô gái này tên là Minh cư xử như thể cô ta thực sự là một vị khách quý! Cô ta thức dậy trễ, đi ngủ trễ, xuống dưới nhà ăn như bắt được, luôn ở vị trí thứ yếu, không bao giờ đợi để được mời ăn đến lần thứ hai. Cô ta thất học, không bao giờ đọc báo, thậm chí không biết kí tên. Cô ta nói chuyện ông ổng một cách suông sã.

Chẳng bao lâu Văn Phú bắt đầu đối xử với cô cũng tệ hại như đối với ta, không có một chút xiu tôn trọng nào. Hấn lờ cô ta đi khi cô ta nói chuyện với hấn. Hấn ném vào mặt cô những hình dung từ xấu xa khi cô mắc một lỗi nào đó trong cách cư xử. Vì thế mặc dù không bao giờ muốn, nhưng ta bắt đầu cảm thấy thương hại cô. Ta nghĩ, loại người phụ nữ này chắc là phải cùng đường lắm mới muốn trở thành người tình của chồng ta. Hấn chẳng nhẹ nhàng cũng chẳng tử tế gì. Với một con mắt chột, bộ mặt đều cáng hấn không thể được coi là đẹp trai. Hấn bộc lộ tính cách xấu xa, hung hãn của mình bất cứ lúc nào. Hấn cũng chẳng phải là yếu nhân gì cho cam, một cựu phi công ở khóa 2, cũng kha khá quan trọng như bây giờ hấn đâu còn là phi công nữa. Vậy hấn có thể cho cô ta cái gì? Chẳng có gì hết kể cả một cuộc hôn nhân tồi tệ!

Ta nghĩ rằng cô ta ở với hấn không phải vì tình yêu, không thể như thế. Đó là một cái gì khác, có lẽ đó là một kiểu tự vẫn một cách từ từ thay vì làm rụp một cái. Ở đây cô cũng có chỗ để ngủ, có cái để ăn. Mọi thứ khác không thành vấn đề. Chiến tranh đã làm cho nhiều người đâm ra như thế, sợ hãi, hoang mang bám víu lấy sự sống mà không biết tại sao. Minh và ta giống nhau ở nhiều phương diện: một nước da đẹp, một trái tim lành chỗ, một ý chí mạnh mẽ, những chiếc xương dễ bị tổn thương. Tất nhiên, chúng ta xuất thân từ những hoàn cảnh khác nhau, chẳng giống nhau chút nào, nhưng suy cho cùng ta cũng chẳng tốt hơn cô ấy. Cả hai đều mơ về một tương lai sẽ tới, có thể là vào ngày mai, có thể là ngày kia. Khi nó đến, chúng ta sau đó lại cố làm sống lại hạnh phúc đã qua – một điều chưa bao giờ tồn tại.

Vì thế nói một cách trung thực, ta không hề ghét cô ấy. Thậm chí có thể là ta còn thích cô ấy bởi vì điều này là chắc chắn: cô ấy là một người bạn dễ chịu. Mặc dù phong cách của cô thô ráp, bản năng; con có thể nói là cô ấy sống thật một cách ngờ nghệch. Cô chất đầy thức ăn vào bát của mình, hết lời khen ngợi hương vị của nó. Cô ta trầm trồ ca ngợi nhẫn, vòng đeo cổ của ta, hỏi xem chúng có phải là vàng thật không. Cô bảo quần áo của ta thật đẹp – giá của chúng bao nhiêu? Cô không hỏi những câu này theo cái cách của một số người hỏi với hi vọng ta sau đó sẽ cho họ vật mà họ ngưỡng mộ rất nhiều.

Cô không bao giờ than phiền, không bao giờ ra lệnh cho đầy tớ, không giống như Huệ Lan. Cô cảm ơn họ về những việc làm nhỏ nhất. Cô đề nghị được bế Đạm Như khi nó khóc. Cô nựng nịu nó bằng tiếng mẹ đẻ phương bắc. Khi Văn Phú ra ngoài cô nói với ta về đủ mọi thứ chuyện mà một cô gái con nhà lành không bao giờ nói – về những bạn trai cũ, những bữa tiệc khiêu vũ, những hộp đêm ở Thượng Hải mà cô từng đến và có thời gian làm việc ở đó. Ta có thể thừa nhận là ta thích nghe những câu chuyện của cô, thích ngắm nhìn cô nháy mắt, vẫy tay hết sức ấn tượng.

“Em là ca sĩ, cũng là vũ nữ,” một hôm cô nói với ta có lẽ là sau khi cô đã ở được với chúng ta hai tuần. “Một ngày kia em sẽ trở thành một diễn viên điện ảnh.”

Ta nghĩ rằng cô ta đang mơ mộng viễn vông. “Thế cô định lấy tên là gì?” ta lịch sự hỏi. Ta biết rằng nhiều nữ nghệ sĩ đặt cho mình những cái tên mới như là Butterfly Liên với lại Songbird Liên, những cái tên mà ta rất khoái.

“Em còn chưa biết,” cô nói rồi bật cười, “nhưng sẽ không phải cái tên họ đã đặt cho em ở Thượng Hải khi em làm ở Đại thế giới – ai cũng gọi em là Rubber Fairy. Chị biết Đại thế giới không?” Ta gật đầu, Peanut và ta một lần đã nghe lén chú ta cùng bạn bè của ông ngồi ngoài sân nói chuyện về nơi này. Đó là khu giải trí có mái che ở khu đất đã được nhượng cho Pháp, phục vụ cho những người khách nước ngoài, một nơi ăn chơi rất nguy hiểm cho đạo đức nước nhà. Chú ta nói rằng nơi đó chứa đựng đủ mọi chuyện đồi bại: đàn ông với những trò chơi biến dạng cùng những cô gái đẹp, thú vật, diễn viên nhào lộn, những trò mê tín dị đoan cổ lỗ hóa ra chỉ là một trò biểu

diễn. Không một người Trung Quốc tự trọng nào đi đến đây, chú ta lên án cái chốn này đã làm cho người ngoại quốc có những ý nghĩ xấu về Trung Quốc, cứ như thể tất cả những người đàn ông Trung Quốc đều hút thuốc phiện nói chuyện với quý sứ, tất cả các tiểu thư khuê các trong các gia đình nền nếp đều ăn mặc gần như trần truồng, hát hò, múa may khi họ mời trà. Thế mà trước mắt ta là một người đã từng làm việc ở đây. Minh đứng dậy đi đến một góc phòng. “Tiết mục biểu diễn của em rất nổi tiếng. Em bước ra sân khấu với một miếng vải trùm đầu dày, nặng, em mặc một cái váy dài rất cổ điển, giống như là một nữ hoàng trong truyện cổ tích, ống tay áo rủ xuống rõ dài.” Cô ta đi ngang qua phòng, “Rồi sau đó một người Pháp, ông chủ của em bước ra. Ông ta đội một cái mũ học giả tròn, khoác một cái áo choàng, mắt ông ta nhấp nháy như cái kiêu mà người ngoại quốc bắt chước người Trung Quốc, như thế này này, nom rất xấu xí. Những sợi râu dài dán vào cằm ông ta chạy xuống tới tận đầu gối trông giống đuôi chuột.”

Minh đi theo hướng khác rất chậm rãi vừa đi vừa vuốt bộ râu tưởng tượng của cô ta. “Ô cô em gái nhỏ,” cô nhại giọng một ông già, “loại thuốc bí mật để trường sinh bất lão ở đâu? Nào nói đi, nói cho ta nghe, không nói hả, thế thì có thể ta sẽ phải hành hạ em để moi từ miệng em.” Minh từ từ cởi cái váy tưởng tượng ra mỗi cánh tay một lần. “Bên trong em mặc một cái áo cánh, một cái quần cụt ngắn trên đầu gối. Chân, tay em được xoa phấn để làm chúng trắng như tro. Em mang một đôi dép lê màu đỏ rực, đôi găng tay màu đen,” cô múa múa đôi tay.

Thật là đáng sợ cả khi chỉ tưởng tượng về điều đó. Cái loại con gái nào đứng trước mặt người ngoại quốc trong bộ đồ lót vậy? “Sau đó người Pháp đẩy em vào đằng sau một cái hộp tra tấn, bằng gỗ rất đặc biệt. Nó giống như một cái chuông cộp, bự bằng cái phòng này. Mọi người đều nhìn thấy ông ta cho đầu em vào một cái lỗ, chân, tay em vào những kẽ hở, ở các góc của cái hộp,” cô ta chỉ tay vào các góc tường. Minh ngồi xuống một cái ghế, biểu diễn cho ta rõ. “Từ ghế khán giả chỉ có thể thấy đầu, tay chân em dạng ra. Em lắc đầu cựa quậy chân tay van xin bằng một giọng đáng thương, “Làm ơn hãy ban phước cho tôi, đừng hành hạ tôi.” Rồi em nhìn khán giả nài xin họ, “Cứu tôi với, cứu tôi với,” em diễn rất đạt, em biết nói những điều này bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nhật – thỉnh thoảng có những người khách bị kích động lên tiếng bảo người Pháp thả em ra nhưng thường thì bọn đàn ông sẽ kêu lên, “Làm cho cô ta yên la đi.” Rồi



một người chơi violông sẽ bắt đầu chơi một bản nhạc đầy âu lo khắc khoải, khán giả sẽ chồm về phía trước, người Pháp sẽ kéo sợi dây cạnh dụng cụ tra tấn. Tay, chân em sẽ bị kéo xa hơn, xa hơn nữa qua các kẽ hở.” Đến đây Minh bắt đầu dang hai tay ra. Bây giờ chỉ có mông của cô là dính ở ghế, đôi mắt cô ta mở to sợ hãi, ta cũng phát hoảng. “Em sẽ rên rỉ to hơn, to hơn,” cô thì thầm. “Tiếng đàn violông cao hơn, cao hơn. Cho đến khi tay, chân em kẹp dài ra từ mỗi góc hộp cách đầu em cả 5, 6 mét. Chân tay em vẫn vậy vùng vẫy vì nhức nhối. Cuối cùng em kêu lên giọng khàn đi vì đau đớn. “Tôi sẽ nói,” người đàn ông vuốt râu hỏi, “Nó là cái gì? Cái bí mật của sự trường sinh bất lão?”

Mắt Minh nhắm lại, đầu cô ta quay tới quay lui. “Cuối cùng,” cô nói bằng một giọng trầm trầm đau đớn, “em hét kên nhưng chỉ một từ bật ra khỏi miệng, “Lòng tốt, điều mà ông không bao giờ có. “Em gục xuống, tắt thở.”

Đôi mắt Minh nhắm lại, miệng cô ta há ra giống như người chết. Ta nhìn cô, nhìn khuôn mặt biến dạng của cô. “Ôi chao!” ta nói, thật khủng khiếp, đêm nào cũng phải làm vậy à?”

Bất thành linh cô mở mắt nhảy ra khỏi ghế rồi cười sảng sặc hồi lâu. “Đó chỉ là một trò đùa chị hiểu không. Đó không phải là những cái chân của em bị chảy máu cũng không phải là tay em trong những cái găng. Có bốn cô gái khác ở đằng sau hộp, mỗi cô có một cái tay hoặc một chân, chuyển động qua những cái khe khi em kêu. Chị hiểu không? Em chỉ là một diễn viên có bộ mặt, cái giọng rên rỉ.” Ta cố gắng hiểu điều đó.

“Tất nhiên em là một diễn viên giỏi, ít nhất tuần một lần cũng có người bị ngất trong đám khán giả. Nhưng sau một thời gian cái trò này trở nên nhàm chán. Em không thích nữa. Quá nhiều người vỗ tay vui mừng khi em chết.”

Cô thở dài, “Em bỏ nghề đi tìm một công việc tốt hơn. Em đến hát ở Sincere một siêu thị trên đường Nam Kinh. Em là một trong những cô gái hát để mua vui cho đám đông thực khách của nhà hàng. Nhưng tất nhiên công việc này chấm dứt hai tháng sau khi em bắt đầu. Đó là khi chiến tranh bùng nổ, khi bom rơi trên các cửa hàng. Em chạy ra, chứng kiến những

chuyện này”. Khi Minh nói điều đó, ta biết rằng cô nói về những quả bom lực lượng không quân đã thả một cách nhầm lẫn.

“Ồ chị phải chứng kiến điều đó,” Minh nói. “Em đứng ở ngoài phố trước một cửa hàng lẩn trong đám đông. Từ chỗ chúng em đứng có thể thấy hàng trăm người đã bị chết, một cảnh tượng hãi hùng. Sau đó một vài nhà chức trách kêu gọi đám đông giải tán, “Mọi việc đều được kiểm soát,” họ la lên, “không có ai bị giết. Những cái xác này? Không phải là người chỉ là quần áo bị bom đạn xé rách.” Minh quay về phía ta. “Mắt em nhìn một đảng, tai em nghe một nẻo. Rồi em nghĩ ta phải tin vào cái gì đây, tai ta hay mắt ta? Cuối cùng em để cho trái tim mình quyết định. Em không muốn là mình nhìn thấy quá nhiều xác chết. Tốt hơn cả là cứ nghĩ đó là một ảo ảnh cũng giống như vai diễn của em ở Đại thế giới.” Thế là ta nghĩ cô gái tên Minh này giống ta biết bao, nhìn một đảng nghe một nẻo, cả hai chúng ta đều đi theo tiếng gọi ngu ngốc của con tim. “Chờ một chút,” Minh nói. “Em biết một thứ mà chị sẽ không tin đâu.” Cô ta chạy nhanh lên lầu.

Khi quay trở lại cô ta cầm một cuộn băng trên tay. Cô ta quay cái máy hát cũ. Quay thật mạnh cho đến khi cô ta đặt cái kim lên, âm nhạc phát ra với tiết tấu nhanh. Cô ta lập tức ngoáy mũi, bật bật ngón tay. “Đó là bài mà em vẫn hát, nhảy múa, em hát ở Sincere trước khi nó bị phá hủy”.

Cô bắt đầu hát, nhảy múa như thể ta là một trăm khán giả. Đó là một bài tình ca của Mỹ, ta nhận ra ngay rằng cô ta có một chất giọng ngọt ngào, một cái giọng vang lên như thể trái tim cô đã nhiều lần tan vỡ. Người Hoa thích cái kiểu hát như vậy lắm, cánh tay cô vẫy như những cành cây lay trong gió nhẹ, chậm dần, chậm dần cho đến khi dứt tiếng nhạc. Thực tế, tiết mục biểu diễn của cô rất thú vị.

“Dậy đi bà chị lười,” bất thành linh cô nói. Cô vặn dây cót chiếc máy hát, một lần nữa bật nhạc lên. Cô kéo ta đứng dậy, “Nào bây giờ em sẽ chỉ cho chị nhảy tăng gô như thế nào.”

“Tôi không thể làm điều đó,” ta phản đối. Nhưng thực ra ta nóng lòng muốn học nhảy, ta đã xem những bộ phim về Ginger Rogers, Fred Astaire ta thích cái cách mà Ginger Rogers xoay người, ngã xuống đất, sau đó lại

xoay tiếp. Ta thích ngắm nhìn cô lúc cô đập hai chân thật nhanh giống như đôi cánh của con chim.

Nhưng chúng ta không khiêu vũ như thế. Minh đi trước ta theo sau lúc nhanh lúc chậm. Cô ngả đầu ta về hướng này rồi hướng kia, ta la lên rồi cười. Suốt buổi chiều hôm ấy chúng ta bật nhạc hết lần này đến lần khác, vào những buổi chiều khác, cô dạy ta nhiều kiểu nhảy khác: Van 1, 2, 3, và pop rock.

Người đầu bếp, người đầy tớ ngắm chúng ta rồi vỗ tay. Ta cũng dạy cô nhiều điều. Dạy viết tên cô. Dạy cách mạng một vết rách sao cho không nhìn thấy. Dạy ăn nói như thế nào cho đúng vẻ con nhà. Thực ra cô là người đã yêu cầu ta dạy cho cô, hướng dẫn cô để có một phong cách của một tiểu thư đài các sau khi cô cãi nhau với Huê Lan.

Huê Lan hỏi Minh là cô ta sẽ sống ở đâu sau khi cô đến thăm chúng ta. Minh nói không do dự, “Không phải việc của chị.” Suốt buổi tối hôm đó Huê Lan không thèm nhìn Minh, coi như cô này đã chết. Cô ta khịt mũi nhiều lần đến nỗi cuối cùng ta phải hỏi, “Huê Lan chị nghĩ thấy ngùi gì thôi à?”

Sau đó ta bảo Minh. Nếu có ai hỏi em một câu, thì em không thể nói không phải việc của mày. Đó không phải là một cung cách có giáo dục, không tốt. “Tại sao em phải trả lời chị ta? Chị ta cũng chẳng hay ho gì khi hỏi em điều đó,” cô ta nói.

“Ngay cả như thế thì lần sau khi chị ấy hỏi, em cứ mỉm cười nói, “Về vấn đề này chị chỉ gây rắc rối cho mình về chuyện của em thôi.” Nó cũng có nghĩa là không phải việc của chị thậm chí là có hàm ý mạnh hơn.”

Cô ta lặp câu này nhiều lần. “Ồ, nghe hay lắm,” cô nói, cười khanh khách, “em cũng có vẻ của một quý bà.”

“Khi em cười,” ta nói, “hãy lấy tay che miệng như thế này này, em sẽ không khoe hết cả 36 cái răng. Cười như một con khỉ, nom không đẹp chút nào, mọi thứ trong miệng em sẽ phơi ra hết.” Cô lại cười, lần này lấy tay che miệng.

“Còn tên của em, khi em trở thành một diễn viên chị nghĩ em có thể lấy tên là Vàng Anh. Âm của nó rất hay, mà lại thanh lịch.” Cô gật đầu sau đó ta dạy cô viết cái tên mới của cô.

Một hôm sau khi Minh đã ở với chúng ta khoảng 3, 4 tuần, dì Du đi lên phòng ta. Bà đứng thật lâu trên lối đi, hỏi về sức khỏe của ta và Văn Phú, của Đạm Như. Cuối cùng ta phải mời bà vào uống trà. Chúng ta ngồi ở bàn trà rất lâu. Đầu tiên chúng ta nói về sức khỏe của Huệ Lan của Gia Huy. Sau đó ta ngồi im còn bà xì xụp uống trà.

“Bây giờ dì phải nói với con một điều,” bất thành linh bà nói rồi lại thờ dài và im lặng. “Con là một người tốt,” bà mào lời, rồi ngừng lại suy nghĩ lung lắm.

“Con cả tin quá,” bà ngừng lại một lần nữa. Sau đó bà rên rỉ, “Ôi dà!” bà chỉ một ngón tay vào ta. “Nhìn con xem, quá ngây thơ, ngây thơ đến độ trở thành ngu ngốc. Con có biết chồng con đang làm gì với cái cô Minh đó không?” Làm sao ta có thể nói với bà là ta biết được? Ta làm mặt ngây thơ. Dì Du lại cười gượng lần nữa. “Ta thấy là ta phải nói cho con biết rõ. Quá ngây thơ! Hãy nghe đây, tiểu nương. Họ lừa dối con từ lâu lắm rồi, con đi ra ngoài cô ta trèo vào giường con. Con đi ngủ, nó leo lên giường cô ta. Con nhắm mắt, cô ta dặng chân tay ra. Bây giờ cô ta đã có bầu mà con thì thậm chí cũng chẳng biết nữa. Cô ta nghĩ rằng Văn Phú sẽ lập cô ta làm thiếp, cô ta tuyên bố với tất cả mọi người trừ con. Vậy con phải làm gì, chấp nhận điều đó khi quá trễ? Con có chăm sóc con của vợ bé chồng con không? Đừng có quá ngu ngốc nữa tiểu nương hãy mở mắt ra.”

“Dì dạy con như thế,” ta nói, “con cũng xin ghi nhận nhưng con có thể làm gì? Con không thể ngăn cản anh ấy, con biết tính anh ấy mà.”

“Nếu con không thể ngăn chặn ông chồng thì con phải ngăn chặn con nhỏ đó.” Bà đặt ly trà xuống bàn, đứng dậy, bỏ đi. “Bây giờ dì lấy làm tiếc là đã nói với con điều đó. Nhưng dì đã già rồi, có nhiều việc không thể đợi được cho đến khi dì chết.”

Sau khi dù Du đi khỏi, ta ngồi ngẫm nghĩ về điều đó. Làm sao mà tất cả mọi người đều biết? Họ chắc là đang đợi ta nói hoặc làm điều gì đó kiểu như hét vào mặt Minh “Thật là ô nhục! Phải biết xấu hổ mà cuốn xéo khỏi nhà ta ngay!”

Sau đó ta nghĩ, có thể chuyện này thế mà tốt. Minh đang có bầu. Bây giờ thì ta có cơ để bỏ Văn Phú, từ bỏ cuộc hôn nhân này. Nếu hấn muốn lấy Minh làm thiếp, ta sẽ bảo hấn là hấn có thể lấy cô ta làm vợ! Như thế mọi người đều vui vẻ.

Hôm ấy ta dự định những gì sẽ nói với Văn Phú. Ta sẽ không cãi cò, không buộc tội gì hết, chỉ yêu cầu hấn giải phóng cho ta, kí vào một tờ giấy có mặt hai nhân chứng nói rằng chúng ta từ nay sẽ không còn là vợ chồng nữa. Sau đó ta sẽ chăm sóc Đạm Như cùng với số tiền hồi môn còn lại. Ta sẽ đáp một chuyến tàu thủy từ Hải Phòng rồi về Thượng Hải ngay khi ở đây đã yên ổn. Có thể điều này cũng chẳng phải là một mối ô nhục ghê gớm gì. Chiến tranh đã thay đổi những quy ước về đạo đức của con người. Chẳng có câu hỏi quá riêng tư nào về một người mới một năm trước ra đi với chồng nay lại về nhà một mình. Thật may mắn làm sao Minh đã cho ta một cái cơ.

Văn Phú về đến nhà, ta bảo hấn. “Em có cái này muốn cho anh xem ở bên kia hồ.” Đó là một câu mà chúng ta dùng để nói ở chỗ tai vách mạch rừng. Chúng ta ngồi trên một băng ghế bên hồ, ta đưa hấn xem tờ giấy mà ta đã soạn, một văn bản thông báo hấn li dị với ta. Ta nói ngay, không giải thích lòng vòng. “Em sẽ đi ngay. Anh ở lại đây, cưới cô ấy. Huê Lan, Gia Huy sẽ kí giấy như những người làm chứng.” Đó là tất cả những điều mà ta nói, không giận dữ, không lí sự.

Ta nghĩ hấn sẽ vui sướng. Ta đã cho phép hấn cưới cô gái. Con biết hấn làm gì không? Hấn ngồi xuống, nhìn vào đơn li dị. “Tôi không li dị đâu,” hấn lặng lẽ nói. “Tôi không cần li dị.” Hấn xé tờ giấy ném những mảnh vụn xuống chiếc hồ sau lưng hấn. Ta biết hấn không làm thế để nói rằng hấn yêu thương ta, rằng hấn rất tiếc vì những việc đã làm. Hấn làm thế để cho ta biết ai là ông chủ. Bởi vì sau khi hấn xé nát cơ hội của ta, hấn chỉ tay vào mặt ta nói với giọng khàn khàn. “Khi tôi muốn li dị, tôi sẽ cho cô biết. Đừng có dạy tôi phải làm gì?”

Sáng hôm sau dì Di chúc mừng ta. Bà nói là Minh đã bỏ đi. Bà nghe nói là cô ta đã bỏ đi vào hồi sáng sớm. Ta rất buồn khi nghe tin này. Ta muốn chạy theo bảo cho Minh biết đó không phải là ý muốn của ta. Ta không muốn cô bỏ đi. Ta không ghét bỏ cô. Ta ngồi trong phòng mình, cô đơn buồn bã, vì cô lại là người ra đi, cũng vì những lí do ích kỉ, rằng ta đã để mất một cơ hội.

Buổi chiều, Huê Lan bảo ta về các mẫu áo mà cô ta đang may, dì Du nói về đại dịch tả - những người tản cư sợ phải chủng ngừa như thế nào, một người đàn ông đã chết sau khi nhận hai mươi mũi tiêm. Nhưng ta chả có lòng dạ nào nghe những chuyện như vậy. Ta nhìn vào cái máy hát, rồi cái đĩa hát của Minh, cuối cùng ta bật lên, “Cái cô Minh này! Cô ta còn để quên đồ ở đây. Thật tiếc là tôi không biết cô ấy đi đâu.” Ngay lập tức Huê Lan cho ta biết những tin đồn đã truyền nhanh như thế nào. “Vợ Trang tuyên bố ở ngoài chợ là bà ta nhìn thấy cô ta đến ở một nơi gần ga xe lửa, nhà trọ Cửu Long. Đó là nơi ta tìm thấy cô ngày hôm sau, trong một nhà trọ, một tấm ván dùng làm bàn. Minh rất lặng lẽ có thể là hơi xấu hổ khi gặp ta. Cô xin lỗi về những rắc rối đã gây ra cho ta, cảm ơn ta về cái đĩa hát ta mang đến cho cô. Sau đó cô nhún vai nói, “Đôi khi chị trù tính mọi chuyện theo hướng này, nhưng nó lại xảy ra theo hướng khác.”

Ta hỏi cô mấy tháng nữa thì cô sẽ ở cũ. Cô có vẻ rất xấu hổ, “Về chuyện này, chị sẽ gây rắc rối cho mình vì chuyện của em.” “Tôi đã dạy cô câu đó, cô không nên dùng nó với tôi chứ.” Ta đưa cho cô một món tiền, cô nói, “Vấn đề đã giải quyết xong xuôi. Em vừa làm xong sáng nay. Nó ra ngay không chảy máu, mọi thứ đều sạch sẽ.” Ta vẫn đưa tiền cho cô. Cô mỉm cười, cầm lấy tiền, cảm ơn ta, bỏ ngay vào một cái hộp. Trước khi ra về, ta bảo cô là ta rất thích tiếng hát cũng như điệu nhảy của cô. Một tuần sau Huê Lan bảo ra, “Chị biết con người Minh thế nào không? Cô ta đã bỏ đi với một người đàn ông khác, bảo với mọi người họ là hai anh em. Nhanh thế! Không hiểu cô ta là loại người gì? Không biết cô ta có liên quan với bao nhiêu người đây?”

Nghe nói thế, ta cũng không khinh bỉ Minh. Tất nhiên phẩm chất đạo đức của cô ta khác xa phẩm cách của ta. Nhưng ta nghĩ, tốt, giờ thì ta không còn phải bận tâm về cô ta nữa. Trái tim của cô ta thật mau lên da non.

Vì vậy thực ra cô ta là người may mắn, cô ta là người ra đi, ta là kẻ phải ở lại với Văn Phú. Đôi khi ta mơ ước ta đổi chỗ cho cô. Ta là Minh, ta sẽ trở lại Thượng Hải làm việc ở Đại thế giới. Nó cũng giống như đời ta, cũng cùng một kiểu tra tấn, kéo ta ra từng phân từng phân cho đến khi ta không còn nhận ra mình nữa.

## 17. BỐN CỬA Ô

Một năm nữa lại trôi qua, Văn phú vẫn chứng nào tật ấy. Nhưng ta thì thay đổi, từng tí một. Với Huê Lan, những người khác thì ta vẫn vậy. Nhưng đó là bởi vì ta chôn chặt những cảm xúc trong lòng. Ta vờ bận rộn với con nhỏ không có thời gian lo lắng về bất cứ điều gì khác. Suốt mùa hè năm 1941, ta thích ngồi ngoài sân, Đạm Như ngồi trong lòng, cả hai chúng ta đợi tiếng sấm, những tia chớp lóe lên ở đường chân trời. Ta nói với con nhỏ, “Nghe này – bùm – tiếng động. Bây giờ thì đợi nhé, nhìn này – oa đẹp quá!” Chỉ mới 10 tháng mà Đạm Như đã biết vỗ tay. Mùa hè năm ấy, buổi sáng bao giờ cũng nức nộ, nhưng trước khi trời trở nên quá oi ả thì tiếng sấm vang lên, mưa ào xuống, bao giờ cũng vào buổi chiều, làm mặt đất dậy lên cái mùi nồng nồng ngọt ngào của đất, khiến cô giúp việc chạy như bay ra sân cất quần áo.

Dường như chính những âm thanh này làm cuộc sống của ta trở nên dễ dàng hơn. Mọi chuyện đều yên ả, biếng nhác, chẳng có gì để làm cũng giống như một kì nghỉ hè. Đó chính là quãng thời gian hạnh phúc, được chơi đùa với Đạm Như. Ta đã để cho những cảm xúc tốt đẹp này giúp ta quên mọi việc khác.

Đạm Như thật ngoan ngoãn, sáng láng. Có thể là người mẹ nào cũng khoe con như thế. Những hầy hình dung. Khi Đạm Như chưa đầy một tuổi ta có thể hỏi nó, “Mẹ đâu?” Nó chỉ vào ta nhoẻn miệng cười. “Đạm Như đâu?” nó vỗ vào bụng mình cười. “Ba đâu?” Nó sẽ chỉ vào Văn Phú nhưng nó không cười.

Đạm Như tin tưởng vào ta vào bất cứ cái gì ta nói. Nếu nó tức giận, đói hoặc khóc, ta sẽ vào phòng nó nói. “Để mẹ xuống cầu thang kiểm cái gì cho con ăn.” Khi ta quay lại phòng, nó sẽ đứng trong cũi không khóc. Vì thế con thấy đấy, ta biết Đạm Như lớn lên sẽ thành người tốt, một người tử tế



đáng tin cậy luôn quan tâm đến người khác. Nó chẳng có gì giống Văn Phú, không giống một chút nào. Việc Văn Phú là cha nó chẳng ảnh hưởng gì.

Sau khi Văn Phú đuổi cô Minh đi hẳn quay lại giường ta. Lúc này hẳn đã ngủ với rất nhiều loại người, những cô gái ở địa phương, gái điếm, thậm chí có cả một cô giáo. Ta nghĩ tất cả những người này đều giống nhau đối với hắn, giống như một món đồ để ngồi lên hoặc là một đôi đũa cho bữa ăn hằng ngày. Nếu ta nói dù chỉ một lời chống lại bất kỳ điều gì hoặc chống lại bất cứ thứ gì hắn thích một cuộc cãi nhau to sẽ nổ ra, bao giờ cũng vào bữa ăn tối. Ta cố giữ mồm giữ miệng để cho nhà cửa được yên bình. Nhưng bên trong ta đấu tranh với chính mình, lòng ta chẳng yên bình chút nào. Vì vậy cuối cùng ta cũng phải làm một cái gì đó. Một lần, chỉ là một chuyện nhỏ. Văn Phú bảo người đầu bếp nấu một món ăn hắn thích, thịt heo với bắp cải ngọt. Ta cũng thích món này. Nhưng mùa hè năm ấy, cải bắp rất dở, nấu lên có mùi chua loét. Khi Văn Phú hỏi ta có thích món này không ta trả lời một cách trung thực, “Chua lắm.” Hôm sau hắn ra lệnh cho người đầu bếp nấu đúng món đó ngoài ra không có món gì khác. Hắn mỉm cười lặp lại câu hỏi. “Nào bây giờ cô có thích không?” Ta trả lời như trước. Tối này qua tối khác, cũng câu hỏi ấy, cũng câu trả lời ấy, cũng món ăn ấy. Ta phải ăn món bắp cải chua đó, chẳng có gì khác. Nhưng ta không đầu hàng. Ta để cho Văn Phú trở nên mệt mỏi với cái trò bắp cải, sau hai tuần, bao tử của ta đã chứng minh là mạnh hơn tính khí của hắn. Có thể đó là một việc làm ngu ngốc, bướng bỉnh. Với món bắp cải kinh khủng ấy ta có thể nói dối, “Món này ăn ngon lắm.” Nhưng nếu ta không chiến đấu thì cũng như thừa nhận rằng đời ta đã kết thúc. Vì thế, cuộc hôn nhân của chúng ta càng ngày càng kinh khủng, nhưng như những gì ta còn nhớ, mọi thứ đều trở nên tồi tệ - mọi cái trên đất nước này. Ta nghe các câu chuyện đó vào bữa ăn tối từ những phi công chơi bên bàn mật chược vào đêm khuya. Họ nói về chiến tranh như thể đó là một bệnh dịch lan ra với tốc độ chóng mặt làm mọi người trở nên dối trá, lừa lọc, nuôi lòng căm thù lẫn nhau.

Theo như ta nghĩ mọi chuyện bắt đầu từ năm trước, khi con đường Burma bị cắt, không còn những chuyến xe tải đi qua với những đồ tiếp tế cho chiến tranh. Người ta la hét om xòm, làm sao máy bay quân sự có thể bay được nếu như không có nhiên liệu? Làm sao quân đội có thể bảo vệ chúng tôi khi không có súng? Mọi người đều cảm thấy bất lực, cũng giận dữ nữa bởi vì không phải bọn Nhật đã đóng cửa con đường này mà là người

Anh. Họ đã kiểm soát điều đó. Họ đóng cửa con đường giao thông huyết mạch này khi họ không biết là họ nên ủng hộ cho chính phủ nào, Trung Quốc hay Nhật, Nhật hay Trung Quốc. Họ mất ba tháng để quyết định, cuối cùng khi họ nói chúng tôi ủng hộ anh Trung Quốc thì ai mà tin được. Tất nhiên chúng ta giả vờ rằng chúng ta tin họ khi chào đón họ trở lại. Chúng ta còn làm gì được nữa? Chúng ta không muốn họ chặn con đường một lần nữa.

Người Mỹ thì cũng vậy. Hôm nay họ còn khoác lác họ là bạn tốt của chúng ta như thế nào – những người anh em Trung Quốc của chúng ta, họ nói. Chennault thậm chí còn quay lại vào mùa hè nói rằng ông sẽ mang theo nhiều máy bay để bảo vệ Trung Quốc. Nhưng ngày hôm sau chúng ta nghe nói các công ty của Mỹ đua nhau đi đêm với bọn Nhật, bán cho chúng nhiên liệu, phụ tùng máy bay – cùng những chiếc máy bay đội bom trên toàn cõi Trung Hoa. Con cảm thấy gì khi nghe điều này? Bao nhiêu phu công ưu tú đã chết. Nhiều người trong số họ là bạn bè của chúng ta. Một nửa khóa 3 đã ra đi, hầu hết những người ở các khóa 6, 7 sau đó đều ra người thiên cổ - tất cả đều là những thanh niên trẻ ưu tú. Đêm đến các phi công để những câu chuyện về cái chết mới xảy ra cho mỗi người anh hùng. Tất cả chúng ta đã cùng nhau khóc lóc, buồn bã, giận dữ.

Nhưng đó cũng chưa phải là điều tệ nhất, điều tệ nhất là các lãnh đạo Trung Quốc đã quỳ gối trước bọn Nhật. Người phụ tá của Tưởng Giới Thạch – ông ta đã làm thế. Ông ta nói Trung Hoa nên bỏ cuộc, ủng hộ chính quyền mới ở Nhật. Nói như thế cũng như thể bảo chúng ta quật mồ ông cha lên, ném xương cho chó ăn. Ai mà lại nói một điều như thế? Nhưng nhiều người làm như vậy, mỗi lần điều đó xảy ra chúng ta lại mất đi một niềm hi vọng, tự hỏi phải chăng chúng ta đánh nhau chỉ cho cái nổi ô nhục này.

Tất nhiên những cuộc biểu tình lớn vẫn thường được tổ chức ở chợ, để nguyên rửa những kẻ phản bội, để củng cố ý chí chiến đấu. Ta cũng có mặt ở quảng trường vào một ngày có một cuộc mít tinh như thế. Một sĩ quan quân đội gào vào loa rằng người Trung Quốc sẽ không bỏ cuộc, “Chúng ta quyết sống mái với quân Nhật, dù chúng ta có phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng của người Hán chúng ta.”

Điều này thật là lạ lùng, bởi vì trừ ta và Huê Lan, chắc chắn là không có một giọt máu người Hán nào trong đám đông người lắng nghe. Họ là những người thiểu số người Miêu, Bạch, Di, Hồi cũng như là người Miến Điện, những người tị nạn. Chiến tranh đã lừa họ ra khỏi làng quê, những vùng ngoại vi. Họ cung cấp những người con trai cho quân đội, và các lực lượng phục vụ chiến tranh. Họ bị đối xử như những loại người thấp kém nhất, chỉ như những con vật để vận chuyển hàng hóa, vậy mà họ vẫn đứng ở quảng trường lắng nghe thứ tiếng nói không phải của họ, vỗ tay hò reo.

Ta nghĩ những người này phải có một cuộc sống cơ khổ trên núi. Điều này làm ta nhớ đến một câu tục ngữ phổ biến mà mọi người ở Trung Hoa đều biết: “Nếu bạn không thay đổi được số phận hãy thay đổi thái độ của mình”. Đó có thể là điều những người này đã làm, không đổ lỗi cho số phận xui xẻo nữa, không nhìn vào những khía cạnh xấu trong cuộc đời họ nữa, tin rằng họ cũng trở thành người Hán, giờ đây có một cái gì đó cho họ chiến đấu. Ta tự nhủ, hãy nhìn những người này, hãy học tập họ.

Sau cái ngày ở quảng trường, ta thay đổi thái độ của mình từ từ. Ta không nghĩ mình sẵn sàng chờ chết, không phải như vậy. Nhưng ta nghĩ như thế này: Nếu sớm muộn gì ta cũng chết thì ta cũng không nên đau khổ quá nhiều về cuộc hôn nhân này. Nếu ta không chết ngay thì có lẽ ta phải tìm đường chạy trốn. Cùng lúc đó, Huê Lan bắt đầu thay đổi thái độ của mình. Hoặc có thể không phải là thái độ mà là khẩu vị. Cô ta bắt đầu ăn nhiều hơn, nhiều hơn. Đầu tiên ta nghĩ Huê Lan đang có bầu, muốn giữ kín điều đó. Ta biết cô ta khao khát có con. Cô không giấu điều đó. Mỗi khi ta than phiền với cô về Văn Phú hoặc về chiến tranh hoặc nỗi nhớ nhà, cô đều nói: “Nếu em có một đứa con như con trai chị, em sẽ sẵn sàng nuốt trọn chén đắng cay, em sẽ lấy làm hài lòng lắm”. Con trai không đến nhưng cô vẫn tiếp tục nuốt đủ mọi thứ, bao giờ cũng với một sự thèm khát. Ta không nói là cô ta chỉ thèm ăn món đậu hũ cay, hoặc là món thịt heo béo đậm đà; tự nhủ rằng. “Đó là cái ta thèm ăn”. Ngược lại cô ta chứng kiến những người ăn mỳ – hàng trăm, hàng ngàn người thất thểu lang thang trong thành phố hàng ngày. Cô ta thấy những người này đói như thế nào, miệng họ há ra đón bắt cứ thứ gì bay qua ra sao, da họ lỏng thong trên những cái khung xương như thế nào. Ta nghĩ cô hình dung chẳng bao lâu mình cũng như thế nếu mình không có cái gì để ăn. Ta nhớ, đặc biệt là khi cô nhìn chằm chằm một cô gái ăn mỳ trẻ đứng tựa lưng vào bức tường dẫn đến

khu phố cổ của thành phố. Huê Lan nhìn cô gái, cô gái này nhìn lại mạnh mẽ, dữ tợn. Huê Lan hỏi, “Tại sao nó trông trông nhìn em như vậy? Trông nó giống như một con vật bị bỏ đói, thèm ăn thịt em”. Sau đó mỗi lần chúng ta đi qua cô gái ăn mày, Huê Lan đều than rằng cái bóng của cô gái tựa vào tường càng trở nên nhỏ hơn, mỏng hơn. Ta nghĩ rằng Huê Lan đã thấy hình ảnh của mình trước kia ở quê nhà. Ta chắc chắn về điều đó, bởi vì một lần cô ấy cho ta biết gia đình cô suýt chết đói khi cô còn là một bé gái. “Sông ngòi, lũ lụt hàng năm”, Huê Lan kể, “thỉnh thoảng nó chỉ tràn ra một chút, nhưng một năm nó giống như một cái ầm khổng lồ bị vỡ toang. Dòng nước cuộn cuộn ngàu bùn tràn vào đồng ruộng, chúng em chẳng có gì để ăn trừ những cái bánh khoai lang phơi khô. Thậm chí chúng em cũng chẳng có đủ nước sạch để xấp lên cho mềm hơn. Chúng em ăn những bánh khô cứng như đá, thậm ứt chúng chỉ bằng nước bọt. Mẹ em là người phân phát, chia cho bọn con giá chỉ bằng nửa bọn con trai. Một hôm đói quá, em ăn trộm nguyên một cái, chén một mình. Khi biết, bà đánh chửi em, “Thật ích kỷ! Một mình mày nốc cả một cái bánh”. Sau đó bà bắt em nhịn ăn 3 ngày. Em khóc nhiều lắm, bụng em đau quặn lên vì thèm một miếng bánh khoai lang đủ cứng để làm gãy răng em”. Ta nghĩ Huê Lan nhớ những cái bánh nhỏ cứng như đá này thì sẽ đặt một vài xu hoặc một ít thức ăn vào trong cái bát của cô bé ăn mày như ta vẫn làm. Ta không nói bao giờ ta cũng làm điều đó. Nhưng Huê Lan không làm dù chỉ một lần. Thay vì thế cô tọng nhiều thức ăn hơn vào miệng. Cô ta nhét mỡ vào người cũng giống như gã hà tiện để dành vàng, cũng giống như người ta cho thêm tiền hoặc tài sản vào nhà băng, một cái mà cô ta sẽ dùng đến khi hết chuyện xấu này đến chuyện xấu khác xảy ra. Đó là điều ta muốn nói khi ta bảo rằng Huê Lan đã thay đổi thái độ sống. Cô ta đã từng cư xử rất rộng rãi. Nhưng bây giờ, khi nhìn thấy nỗi thống khổ của những người khác cô thấy lại hình bóng của mình ngày xưa, cái hình ảnh mà cô lại có thể trở thành.

Vào mùa hè, Văn Phú và Gia Huy đều chuyển đến Trung Kinh. Gia Huy nói rằng họ đi huấn luyện tân binh, những người sẽ đến để bảo vệ thủ đô mới. Anh ta không nói khi nào họ trở về có lẽ phải 2, 3 tháng.

Trước khi đi, chồng ta ba hoa khoác lác rằng công việc của hắn cực kỳ quan trọng: phát triển hệ thống thông tin liên lạc vô tuyến để lực lượng không quân, lục quân có thể biết trước khi nào máy bay quân Nhật kéo đến. Nghe hắn nói thế ta nghĩ, làm sao lực lượng không quân có thể tin cậy hắn

trong cái công việc thông tin quan trọng của họ như vậy. Một kẻ toàn nói láo! Ta rất vui mừng vì hắn đã ra đi. Ngay khi họ bắt đầu đi Huê Lan đã trở nên lo lắng, gia công thu thập tin đồn. “Em nghe nói rằng quân Nhật chẳng bao lâu sẽ dội bom xuống Trung Kinh có thể cả Côn Minh nữa.” Mỗi lần nói thế, cô liền chạy đi nấu một bữa ăn trưa ê hề. Khi nghe thấy một tiếng sấm, cô chạy ra ngoài sân, nhìn lên bầu trời chờ những chiếc máy bay ló ra khỏi những đám mây đen trước cơn mưa. Ta bảo cô, “Chị phải dùng đến tai trước khi dùng đến mắt. Sấm bao giờ cũng vang lên từ những ngọn núi cao ở Miền Điện về phía Tây. Nếu máy bay bỏ bom đến chúng sẽ đến từ hướng Bắc hoặc hướng Đông”.

“Chị không thể nói những điều này về bọn Nhật”, cô ta nói bằng giọng làm ra khôn ngoan, “chúng đâu có làm theo cách nghĩ của người Trung Quốc”.

Cô ta sẽ chạy ra nhìn lên bầu trời như muốn tìm ra bằng chứng rằng ta đã sai. Ta nhớ một lần cô làm như vậy trong khi ta đang ở trong bếp tắm cho Đạm Như, ta nghe tiếng cô kêu to, “Chúng đến rồi! Chúng ta chết đến nơi rồi”.

Ta bế vội Đạm Như lên, nước tóe ra ướt hết một vạt áo trước. Rồi ta chạy ra ngoài nhìn theo tay cô. Đó là một đàn chim đen bay như những mũi tên, trông giống những máy bay chiến đấu. Ta cười nhẹ nhõm. “Chim”, ta bảo cô, “những cái mà chúng có thể trút lên đầu chúng ta chỉ là cứt”. Huê Lan làm như bị xúc phạm. “Tại sao chị lại cười tôi?” cô ta dẫn đổi.

“Không phải là cười chị”.

“Tôi thấy chị cười mà”.

“Tất nhiên là tôi cười, chị bảo là tôi chết đến nơi rồi. Tôi chạy ra thấy mình chưa chết, chỉ thấy những con chi, tôi cười là vì thế”.

“Chúng trông rất giống với những cái máy bay, ngay cả vào lúc này. Chị nhìn xem ai cũng có thể nhìn nhầm như thế”. Với ta những con chim trông giống những con chim thế thôi. Đó là lúc ta bắt đầu nghĩ mất Huê Lan có vấn đề. Bây giờ cô ấy lại chỉ trích ta vì nhìn mọi thứ sai lạc. Ngay từ đầu cô

ta thường làm trò cười về điều đó. Một lần cô ta đặt kim đan xuống rồi một phút sau làm mất. Khi ta tìm thấy, cô cười, nói một con ma chắc là đã nuốt đôi kim đan rồi sau đó lại nhả ra. Nhưng lần sau khi làm mất kim đan, cô ta cau mày, nói, “Chắc là con trai chị đã lấy, ném đi đâu đó?” Ta tự hỏi làm sao có thể sống cả đời mà không bao giờ nhìn thấy cái gì rõ ràng, không bao giờ thấy lỗi của mình. Lúc đó ta nghĩ sao cô ta có thể đổ lỗi cho con trai của ta vì sự đấng trí của cô? Tại sao ta lại bị chỉ trích khi chính cô ta là người đã nhảu đàn chim với những chiếc máy bay ném bom. Sau đó ta dẫn Đạm Như, Huê Lan đi chơi rồi tìm đến chỗ mua kính. Đó là một cửa tiệm nhỏ, mới mọc lên trong một khu vực mới của chợ, xuất hiện sau chiến tranh. Người bán hàng trưng một vài cặp kính trên một cái bàn nhỏ cùng với nhiều tròng kính, các loại gọng kính khác nhau. Những cặp kính trên bàn, người bán hàng nói là để thử. Huê Lan thử cặp kính đầu tiên, nhìn ta, Đạm Như rồi phì cười, “Ô, cũng giống như lúc đi trên con đường trong mây. Nó làm em chóng mặt”. Đạm Như ngắm nhìn Huê Lan vẻ lặng lẽ và lo lắng. “Con tự hỏi đi đi đâu phải không?” Ta hỏi bé. Nó cười với ta, đoạn chộp lấy cái kính thứ ba thì cô im lặng. Cô không để Đạm Như lột kính ra nữa. Cô nhìn lên nhìn xuống, đeo vào rồi lại lấy ra. Cô bước ra cửa tiệm, nhìn những hàng quán khác nhau bên kia đường. “Em nhìn thấy một chiếc khăn choàng rất đẹp”, cô reo lên, “Em nhìn thấy mấy loại đậu em muốn mua”.

Người bán hàng rất vui, ông ta hướng dẫn Huê Lan chọn gọng kính. Một số cái có gọng màu vàng, một số cái khác trông như thể chúng được làm từ một kim loại rẻ tiền. Ta thấy một số cái gọng bị long ra hoặc là mày vàng đã phai, và ta có thể thấy lớp kim loại màu xám bên dưới. “Những cái gọng này cũ lắm,” ta bảo người bán hàng. “Tất nhiên là cũ”, ông nói. “Cô không thể tìm thấy một cái kính mới vào thời loạn lạc: Tất cả kim loại đã được dùng để phục vụ chiến tranh chứ không phải cho những thứ như thế này”, ông ta quay về phía Huê Lan. “Đây, thưa cô cặp này đặc biệt tốt, hàng của Anh. Đôi mà cô đang đeo rẻ hơn nhưng tôi phải thừa nhận đó là hàng của Nhật”.

Điều này không hề làm bận lòng Huê Lan và Đạm Như, họ đang bận rộn với những cặp kính khác. Những cặp kính của những người đã khuất trông rất đáng sợ đối với ta. Huê Lan quyết định chọn một cặp kính tròn không có khung, chỉ có một miếng kim loại nối chúng lại với nhau, hai cái gọng đeo vào tai, trông rất cổ lỗ, chẳng hấp dẫn chút nào. Nghe ta bảo trông

cô giống như một học giả cô có vẻ rất hài lòng. Trong khi chúng ta đi qua các đường phố, cô cứ lấy kính ra nhìn ngó cái này cái kia, rồi lại đeo kính vào.

“Chị có nhìn thấy cái này không?”

“Một giỏ đựng tiêu đỏ”, ta nói.

“Chị có thấy cái kia không?” Cô hỏi, chỉ xa nữa hơn trên đường phố.

“Một người bán than”.

“Còn cái kia?” cô lại hỏi làm như cô cho ta một bài kiểm tra mắt.

“Một cái xe tải quân sự có những người lính đứng quanh”.

Cô tiếp tục nhìn vào tất cả mọi thứ ở khu vực chợ búa, nhìn bằng hai cách có kính, không có kính. Nhưng khi đến gần hơn, ta nhìn thấy Đạm Như đang chăm chăm nhìn những người lính đứng bên chiếc xe tải. Ta tự hỏi một thằng bé con liệu có thể thấy gì.

Những người lính này mặt non choẹt, vừa mới nhập ngũ, có vẻ là như thế, với những bộ quân phục mới trên người. Nhiều người trong số họ trông rất tự hào, phấn khích, nóng lòng ngắm nghía đôi giày mới, chiếc xe mà chẳng bao lâu nữa họ sẽ trèo lên, nó sẽ đưa họ đến một nơi mà họ thậm chí cũng chẳng thèm hình dung về nó nữa. Họ có niềm tin tưởng trẻ thơ cũng giống như Đạm Như vậy. Một người lớn tuổi hơn hô vang một câu gì một cách oai vệ, những người lính trẻ vội đứng thẳng lên, cố tỏ ra hết sức nghiêm túc. Trong vòng hai giây tất cả bọn họ nhảy vội lên thùng sau xe, đứng ngay ngắn như những cọc gỗ, nhìn ra đường trong khi xe đang nổ máy.

Bây giờ ta mới thấy những người mẹ, người bà, người chị khóc, vẫy họ từ bên kia đường. Họ đều đội những chiếc khăn xếp với những mẫu hoa văn rực rỡ trên những bộ quần áo đẹp nhất của họ. Họ đi từ trên núi xuống để chia tay con em họ. Một số lính mới mỉm cười, vẫy vẫy tay, vẫn có vẻ phấn khởi lắm. Nhưng ta cũng nhìn thấy một người lính có vẻ sợ hãi, môi dưới

run run, anh cố không bật khóc nom hết như một chú bé vậy. Ta nhìn theo anh lính khi chiếc xe chuyên bánh, tự hỏi anh ta sẽ đi đâu, điều gì sẽ xảy ra với anh ta. Ta nghĩ anh ta cũng băn khoăn về những điều tương tự. “Chỉ nhìn thấy cái này không?” Huê Lan lại hỏi, chỉ vào một thùng có loại nấm mà ta rất thích. Rồi chẳng mấy chốc ta cũng quên những người lính ấy.

Buổi sáng hôm ấy Huê Lan trở thành một chuyên gia giỏi về nấm. Một khi cô có thể nhìn thấy mọi thứ rõ ràng rồi, cô nhanh chóng tìm ra mọi khiếm khuyết của nó: một vết xước, một chỗ bị ủng, một miếng bị sứt. May thay, có rất nhiều nấm, nhiều loại, tất cả lại rất tươi. Ở Côn Minh quanh năm có nấm, nấm mọc ở chỗ khuất trên những quả núi ẩm ướt bao quanh thành phố. Ta chọn những cây nấm dài, ô xòe to. Ta không biết tên nó là gì nhưng ta vẫn có thể cảm thấy cái vị của nó, ướp muối, nấu trong dầu nóng, ăn nó thật mềm, thanh. Con có thể ăn hết cả cuống và ô nấm chẳng vứt đi cái gì.

Ngày hôm ấy ở chợ ta rất thèm ăn nấm. Ta nghĩ đến việc nấu nó với một loại tiêu cay, hầm thật lâu cho đến khi chúng trở thành đen bóng. Ta vẫn mơ về những món nấm xào khô cay lè lưỡi, tay cầm lên lọ tiêu, thì có tiếng còi báo động và tiếng loa phóng thanh vang lên, “Loa, loa, loa, xin chú ý, xin chú ý”.

Mọi người hành động giống như ta và Huê Lan đã làm ở Nam Kinh khi những tờ truyền đơn rơi xuống từ bầu trời. Ta bế Đạm Như lên, làm rơi tất cả nấm, tiêu. Tất cả mọi người cũng đánh rơi đồ đạc của họ. Sau đó chúng ta xô đẩy, la hét chạy nhón nháo từ mọi hướng về phía một trong những cái cổng ngoại ô thành phố bởi vì đó là nơi loa phóng thanh báo chúng ta đến. “Gần nhất à, nó ở đâu?” Huê Lan hỏi đẩy cái kính cao hơn hơn. “Lối này?” cô ta chỉ về hướng nam.

“Lối này gần nhất”, ta la lớn chỉ tay về phía bắc. “Đây là lý do tại sao tôi nói là phía bắc. Nếu chúng ta đi nhanh thì vẫn kịp”. Ta cầm đầu chạy về phía cổng phía bắc không đợi cãi nhau thêm, vài phút sau ta nhìn thấy Huê Lan cũng chạy sau ta. Chúng ta đang co giò chạy thì máy bay của Nhật xuất hiện, cả máy bay ném bom lẫn máy bay chiến đấu. Từ dưới đất chúng ta có thể nhìn thấy chúng đang bay đến. Chúng ta biết rằng những chiếc máy bay đang bay trên đầu có thể nhìn thấy người đang chạy, chúng có thể quyết



định ném bom ở khu vực nào, người nào sẽ bị chết. Càng lúc ta nhìn thấy những chiếc máy bay đến gần hơn. Nếu ta không phải dùng hết sức để chạy ta sẽ hét lên với Huê Lan, “Chị thấy đấy chúng bay từ phía Đông như tôi đã bảo”. Chợt chúng ta nhìn thấy những chiếc máy bay quành trở lại cùng một lượt. Chúng bay đi hướng khác. Một vài phút sau chúng ta nghe thấy tiếng bom nổ, rồi một loạt nữa, mặt đất rung chuyển. Rồi sau đó – tất cả lại trở lại bình thường. Chúng ta không chết. Chúng ta nhìn thấy khói, bụi cuộn lên từ phía đông nam thành phố. Đạm Như vỗ tay. Khi còi báo động chấm dứt, chúng ta quay lại chợ. Quanh chúng ta mọi người chúc tụng nhảy bằng giọng kích động, “May mắn, may mắn, may mắn”. Chợ lúc này đông hơn bao giờ hết, bởi vì bây giờ tất cả những người chưa chết quyết định mua thêm một miếng thịt hoặc một đôi giày hoặc một cái gì mà chẳng bao lâu nữa sẽ trở thành xa xỉ trong một cuộc sống mà ai cũng lo sợ chờ hồi còi báo động tiếp theo. Huê Lan và ta quay lại chỗ người bán nấm. Tất cả những cái nấm tốt của anh ta vẫn còn nguyên không bị ăn cắp, không bị đạp lên. Chúng ta chúc mừng anh còn anh thì bán cho chúng ta với một giá rẻ đặc biệt. Mọi người đều cảm thấy mình hào hiệp, “Con trai chị ấy thông minh lắm”. Huê Lan nói, chỉ vào Đạm Như. “Mới chưa đến một tuổi, nhưng khi nghe còi báo động nó không khóc, đợi cho những tia chớp lóe lên, khi mọi người la hét thì nó vỗ tay”.

Ta rất tự hào nghe Huê Lan nói về Đạm Như như vậy. Ta tung nó lên trời để nghe tiếng cười giòn tan của nó. “Con là chú phi công nhỏ, tuyệt vời”.

“Thật là một đứa bé ngoan”, Huê Lan nói.

“Rất thông minh”.

Chúng ta đi bộ về nhà đồng ý mọi điều về Đạm Như, về việc chúng ta đã may mắn thoát chết, thức ăn giá rất hời chúng ta đã mua được ở chợ sau khi bom nổ. Đêm ấy, chúng ta ăn mừng đợt ném bom thứ nhất với một bữa ăn thịnh soạn với rất nhiều trà thơm. Di Du và bọn đầy tớ cười rất to. Đêm lại ít nhất là mười lần họ đứng lên, ngồi xuống khi nghe tiếng còi hụ. Nhưng vào lần thứ mười câu chuyện trở nên lố bịch. Tất cả chúng ta cười trào cả nước mắt.

“Con đang mang cái xô xuống cầu thang”, một người giúp việc nói. “Đùng, đùng, đùng sau đó bùng, bùng, bùng, cả sàn nhà rung lên với cái mùi thảm họa”.

“Các con có nghĩ rằng các con quá sợ không?” Dù Du kêu lên. “Ta đang đuổi một con gà với cái dao trong tay, một phút sau con gà lại đuổi ta”.

Còn Huê Lan nói, “Chúng con đứng ở chợ, Vi Vi và con hỏi nhau xem chạy hướng nào, với một quả bom lơ lửng trên đầu, dĩ sẽ chẳng muốn cãi nhau đâu”. Hai ngày sau, những chiếc máy bay ném bom quay lại. Chúng ta lại chạy ra ngoại ô rồi chúng ta lại trở về nhà, lạnh lặn, cảm thấy mình may mắn, nhưng là một kiểu may mắn khác. Vào buổi tối chúng ta lại chúc mừng nhưng lần này không ồn ào lắm. Câu chuyện của chúng ta cũng vui vẻ nhưng không đến nỗi cười trào ra nước mắt. Vài ngày sau bom lại dội xuống nữa. Lần này chúng ta không nói đùa, không cười cợt, chỉ lặng lẽ nói chuyện với nhau. Dì Du nghe rằng vợ một người quen đã bị thương rất nặng. Huê Lan tự hỏi tại sao lực lượng không quân của chúng ta không đánh trả, cô hi vọng các ông chồng sẽ sớm trở về. Ta nói dường như máy bay Nhật lúc nào bay tới từ hướng đông, Dì Du đồng ý: bao giờ cũng từ hướng đông. Chuyện xảy ra như thế này máy bay quân đảo trên bầu trời thành phố ba lần một tuần, bao giờ cũng vào buổi sáng, không hiểu tại sao. Có thể công việc của chúng như thế, ném bom ở Côn Minh vào buổi sáng, ở Trung Kinh vào buổi chiều. Như thế bom đạn đã trở thành một phần trong cuộc sống của chúng ta.

Tất nhiên chúng ta vẫn hoảng sợ khi nghe tiếng còi báo động, nhưng bây giờ chúng ta biết đi sơ tán với những đồ đạc gọn nhẹ, nhớ rằng chúng ta đặt ở đâu để có thể dễ dàng tìm thấy. Dì Du kiểm tra chắc chắn là không một nồi nào đang nấu dở trong bếp. “Chẳng có lý nào giữ gìn mạng sống của mình để trở về với ngôi nhà đã cháy ra tro”. Huê Lan sẽ chộp một cái bao đựng đầy thức ăn mà cô ta để gần cửa. Đạm Như sẽ đưa tay về phía ta sẵn sàng chạy. Chúng ta sẽ di chuyển thật nhanh thật nghiêm trang, như thể chúng ta đến dự một đám ma, hi vọng suốt dọc đường đó không phải là đám ma của mình.

Đôi khi chúng ta chạy về cổng Bắc, lâu lâu chạy về cổng Đông, thỉnh thoảng đi ngang qua những khu vực vừa bị phá hủy lần trước; một vài tòa

nhà bị san phẳng, trong khi những ngôi nhà khác ở xung quanh vẫn còn đứng vững chỉ có mái rạ của chúng bị bóc đi, giống cái mũ bị thổi đi trong một cơn gió mạnh.

Ra được đến cửa ô, chúng ta nhảy xuống một cái hố, hay là núp dưới một cái cây. Chúng ta trò chuyện với những người mà chúng ta mới chỉ gặp cách đây vài ngày, trao đổi với nhau những thông tin về việc có thể tìm được loại mỳ ngon nhất, những loại chỉ khâu tốt nhất, loại thuốc tốt nhất chữa bệnh ho ở đâu. Ta bao giờ cũng chọn đúng hướng để chạy. Đó là sự thật. Ba buổi sáng một tuần, chúng ta có thể chết. Tuy vậy bom chưa bao giờ rơi lên đầu chúng ta, hoặc thậm chí là nổ ở cự li gần. Ta bắt đầu nghĩ là ta có một trực giác bẩm sinh về việc tránh bom đạn. Ta bao giờ cũng chọn đúng đường, tìm đúng chỗ núp. Một cách bất cần như vậy ta đã thôi không lo lắng nữa.

Một hôm, sau giấc ngủ trưa, Huệ Lan rủ ta đi chợ. Đạm Như vẫn ngủ vì thế ta để nó lại cho dì Du. Đầu tiên chúng ta đến quầy bán rau, tìm *mao đở* thật tươi, một loại rau xanh vị rất ngọt, rất hiếm, lại đắt tiền nữa, nhưng dù sao ta cũng mua một ít.

Ta rất may mắn, tất nhiên rồi, là đã có tiền để mua những thứ như vậy. Có nhiều người nghèo không có tiền để mua thức ăn thông thường hàng ngày. Nhưng trong thời chiến nếu con may mắn có tiền, thì con sẽ chẳng bao giờ nghĩ đến việc để dành sự may mắn ấy. Một cơ hội để nếm một món ăn hiếm, mới cũng trở thành một niềm vui giống như câu thành ngữ “Ăn, uống, cưới vợ”, Con sẽ có một cái gì đó để hướng tới, cho dù cuộc đời chầm hết vào ngày mai.

Vì thế ta tiêu xài số tiền hồi môn rất nhanh. Nhiều khi ta thậm chí chẳng bận tâm đến việc trả giá với những người bán hàng. Họ bao giờ cũng hờ hởi khi trông thấy ta, “Thưa cô, thưa cô!” họ kêu lên khi nhìn thấy ta, “cô nhìn xem đậu tươi chưa, trứng gà mới to làm sao”.

Đến khu bán cá, Huệ Lan bảo rằng cô vừa mới nhận được một lá thư của Gia Huy. Cô móc thư ra đưa cho ta. Mặc dầu Gia Huy đã dạy cô học đọc, viết, nhưng cô học hành không chăm chỉ. Vì thế sau bốn năm học hành, cô chẳng đọc được gì hơn ngoài giá cả ở chợ với những mẫu tự đơn

giản như giá cá, thịt heo, mỳ, tất cả những đồ ăn mà cô thích. Tất nhiên cô cần thận giấu Gia Huy điều này. Cô giả vờ là có thể đọc bất cứ thứ gì. Nếu ta đứng lại đọc một thông báo dán ngoài cổng chợ cô sẽ hỏi nó nói cái gì. Sau đó vào buổi tối ta có thể nghe cô ta nói với Gia Huy, “Này có chuyện gì xảy ra ở đường rầy xe lửa thế? Em vừa đọc được ở chợ sáng nay”. Vì thế Gia Huy nghĩ rằng anh ta là một thầy giáo giỏi hơn là Huê Lan là một học trò giỏi. Bây giờ anh ta viết cho vợ một lá thư dài, chắc hẳn là cô ta có thể đọc một mình. Nhưng tất nhiên cô ta không thể tự đọc. Huê Lan nhờ ta đọc thư, lấy cớ rằng kính của cô hôm nay không đủ sáng để đọc dòng chữ nhỏ như vậy. Đó là cái cớ ngớ ngẩn. Gia Huy viết chữ nào chữ ấy to như con gà mái ghe, giống như chữ bọn trẻ con được học ở lớp vỡ lòng là cái kiểu mà anh dạy Huê Lan.

“Em yêu quý”, ta đọc to, “thời gian dài đã trôi qua từ lúc anh có ý định viết cho em cho đến tận bây giờ. Hôm nay anh nghĩ về cuộc nói chuyện của chúng ta ở Hồ Xanh, những lời lẽ tổn thương mà chúng ta đã nói trước khi anh ra đi”.

“Ồi”, Huê Lan giằng lấy lá thư từ tay ta, “anh ấy không nói thế đâu”. Cô bật cười làm như lá thư là một trò đùa, rồi nhìn vào thư cố xem liệu cặp kính có giúp cô tự mình hiểu được ý nghĩa của các dòng chữ.

“Chị có muốn tôi đọc nó hay không?” ta hỏi. Cô miễn cưỡng đưa lại lá thư cho ta. Ta liếc nhanh qua lá thư rồi đọc, lần này chậm hơn: “Anh hi vọng những giọt nước mắt của em đã khô từ lâu. Lòng anh vẫn còn cháy bỏng ân hận, mặc dù có thể nó không bằng nỗi đau mà anh đã gây cho em với tư cách là một người chồng không xứng đáng của em”.

“Không, không đọc nữa, không đọc nữa!” Huê Lan kêu lên, một tay bịt miệng một tay chộp lấy lá thư. Ta trả lại thư cho cô, còn cô quay lưng lại, lặng lẽ nhét vào trong túi. Khi cô quay lại mặt cô ráo hoảnh. Chúng ta đi bộ một vài phút trong im lặng. Ta chẳng nghĩ ra được cái gì tự nhiên để nói. Ta rất xấu hổ bởi vì ta đã biết những gì mà cô không muốn cho ta biết. Trước khi trả lại lá thư cho cô, ta đã đọc nhanh những dòng tiếp theo, bây giờ ta đã biết những điều bí mật. Gia Huy đã hối hận như thế nào vì đã không thực hiện nghĩa vụ làm chồng với cô. Anh ta thề sẽ trở thành người chồng thật sự nếu anh còn sống, vào năm tới cô sẽ làm mẹ của con anh. Tất nhiên ta sẽ

sờ khi biết chuyện này. Ta tự hỏi điều này có ý nghĩa gì, chẳng lẽ họ sống với nhau như anh và em như sư thầy và sư cô? Những điều khác có ý nghĩa gì? Tại sao Huê Lan không có con? Điều này có nghĩa là Gia Huy không thèm muốn vợ? Anh ta trung thành với hồn ma của cô chị? Hay là anh ta cũng giống như Văn Phú thường gặp gỡ phụ nữ khác? Từ đây ta hiểu rõ cô hơn. Những lúc cô chỉ trích ta vì ta đã than phiền về tính hoang dã vô độ của Văn Phú, những lần cô nhìn ta ghen tỵ khi ta đùa với Đạm Như trong lòng. Ta lập tức tha thứ cho cô và cảm thấy tiếc vì những ý nghĩ hẹp hòi của mình. Nhưng ta cũng ghen tỵ với cô, cuộc hôn nhân không tình dục của cô xem ra còn tốt đẹp hơn cuộc hôn nhân không tình yêu của ta. Ta đặt nhiều câu hỏi về cô, người phụ nữ này cũng trở thành một cái gì không đơn giản đối với ta, có quá nhiều bí mật được giấu kín. “Chị đừng nghĩ là Gia Huy làm chuyện gì không phải”, Huê Lan nói, giọng nghiêm trang, “đó chỉ là một cuộc cãi nhau nho nhỏ về những chuyện vớ vẩn, không đáng, bây giờ em cũng quên rồi”.

“Tôi chả nghĩ gì sất”, ta trấn an cô. Ta bao giờ cũng nghĩ Gia Huy rất tử tế, rất tốt bụng. Ngay lúc ấy còi báo động vang lên, Huê Lan cau mày, “Sao có thể thế được?” cô nói, “đâu phải là buổi sáng, bây giờ đã muộn rồi”. Khi cô cấm còi chạy về nhà ta chặn lại. “Đừng có ngốc thế! Không ai ở nhà đâu. Họ cũng đã chạy tìm chỗ trú ẩn ở một trong những cửa ô”. Ta quyết định điều chúng ta phải làm. Huê Lan chạy về phía cổng Bắc để ta về phía Đông. Sau đó chúng ta sẽ cùng về nhà tìm người thân, đó là một suy nghĩ thiết thực. Ta nói rằng nếu không quá trễ chúng ta có thể trở lại chợ mua cá, chúng ta vẫn có đủ thời gian cho bữa tối. Chúng ta chia tay nhau với những nụ cười. Ta vội vã chạy, vẫn còn nghĩ về quyết định đúng đắn của mình. Ta quay vào một con đường nhỏ vì nó an toàn hơn, để ý xem có thấy dì Du và Đạm Như không rồi ta nghĩ đến việc sẽ mua cái gì khi quay lại chợ. Tất nhiên, một ít vỏ đậu hũ để nấu với cải xanh. Trong khi ta sắp đặt bữa ăn tối, tiếng máy bay trở nên to hơn làm cho ta khó mà nghĩ ngợi gì được. Ta tự hỏi tại sao chúng không quay hướng khác của thành phố, và khi tiếng động cơ to hơn thì ta bắt đầu bối rối. Ta chạy ra giữa đường sợ phát cuồng lên khi thấy máy bay ở ngay trên đầu. Ta nghĩ chúng mới ngốc làm sao, chúng ắt bị tiêu tủng.

Bất thành linh một loạt súng máy nổi vào bức tường quét vôi trắng trước mặt ta, một hàng dài vết đạn lập tức hiện ra, giống như những mũi khâu khi

sợi chỉ bị kéo căng thật mạnh. Chân tường phía dưới những vết đạn rúng động, cả bức tường đổ xuống như là một đồng bột mì bị tuột khỏi bao. Tất cả xảy ra trong một tích tắc ngắn ngủi, tất cả những ý nghĩ thông thái của ta bốc hơi ra khỏi cái miệng đang gào thét, bụi lập tức tràn đầy vào họng, mắt mũi ta cay xè.

Ta nghệt thở, bắt đầu ho, rồi dụi mắt cố nhìn mọi vật cho rõ. Còi hụ báo động vẫn kéo dài. Nhiều tiếng súng nữa, tiếng bom nổ, những chiếc máy bay đang quần đảo trên bầu trời. Khi cuối cùng ta cũng mở mắt ra được, cái đầu tiên mà ta nhìn thấy là một người đàn bà đứng ngay trước mặt ta, cầm một cái chổi rom te tua trong tay. Chị ta nhìn lên trời đôi mắt mở to như hai quả trứng. Miệng chị há ra, to hơn, to hơn, một cái nhìn hãi hùng như thể hơi thở của chị đã tắc nghẽn ở đâu đó, chị đang cố lôi nó ra. Giờ thì ta cũng nhìn lên bầu trời. Hai cái bóng đen xì hình con cá rơi xuống, chao đảo, trở nên to hơn. Thậm chí trước khi ta có thể nhặt ra một ý niệm trong đầu “bom” thì ta đã ngã xuống, mặt đất rung lên, tất cả lòng bùng trong tai ta, từ bốn phía ta nghe thấy tiếng kính vỡ loảng xoảng.

Khi ý thức trở lại, ta thấy mình đang nằm úp mặt xuống đất. Ta không biết ta chủ động ngã xuống hay tiếng nổ đã hất ta ngã, không biết là mọi việc chỉ xảy ra trong một giây hay là một ngày. Khi ta mở mắt nhìn, thế giới đã thay đổi, cát, nước đổ xuống từ bầu trời. Ta nghĩ chắc là ta đang nằm mơ bởi vì những người quanh ta đi rất chậm như thể họ cũng đang trong cơn mộng mị. Hoặc có thể là chúng ta đã chết, bây giờ đang đợi sang thế giới bên kia. Nhưng ta lại ho, cảm thấy bụi lạo xạo trong cổ.

Khi dứt hồi báo động, ta đứng lên, bắt đầu bước đi. Bên tay trái, ta thấy khói bốc lên từ sau các mái nhà. Có thể từ một đám cháy cách đây một, hai đường phố. Nằm trên mái nhà, trên mặt đường là tất cả đồ đạc trong các ngôi nhà bị hất lên: Một mảnh chăn, một chiếc ghế đầu, một bánh xe đạp, một cái bếp lò hoặc cái nồi, những mảnh vụn quần áo, chỉ có điều không phải là quần áo lạnh lặn, mà là một cái tay áo lung lẳng thò ra mấy ngón tay, một chân trong chiếc giày, những thứ mà ta không muốn nhận ra. Ta chậm chậm bước qua những cảnh đó hoàn toàn không có khả năng quay mặt đi chỗ khác, rồi ta nhìn thấy người đàn bà cầm cái chổi, người đã kêu gào ngay trước khi bom nổ. Giờ thì chị ngồi trên mặt đất, giơ tay lên rồi đập xuống đất, khóc than kể lể với đất trời, “Con ở đâu? Mẹ đã bảo con đừng ra

ngoài cơ mà. Bây giờ con có nghe mẹ con không?” Đó là lúc ta sức nhớ ra Đạm Như, nó ở đâu?

Ta co giò chạy về nhà, chạy qua những người đi cà nhắc, trẻ con kêu khóc, một người đàn ông đang mỉm cười với những giọt máu túa ra khỏi tai. Càng về gần nhà hơn, ta càng gặp trên đường phố nhiều người vui vẻ chuyện trò như thường, như họ bao giờ cũng làm như thế sau tiếng còi báo yên. Huê Lan đang uống trà khi ta về tới nhà, cô ta đẩy cái kính lên nhìn con cá kho bỏ trong một cái tô lớn. “Ồi, em về đã được một tiếng rồi, nhìn này, ít nhất là 10 con bọ, đang bơi lội trong bữa ăn tối của chúng ta”.

“Ở đâu?” ta hỏi.

“Trong cái tô, với những con cá”.

“Đạm Như, dì Du, họ ở đâu?”

“À! À!” cô ta cười ngượng ngùng, “Chưa về nhà. Hoặc có lẽ họ về tới ngay bây giờ”.

Cánh cửa bật mở ngay lập tức ta nhảy xổ ra, nhưng chỉ là bà nấu bếp, đứa ở, hai người cùng cười. Ta vội vã ra ngoài cửa nhìn ra đường. “Đừng lo”, Huê Lan gọi với ra. “Họ sẽ về tới ngay, về ngay mà. Làm một ly trà đi. Lo lắng cũng không làm cho họ về nhanh hơn được”.

“Sao tôi có thể không lo lắng cho được?” ta quắc lại. “Tôi nhìn thấy một trái bom rơi gần như ngay trên đầu tôi. Tôi thấy nhiều người bị chết, bị thương, những cảnh tượng kinh hoàng, giày thì không chân, chân thì không giày”.

“Chị nói cái gì?” Huê Lan cắt ngang. “Chị đã nhìn thấy tất cả? Ở đâu?”

Sau đó cả hai chạy ra đường. Trên đường đi, sấm bắt đầu nổ. Vừa lúc chúng ta tới chỗ bom rơi, mưa bắt đầu trút xuống. Huê Lan phải lau kính nhiều lần. Đường phố vẫn đông đúc. Cảnh sát, bộ đội, lực lượng cứu hộ của Mỹ, tất cả mọi người đều có mặt ở đây. Năm chiếc xe tải, xe cứu thương đậu trên đường. Sau đó chúng ta đi lên một ngọn đồi nhỏ, đặc những người,

lưng áo họ ướt đầm mồ hôi hoặc nước mưa, hoặc bùn, hoặc máu, không thể nói được là cái gì.

“Cái gì vậy?” Huê Lan hỏi, lau kính bằng một ngón tay. “Chị nhìn thấy cái gì không?”

Chúng ta lại gần hơn. Ta có thể nhìn thấy nhiều người đang quỳ trên một cái gò nhỏ trước đây chắc là một tòa nhà. Mọi người đang làm việc rất căng thẳng, họ đào bới rất nhanh, bằng những bất cứ cái gì có trong tay.

Lúc đó ta nhìn thấy cái người đàn bà cầm chổi. Khi chị quay lại, ta nhìn thấy cũng một cái nhìn kinh hoàng trên khuôn mặt chị, trong một khoảnh khắc, ta cảm thấy giống như nhìn vào một tấm gương, cả hai đều nhìn thấy một nỗi hoảng loạn trên mặt nhau.

Chị quay đi. “Không thể như thế! Các người quá thô bạo”, chị hét nhưng chẳng ai chú ý đến chị cả.

“Xin hãy nhẹ nhàng, nhẹ nhàng!” Chị van nài. Ta nhìn thấy chị ấy quỳ xuống đất, những ngón tay rớm máu đào bới những viên đá, gạch ngói. Sau khi mỗi vật nguy hiểm này được dời đi, chị cúi mặt xuống sát đất, nhìn ngó rất dؤu dằng cái mà chị tìm thấy.

Ta luôn thắc mắc chuyện gì đã xảy ra với người đàn bà đang bới móc cả một núi đất cát gạch đá, đổ nát này. Ta không biết là chị mất đứa con trai hay con gái, bởi vì khi họ tìm ra con chị, ta không dám nhìn nữa. Chị gào lên rất nhanh, “Lỗi tại tôi. Lỗi tại tôi mọi đàng” Ta không muốn nhìn đứa bé chắc chỉ còn những mảnh vụn. Người đàn bà bắt đầu buộc tội mình, chúng ta chạy đi tìm Đạm Như. Nhưng chúng ta không tìm thấy Đạm Như và di Du trong cái đống đổ nát này. Chúng ta không thấy họ ở bất cứ một ngôi nhà bị đánh sập nào trên đường này. Huê Lan và ta mất nhiều giờ lùng sục ở khu vực này; nghe tiếng những người mẹ gọi tên những đứa con bị lạc, bị chết: quan sát niềm hi vọng hết này đến lần khác lại hóa ra thành tuyệt vọng; nghe những lời la hét biến thành kêu gào, rồi rên rỉ; mục kích sự hoài nghi biến thành những lời thì thầm hối tiếc. Mỗi lần chứng kiến sự thất vọng của ai đó, ta lại hứa, hết lời hứa này đến lời hứa khác. Ta nói to lên, thề với tất cả các vị thần nam cũng như nữ. Ta thề sẽ trở thành một người



mẹ chăm con chu đáo hơn, thành người bạn chân thành, trung thực với Huê Lan, cố là một người vợ vị tha, tốt bụng với Văn Phú, tôn trọng, nghe theo những lời khuyên bảo của dì Du, chấp nhận số phận không một lời than vãn. Sau khi ta tuyên thệ lời thề cuối cùng, ta nhìn thấy con bé giúp việc chạy về phía ta kêu lên, “Cuối cùng con cũng tìm thấy cô”, cứ như thể chúng ta mới là những người bị lạc. Ôi, ta khóc như mưa khi nghe nó nói, những tiếng lòng thổn thức mà ta chôn sâu khi ta nghĩ mình thật sự mất con. Thế là dì Du, Đạm Như đang ở nhà, họ về tới nhà hai phút sau khi chúng ta đi. Tất cả mọi người đều lo lắng vì biết chúng ta sẽ sốt ruột đến chết đi được trong khi họ không bị lạc. Thế là Đạm Như an toàn, ta biết mình phải giữ lời hứa. Huê Lan đã nghe lời ta hứa, đặc biệt là lời hứa sẽ trở thành người bạn trung thành của cô. Tất nhiên ta không nghĩ đến chuyện lấy lại lời hứa vì sợ rằng vì thế mà Đạm Như sẽ chết. Nhờ nó đã ở nhà nhưng bị mất một mắt hoặc một chân thì sao. Ai biết được những hy vọng được thực hiện như thế nào.

Tất nhiên sau này, rất lâu sau này, ta nhớ, ta vẫn nhớ, may mắn cho ta: ta đã nói những lời hứa này rất lâu sau khi họ đã về đến nhà.

## 18. VŨ ĐIỀU MỸ

Ta không thất hứa, ta không phản bội lại lời hứa. Ta lấy lại một lời hứa chỉ một lời hứa ta sẽ trở thành người vợ tốt hơn của Văn Phú. Điều đó có khác với chuyện không giữ lời. Điều đó cũng giống như mua cái gì đó ở tiệm Macy sau đó mang trả lại. Ta đã làm chuyện đó tuần trước, mua một đôi giày hạ giá cho đám cưới của Bảo Bảo. Hai ngày sau ta thấy cũng đôi giày đó giảm giá 20% nữa thế là ta mang trả lấy lại tiền. Sau đó mua một đôi giày khác rẻ hơn nữa. Ta không làm hại bất cứ một ai với cái việc đem trả lại đôi giày này. Ta mua những đôi tương tự như vậy hoài. Xem này chúng ở trong cái hộp này, kiểu dáng cũng giống như những đôi giày ta đã mang trong chiến tranh. Cũng gót cao mặc dầu không cao quá. Cũng cái màu nâu đỏ, cũng cái kiểu hở mồm nhưng không tốt bằng đôi giày ta mang trong buổi khiêu vũ đầu tiên của người Mỹ mà ta tham dự. Ta đã khiêu vũ với đôi giày như thế lần đầu tiên ta yêu. Điều đó xảy ra khi Flying Tigers đến Côn Minh. Tất nhiên hồi ấy họ không được gọi là Flying Tigers. Họ được gọi là AVG viết tắt của cái tên American Volunteer Group – đội quân tình nguyện Mỹ. Mặc dầu một số người gọi họ là những con cá mập hay bởi vì họ đã vẽ những chiếc răng cá mập ở đằng trước máy bay của họ. Một ai đó nghĩ rằng không phải răng cá mập mà là răng hổ. Vì thế mà bây giờ con biết tại sao họ có cái tên Những con hổ bay, đó là một sự nhầm lẫn.

Dù sao thì chúng ta cũng được mời đến một buổi vũ hội ăn mừng chiến thắng của người Mỹ. Vào cái ngày chúng ta chuẩn bị đi vũ hội Huê Lan nói với ta rằng có một cô giáo người Hoa bỏ chồng, phát cuồng lên vì tình, muốn ngủ với bất cứ người Mỹ nào, có vợ hay độc thân, trẻ hay già, không thành vấn đề.

“Cô ta nói ra miệng như thế đấy, một phụ nữ Trung Hoa!” Huê Lan nói. “Đúng thế đấy. Mọi người đều nói rằng cô ta bị nhiễm một chứng bệnh ngay sau chiến thắng của người Mỹ. Cô ta tố cáo chồng trước mặt con người. Bị bệnh gì - ai mà biết được? Chỉ biết rằng cô ta phát điên lên vì tình

đục, không thể không nói về chuyện đó. Cô ta đã đứng tuổi có thể là ngoài 30 tuổi và thậm chí không đẹp”.

Huê Lan nói rằng cô giáo điên này cũng đến vũ hội được tổ chức tại câu lạc bộ Mỹ. Người Mỹ mời phi công Trung Quốc cùng với vợ hoặc bạn gái đến dự bữa tiệc của họ. Tất nhiên chúng ta rất muốn đi dự vũ hội, sẽ có âm nhạc-máy hát và đĩa hát – rất nhiều đồ ăn, rượu uýt-xki có vị như soda làm mọi người hăng hơn.

Ta nhớ vũ hội này xảy ra vào Giáng sinh năm 1941. Nó được tổ chức ba ngày sau khi máy bay Nhật lại đến ném bom Côn Minh, nhưng lần này quân tình nguyện Mỹ đã đuổi cổ chúng đi. Chiến thắng lớn đầu tiên của chúng ta sau bao năm. Mọi người đều đổ ra đường, la hét, gào thét đón mừng những chiếc máy bay chiến đấu của Mỹ với những hàm răng cá mập. Pháo nổ tung bùng, trống đánh rộn rã, còi xe hơi bóp inh ỏi. Không khí vui như Tết. Vì thế có thể tất cả chúng ta đều say mê những người Mỹ như là cô giáo họ.

Ngay khi đến gần câu lạc bộ Mỹ chúng ta đã nghe thấy âm nhạc rộn ràng đó chính là giai điệu mà Minh một lần đã dạy ta, “Thư máy bay đặc biệt” với những tiết tấu tươi vui náo nức. Văn Phú bật bật ngón tay mím cười trước quang cảnh này. Mọi người đã bắt đầu nhảy, những cô gái với đôi giày búp của người Mỹ lướt trên sàn tạo lên những âm thanh rất vui tai. Nếu có cô giáo họ ở đây ta cũng không biết. Có rất nhiều những cô gái Hoa đang quay cuồng trên sàn nhảy: Sinh viên đại học, giáo viên, y tá, cả những người tản cư từ các vùng khác nhau trong nước. Tất cả đều nóng lòng được sà vào vòng tay một người Mỹ. Ai biết được làm sao họ có được những bộ đồ dạ hội theo kiểu phương Tây – màu hồng, màu xanh lá cây, màu vàng, một số có đính hoa. Nhiều người với những cái váy dài thướt tha, vai, tay hầu như để trần. Họ đang ở đây quay cuồng trong điệu vũ với những chiếc mũ phi công đội lên mái tóc mới uốn của họ, với tất cả những kiểu quẩy phá ngớ ngẩn ấy.

Tất nhiên câu lạc bộ Mỹ không phải là một hộp đêm. Nó là một nhà kho lớn. Ban ngày những người tình nguyện Mỹ dùng làm nơi hội họp. Cho vũ hội đêm ấy, sàn nhà đã được cọ rửa nhiều lần đến nỗi mặc dù chỉ là nền xi măng nó cũng sáng lên như là cẩm thạch ướt. Ghế dựa để dặt sang một bên.

Trên những cái bàn dài có đặt những cái ly với những ngọn nến sáng lấp lánh, cái loại nến vào mùa hè dùng để đuổi côn trùng. Nhưng đó là loại nến duy nhất con có thể kiếm được vào lúc ấy. Từ trần nhà, dọc theo các bức tường, người Mỹ treo những hình trang trí bằng giấy-cây cối, nến, những hình nhân với gam màu tươi sáng. Trông chúng chẳng có gì thú vị. Nhưng Gia Huy nói rằng đó là những tấm thiệp Giáng sinh đặc biệt của những người truyền giáo, các cô gái ở hội Thánh Giá đỏ, phải khó khăn lắm mới mang được qua những dãy núi Miến Điện. Chúng ta biết rằng một chuyến đi như vậy là rất mạo hiểm dù là với những đồ tiếp tế quan trọng trong thời chiến. Vì thế chúng ta nhìn lại với ánh mắt ngưỡng mộ những tấm thiệp Giáng sinh Mỹ. Hội Thánh giá đỏ đã gửi đến một cây thông Noel mà Văn Phú nói là của Mỹ chính hiệu con nai vàng, hắc nhó đã xem những bức hình này trên tạp chí. Với ta, cây thông này trông chẳng khác gì những cây thông Noel. Nó được trang trí bằng những thiệp chúc mừng, những sợi ruy băng màu đỏ, những quả bóng vải màu trắng, một cái gì đó trông giống như những hạt sen đặc nổi vào nhau thành những chuỗi hạt đeo cổ dài. Phía dưới là những cái vớ màu đỏ lớn, những cái vớ len mà con có thể mang vừa, bên trong có những thỏi chocolate hoặc là kẹo được bọc bằng giấy bạc, cột lại bằng một sợi dây nơ. Ta biết rõ như thế bởi vì Huê Lan đã lấy bốn cái vớ như thế, khăng khăng nói rằng người Mỹ còn khuyến khích cô lấy thêm.

Văn Phú bảo ta rằng hắc nhó đã học nhảy trong những hộp đêm ở Thượng Hải nhiều năm về trước. Ta có thể thấy rằng hắc nhó muốn biểu diễn những điều hắc nhó biết. Ta biết ngay sau đó là hắc nhó chỉ nói mẽ. Hắc nhó không biết bước đi, không biết nhịp phách, không biết kỹ thuật, hoàn toàn không phải như Minh, người có thể làm cho tay, chân cô ta chuyển động như những cành cây lay trong gió nhẹ. Văn Phú xoay ta thật thô bạo đến nỗi ta ngỡ là tay ta sẽ bị vặn khỏi thân. Cuối cùng hắc nhó đạp lên chân ta một cái vụng về đến nỗi một gót giày long ra, bất thành linh ta khiêu vũ giống như một người thọt, một chân dài một chân ngắn. Văn Phú cho ta ra nghỉ. Từ ghế ngồi của mình ta nhìn hắc nhó đi đến một nhóm thiếu nữ, tất cả đều phục sức rất đẹp. Hắc nhó chỉ vào bộ quân phục của mình, một cô gái cười ngặt nghẽo. Ta quay đi. Nếu hắc nhó muốn quyến rũ ai ta cũng cóc quan tâm. Sau đó ta nhìn Huê Lan, Gia Huy nhảy với nhau vai kề vai nhưng chân của Huê Lan lại lóng ngóng xoạc ra chẳng theo một kiểu nào cả. Gia Huy phải vừa ép cái eo bự của cô ta lại gần anh, vừa lắc cô nhẹ nhàng như thể làm như vậy cô sẽ đi đúng bước hơn. Anh

ta hình như đang rầy la cô nhưng cô chỉ cười. Quan sát họ, ta tự hỏi, liệu những mơ ước của Huê Lan cuối cùng đã thành sự thật chưa? Khi nhìn thấy ta, cô vẫy tay bỏ chạy khỏi ông chồng.

“Giá em có thể khiêu vũ để cứu mọi người khỏi thảm họa!” cô nói, đoạn ngồi xuống quạt phành phạch một quạt giấy. “Chị nhìn thấy cô ta không?” “Ai?” ta hỏi, ta đang gắn cái gót vào chiếc giày, sau đó dậm chân để chắc rằng chiếc gót lại được dính vào giày. Huê Lan cúi người về phía trước. “Tất nhiên là cái cô giáo ấy, cô ta bận một chiếc áo đầm màu xanh da trời. Cô ta nhổ hết lông mày, sau đó vẽ lại”. “Cô ta đâu?” ta hỏi nhìn quanh quất trong phòng. “Ồ gần bàn thức ăn ấy, đang quần lầy một người Mỹ. Đi xem đi”. Huê Lan nói. Nhưng chúng ta không tìm thấy người đàn bà điên khùng. Trái lại, Huê Lan tìm thấy những thứ mà cô muốn ăn, đồ ăn của Mỹ cũng được gửi tới từ những tổ chức công giáo ở rất xa. Ta có thể thừa nhận rằng ta cũng tò mò muốn nếm những món ăn đã được gửi đến trong những chuyến bay dài nguy hiểm. Thế là ta thử hết cả ba loại, thứ nhất là một loại bánh mềm đặt tên theo cái màu của nó màu nâu – ngọt đến nỗi ta ê cả răng. Loại thứ hai là thức ăn hình vòng cổ treo trên cây – bấp chiên. Nó rất giòn, hơi ngứa, ta cố gắng xác định hương vị của nó, sau đó ta ăn một cái bánh nhỏ có một cái gì kinh khủng phết lên trên. Huê Lan cũng ăn một cái, nghĩ rằng bánh của cô ta đã bị hư. Nhưng không phải. Đó là lần đầu tiên chúng ta xoi pho mát. Rồi ta và Huê Lan cùng nhìn thấy một người khác thường, một người Hoa đi từ bàn này sang bàn khác nói chuyện với cả phi công người Mỹ lẫn phi công người Hoa. Anh cao gần như người Mỹ, có một phong thái hòa nhã và hoạt bát. Nhưng điều này còn lạ hơn, anh mặc quân phục Mỹ. Khi anh đến gần chúng ta, Huê Lan tự hỏi anh một cách suồng sã. “Ê! Anh kiếm đâu ra bộ quân phục đang mặc vậy?” cứ như thể đó là đồ ăn cắp. Nhưng người đàn ông vẫn giữ nụ cười trên môi. “Tôi là người Mỹ”. Anh nói bằng tiếng Hoa, rồi nói một cái gì đó rất nhanh bằng tiếng Anh của anh ta nghe chuẩn xác như là giọng một cao bồi, tất nhiên cô ta nói điều đó bằng tiếng Hoa. Ta cũng làm người đàn ông này và Huê Lan ngạc nhiên bằng một câu tiếng Anh”. “Trước kia ở Thượng Hải tôi cũng đã học tiếng Anh”. Người đàn ông bắt đầu hỏi ta dồn dập nhiều câu tiếng Anh.

“Không, không”, ta nói, quay lại với tiếng mẹ đẻ, “học không có nghĩa là có thể nói được. Tôi là một cô gái nghịch ngợm, một học sinh kém. Các bà sơ đã phải cầu nguyện cho tôi rất nhiều”.

Anh cười, hỏi bằng tiếng Hoa. “Chúa đã đáp lại lời cầu nguyện của họ phải không?”

Ta mỉm cười, lắc đầu. “Tôi vẫn đủ vốn tiếng Anh để nói rằng với đôi mắt của tôi anh giống người Hoa, với đôi tai của tôi anh đúng là một người ngoại quốc”.

Người đàn ông lại cười. “Thật ngạc nhiên!” Anh nói tiếng Anh rồi chuyển sang nói tiếng Quan Thoại để cảm ơn ta. Sau đó anh chuyển sang nói tiếng Quảng Đông, một tiếng địa phương nữa rồi cuối cùng tiếng Nhật.

“Anh thay đổi giọng nói của anh giống như một cái máy hát đĩa vậy”, ta nói.

“Ôi!” Huê Lan chọc. “Có lẽ anh là một gián điệp dù tôi khó có thể nói anh làm việc cho bên nào”. Người đàn ông móc trong ví ra thẻ căn cước đoạn giải thích anh là người của tổ chức thông tin Hoa Kỳ làm nhiệm vụ phiên dịch cho những người lính tình nguyện Mỹ và lực lượng không quân Trung Quốc. “Công việc không có gì khó”, anh nói một cách khiêm tốn, “ví dụ một trong những người phi công của các chị muốn bày tỏ sự cảm ơn với người Mỹ”, anh chỉ vào một tấm áp phích trên tường trước mặt chúng ta, “tôi bảo anh ta viết những từ này”.

“Nó viết gì vậy?” Huê Lan hỏi. “Hooray yanks”.

“Nó có nghĩa là gì?” ta hỏi. Người đàn ông vừa là người Hoa vừa là người Mỹ này nhìn ta. Anh không nói gì trong vòng vài giây dường như anh suy nghĩ rất lung để dịch từ này cho chuẩn xác. Cuối cùng anh nói, “Nó có nghĩa là chị rất ngạc nhiên, rất bàng hoàng về hạnh phúc đến nỗi chị không thể diễn đạt những từ này bằng cách thông thường”.

Khi anh nói thể ta có cảm tưởng anh đang nói về chính cái ước muốn sâu thẳm trong tim ta, rằng một ngày kia ta cũng vậy, chụp được hạnh phúc như bắt một con cá ở trong lưới.

Bất thành linh ta thấy mình đứng quá gần anh. Căn phòng đông nghẹt. Ta cố lùi lại phía sau về phía bức tường, đó là lúc chiếc gót giày lại sút ra lần nữa, người thanh niên này phải đỡ lấy ta không thì ta lăn quay ra sàn. Ta đã gặp Jimmy Louie – phải cha con, như thế đấy! Con tưởng tượng được không? Ta đi tìm cái cô giáo điên cuồng vì người Mỹ. Thay vì thế ta lại tìm được một người Mỹ điên cuồng vì ta.

Nhiều năm sau, cha con còn tuyên bố với những bạn bè người Mỹ của ông, “Tôi yêu cô ấy ngay từ phút ban đầu. Như là Winnie – có thể cảm thấy. Nhưng đó là vì tôi đã bắt được cô ấy”. Cha con duyên dáng, vui nhộn như thế đấy, con nhớ không? Cha con bao giờ cũng như vậy, ngay từ buổi ban đầu.

Những điều cha con nói là sự thật. Ta không thể thừa nhận ta yêu cha con từ cái nhìn đầu tiên. Ta không có những ý nghĩ lãng mạn. Ta là một phụ nữ đã có chồng, cố gắng thoát khỏi những rắc rối trong cuộc hôn nhân của mình, không tìm kiếm một cơ hội nào khác.

Dù vậy, phải thừa nhận là ta rất thích ngắm nhìn Jimmy Louie, sự thoải mái của anh ta bên cạnh những người Mỹ. Khi một nhóm người Mỹ cao lớn đến bên bàn ăn, Huê Lan và ta tránh ra một bên, nhường chỗ cho họ. Nhưng Jimmy Louie, không do dự một giây đã vỗ lên lưng họ, cất tiếng chào – “Chào Smitty!”, “Chào Jonhny!”, “Chào Hank!”

Một cách trung thực, ta cũng phải thú nhận là ta càng lúc càng trở nên xấu hổ với bộ cánh mà ta mặc đêm ấy, một chiếc váy nâu tay dài quá đơn giản. Tệ hại hơn ta còn tháo giày ra, đi chân đất. Trông ta không khác gì một cô gái đặc nhà quê. Một người Mỹ sẽ nghĩ gì? Quanh ta có biết bao những cô gái khác, tất cả đều trong những bộ cánh sang trọng, lộng lẫy tóc được uốn thành từng lọn đẹp đẽ, chẳng hề có bóng dáng của chiến tranh hay của một cuộc hôn nhân không hạnh phúc trên gương mặt họ.

Đêm ấy, có vẻ như tất cả các cô gái đều say mê Jimmy Louie, ít nhất cũng năm, sáu cô gái một lần. “Tất nhiên, anh rất đẹp trai, nhưng anh không khuyến khích những cô gái này theo kiểu Văn Phú đã làm. Anh rất nổi vì anh đã đặt cho mỗi cô gái một cái tên kiểu Mỹ để họ có thể giới thiệu với nhau những cái tên yankee chính hiệu.

Jimmy Louie sẽ quan sát khuôn mặt tươi cười của họ, như thể anh đoán định tính cách của họ trong một vài giây, tìm cho họ những cái tên thích hợp nhất. Với phần lớn các cô gái, anh đưa ra những cái tên dễ đọc như là: Donna, Dotty, Patty, Sally, Sussie, Maggie, Mattie, Jeannie, Judy... Nhưng nếu một cô gái tự phụ hoặc bằng nhăng, muốn một cái tên đẹp hơn tên các bạn, anh sẽ cho cô ta một cái tên đọc treo cả lưỡi, rất khó phát âm đối với người Hoa: Gretchen, Faith, Theolora. “Đây là những cái tên Mỹ hay nhất”, anh bảo các cô này, sau đó quay sang nháy mắt với chúng ta. “Còn các cô thì sao?” cuối cùng anh hỏi, “các cô cũng muốn có một cái tên Mỹ chứ?” Anh hỏi tên chúng ta là gì. Sau đó anh nheo một bên mắt, nhếch một khóe miệng, giả vờ nhìn chúng ta qua một ống kính tường tượng, như thể anh có thể bắt được đúng cái điều anh nhìn thấy chỉ với một từ.

Đó là cách mà Huệ Lan trở thành Helen. Jimmy nói Helen là một cái tên quý phái, nhưng ta nghĩ anh chọn nó vì nó nghe gần giống như Huệ Lan. Ta tên là Winnie, cái tên mà anh nói rất sống động, có âm hưởng may mắn. “Win, Win, Win”, anh nói. Anh viết cái tên này lên một mảnh giấy. Đúng lúc đó các ông chồng đi tìm chúng ta. Anh bắt tay Văn Phú, Gia Huy theo lối phương Tây. Anh cũng cúi chào theo kiểu Trung Quốc. Nếu anh thất vọng vì biết ta đã có chồng thì anh cũng không để lộ ra – mặc dù anh sớm tìm ra cách cho ta biết, anh nghĩ gì về chồng ta. Huệ Lan khoe với Gia Huy về cái tên Mỹ mới của cô. Cô chỉ ngón tay vào mảnh giấy – cứ như thể cô có thể đọc được tiếng Anh “Hua Lan, Hua Lan”, cô nói, đánh vần chậm chậm như cách cô đọc cái tên tiếng Hoa của cô.

“Còn em thì sao? Văn Phú hỏi ta.

“Winnie”, ta đáp.

“Không đến nỗi nào”, Văn Phú nói sau đó quay qua Jimmy. “Vì anh đã hào hiệp suốt tối nay, anh có thể đặt cho tôi và bạn tôi một cái tên không?” Thế là Jimmy đặt tên cho họ. Với Gia Huy anh đặt tên là Jack, “Jack giống như Jack London”, Jimmy nói. “Một người Mỹ nổi tiếng về sự phấn đấu và những cuộc phiêu lưu của mình”.



“Jock!Jock!” Gia Huy lặp lại nhiều lần cái tên đó. “Tôi thích cái tên này lắm”. Không sửa lại Gia Huy, Jimmy viết cái tên mới của Gia Huy là Jock. Jimmy là như thế đấy, hết sức lịch thiệp không bao giờ làm người khác phải ngượng một cách không cần thiết.

Với Văn Phú, Jimmy gợi ý cái tên Victor. “Đó là một cái tên may mắn với một phi công, một cái tên hợp với tên vợ anh”, anh giải thích.

Nhưng Văn Phú yêu cầu tên hắn phải quan trọng hơn tên ta. Rằng nó không được quá thông thường, rằng nó phải đặc biệt, không giống tên người khác.

“Có thể là tên một vị anh hùng thời đại”, Jimmy nói.

Văn Phú chưa đồng ý, “Phải quan trọng hơn thế”.

“Một người thay đổi lịch sử mãi mãi”, Jimmy gợi ý. “Chính xác”, Văn Phú kêu lên, “đó sẽ là cái tên hay nhất”.

“Zudas”, Jimmy đáp, “tên anh sẽ là Zudas. Tôi không biết một người nào có cái tên này”.

“Zudas, Zudas, Zudas”, Văn Phú lặp lại cố làm quen với cái tên mới của hắn. “Đó là một cái tên tuyệt lắm, nghe cũng hay lắm với lỗ tai”. Gia Huy, Huê Lan đều đồng ý.

Ta cần môi nhớ lại những điều sơ dạy ở trường về cái tên xấu xa này. Lúc này Jimmy có thể thấy ta cố gắng nín cười, còn anh cười như một cậu học trò phổ thông, hài lòng với việc anh đã làm.

Anh viết tên mới của Văn Phú lên một cái giấy rồi nói.

“Bản nhạc này có tên là bản xô nát *Ánh trăng*, một bản nhạc người Mỹ rất thích. Anh vui lòng cho tôi nhảy với vợ anh nhé”. Trước khi Văn Phú có thể nói điều gì phản đối, trước khi ta có thể từ chối rằng ta không có giày, ta đã thấy mình quay tròn trong vòng tay của Jimmy cách xa khuôn mặt nhăn

nhúm của Văn Phú, đi dần vào giữa đám đông những vũ công vui nhộn. Anh khiêu vũ rất giỏi, gần bằng Minh.

“Thật là quá đáng, cái tên anh đặt cho hần”, ta rầy anh bằng một giọng bõn cọt. “Bây giờ thì tôi sẽ gặp rắc rối với chồng tôi”. Jimmy cười vang, “Anh ta có khiêu hài hước không?” “Chỉ có với những câu đùa hần ném cho người khác”.

“Tất nhiên tôi đã không đúng rồi”, Jimmy bảo. “Thật quá đáng”, ta nói, Jimmy cười, nháy mắt với ta. Ta đập vào vai anh, anh ngửa cổ ra sau cười vang, ta cũng cười theo. Đó không phải là tình yêu mà là mối hiểm nguy của nó. Sau đó Jimmy xoay ta từ từ sang một góc. Ở đây, ta nhìn thấy một cảnh tượng dễ sợ làm ta không thể thốt lên lời. Đó là cô giáo điên trong bộ váy màu xanh da trời, một nửa lông mày đã bị cạo đi, mắt cô ta nhắm hơn là mở. Cô ta như một vũ nữ say ngủ trong vòng tay của một phi công Mỹ. Người phi công này xoay cô ta sang vòng tay của một phi công khác, cả hai cùng cười, trước khi quăng cô ta cho một người khác nữa. Ta không thể không nhìn, những điều Huê Lan nói giờ đây đang diễn ngay trước mắt ta. Chính mắt ta trông thấy người đàn bà mù quáng, trắc nết, một người đàn bà đã thóa mạ người chồng Trung Quốc của mình, bây giờ đáng phải nhận những lời bà ta đã nhổ vào mặt chồng. Ta cũng không tốt hơn gì bà ta. Ta đã để cho một người Mỹ trêu chọc chồng mình, bây giờ ta lại đi chân không nhảy nhót với chính cái người Mỹ ấy, để cho anh ta xoay ta như một con rối theo bất cứ kiểu nào mà anh thích. Thế là ta lấy cớ xin lỗi không nhảy nữa, nói với Jimmy rằng ta là phụ nữ đã có gia đình già nua và mệt mỏi. Rồi ta để anh đứng lại một mình giữa sàn nhảy không nghĩ là mình có dịp gặp lại anh lần nữa. Vào lúc ta tìm thấy Văn Phú thì đêm đã khuya. Khi chúng ta về đến nhà Văn Phú nổi trận lôi đình ngay lập tức. Không phải vì cái tên Jimmy Louie đã đặt cho hần, nhiều năm sau hần mới hiểu được cái nghĩa của từ Zudas. Đêm ấy hần nổi cơn tam bành vì ta đã khiêu vũ với một người Mỹ. Một người phi công nói đùa với Văn Phú rằng có lẽ những người tình nguyện Mỹ cũng có sức quyến rũ phụ nữ như những người Nhật.

Vì thế ta không ngạc nhiên khi thấy hần giận dữ, ta đã chuẩn bị cho điều đó. Trong căn phòng trên lầu hần chửi bới, gọi ta bằng đủ mọi cái tên xấu xa, những lời thóa mạ hần đã dùng suốt trong những năm chung sống với nhau: “Đồ đĩ! Đồ quỷ cái! Đồ phản bội!” Hơi rượu nồng nặc phả ra từ miệng

hắn. Ta không chống cự. Nhưng ta cũng không tỏ ra sợ hãi. Ta để cho những lời nhục mà này dội lên người. “Mày muốn làm điếm? Tao sẽ cho mày làm điếm”. Hắn đến bên bàn lôi ra một cái gì đó từ trong ngăn kéo, đoạn ném ra một tờ giấy, một cái bút và một lọ mực.

“Nào bây giờ tao sẽ li dị mày”, hắn nói, “viết, “Chồng tôi li dị tôi”.

Khi nhìn lên ta thấy hắn chĩa một khẩu súng vào đầu ta cười điên dại. “Không có ích gì! Cuộc hôn nhân đã kết thúc”, hắn nói, “nếu mày không viết tao sẽ giết mày!”

Hắn nghĩ ta là đứa đại ngu chắc, hắn nghĩ ta sợ, ta sợ cái gì kia chứ? Ngược lại ta cảm thấy mình gặp may vô cùng. Ta viết thật nhanh. Trong lúc viết máu ta chảy dào dạt trong huyết quản, ý nghĩ lao vun vút như tên bay, cảm thấy chẳng bao lâu ta sẽ được tự do. Ta viết thật nhanh tên hai người, ngày tháng, kí tên ta bên dưới. Ta chừa ba chỗ trống cho hắn, hai nhân chứng kí tên. Ta kiểm tra lại mọi chi tiết hai lần rồi đưa tờ giấy cho hắn, cố không để lộ nổi giận dữ, niềm hạnh phúc của ta. “Anh kí vào đây”, ta chỉ vào phía dưới tờ giấy.

Hắn đọc nó đoạn nhìn ta với không biết bao nhiêu là căm hờn trong ánh mắt. Hắn kí vào tờ giấy gần như làm rách toạt tờ giấy. Hắn ném mọi thứ xuống sàn nhà. Ta nhặt mảnh giấy đã trở nên quá quý giá đối với ta. “Mày thấy đấy, bây giờ tao đã bỏ mày”, hắn nói bằng giọng xa lạ, “mày không xứng đáng một cái gì hết, mày không có chồng, không có nhà, không có con trai”. Ta nhìn lên giật mình. Ta còn chưa nghĩ đến chuyện gì sẽ xảy ra cho Đạm Như, ta ngu ngốc làm sao khi nghĩ thân thể ta là của ta, một cái gì được bảo vệ hay mất chỉ vì ta. Ta không bao giờ được bỏ con. Ta không bao giờ được làm như mẹ ta đã làm với ta.

Hắn chĩa khẩu súng vào phía ta. “Nào bây giờ hãy van xin tao không li dị. Van xin tao hãy xé tờ giấy li dị trong tay mày”. Hắn nói, dí khẩu súng gần hơn vào đầu ta. Miệng hắn xấu xí, cong cớn giống như miệng một người điên nhưng mắt hắn thì tỉnh rụi. “Làm ngay, quỳ xuống van xin tao”.

Ngay lúc ấy ta hiểu rằng hắn muốn làm cho ta đau khổ ê chề. Hắn sẽ thay đổi như chong chóng, cho đến khi ta không còn đủ sức chống đỡ. Hắn

sẽ không thỏa mãn cho đến khi hắn chứng minh đi chứng minh lại rằng hắn không chế ta hoàn toàn. Đầu óc ta vỡ ra, ý chí chiến đấu tiêu tán. Ta chỉ còn bật một tiếng khóc lớn cho bản thân. Thế là với cái mặt gục xuống sàn ta van nài hắn.

“Nói to lên!” hắn ra lệnh, “mày rất xấu hổ vì mày chỉ là một con đĩ vô giá trị”, ta lặp lại những lời này.

“Lạy ta và hứa rằng mày sẽ trở thành một người vợ vâng lời”. Ta lạy, lặp lại những lời đó. Hắn cười đều đặn, “Nói rằng mày không thể sống nếu tao không phủ lên mày”. Ta lặp lại những lời ghê tởm đó. Văn Phú bắt đầu cười to hơn, “Tao thích thế này lắm”. Sau đó hắn trở nên yên lặng. Hắn bước lại gần giật tờ giấy li dị từ tay ta. Ta nghĩ màn tra tấn đã qua. Nhưng không hắn đợi cho đến lúc ta nhìn lên mới tạo một vẻ mặt buồn bã. Hắn lắc đầu nhìn ta rồi nhìn tờ giấy. “Quá trễ rồi, ta sẽ không công nhận mày là vợ. Mày vẫn bị chồng bỏ”. Sau đó hắn ném tờ giấy lên trên đầu ta. “Cầm lấy”, hắn hét lớn, “lên giường!”

“Giết tôi đi nếu anh muốn”, ta van nài.

“Tất nhiên tao sẽ giết mày, nếu mày không vâng lời ta. Lên giường!”

Đêm ấy với một khẩu súng gí vào đầu ta hắn hiếp ta, nói rằng ta đã mất quyền làm vợ chỉ có nghĩa vụ của một con đĩ. Hắn bắt ta làm hết điều kinh khủng này đến điều kinh khủng khác. Hắn bắt ta phải nài nỉ hắn thêm lần nữa, lần nữa. Ta làm tất cả những điều này cho đến khi ta không còn ý thức nữa. Cười, khóc như một mụ điên. Tất cả những cảm xúc trong con người ta đã cạn kiệt. Sáng hôm sau khi Văn Phú đã đi làm ta nhặt mảnh giấy trên sàn, sửa soạn valy. Ta rất vội chỉ mang đi một vài thứ, cùng với tất cả số tiền mà ta còn khoảng 200 tệ rồi ta bế Đạm Như đi. Huệ Lan, dì Du nhìn thấy ta xuống cầu thang, qua vẻ mặt của họ ta biết rằng họ đã nghe thấy cuộc cãi vã đêm qua.

“Ông chồng nào cũng xấu tính thôi”, Huệ Lan nói cố tỏ ra biết điều với ta. “Trường hợp của chị cũng vậy thôi”. Ta chia tờ giấy li dị. “Cái gì vậy?” Huệ Lan hỏi. “Đơn li dị. Đêm qua chồng tôi đã li dị thôi. Chị thấy đấy, bây giờ tôi phải đi.”

“Ồi giời”, dì Du kêu lên. “Thật là thảm họa!”

“Ai là nhân chứng?” Huê Lan hỏi nhìn vào tờ giấy. Cô ta đẩy cái kính vào sát mũi. “Tôi không thấy tên nhân chứng.”

“Không có người làm chứng”, ta nói. “Đêm qua chúng tôi không có thời gian để tìm người làm chứng.” Huê Lan vỗ tay vì sung sướng. “Vậy thì chị không bị li dị! Hắn không thể buộc chị ra đi. Bây giờ ngồi xuống ăn sáng đi. Bình tĩnh, đừng lo lắng gì hết. Đó chỉ là một sự hiểu lầm. Tối nay hắn sẽ xin lỗi, những giọt nước mắt hối hận sẽ trào ra trên mặt hắn, rồi chị xem”. “Chị chẳng hiểu gì hết!” Ta gào lên. “Tôi là người muốn li dị. Tại sao tôi lại muốn níu kéo cuộc hôn nhân này?” Ta bắt đầu run rẩy toàn thân. “Đó không chỉ là tính khí, hắn là một con quỷ. Hắn xấu xa hơn chị tưởng tượng nhiều”. Lúc ấy, ta nảy ra một ý. “Đây, hai người có thể làm chứng cho tôi”, ta nói nhanh. “Hai người hãy điền chỉ vào đây. Nếu hai người làm thế tôi sẽ đội ơn suốt đời.”

“Sao tôi có thể làm thế được?” Huê Lan nói đẩy tờ giấy ra.

“Nó đúng đấy, tiểu nương” dì Du nói. “Sao con có thể yêu cầu bạn con làm nhân chứng cho nỗi bất hạnh của con? Hãy nghĩ về đứa con trai nhỏ của mình!”

“Tất nhiên là tôi nghĩ đến con trai tôi. Đó là lí do tôi ra đi. Li dị hay không chúng tôi cũng vẫn đi”. Dì Du bắt đầu kêu khóc “Ồi da con có thể đi đâu? Ở đâu? Hãy suy nghĩ bằng cái đầu con tiểu nương. Đường Miền Điện, đường tàu tất cả đều bị cắt. Nguy hiểm rình rập khắp nơi, cái này còn tồi tệ hơn cái kia – trộm cắp, muỗi mọt, quân Nhật”.

“Con thà đối mặt với những nỗi hiểm nguy ấy còn hơn là chung sống với hắn”, giọng ta vỡ ra.

“Vô ích”, dì Du nói, buông hai tay, “chúng ta không thể nói hơn thiệt với cô ấy. Một cơn gió giận dữ đã thổi tung đầu óc con bé, nó không nghe ai nói đâu, nó sẽ đi bất chấp mọi chuyện”. Đột nhiên Huê Lan cất lời một cách lạnh lẽ. “Vậy thì chúng ta sẽ giúp chị ấy, chúng ta không thể làm khác”. Cô

quay về phía ta. “Em không thể làm nhân chứng cho chuyện li dị của chị. Em chắc rằng Gia Huy sẽ phản đối điều đó. Nhưng em có thể giúp chị chạy trốn, nếu chúng ta có thể giữ bí mật.”

Ta vòng tay ôm Huê Lan, giống như một đứa trẻ vòng tay ôm mẹ nó, ta khóc vì biết ơn, điều này làm Huê Lan bối rối. “Chúng ta không có thời gian đâu. Chúng ta phải nghĩ xem chị sẽ làm gì, đi đâu”. Cô ta đi về phía cái giỏ khâu, thọc tay vào trong đó. Cô lấy ra một ít tiền đưa cho ta. Dì Du thờ dài. Đoạn đi vào trong bếp tìm một ít nấm, cá khô, trà, gói mỗi thứ vào một tờ giấy sạch.

Sáng hôm ấy họ giúp ta tìm một căn phòng trọ ở bên kia hồ, rất gần chợ. Đó là một căn phòng nhỏ, tồi tàn, mái rạ. Một nơi tồi tệ mà ta chưa từng thấy. Nhưng ta không than phiền một lời, ta hạnh phúc biết bao vì đã ở đây. Huê Lan nói rằng ta sẽ an toàn, cô cũng nói rằng cô sẽ quay lại khi cô tìm cho ta một chuyến xe tải. Cả chiều, Đạm Như và ta ngồi chơi trên sàn. Ta dùng đôi đũa gấp những con rận ra từ cái đệm. Đạm Như đuổi theo chúng, giết rận bằng một cái đáy bát. Chúng ta làm thế cho đến khi không còn con rận nào, cho đến khi chúng ta thay đổi cái thế giới của chúng ta từ bản thủ trở nên sạch sẽ. Khi làm xong hai mẹ con chúng ta chúc mừng chiến thắng.

Chúng ta ăn một bữa ăn thanh đạm sau đó ôm nhau ngủ. Đạm Như cuộn tròn an toàn bên cạnh ta. Đột nhiên chúng ta thức dậy vì tiếng gầm rống của Văn Phú, “Nó ở đâu?” Giọng của hắn giống như tiếng rống của con bò điên sẵn sàng húc vào cái cổng. Ta ngồi dậy ép sát vào bóng tối trong một góc phòng.

“Yên lặng, không một tiếng nào”, ta thì thầm với Đạm Như. Nó thật tuyệt, nó hiểu hết, nó tin tưởng ta. Nó không khóc. Không một tiếng ghen ngào nào, nó vòng tay ôm ta, yên lặng.

“Nó ở đâu?” chúng ta nghe hắn hét lên lần nữa. Đạm Như ép cái mặt nó sát vào mặt ta hơn rồi ta nghe giọng nói khề khàng của Huê Lan, “Nhưng anh đã hứa là anh...”

Con thấy đấy, Huê Lan đã giúp hắn tìm lại ta. Tất nhiên cô ta sẽ hối tiếc ngay sau đó, cô ta thấy lời hứa của hắn chẳng có nghĩa lý gì. Hắn không

phải loại người giữ lời. Ta không muốn kể cho con chuyện gì đã xảy ra.

Bao nhiêu năm đã trôi qua, nỗi căm hận của ta vẫn không tan biến hoàn toàn. Con có thể nghe thấy điều đó trong giọng nói của ta. Bây giờ khi kể về hắn, ta vẫn còn giận sôi lên và nếu con nghĩ rằng đó là giai đoạn gian khổ nhất của đời ta thì con đã nhầm. Giai đoạn đau khổ nhất bao giờ cũng ở phía trước rồi còn diễn ra sau đó nữa. Không bao giờ con biết khi nào con uống cạn chén đắng cay.

Một tháng sau ta biết mình có bầu. Ta tìm đến bác sĩ, đưa bé được lấy ra trước khi nó thành hình. Hai tháng sau cũng chuyện đó xảy ra, hai tháng sau nữa cũng vậy. Chúng ta không có phương tiện tránh thai hồi ấy. Văn Phú không quan tâm đến việc có con hay không. Con có thể nghĩ ta đã giết quá nhiều sinh linh bé nhỏ mà không hề áy náy. Không, ta không muốn giết những đứa bé này. Người đàn ông xấu xa ấy đã sử dụng thân thể ta, hắn dùng nó hàng đêm như thể ta là – cái gì nhỉ? Một cái máy! Ngày nay con dạy con gái con nói với người khác, “Thân thể tôi là của tôi, không được đụng vào tôi”. Một đứa bé gái có thể nói điều đó. Ta là một người phụ nữ đã trưởng thành mà ta không được nói điều này. Ta không thể ngăn chặn những đứa trẻ tượng hình trong bụng ta.

Ta khóc cho mình, đó là một tội lỗi – trao cho đứa trẻ một cuộc đời xấu xa như thế! Đạm Như đáng thương, nó tin tưởng ta vì thế ta để cho những đứa trẻ kia chết đi. Trong trái tim ta, ta là người tốt. Hãy nhìn khuôn mặt ta bây giờ. Ta từng là một thiếu phụ trẻ, không còn hi vọng, không còn niềm tin, không còn sự thơ ngây. Đã biết bao nhiêu lần ta muốn kết liễu đời mình bởi ta căm thù bản thân mình quá đỗi, và cũng bởi vì cuối cùng ta đã không thể làm thế vì vậy ta hỏi con, con nhìn thấy cái gì vẫn còn trong ta? Tại sao ta ham sống đến như vậy?

## 19. YẾU ĐUỐI VÀ MẠNH MẼ

Ta đã kể con nghe về những ngày đầu trong cuộc hôn nhân của ta để con hiểu tại sao cùng một lúc ta vừa yếu đuối vừa mạnh mẽ như vậy. Có thể theo cách nghĩ của người Mỹ các con, con không thể vừa yếu vừa mạnh, đó là hai khái niệm đối chọi nhau. Nhưng trong suốt cuộc đời mình ta là như thế đấy, đó là cách duy nhất giúp ta có thể sống còn được.

Nó là như thế này: trong suốt cuộc chiến tranh ta đã sống một cuộc đời không hi vọng. Không hi vọng nhưng ta không tuyệt vọng nữa. Ta cũng không còn đấu tranh chống lại cuộc hôn nhân này. Tuy thế ta vẫn không chấp nhận nó. Đời ta là như vậy đó, mọi thứ luôn lơ lửng ở lưng chừng – không có gì để hy vọng tuy không tuyệt vọng, không cưỡng lại nhưng cũng không chấp nhận. Vì thế con thấy đấy, yếu đuối và mạnh mẽ.

Ta không yêu cầu con phải ngưỡng mộ ta. Ở ta không có sự hài hòa tự bản chất, không có chuyện như thế. Ta nói những điều này chỉ để giúp con hiểu được mọi việc xảy ra như thế nào với một con gà ở trong chuồng, không có đầu óc, không bao giờ mơ được tự do nhưng cũng không bao giờ lo lắng về việc đầu nó có thể lìa khỏi cổ.

Nhưng tất nhiên một con gà ngu ngốc nhất thì cũng sẽ tung cánh bay nếu cửa chuồng mở. Ta sẽ kể cho con nghe chuyện gì đã xảy ra.

Ta phải đợi đến giữa mùa hè năm 1945. Ta vẫn nhớ cái ngày ấy, những gì mà ta đã ăn, những điều mà di Du đã nói, cái áo mà Huê Lan đã mặc. Ta tự hỏi tại sao ta có thể nhớ, nhớ đến từng chi tiết cái thời điểm ngay trước sự đổi thay.

Dù sao thì chúng ta cũng quây quần quanh một cái bàn vuông – Huê Lan, Gia Huy, Văn Phú, di Du và Đạm Như ngồi trên một chiếc ghế đầu nhỏ cạnh ta. Chúng ta ăn bữa sáng – một bữa ăn sáng thông thường – với



cháo tằm, rau ngâm dấm trông như những con ốc sên nhỏ, rau diếp cuộn lạnh, những thứ còn lại của bữa tối hôm trước, ngoài ra còn tàu hũ mềm, chè đậu đỏ, một loại đậu nhỏ như răng trẻ con. Bữa ăn của chúng tôi rất bình thường vì vậy chúng ta không mất thời gian để chỉ trích, cũng như ca ngợi món ăn, điều mà chúng ta thường làm trong những bữa ăn đặc biệt, những bữa ăn được chuẩn bị chu đáo hay qua loa.

Tất nhiên, bây giờ khi nhớ lại điều đó, ta có thể nói những món ăn ngày hôm nay – tất cả những gì con có thể ném ở Mỹ - chỉ là một sự thảm hại. Nói ví dụ như món rau diếp, ngày ấy nó dày như củ cải, giòn mà ngọt, rất dễ nấu. Còn những miếng tàu hũ, chúng ta có thể mua từ một người đàn ông đẩy xe qua từng nhà mỗi sáng rao to. “Tàu hũ, tàu hũ đây!” Ở ngoài, miếng tàu hũ được chiên giòn, nhưng khi bẻ nó ra, con sẽ nhìn thấy bên trong một lớp mềm như kem với một mùi thơm dễ chịu quyến ngay lấy mũi con.

Nhưng như ta đã nói với con, ngày ấy những món ăn này cũng nhan nhảm như những món lúa mạch con mua ngoài cửa hàng. Tuy vậy bởi vì đó là vào mùa hè, tháng 8 theo lịch của con – chúng ta cũng chẳng có hứng thú ăn uống nhiều lắm. Ta nhớ một điều khác về bữa ăn sáng này. Huệ Lan tĩa tốt gấp từng hạt đậu bỏ vào miệng. Cô ta múc từng hạt ra khỏi đĩa sau đó gior nó lên không khí như thể nó là thân một con ruồi sẽ ngo nguậy trong miệng cô. Đạo ấy cô ta mập lắm, cái áo mà cô ta mặc được may từ cái vải màu trái đào mà ta cho cô bây giờ quá chật so với tấm thân đầy đà. “Khi em còn là một cô bé”, cô nói, “em là người duy nhất trong làng có thể nuốt 100 hạt đậu một lúc mà không làm rơi”. Rồi cô ta thả một hạt đậu vào miệng.

Tất nhiên ta biết cô ta đang nói gì. Đó là một phong tục cũ ngớ ngẩn để biểu diễn trước mặt bà mẹ chồng tương lai về tự thanh lịch, khéo léo của người con gái. Con phải dùng một đôi đũa tròn nhất để gấp những miếng thức ăn nhỏ nhất – mà không làm rơi vãi. “Ở làng chị”, ta hỏi, “phụ nữ không có việc gì làm khác hơn là đếm bao nhiêu hạt đậu bỏ vào mồm họ sao?”

“Chị không tin à?” cô nói, gấp một hạt đậu khác và nuốt.

“Tôi không nói là tôi không tin chị,” ta đáp. “Tôi không có thời gian để đếm bao nhiêu hạt chị đã ăn, có thể là 50”.

“Em nói với chị nó là 100”, cô ăn hạt nữa rồi hạt nữa như thể nó sẽ chứng minh điều cô nói là đúng. Dì Du la cả hai chúng ta. “Các con cãi nhau vì cái điều ngớ ngẩn thế à? Có thể là 200. Dù sao thì tại sao lại đo giá trị của một cô gái căn cứ vào những hạt đậu cô ta gấp?” Đúng lúc đó chúng ta nghe thấy tiếng gõ gấp gáp trên cánh cửa. Trước khi chúng ta có thể buông đũa thì tiếng gõ cửa lại vang lên, lần này mạnh hơn nhanh hơn. Một người đàn ông ào vào nhà, một phi công từ khóa 3. Miệng cười toe toét anh kêu lên, “Thắng rồi, thắng rồi!” Cả khi ấy chúng ta cũng không tin vào điều hằng mơ ước bởi vì chúng ta được làm công tác tư tưởng rất nhiều lần là đừng mong chờ cái tin đó ít nhất là trong vòng một năm nữa – chúng ta không thể tin vào tai khi anh ta nói Trung Quốc đã chiến thắng, đã đánh đuổi quân xâm lược Nhật mãi mãi. Mọi người đều khóc vì sung sướng, Huê Lan, dì Du, người nấu bếp thậm chí cả các ông chồng, con phải nhìn thấy những giọt nước mắt, những tiếng kêu la vui sướng. Chúng ta không thể ngồi cũng không thể đứng. Chúng ta dậm chân nhảy múa. Huê Lan giơ cả hai tay lên trời cảm ơn những vị thần trên cao, cũng là lúc cô làm rách toạc áo dọc hai bên sườn mặc dầu lúc đó cô không biết. Vài phút sau một người phi công khác rồi một người khác ủa vào. Mỗi lần có một người vào nhà, chúng ta lại bắt người phi công thứ nhất lặp lại những tin anh ta nghe được – ai bảo anh ta tin đó, anh ta không tin được sự thật như thế nào, rồi sau đó anh ta tin nó là đúng ra sao.

Con ạ, mọi người đều nói nhao nhao cùng một lúc – trừ ta. Ta cười và khóc, giả vờ rằng ta nghe tất cả những điều này. Nhưng thật ra trái tim ta đập thùm thụp, đầu óc ta choáng váng, chân tay muốn nhảy lên. Bởi vì ta nhớ rằng mọi chuyện lại giống như một giấc mơ. Ta nghĩ bây giờ ta có một sự lựa chọn. Ta có thể quay về Thượng Hải. Ta sẽ viết ngay một lá thư cho cha ta. Ta sẽ yêu cầu chú ta, thím Lớn, thím Nhỏ hoặc Peanut. Một ai đó sẽ giúp ta chắc chắn như vậy. Chẳng bao lâu ta sẽ thoát khỏi cuộc hôn nhân khốn nạn này để bắt đầu một cuộc đời mới.

Tất cả mọi việc đã được quyết định vào buổi chiều. Chúng ta sẽ rời Côn Minh vào sáng ngày hôm sau, chúng ta thậm chí không chờ thêm một ngày để bán đồ đạc. Tốt hơn là hãy quẳng hết mọi thứ đi. Con xem chúng ta kích động như thế nào? Bảy năm qua chúng ta đã mắc kẹt ở Côn Minh. Tám năm qua ta đã mắc kẹt với cuộc hôn nhân này.

Thế là ngày hôm ấy chúng ta bắt đầu thu dọn đồ đạc. Lựa chọn cái nào bỏ cái nào, cái nào mang đi cũng phải nhanh như một câu nói, “Cái này, không phải cái kia”. Đạm Như đã được năm tuổi. Nó khóc khi biết chúng ta không thể mang theo cái giường mà nó đã lớn lên ở đó.

“Nín ngay!” Văn Phú hét lên. Đạm Như sợ cha nó như sợ cộp vộp vàng nín khe. Nhưng Văn Phú cũng đang ở một tâm trạng dễ chịu, lần này hẳn không đe nẹt Đạm Như thêm nữa. Hắn nói, “Đến Thượng Hải, ba sẽ mua cho con một cái giường tốt hơn mà không chỉ một cái giường, còn cả một chiếc xe hơi bằng gỗ nữa. Bây giờ thì cười đi”. Thế là Đạm Như toét miệng ra cười hết cỡ. Bé Đạm Như đáng thương của ta!

Sáng sớm hôm sau chúng ta rời Côn Minh, lần này chúng ta không phải ngồi trên thùng xe tải. Chúng ta đi xe buýt cùng với Huê Lan, Gia Huy cùng các phi công khác. Nhưng chỉ có một vài phi công được phép rời Côn Minh. Vì thế xe buýt không đông lắm. Văn Phú và ta có một băng ghế để ngồi. Ta ngồi với Đạm Như bên cửa sổ. Lần này chúng ta mang theo nhiều valy, thùng giấy không phải chỉ một cái rương như khi chúng ta bỏ chạy đến Côn Minh. Thậm chí chúng ta có cả một cái mền riêng với cái vỏ bằng vải dầu, phòng trường hợp chúng ta phải nghỉ đêm ở một nơi không có giường. Khi xe buýt chuyển bánh trên đường, mọi người trừ ta ngoái lại nhìn căn nhà lần cuối, tại sao ta phải nhìn lại cái nơi ta đã mất tất cả hi vọng? Ta đã 27 tuổi, ta muốn quên hết mọi thứ đã xảy ra trong đời, ta chỉ muốn nhìn về phía trước.

Ta thấy đường phố chật ních những xe buýt, xe tải cùng những kẻ gánh gồng. Sau đó chúng ta ra ngoại ô thành phố, qua khỏi cổng thành, bỏ lại phía sau những thôn làng nhỏ bé, rồi leo lên những đỉnh núi. Trái tim ta nhảy múa, tràn ngập một sự hồi hộp một sự cấp bách. Nó cũng giống như cái cảm xúc mà ta có khi ta nghĩ quân Nhật có thể bắt chúng ta. Chỉ có điều lúc đó ta sợ rằng nếu chúng ta không bỏ đi thật nhanh một ai đó sẽ kêu lên, “Đó là một nhảm lẫn. Chiến tranh chưa kết thúc chúng ta phải trở về”.

Chợt một trong những phi công la lên, “Dừng lại” rồi chạy đến bên đường chia cho người lái xe một chỉ thị mới, và chỉ sang bên kia đường. Chiếc xe buýt rung lên một tiếng và dừng lại. Ta cắn vào tay để ngăn một

tiếng kêu tuyệt vọng. Ba người phi công chạy về phía cửa. Ta nghĩ chúng ta bị tấn công. Ta đứng lên, nhìn ra ngoài cửa sổ. Ta bật ra tiếng cười sung sướng khi ta nhìn thấy điều mà họ đang làm – chụp ảnh! Một người trong số họ đứng ở một tư thế thật ngớ ngẩn, chỉ tay lên bầu trời một cách tự hào – cứ như thể ở đây khác với bầu trời ở bất cứ nơi nào khác. Ta muốn bật cười. Nhưng ta cũng nhìn lên bầu trời. Ta nhớ, ta có cảm giác hết sức lạ lùng như thể ta đang ra khỏi một giấc mơ hỗn loạn. Dường như ta chưa bao giờ nhìn thấy bầu trời này. Bởi vì cái mà ta nhìn thấy không phải là những đám mây thông thường. Bầu trời hôm ấy có một cái sắc xanh làm ai cũng sửng sò. Một màu xanh tươi sáng. Giống như màu đá safia. Những đám mây, tất cả ba đám, đám nọ trôi nổi theo đám kia giống như những cái nệm khổng lồ dọn chỗ cho những vị thần trên thiên đường. Rồi ta nhìn thấy một con chim lớn, dưới đôi cánh của nó ánh lên sắc cầu vồng. Ta nhìn thấy những đôi xanh phủ đầy cây, những cành cây sà xuống quét trên mặt đất, rải khắp mặt đất là những bông hoa, rất nhiều loại hoa khác nhau, nở bung lên từ mặt đất một cách hoang dại. Từ đây ta có thể nhìn thấy thành phố cổ, những đường phố lộng gió, thanh bình, những bức tường vôi trắng, lúc này trông như tươi mới hơn. Từ một cự ly xa, ta phát hiện ra vẻ đẹp này lần đầu tiên, dù ta không vui gì khi thấy nó. Ta cảm thấy chua xót rằng ta chưa hề cảm thấy cái đẹp này mãi cho đến lúc này, đã quá trễ.

Trên đường đến Vũ Xương ta nhìn thấy những vết tích của chiến tranh. Nó làm hồng một mái ngói, sập một bức tường, sụt một mái nhà. Ở hầu hết những ngôi làng xe chúng ta đi qua chỉ thấy một cảnh tang thương. Một số ngôi nhà đã được sửa lại, những lỗ trống được trám chỗ này chỗ kia bằng một chiếc bàn gậy hoặc rom rạ hoặc từ một cái cánh cửa xe ô tô. Một lần chúng ta đi ngang qua một thung lũng xanh. Lún phún mọc lên chỗ này chỗ kia là những loài cỏ dại thân mềm cao vút mọc thành hàng chục bụi đen sì trông từ xa như những vạch than đứt khúc được xóa đi một cách cầu thả. Ta không nhận ra là gì cho đến lúc chúng ta đi qua cái nơi trước kia là một cái làng, những cái vết đen sì ấy từng là những ngôi nhà nhỏ bị cháy trước đây vài năm, không còn ai trở về xây dựng lại. Nhưng phần lớn ta chỉ thấy những gương mặt đói khát, khốn khổ. Rất nhiều những bộ mặt như thế trên đường, trẻ, già đều có chung một cái nhìn trống rỗng của quá nhiều đau khổ chất chồng. Họ bới những đồng rác, nhặt những đồ phế thải rồi bỏ vào trong những cái bị mỏng, khi tai họ đón nhận được âm thanh của tiếng xe, họ thả cái bị xuống, bàn tay đói khát chìa ra những cái bát ăn mày. “Cô chủ trẻ, cô

chủ trẻ! Hãy nhìn nỗi đau khổ của chúng tôi, ban cho chúng tôi lòng thương”. Giọng họ vang lên rồi chìm khi xe của chúng ta tiếp tục chạy, bỏ tất cả những nỗi khổ đau này lại sau lưng. Nhìn họ lòng ta đau quặn lại. Nhưng mọi người trên xe đều có những âu lo riêng. Chúng ta nghe nói rằng bần cùng sinh đạo tặc, bây giờ các băng cướp quần thảo một cách man rợ khắp Trung hoa đặc biệt là ở vùng núi. Khi đi thuyền qua hồ Động Đình chúng ta nghe cảnh cáo rằng bọn thảo khấu vừa cướp nhiều thuyền, sẽ không do dự cắt cổ chúng ta. Quân Tướng Giới Thạch khẳng khẳng là quân cách mạng làm ra chuyện này. Di Du bí mật nói với chúng ta rằng điều đó không đúng sự thật. Con gái bà viết thư nói quân đội cách mạng bây giờ bị đổ vấy cho tất cả những việc làm xấu xa ở Trung Quốc. Con thấy đấy, dù chiến tranh đã kết thúc nhưng vẫn không chấm hết những cuộc đánh nhau. Không đợi cho đến khi chúng ta bình yên tới Vũ Xương – nơi chúng ta sẽ nghỉ lại một đêm ở khách sạn, Huệ Lan với ta mới nhận ra rằng chúng ta không bao giờ gặp nhau nữa. Từ đây cô và Di Du sẽ đi xa về phía Bắc tới Cáp Nhĩ Tân, nơi Gia Huy được cử tới để kiểm soát tình hình giải giới quân Nhật. Còn Văn Phú, Đạm Như và ta sẽ đi về phía đông bằng tàu hỏa tới Nam Kinh, từ đó chúng ta sẽ đón tàu thủy đi Thượng Hải.

Đúng là Huệ Lan và ta có nhiều cuộc cãi nhau, nhiều bất đồng trong suốt tám năm qua. Nhưng bây giờ chúng ta không khỏi buồn lòng khi mỗi người đi một ngả. Đêm cuối cùng ở khách sạn chúng ta nói chuyện rất lâu, cho đến khi mắt không còn mở được nữa – Sáng hôm sau chúng ta ăn sáng rất muộn, cũng cái bữa ăn sáng đơn giản mà ta đã miêu tả trước đây, cháo tấm và đậu đỏ. Sau bữa điểm tâm sáng ta trao cho nhau địa chỉ liên lạc. Ta viết địa chỉ của cha ta cũng như của chú ta ở trên đảo. Huệ Lan chép lại địa chỉ ở Cáp Nhĩ Tân mà Gia Huy đã viết cho cô. Sau đó chúng ta đi về phòng tìm trong đồng hành lý một cái gì để trao nhau làm quà kỷ niệm.

Huê Lan cho ta hai đôi kim đan, một đôi mũi to, một đôi mũi nhỏ, ta tặng cô áo len đẹp nhất của mình với một kiểu dáng đặc biệt mà ta tự đan lấy. Cả hai chúng ta cùng cười khi nghĩ rằng chúng ta có cùng một suy nghĩ, tặng cho nhau một cái là dụng cụ để đan, cái kia là kết quả của chính dụng cụ ấy. Gia Huy tặng Văn Phú một cái bút bi. Văn Phú tặng lại anh một chai rượu uýt-xki của Mỹ. Chợt ta nhìn thấy Di Du đang chơi với Đạm Như, và cũng giống như bà ngoại của con ta. Ta quay lại, tìm một cái gì đặc biệt để biếu bà. Ta nhớ rằng bà hay trầm trồ khen ngợi cái lọ nước hoa màu xanh

mà thỉnh thoảng ta để cho Đạm Như chơi. Ta cầm cái lọ nước hoa lên, một lần nữa nó lại hội tụ rất nhiều ánh sáng rồi ta quay lại đưa tặng bà. Di Du phản đối một cách ồn ào, “Tại sao ta lại cần một cái như thế này?” Thế là ta nhét nó vào tay bà, bà bắt đầu sụt sịt thổ lộ rằng bà xấu hổ khi nhận quà. “Dì chẳng có gì cho con cả”. Bà nói. Thế là ta bảo bà, “Cái con tặng dì chẳng có giá trị gì cả chỉ là một cái để khi nhìn vào dì có thể nhớ một cô gái ngốc nghếch và con trai cô ta”.

Trước khi chia tay, Huê Lan và ta cầm tay nhau. Ta muốn nói lời xin lỗi về tất cả những cuộc cãi cọ của chúng ta nhưng không biết nói thế nào cho phải. Vì thế ta nói. “Tôi nghĩ chắc chắn là phải 100 hạt đậu đỏ”, ngay lập tức cô biết là ta nói về cuộc tranh luận cuối cùng giữa chúng ta trước khi rời Côn Minh. Huê Lan lắc đầu, vừa cười vừa khóc. “Không, có lẽ chị đúng, chỉ 50 thôi không hơn”.

“100”, ta khẳng khái.

“50 hoặc có lẽ ít hơn”, cô nói một cách nghiêm nghị rồi thêm vào lần này có vẻ thẹn thùng. “Hồi đó gia đình em nghèo lắm. Em phải đếm một đùm đậu vào mỗi buổi sáng, chia phần cho hai chị em, một cho em, một cho chị, một cho em, một cho chị. Vì thế chị thấy đấy em chỉ mong có được 100 hạt đậu”.

Khi đến cảng Thượng Hải, chúng ta không gặp cha mẹ Văn Phú ngay. Điều đó làm ta nhẹ nhõm. Khi quân Nhật chiếm Thượng Hải lần đầu tiên cha mẹ hấn đã quay về đảo, bây giờ phải mất một ngày đi xe lửa để đến thăm họ. Văn Phú khẳng khái là chúng ta nên đi thăm cha ta trước. Ta nghĩ hấn cũng mơ được sống trong ngôi nhà sang trọng của cha ta. Hấn cũng có một ý định ranh ma là hấn sẽ làm một công việc ngon lành ở Thượng Hải hơn là ở đảo hoặc những xóm làng lạc hậu trên đảo. Công việc gì thì hấn không nói mà ta cũng không hỏi.

“Tất nhiên cha cô sẽ muốn cô sống với ông, con gái rượu của ông mà”, hấn nói. Hấn mặc bộ quân phục không quân, ta đồ rằng hấn nghĩ ai cũng lấy làm sung sướng được gặp hấn, một trong những vị “anh hùng vĩ đại” của cuộc chiến.

Ta không cãi nhau với hấn. Ta cũng muốn gặp mặt cha ta trước. Ta không chỉ nghĩ đến sự giúp đỡ của ông. Ta hy vọng ông sẽ vui mừng khi ta trở về. Từ ngoài cảng, chúng ta thuê xe về thẳng nhà. Trên đường đi Văn Phú khe khẽ hát một vài hát ngắn vui tươi. Đạm Như bận rộn nhìn ra ngoài cửa xe, đầu nó quay như chong chóng mỗi khi nó phát hiện được những quang cảnh mới lạ của cái thành phố lớn, xa lạ này.

“Mama, nhìn kia”, nó kêu lên, và theo tay nó chỉ ta thấy một người Ấn Độ trong chiếc khăn quàng màu đỏ, vẫy cho xe dừng lại hoặc đi tiếp. Khi còn là một đứa trẻ ta thường khóc khi nhìn thấy những người cảnh sát giao thông Ấn Độ này. Đó là bởi vì trong những người vợ của cha ta bảo rằng nếu ta không vâng lời bà sẽ giao ta cho “những cái mũ đỏ” và họ sẽ dùng bộ râu nhọn của họ xuyên qua người ta. “Đừng sợ”, ta bảo Đạm Như. “Con thấy cái mũ trên đầu ông ấy không? Đó chỉ là quần áo để phơi khô thôi mà”. Đạm Như cố đứng dậy trong xe để nhìn cho rõ hơn.

“Toàn nhét vào đầu nó những chuyện ngớ ngẩn”, Văn Phú lầu bầu, Đạm Như ngồi xuống. Thành phố đông đúc, ồn ào một cách khác thường dường như không có gì bị phá hủy, không có gì thay đổi – ít nhất thì cũng trên những con đường chính. Xe hơi, taxi bóp còi bim bim, xe đạp phóng vun vút hai bên đường, trên vỉa hè. Đó là sự kết hợp muôn màu của cuộc sống: những thương gia giàu có với những bộ đồ cắt rất khéo, những người nông dân đẩy những chiếc xe bán rau, các cô nữ sinh đi trên đường tay trong tay, những phụ nữ ăn diện đội những chiếc mũ kiểu mới nhất với những đôi giày cao gót. Họ biết nhiều người đang quan sát họ, ghen tị với họ. Tất nhiên người ngoại quốc cũng ở đây, mặc dù không nhiều như là ta đã nhớ, trên thực tế là rất ít. Ta thấy những người này có vẻ như kém tự hào, kém chắc chắn trong những bước đi của họ, thận trọng hơn khi họ đi ngang qua đường, biết rằng thế giới này không dừng lại vì họ.

Khi xe đến gần nhà cha ta, ta cố nghĩ ra những điều ta sẽ phải nói với ông về cuộc sống vợ chồng của mình, tại sao ta lại muốn bỏ chồng.

Ta buộc mình phải nhớ những gì đã xảy ra với Di Cô. “Cha ơi!” ta sẽ khóc, “hấn nói rằng nó có chết hấn cũng không thèm quan tâm. Hấn đã để nó chết”. Ta nghĩ về chuyện Văn Phú đánh bài gần hết số tiền hồi môn của ta. “Khi không thể lấy cắp tiền của con, hấn dùng thân thể con như một trò

cá cược, cười cợt nói với những người đàn ông khác là họ có thể ngủ với con nếu hắn thua bạc”. Ta nhớ nhiều đêm hắn dày vò thân thể ta, sau khi hắn đã chán chê với một người đàn bà khác. “Thậm chí hắn còn mang một người đàn bà về giường con, bắt con quan sát. Tất nhiên, con không nhìn nhưng con không thể bịt tai lại”.

Ta càng nghĩ về chuyện này bao nhiêu hơi thở của ta càng trở nên dồn dập bấy nhiêu; tràn ngập trong phổi ta mỗi thù hận ngút trời. Làm sao cha ta có thể từ chối không giúp ta? Tất nhiên ông sẽ giúp! Gia đình nào cần một thằng con rể táng tận lương tâm như thế? – vô tình, vô đạo, vô liêm sỉ. Đó là những suy nghĩ của ta trong lúc chúng ta đi xe đến nhà cha, trên đường Julu. Nhưng ta đã không lường đến điều này: Nếu cuộc đời ta thay đổi quá nhiều trong tám năm qua thì có lẽ cuộc đời của cha ta cũng thế.

Khi ta đi ngang qua lối đi hình mái vòm vào đến nhà, ta nhận ra ngay lập tức căn nhà trông có vẻ yên tĩnh một cách bất thường. Những cửa chắn phía ngoài sập xuống bịt kín các cửa sổ như thể ngôi nhà được đóng kín cho mùa đông. Nhưng mới chỉ là tháng Chín, thời tiết bây giờ vẫn còn ấm áp lắm. “Nhà to quá!” Đạm Như reo lên. “Ai sống ở đây ạ?”

“Im!” Văn Phú quát.

Vì không biết rõ ngôi nhà của cha ta nhiều lắm, ta không nhận ra ngay những sự thay đổi khác, những điều sau này sẽ mách bảo ta rõ hơn. Cửa trước đã được đập đi, sửa lại cho khiêm tốn. Những bức tượng ngoài sân cũng đã bị phá bỏ, dọn sạch. Tường ở dưới nhà được sơn lại bằng một cái màu phá cách với toàn bộ tòa nhà. Tất cả những chiếc cửa sổ thấp phía sau, với những tấm ván bịt cửa đều bị vỡ mà chưa sửa chữa lại được.

Sau một hồi chờ đợi, người đầy tớ mới ra mở cửa. Bà ta nhìn chúng ta với ánh mắt ngờ vực cho đến khi ta bảo bà rằng chúng ta là ai, con gái của Giang Tiêu Yên, cùng với con rể ông và đưa cháu ngoại.

“*Aiyi*”, ta nói dùng một từ lịch sự thay cho từ “đi” bởi vì ta không biết địa vị của bà ta trong nhà này, “con đến để thăm cha con”. Bà ta là một người phụ nữ mập mạp, nhỏ con và đã lớn tuổi, bận một bộ quần áo làm việc đơn giản. Bà ta không giống một người đầy tớ mở cửa trong một ngôi



nhà sang trọng mà giống một người dọn vệ sinh trong khi không có ai để mắt đến việc nhà.

“Ồ! Mời vào!”

Nhưng bà không gọi người quản gia ra chào hỏi chúng ta theo đúng nghi thức. Bà tự dẫn khách đến chỗ cha ta ngồi. Trong văn phòng làm việc âm u của mình cha ta đang ngồi nhìn chăm chăm vào hư vô. Ông xoay cái ghế dựa, nhìn ta, lướt qua Đạm Như, hướng về phía Văn Phú. Ngay lập tức một bên lông mày của ông nhướn lên, không phải vì vui mừng mà vì sợ, như một người bị cướp. Ông vội vã đứng dậy, ta nhìn thấy lưng ông còng xuống. Ôi ông đã già đi thật nhanh trong tám năm qua! Ta chờ đợi ông chào đón chúng ta nhưng ông không nói gì, chỉ chăm chăm nhìn Văn Phú.

“Cha”, cuối cùng ta nói, đẩy nhẹ Đạm Như, nó tiến về phía trước, lí nhí, “Chào ông ngoại, ông khỏe không ạ?”

Cha ta lướt cái nhìn qua Đạm Như, sang Văn Phú rồi quay lại nhìn ta. Lông mày ông quay trở về chỗ cũ. Khuôn mặt trở lại nhẹ nhõm, ông ngồi xuống, để cho cái thân hình già nua nặng nề rơi xuống ghế. “Cha có nhận được những lá thư con gửi cho cha không? Đây là cháu ngoại của cha, nó được năm tuổi”. Cha ta che mặt bằng một bàn tay, không nói gì. Ta đâm ra sợ hãi không dám nói một điều gì khác nữa. Nhưng ta tự hỏi, có ai chết hay sao? Những người kia đâu rồi?

Nhưng người giúp việc đã nhẹ nhàng nhắc nhở, “Đi thôi, cha cô cần nghỉ ngơi”. Ngay khi rời khỏi phòng, bà ta đã nói oang oang bằng cái giọng thân mật mà ta đang rất cần. “Cô chú chắc là mệt chết đi. Vào đây dùng trà”. Bà ta quay sang Đạm Như. “Còn cháu, cậu bé? Chắc cháu đói bụng, muốn ăn lắm phải không?”

Chúng ta đi vào phòng khách lớn. Cũng cái phòng mà chúng ta đã ngồi khi thím Lớn và thím Nhỏ đến đây xin phép cho ta đi lấy chồng. Chỉ có điều giờ đây nệm ở ghế sofa, rèm cửa đã mòn xơ mòn xác, giấy dán tường rách bươm ở chỗ này chỗ kia, bụi phủ kín ở các góc. Người giúp việc chắc là nhận thấy vẻ sững sốt trên mặt ta, cái cau mày của Văn Phú. Bà ta chạy lên trước, đập đập tay vào nệm trên ghế sofa làm cho một đám mây bụi bốc

lên đến nghệt thở. “Tôi bận trăm công nghìn việc”. Bà ta nói với một tiếng cười cụt ngủn, lấy ống tay áo phủi qua chiếc bàn dơ đầy.

“Không sao, không sao”, ta nói. “Sau cùng, tất cả chúng ta đều khổ sở vì chiến tranh. Vật đổi sao dời chúng biết rõ điều này mà”.

Người đầy tớ tỏ vẻ vui mừng. “Vâng, vâng chính thế đấy ạ”. Chúng ta ngoái nhìn lại căn phòng bừa bộn bẩn thỉu.

“Những người khác đâu rồi?” Cuối cùng Văn Phú hỏi. “Họ thế nào?” ta hỏi, “San Ma, Wu Ma – họ khỏe không?”

“Khỏe, khỏe lắm”. Người giúp việc nói với một nụ cười thật tươi. “Rất khỏe. Chỉ có điều các bà vừa đi khỏi, đi thăm bạn bè”. Rồi bà ta nhìn Văn Phú, trở nên bối rối “Mặc dù tôi cũng không biết là họ đi đâu, đúng thế”, bà giải thích thật nhanh. “Thật thế, tôi không biết. Tôi là một mẹ già ngu ngốc, chẳng còn chứa được bất cứ điều gì trong đầu hết”. Bà ta bắt đầu cười, hy vọng chúng ta cùng chia sẻ với bà.

Vì thế con thấy đấy, chuyến thăm nhà của chúng ta thành ra một chuyện không ngờ. Thoạt tiên ta chẳng biết điều gì sẽ xảy ra hết. Ta chỉ có ý nghĩ rằng chiến tranh đã làm cho cha ta ngã gục như chính ngôi nhà của ông. Mãi đến sáng hôm sau khi Văn Phú đi thăm một người bạn ta mới biết được gia cảnh mới của mình, tại sao cha ta lại quá sợ hãi khi nhìn thấy Văn Phú trong bộ quân phục của quân đội Quốc dân Đảng.

Điều mà người giúp việc nói là đúng: Ngôi nhà của chúng ta đã chịu nhiều đau thương trong chiến tranh. Nhưng bom đạn không phải là nguyên nhân gây nên sự hoang tàn của nó mà chính là do sự khiếp nhược của cha ta. Đó là mặt trái của ông mà ta không hề được biết. Ông bao giờ cũng là người kiểm soát những người khác bằng sức mạnh của mình. Thậm chí cho đến tận hôm nay khi nói chuyện về điều này ta cũng khó mà tin được những điểm trái ngược dữ dội như vậy trong tính cách của ông. Ta ngờ rằng những chuyện như thế cũng xảy ra với những người khác trong thời chiến. Đó là điều San Ma nói khi bà trở về nhà, giải thích những điều đã xảy ra. Bà vẫn còn giận dữ khi nói với ta điều này. “Con xem, sau chiến tranh các nhà máy của cha con bắt đầu làm ăn thua lỗ. Đó là điều xảy ra với mọi người, con

biết đấy. Cái xảy nẩy cái ung. Các gia đình mất hết tiền bạc, không mua sắm gì được nữa. Những cửa hiệu bán quần áo sang trọng nay đóng cửa hết. Họ không mua vải của chúng ta nữa. Các chuyến tàu hải ngoại không ra vào cảng Thượng Hải. Vì thế mà cha con không xuất được hàng hóa ra nước ngoài.

Tuy vậy chúng ta vẫn còn nhiều tiền, thế nên thoát tiên không ai trong chúng ta lo lắng hết. Nhưng chiến tranh cứ tiếp tục hết năm này đến năm khác. Những đầu củ cải bắt đầu kiểm soát các công việc làm ăn nhiều hơn.

“Đầu củ cải?” ta hỏi.

“Đầu củ cải, là cái tên mà chúng ta mà chúng ta gọi bọn Nhật. Bởi vì con có thể gặp chúng ở bất cứ đâu bao giờ cũng nóc đầy củ cải muối – rồi tũm – để lại sau chúng một mùi thối khắm thật lâu! Dù sao thì chúng cũng chõ mũi vào nhiều chuyện khác, giả vờ làm một cuộc kiểm tra an toàn hoặc là thanh tra vệ sinh. Ai cũng biết chúng muốn gì nhòm ngó xem có gì đáng giá không. Chúng ta được biết nếu một người không hợp tác, nếu ai đó có ý định chống đối, bọn chúng sẽ tìm ngay ra một lý do để cướp bóc, kể cả sinh mạng của người ấy. Tất nhiên ai cũng cẩn thận để không gây ra những rắc rối, phiền phức không cần thiết. Nhưng lúc này hay lúc khác con có thể nghe thấy chuyện người này người kia trở nên yếu đuối, bán mình cho bọn Nhật, đi theo chúng, bắt tay làm ăn với chúng trở thành quân bán nước. Họ phải ký một lời tuyên thệ yêu nước mới với đầu củ cải, điều này chỉ làm người này đau khổ vì rằng bọn Nhật chỉ ngày càng mạnh thêm. Người ta phỉ nhổ khi nghe tên những kẻ phản bội. Ban đêm, người ta bí mật vào nghĩa trang của dòng họ những tên này phá hủy mồ mả ông cha của họ.

“Một hôm – có lẽ là vào mùa hè 1941 gì đó – một sĩ quan Nhật và một vài phụ tá đến nhà chúng ta. Người đầy tớ ra mở cửa, cô ta hét lên, ngất xỉu. Bọn Nhật muốn nói chuyện với Giang Tiêu Yên. Chúng đến phòng làm việc của ông. Những người đầy tớ khác không chịu ra khỏi bếp để hầu trà. Thế là ta phải ra tiếp bọn sĩ quan Nhật, mời loại trà âm ẩm, nhạt nhách tất nhiên rồi.

“Tên sĩ quan Nhật trầm trồ khen ngợi cơ ngơi của cha con, ca ngợi cái này cái kia về sự độc đáo, giá trị của chúng. Sau đó ông ta quay qua cha con

– như thể đang nhìn một đồ vật khác mà y thêm muốn. Hấn nói, “Giang Tiêu Yên tôi đánh giá cao phong cách và ý thức của ông. Ông biết cách nắm được tình hình mới ở Thượng Hải, biết cách đưa thành phố trở lại ổn định”.

“Cha con không nói gì. Ông ngồi yên trên ghế đây về uy nghi quyền lực, không hề thay đổi mấy may. Tên sĩ quan Nhật tiếp tục đi đi lại lại trong phòng, lướt tay trên cái bàn đồ sộ của cha con, những cuốn sách cổ bằng xương đen, những bức tranh cuộn trên tường. Hấn ngụ ý là hấn mong muốn có những vật giá trị như thế treo ở nhà riêng của hấn.

“Ngài Giang Tiêu Yên”, người Nhật nói. “Chúng tôi cần có trí tuệ của ông để thức tỉnh đồng bào ông giúp họ có được ý thức phải trái như ông. Những người có suy nghĩ đứng đắn như ông, có thể chấm dứt chiến tranh một cách nhanh chóng. Điều đó sẽ tốt cho đất nước Trung Hoa. Đó cũng là yêu nước. Bằng cách này sẽ có ít gia đình, cơ sở làm ăn phải chịu đau khổ hơn. Mọi thứ sẽ đi vào ổn định”. Viên sĩ quan khoát tay hấn lên bốn bức tranh cuộn treo trên tường. “Như những vật này này”, hấn nói.

“Lúc ấy, cha con đứng lên ném tách trà của ông vào một trong những bức tranh! Thật thế. Bốn bức tranh này đã hơn 200 tuổi, ông phá hủy một bức khi ném vào nó một tách trà”.

“Con rất tự hào là cha con đã làm thế”.

“Thực ra ta không biết chuyện gì đã xảy ra trong phòng. Khi ta ra ngoài cha con đã ném tách trà vào một bức tranh như thế nói với tên Nhật “Tao thà phá hủy đồ đạc của tao còn hơn là dâng chúng cho mày”.

“Ngày hôm sau trông ông rất lo lắng. Nhưng ta nghĩ đó là bởi vì chúng ta sẽ mất ngôi nhà. Trước khi lấy chồng, ta xuất thân từ một gia đình nghèo. Vì thế ta chuẩn bị trở về với cuộc sống cũ. Ta chấp nhận tất cả. Hai ngày sau, có một tấm áp phích căng dọc bức tường trước nhà, một bảng yết thị lớn đóng đinh ngay ở cổng trước. Cả hai đều thông báo rằng Giang Tiêu Yên chủ nhân ngôi nhà này, cùng các công ty vải sợi mang tên ông bây giờ đã đứng ra ủng hộ chính quyền mới ở Trung Quốc, chính quyền của vua Hirohito. Cũng cái tin đó đã được thông báo trên tất cả các báo chí địa phương. Trên một tờ báo có nói rằng Giang Tiêu Yên kêu gọi mọi người

hãy bắt đầu xây dựng một nước Trung Hoa mới, kề vai với nước Nhật trong cuộc chiến đấu chống lại ảnh hưởng chủ nghĩa đế quốc phương Tây.

Hầu hết bọn đầy tớ đều bỏ chạy. Cả các con trai ta và gia đình chúng. Con trai của Wu Ma và vợ con chúng còn ở lại nhưng bọn họ trông cứ như những con gà cảm mỡ xuống đất, không dám nhìn lên xem ai đã quăng thóc cho chúng. Dù sao thì ta cũng cố hỏi xem cha con đã làm gì. Ông không trả lời. Tay rầy la ông – đây là lần đầu tiên ta dám làm thế! Sau đó thì không ai nói chuyện với ai nữa. Vài tuần sau, các nhà máy lại mở cửa toàn phần, người ta bắt đầu xuất khẩu vải sợi ra nước ngoài, những thành công mới trong công việc làm ăn lại được đăng tải trên báo chí. – Một lần nữa ta lại la cha con – “Phải đấy là lý do tại sao ông thành một kẻ phản bội! – Vì thế mà phần mộ trong gia đình chúng ta sẽ bị quật lên. Với việc này chúng ta đã rước voi về giày mồ”. Cha con cũng mắng lại ta, sẵn sàng vùi dập ta. Ông cố vung tay lên, nhưng nó đung đưa trên vai như một cái tay gậy trên cổ con vịt. Rồi ông ngã xuống ghế, không thể nói gì được hơn. Ông đã bị tai biến từ một cơn đau tim.

Nhiều tháng sau, ông có thể cử động tay, chân cùng một lúc như trước. Không còn nguy hiểm nữa, dù ông vẫn không nói được, nhưng ta ngờ rằng đó là vì ông không muốn nói về những điều ông đã làm. Ông chỉ có thể nhúc nhích một bên miệng. Dường như khuôn mặt ông chia ra làm hai, mỗi bên có một biểu hiện riêng. Một bên mặt mà ông bao giờ cũng thể hiện ra với cuộc đời. Bên kia là bộ mặt mà ông đã mất và không thể giấu được.

Khi chiến tranh chấm dứt – phải, con có thể đoán được chuyện gì xảy ra. Quân đội Tưởng Giới Thạch chiếm đóng những ngôi nhà, những cơ sở làm ăn của những người đã bắt tay với bọn Nhật. Những nhà máy của chúng ta ngay lập tức bị đóng cửa cho đến khi người ta quyết định xong làm sẽ làm với những kẻ phản bội tổ quốc. Vì thế nhiều người công phần mang đến đây hàng bao tải đá. Họ biết những biểu ngữ, vẽ bậy bạ lên tường trước cửa nhà ta: “Kẻ nào liếm đít ngựa thì đáng bị ăn cứt lừa”.

“Chẳng bao lâu, quân Tưởng kéo đến nhà ta. Tất nhiên cha con không nói được. Vì thế ta phải giải thích chuyện gì đã xảy ra. Ta bảo họ cha con căm thù quân xâm lược với tất cả trái tim mình. Nhưng ông rõ ràng đã bị một cú sốc khi quân Nhật kiểm soát việc làm ăn của ông. Ông không có

điều kiện để chống trả - điều mà chúng ta biết là ông nên làm. Ông rất yếu ớt, không thể nói được, như là họ có thể thấy, ta nói Giang Tiêu Yên đã làm điều mà ông có thể làm để tố cáo quân Nhật. Ta chỉ họ vết trà trên bức tranh.

Quân Tướng nói đó không phải là lý do hợp lý bởi vì công chúng tin rằng ông là kẻ phản bội tổ quốc. Nhưng cho đến bây giờ họ để ông yên, không bắt ông như những người khác. Sau này họ sẽ quyết định hình phạt”.

“Mẹ là một người thật tốt”, cuối cùng ta nói với San Ma.

Trong căn phòng cũ của mẹ, ta suy nghĩ về câu chuyện của San Ma. Ta tự hỏi cái gì đã gây nên sự thay đổi ở cha ta. Đó là nỗi sợ hãi? Đó là sự dối trá hay là lòng tham lam? Đó có phải là ý nghĩ sai lạc mà cha ta đã mắc trong khi tìm kiếm sự bằng an?

Nhưng vấn đề không phải là ở những lý do của ông. Đối với người khác chẳng có lý do nào là tốt cả. Điều mà cha ta đã làm là một sai lầm lớn. Trong suy nghĩ của ta việc cha ta đã làm là một điều tệ hại nhất có thể xảy ra, quảng danh dự xuống đất, bảo vệ mình bằng cách trở thành một kẻ phản bội.

Sau đó ta tự hỏi mình, làm sao mi có thể đổ lỗi cho một người vì nỗi sợ hãi, yếu đuối của anh ta trừ khi mi cũng có những vấn đề tương tự mà lại hành động khác? Làm sao mi có thể nghĩ ai cũng có thể là một người anh hùng, chọn cái chết, khi lòng ham sống là một phần trong bản chất của chúng ta? Liệu có thể có những ý nghĩ dửng dưng cảm vào những giây phút cuối cùng của cuộc đời để bám lấy hy vọng, sự sống?

Khi nghĩ được như thế, ta không trách ông nữa. Với trái tim mình ta tha thứ cho ông, cảm thấy cùng một nỗi buồn khi tin rằng thực sự không còn sự lựa chọn nào khác. Bởi vì nếu ta lên án cha ta, ta cũng sẽ phải kết tội mẹ ta vì đã bỏ rơi ta để lo cho cuộc đời bà. Sau đó ta cũng sẽ tự kết án mình, cho tất cả những sự lựa chọn của ta, vì ta cũng đã làm tương tự.

Đầu tiên Văn Phú làm ra vẻ rất giận dữ khi hắn biết những điều cha ta đã làm. Một kẻ hợp tác với quân Nhật! Một kẻ phản bội lại dòng máu Hán!

Cứ như thể bản thân hắn chưa từng xấu xa như vậy. Hắn chẳng đã quay máy bay lại bỏ chạy vì sợ trúng đạn của quân Nhật sao? Hắn chẳng đã lo bảo vệ cái mạng của mình trong khi bao phi công khác phải hy sinh đó sao?

Con phải nhìn thấy cảnh Văn Phú chửi bới cha ta trong khi ông ngồi im lặng trên ghế. “Đáng lý tôi phải mang ông nộp cho quân đội Tưởng!”

Nỗi sợ hãi lớn lên trong con mắt phải của cha ta. Con mắt kia nhìn hắn không có biểu hiện gì, không quan tâm.

Nhưng sau đó Văn Phú nói, “Nhưng ông rất may mắn, con gái ông đã có được một người chồng tốt bụng”.

Ngay lập tức ta ngược nhìn Văn Phú. Ta cảm thấy nghi ngờ lòng tốt của hắn.

“Bây giờ cha cô cần sự giúp đỡ của tôi”, hắn nói với ta. “Cha cô đang gặp rắc rối với quân Tưởng. Tôi là một anh hùng dưới lá cờ của Tưởng Giới Thạch. Tôi có thể bảo vệ ông ấy”.

Ta muốn hét lên, “Cha ơi! Đừng nghe hắn! Hắn chỉ nói láo thôi”. Nhưng cha ta đã nhìn hắn với một nửa nụ cười sung sướng. Vào lúc đó cha ta quá yếu đuối, bạc nhược và ông bám lấy hy vọng vào cái điều mà Văn Phú đã nói vào cuối ngày hôm ấy rằng những rắc rối của ông sẽ mau chóng qua đi nếu ông cho phép thằng con rể được chăm lo toàn bộ những cơ sở làm ăn của ông. Để ta nói cho con nghe, chính vì thế mà toàn bộ tiền bạc của cha ta không cánh mà bay.

Ngay lập tức chúng ta dọn đến sống ở nhà cha ta với cha mẹ hắn và vài người bà con bên hắn. Vài người đầy tớ cũ trở về nhưng mẹ hắn đã thuê những người mới. San Ma và Wu Ma không vui gì với những sắp đặt mới này. Bởi vì mẹ chồng ta bây giờ là bà chủ trong ngôi nhà này và bà ta làm mọi chuyện nhào nhào lên.

Bà ta để cho người đàn ông chỉ biết làm vườn ra đập thảm, để cho bà bếp chỉ biết nấu ăn đi giặt đồ, phái người chuyên đồ bỏ ra hái rau... Bà ta đưa ra một cái lệnh trái ngược hắn với lệnh tiếp sau. Khi những người đầy

tớ bối rối không biết phải làm gì thì bà ta sẽ chặt đầu họ ra, để cho xác họ làm đồ ăn cho lũ ruồi! Con thấy đấy, có thể người mẹ này đã truyền cho con trai cái tính khí dữ dằn dễ sợ ấy. Sau một thời gian ngắn, hầu hết bọn đầy tớ trốn biệt. Ta nghĩ Văn Phú sớm học được từ mẹ hẳn cách xài tiền. Ta chưa từng thấy ai tham lam như thế. Bằng điều đó, ta muốn nói, bà ta không chỉ biết mua cho mình áo lông thú, hột xoàn mà còn biết giữ cho nắm tay thật chặt sao cho không có xu lẻ nào rơi qua kẽ tay mình vào túi người khác. Một lần ta thấy bà ta đưa một món tiền hình như là 100 đồng cho người đầy tớ đi mua thức ăn. Lúc ấy đồng tiền mất giá nó chỉ bằng vài đô la bây giờ. Khi người đầy tớ đi chợ về, bà ta bắt kê ra tất cả những thứ đã mua: “Cái này bao nhiêu? Mày chắc chứ? Cái ấy bao nhiêu? Mày đảm bảo chứ?” Bà ta bắt người giúp việc đếm đi tính lại, bao nhiêu tiền đã tiêu, bao nhiêu tiền còn phải trả lại, sau đó tra khảo bà ta mấy phút khi thái thái nghĩ là có 10 tệ bị mất – không đáng 10 xu! Người giúp việc này đã làm việc cho cha ta gần 40 năm, sau đó bỏ đi mãi mãi.

Cũng lúc đó thì Văn Phú và cha hẳn tiêu hết tiền cho những cuộc đua ngựa. Còn hàng đêm mẹ hẳn mời mọi người đến đánh bài mạt chược. Họ thậm chí cũng không phải là bạn bè nữa chỉ là những người thích chung diện, làm như họ không quan tâm đến việc thắng hay thua hàng đồng tiền mà họ chắt cao trước mũi họ.

Con nghĩ lấy đâu ra nhiều tiền như vậy để thua bạc? Từ cái nhà này! Từ toàn bộ cái gia đình yếu đuối mà họ dễ dàng áp chế. Gia đình chúng ta trở thành một cửa hàng bán đồ cũ người ta đi vào cửa trước, sau đó đồ đạc, thảm quý, đồng hồ, đồ quý hiếm đi ra cửa sau. Họ không hề có một cảm giác gì là những đồ đạc này từng thuộc về gia đình ta. Ta nhìn thấy người ta ngang nhiên mang ra ngoài cái tủ áo của mẹ ta, cái tủ mà bà thường dùng để giấu bánh bích quy của Anh cho ta không tìm thấy. Ngày hôm sau cái ghế của bà cũng ra đi, cái ghế bà thường ngồi để chải tóc.

Một lần cha ta ngồi nhìn một người mang một cái bàn ra khỏi phòng làm việc của cha ta. Đó là cái bàn đồ sộ, dài, rộng, với những chiếc chân chạm trổ. Nó đã có mặt ở gia đình ta qua rất nhiều thế hệ, ít nhất cũng 200 năm. Ta có thể nhìn thấy cha ta phải cố gắng rất nhiều để không khóc vì cái bàn đó. Chúng ta chứng kiến cảnh cái bàn cũng không muốn ra đi, nó không chui qua được cái cửa. Những người thợ cố gắng xoay xở, để mang



nó ra ngoài. Cuối cùng người đàn ông đã mua cái bàn đó bảo với Văn Phú bằng ông ta muốn lấy tiền lại. Cha ta có một nửa nụ cười nhẹ nhõm trên mặt. Nhưng rồi một cuộc cãi nhau lớn đã nổ ra. Văn Phú từ chối trả tiền lại. Người đàn ông nói, “Nhìn xem, cái này bàn không mang ra ngoài được”.

“Đó là việc mà ông phải giải quyết”. Văn Phú nói. “Không có cách nào”. Người mua đồ quặc lại. Điều này chỉ kéo dài vài phút, cho đến khi Văn Phú nhặt lấy một chiếc ghế - và trước khi có một ai la lên để ngăn hấn lại – hấn đã đập gãy chân bàn ra làm đôi. “Nào bây giờ thì tôi đã giải quyết cho ông chuyện này rồi đây”, hấn nói. Con có thể nhìn thấy nỗi đau trên mặt cha ta.

Không ai có thể ngăn chặn việc bán đồ, tiêu xài như phá phách của Văn Phú – không phải là những người vợ của cha ta, không phải những người con gái khác của cha ta hay chồng họ, không có ai cả. Tất cả đều là những người khiếm nhược. Nếu có một ai cố gắng nói một điều gì chống lại hấn, Văn Phú sẽ rống lên: “Có muốn ta cho tất cả các người vào tù cùng với tên phản bội kia không? Đó có phải là điều các người muốn ta làm không?” Thế là chẳng ai còn dám ho he gì nữa.

Bây giờ ta sẽ bảo cho con một bí mật. Có thể là ta im lặng, nhưng ta vẫn tìm cách chiến đấu chống lại. Ta chẳng cảm thấy tự hào gì khi nói cho con nghe những gì ta đã làm bởi vì đó chỉ là những việc làm bản tiện nhưng lại khiến ta sung sướng. Một lần ta trộm một quân bài mật chược. Sau đó mẹ Văn Phú và bạn của bà ngồi vào bàn, họ nhanh chóng thấy là họ không thể tiếp tục chơi được nếu không tìm thấy quân bài, ta nghe mẹ Văn Phú la hét, “Chắc không? Xem bài lại xem! Đếm lại xem!” Ta múa tay trong bị, cố nén cười.

Lần khác ta rất tức giận bởi vì Văn Phú từ chối không chịu bỏ tiền ra sửa lại những cái cửa sổ bị vỡ trong tòa nhà. “Côn trùng và dịch bệnh sẽ vào nhà” ta bảo hấn. Nhưng hấn không quan tâm. Một hôm ta mang một cái hộp nhỏ ra vườn bắt sâu bọ dưới mấy hòn đá bỏ vào hộp. Sau đó ta vào phòng Văn Phú, căn phòng mà hấn đã chiếm mất của cha ta, bỏ một vài con vào tủ quần áo của hấn, dưới nệm hấn nằm. Khi ấy ta ở một căn phòng đối diện với phòng hấn, ban đêm ta thích chí thấy hấn đuổi theo những con bọ

la lối om sòm rồi giết chúng bằng chiếc dép đi trong nhà. Tất nhiên hắn cũng chẳng thêm sửa chữa sổ.

Sau đó ta tìm cách lấy lại căn phòng cũ của mẹ ta. Khi mẹ Văn Phú chuyển đến đây, bà ta chọn cho mình căn phòng đó, ta lúc nào cũng giận sôi lên khi thấy mặt mẹ ta ở đó. Cuối cùng ta tìm ra một cơ hội cho mình khi nghe thấy mẹ than vãn. “Đêm qua lạnh quá, cứ như là gió có thể luôn qua tường ấy.” Ta chớp ngay, “Ừm! Con nghe nói có người chết trong phòng đó”, ta quay sang San Ma, “có phải không ạ?” San Ma vui lòng giúp ta. “Bị giết hay là tự tử”, San Ma nói, “không ai biết, mọi chuyện cũng không rõ ràng lắm. Tất nhiên, chuyện xảy ra lâu rồi, không cần phải lo lắng về nó”. Ngay hôm đó mẹ Văn Phú bắt ta phải đổi phòng cho bà ta.

Nhưng ngày cả hồn ma của mẹ ta cũng không ngăn được Văn Phú không mò đến căn phòng của ta vào đêm khuya, người sặc sụa mùi của những hộp đêm: thuốc lá, rượu uýt-xki, nước hoa. Hắn sẽ lăn ta ra, gỡ chân tay ta như thể ta là một cái ghế xếp. Sau khi đã chán chê, hắn đứng dậy đi về phòng hắn, tất cả những chuyện này diễn ra mà hai bên không nói một lời. Ta cũng sẽ trở dậy. Ta bao giờ cũng có một chậu nước trong phòng vì lý do đó. Ta sẽ nhúng ướt một chiếc khăn khô, rồi bắt đầu cọ rửa, ta cọ thật kỹ vào chỗ hắn chạm vào người ta, miết đi miết lại. Sau khi đã xong ta sẽ hắt chậu nước bắn qua cửa sổ. Bùm!

## 20. BỐN CÔ CON GÁI BÊN BÀN

Con có nhớ Edna Phong không? Bà ấy đi cùng nhà thờ với chúng ta, ba cô con gái, hai con trai có một con là bác sĩ. Bà ta đến dự lễ đính hôn của Bảo Bảo trong bộ đồ màu đỏ.

Helen bảo Edna vừa biết được một trong những con trai của bà bị bệnh thần kinh. Con trai của Edna có vấn đề chứ không phải của Helen nhé. Helen luôn nói rằng bao giờ bà cũng lo lắng rằng Frank không có một tương lai bảo đảm. Nhưng khi Helen nghe nói về con trai của Edna, dì ta trở nên vui vẻ. Vui sướng về Frank chứ không phải là con trai của Edna. Bà nói, “Ít nhất thì tôi cũng lấy làm nhẹ nhõm vì tôi không có phải lo lắng về những chuyện như vậy”. Ta tự hỏi, đó có phải là một kiểu sung sướng không hay chỉ là một cái có? Cũng giống như cái có mà những người biết điều ở Trung Quốc hay dùng đến. Nhìn vào rồi bất hạnh của người khác để không phải lo lắng đến những vấn đề của mình nữa.

Tại sao con lại so sánh cuộc đời của mình theo cách ấy? Lỗi nghĩ như vậy chỉ làm cho con cảm thấy sợ hãi. Con chỉ nghĩ đến những điều mà con có thể mất, không hề hy vọng cho một điều gì tốt đẹp hơn.

Nếu ta có cách nghĩ như vậy thì ta sẽ vẫn ở lại Trung Hoa. Bởi vì ta nhìn thấy rất nhiều người có cuộc sống tồi tệ hơn ta. Ví dụ ở Thượng Hải sau chiến tranh con có thể gặp đủ loại ăn mày, nhiều người trong số họ là phụ nữ, ngồi la liệt ở vỉa hè. Những dấu vết của cuộc sống đau khổ in trên mặt họ như là những dòng chữ quảng cáo. Người này bị chồng bỏ, người kia có cả gia đình bị chiến tranh cướp mất. Chồng chị nọ là một con nghiện thuốc phiện, đã bán tổng bán tháo cả nhà kể cả những đứa con mình cho nàng tiên nâu.

Có thể có một số câu chuyện cường điệu lên. Nhưng con có thể hình dung điều mà ta đã nghĩ. Có lần ta tự nhủ rằng ta thà chối bỏ cuộc hôn nhân

này để trở thành một người ăn mày! Ta cũng sợ. Nếu ta nghĩ rằng ta bỏ chạy vì một cái gì tốt đẹp hơn, có thể sẽ xảy ra một điều khác. Nhưng ta không có cái hy vọng ấy khi bỏ chạy. Ta nghĩ về điều này một thời gian dài. Sau đó con biết ta quyết định điều gì không? Ta vẫn muốn bỏ chạy. Thật thế. Một đêm ta nằm trên giường và ta tuyên thệ điều đó với chính mình, với mặt trăng tròn đầy đặn như mong muốn của ta. Ta không biết đó là cái gì, có thể là sự bướng bỉnh. Ta chỉ biết rằng ta không thể tồn tại với Văn Phú theo cách này. Vì thế con biết đấy, ta đã quyết định trước khi ta tìm một điều gì để hy vọng.

Ta chuẩn bị ra đi sau khi ta đến thăm thím Lớn, thím Nhỏ trên đảo Tông Minh. Đó là việc cần phải làm.

Nhưng trước khi ta đi ra đảo, Đạm Như lại bị sốt cao sau đó chuyển sang bị vàng da. Tiếp đó ta cũng bị mắc bệnh này. Ta nghĩ đó là căn bệnh mà chúng ta nhiễm phải từ lúc chúng ta đi đường cùng với Huê Lan và Gia Huy – sau khi chúng ta rời Côn Minh. Ta biết vậy bởi vì Gia Huy viết một lá thư kể cho chúng ta nghe về căn hộ mới của họ, về tất cả những tiến bộ của anh ta trong công việc mới. Ở cuối thư Huê Lan viết thêm vài chữ bằng nét chữ trẻ con nghịch ngoạc. Cô kể rằng cha mẹ của Gia Huy là những người dễ thương, về cái bàn cô mới mua đẹp không thể tả được. Cuối thư Huê Lan nói cô khỏe dù rằng vừa mới khỏi ốm. Gia Huy viết thêm rằng cô chuyển sang vàng ệch như một cánh đồng lúa mì và gầy như cái lưỡi liềm gặt lúa.

Thủ phạm của căn bệnh này là do một con cua nước ngọt mà Huê Lan ăn ở Trường Sa. Chính nó đã làm cho chúng ta mang bệnh. Nó ở trong người chúng ta rồi bộc phát ra một ngày nào đó. Dù vậy sau khi Đạm Như bị bệnh ta phải phái một người đến đảo nói với thím Lớn tại sao chúng ta chưa đến thăm đảo được. Sau chiến tranh vẫn không có được dây điện thoại giữa Thượng Hải và đảo.

Một tuần sau nhận được thư của thím Lớn viết bằng thứ tiếng Hoa dở tệ. Giống như Huê Lan, thím chưa bao giờ đến trường. Thím chỉ học viết sau khi đã lớn. Vì thế tiếng Hoa của thím không phải là thứ tiếng chuẩn mực mà con học để viết. Thím không biết dùng những cách diễn đạt thích hợp với gia thế của mình. Ngược lại, thím viết bất cứ cái gì nảy ra trong đầu.

“Đây là người thím già của con”, thím viết, “gần xé lá thư làm hai, ta rất nóng ruột khi nhìn thấy người đàn ông đứng trước ngưỡng cửa nhà ta. Tại sao con có thể nói đó chỉ là một bệnh vặt, không quan trọng? Sức khỏe bao giờ cũng là điều quan trọng nhất, mọi người đều khỏe trừ bà Mao. Con nhớ bà ta không, người đã làm mối trong đám cưới của con với Văn Phú? Chuyện này mới xảy ra tuần trước. một phút trước bà ta còn đang đứng, phàn nàn về một con ruồi vo ve quanh bà, phút sau đã nằm vật ra sàn. Thế là chồng bà Mao chạy bỏ ra đường gọi điện thoại cho ông bác sĩ trong vùng. Ông ta gọi, gọi mãi, không được. Tất cả các đường dây đều bận. Thế là ông ta chạy ra ngoài ngoắc một thằng nhỏ, này chạy mau đến ông bác sĩ, đây tiền đây. Thế là thằng nhỏ chạy nhanh như là trong một cuộc đua ngựa, đó là điều bà hàng xóm nói. Thế thì ai mà biết là ông bác sĩ đi mất bao lâu. Ai biết được là ông ta tiếp đón ai chứ, chứ không phải thím nghe nói 2, 3 giờ sau ông bác sĩ đi đến nhà họ Mao, đoán xem ông ta thấy gì? Bà Mao đang cúi xuống khóc ông chồng cũng lạnh ngắt như cái sàn nhà ông ta đang nằm. Chết ngắc. Thử nghĩ về điều đó xem. Sợ đến chết chỉ vì nghĩ rằng bà ta sắp chết. Bà không chết mà ổng chết, chẳng vì cái gì mới kỳ. Thím bảo chú con, nào bây giờ tin tôi đi, chúng ta phải mắc điện thoại thôi. Trong thời chiến, điện thoại không hoạt động, đó là khi ta cố gọi chú con nhưng không gọi được. Bây giờ chú con lại nói ai cần điện thoại? Sức khỏe của thím không tốt, ông ấy biết thế mà. Vì vì con đừng lo cho thím quá, nhưng khi con đến đây, con phải bảo chú con là thím đúng, phải mắc điện thoại thôi. Con phải hỏi chú, cái gì quan trọng, không có điện thoại hay không có vợ? Như thím nói, sức khỏe là quan trọng. Con sẽ mau khỏe thôi. Ăn nhiều đồ súp nóng nếu như con thấy lạnh, uống đồ lạnh nếu con cảm thấy nóng. Con viết, bảo ta khi nào con đến nhé. Bây giờ ta phải dừng bút để đi dự đám ma chồng bà Mao. Gửi lời chào đến mọi người”.

Khi Đạm Như và ta cuối cùng đến đảo Tông Minh thì đã qua năm mới dương lịch, năm 1946.

Ta đã nói với các con các bà thím đối xử với ta như thế nào khi ta còn bé. Vì thế bao giờ ta cũng nghĩ họ chẳng quan tâm gì đến ta, rằng họ coi ta như một của nợ, một gánh nặng. Ta cũng nghĩ là ta chẳng có cảm xúc gì nhiều đáp lại họ. Tại sao ta phải đáp lại nhiều chứ?

Vì thế con có thể hình dung ta ngạc nhiên như thế nào khi mắt ta cay xè vì những giọt lệ trong lúc chiếc tàu đi gần đến đảo, ta cố thuyết phục mình rằng đó là do những ngọn gió lạnh thổi rất rát. Nhưng khi ta nhìn thấy họ - chú, thím Lớn, thím Nhỏ vẫy tay rồi rít với mẹ con ta từ trên bến, gào to, “Nó kia kia!” ta biết ngay rằng không phải do gió.

Chú thím ta trông đều già nua, tàn tạ, đặc biệt là thím Lớn. Thím đã để mất đi những đường nét sắc sảo. Thậm chí cả đôi mắt thím từng có cái màu nâu đen đậm thắm cũng đã bợt màu. Tóc thím Nhỏ cũng có nhiều sợi bạc, những nếp nhăn xếp quanh miệng bà khi cười nom chẳng chịt như mạng nhện. còn ông chú thì giống như người mộng du chỉ thức dậy khi có ai đó la lên, “Cẩn thận! Đi lối này!”

Đến lúc ấy ta mới nhận ra: ông giống cha ta lạ lùng. Cả hai cùng có một vẻ lẳng trí, một tâm hồn bạc nhược. Đôi mắt họ chậm chạp, lơ đãng, khi nghe một ý kiến của ai đó mà không có khả năng quyết định họ phải nghĩ gì, chính điều đó làm ta nghĩ bản chất của hai người là như vậy. Bao năm qua họ chỉ giả vờ lãnh đạo người khác, la hét khi họ không biết phải nói gì, làm cho người khác sợ trong khi họ sợ chính mình. Thím Lớn vuốt má ta nhiều lần, nói đi nói lại. “Ồi giờ! Nhìn con kìa, gầy, xanh quá! Còn đứa con trai này, không thể là con trai con, lớn quá nhỉ”.

Đạm Như bước lên một bước đưa cho thím Lớn một món quà mà ta đã mua, một vài lạng sâm củ loại hiếm, “Tặng bà”, Đạm Như nói, cau mày nhớ lại những gì nó phải nói: “Để bà sống lâu trăm tuổi”. Lại cau mày lần nữa. “Bao giờ cũng khỏe mạnh”. Đạm Như quay về phía ta, “Đủ chưa ạ?” Ta gật đầu. Hai bà thím vỗ vỗ lên đầu nó, cười. “Trong lá thư cuối cùng hình như con nói nó mới 6 tuổi vào Tết này. Có phải vậy không? Nó lanh lợi quá. Nhìn mắt nó xem này, y hệt thằng Gông nhỏ”.

Ta không biết có phải những năm tháng xa cách giữa chúng ta đã làm cho các bà trở nên hiền dịu hơn, trở nên tốt hơn, hay là họ bao giờ cũng thế nhưng ta chỉ nhớ phát hiện ra điều này lần đầu tiên trong đời sau khi ném trái bao nhiêu khó khăn cay đắng trong đời.

“Gông nhỏ và Gao nhỏ đâu ạ?” ta hỏi. “Các em chắc cũng phải bao nhiêu nhỉ? – 15, 16 tuổi rồi?”

“Một đứa 19, một đứa 20” thím Nhỏ đáp.

“Lớn thế rồi kia à? Các em đang làm gì ạ? Học những trường đại học tốt chứ ạ?”

Thím Lớn và thím Nhỏ nhìn nhau như thể ngầm trao đổi với nhau điều gì. “Chúng đang làm việc ở bãi đóng tài, ở dưới đường kia kìa”, thím Nhỏ đáp.

“Lắp ráp tàu”, thím Lớn thêm vào, “nhưng chẳng bao lâu chúng sẽ quay lại việc học hành vào các trường cao đẳng”.

“Thực ra, chúng không được làm công việc lắp ráp tàu”, thím Nhỏ nói. “Chúng khuôn thép đến cho những người thợ. Một đứa vác, một đứa đẩy xe goòng, vất vả lắm”.

Ta cố hình dung ra điều đó, hai thằng con trai được cưng chiều bây giờ lớn lên làm công việc cu li cực nhọc.

“Ồ, Vi Vi con xem mọi việc xảy ra như thế nào”, thím Nhỏ cố gắng giải thích. “Công việc của chú con chẳng ra sao trong chiến tranh. Nhiều máy móc bị gỉ, hỏng hóc. Chẳng có tiền để sửa chữa tu bổ, làm cho công việc chạy được. Con thấy chuyện gì đã xảy ra cho ngôi nhà này, cho dòng họ nhà ta rồi đấy. Khi cái cây cổ thụ chết thì cỏ bên dưới cũng héo theo”.

“Vâng”, ta nói, “thật buồn khi nghe những chuyện này”.

“Thậm chí còn buồn hơn là con có thể hình dung được”, thím Lớn nói. Họ cùng đi bộ với ta và Đạm Như về nhà, nhà Đông cũ, nhà Tây mới, kể cho ta biết điều gì đã xảy ra. Ngôi nhà lớn bây giờ đã trở nên xập xệ. Sơn tróc ở khắp nơi, sàn nhà cũng nứt nẻ cả vì thế mà bụi bám dính vào các kẽ hở. Những chiếc giường võng xuống ở giữa, thậm chí cũng không có đủ tiền để làm lại cái giát giường mắt cáo bằng dây thừng nữa. Nhưng điều làm ta buồn lòng nhất là nhà kính.

Những ô cửa sổ nhỏ đã nứt toác ra hoặc gãy, nước sơn ở các khung gỗ đã có màu lá mục. Sau bao mùa mưa nắng dãi dầu tất cả mọi thứ bên trong nhà kính đã đen xỉn lại vì mục nát, ẩm mốc. Quá nhiều thay đổi. Nhìn tất cả những điều này, nghe những chuyện đã xảy ra với họ, ta còn lòng dạ nào mà trách thím Lớn, thím Nhỏ đã đẩy ta vào cuộc hôn nhân kinh khủng nữa? Sao ta có thể yêu cầu họ giúp ta thoát khỏi cảnh đời đau khổ? Không, ta không thể làm thế. Chúng ta vẫn đứng ở bên ngoài nhà kính khi ta hỏi về Peanut. “Thế còn con gái thím thì sao?” ta hỏi thím Nhỏ, “em nó vẫn sống ở ngôi nhà trên đường Hòa Đức chứ ạ? Cái thư cuối cùng con nhận được của nó 2 năm trước đây. Lá thư nào nó cũng xin lỗi là không viết thư sớm hơn, rồi sau chẳng viết gì thêm cả. Peanut! Cái cô em ngốc nghếch ấy?”

Nghe thấy tên Peanut, chú ta dường như choàng tỉnh. Ông lau bầu bằng một giọng khinh bỉ rồi đứng lên đi ngoay ngoáy vào nhà “Peanut đã chết rồi!” Ông quay lại gào lên. Đạm Như và ta giật nảy người.

“Cái gì! Có đúng không?” ta kêu lên, “Peanut chết à?”

“Chú con vẫn còn giận nó lắm”, thím nhỏ giải thích.

“Đạm Như”, thím lớn hỏi, “con đói không?” Đạm Như lắc đầu.

“Con đi theo ông trẻ vào nhà đi”, thím Lớn nói, “đi bảo ông già bếp nấu cho con một tô mì”.

Đạm Như nhìn ta, “Hãy nghe lời bà trẻ đi con”. Sau khi Đạm Như đi khỏi, thím Lớn nói, “Peanut bỏ chồng rồi. Nó đi theo một nhóm người xấu tuyên bố họ sẽ giúp phụ nữ trốn thoát khỏi những cuộc hôn nhân phong kiến”.

“Hừm! Nó đâu có lấy chồng theo lối phong kiến đâu!” thím Lớn nói. “Nó đồng ý mà! Nó muốn lấy chồng. Những người giúp nó đã không bảo cho nó sự thật, ít nhất là ngay từ đầu. Lẽ ra thím phải dạy dỗ nó kĩ càng lúc nó còn bé”.

“Họ lừa dối nó”, thím Nhỏ nói. “Họ không bảo cho nó sự thật cho đến khi quá muộn. Họ là những người làm cách mạng, chúng ta nghĩ thế. Phải,



con có hình dung nổi không?” “Tất nhiên, chồng nó đã li dị. Hừm! Tại sao nó lại cần con bé nữa chứ?” Thím Lớn tiếp lời, “Sau đó anh ta đưa ra một thông báo trên tất cả các báo lớn nhỏ ở Thượng Hải: Tôi li dị Giang Hoa Sinh, người vợ hoang đàng. Ông chú đáng thương của con đọc được tin đó trong bữa ăn trưa – suýt nữa chết nghẹn vì miếng củ cải”.

“Thế là bây giờ chú con nghĩ rằng nó đã làm thế là để giết tất cả chúng ta”, thím Nhỏ nói. “Điều đó không đúng, nó có trái tim nhân hậu. Chỉ có đầu óc của nó là hỏng. Nhưng chúng ta vẫn đang trong vòng nguy hiểm. Con biết chuyện gì xảy ra rồi đấy. Tất cả những chuyện về sự hợp nhất giữa các Đảng chỉ là chuyện nhằm nhĩ. Nếu Quốc dân Đảng biết là chúng ta có một đứa con gái làm cách mạng thì – soẹt – đầu của chúng ta sẽ lăn lông lốc trên đường”. “Thật là một đứa con gái ngu xuẩn!” thím Lớn nói, “tất cả những điều thím dạy dỗ nó đi đâu rồi? Không có một ý nghĩ nghiêm túc nào trong đầu nó. Lí ra thím phải đánh nó mạnh tay hơn”.

“Nó bị chồng bỏ? Con thật buồn khi nghe thấy thế”.

Đó là điều mà ta nói, nhưng đoán xem ta nghĩ gì? Tất nhiên, ta tự hỏi làm cách nào mà Peanut làm được điều đó – từ bỏ cuộc sống gia đình của nó. Ta tự hỏi khi nào thì ta có thể hỏi nó ta phải thực hiện điều đó như thế nào?

Để cho phải phép ta và Đạm Như ở lại nhà chú ta hai tuần. Nếu ở ít hơn, họ lại nghĩ ta không coi trọng họ. Trước khi đến đảo ta đã đến nhà băng, rút hết tiền hồi môn ra. Như ra đã nói với con, đồng tiền bây giờ không có giá như trước chiến tranh. Theo ta nhớ, ta chỉ còn lại 2000 đồng. Vào lúc đó nó có trị giá một vài trăm đôla Mỹ. Ta dùng tiền này để mua quà cho những người họ hàng. Hàng ngày ta đi chợ với các bà thím. Hàng ngày ta mua rau, thịt, những món ăn đắt đỏ mà ta biết từ lâu họ không được ăn. Hàng ngày thím Lớn và ta cãi nhau qua lại trước mặt những người bán hàng xem ai là người trả tiền. Ngày nào ta cũng trả.

Vào một trong những lần đi chợ, cuối cùng ta nói với các bà thím và ta muốn gặp Peanut, “Không thể”, thím Lớn nói ngay, “Nguy hiểm lắm. Ta không cho phép con gặp nó. Đứa con gái ấy không xứng đáng gặp bất cứ ai.”

Vào buổi sáng hôm mẹ con ta ra về, thím Nhỏ đến phòng chúng ta sớm. Bà bảo Đạm Như đi chào tạm biệt ông chú. Khi chúng ta còn lại với nhau, bà bắt đầu lên lớp ta một bài như thể ta vẫn còn muốn gặp Peanut, như thể lỗi của nó cũng là lỗi của ta.

“Có thể không ai biết nó là một người Cách mạng”, thím Nhỏ giải thích “nhưng nó vẫn có một ảnh hưởng, giống như một con bệnh lây lan. Nó không được phép tiếp xúc với ai. Đó là lí do con không thể gặp nó”. Ta lắng nghe, chẳng nói gì. Cuối bài thuyết giáo thím Nhỏ thở dài nói, “Thím thấy là chẳng có ích gì khi tranh luận với con. Vậy nên, nếu thím không thể ngăn cản con, thì ít nhất con cũng không buộc thím chịu trách nhiệm về việc này!” Bà ném một mảnh giấy xuống giường, bỏ ra ngoài. Đó là tờ giấy ghi địa chỉ, có cả hướng dẫn đi xe buýt nào, đi lối nào. Bất thành linh thím Nhỏ lại xuất hiện ở cửa. “Đừng cho thím Lớn biết ta đưa con cái gì nha”, bà thì thầm rồi bỏ đi. Nhờ thế ta biết bà vẫn bí mật liên hệ với Peanut.

Vài phút sau lại là thím Lớn bước vào phòng, “Thím xin con làm cho thím một việc”, bà nói, đặt một gói nhỏ lên giường. “Đây là một vật thím mượn của một người bạn lâu lắm rồi. Thím cảm thấy xấu hổ là đã chưa mang trả lại. Khi có thời gian hãy mang đến trả dùm thím”. Cũng một địa chỉ mà thím Nhỏ đưa cho ta phía trên chiếc gói nhỏ đó là cái tên “Bà Lý”. “Thím cảm thấy xấu hổ lắm”, bà nói, nước mắt trào ra, “đừng nói với ai nhé”.

Sau khi quay lại Thượng Hải, ta đợi một tuần sau mới đi thăm Peanut. Tuy vậy, ta không nói với ai hết. Ta ra khỏi nhà trong bộ đồ thường ngày làm như ta chỉ đi ra chợ mua đồ ăn hoặc đi dạo trong công viên. Khi đã đi qua mấy dãy nhà, ta nhảy ngay lên một chiếc xe buýt. Ta đã nói cho con biết ít nhiều về Peanut rồi đấy. Nó là một cô gái thích mọi thứ tiện nghi. Nó chỉ chăm chăm chút chút đến quần áo đẹp, thích trang điểm lắm. Nó bao giờ cũng chạy theo một mốt mà chả có ý kiến gì của riêng mình. Vì thế con có thể hình dung ta nghĩ gì trong khi xe buýt đưa ta đi xa hơn, xa hơn vào khu ổ chuột của thành phố.

Ta xuống xe ở đường Sơn Vinh, từ đây ta đi bộ xuống những đường phố quá hẹp cho xe hơi đi qua nhưng lại chen chúc những xe đạp, xe kéo, xe

đầy. Peanut sống ở khu Nhật Bản nơi những ngôi nhà uốn theo các góc như thân hình dài của một con rồng. Các ngôi nhà giống nhau như đúc, hai tầng bằng gạch với mái tôn dốc xuống. Những con đường ở đây không có vỉa hè, gồ ghề phủ đầy xỉ than và nước bọt.

Con có thể nghĩ là khi này lẽ ra phải là khu vực tốt nhất trong thành phố sau khi quân Nhật chiếm Thượng Hải bao nhiêu năm qua. Chắc chắn là có một số chỗ cũng khá. Nhưng phần lớn những ngôi nhà trong khu này đều được xây dựng trước chiến tranh, ta nghĩ nó bốc lên một thứ mùi khó chịu, hết sức đông đúc, bẩn thiu. Nếu con hỏi ý kiến của ta thì ta nghĩ nó có khá hơn khu người Hoa một chút.

Ta không biết tại sao có nhiều sinh viên, nhà văn và nghệ sĩ thích sống ở đây. Có thể là họ nghĩ vùng này rất lãng mạn – nếu con không có thức ăn thì con có thể nuốt ý kiến của người khác. Ở đây cũng có vô số gái điếm, mặc dù họ không phải là gái điếm hạng sang sống trong những hộp đêm ở đường Nam Kinh. Những cô gái này được gọi là “những người vợ vỉa hè”, và dường như cứ đi được vài bước ta lại đi qua một người đứng trước một nhà hàng bé tí, hoặc là một tiệm rượu rộng bằng một cánh cửa, hoặc là một cầu thang dẫn lên một tiệm trà hai tầng.

Rồi ta đến một đường phố đầy những tiệm bán đồ cũ, rất nhiều sách báo, bản đồ, tạp chí cũ – lịch sử, tiểu thuyết, thơ, sách chính trị.

“Truyện cảm đây!” một người đàn ông mời chào. Từ dưới gầm bàn hắt ta lòi ra một cuốn tạp chí, có hình một người phụ nữ đang khóc với một bóng ma đàn ông. Ta dừng lại nhìn. Nó cũng giống như chuyện mà ta và Peanut thường đọc ở nhà kính. Lúc ấy đứng giữa đường ta nhớ lại những câu chuyện về những cô gái phớt lờ lời khuyên của cha mẹ, lấy chồng vì tình hay những việc làm đại loại như vậy. Các kết thúc bao giờ cũng rất buồn với lời răn luân lí ở dưới cùng, “Mất kiểm soát cuộc đời”, “Rơi vào vòng yêu rơi vào nhục nhã”, “Đạp lên những giá trị gia đình, ném đi danh dự!”... Ta nhớ những chuyện như vậy làm cho ta phải khóc – ta nghĩ nó viết về cuộc đời của mẹ ta cũng buồn thảm như những câu chuyện ấy. Chỉ đến lúc ấy ta mới nhận ra tất cả những câu chuyện ấy đều là giả tạo – đều là truyện. Giống như Peanut và những người khác, ta đã tưởng tượng một cuộc đời bất hạnh cho mẹ ta. Giống như Peanut ta đã để cho mình hoảng sợ

vì những câu chuyện buồn này. Thử nhìn lại coi, điều đó đâu có ngăn cản những tai họa trong đời ta. Chỉ là ngược lại. Lúc đó ta nghĩ về điều này theo cách khác. Có lẽ cuộc đời của mẹ ta giờ đây đang tràn đầy hạnh phúc! Có lẽ ta cũng có thể tìm ra điều tương tự. Đó là hi vọng của ta.

Ta có thể nói với con rằng đó chính là điều mà lúc ấy ta nghĩ. Đó là lí do ta bao giờ cũng nghĩ rằng cái sắp diễn ra chưa chắc đã là điều trùng hợp. Đó chính là dấu hiệu cho biết cuối cùng ta cũng đã có những suy nghĩ thật sự cho chính mình. Bởi vì đây là những điều đã xảy ra.

Có ai đó vỗ lên vai ta, ta quay lại, thoát tiên không nhận ra người đàn ông đang tươi cười ấy là ai. “Winnie?” người đàn ông hỏi, “nhớ tôi không?” Ta nghĩ, cái tên Winnie nghe quen quen. Con xem ta nghĩ là anh ta đang nói tên mình. Ta cố gắng nhớ. Tiếp đó anh ta nói, “Tôi không bao giờ quên được những rắc rối tôi đã gây ra cho cô”.

Cái gì? Người đàn ông này đang nói cái gì? Rất thành linh ta nhận ra giọng nói của anh, người lính Mỹ - Hoa Jimmy Louie, người đã đặt tên ta là Winnie.

Phải, phải đó là cha con! Mọi việc xảy ra như thế đấy, năm năm trôi qua, quá khứ, tương lai đổ nhào thành một trên một đường phố lại ở Thượng Hải. Con tưởng tượng được không? Nếu ta không đi tìm Peanut, nếu ta không dừng lại đọc một tạp chí ngớ ngẩn, nếu anh không tìm mua báo – một phút sau đó, chúng ta sẽ mất nhau mãi mãi trong cuộc đời. Ta hỏi con, đó có phải là số phận không?

Đó là điều ta bảo cha con nhiều năm sau, khi chúng ta đã làm đám cưới. Chúng ta đã may mắn biết bao khi số phận đã mang chúng ta lại bên nhau. Nhưng cha con không nghĩ đó là số phận, ít nhất thì cũng không phải theo nghĩ của từ tiếng Hoa mệnh duyên – duyên phận.

“Mệnh duyên”, anh bảo ta, “là có một ai đó quyết định đời em cho em. Tình yêu của chúng ta mạnh hơn thế.” Ở đây anh dùng từ tiếng Anh *destiny* – duyên tiền định, một cái gì không thể ngăn cản được.

Phải điều đó cũng có nghĩa là số phận đối với ta. Anh khẳng khẳng là nó có khác, một sự khác nhau quan trọng. Vì thế ta bảo anh, “Có thể anh nhìn mọi việc theo cách của người Mỹ, còn em nhìn theo cách của người Hoa. Anh nói, “Nhìn những con cá đẹp trong cái chậu”. Còn em thì nói “Những cái chậu đẹp với những con cá”. Không thành vấn đề nghĩa của các từ mà chúng mình dùng. Đó cũng chỉ là một cái chậu đẹp và những con cá đẹp”.

Nhưng cha con vẫn không chịu, “Chúng ta yêu nhau ngay từ phút ban đầu, đó là do ý muốn của chúng ta hòa vào nhau, tìm kiếm nhau”.

Sau đó ta không nói nữa. Sao ta có thể nói với cha con là ta yêu cha con ngay từ phút đầu tiên? Không phải ở Côn Minh, không phải ở đêm vũ hội. Ta đã không biết là có một cảm giác tức thời như thế tồn tại làm sao ta có thể cảm thấy nó được? Tất nhiên, sau khi tình cờ gặp lại anh lần thứ hai, ta yêu anh rất nhanh. Có thể là cả hai chúng ta đều đúng, đó là số phận của ta, là duyên tiền định của anh. Nhưng sau này cha con thành một mục sư, ông nói rằng chính Chúa đã mang chúng ta lại với nhau, vì thế bây giờ ta không giải thích chúng ta gặp nhau như thế nào nữa. Tất cả điều ta có thể nói là: Ta đang ở một đường phố nhỏ ở Thượng Hải. Cha của con cũng ở cùng chỗ đó.

Sau hạnh ngộ này, chúng ta đứng nói chuyện xã giao vài phút, sau đó Jimmy Louie – ta vẫn gọi anh là Jimmy Louie như trong những ngày đầu, cả tên họ theo lối Trung Hoa – mời ta đi uống trà ở một quán ngay bên đường để ngồi chơi, nói chuyện. Ta đồng ý nhưng chỉ vì lịch sự. Thực ra ta chưa có ý định bắt đầu một cái gì.

Chúng ta ngồi uống trà ở một tiệm trà nhỏ trên gác, một chỗ rất bần thủ. Ta thấy cô hầu bàn lấy những cái tách trên bàn dúng vào một chậu nước lạnh dơ bẩn trước khi cô ta rót trà cho chúng ta uống. Ta bao giờ cũng rửa những cái tách trà hai lần bằng nước trà nóng trước khi ta có thể uống bất cứ thứ gì. Ta cũng làm như vậy với những ly trà của Jimmy Louie. Con xem, từ ngày ấy ta đã lo lắng cho bao tử của ông. Chúng ta lặng lẽ uống một vài phút sau đó anh hỏi ta về Văn Phú. “Anh ta vẫn dùng cái tên Judas chứ?” Ta phì cười vờ trách móc anh, “Thật tệ hết chỗ nói, về đến nhà chồng tôi đã nổi đóa lên với tôi.” “Nhưng tôi mới là người đặt cái tên ấy cho anh ta chứ?” Ta quá mắc cỡ để nhắc lại điệu vũ giữa hai người, những lời bạn

bè trên chộc Văn Phú, mặc dù mặt ta nóng bừng vì giận dữ chỉ vì nhớ lại chuyện đó. Jimmy chắc là nhìn thấy điều đó trên mặt ta, bởi vì ngay sau đó anh nói “Thật là kinh khủng cái việc tôi đã làm. Tôi xin lỗi”.

“Không, không”, ta nói. “Tôi đang nghĩ về những chuyện khác, bao nhiêu năm đã trôi qua, bao nhiêu việc đã thay đổi nhưng chẳng có gì tốt hơn”. Anh biết rằng chúng ta không nên nói về những việc này nữa. Thế là chúng ta nói chuyện về những người khác. Ta kể cho anh nghe về Gia Huy, công việc mới của anh ở Cấp Nhĩ Tân về chuyện Huê Lan vẫn chưa có con. Anh bảo ta rằng hầu hết bạn bè anh trong lực lượng không quân Mỹ đã chuyển đến phía bắc Bắc Kinh để giúp lực lượng chống quân Nhật, anh vẫn ở lại sở thông tin Hoa Kỳ, củng cố những mối liên hệ cho tổng lãnh sự Hoa Kỳ.

“Một công việc quan trọng quá”. Ta nói.

“Chỉ có cái tên là quan trọng”, anh nói. “Tôi đọc các tờ báo khác nhau hàng ngày. Tôi phải chú ý đến tất cả những gì được báo cáo”. Rồi anh tiếp, “Cô thấy đấy, tôi là gián điệp”. Tất nhiên anh chỉ đùa. Anh bao giờ cũng thích chọc mọi người cười, con nhớ điều này về cha con chứ? Ta không biết tại sao Huê Lan vẫn nghĩ ông là gián điệp. Không phải đâu. Đừng tin bà ta! Nếu cha con là gián điệp tại sao anh lại đùa cợt thoải mái về nó?

Dù sao thì chúng ta cũng uống thêm nhiều tuần trà. Chẳng mấy chốc ta thấy mình đang kể cho anh ta nghe về nhà máy của chú ta, họ nghèo như thế nào, các anh em họ của ta phải lao động cực nhọc ra sao. Jimmy Louie không khinh bỉ họ, không thương hại gia đình ta. Anh cảm thông với họ. Anh nói chiến tranh cũng giống như những căn bệnh tai hại, khi nó trôi qua, thì điều đó không có nghĩa là mọi người đột nhiên khỏe khoắn lại. Ta kể cho anh nghe về Peanut. Ta không nói cô ấy là một chiến sĩ cách mạng ta chỉ nói cô ấy đã li dị. Còn anh thì không nói, “Peanut là một người đàn bà xấu”. Anh chỉ nói nhiều cuộc hôn nhân không tồn tại được trong chiến tranh.

Thế là cuối cùng ta kể cho anh nghe về cha ta, về sự rắc rối của ông trong khi hợp tác với quân Nhật. Anh nói đó là một bi kịch tồi tệ, rằng chiến tranh đã làm cho nhiều người đi lầm đường mà trong những hoàn cảnh khác họ không phạm phải. Con thấy cha con như thế nào đó. Ta cảm thấy ta có

thể nói với anh hầu như tất cả mọi chuyện, bao giờ cũng tìm thấy một sự dễ chịu thoải mái. Với tư cách một người Mỹ anh có quá nhiều sự cảm thông. Tuy vậy ta vẫn chưa nói một lời về cuộc hôn nhân của ta, chưa phải lúc.

“Còn anh thì sao?” ta hỏi. “Mọi người trong gia đình anh thế nào?” “Vợ con anh có nhớ anh không?”

“Chưa có vợ con gì”, anh nói, “không có cái may mắn đó”. Chợt anh lấy ra một bức ảnh nhỏ chụp bốn cô gái ngồi thành một hàng từ nhỏ đến lớn, cả bốn đều mặc đầm rất hiện đại, tóc chải theo một mốt mới. Họ là các tiểu thư của bà Lăng dạy cùng trường với dì anh. Bà Lăng này nói anh có thể chọn một trong bốn cô này làm vợ. “Cô nào cũng có học, có thể chơi piano, đọc thánh kinh bằng tiếng Anh”, anh nói. “Các cô trông vừa xinh đẹp vừa tân thời”, ta nói, “thật khó chọn. Anh định cưới cô nào?”

Anh bật cười sau đó trở nên nghiêm trang. “Cô”, anh nói “nhưng cô lại có chồng mất rồi”. Thật thế! Anh đã nói đúng như thế. Anh có thể chọn bất cứ ai trong bốn thiếu nữ xinh đẹp kia, tất cả đều hồn nhiên, ngây thơ, trẻ trung, chưa một ai có chồng. Nhưng anh đã chọn ta. Con nghĩ tại sao anh lại chọn ta. Dù sao thì vào lúc ấy, ta cũng không biết anh đùa hay nghiêm túc. Mặt ta đỏ lên. Bởi vì ta không nhìn anh, ta nhìn đồng hồ. Ta kêu lên

“Ồ! Nếu tôi đi gặp Peanut bây giờ thì tôi sẽ phải về ngay”. “Tốt hơn là ngày mai hãy đến gặp cô ấy”, anh gợi ý.

“Không có cách nào khác”.

“Vậy thì, ngày mai tôi sẽ gặp cô ở hiệu sách bên đường để đi với cô, tôi muốn chắc là cô an toàn”, anh nói.

“Không, không như thế phiền lắm”, ta nói.

“Không phiền đâu. Tôi đến đây hàng ngày mà”.

“Hàng ngày à?”

“Đây là công việc của tôi”.

“Tôi nghĩ tôi sẽ đến đây vào lúc 10 giờ rưỡi. Có lẽ là quá sớm đối với anh”.

“Thậm chí tôi còn ở đây sớm hơn, trong trường hợp cô đến đây sớm”. Cả hai chúng ta đứng dậy đi xuống cầu thang. Ta thấy điều mà anh làm. Anh để lại bức ảnh bốn cô gái đẹp trên bàn.

Sáng hôm sau ta thức dậy, lòng lâng lâng hạnh phúc. Ta nghĩ về đời mình, nó sẽ thay đổi. Ta không biết chính xác nó thay đổi như thế nào, nhưng ta chắc chắn nó sẽ phải đi sang một hướng khác.

Nhưng tất cả những xúc cảm hạnh phúc này chẳng bao lâu đã biến mất. Tiếng Đạm Như kêu khóc vang lên trong nhà, một người hầu gái đưa nó đến cho ta, thuật lại rằng nó bị té cầu thang, đập đầu suốt các bậc thang. Trong khi ta vỗ về Đạm Như, San Ma đi đến báo rằng cha ta thức dậy với một cơn sốt và một cái đầu hỗn loạn. Thế là ta chạy vội đến phòng cha ta. Một phút sau người đầu bếp tìm đến tuyên bố là bà sẽ bỏ việc ngay, bà không chịu được bất kì một sự nhục mạ nào nữa của mẹ chồng ta về việc nấu nướng của bà. Từ phòng mình ta có thể nghe tiếng la hét hết cỡ của Văn Phú, tiếng đập choang choang ở dưới nhà. Ta chạy xuống thấy bữa ăn sáng vứt tung tóe khắp nơi, mì thì đổ hết lên ghế. Ta muốn khóc. Đời ta sẽ không bao giờ thay đổi cả, mọi việc có vẻ như thế. Ta sẽ mãi mãi phải lo lắng về những vấn đề của người khác, không có lúc nào để lo lắng cho bản thân. Ta chắc là những tai họa nho nhỏ thế này là dấu hiệu ta sẽ không có khả năng rời ngôi nhà này hôm nay.

Nhưng cuộc sống khá lạ lùng, với cái cách nó có thể lừa con vào cách nghĩ này, sau đó mở ra hướng khác. Bởi vì ngay khi ta hủy bỏ kế hoạch ra khỏi nhà thì cơ hội đã quay trở lại. Khi ta quay lên cầu thang để chăm sóc cha ta, ông đang đọc báo, tỏ ra khó chịu chỉ vì ta làm phiền ông. “Ông ấy chắc là tự đấu tranh với mình trong một cơn ác mộng”, San Ma nói. Xuống dưới nhà ta thấy Văn Phú đã rời khỏi nhà dự một cuộc đua ngựa. Còn người nấu bếp đang giận dữ thì sao? Bà đã quét dọn sạch sẽ, đã đi chợ mua thức ăn cho bữa ăn chiều. Đạm Như kêu lên từ trên giường nó là nó muốn dậy. Nó đã quên cục u trên đầu, nhớ là bà nội nó hứa là hôm nay nó sẽ được đi với bà đến chơi nhà một người bạn có đứa cháu nội bằng tuổi nó.



Cuối cùng ta có ra khỏi nhà. Nhưng ta nghĩ là quá trễ để thay đổi cuộc đời rồi vì lúc đó đã gần 11 giờ. Ta cố để cho đầu óc mình bận rộn với những ý nghĩ về việc gặp lại Peanut, cuộc hội ngộ sẽ vui vẻ như thế nào. Ta mang theo cái gói nhỏ mà thím Lớn bảo ta đưa dùm, cùng với năm đôi vớ hàng ngoại nhập. Peanut sẽ vui sướng lắm khi nhìn thấy những món này.

Nhưng tất nhiên đầu ta cứ quay lại cái hiệu sách đối diện với tiệm trà nhỏ. Ta hình dung cảnh Jimmy Louie bận rộn giở những cuốn sách, sốt ruột nhìn đồng hồ. Ta nghĩ đến chuyện đón taxi. Nhưng khi nghĩ là Jimmy Louie nhìn đồng hồ một lần nữa rồi bỏ đi, ta quyết định không nên vội vã, chỉ để gặp một nỗi thất vọng. Vì thế ta xua đi hi vọng, đứng đợi xe buýt.

Khi ta đến đường Sơn Vinh thì đã gần trưa rồi. Ta buộc mình phải đi thật chậm, bình thản. Đến gần hiệu sách nọ, ta buộc mình không nhìn lên. Chỉ bước tiếp, bước tiếp. Ta hầu như hụt hơi. Ta tự bảo mình, đừng có tự lừa dối mình, anh ấy không có ở đây đâu, cứ đi tiếp đi.

Ta không cho phép mình được nhìn sang bên đường. Mắt ta nhìn ra giữa đường. Không, đừng nhìn. Cứ bước tiếp. Ta đi qua hiệu sách, không nhìn, lại bước tiếp cho đến khi ta đi qua một căn nhà. Ta dừng lại, thở một hơi dài. Ta có một cơn đau nhẹ nơi ngực, nhận ra rằng ta đã vừa để một hi vọng thoát ra khỏi nơi đây. Rồi ta thở dài, nghe một tiếng thở dài tiếp theo nhẹ nhõm, chỉ có điều nó không phải là của ta. Ta quay lại. Để nhìn thấy khuôn mặt anh! Niềm vui trên khuôn mặt anh.

Chúng ta chẳng nói gì. Anh cầm tay ta nắm chặt. Chúng ta đứng ở giữa đường, mắt chúng ta mờ đi vì hạnh phúc, hiểu biết vô ngôn rằng cả hai chúng ta đều cảm thấy một điều.

Bây giờ ta phải dừng lại bởi vì mỗi lần nhớ đến điều này ta lại khóc chút chút cho mình. Ta không hiểu tại sao có một cái gì đó làm ta thật hạnh phúc, sau đó lại đượm buồn. Có thể nó là như vậy cùng với những kỉ niệm đẹp nhất.

## 21. MẸ CỦA DU NHỎ

Chỗ ở của Peanut cách đây không xa. Trong một quãng đường ngắn, chúng ta chỉ có đủ thời gian nói một vài điều.

“Tại sao anh lại đợi? Em tới quá trễ mà.” “Anh nghĩ có thể là tại đôi giày của em. Anh đoán em lại làm tuột gót giày như em đã làm thế trong trong đêm vũ hội ở Côn Minh.” Ta cười, Jimmy Louie cũng cười theo rồi anh trở nên nghiêm trang. “Anh lúc nào cũng yêu em, yêu em từ cái ngày ấy, cái cách mà em chẳng làm gì cả, khiêu vũ với một chiếc giày sút gót hoặc bằng đôi chân đất. Một cái vẻ mong manh, nhưng lại mạnh mẽ và can trường, của một kiểu người không gì có thể ngăn cản được.”

Cha con đã nói thế, thật đấy. Anh nghĩ ta là một con người mạnh mẽ. Vậy mà ta chưa bao giờ nghĩ là mình như thế. Ta không biết tại sao anh tin như thế. Suốt cả đời mình anh tin là ta như thế. Lạ lùng chưa?

Dù sao thì ta cũng kể cho anh nghe ta đau khổ ra sao trong cuộc hôn nhân này, ta cố gắng như thế nào để bỏ Văn Phú trong thời gian chiến tranh nhưng không thể chỉ vì có Đạm Như. “Nhưng bây giờ em sẽ hỏi cô em họ xem cô ấy đã làm gì,” ta nói. “Em cũng sẽ li dị.” Còn anh nói. “Em thấy là mình mạnh mẽ như thế nào chưa?”

Ta nói, “Đó không phải là mạnh mẽ. Em không còn chút sức lực nào đấu tranh với hắn. Đôi khi em không biết tại sao em có thể sống thêm một ngày nữa với hắn.” “Đó chính là sức mạnh của em.” Lúc đó thì chúng ta đã ở trước nhà Peanut, một căn nhà trọ.

“Em sẽ đi lâu đấy,” ta nói. “Hai, ba hay bốn giờ” không thành vấn đề, anh cũng sẽ đợi. Anh đã đợi em gần năm năm rồi.”

Con thấy cha con lãng mạn như thế nào chưa? Thật khó mà để anh ở đây khi mà ta vừa tìm thấy anh.

Ta đi vào một cái bếp chung bé tẹo. Trên sàn nhà có hai đứa bé, ta hỏi người đàn bà đang nấu bếp là có cô Giang Hoa Sinh có sống ở đây không. “Ai?” bà ta la lên. “Cô muốn gặp ai?” Ta bước lại gần cái chảo rang, nói to cái tên át cái tiếng dầu chiên xèo xèo. Bà mỉm cười lau một vết dơ trên áo, chạm vào khuỷu tay ta và chỉ về phía cầu thang, “Đi lên đây cô em nhỏ tầng ba phòng số 2. Tốt nhất là hãy gõ cửa, cô ấy đang có khách.” Bà quay lại cái chảo chiên cười một mình, “Quá nhiều khách.” Ta bước lên những cầu thang, với mỗi bước đi lên ta bắt đầu trở nên lo lắng bản khoăn không biết ta sẽ tìm thấy cái gì trên kia, điều gì sẽ xảy ra khi Peanut trở thành những người vợ vĩa hè. Đó có phải là điều xảy ra với một phụ nữ bỏ gia đình, bỏ chồng không? Cô ta có thể làm gì để nuôi thân khi không chồng con, không có gia đình?

Ta đứng ngoài cửa căn phòng số 2. Ta có thể nghe thấy một giọng nói có vẻ là giọng đàn ông. Rồi ta nghe thấy một giọng đàn bà, giống như giọng Peanut, cũng vẫn giọng nôm nống, kết thúc bằng một điệu ả nã. Ta gõ cửa, giọng nói im bặt. “Ai đấy? Peanut nói với ra một giọng bất lịch sự “Giang Vi Vi!” ta kêu lên. “Chị họ Giang của cô!” Trước khi ta có thể nói thêm điều gì cánh cửa bật mở, Peanut kéo ta vào phòng, sập cửa lại. Cô kéo tóc bèo má ta rồi la lên, “Nhìn chị kia! Cuối cùng chị cũng đã tới! Tại sao chị biến đi lâu quá vậy?”

Trông cô vẫn thế. Đó là ý nghĩ đầu tiên của ta. Cũng cái nụ cười nũng nịu, ánh mắt tinh nghịch. Ta cảm thấy nhẹ nhõm. Nhưng ý nghĩ tiếp theo của ta là trông cô hoàn toàn khác, một người mà nếu đi ngang qua ta sẽ không nhận ra. Tóc cô cắt ngắn, không theo một kiểu nào. Cô bận một cái áo khoác cài nút đơn giản, chất lượng kém, thẳng đuột vì thế ta không thể nói cô mập hay ốm. Khuôn mặt cô - không hề có phần sấp gì - chỉ là khuôn mặt mộc. Con phải nhìn thấy cô ấy, đó là cô gái thường tự hào về nước da trắng xanh như men sứ của mình. Còn bây giờ trông cô đen gần như một người Quảng Đông. “Này! Đây là bạn em, Vũ,” cô nói, xoay người ta lại. Ta nhìn thấy một người đàn ông trẻ với một cặp kính tròn, mái tóc đen dày trải lật ra phía sau. Anh ta cầm một cái cọ vẽ trên tay. Những tờ giấy lớn trải khắp phòng - trải trên sàn nhà, trên ghế, trên chiếc giường nhỏ của cô. Tất

cả đều nói về một cuộc mít tinh của sinh viên phản đối cải cách ruộng đất mới. Điều này chứng tỏ Peanut đúng là một người Cộng sản.

“Mang những tấm áp phích đã viết xong đi. Chúng ta sẽ hoàn tất cả những cái kia vào tối nay.” Cô nói với người thanh niên bằng một giọng chỉ huy. Nhưng người thanh niên không lấy làm điều. Anh nhanh chóng cuộn những khẩu hiệu lại chào ta một cách lịch sự rồi bỏ đi.

Ta chẳng biết nói gì, vì thế ta đưa cho cô mấy món quà, cả hai đều được gói giấy. Ta nghĩ cô sẽ cắt đi, mở ra khi có một mình. Đó là một phép lịch sự phải làm. Người Trung Hoa bao giờ cũng làm như thế, như vậy nếu con không thích món quà không ai nhìn thấy sự thất vọng trên mặt con. Nhưng cô không đợi. Cô mở món quà của thím Lớn trước. Đó là một gương nhỏ theo lối cổ bằng bạc có chạm trổ ở phía sau, trên tay cầm. “Ồi nhìn này” Peanut nói, cau mày, “lần cuối cùng em gặp mẹ, mẹ bảo em, “Cô gái đẹp mà ta từng biết, cô ấy vẫn còn chứ?” em nói với mẹ là em không có gương để tự nhìn mình, nhưng xấu hay đẹp thì em biết là em vẫn tồn tại. Bây giờ thì chị biết là mẹ cho em cái gì. Hừm! Mẹ nghĩ cái vật ngớ ngẩn này sẽ thuyết phục em trở về với cuộc đời cũ.” Peanut soi gương. Với ta có vẻ như cô vẫn còn thói phù phiếm ngày xưa. Cô xoa xoa hai má, mở to đôi mắt, mỉm cười với những gì cô thấy. Đúng là cô vẫn đẹp. Nước da mịn màng, đôi mắt lớn, mặc dầu khuôn mặt cô hơi thô. Tất nhiên cái khiếm khuyết này chẳng có liên quan gì với việc cô trở thành người Cộng sản. Cô là như thế, ngay từ khi là một đứa trẻ được nuông chiều, không hề có một mối cảm thông nào dành cho một người kém may mắn hơn. Cô đặt cái gương xuống, mở gói quà thứ hai.

“Chị sợ rằng món quà của chị cũng không làm em vui lòng.” ta nói. Cô xé cái gói giấy như một đứa trẻ, giơ cái vớ len, bắt đầu cười, một tràng cười to, và dài. “Chị có thể lấy lại,” ta nói cảm thấy rất xấu hổ, “đưa lại đây cho chị.” “Không, không” cô kêu lên, ôm chúng vào lòng. “Những chiếc vớ này rất có giá. Em có thể bán ra chợ đen với một giá hời. Một món quà tốt đấy.” Cô nhìn ta sau đó nói bằng một giọng thẳng thắn không ngại ngùng, chẳng có gì cho chị. Nhưng bây giờ em chẳng có thời gian để gìn giữ tất cả những hủ tục màu mè ấy.”

“Tất nhiên,” ta nói, “em đâu có biết là chị đến là chị đến - làm sao em...”

“Không.” - cô ngắt lời ta bằng một giọng cứng cỏi. muốn nói, “thậm chí nếu em biết, thậm chí nếu em có tiền, em cũng chẳng quan tâm đến tập tục này nữa. Quá nhiều phiền toái cũng chẳng để làm gì phải không?”

Ta sợ rằng Peanut trở nên quá chua chát. Cô đặt tất cả những cái vớ lên kệ. Nhưng khi quay lại, cô giơ tay cho ta, gọi ta là Đường tí, cái tên thân mật mà ngày xưa chúng ta vẫn dùng để gọi nhau khi còn bé. “Đường tí”, cô lại gọi lần nữa, cầm tay ta, siết chặt, “em rất mừng là chị đã tới, bây giờ chị biết đây đó không phải là một lời lịch sự.” Chiều hôm ấy chúng ta đã nói chuyện thân mật với nhau, chúng ta ngồi trên giường kể cho nhau nghe về mọi chuyện, cũng theo cái cách mà chúng ta làm hồi còn bé. Duy lần này chúng ta không phải nói thăm, chúng ta nói chuyện cởi mở với nhau về mọi thứ. Chín năm về trước, chúng ta cãi nhau xem ai là người có được cuộc hôn nhân tốt nhất. Bây giờ chín năm sau chúng ta cãi nhau xem ai là người có cuộc hôn nhân tồi tệ nhất.

“Nghĩ xem,” ta nói. “Em đã từng phát điên lên khi Văn Phú cưới chị chứ không phải em. Bây giờ thì em biết em đã tránh được bao nhiêu đau khổ.”

“Dẫu vậy cuộc hôn nhân của chị vẫn tốt của em. Cuộc sống vợ chồng của em mới là địa ngục!”

“Em không biết,” ta nói. “Em không thể tưởng tượng được một người chồng độc ác đê tiện ích kỉ...” Nhưng Peanut bùng ra: “Chồng em là một *tử bất dụng*”. Khi Peanut nói thế ta không tin. Ta không biết từ này trong tiếng Anh là gì, nhưng trong tiếng Thượng Hải nó có nghĩa là “gà mái - gà con - gà trống” tất cả những thành phần của giống đực, giống cái cần thiết để ấp một quả trứng thành gà con. Một lần chị em ta nghe thím Lớn kể về một người họ hàng xa đẻ ra một tử bất dụng, một đứa trẻ có cả hai bộ phận nam và nữ. Thím lớn nói mẹ của đứa trẻ không biết nuôi nó theo kiểu con trai hay con gái. Sau này bà ta không cần phải lựa chọn bởi vì đứa bé đã chết. Thím Lớn nghĩ rằng người mẹ đã giết nó vì rằng nếu bà nuôi dạy nó như một thằng con trai thì nó cũng sẽ không bao giờ có con.

“Làm sao chồng em lại là một tử bất dụng dục” ta hỏi Peanut. “Chị nhớ trong thư em nói ông ta có năm con trai với người vợ cả đã quá cố mà.” “Mỗi năm gia đình này lại đi về những làng heo hút mua một đứa bé trai mới lọt lòng về nuôi. Chị có thể nhìn thấy chúng - chẳng đứa nào giống đứa nào. Đứa thì đen, đứa thì trắng. Đứa này thì sinh động, tròn trĩnh đứa khác thì gầy, lặng lẽ. Bất cứ ai có mắt, có đầu đều có thể nhìn thấy đó là những đứa con được mua về.”

“Nhưng làm sao Ngao Ngao lại làm mối cho em một người như vậy?”

“Bà ấy không biết. Bà mẹ chồng bao giờ cũng nuôi những đứa bé như con trai. Nhiều tháng sau khi cưới, em cũng không biết. Y không hề đụng đến em. Em nghĩ y không thích em,”

“Sau đó em nhìn thấy hai bộ phận của hắn?”

“Em nhìn thấy hắn ở trên giường em với một người đàn ông khác! Cái bộ phận phụ nữ trong con người y thêm khát một người đàn ông. Em chạy đến chỗ mẹ y, nói với bà những điều em thấy, chị biết mẹ ta làm gì không? Mẹ tát em, bảo em không bao giờ được tập lại một điều dối trá như thế về con trai mẹ ta.”

“Nếu em không bao giờ nhìn thấy hai bộ phận,” ta hỏi, “làm sao em biết hắn là tử bất dụng?”

Peanut thở dài. “Bởi vì khi em bảo bà mẹ con trai mẹ là một tử bất dụng, bà đã tát hết lần này đến lần khác, như thể bà có thể thay đổi cái sự thật đó bằng cách làm em tin vào một điều khác.”

Ta kể cho con nghe chuyện này theo cách Peanut nói với ta. Vì thế ta không thể nói với con rằng liệu chồng cô ấy có đúng như cô nói. Có thể cô nói như vậy vì bởi đó chúng ta chưa có từ “đồng tính luyến ái”. Nếu một người đàn ông không cưới vợ mọi người sẽ xì xầm, “có thể hắn là một tử bất dụng”. Họ không nói như thế với một người đàn bà không lấy chồng. Họ có một từ khác để nói nhưng bây giờ ta quên mất rồi.

Dù sao, Peanut nói cô ấy cũng chỉ là một người vợ trên danh nghĩa. “Một năm sau, mẹ chồng buộc em đi trốn trong năm tháng. Em không được gặp ai. Cuối cùng bà mẹ lại trưng ra một đứa con trai mới đẻ cho mọi người. Em phải giả vờ đứa bé đó là con của em. Nói thật với chị, em chẳng quan tâm gì đến đứa bé này. Em mất đi niềm hứng thú đối với mọi thứ trên đời, đối với tất cả quần áo đẹp của em. Chúng chẳng có nghĩa lý gì. Cuộc đời em giống như một câu nói em đã đọc được ở đâu đó: Chúng ta đang sống trong một thế giới nơi mọi thứ đều là giả dối. Xã hội như một nước sơn đẹp phủ lên một miếng gỗ mục rỗng.”

Ôi! Khi cô nói điều đó, giọng cô vang lên giống như một người làm cách mạng, tuy vậy cô vẫn là cô bé Peanut ngày xưa, ngày chúng ta cùng lớn lên: Đây tự hào, cứng đầu trong việc tìm ra đường đi của mình, dùng những danh từ kêu như chuông bằng ý kiến của người khác.

“Cuối cùng làm sao em bỏ đi được?” ta hỏi.

“Chị còn nhớ cô gái tên là Du nhỏ không? Cô gái học cùng trường chúng ta ấy.” Ta gật đầu. Tất nhiên là chị nhớ, cái cô bé tinh nghịch đã đánh tráo tất cả giấy của mọi người trong lúc chúng ta ngủ. Thật là cảnh hỗn loạn vào sáng hôm sau, mỗi cô gái có một chiếc giấy bên phải to, bên trái nhỏ hoặc hai chiếc chân phải hoặc hai chiếc chân trái. Chúng ta đến lớp trễ do cố gắng tìm giấy của mình. Thật là một cô gái quậy phá.” “Cô ấy đã giúp em thoát khỏi cuộc hôn nhân này,” Peanut nói.

“Du nhỏ ư?”

“Bằng cách tuyên truyền,” Peanut đáp. Đó là sau khi em đã cưới một con gà mái và gà trống được bốn năm, mẹ hắt bao giờ cũng mổ vào chân em mà không cho em cơ hội để cứu vãn.”

“Chị cũng cảm thấy như vậy,” ta nói. “Chính xác là vậy.”

“Em nghĩ về tuổi trẻ của em, về những gì em đã từng mơ ước.”

“Cùng với tất cả niềm hi vọng của em, sự ngây thơ của em” ta thêm vào.

“Để em nói hết,” Peanut tiếp tục. “Dù sao thì với cảm giác ấy trong lòng, em quyết định đi thăm trường cũ gặp thầy cô giáo cũ. Thế là em đi, cô Momo - chị có nhớ cô không, một người có một lỗ mũi to, một lỗ mũi nhỏ. Ta gật đầu, “Cô ấy bao giờ cũng rất nghiêm khắc.” “Lúc đó cô Momo đã trở thành hiệu trưởng, cô muốn cho em biết tiền của đã được đổ ra để sửa sang trường lớp như thế nào, cô chỉ cho em thư viện mới, nhà nguyện với cửa sổ có tượng Chúa hài đồng mới.

Sau đó cô dẫn em ra phía sau đến một nghĩa trang nhỏ. Chị còn nhớ cô Momo vẫn thường phạt chúng ta ra nghĩa trang khi chúng ta quậy phá không? Cô nghĩ điều đó sẽ làm chúng ta hoảng sợ để chúng ta trở nên ngoan ngoãn hơn. Nghĩa trang có một vòi phun nước mới, nước phun ra từ miệng một đứa bé. Em đứng nhìn quanh nhìn quẩn, chợt em phát hiện ra, một bia mộ khắc tên Du nhỏ. Em bàng hoàng, cứ như thể nhìn thấy Du nhỏ biến thành đá.

“Chuyện gì xảy ra vậy?” em hỏi cô Momo. Cô nói “Ồ, đó là một câu chuyện buồn. Nó chỉ cưới được một năm, sau đó nó chết bất thành linh, một tai nạn.”

“Cô Momo không nói đó là tai nạn gì. Nhưng ngay lập tức em nghi ngờ. Tại sao cô ta lại được chôn trong nghĩa trang của trường? Gia đình của chồng cô phải chôn cô trong phần mộ gia đình họ chứ. Em nói điều đó với cô Momo. Cô nói, “Con bé đã hạnh phúc ở đây trong nhiều năm”. Đó là lí do mẹ nó nghĩ nó phải được bao bọc bởi các cô gái hạnh phúc khác.”

“Em tự nhủ, đó là chỉ một ý muốn chứ không phải một lí do. Trong khi em vẫn choáng váng về điều đó em nghe có một giọng thì thầm bên tai. “Tìm nguyên nhân đi!” Đúng là như vậy. Ngay lập tức em thấy mình đang hỏi cô giáo về địa chỉ gia đình Du nhỏ, để em có thể bày tỏ lòng thương tiếc. Em không biết tại sao em làm thế. Em không còn là mình nữa. Một cái gì đã thúc đẩy em.

“Rời khỏi trường em đến nhà Du nhỏ ngay tập túc. Đó là lần thứ hai em bị sốc. Du nhỏ không xuất thân từ một gia đình giàu có như phần lớn học sinh trường này. Ngôi nhà của gia đình hóa ra là một căn hộ hai phòng trên



lầu hai của một tòa nhà cũ khá hơn người nghèo một chút. Gia đình chỉ là một bà mẹ góa. Bà mẹ đáng thương này nhận được một món tiền thừa kế nhỏ từ ông cậu, bà dùng nó để trang trải nợ nần, trả tiền học phí cho Du nhỏ, dành cho nó một khoản hồi môn khiêm tốn. Vì thế chị thấy đầy tất cả hi vọng của đời bà là dành cho cô con gái nhỏ bé này. Bây giờ nó đã chết sau một năm lấy chồng.”

“Ồi da!” ta kêu lên, “Thật là một câu chuyện thương tâm?”

“Thậm chí còn đau lòng hơn thế,” Peanut tiếp. “Người mẹ rất mừng khi gặp em. Hình như không một ai một lần nhắc đến tên con gái bà. Đó là bởi vì cô con gái không chết vì tai nạn. Cô tự sát.”

“Tự sát!”

“Bà nói gia đình chồng đã bức tử cô. Em run bắn lên khi em nghe điều đó. Chỉ mới sáng hôm ấy em đã nghĩ đến việc em sẽ tự vẫn nếu như em không tìm được cách sớm thoát ra khỏi cuộc hôn nhân này.”

“Chị cũng có cùng một ý nghĩ đó,” ta thì thầm với Peanut.

“Bà mẹ tự kết án mình,” Peanut tiếp, “bởi vì bà đã tích cực tác hợp cuộc hôn nhân này cho một người cháu của một người bạn của một người em họ sống ở một làng ở Tô Châu. Người chồng tương lai, bà được biết, có một địa vị cao trong xã hội với công việc sản xuất mì của người cha.

“Mẹ của Du nhỏ chưa bao giờ gặp người cháu. Bà chỉ gặp anh ta lần đầu tiên trong đám cưới. Hắn ta trông có vẻ hồi hộp, người ta luôn phải nhắc nhở hắn đi như thế nào. Hắn cười ngật nghèo rồi cười oang oang chẳng đúng chỗ chút nào, làm cho mẹ Du nhỏ nghĩ rằng hắn say. Nhưng hắn không say. Hắn có đầu óc của một đứa trẻ lên ba. Hắn vẫn đái dầm. Hắn vẫn khóc khi có gió thổi mạnh. Hắn nghĩ Du nhỏ là chị lớn của hắn. Khi Du nhỏ trở về gặp mẹ, yêu cầu bà giúp đỡ thoát khỏi cuộc hôn nhân, mẹ cô nói rằng, đời cô chỉ tồi tệ hơn mà thôi, ít nhất thì gia đình này cũng tốt với cô, cho cô ăn uống đầy đủ. Mặc dù người chồng chậm phát triển, hắn vẫn là cha của nhiều đứa trẻ con. Hắn làm điều ấy với một cô gái trong làng. Vì thế bà mẹ bảo cô con gái, “Thôi ngoan đi, chịu khó chịu đựng đi

con.” Du nhỏ trở về nhà chồng. Cô trèo lên một cái cây ở ngoài sân. Buộc một đầu dây thừng vào một cành cây đầu kia vào cổ cô rồi nhảy xuống.

“Một năm qua,” bà mẹ nói, “tôi chỉ có một ý nghĩ là làm một việc tương tự.” Mẹ Du nhỏ khóc khi bà nói với em điều đó, em cùng khóc với bà. Em cảm thấy sợi dây trên cổ em khi bà bảo với em điều đó. Em nói như trong một giấc mơ, “Đó là điều cô đã làm để thoát khỏi cuộc hôn nhân.” Nhưng mẹ Du nhỏ khóc, “Không, điều đó là sai. Nhưng điều ấy đã xảy ra cho nó vì rằng nó không có cách nào khác, rằng đã không có ai giúp đỡ nó.” Cuối cùng vào buổi chiều hôm ấy em đã có một trái tim đồng cảm lắng nghe những khúc mắc của em. Bây giờ em nghĩ; chính là giọng nói của Du nhỏ đã chỉ đường cho em tới mẹ cô. Bởi vì cuối năm đó chính mẹ cô đã giúp em trốn thoát khỏi cuộc hôn nhân kinh tởm này.”

“Bà làm điều đó như thế nào?” ta hỏi. Ta nghĩ ta chỉ cần một vài từ giải đáp cho tất cả những bất hạnh của mình. Peanut đứng dậy, “Tại sao chị không tự mình hỏi bà?”

“Cái gì?”

“Hỏi bà,” Peanut nói, “hỏi mẹ của Du nhỏ. Bà đang ở dưới nhà, nấu bữa ăn trưa cho tất cả những người phụ nữ trong ngôi nhà này, những người vừa từ bỏ cuộc hôn nhân của mình.”

Đó là cách ta phát hiện ra rằng cả ngôi nhà này là một nơi trú ẩn của toàn đàn bà và trẻ con. Con tưởng tượng được không? Ta vừa sợ hãi vừa phấn khích. Ta không nói ta muốn trở thành một người hoạt động Cách mạng, không phải như thế: Ta cảm thấy bị kích động bởi vì ta ở cùng một ngôi nhà với chín người phụ nữ có những cuộc hôn phối kinh khủng, chín người này không còn vâng lời chồng, mẹ chồng họ nữa.

Mẹ Du nhỏ vẫn nấu bếp khi chúng ta xuống nhà. Đó là cái tên mọi người gọi bà. Nhìn bà, con không nghĩ người phụ nữ bé nhỏ đang chiên cá khô, ướp đắng này là một người hoạt động bí mật. Nhưng vào thời đó hầu hết những người hoạt động cách mạng đều hoạt động ngầm, giấu mặt. Con sẽ phát điên hoặc bị thủ tiêu nếu con nói với mọi người con là người Cộng sản.

Những người phụ nữ khác về nhà ăn trưa vào những giờ khác nhau tùy theo công việc của họ. Một người dạy kèm sinh viên tiếng Pháp. Một người khác làm việc ở nhà máy giấy. Người khác nữa bện chổi rơm, mang bán dạo trên đường. Họ xuất thân từ nhiều thành phần giai cấp khác nhau. Thực tế, họ giống bất kì một loại người nào con có thể gặp ở Thượng Hải. Không có ai nói với con, “Tôi là một chiến sĩ Cộng sản. Còn chị?” Nhưng con có thể biết được điều đó căn cứ vào những điều họ nói. Khi chúng ta ngồi xuống ăn, chẳng hạn, mẹ Du nhỏ bảo với ta. “Tôi hi vọng món mướp đắng không bất đồng với cô quá nhiều. Tôi không thường xuyên ăn món này. Nhưng khi tôi ăn, tôi nhắc nhở mình, rằng tôi thật may mắn còn có cái để xơi.” Bà cười, Peanut, những người đàn bà khác cười theo. Tất cả bọn họ đều khoái món này không phải vì khẩu vị mà vì những câu chuyện diễn ra sau đó. “Ồ, chị chưa nếm mùi cay đắng,” Một trong số phụ nữ nói, “cho đến khi chị sống trọn một mùa đông với chỉ một viên gạch than để sưởi và nấu nướng.” Một người khác tiếp nói “Miếng mướp đắng này còn ngọt chán so với những gì mà tôi đã nuốt trong khi làm nô bộc cho một nhà giàu.”

Ta có thể nói với con điều này. Ta không thích mướp đắng, trước đây không, sau này không, bây giờ cũng không. Ta chẳng hề có tư tưởng cách mạng. Nhưng ta sẽ gia nhập vào tổ chức của họ nếu như họ kêu gọi ta. Ta sẽ ăn mướp đắng mỗi bữa, mỗi ngày, nếu như nó có nghĩa là ta có thể từ bỏ được cuộc hôn nhân này. Nếu như ta có cơ hội thay đổi cả thế giới này để thay đổi cuộc đời mình, ta sẽ làm không mấy may do dự. Ta nghĩ nhiều phụ nữ trong ngôi nhà này cũng có cảm giác như thế về đời họ. Sau khi chúng ta ăn xong bữa ăn đạm bạc tất cả mọi người xúm vào hỏi han ta. Mặc dầu họ là những người xa lạ, ta kể cho họ nghe hết mọi chuyện, về gia đình Văn Phú, về gia đình ta, về chuyện giờ đây Văn Phú kiểm soát hết mọi việc như thế nào.

“Vậy thì hẳn sẽ không dễ dàng chịu li dị,” một trong những người phụ nữ ngồi quanh bàn nói. “Tôi cũng xuất thân từ một gia đình giàu có. Chồng tôi không muốn bỏ tôi vì điều đó có nghĩa là hẳn phải từ bỏ gia đình giàu có của tôi.”

“Còn con cô? Cô có muốn mang nó theo không?” Mẹ Du nhỏ hỏi.

“Tất nhiên là có, chồng tôi chẳng hề quan tâm đến con trai chúng tôi. Hắn chỉ sử dụng nó như một vũ khí để ngăn tôi chạy trốn.” “Thế còn tiền?” một người khác hỏi, “Chị có vốn riêng không?”

“Chỉ có một ít trong số tiền hồi môn, cũng chỉ đủ chợ búa hàng ngày thôi.”

“Đừng quên đồ trang sức của chị,” Peanut nhắc nhở. “Hai cái vòng tay vàng trong đám cưới - chị còn giữ không? Còn hai chiếc dây chuyền, hai đôi bông tai, một chiếc nhẫn?” ta gật đầu. “Chồng cô có nhân tình không?” Mẹ Du nhỏ hỏi. “Nhiều lắm!” ta kêu lên. “Hắn giống như một con chó đại ấy, ngủ đít hết con chó cái này đến con chó cái khác.”

“Nhưng một người đàn bà đặc biệt, một người hắn đi lại trong một thời gian dài thì sao?” một người khác hỏi. “Đôi khi một người tình như vậy có thể buộc một người đàn ông bỏ vợ, nếu như sự khát khao của hắn đối với người đàn bà đủ mạnh,” chị ta nói để bật ra một tiếng cười trống rỗng.

“Hắn chẳng hề quan tâm đến một ai theo kiểu ấy,” ta đáp. “Trong quá khứ, thói quen của hắn là chọn một người đàn bà, xài cô ta một vài tuần sau đó thì bye nhé. Bây giờ chúng tôi đang sống trong nhà cha tôi, cũng có cả cha mẹ hắn. Có quá nhiều con mắt tập trung vào hắn vì thế hắn không thể diễn những trò đồi bại trong nhà nữa. Tôi không biết là hắn đang lăng nhăng với ai.” “Thế còn chị? Chị có một người tình không?” Người đàn bà bị mất một cái răng cửa hỏi to. “Tất nhiên là không,” ta nói một cách giận dữ, “chỉ có đạo đức của chồng tôi mới là xấu xa, chứ không phải tôi.” Sao chị lại có thể...” Ta chợt cảm thấy bối rối, rồi xấu hổ vì sự bối rối của mình. Bởi vì tất nhiên ta nghĩ đến Jimmy Louie. Chúng ta chưa phải là tình nhân, nhưng ta vẫn cảm thấy, lần đầu tiên, cái cảm xúc bí ẩn mà những người yêu luôn có, cái nổi ngượng ngùng ấy. Mẹ Du nhỏ vỗ vào vai ta an ủi.

“Câu hỏi ấy không có ý lăng mạ cháu,” bà giải thích. “Đôi khi cũng có lợi đối với một người phụ nữ giả vờ là mình cũng có tình nhân”. “Đặc biệt là nếu người chồng có một bộ dạng quan trọng mà hắn không muốn bị mất” Peanut nói.

“Đó là điều mà chúng ta đã làm trong trường hợp của em họ cháu.” Mẹ Du nhỏ nói, “Tạo ra có là có một người tình. Cô ta được li dị rất nhanh.”

“Nhưng tại sao tôi phải làm như đây là lỗi của mình chứ?” ta hỏi.

“Tốt thôi!” người đàn bà mất một cái răng cắm cấn. “Vậy thì hãy giữ gìn sĩ diện, giữ lấy cuộc hôn nhân đau khổ của mình. Quá đẹp đẽ, danh giá - những người phụ nữ như cô không dám phá bỏ những tập tục cũ. Trong trường hợp này, cô chỉ tự trách mình mà thôi.” “Thôi không cãi nhau nữa,” mẹ Du nhỏ can, “chúng ta chỉ hết sức cố gắng để tìm ra một giải pháp tốt nhất thôi.”

Bà quay về phía ta, “Như vậy, cháu phải gom tư trang, tiền bạc của cháu lại. Khi đã sẵn sàng, cháu, con trai cháu phải bỏ chạy mà không để cho ai biết. Khi cháu đến đây, chúng ta sẽ bàn xem phải làm gì tiếp. Cháu có thể tự mình lo việc chạy trốn không, hay cháu cần sự giúp đỡ?”

“Cháu có thể lo được,” ta đáp. Ta đã nói những lời này mà không biết ta sẽ phải làm gì để biến chúng thành sự thật

## 22. MỘT MÙA CÒN LẠI

Vào lúc ta rời khỏi nhà Peanut, chiều đã muộn.

Ta phải vội vã đến hiệu sách để tìm cha con. Trên đường đi ta bất giác nở một nụ cười mãn nguyện không thể dừng được. Dường như những người đi đường cũng nhìn thấy hạnh phúc nở hoa trên mặt ta, họ mỉm cười chúc mừng lại. Ngay khi trông thấy cha con, ta nói. Trong vòng một hoặc hai tuần nữa, em sẽ bỏ trốn.” Ta run rẩy khắp châu thân, vì tự hào, hồi hộp.

“Thật thế sao?” chàng hỏi, chàng cũng run rẩy như ta.

“Rất thật,” ta nói. Chàng nắm lấy đôi tay ta, chúng ta cùng cười với những giọt lệ long lanh trong khóe mắt.

Nếu cha con còn sống đến ngày hôm nay, ta nghĩ ông sẽ đồng ý với ta. Chúng ta biết là chúng ta sẽ bên nhau mãi mãi. Ta không biết tại sao hai kẻ vẫn còn xa lạ với nhau lại biết điều đó, tại sao chúng ta có thể chắc chắn về điều đó. Có thể là như thế này. Khi cha con bỏ lại tám hình bốn cô gái trên bàn, đó là cách đề nghị ta lấy chàng. Khi ta quay trở lại nói rằng ta sẽ bỏ chồng cũng là cách ta nói lời chấp thuận. Từ giờ phút ấy, chúng ta bên nhau, hai trái tim cùng chung một nhịp.

“Điều gì tiếp theo?” Chàng thì thầm. “Chúng ta phải làm điều gì sau đó.”

“Chúng ta phải đợi một thời gian,” ta đáp, “chờ đến thời điểm thích hợp em có thể bỏ đi.”

Sau đó chúng ta lập một kế hoạch. Khi ta đã sẵn sàng bỏ trốn ta sẽ gọi điện cho chàng vào đêm khuya lúc mọi người ngủ cả. Ta sẽ nói một câu gì thật nhanh, đơn giản như là, “ngày mai em sẽ tới.”

Nhưng sau đó cha con, mới lẫm mẫm làm sao, đã gợi ý một cách khác, một cái mã bí mật. Như thế khi đến thời khắc quyết định ta sẽ nói: “Hãy mở cửa, anh có thể nhìn thấy núi,” đó là một câu nói rất cổ điển, có nghĩa là con đã sẵn sàng chộp lấy tất cả các cơ hội, biến chúng thành một cái gì lớn lao, cha con sẽ trả lời như thế này: “Nào hãy đi lên núi!” Sau đó chàng sẽ gặp ta và Đạm Như vào ngày hôm sau ở ngoài cảng, ngay trước cái quầy bán vé đi đảo Tông Minh. Từ đây chúng ta sẽ lên xe đi đến chỗ Peanut.

Trở về nhà ngày hôm ấy, ta nhìn căn nhà bụng bảo dạ, chẳng bao lâu nữa ta sẽ không còn phải cào da cào thịt mình, cố gắng tẩy đi những dấu vết ô uế của hấn ra khỏi người. Ta thấy Đạm Như đang liếc nhìn cha nó, ta tự nhủ, chẳng bao lâu nữa con trai của ta có thể chơi đùa, vui cười mà không phải sợ sệt. Sau đó ta gặp cha ta, lưng còng xuống, ông lê bước trong phòng làm việc. Dường như ta chưa bao giờ trông thấy cha ta yếu đuối như thế. Lúc ấy ta mới nhớ ra, cha ta! Nếu ta bỏ đi, Văn Phú sẽ giết cha ta như một kẻ phản bội. Hấn cũng sẽ sử dụng cha như một thứ vũ khí.

Ta hấp tấp lên lầu đi về phòng mình. Ta bắt đầu tự tra vấn mình. Ta nghĩ ta sẽ buộc cha ta phải vào tù mất. Suy cho cùng, ông đã tự rước họa vào thân. Hãy để cho ông nếm mùi đau khổ.

Sau đó ta nghĩ ra những lí do khác. Ông là người đã xử tệ với mẹ ta, đã từ chối không nhìn nhận ta khi ta còn bé xíu. ông là người đã để mặc ta cưới một con quỷ. Ông không quan tâm đến việc ông đã mang đến cho ta một tương lai đau khổ. Tại sao ta lại phải hi sinh hạnh phúc của ta cho một người cha như vậy? Chẳng hề có tình cảm cha con giữa chúng ta, giữa cha và con gái, giữa con gái và cha. Nhưng tất cả những lí do đầy giận dữ này chỉ làm cho ta cảm thấy mình cũng xấu xa chẳng kém gì Văn Phú. Vì thế ta gạt tất cả những cảm xúc này đi. Ta lặng lẽ bào chữa cho mình: Cha ta đã già, mất trí. Liệu ta có thể đứng ra bảo vệ ông trước Văn Phú không?

Thực ra ta vẫn biết một điều này, những lí do trên không che đậy được một lí do thực sự, ta chỉ còn thấy có một điều: Jimmy Louie. Ta không chối cãi là ta đã phản bội người cha nữa. Ta không đi tìm những cái cớ để biện bạch nữa. Ta không phải làm một lựa chọn mà là hai: Cứu lấy cuộc sống của mình, để cho cha ta chết.

Đó có phải là lúc mà con phải quyết định với cả trái tim mình? Con không phải chỉ lựa chọn cái này trong cái kia. Con chọn cái mà con muốn, con cũng chọn cái mà người khác không muốn, tất cả các hệ quả sẽ kéo theo. Con có thể tự nhủ, không phải vấn đề của tôi, nhưng những lời lẽ đó không xua đi được những rắc rối. Có thể nó cũng không còn là vấn đề trong đời con nữa. Nhưng nó luôn là vấn đề trong lòng con. Ta có thể nói với con rằng chiều hôm ấy khi ta biết điều mình muốn ta đã khóc như một đứa trẻ không thể giải thích tại sao nó khóc. Suốt cả tuần sau ta sống trong đau đớn vật vã. Ta có cảm giác ta đã thực sự mất cha, cũng là một phần con người ta. Ta muốn được vỗ về. Ta muốn cảm thấy mình thật sự khổ sở, bất hạnh. Một buổi chiều, không suy nghĩ gì ta thấy mình đi theo cha sang phòng làm việc của ông. Ta không hiểu tại sao, có thể là ta muốn để cho ông biết bằng một cách nào đó rằng ta rất ân hận.

“Cha ơi,” ta gọi ông. Cha nhìn ta không có biểu hiện gì. Ta ngồi xuống chiếc ghế đối diện với ông. “Cha ơi,” ta lại gọi, “cha có biết con là ai không?”

Lần này ông không nhìn ta. Ông nhìn lên bức tường trước mặt, vào bức tranh cuộn mà ông đã phá hỏng với cái tách trà vào buổi chiều tên sĩ quan Nhật đến.

Bức tranh thể hiện cảnh sắc mùa xuân, những đóa hoa màu hồng phấn nở bung trên những thân cây mọc trên một triền núi, một ngọn núi nhô lên khỏi một cái hồ mờ sương. Phía dưới bức tranh là một thanh gỗ sơn mài đen bóng dùng để giữ cho bức tranh phẳng ra. Con có thể thấy nó là một trong bốn bức tứ bình vẽ cảnh bốn mùa. Nhưng bây giờ, ba mùa kia ra đi, bị Văn Phú bán mất, chỉ còn để lại ba chỗ trống trên tường, giống như những bức tranh ma, con có thể biết tại sao bức tranh này còn ở lại - một vết trà lớn ở chính giữa, như thể cái hồ đã bị lụt. “Thật lạ là có người nào đó lại chỉ muốn ba mùa nhỉ?” Ta nói với ông, “như vậy cuộc đời sẽ không bao giờ trọn vẹn.” Tất nhiên, ông không trả lời. Vì nghĩ cha ta không thể hiểu gì, ta bắt đầu nói những câu vô nghĩa. “Đời con cũng như bức tranh này, không ai cần đến, cũng là một mùa, ngày nào cũng cùng một nỗi đau ấy khó có hi vọng thay đổi.”



Rồi ta bật khóc, “Đó là lí do con phải tìm cách chạy trốn. Con không thể chờ cha tha thứ cho con.”

Cha ta ngồi thẳng dậy. Ông nhìn ta lom lom với một con mắt buồn, một con mắt giận dữ. Ta giật mình khi phát hiện ra điều đó, như vậy ông đã hiểu những điều ta nói. Ông đứng dậy, miệng mấp máy. Nhưng không một tiếng nào thoát ra, ông chỉ trệu trạo nhai không khí với cái âm a a trong họng. Nét mặt ông thể hiện vẻ khủng khiếp, ông vẩy vẩy tay trước mặt, như thể những lời nói tắc trong cổ làm cho ông nghẹt thở.

Cha ta đưa một tay run rẩy ra chạm vào ta. Ông xiết chặt cánh tay ta, ta ngạc nhiên thấy ông vẫn mạnh như thế. Ông lôi ta ra khỏi ghế, đẩy về phía bức tranh. “Con phải làm thế,” ta thì thầm với ông, “cha không biết con khổ đến dường nào đâu.” ông vẩy tay gạt những lời của ta đi.

Sau đó ông thả cánh tay ta. Đôi tay run rẩy của ông đánh vật với cái thanh gỗ sơn mài màu đen. Ta nghĩ ông muốn lấy thanh gỗ ấy đánh vào đầu ta. Nhưng trái lại ông lại rút thanh gỗ ra, đổ ra bàn tay ba thỏi vàng.

Ông đặt nó vào tay ta, rồi chăm chú nhìn ta. Ta cố gắng hết sức để hiểu ông muốn gì. Ta vẫn nhìn thấy hai vệt mắt trên cùng một gương mặt ông rồi cuối cùng ta cũng hiểu ra. Một vệt mặt thể hiện niềm đau khổ, một vệt mặt thể hiện sự giải thoát như thể ông muốn nói. “Con gái ngu ngốc, con gái ngu ngốc, cuối cùng thì con cũng có được một quyết định đúng đắn.” “Con không thể lấy bây giờ,” ta thì thầm, “Văn Phú sẽ tìm thấy. Con sẽ lấy sau, trước khi con bỏ đi.” Cha ta gật đầu, rồi nhanh nhẹn cho những thỏi vàng vào chỗ cất giấu.

Ta đã nghĩ về điều này nhiều lần. Ta không nghĩ rằng cha ta đã nói ông yêu thương ta. Ta nghĩ ông bảo ta rằng nếu ta bỏ người đàn ông xấu xa đó thì có thể hẳn cũng cuốn xéo khỏi nhà ông. Có thể cha ta và những người vợ của ông không còn chịu khổ đau thêm nữa được. Sự ra đi của ta là cơ hội cho họ. Tất nhiên, có thể cha ta cũng nói ông yêu ta một chút.

Buổi sáng hôm sau mọi việc diễn ra thật lạ lùng đối với ta. Mọi người đều xuống dưới nhà ăn điểm tâm: Văn Phú, Đàm Như, cha mẹ hẳn, San Ma và Wu Ma. Người đầy tớ bung ra những tô súp nghi ngút khói.

Nếu con ở đây con có thể nói chẳng có gì thay đổi. Cha ta không có vẻ nhận ra ta. Một lần nữa, đầu óc của ông lại trở nên mờ mịt như làn khói trên tô súp mà ông đang nhìn. Mẹ Văn Phú mở miệng ra là than: súp chưa đủ nóng, súp quá mặn. Văn Phú chỉ chúi mũi ăn không nói. Ta tự hỏi có phải ta nằm mơ những điều xảy ra ngày hôm trước, có phải là ta tưởng tượng ra những thời vàng. Ta rất hồi hộp, nhưng ta đã quyết tâm thực hiện kế hoạch của mình, những gì mà ta đã quyết định đêm hôm trước.

Ta múc thêm súp cho mẹ Văn Phú. “Mẹ ăn nữa đi, ăn nhiều hơn cho khỏe.” Khi bà ta húp súp ta tiếp tục câu chuyện. “Thím Lớn đáng thương quá. Sức khỏe của thím không tốt. Con nhận được một lá thư của thím hôm qua.” Điều đó đúng, ta có nhận được một lá thư, như thường lệ, thím Lớn ca cẩm về sức khỏe của mình. “Có chuyện gì vậy?” Wu Ma hỏi, bà cùng rất lo lắng cho tuổi già của mình. “Thím nói lạnh từ trong xương lạnh ra, khó thở. Thím cảm thấy thím sắp chết đến nơi rồi.” “Bà già này chẳng bao giờ khỏe cả,” mẹ Văn Phú nói bằng một giọng chẳng tử tế gì. “Bệnh vặt của bà ta thì nhiều như cỏ trên mặt đất”

Văn Phú cười ồ đồng tình. “Lần này con nghĩ thím ấy bệnh nặng đấy,” ta nói rồi thêm vào bằng một giọng băng quơ. “Nước da của thím ấy rất xấu khi con tới thăm lần trước. Không nóng. Bây giờ bà nói bà cảm thấy xấu lắm.”

“Có lẽ con nên đi thăm bà ấy.” San Ma nói. “Ừm...m” ta làm bầm như thể ta chưa tính đến chuyện này. “Có lẽ mẹ nói đúng.”

“Con nhỏ này vừa mới đi thăm bà ấy mà!” Mẹ Văn Phú kêu lên.

“Có thể con chỉ ghé thăm thôi. Nếu thím ấy không quá mệt con sẽ về nhà ngay, trong một hay hai ngày.” Mẹ Văn Phú chỉ nói, “Hừm!”

“Tất nhiên nếu thím mệt nặng con sẽ ở lại lâu hơn.” Nhưng lúc ấy người đầu bếp đã bung lên những chiếc bánh bao nóng hổi, thế là mẹ Văn Phú bận rộn với việc bới lông tìm vết, chỉ trích chê bai nên không gây thêm rắc rối nào cho ta nữa.

Con thấy đấy, bà ta không nói có cũng không nói không. Vì vậy ta biết nếu ta rời đây ngày hôm sau, một tay xách vali một tay dắt bé Đạm Như sẽ không ai nghi ngờ hết. Nếu sau ba, bốn ngày ta không về nhà thì cũng chẳng có ai đi tìm ta. Họ sẽ nói, Thím Lớn tội nghiệp chắc là bệnh nặng hơn chúng ta nghĩ”. Chiều hôm ấy trong lúc mọi người đang ngủ, ta lên vào phòng làm việc của cha ta, đóng cửa lại. Ta đi đến bên bức tranh cuộn mùa xuân. Ta lắc cái ống gỗ. Chắc chắn là ba thỏi vàng đang chạy bên trong. Sau đó ba thỏi vàng sáng lấp lánh rơi vào tay ta. Ta biết những điều xảy ra hôm trước là thật, không phải trong trí tưởng tượng của ta.

## 23. THỰC SỰ ĐÚNG LÀ CỦA ANH

Ta không còn giữ bức ảnh nào khi còn là một thiếu nữ lúc mới cưới Văn Phú. Ta đã vứt hết đi. Nhưng cha con có một cuốn album. Ông chụp hình ta nhiều, rất nhiều. Nhìn xem nó đây như thế nào?

Những tấm hình ở đầu cuốn album là ảnh những phi công Mỹ mà ông biết. Những người phụ nữ này không phải là bạn gái của cha con. Ta nghĩ họ là những người cha con biết trước khi gặp ta. Ta không biết tại sao cha con lại đặt ảnh họ vào trong cuốn album này. Ta không bao giờ hỏi. Có thể đó là những người cha con đặt cho họ những cái tên Mỹ, vì thế họ tặng ảnh cho cha con. Có một câu như thế này: “Thực sự đúng là của anh, Peddy...”<sup>[1]</sup> Cái tên Peddy này là kiểu gì thế này? Cô ta thậm chí không biết phát âm cho đúng cái tên mình nữa. Tiếng Anh của ta chưa tốt, nhưng ta biết là con chỉ nên dùng hoặc là *sincerely* hoặc là *truly*, không thể dùng cả hai từ một lúc. Dù sao thì con có thể thấy, cô ta thậm chí không đẹp. Nhìn vào bức ảnh này, bức này này. Thấy không, có một thời ta cũng rất trẻ. Con không nhận ra điều đó ở mẹ con phải không? Vậy mà đó là điều mà cha con bao giờ cùng nhận thấy ở ta: trẻ trung và xinh đẹp, ông nói.

Thậm chí ngay khi những sợi tóc bạc xuất hiện trên đầu ta, ông bảo trông ta vẫn như dạo nào. Trong những giấc mơ của mình ta bao giờ trông cũng giống như trong những tấm hình này, trẻ trung, xinh đẹp. Lúc nào cũng thế cho đến tận gần đây.

Nhưng trong lần sinh nhật vừa rồi của mình ta có một giấc mơ rằng cha con chưa chết ông sống ở một góc nào đó, chỉ quên không nói cho ta biết. Đầu tiên ta giận lắm. Sao ông có thể để cho ta đau khổ thương nhớ vì chuyện không đâu như vậy. Nhưng rồi, ta quên đi nỗi giận, ta trở nên sung sướng. Ta chuẩn bị để gặp ông. Sau đó ta nhìn vào trong gương. Ôi dà! Cái gì thế này? Sao mà mi lại già như thế Bóng ta nhìn lại ta nói, “Đây là lỗi của ngươi. Ngươi đã quên tuổi tác.” Và bất thành linh ta cảm thấy mình già

thật sự. Bất chợt ta nhận ra mọi người nhìn ta như thế này, già hơn là ta nghĩ, 75 tuổi.

Dù sao thì vào năm 1946 ta vẫn trẻ đẹp.

Nhìn tấm hình này, nụ cười của ta, đôi mắt trẻ trung của ta. Bức ảnh này không thật đẹp nhưng nó có một ý nghĩa đặc biệt. Cha con chụp tấm này có lẽ một tháng sau khi ta bỏ chạy. Ngày ấy chúng ta đang đi dạo trong công viên và cãi cọ với nhau, đó là bởi vì mẹ Du nhỏ muốn đưa ta và Đạm Như rời khỏi Thượng Hải. Bà biết một vài người ở Thiên Tân, những người tốt có thể che chở cho chúng ta cho đến khi ta li dị xong.

Cha con nói, “Đừng đi, đừng đi.”

Còn ta nói, “Sao mẹ con em không đi được? Vậy chúng em phải đi đâu?”

“Mẹ con em đến ở với anh.”

Đó là điều ta hi vọng anh sẽ nói. Sống với Peanut và tất cả những người phụ nữ kia chẳng có gì vui cả. Con có nghĩ là bởi vì họ là những người Cộng sản thì họ không bao giờ cãi lộn không? Không phải như thế. Nhưng ta không cho Jimmy biết điều đó.

Khi anh đề nghị ta về sống với anh, ta nói, “Sao chúng ta có thể làm thế?” Ta để cho anh năn nỉ ta một hai tiếng đồng hồ. Nếu có ai đó đề nghị cất đi cho con một gánh nặng con cần phải biết anh ta nghiêm túc chứ không phải chỉ là những lời lẽ lịch sự, tử tế. Lịch sự, tử tế không kéo dài. Sau khi ta biết cha con nghiêm túc trong vấn đề này, ông đã chụp hình cho ta.

Ồ, ta không biết tại sao cha con lại đặt tấm hình này vào đây. Ta bảo ông nhiều lần là lấy nó ra, bức ảnh này không đẹp. Ai lại chụp ảnh ta trong chiếc áo ngủ, tóc tai rối bù như thế này? Cha con nói đó là bức ảnh ông thích nhất. “Winnie và ánh mặt trời thức dậy cùng một lúc,” chàng thường nói. Sáng nào thức giấc ta cũng thấy chàng thức dậy trước ta, ngắm nhìn ta,

và nói thế. Có một bài hát chàng thường hát cho ta nghe, “Em là tia nắng mặt trời của anh,” anh hát thế rất nhiều lần vào mỗi buổi ban mai.

Có thể là không phải lắm nếu ta nói cho con nghe điều này. Nhưng bây giờ ta lại muốn cho con biết một điều về cha con. Chàng ta có thể nói thế nào nhỉ, yêu ta bằng cả trái tim trung hậu. Con biết tại sao không? Khi ta đến sống với chàng, ngay từ đầu chàng đã không hề đòi hỏi ta, chàng rất dịu dàng, biết ta rất sợ chuyện ấy.

Vì thế trong những đêm đầu, chàng chỉ hôn lên trán vuốt tóc ta, nói chuyện với ta, nói đi nói lại rằng chàng yêu ta cho đến khi ta thật hạnh phúc, lơ lửng trôi vào một giấc mơ. Một tuần sau ta bảo chàng là ta sẵn sàng. Ta vui lòng hi sinh để làm cho chàng hạnh phúc. Tất nhiên ta không nói ra như thế, nhưng đó là điều ta nghĩ. Ta nhắm mắt đợi cho những cảm xúc đầy xấu hổ ấy bắt đầu. Nhưng chàng không nhảy ngay lên người ta. Ngược lại, chàng làm những điều chàng vẫn thường làm. Hôn lên tay, lên trán, lên má ta. Chàng không ngừng hôn lên trán ta, vuốt ve lưng ta cho đến khi một lần nữa ta lại trôi vào trong một giấc mơ. Bất thành linh ta nhận ra điều chàng đang làm, không những nó không giống như ta tưởng mà còn là một cảm xúc hoàn toàn khác. Ta mở mắt ra. Ta khóc lên vì sung sướng khi nhìn thấy chàng đang ngắm nhìn ta. Chính chàng cũng khóc vì cùng một niềm hoan lạc giống ta. Sau đó chàng còn vòng tay ôm ta hồi lâu, sợ rằng ta sẽ biến đi. Đó là lí do cha con thích tấm ảnh này. Vào buổi sáng ta vẫn còn nằm đấy. Ta là ánh bình minh của chàng.

Bức ảnh trong trang này là vào lúc ta và Đạm Như đến sống với anh được ba tháng. Đây là phía trước ngôi nhà, ở trước cửa. Người đàn bà đứng cạnh ta là bà chủ nhà cho chúng ta thuê hai phòng trên lầu. Cha con gọi bà ta Lưu “Đại tẩu.” Ở Trung Quốc khi con gọi ai là “Đại tẩu” có nghĩa con là người đáng trọng, một người lịch sự. Ở Mỹ, nếu ai đó nói, “Ê, bà già! Nhìn xem bà đi đâu chứ!” Kẻ đó là người không có tư cách, nhìn vào mặt y chỉ thấy sự đê tiện.

Nhưng trong tấm hình này ta là người hạnh phúc nhất như chưa từng hạnh phúc như thế trong đời. Nhìn đôi mắt ta xem, một nụ cười không thể ngăn chặn được dù chực thoát ra. Cha con cũng như vậy, anh cười vui suốt cả ngày. Mà ngày nào hạnh phúc cũng mỉm cười với chúng ta. Ngày nào đi

làm về anh cũng nhắc bổng ta lên như người ta vẫn làm trong phim. Đạm Như sẽ chạy đến bên anh nũng nịu. “Nâng con nữa, cả con nữa.”. Cha con cũng sẽ nâng bổng nó lên, rồi kêu. “Eo ôi nặng quá. Sao mà con nặng thế?” Anh bảo Đạm Như hít một hơi dài rồi tung nó lên trời như một quả bóng. Rồi cha con tung nó lên cao nữa, cao mãi. Thời gian ấy ta chẳng lo lắng gì về Văn Phú. Peanut đã bảo thím Lớn, thím Nhỏ là ta đang sống với một người đàn ông khác. Tất nhiên họ bảo chú ta, rồi chú lại bảo Văn Phú. Lúc đó Văn Phú cũng có một người đàn bà sống với hắn, một người sắp sinh con cho hắn. Vì thế ta chắc rằng Văn Phú sẽ sớm giải phóng cho ta. Thậm chí cả cha mẹ hắn cũng sẽ bảo hắn làm thế. Tiền bạc của cha ta cũng chẳng còn lại được bao nhiêu để tranh giành. Văn Phú đã làm theo lệnh của chính phủ đổi tất cả vàng, trái phiếu ra tiền giấy. Mỗi một tuần qua đi đồng tiền giấy chỉ còn một nửa giá trị.

May mắn cho chúng ta, cha con được trả lương bằng đô la Mỹ. Nhưng ngay cả khi chúng ta không có tiền thì chúng ta cũng vẫn hạnh phúc, ôi chúng ta mới hạnh phúc làm sao.

Đây là một bức ảnh khác cũng chụp ngày hôm ấy. Ta rửa thêm một tấm nữa kích thước bằng cái ví, gửi cho Huê Lan. Cô ấy, Gia Huy vẫn sống ở Cáp Nhĩ Tân. Ta viết cho cô. “Đoán xem chúng tôi gặp ai? Đoán xem chúng tôi đang sống với ai? Một người nói tiếng Anh và gọi tôi Winnie. Đoán đi, tôi sẽ kể cho chị mọi chuyện nếu chị đoán đúng.”

Trong bức ảnh này con có thể thấy Đạm Như đang chơi đùa với con chó của bà chủ nhà. Có phải con chó này trông giống một con cừu không? Lông quăn, đôi tai nhỏ. Nhưng một phút sau, nó lại biến thành một con chó xấu tính, nó xoi luôn đôi dép lê của ta. Ôi, ta phát điên lên. Bà chủ đền ta đôi dép của bà. Nhưng bà ta lại bị bệnh thối chân vì thế ta chẳng háo hức đi đôi dép đó dù là để tỏ ra lịch sự.

Tất nhiên ta vẫn nghĩ là bà rất dễ thương. Ta nhớ một ngày, khi chỉ có ta và bà, bà kể cho ta nghe về cuộc đời bà. Nhờ thế ta biết bà cưới một người Hoa hiện đang ở Mỹ. Người chồng đã bỏ rơi, để lại cho bà con chó để làm bạn. Ông ta trở về Mỹ, cưới một người khác thậm chí cũng không thêm bận tâm đến việc làm thủ tục li dị. Nhưng ông ta vẫn tiếp tục gửi tiền cho bà. Tuy nhiên bà cũng chẳng quan tâm, “Đó là số phận,” bà nói. Ta nghĩ bà

cũng chẳng buồn bã gì nhiều, chỉ chấp nhận cuộc đời mình theo lối cũ, lối cổ. Nhưng sau đó bà nhắc nhở ta, “Cô cũng phải cẩn thận đấy. Đừng có sa vào số phận như tôi.” Con thấy đấy!

Tấm hình này nom như chụp vào lúc xuân sang. Nhìn những đóa hoa trên các cành cây sau lưng ta này. Bấy giờ tóc ta ngắn hơn, hiện đại hơn. Ô ta nhớ bức ảnh này. Trông ta rất hạnh phúc, nhưng chỉ bởi vì cha con bảo ta, “cười đi”. Thực ra trong lúc ấy ta đang lo lắng. Ta dùng hết hai thỏi vàng để thuê một luật sư giỏi, một luật sư nổi tiếng trên đường Nam Kinh, được biết đến vì sự thông minh, khôn khéo, ông cho đăng một mẫu tin lên báo, nói rằng ta đã li dị từ cái lúc Văn Phú dí súng vào đầu ta buộc ta phải viết, “Chồng tôi đã li dị tôi”. Ngày hôm sau, hai người đàn ông tìm đến văn phòng ông luật sư này đập phá đồ đạc, xé luôn tờ giấy li dị của ta. Ông luật sư vừa giận dữ vừa sợ hãi”. “Chồng cô có phải là gangster không?” ông hỏi, ông không muốn nhúng tay vào vụ này nữa.

Ta bắt đầu nghĩ có thể chồng ta là một gangster. Dì Du cũng nghĩ thế. Ta không hiểu tại sao. Bấy giờ thì đã quá trễ để hỏi bà.

Đây là một tấm hình vui nhộn. Nhìn cái tạp dề mà ta mặc này. Ta đang ở nhà mới của chúng ta, một căn hộ hai phòng trên đường Triều Châu. Cha con và ta đăng kí thuê nhà với tư cách vợ chồng. Đó là một tờ giấy kí ông và bà James Louie. Nhưng ta vẫn kí dưới cái tên khai sinh của ta “Giang Vi Vi”. Cha con chụp tấm hình này vào buổi sáng ngay trước khi anh đi làm. Ta chắc chắn vì ta không muốn ở nhà, phòng khi. Có nghĩa là phòng khi Văn Phú tìm ra chúng ta. Thực ra trong tấm hình này, ta chẳng nấu nướng gì cả, chỉ là giả vờ thôi. Cha con thích những tấm hình tự nhiên không làm điệu bộ gì cả. “Cưng à”, cha con nói với ta - anh bao giờ cũng gọi ta theo cách của người Mỹ - “Baby, hãy mỉm cười nhưng đừng nhìn vào ống kính”. Vì thế con xem bức ảnh này nom rất tự nhiên.

Đây là một bức ảnh khác nữa chụp ta, Đạm Như và cả cái này nữa. Nhìn xem nhiều hình chưa? Nhìn xem nó vui vẻ như thế nào? Mặt nó hơi bị mờ bởi vì nó ngo ngoáy khi cha con chụp ảnh. Con không thể bắt một thằng bé sáu tuổi đứng im khi nó muốn ném một hòn đá xuống mặt hồ.



Bức ảnh này chụp chúng ta đang đứng ở vườn của một ngôi đền. Cái này chụp chúng ta đang chơi ở công viên với một đám rước có hình những con thú như trong phim hoạt hình. Cái này chúng ta đang tựa vào một gốc cây gần hồ. Con không thể nhìn thấy hồ nhưng ta nhớ là có một cái hồ ở đây.

Ta cũng nhớ chúng ta chụp những tấm hình này trước khi gửi Đạm Như lên miền bắc - tới Cáp Nhĩ Tân đến chỗ Gia Huy, Huệ Lan và dì Du. Đó là sau khi bà chủ nhà bảo có hai người đàn ông đến đây tìm ta và Đạm Như. Ta muốn đi cùng với nó, Jimmy cũng muốn đi theo. Nhưng ta quyết định ở lại thêm vài tuần vì ta vừa tìm được một luật sư mới, người lấy nốt của ta thỏi vàng còn lại. Ông bảo ta đã gần đến ngày được cấp giấy tự do rồi nên ta phải ở lại Thượng Hải khi cái ngày ấy đến. Thế là ta ở lại. Ta bảo Đạm Như là ta sẽ đi theo nó ngay khi ta có thể đi được. Tất nhiên nó tin ta. Ta cũng tin là mình quyết định đúng. Ta đang cứu nó.

Đêm khuya hôm ấy khi Đạm Như đang ngủ, chúng ta đưa nó ra ga xe lửa cùng với bà chủ nhà. Bà đồng ý đưa Đạm Như lên phía bắc nơi bà có một người em họ mà bà có thể ở chơi. Nhưng ngay khi lên tàu Đạm Như thức dậy. Nó kêu lên “Mẹ đâu? con thay đổi ý định rồi! Con không muốn đi nữa!” Nó khóc thật to một cách rất thương tâm. Ta nhào đến bên nó, “Sao con có thể làm thế được?” ta nói, “làm mẹ con phải xấu hổ trước mặt mọi người?” Nó vẫn khóc, trái tim bé bỏng của nó tan ra từng mảnh chọc vào trái tim ta. Ta vỗ về nó, “Đừng khóc, đừng khóc nữa. Mẹ sẽ đến với con ngay khi mẹ được tự do”.

Tất nhiên ta nói điều đó một cách rất dịu dàng. Nhưng ta vẫn hằng hối tiếc. Lí ra ta phải ôm lấy nó. Lí ra ta phải khen ngợi nó vì đã kêu lên rằng nó không bao giờ muốn xa ta. Lí ra ta không được để nó đi.

Nhưng hãy nhìn đi. Trong bức tranh này, và bức này, bức này nữa nó rất hạnh phúc. Con có thể thấy điều đó trong cả bức ảnh hơi bị mờ này. Hầu như lúc nào ta cũng làm cho nó sung sướng.

Đây là tấm hình ta chụp với dì Du. Nó được chụp một vài tuần sau khi bà đến Thượng Hải. Mỗi khi nhìn thấy tấm hình này ta đều buồn. Bởi vì ta nhớ cái ngày bà đến, bà đã ngồi đợi một cách kiên nhẫn như thế nào. Ta

nhìn thấy một bà già chậm chạp đứng lên, Tiểu nương - con gái bé nhỏ - bà nói. Ta rất ngạc nhiên, ta rất vui, dì Du lặn lội đường trường từ Cáp Nhĩ Tân đến Thượng Hải. Ta chạy đến chào đón dì, trách dì vì đã không viết thư nhắn cho chúng ta ra đón ở ngoài ga. Lúc ấy mới thấy khuôn mặt dì, miệng mím chặt, nước mắt ứa ra từ khóe mắt. Khi con nhìn thấy một khuôn mặt như vậy, con biết, con biết sẽ có một điều khủng khiếp.

Ta cố đẩy dì ra, ta hét như điên, “Đi đi!, Đi đi!” Jimmy phải vòng tay ôm lấy ta để ta không đuổi bà. Khi bà bảo ta tại sao bà đến đây, ta hét lên, “Làm sao dì có thể nói thế? Dì nghĩ đây là một trò đùa gì vậy? Làm sao có thể nói với một người mẹ là đứa con nhỏ của cô ấy đã chết. Nó không chết! Tôi đã cứu nó. Tôi đã gửi nó đến Cáp Nhĩ Tân”.

Nhưng bà không trách ta. Bà đã đi một chặng đường dài đến đây, biết rằng ta sẽ căm ghét bà. Bà bảo ta bọn Nhật đã nuôi hàng ngàn con chuột với một thứ bệnh kinh khủng. Sau chiến tranh chúng không giết chuột. Chúng thả cho chuột chạy khắp nơi. Hơn một năm sau, thảm họa xảy ra 1 rất nhiều người bị ốm, không có cơ may cứu sống sau đó chết vì một bệnh đại dịch lan rất nhanh bởi chuột và ruồi. Đạm Như bé bỏng đáng thương ra đi trong vòng một ngày mọi việc thậm chí còn tệ hơn thế nữa. Gia Huy cũng qua đời. Ta muốn lao đến Cáp Nhĩ Tân ôm đứa con trai bé nhỏ một lần nữa, để chắc rằng họ không nhầm lẫn. Sau cùng, nó không khóc nhiều. Nó chỉ không thức dậy sau một giấc ngủ dài. Họ đã không biết những điều này về Đạm Như. Nó đã tin tưởng ta biết bao.

Dì Du nói rằng họ đã đặt Đạm Như và Gia Huy vào trong đất đúng ngày họ chết. Thậm chí người ta không thể hình dung điều đó xảy ra như thế nào. Bà nói họ phải đốt tất cả mọi thứ ở trong nhà: quần áo của Đạm Như, đồ chơi của nó, tất cả mọi thứ, để phòng ruồi còn quanh quất đâu đây. Con thấy đấy, ta chẳng có một thứ gì để nắm lấy: dù một hi vọng mỏng manh hay một kí ức. Nó đã ra đi mãi mãi. Mãi cho đến ngày hôm sau ta mới hỏi dì về Huê Lan “Cô ấy đâu? Tại sao cô ấy không đến đây?”

Dì Du nói Huê Lan ở lại Cáp Nhĩ Tân chăm sóc ngôi mộ, cô mang cơm đến cúng hàng ngày, bảo với Gia Huy và Đạm Như là cô hi vọng họ sẽ mập hơn ở thế giới bên kia. “Nó nhất định làm thế, dì Du nói, “nó nói rằng nó sẽ đến Thượng Hải sau, gặp dì ở đây. Nó không có lí do để sống ở Cáp Nhĩ

Tân nữa. Ít nhất thì bây giờ nó cũng đã bình tâm phần nào. Nhưng ngay sau khi họ chết thì thật kinh khủng trong hai ngày nó không thể khóc. Nó bàng hoàng. Nó cứ tự hỏi mình suốt, “Sao họ có thể chết được? Chiến tranh đã qua rồi mà?” Trong suốt hai ngày nó cứ nói hai câu đó luôn miệng, sau đó nó trở nên bận rộn với việc quét dọn nhà cửa. Nó rửa các bức tường, sàn nhà bằng nhựa thông. Sau khi nó đã làm xong, nó viết thư kể cho con nghe một cách nhẹ nhàng như nó có thể những gì xảy ra với Đạm Như.

Nhưng có một câu mà nó không biết viết thế nào, câu “Đứa con thân yêu của chị”. Nó đi hỏi Gia Huy. Nó không tìm thấy anh ấy. Nó gọi anh ấy thật lâu. Dì tìm thấy nó đứng trong phòng ngủ gào lên gọi chồng, những giọt lệ giận dữ giàn dụa trên mặt, “Gia Huy, Gia Huy đừng chết bây giờ, em sẽ làm gì nếu thiếu anh. Làm sao em biết viết câu, “Con trai thân yêu của chị đây?”

Nào bây giờ con có thể thấy ta gầy gò như thế nào trong bức ảnh này. Nhìn xem, chiếc áo len bông thông trên vai ta. Con không nhìn thấy đâu, nhưng chiếc áo len này màu đỏ đậm. Nét hoa văn hình tròn trên ngực và túi áo được đan bằng những sợi len cuốn với chỉ vàng thật. Cha con yêu cầu mẹ mặc áo này để chụp hình. Anh tặng nó cho ta khi ta bắt đầu bước qua tuổi 29, vì thế lúc này là vào đầu mùa xuân 1947. Ta chưa bao giờ được nhận quà sinh nhật trước đó. Người Mỹ, chỉ người Mỹ mới tặng quà vào ngày sinh nhật, người Hoa thì không. Lẽ ra ta phải vui lắm, nhưng ta vẫn còn buồn vì Đạm Như. Ta vẫn tiếp tục lên án mình. Vì thế cha con không bảo ta cười. Ta không cười. Bức hình này rất thật.

Bây giờ con không thấy bức hình nào của ta nữa. Bởi vì ngay sau đó có người nhìn thấy ta đi vào một tiệm uốn tóc, đi ra với hai cảnh sát.

Không có ai biết tại sao ta bị bắt. Họ đưa ta vào nhà tù dành cho phạm nhân nữ nơi có một cái cổng gỗ dày, những bức tường cao, Ngay khi họ đẩy ta vào trong, ta phát ốm. Thật là một mùi kinh tởm - cũng như con dí mũi vào bàn cầu! Một nữ cảnh sát giải ta đi dọc một hành lang dài tối om, qua những cái bàn ghế dài bằng gỗ. Một bên là phòng giam cái này tiếp cái kia. Trong mỗi phòng có năm người đàn bà, những người mà con sẽ sợ gặp phải trên đường phố, mỗi nét mặt hằn lên một câu chuyện khổ ải riêng. Đây là

nơi họ nhốt ta vào, một trong những căn phòng đầy mùi xú uế với bốn người đàn bà khác.

Ta cho những người đàn bà này biết rằng ta đã bị bắt nhầm vào đây. Họ nhìn ta với vẻ thương hại và tò mò, bốn cặp mắt lặng lẽ dán vào chiếc áo của ta, một áo đầm mùa hè dành cho một quý bà. Họ nhìn chăm chăm vào mái tóc, những lọn tóc sáng bóng vừa được gội, chải bởi những người thợ lành nghề. Hầu hết những người ở đều mặc những chiếc áo quần dài bản thiu. Họ có những khuôn mặt, những mái tóc nhóp nhép.

Rồi một phụ nữ cất giọng khàn khàn hỏi, “Ê, em ghé thăm chúng tôi một chút hả?” Mọi người cười, dù không có ác ý. Ta nghĩ họ cho rằng một câu đùa nhẹ nhàng sẽ làm ta thoải mái hơn. Một người phụ nữ trẻ khá nhanh nhẩu nhảy ra khỏi một cái ghế gỗ, nói, “Ngồi xuống đây!” mọi người lại cười ầm lên khi cô ta vội vã kéo quần. Ta nhìn thấy chỗ cô ta ngồi là một cái bàn cầu bằng gỗ ở góc phòng. Cái cầu tiêu này dùng cho đủ mọi việc, chẳng kín đáo chút nào. Con không thể dời cái bàn cầu đi, mà con cũng không thể đặt một cái gì lên, không có chuyện như thế. Mọi người cứ việc tiêu tiểu ở đây giống như một âu súp kinh tởm lớn. Ở một góc phòng khác có một tấm ván mỏng đặt trên sàn, đủ để cho ba người nằm ép sát vào nhau. Chúng ta sẽ thay phiên nhau ngủ, ba người nằm trên chiếu, hai người còn lại ngồi trên sàn xi măng.

Suốt đêm dài ta đứng. Suốt đêm dài ta lo lắng không phải cho ta mà cho Jimmy. Ta hình dung anh đi tìm ta, chạy qua khắp các công viên, nhìn vào tất cả các rạp chiếu bóng. Anh là người tốt, rất biết điều, nhân hậu, nhưng anh không phải là người mạnh mẽ. Anh chưa bao giờ trải qua bất cứ một khó khăn ghê gớm nào. Vì thế mà ta lo lắng. Ta hi vọng dì Du sẽ giúp anh tìm ra ta. Đến sáng, đôi chân ta đã run lẩy bẩy vì kiệt sức. Một cai tù đi đến, gọi tên ta. Ta vội kêu lên, “Đây đây”, ta nghĩ họ sẽ giải thoát cho ta. Nhưng không, người cai tù khóa tay ta lại như thể ta là một tội phạm nguy hiểm, sau đó ta bị đưa lên một thùng xe tải với những người phụ nữ cũng bị còng tay khác tất cả đều có khuôn mặt dữ dằn, như khuôn mặt của dân giang hồ. Có thể họ đưa chúng ta đi ra vùng quê để bắn, không ai biết, chúng ta chỉ giống như những con vật bị trói mang ra chợ, nhảy chồm lên nhau mỗi khi chiếc xe tải đánh một khúc cua.

Rồi chiếc xe tải dừng lại ở một chỗ hóa ra lại là tòa án quận. Khi vào phòng xử án, ta nhìn thấy hấn ngay lập tức: Văn Phú với nụ cười chiến thắng, sừng như điên khi nhìn thấy nỗi khổ nhục của ta: tóc tai rối bời, váy áo nhàu nhò, thịt da ảm cái mùi hôi thối của đêm trước.

Sau đó ta nghe có tiếng xì xào, “Cô ấy đây!” rồi ta nhìn thấy dì Du, Peanut và sau đó là Jimmy, khuôn mặt vừa đau khổ vừa vui mừng của anh.

Sau này ta biết rằng mọi việc đúng như ta hi vọng. Dì Du là người đã đến nhà cha ta, yêu cầu được biết ta ở đâu. Nhờ thế bà biết được việc Văn Phú đã làm.

Quan tòa bảo cho ta biết tội ác của ta. Ta bị kiện vì đã ăn cắp con trai của chồng rồi để cho nó chết, vì đã ăn cắp những món đồ giá trị của gia đình chồng, vì đã phản bội người chồng Trung Hoa để chạy theo một người lính Mỹ mà ta đã gặp trong chiến tranh.

Ta run lên vì giận đến nỗi gần như ta không nói được. “Đó là một sự dối trá, vu khống”, bằng một giọng bình tĩnh ta thưa với quý tòa rằng, “chồng tôi đã li dị tôi rất lâu rồi trong chiến tranh, khi hấn dí súng vào đầu tôi buộc tôi phải kí giấy li dị”. Ta nói ta không ăn cắp bất cứ thứ gì từ nhà cha đẻ, ta chỉ lấy những thứ gì thuộc về ta. “Làm sao tôi có thể bị buộc tội là đã phản bội chồng để đi theo người khác, khi chồng tôi đã li dị, sống với một người đàn bà khác.” Ta nói người đàn ông mà ta đang chung sống là chồng ta. Chúng ta đã đăng kí là vợ chồng.

Ta thấy Jimmy gật đầu, ai đó chụp ảnh anh. Căn phòng ồn lên tiếng xì xào của những người tham dự. Nhiều người trong số này đến đây để xem một cái gì đó hiếm hoi những khán giả trong rạp chiếu phim bởi vì họ chẳng có việc gì khác hơn để làm. Sau này dì Du kể lại cho ta những điều họ nói, “Nhìn cái cô ấy đẹp như thế nào, giống như một ngôi sao điện ảnh”. “Nghe cách cô ấy nói có thể biết cô ấy con nhà gia giáo”. “Người đàn ông mà cô ấy chạy theo trông không giống người ngoại quốc, ai cũng có thể nói anh ta là người Hoa”.

Bây giờ thì Văn Phú tươi cười nói với quan tòa, “Không hề có vụ li dị. Vợ tôi lẫn lộn rồi. Có thể chúng tôi có một trận cãi nhau lâu rồi, tôi nói tôi

sẽ li dị cô ta nếu cô ta không ăn ở đàng hoàng”.

Hắn khiến ta giống như một mù đàn bà ngu ngốc, một người lú lẫn đến nỗi không thể nhớ được là cô ta đã li dị hay chưa!

“Nếu chúng tôi thực sự li dị”, Văn Phú nói, “Giấy tờ đâu, người làm chứng đâu?”

Ngay lập tức dì Du nhảy lên, “Đây, tôi là một nhân chứng, cháu tôi đang sống ở miền Bắc, nó là người làm chứng thứ hai”. Dì Du thật là một người phụ nữ tốt đẹp, lại suy nghĩ rất nhanh nữa chứ. Đó không phải là lời nói láo, hoàn toàn không phải. Bà đã nghe cuộc cãi nhau giữa Văn Phú và ta. Bà đã nhìn thấy tờ giấy. Những người trong phòng đã rất kích động khi nghe dì Du nói thế. Họ trao đổi với nhau bằng một giọng vui vẻ. Văn Phú ném cho dì Du một bộ mặt kinh tởm. Hắn quay về phía quan tòa. “Người đàn bà này không nói đúng sự thật. Làm sao bà ta có thể là nhân chứng, và kí giấy tờ được? Tôi biết người đàn bà này, bà ta không biết đọc biết viết”. Quan tòa có thể thấy qua vẻ mặt sượng sùng của dì Du, điều đó là sự thật.

“Bà có giữ tờ giấy li dị này không?” Quan tòa hỏi ta “Năm ngoái tôi đưa nó cho một luật sư”. Ta nói. “Nhưng sau khi chúng tôi đăng một thông báo lên báo. Người đàn ông này, Văn Phú, đã đến đập phá văn phòng luật sư, xé hết giấy tờ của ông ta, cả giấy tờ của tôi nữa”.

“Nói láo!” Văn Phú gầm lên. Mọi người ào lên một lúc. Ta khẳng khẳng rằng Văn Phú đã bắt ta kí vào tờ giấy. Dì Du nói rằng dẫu dì không đọc được dì cũng biết nó nói gì, “Tôi đã điểm chỉ vào tờ giấy!”

Nhưng bây giờ quan tòa bảo mọi người im lặng. “Trong vấn đề này”, ông tuyên bố, “vì có những ý kiến bất đồng, tôi cần những bằng chứng rõ ràng. Không ai đưa cho tôi xem tờ giấy li dị, vì thế không có cuộc li dị. Vì không có cuộc li dị, người chồng có quyền kiện người vợ ăn cắp tài sản và con trai của anh ta. Người vợ phủ nhận hai hành động này. Vì thế tôi tuyên án Giang Vi Vi hai năm tù giam”. Quan tòa bắt đầu viết điều đó vào một tờ giấy. Mọi người la hét ồn ào. Văn Phú mỉm cười thỏa mãn. Dì Du kêu khóc còn Jimmy và ta nhìn nhau câm lặng. Ta choáng váng không có khả năng suy nghĩ rõ ràng. Ta chưa bao giờ nghĩ ta có thể vào tù vì những lời nói láo

của Văn Phú. Ta nghĩ hắn chỉ muốn làm nhục ta cho ta vào tù một đêm để cảnh cáo. Ta nghĩ ta nằm mơ về tất cả điều này: Một cảnh sát khóa tay ta, một người khác đến chụp ảnh ta, quan tòa đóng dấu đỏ lên tờ tuyên án. Bất thành linh Văn Phú đi về phía quan tòa, nói lớn, “Có thể vợ tôi bây giờ đã nhận được một bài học. Nếu cô ấy xin lỗi tôi sẽ tha thứ, cô ấy có thể về nhà sống với tôi.” Hắn mỉm cười với ta như một đàn ông rộng lượng. Tất cả các cặp mắt dồn về ta, nhìn xem ta sẽ nói gì. Ta nghĩ họ đợi ta quỳ xuống cầu xin tha thứ. Ta nghĩ cả Jimmy và dì Du cũng hi vọng thế. Nhưng chỉ có cảm thù trong trái tim ta, không có chỗ cho niềm hi vọng của họ. Ta không nhìn thấy gì trừ bộ mặt đều giả của Văn Phú đang chờ câu trả lời của ta. Ta có thể hình dung hắn sẽ cười vào mặt ta như thế nào, sau đó hắn sẽ trèo vào giường ta, làm cho ta khổ nhục ê chề mỗi ngày cho đến khi ta hoàn toàn mất trí. “Tôi thả ngủ trên sàn xi măng của nhà giam”, ta nghe mình nói một cách đồng dục, “còn hơn là chung sống một nhà với con người này!” cả phòng xử án ào lên vì ngạc nhiên và tiếng cười. Con thấy đấy, cuối cùng Văn Phú là người bị làm nhục. Sau đó ta ra đi, với mái đầu ngẩng cao, tươi tắn.

Ba ngày sau, dì Du đến thăm ta ở trại giam. Chúng ta ngồi trong một căn phòng thăm tù nhỏ với một nữ cảnh vệ ngồi ở một góc nghe tất cả. Dì Du đặt một gói quần áo lên bàn. Bên trong ta tìm thấy hai bộ đồ lót một cái gói để đựng quần áo sạch sẽ, một cái lược, xà bông, bàn chải đánh răng, tăm, một tượng Phật Bà nhỏ.

“Trải miếng vải ra”, dì Du giải thích, “để có một chỗ sạch trên giường. Đặt tượng Phật lên người để dọn một chỗ sạch sẽ trong tim”.

Sau đó bà mở ống tay áo lôi ra một trang báo lại thành hình vuông, “Xem chúng làm gì này”, bà thì thầm, “nó xuất hiện trên tất cả tờ báo lớn. Jimmy Louie nói chúng đã viết những điều bẩn thỉu xuyên tạc”.

Ta mở tờ báo và bắt đầu đọc. Jimmy nói đúng. Thật kinh khủng. Nó được viết như một vụ xì căng đan rẻ tiền. Mặt ta nóng bừng lên vì phẫn nộ. “Mỗi tình lãng mạn kiểu Mỹ kết thúc bằng cái chết và bi kịch”, ta đọc. Ta nhìn tấm hình chụp ta trông mạnh mẽ như một chiến sĩ cách mạng. “Tôi thả ngồi tù” người vợ yêu điên cuồng hét lên”. Sau đó là bức ảnh Văn Phú, mắt hắn nhìn sang một bên như thể hắn nhìn vào anh ta, giận dữ, chiến thắng

cùng một lúc. “Sự ích kỷ của cô ta đã giết chết con trai tôi”. Người anh hùng Quốc dân Đảng tuyên bố”.

Dưới cùng là một bức ảnh nhỏ chụp Jimmy Louie, anh cúi mặt xuống như thể anh lấy làm xấu hổ. “Người Mỹ nói, “Tôi vẫn muốn cô ấy quay lại”. Ta đọc nữa, tất cả những điều bịa đặt của Văn Phú nói rằng ta từ bỏ cuộc sống đáng kính, quay lưng lại với cha ta, để cho con trai chết. Tất cả chỉ bởi vì ta phát điên lên vì tình dục kiểu Mỹ. Văn Phú biết điều mà những nhà báo này muốn khai thác.

Dì Du nhìn người cai tù có đôi mắt lơ đãng ngái ngủ, “Tiểu nương”, bà thì thầm, “dì là một mẹ đàn bà ngu ngốc. Lẽ ra dì phải ký tờ giấy ấy từ lâu rồi. Dì xin lỗi”, cả hai đều thở dài, chúng ta rất hiểu nhau. Jimmy Louie đâu?” cuối cùng ta hỏi, “khi nào thì anh ấy tới?”. Dì Du nhìn xa xôi, “Ôi cháu gái tại sao ta bao giờ cũng là người đem tin xấu đến cho con?”

Đây là bức ảnh con tàu mà cha con đã đi để quay về Mỹ. Nhìn xem cái gì ở dưới? SS Marine Lynx. Nhìn thấy những cánh cửa sổ tròn phía dưới không? Đây là chỗ anh ở, khoang chung.

Nhìn xem có bao nhiêu người ký dưới bức hình của anh, “Best Wishes, Lý Vĩnh Chân”, “Best Wishes, Mary Imagawa”. “Best Wishes, Raisa Hamsson”, “Kind Regard, Johnnie Ow”, Trong tình thương của chúa, Maxima Aspiru”.

Đây là câu chúc hay nhất, “Jimmy thân mến lúc mới gặp anh em tưởng anh là chàng trai đa tình nhất. Nhưng khi biết rõ anh hơn em cảm thấy tiếc vì đã nghĩ thế, bởi vì anh là một trong những chàng trai tuyệt vời nhất, dễ thương nhất trong chuyến đi. Em thích anh, em mến anh lắm và cô vợ Winne bé nhỏ của anh là một cô gái may mắn khi có một người chồng như anh. Những lời chúc may mắn nhất từ một người bạn thực sự, Mary Moy”.

Cha con nói với tất cả mọi người, kể cả những người lạ trên tàu rằng anh là chồng ta, ta là vợ anh. Anh viết vào tờ hộ chiếu trở về quê hương: có vợ. Dì Du nói với ta điều đó. Bà cũng là người nói với ta rằng cha con không được ở lại Thượng Hải nữa. Sau khi ta bị tống vào tù, Văn Phú chạy đến tòa lãnh sự Mỹ gây khó dễ cho Jimmy. “Nhìn xem người Mỹ các ông



đã làm gì? Phá hoại gia đình tôi!” Hấn chạy đến các tòa báo, nói điều tương tự. Đã có quá nhiều chuyện than phiền về những người lính tình nguyện Mỹ quyến rũ những phụ nữ Trung Hoa trước khi về nhà với vợ.

Thế là những người ở tòa lãnh sự bảo Jimmy đừng gặp ta nữa cho đến khi mọi việc lắng xuống. Nhưng trái lại mọi việc trở nên tồi tệ hơn. Câu chuyện trên các tờ báo tới tấp ra trong nhiều tuần, cứ vài ngày lại có một phần mới được đăng tải, Văn Phú nói cái này, ta nói cái kia, sau đó hấn nói cái gì ta nói cái gì. Lại những tấm ảnh. Những bức ảnh ta ngồi trong tù bên chiếc băng dài với hai mươi phụ nữ khác, bức ảnh Văn Phú và người đàn bà của hấn hai người mặt vênh vado đi dạo với con chó Bắc Kinh! Tấm ảnh Jimmy hồi chiến tranh đứng cạnh các phi công Mỹ, một bức ảnh Đạm Như khi nó còn bé. Lâu lâu báo chí làm cho ta trở thành vừa tốt đẹp vừa xấu xa. Rồi khi ta là một người vô tội, vô duyên vô cớ bị bỏ tù. Di Du bảo rằng. Ta là một người nổi tiếng đối với những cô gái trẻ ở Thượng Hải. Một lần bà nghe hai cô gái trẻ nói chuyện về ta trên xe buýt. Họ nói ta xinh đẹp làm sao, số phận mới thảm thương làm sao.

Nhưng những người ở tòa lãnh sự không quan tâm đến việc ta xinh đẹp hay ta có một cuộc đời bi thảm. Một thời gian sau cha con mất việc, những người ở đây bảo anh về nhà đi, đừng gây thêm rắc rối nữa. Anh không thể gặp ta, anh không thể ở lại, vậy thì anh có thể làm gì? Anh trở về nhà ở San Francisco.

Tất nhiên anh viết thư cho ta, gửi chúng qua Di Du cùng với những đồng đôla Mỹ để Di có thể ở lại Thượng Hải mà chăm nom ta. Di Du vẫn sẽ ở lại dù có tiền hay không. Dù vậy chúng ta vẫn vui vì anh đã làm thế bởi vì tiền Trung Quốc không còn giá trị gì nhiều.

Hàng tháng Di Du đến thăm ta, mỗi lần mang cho ta ba, bốn lá thư của Jimmy. Anh bao giờ cũng nói một điều: dù có chuyện gì xảy ra thì anh cũng sẽ đón ta sau tai năm nữa. Rằng anh bao giờ cũng yêu ta hết lòng, không gì có thể ngăn cản tình yêu của anh, rằng anh cầu nguyện cho ta mỗi ngày, mỗi phút để chúng ta sớm được đoàn tụ bên nhau. Ta nghĩ anh đã cầu nguyện rất nhiều đến nỗi anh trở thành một người mộ đạo. Ta nghĩ đó là lí do anh gia nhập vào giáo hội, trở thành mục sư. Nhưng ta không nghĩ anh nói với mọi người là vợ anh đang ngồi tù, rằng người chồng cũ của cô ta tống cô vào đó.

Điều này nghe chẳng hay ho gì. Những người bạn tù đối xử tử tế với ta. Ta nghĩ những người cai tù và phạm nhân tin ta khi ta giải thích tại sao ta ngồi tù, tại sao lẽ ra ta không phải ở đây. Ta nghĩ họ kính trọng ta vì ta đã không coi thường họ. Ta là người có học, dù bây giờ ta cũng như bọn họ. Một cô nói, “Nếu em có được tính cách của chị, em sẽ không phải ngồi ở đây”. Một cô gái khác lúc nào cũng giặt quần áo cho ta dù ta không nhờ, đó là tự cô muốn giúp. Ta cũng giúp đỡ họ. Ta nhờ di Du mang đến cho ta một miếng gỗ để ta có thể đập lên bàn cầu để giảm bớt mùi hôi thối. Ta bao giờ cũng tìm ra cách làm cho phòng giam sạch sẽ, không còn rệp trên giường. Khi các cô yêu cầu ta dạy chữ cho họ, ta bảo di Du mang vào cho ta phấn, báo chí cũ để chúng ta có thể tập viết. Sau khi chúng ta đã làm xong bài tập, chúng ta xé những tờ báo thành từng mảnh để dùng làm giấy vệ sinh.

Ta cũng dạy họ cách ăn nói, đi đứng làm sao cho đúng cách, như ta đã dạy cô ca sĩ - vũ nữ Minh ở Côn Minh. Ta đã kể cho con nghe về chuyện đã xảy ra với cô chưa nhỉ? Ôi, thật đáng buồn. Một hôm, trong khi xé những tờ báo cũ ta chợt nhìn thấy hình cô. “Cô Vàng Anh”, bài báo viết, “chết ở tuổi 33”. Ta rất ngạc nhiên khi nhìn thấy ảnh cô, ta cũng ngạc nhiên khi biết cô dùng cái tên mà ta đã đặt cho cô. Ta cũng ngạc nhiên khi biết tuổi cô. Bây giờ khi ta tìm lại cô, ta rất buồn vì biết cô đã chết. Cô trở thành một ca sĩ ở một phòng trà nổi tiếng ở Thượng Hải, cô cũng không nổi tiếng lắm chỉ được biết đến chút chút thôi. Nhưng người ta đưa hình cô lên báo bởi vì cô chết rất bi thảm, trong một đêm đông giá rét.

Cô đi bộ trên bến cảng, mặc một chiếc áo dạ hội sang trọng, không bao tay, không áo khoác. Người ta chăm chăm nhìn cô, những người phu khuân vác, những người đánh cá. Rồi cô cất tiếng hát. Người ta nghĩ cô thật là điên nhưng cuối cùng họ vỗ tay vì lịch sự. Cô cúi chào, vẫy tay trong khi lùi lại như cô vẫn làm trên sân khấu. Cô mỉm cười, cảm ơn. Rồi cô nhảy qua thanh rào chắn lao mình xuống dòng sông buốt giá đêm đông.

Nhà báo nói, theo một người quen của cô, có một chuyện gì đó làm tan nát trái tim cô, không nói rõ là chuyện gì. Nhưng đọc bài báo, tự ta biết. Một lần ta nghĩ cô cũng giống như ta chỉ có điều là mạnh mẽ hơn. Nếu điều đó đúng thì điều gì sẽ xảy ra cho ta?

Ta nghĩ về điều đó trong rất nhiều ngày.

Thực ra, ta nghĩ về nhiều chuyện. Ngày ngày ta ngồi trên những chiếc ghế làm việc với những người phụ nữ khác. Chúng ta làm việc tám tiếng một ngày, không có ngoại lệ. Chúng ta làm những hộp diêm nhỏ, cắt, gấp, dán, mỗi một việc cứ làm đi làm lại mãi. Trước khi vào tù ta chưa bao giờ nghĩ một ai đó phải làm những chiếc hộp này để cho diêm vào. Ta chưa bao giờ nghĩ một vật nhỏ nhoi chẳng ra gì lại là sự hành hạ đối với một ai đó. Công việc thật nhàm chán. Vì thế ta cố nghĩ ra một cách để làm những chuyện đó, gấp nắp hộp trước sau đó dán lại hoặc có thể xếp chúng theo một kiểu bất kì nào để giữ cho đầu óc ta bận rộn. Khi trí óc của con không có gì để tập trung thì là lúc các ý nghĩ xấu xuất hiện. Ta nhớ một lần ta nhận được một lá thư của Jimmy. Ta dừng tay trong vài phút để đọc to lá thư cho các bạn tù làm việc cùng một ghế với ta nghe. Họ bao giờ cũng cảm thấy hứng thú khi ta nhận được một lá thư máy bay đặc biệt, bởi vì họ thậm chí chẳng bao giờ nhận được một lá thư thường. Tất nhiên cũng bởi vì họ không biết đọc. “Cô vợ bé bỏng thân yêu của anh”, ta đọc, tất cả các cô gái thờ dài! Tiếp đó ta đọc cho họ nghe những điều quen thuộc.

Anh yêu ta nhiều như thế nào, các cô cười ngặt nghẽo. Anh cầu nguyện cho ta hàng ngày như thế nào, họ thờ dài xao xuyến. Anh nghĩ đầu anh sẽ bốc cháy về học hành quá nhiều, họ cười khúc khích.

Vui biết bao nhiêu khi học những vũ điệu dân gian. Ta dừng lại. Những bài học nhảy! Những cô gái này không nói gì, họ quay về với công việc của mình. Ta nhìn những ngón tay thô ráp sần sùi của mình. Ta hình dung cảnh Jimmy nắm bàn tay mềm mại của một cô gái đẹp. Làm sao anh có thể vẫn yêu ta trong lúc lại đi nhảy với một cô gái khác? Làm sao anh có thể nhắm mắt lại cầu nguyện cho ta trong khi anh quá bận rộn với việc vỗ tay, đập chân. Rồi ta hình dung rằng anh viết anh có vợ trong tờ hộ chiếu, có nghĩa là anh đã cưới một người khác chứ không thể là ta. Chẳng bao lâu sau, Jimmy đã khiêu vũ nhanh hơn, nhanh hơn trong đầu ta, một, hai, ba, từ hành lang một nhà thờ sang vòng tay của một người vợ mới!

Những suy nghĩ như thế bò vào trong óc ta, ta bị kẹt với những ý nghĩ đó, không có cách gì xua đuổi chúng. Ta chẳng biết làm gì ngoài việc chờ đợi, xem xét, chờ đợi và xem xét. Ta nghĩ có thể là ta đã chờ đợi một cách uổng công. Nhưng sau đó ta chống lại cái ý nghĩ hắc ám này, bám vào

những kí ức vui vẻ, Jimmy ôm ta trong vòng tay anh đêm đêm, không bao giờ để ta đi.

Ta chẳng có khách đến thăm nhiều ngoài dì Du. Thím Lớn, thím Nhỏ chẳng có tiền để đi thăm ta thường xuyên. Peanut chỉ đến thăm ta một lần sau đó cùng mẹ Du nhỏ biến mất vào một đêm nào đó. Tất nhiên cha ta không đến. Thậm chí ông không biết ta đang ở tù nữa. Ta nghe nói rằng bây giờ ông không ngừng mơ mộng. Trí óc của ông ấy ở đâu đâu ấy. Ông nằm trên giường, mở mắt, nhắm mắt như không có chuyện gì xảy ra.

Nhưng một hôm, San Ma và Wu Ma đến thăm ta. Ta rất ngạc nhiên khi nhìn thấy họ. Nhưng rồi ta thấy họ bận đồ trắng, ta hiểu tại sao những người vợ của cha ta lại đến đây.

“Chết rồi ư?”

San Ma gật đầu còn Wu Ma thì nhìn đi chỗ khác. Cả hai bắt đầu khóc. Ta cũng khóc. Ta nhớ cái ngày cha ta đã cho ta những thời vàng.

“Ông ấy chết với đầu óc sáng suốt”, Wu Ma nói.

“Cuối cùng ông ấy đã trở nên mạnh mẽ”.

Ta gật đầu. Đó là những lời tốt đẹp người ta vẫn dành cho người quá cố. Ta cảm ơn họ đã đến thăm ta, cho biết tin này.

Nhưng San Ma lại nói, “Đúng thế đấy. Một điều rất lạ lùng xảy ra trước khi cha con chết. Đầu óc ông trở nên minh mẫn”.

“Đó là một phép lạ”, Wu Ma nói.

“Hoặc có thể là ông ấy lừa chúng ta trong suốt những năm qua”, San Ma nói, “giả vờ không nói được. Cha con rất buồn bực trong những trường hợp như thế”.

“Một phép lạ, tôi nghĩ thế”, Wu Ma khẳng định.

“Chuyện xảy ra như thế này”, San Ma nói. “Ta vào phòng ông ấy năm ngày trước, vào buổi sáng như thường lệ. Ta cố bón cho ông ấy món cháo lúa mạch, như mọi ngày. Ông ấy không ăn nhiều. Hàng ngày ta phải cố đầu tranh để cạy miệng ông ra đổ vào một chút cháo. Thực thể, ông ấy còn nhõng nhẽo hơn cả một đứa trẻ, không chịu ăn, làm bẩn hết cả giường. Sáng hôm ấy ta quá tuyệt vọng, ta kêu lên, “Lạy đức Phật Bà xin Người mở miệng ông ấy ra!”

Bất thành linh ông mở mắt nhìn ta với ánh mắt hiểu biết. Ta nghĩ là ông ấy có thể hiểu mình. Ta bảo ông, “Ăn một chút đi, ăn đi, ăn đi!” Ông nhìn ta rồi nói, “Vậy thì hãy cho tôi cái gì ngon lành hơn”. Như thế đấy, những lời ấy bật ra! Vậy mà trong bảy năm ông ấy không nói một câu. Ta chạy ào xuống cầu thang nhanh như đôi chân già có thể chạy được. Wu Ma gật đầu, “Bà ấy nói với ta, ta đâu dám tin”. “Chị nằm mơ thôi, cũng giống như ông ấy”, ta đã nói như thế đấy, chính xác.

“Ta bảo với người đầu bếp” San Ma nói tiếp, “lúc ấy bà Văn cũng nghe thấy, bà ta muốn biết chuyện gì đã xảy ra. Thế là mọi người kéo nhau lên lầu, mang bánh bao nhân thịt, bánh ngọt, một tô mì, phòng khi ông muốn ăn. Khi ta bước vào phòng, ồ – ông ấy đang ngủ. Ta lại bảo bà ấy”, Wu Ma tiếp, “chị chỉ nằm mơ thôi”. Chợt ta nhìn thấy một cái cửa sổ mở, một ngọn gió mạnh thổi từ ngoài vào phòng. “Tại sao cửa lại mở?” Ta nói rồi lại gần đóng cửa sổ lại, ông liền thức dậy nói, “Cứ để cửa mở?”

“Chúng tôi há hốc miệng như cái cửa sổ mở”, San Ma tiếp lời, “Ta đưa cho ông cái bánh, ông ăn ngay. Người đầu bếp đưa cho ông một miếng bánh ngọt. Ông cũng ăn. Bà Văn chạy xuống cầu thang gọi chồng, con lên xem. Rồi họ kéo nhau lên”.

“Chúng ta tất cả đều chứng kiến”, Wu Ma nói. “Cha con nhìn quanh phòng, cau mày với mọi người đứng quanh. Ông nói “Cái phòng này trở thành cái gì vậy? Tại sao trông nó nhếch nhác thế? Những bức tranh của tôi đâu? Thảm của tôi đâu?”

“Ông ấy lại trở về con người ngày xưa”, bây giờ San Ma hào hứng tiếp, “kiêu hãnh, nhiều ý kiến”. Wu Ma gật đầu, “Ta bảo ông, “Tất cả mọi thứ đều thay đổi. Chẳng còn được bao nhiêu tiền để sang sửa”. Ông nói, “Sao

lại không còn tiền?” Ta đáp, “Tiền mất giá dữ lắm. Ai cũng thế cả, không chỉ chúng ta. Tiền giấy ngày càng mất giá”.

Ông nói, “Tôi không nói tiền giấy. Vàng, vàng, biết chưa đồ ngốc!”

San Ma vỗ tay vào nhau, lúc ấy đoán xem chuyện gì xảy ra? Ngay lập tức, Văn Phú hỏi, “Vàng nào ta, ở đâu?” Cha con nhìn Văn Phú như thể thằng con rể của ông chỉ là một cái đầu gỗ. “Ở đây”, ông nói, “trong nhà này, tất nhiên. Những thỏi vàng dày như ngón tay của mi ấy, nặng như mi ấy”.

“Ồ! Làm gì có vàng trong ngôi nhà này”, Văn Phú đáp. Cha con nói với nụ cười nhạo báng. “Đó là vì mi không biết nơi ta cất nhiều năm trước, ta đã giấu nó”. Sau đó ông gãi ngực, “Để ta nhớ coi sau bức tường nào? Dưới sàn phòng nào?” “Ôi chao”, Wu Ma nói, “ngay lúc đó chúng ta biết việc cha con đang làm. Chúng ta đã chứng kiến kiểu cách này của ông nhiều lần rồi, rất cừ. Ông lôi ra một đầu sợi dây rồi cứ kéo, kéo mãi. Cho đến khi Văn Phú nhảy tồm vào bẫy. Khi Văn Phú nhảy lên hỏi,” “Ở đâu? Ở đâu?” cha con xua hắn đi. “Ta mệt lắm, quay lại đây vài tiếng nữa ta nói cho mà nghe”. Rồi cha con nhắm mắt lại, quay về với những giấc mộng của mình.

“Văn Phú đã làm gì?” Wu Ma hỏi, “hắn lắm bả, “Lão già này điên rồi!” nhưng chúng ta thấy cha con nó xuống dưới nhà. Chúng ta nghe tiếng họ đập tường, sàn nhà để tìm vàng”.

“Ba tiếng sau”, San Ma nói với giọng run rẩy, “chúng ta lên trên phòng cha con nhưng ông đã đi. Thật đau lòng! Ta lay ông hồi lâu, hỏi, “Cái gì thế này! Ông chỉ đến thăm chúng tôi một chút lại vội vã ra đi, không đoái hoài đến mẹ vợ già này của ông ư?”

“Chúng ta khóc rất thảm thiết”, Wu Ma tiếp lời, “còn Văn Phú, nó rất độc ác, độc ác đến mức không tin được! Cha con vẫn còn nằm đấy, thân thể vẫn còn ấm mà nó đã bắt đầu phá nhà ngay chỗ ông nằm. Thật là xấu xa!”

“Bây giờ”, San Ma nói, “sau năm ngày, tất cả những bức tường, sàn nhà trong phòng ngủ của cha con đều bị cạy lên. Văn Phú sẵn sàng làm thế với các phòng khác.”

“Chúng ta chẳng thêm quan tâm đến những việc xảy ra trong ngôi nhà này”, Wu Ma thủng thẳng nói. “Nó có giạt cả ngôi nhà đổ xuống chúng ta cũng không quan tâm. Ngày mai chúng ta sẽ rời khỏi đây đi Yên Thái sống ở nhà em trai ta. Cậu ấy đã đề nghị như thế và chúng ta nhận lời”. Bà kết thúc với một vẻ thỏa mãn trên mặt. Hai người vợ của cha nhìn ta chờ ta nói gì. Bao nhiêu cảm xúc chạy nháo nhào trong ta: đau khổ vì cha chết, căm thù Văn Phú, nỗi buồn phải xa San Ma, Wu Ma. Tất cả chúng ta mới yếu đuối, vô phương hi vọng làm sao.

“Ồi!” ta thốt lên, “cái chén đắng cay này thật là khó nuốt. Chẳng còn gì để lại trong lúc các mẹ tuổi già sức yếu. Thật đáng buồn. Tất cả vàng bạc của chúng ta rơi vào tay một người xấu như thế. Thật dễ sợ”. San Ma cau mày, “Chẳng có vàng bạc gì trong nhà này. Con có nghe chúng ta nói gì không? Chúng ta biết cha còn mà. Tại sao ông lại để vàng cho kẻ mà ông ghét. Ông thức dậy để lại cho Văn Phú một lời nguyên”.

“Nhưng căn nhà bị phá hủy chẳng vì cái gì!” Ta kêu lên.

“Chẳng vì cái gì ư?” San Ma nói. “Con nghĩ là chúng ta không đau khổ khi phải sống chung với Văn Phú sao? Con nghĩ là chỉ có con là người bị hấn hại sao? Bây giờ thì cha con để cho hấn chạy mòng mòng. Bây giờ thì hấn đuổi theo giấc mơ của cha con. Bây giờ thì ngôi nhà này sẽ đổ sập lên đầu hấn. Không phải là không vì cái gì đâu!”

Đây là bức điện ta gửi cho cha con hỏi xem ta có thể đến Mỹ, trở thành vợ anh không? Con xem anh đã giữ gìn nó, anh đã vui sướng khi nhận được nó như thế nào. Nhưng bức điện anh trả lời ta thì không có ở đây.

Bây giờ ta sẽ trả lời con tại sao. Đó là điều ta đã phải sợ hãi khi nói với con. Đó là điều mà bao giờ ta cũng muốn quên đi.

## 24. ƠN HUÊ

Một hôm dì Du mang đến cho ta một ngạc nhiên – Huê Lan đến và mang một đứa con trong bụng. Ta khóc thật vui sướng khi được gặp lại cô. Cô cũng khóc vì buồn khi gặp ta trong tù. Đó là tháng Hai năm 1949, sau khi ta vào tù được hơn một năm. Chúng ta vẫn thư qua từ lại, năm lá thư về phía ta, ba lá thư từ Huê Lan. Cô bao giờ cũng xin lỗi, nói rằng từ ngày Gia Huy chết cô cũng chẳng biết viết thư cho ra hồn. Nhớ điều dì Du bảo ta về nỗi đau khổ của Huê Lan, ta cũng chẳng phàn nàn về những lá thư đến thật chậm, thật quá rối rắm. Trong lá thư cuối cùng, cô nói cô có một điều quan trọng muốn nói với ta – cô không nói rõ là cái gì – chỉ nói rằng cô rất hạnh phúc, cô hi vọng ta cũng thế.

Đây là cái tin của cô – cô đã tái giá – một người đàn ông tử tế tên là Quảng Anh. Đó là tên của dượng Henry Công.Ồ, lúc đó ông khác bây giờ lắm: một cái bụng thon, phẳng phiu bây giờ là cái bụng to bự, nhiều tóc đen trên cái đầu hói bây giờ, cặp kiềng của anh không quá dày. Ta không thể nói là anh đẹp trai nhưng anh rất dễ thương, cung cách nói năng rất dễ chịu – Helen có thể kể cho con nghe họ gặp nhau như thế nào sau khi Gia Huy chết. Dì ấy sẽ bảo con đó là tình yêu sét đánh. Có thể là phía anh ta. Còn ta nghĩ Huê Lan là người có đầu óc thực tiễn. Cô ta thấy có cơ hội, bèn vội vàng đón lấy, chẳng có gì sai trái trong chuyện này.

Ta nói như thế bởi vì ta biết Huê Lan yêu Gia Huy như thế nào. Cô dành cho anh một tình yêu đậm thắm cũng như tình yêu mà ta dành cho cha con. Ta nghĩ cô chỉ buồn vì Gia Huy đã không có một tình cảm như vậy dành cho cô. Cô đã có một tình yêu lớn dành cho anh còn anh thì tình cảm ấy dần dần mới trở thành tình yêu. Nhưng còn Quảng Anh thì anh say cô như điều đồ. Bất cứ điều gì cô muốn anh đều chiều theo. Cô bảo anh giúp ta ra khỏi tù. Anh là một sĩ quan quân đội ở phía Bắc nhưng bây giờ Cộng sản đã chiếm đóng phía Bắc, đuổi tất cả những người phục vụ quân đội Tưởng Giới Thạch đi. Thế là anh và Huê Lan đến Thiên Tân, khi thành phố này bị



chiếm nốt thì họ đến Thượng Hải. Anh có một người bạn học ở đây, người này có một địa vị quan trọng, nắm giữ về giáo dục ở thành phố này. Nhân vật này có rất nhiều mối quan hệ với giới chức chính quyền: luật sư, quan tòa, cảnh sát. Huệ Lan nói rằng Quảng Anh chỉ cần nói một câu với ông này, câu đó sẽ được truyền qua từ người này đến người khác cho đến khi ta được trả tự do.

Ta tin cô. Ta không tìm hiểu có thật Quảng Anh quan trọng như vậy không? Có thật bạn anh lại sẵn sàng nghe anh? Khi con ở tù, một ai đó hé lên cho con một tia hy vọng, con sẽ chớp lấy. Con không quan tâm đến việc nó ở đâu mà ra.

Ta ở tù thêm hai tháng nữa, một ngày có một người đến tìm ta, nói “Giang Vi Vi, chị được tự do”. Thế thôi, ta không hỏi gì cả chẳng có ai giải thích điều gì cho ta. Ta nắm tay từng người bạn tù. Ta mong ước cuộc sống của họ sẽ tốt đẹp hơn. Khi ta định nói nhiều hơn, họ xua ta, bảo ta phải nhanh chân kéo lỗ vận may của ta lại biến mất.

Trước khi ta ra cổng, một nhân viên quản giáo đưa cho ta một tờ giấy bảo ký và ta có thể ra về. Trong tờ giấy ấy, ở cái đoạn nói rằng ta được giải phóng, một ai đó đã ghi vào: “Xử sai”. Con có thể hình dung ta cảm thấy như thế nào không? Hơn một năm trời ta ngồi tù chỉ vì một nhầm lẫn. Ta hạnh phúc, phát khóc lên vì tự do. Ta cũng rất giận dữ nữa. Dì Du đang đợi ta ở bên ngoài. Chúng ta đi lên xe buýt – chúng ta đi về nhà – về căn hộ đã sống chung với Jimmy. Trên đường về ta nhìn thành phố với biết bao thay đổi. Ngân hàng, cửa hiệu, trường học, nhà hàng – bao nhiêu chỗ bị đóng cửa. Nhiều chiếc xe hơn chạy trên đường, đầy những người, đồ đạc, lèn chặt đến nỗi quần áo thò cả ra ngoài cửa xe.

Người ta thường nói rằng ngày ngày có hàng trăm, ngàn người nườm nượp đến, đi trên đường Nam Kinh này. Cái ngày ta ra khỏi tù, phải có đến hàng trăm ngàn người đẩy những chiếc xe với một sự kết hợp lạ lùng của mọi vật, bao gạo với áo khoác lông chồn, hoặc đại loại như vậy. Dì Du nói rằng tất cả bọn họ đều chạy ra ga xe lửa hoặc ra bến tàu để bỏ đi Quảng Đông hay Hồng Kong trước khi quân Cộng sản đến.

Huê Lan đang nấu cơm thì ta về đến nhà. Cô chạy ra, vỗ vào đôi má gày gò của ta và bảo: “Có thể tài nấu nướng của em không bao giờ bằng của chị. Nhưng hôm nay em nghĩ chị sẽ có một bữa ăn ngon hơn tất cả những bữa chị đã nếm trong những ngày qua.” Chồng mới của cô đưa ta đến ghế sofa bảo ta nằm nghỉ một chút. Ta hết lòng cảm ơn anh.

“Quảng Anh, nếu không có sự giúp đỡ của anh”– Anh gạt đi. “Không cần nói gì hết”.

“Chị đã ở đây”, anh đáp. “Đó mới là vấn đề. Những chuyện khác đã qua rồi”. Quả vậy, anh rất lịch sự. Vì thế ta cũng lịch sự một cách kệt cớm. “Tôi biết là có nhiều rắc rối. Tôi bao giờ cũng mắc nợ anh. Nếu anh có bao giờ cần đến sự giúp đỡ từ người bạn Giang này, xin anh đừng ngại. Mỗi lần tôi có thể làm gì cho anh, là chỉ cộng thêm vào niềm vui của tôi thôi”.

Mặt anh đỏ dừ lên. Thật khiêm tốn, ta nghĩ. Bây giờ thì Huê Lan cất tiếng véo von như một con chim đang cao hứng. “Em đã nói chị nghe chưa? Chỉ một lời, đó là tất cả điều Quảng Anh đã làm. Anh ấy biết nhiều người, toàn là những người quan trọng. Tất nhiên em phải giục giã anh. Tại sao lại để chậm trễ. Hãy giải phóng cho chị ấy, nhanh lên”. “Đừng nói nữa”, dì Du nói. “Đi ăn thôi, cô bé này gây đến nỗi gió thổi bay”. Điều đó đúng. Ta sụt ít nhất là bốn, năm kí so với năm ngoái, lúc đó ta rất gầy.

Bữa ăn đón mừng ta trở về rất đơn giản: rau dền luộc với nấm đen nhỏ cắt búp, trứng chiên với món thịt heo, cá chỉ vàng chiên, canh đầu cá. Chỉ có thể, ba món canh cho bốn người ăn, khẩu phần cho một người rất ít. Ta nghĩ dì Du hiểu cái nhìn của ta khi món cuối cùng nhanh chóng hết.

“Bữa ăn này rất đặc biệt”, bà giải thích.

“Ồ!” Ta an ủi. “Mọi thứ đều ngon quá mức tưởng tượng”.

“Phải, nhưng dù sao con cũng nên biết, chúng ta chưa bao giờ được ăn như thế này nhiều tháng rồi”.

“Tiền giấy bây giờ như giấy lộn”, Huê Lan nói. “Nếu chị mua một bao gạo – có thể chị phải trả đến 6 triệu đồng tiền mới. Thật quái gở! Tiền bây giờ cân nặng hơn gạo!”

“Vậy thì làm sao mọi người có tiền mua thức ăn tối nay?” ta hỏi.

“Dì bán một chiếc vòng ngọc thạch nhỏ”, dì Du nói, khi bà thấy cái nhìn sửng sốt của ta, bà nói thêm. “Chỉ có cách ấy. Đó là tất cả những gì chúng ta có thể giữ. Đó là những vật duy nhất con có thể dùng để trao đổi. Nếu họ biết con dùng vàng hoặc đô Mỹ trên đường phố, con có thể bị giết. Bọn Quốc dân Đảng sẽ bắn vào đầu con. Khi quân cách mạng đến họ cũng có thể làm thế”.

“Chúng ta không còn tiền à?” ta hỏi dì Du. “Dì không nói thế. Dì nói rằng không nên để họ biết là con trao đổi trên đường phố bằng vàng, đôla. Chúng ta vẫn còn một ít vàng từ số tiền con gửi trong nhà băng. Chúng ta vẫn còn gần 200 đô, tiền của Jimmy Louie. Ngoài ra chúng ta vẫn còn vòng vàng, nhẫn, một số thứ khác như bông tai chẳng hạn. Vì thực tế ra chúng ta vẫn còn may mắn”. Lúc đó ta bỗng nhớ ra “Có lẽ chúng ta thậm chí vẫn còn may mắn hơn” ta nói. “Vali của con đâu?” chúng ta đi vào phòng ngủ, ta mở vali, lôi cái đáy ra. Ta đã giấu khéo đến mức ta cũng gần quên mất. Nhưng mà đây: 10 đôi đĩa bạc, với sợi dây xích nối từng đôi lại.

Huê Lan và Quảng Anh bây giờ sống với chúng ta trong căn hộ mà ta từng sống với Jimmy. Họ ngủ trong phòng khách. Ta ngủ chung giường với dì Du. Đêm đầu tiên, ta không nghĩ là ta có thể ngủ được. Ta nhớ về quãng đời mình cũng trong căn hộ này chỉ hai năm về trước, khoảng thời gian hạnh phúc với Jimmy Louie và Đạm Như. Nhưng chỉ một lúc sau, dường như dì Du lay ta tỉnh dậy. Trời đã sáng, bà cười vì ta đã nằm ép sát vào tường, như ta vẫn thường ngủ trong tù.

Sau bữa ăn sáng, ta tặng Huê Lan một món quà, một đôi bông tai. Ta đặt chúng cạnh đĩa ăn của cô. Chồng cô từ chối cầm lấy.

“Không, không!” Anh nói, “Không cần cảm ơn như vậy. Lấy lại đôi bông tai này đi. Không cãi cò về chuyện này nữa”.

Ta giả vờ không nghe anh nói gì. “Thử đi”, ta bảo Huê Lan. “Tôi chỉ muốn nhìn xem chị đeo như thế nào”. Huê Lan do dự – chỉ năm giây thôi – rồi đeo chiếc vào tai.

Con có biết đôi bông tai ta đang nói không? Cái đôi mà dì Helen đeo vào những dịp long trọng ấy? Chúng có cái dáng rất đẹp hai nửa miếng ngọc thạch bọc vàng. Chúng ta gọi đó là ngọc bích hoàng gia. Con không dễ gì kiếm được cái màu xanh ấy đâu, cực hiếm, ngày càng có giá. Ta đã cho cô đôi bông tai ấy vì đã giúp ta ra khỏi tù. Đoán xem sau đó là chuyện gì? Khi dì Du và ta đi chợ ngày hôm ấy, bà nói với ta, “Đừng cho Huê Lan bất cứ món quà gì khác. Quảng Anh không muốn con nhắc anh ta về sự giúp đỡ ấy đâu”.

Ta bảo dì Du, “Anh ấy rất khiêm tốn, một người tốt, con biết thế. Nhưng con nghĩ là anh ấy rất vui sướng vì con đã cho Huê Lan đôi bông tai đó”.

“Không quà cáp gì nữa”, dì Du cứng rắn nói. “Dì ạ, họ chỉ lịch sự từ chối thôi”.

“Có thể Huê Lan thì thế, nhưng không phải Quảng Anh”. Sau đó bà kể cho ta nghe. Quảng Anh đã nói chuyện với bà tháng trước như thế nào khi ta vẫn ở trong tù. Anh vừa xấu hổ vừa ngượng ngập. Người bạn học đã từ chối nói chuyện với anh, thậm chí không thèm ra khỏi phòng làm việc để chào anh lấy một tiếng nữa. Anh sợ phải nói với Huê Lan rằng bạn anh không coi anh ra gì, thế là anh không thể giúp bạn cô sớm ra tù. “Tôi quá ngượng để nói với vợ tôi điều đó”, anh nói với dì Du. Dì Du bảo anh, “Đừng nghĩ về điều đó nữa.”

“Anh ta không giúp con à?” ta hỏi.

Dì Du lắc đầu, “Anh ấy muốn lắm, tất nhiên. Nhưng cuối cùng, chính dì đi gõ các cửa”, bà nói. “Thực ra chẳng có gì ghê gớm cả, chỉ mất công suy nghĩ vài ngày thôi. Con xem mọi chuyện ở Thượng Hải rồi beng lên như thế nào, chẳng có ai coi sóc gì hết. Ta bảo những người trong nhà giam rằng con có họ với một lãnh tụ cộng sản cao cấp – tên của người ấy, ta nói, là một điều bí mật.” Ta nói thêm, “Nếu quân Cách mạng kéo về đây thấy Giang Vi Vi trong tù – thì ôi thôi!”

“Dì nói vậy hả?”

Dì Du cười, “Con xem quyền lực là gì – đó là nắm được nỗi sợ hãi của người khác trong tay, hé nó ra cho họ xem! Vả lại điều đó có thể đúng. Có thể Peanut và mẹ Du nhỏ bây giờ trở thành những người Cộng sản quan trọng, ai biết được?”

Dì Du bắt ta phải hứa là không được nói gì với Huê Lan. Con thấy bà tuyệt thế nào chưa? Bà muốn Huê Lan tự hào về Quảng Anh. Bà nói Quảng Anh có ý định tốt, đó mới là vấn đề đáng kể. Bà không muốn để cho mọi người xem bà là một người anh hùng như thế nào. Nhưng ta biết, với bà thế là đủ. Tuy vậy, có nhiều lần, rất nhiều lần ta đã phải cắn vào lưỡi vì chuyện này. Helen nói, “Nào bây giờ em muốn xin chị trả lại một cái ơn”. Bao giờ ta cũng biết cô nói về cái gì. Henry cũng biết, nhưng theo một cách khác. Đôi khi cô ta đòi hỏi quá nhiều, như là lúc cô muốn ta giúp cô sang định cư ở Mỹ năm 1954 sau khi cô và dượng Henry bỏ chạy khỏi nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Cô yêu cầu cha con và ta tiêu nhiều tiền cho cô. Liệu ta có thể nói, “Tôi thật sự không muốn đưa cho cô đôi bông tai, hãy trả lại cho tôi được không?”

Dù sao thì phần lớn thời gian ta vui mừng vì cô ở đây, Henry cũng vậy. Họ là những người tốt, ta chỉ phát điên lên khi Helen làm như thể chuyện gì cũng biết. Bây giờ thì con biết rồi đây, dì ấy chẳng biết gì hết.

Ngày ra tù, ta viết cho Jimmy một lá thư nói rằng ta chờ anh cho ta biết anh muốn ta làm gì. Ta tự đến với anh? Hay ta chờ anh sang đây đón ta? Ta nói ta nghĩ Cộng sản sẽ mau chóng chiếm Thượng Hải, có thể là chỉ trong vòng một, hai tháng, sau khi đọc lại lá thư, ta xé đi.

Ta nhớ những lá thư của anh thay đổi như thế nào trong sáu tháng qua. Anh vẫn gọi ta là cô vợ bé bỏng. Nhưng anh không dành cả ba trang để viết về tình yêu lớn của anh dành cho ta nữa. Có vẻ như là chỉ còn hai trang về tình yêu dành cho ta, một trang về tình yêu anh dành cho Chúa. Một vài tháng sau thì chỉ còn một trang dành cho ta, hai trang dành cho Chúa.

Vì thế ta viết một lá thư giản dị. Ta nói ta đã được ra tù. Ta nói, mọi việc đang thay đổi rất nhanh ở Thượng Hải, nhanh hơn là anh có thể hình dung. Ta nói Cộng sản đang thắng thế, Quốc dân Đảng đang sẵn sàng bỏ chạy. Ai biết được tình hình tốt lên hay xấu đi. Đó là lá thư ta gửi đi. Ta quyết định phải chờ đợi. Ta kể với dì Du về những việc đã làm. Ngay lập tức dì nói, “Cái gì? Con không định làm gì ngoài việc chờ đợi ư? Cái gì đã xảy ra cho con ở trong tù vậy? Có phải con chỉ học để giữ cho chân con đặt trên sàn phòng giam không? Bất cứ ai thậm chí chỉ nghĩ rằng mình có cơ hội để rời khỏi đây, thì cũng cần đấu tranh cho cơ hội đó ngay lập tức”.

Bà lôi ta ra khỏi ghế, “Chúng ta đi ngay đến bưu điện, nếu không lá thư của con sẽ mất sáu tháng để tới tay anh ấy. Như vậy câu trả lời của anh ấy còn có nghĩa gì? Tất cả các cơ hội của con sẽ qua đi”.

Ở bưu điện dì Du và ta cố hết sức mới kiếm được một chỗ trong hàng người. Dường như tất cả mọi người đều có một thông điệp khẩn cấp, một loại cực kì cấp thiết. Sau ba, bốn giờ xếp hàng, chúng ta cũng đứng trước quầy. Ta viết địa chỉ của Jimmy cùng với lời nhắn: “Ra tù. Sẵn sàng đi. Cho lời khuyên. Vợ anh, Giang Vi Vi”. Cô nhân viên đọc qua bức điện rồi nói, “Không, nó chưa đủ cấp bách. Chị phải nói, nhanh lên, chẳng bao lâu chúng em sẽ tai nạn”.

Ta nghĩ, ai mà dạy ta thêm những từ này vào trong bức điện? Ta nhìn kĩ hơn người điện tín viên tươi cười. Đoán xem là ai? Vân Betty! Betty người đẹp. Cô không chết ở Nam Kinh. Cô giải thích rằng cái hôm ta đi khỏi món tiền 400 đô của ta được gửi đến. Cô không thể gửi trả lại được. Vì thế cô dùng số tiền đó để chạy đến Thượng Hải. Bây giờ cô có một đứa con trai đã 11 tuổi vừa thông minh vừa đẹp trai.

Chúng ta không thể nói chuyện lâu ở chỗ đông đúc này. Cô bảo cô sẽ gửi ngay bức điện của ta – thêm vào những từ mà cô gợi ý, để khiến Jimmy gửi ngay điện trả lời. “Ngay khi câu trả lời của anh ấy đến em sẽ mang đến nhà chị” ta nói.

Hai đêm sau cô tới. Ta cầm phong bì đi vào phòng ngủ và đóng cửa lại. Ta run run như蝶. Lát sau sự run rẩy của ta biến mất. Một cái gì đó nói với ta cả khi không mở phong bì ta cũng biết câu trả lời. Ta biết mệnh duyên

của ta, số phận của ta, ý muốn của Chúa. Bức điện viết: “Sáng danh Chúa. Đơn xin nhập cảnh Giang Vi Vi. Winnie vợ của Jimmy Louie, công dân Mỹ. Giấy tờ và 700 đô sẽ được gửi đến. Đi ngay lập tức.” Ngày hôm sau chúng ta bán vàng, cùng với một số nữ trang ngoài chợ đen. Sau đó ta và di Du đi làm hộ chiếu. Chỗ này còn tệ hơn cả bưu điện! Người ta xô đẩy nhau, ai cũng la hét, những nắm tiền vấy lên loạn xạ, người ta ùa nhau đến nghe một lời đồn rồi biến mất. Luật thay đổi như chong chóng. Con cần phải có ba nước đồng ý cho con nhập cảnh nếu con không thể trở về Trung Quốc. Ta đã có được giấy phép của Mỹ. Tất nhiên nhưng ta cần hai nước nữa. Ngày hôm ấy có ai đó nói rằng có một số cơ hội có thể là nước Pháp, ta không nhớ rõ. Dù vậy ta phải trả 200 đô cho đất nước thứ hai, bây giờ ta chỉ cần tìm thêm một nước nữa. Ngày hôm sau ta trở lại để lấy giấy tờ, một người đàn ông bảo ta. “Nước thứ hai chỉ là một tin đồn”. Thế là mất toi 200 đô của ta.

Ta không thể nhớ là ta phải đợi bao lâu trước khi tìm ra nước thứ hai rồi nước thứ ba, có thể là hai tuần. Trong thời gian ấy, ta rất nóng ruột. Ta nổi ban đỏ khắp người sau đó thì ta bồn chồn ghê gớm như đứng trên đồng lửa, hết như những con nhện đỏ sẵn sàng tung vó. Người đẹp Betty đã gửi nhiều bức điện cho Jimmy, giải thích tại sao ta bị trễ, cuối cùng, thủ tục giấy tờ cũng được hoàn tất. Nhưng ta còn phải tìm ra phương tiện đi.

Ta mua ba vé. Vé thứ nhất là vé máy bay chợ đen đến San Francisco trong vòng 10 ngày khởi hành ngày 15-5. Vé thứ hai và vé thứ ba là vé chính thức, một cái đi qua Hồng Kông ngày 27-5, cái vé kia đi qua đường Singapor ngày 3-6. Ta có ba cơ hội. Ta bảo di Du rằng di có thể dùng hoặc bán bất cứ vé nào còn lại. Nhưng bà nói sẽ quyết định sau. Huê Lan không muốn bỏ chạy. Cô muốn đứa con của cô được sinh ra ở Trung Hoa. Có thể con nghĩ đó là một ý ngu xuẩn. Nhưng ta biết nhiều người khác cũng nghĩ như thế: Sinh ra, chết ở Trung Hoa đó là điều tối quan trọng. Dù sao thì Huê Lan nói cô sẽ sinh con đã, rồi sẽ quyết định rời khỏi đây hay không, chuyện nhỏ. Cô đã tính sai, tất nhiên. Cô đã gặp rất nhiều khó khăn. Ta đã phải giúp cô.

Mọi thứ đã đầu vào đấy. Ta làm một việc cuối cùng, một việc hết sức ngu xuẩn. Ta vẫn muốn có một tờ giấy li dị với Văn Phú. Đó là niềm kiêu hãnh của ta, ta không hiểu tại sao ta không cho chuyện này qua được, tại

sao ta không thể đến Mỹ, quên tất cả những chuyện khác? Nhưng vào lúc đó ta thuyết phục mình rằng ta sẽ không bao giờ có được sự thanh thản trong lòng, cho đến khi ta giải quyết xong chuyện này.

Ta không nghĩ mình thiếu cảnh giác. Ta đã có được tờ giấy của tòa án rằng ta bị xử oan. Ta đã có di Du, một bức điện nói rằng ta là vợ của Jimmy Louie, ta có một kế hoạch hoàn hảo. Đây là những điều đã xảy ra. Betty người đẹp gửi một bức điện khẩn cho Văn Phú. “Một gói hàng đặc biệt chuyển đến cho ông bà Văn Phú. Yêu cầu cả hai kí nhận. Đến vào lúc hai giờ chiều ngày 10-5, mang theo bức điện, giấy tờ đến trạm bưu điện trên đường Quang Chi”.

Con nghĩ là một thằng tham lam có thể cưỡng lại một bức điện như thế sao? Vào lúc hai giờ hấn đến cùng với người đàn bà mới của hấn. Cả hai ra sức chen lấn để tới được quầy. Huê Lan, di Du và ta đứng phía trong quan sát. Betty người đẹp lấy ra một tờ giấy, đi đến chỗ bưu phẩm ở đằng sau, nháy mắt với ta. Khi cô làm thế, cô đặt gói bưu phẩm lên quầy, yêu cầu Văn Phú và vợ hấn kê vào tờ giấy biên nhận tên tuổi họ. Nhưng trước khi hấn làm thế cô lấy lại tờ biên nhận, nhìn chằm chằm vào cái tên. “Văn Phú?” cô nói bằng giọng ngờ vực. “Tôi nhớ là đã gặp anh ở Nam Kinh nhiều năm về trước phải không? Anh không cưới chị Giang ư?” Văn Phú dán mắt vào gói bưu phẩm. “Không còn nữa”, hấn đáp. “Đây là vợ anh hả?” Văn Betty hỏi, nhìn người đàn bà to lớn có vẻ hồng hách đứng cạnh Văn Phú, “tôi không thể giao gói này cho bất cứ ai ngoài Văn Phú và vợ chính thức của anh ta”. “Đây là vợ tôi”, hấn nói một cách nóng nảy, “tôi đã li dị người kia”.

“Tất nhiên tôi là vợ anh ấy”, người đàn bà có vẻ hồng hách nói, “Cô là cái thá gì mà dám hỏi chúng tôi về điều đó?” Lúc ấy ta hiện ra, di Du và Huê Lan theo sau. “Anh đã thừa nhận điều đó”, ta hét lên, “nào bây giờ chúng tôi đã có nhân chứng”. Đám đông trong bưu điện tò mò vây quanh chúng ta. Văn Phú trừng trừng nhìn ta như thể ta là một bóng ma. Ta đưa cho hấn tờ giấy li dị để ký. Mọi thứ đã được viết sẵn. Nó bắt đầu bằng câu ta, Văn Phú li dị từ năm 1941, việc này xảy ra ở Côn Minh. Nó nói rằng hấn không thừa nhận ta là vợ, ta cũng không thừa nhận hấn là chồng, cuối cùng là 3 chữ ký của ta, Huê Lan và di Du.

“Anh kí vào đây”, ta nói.



Ta có thể nói là người đàn bà hồng hách này không có vẻ vui gì khi gặp ta “Các người làm trò gì với chúng tôi thế này?” mẹ nói.

“Chẳng có trò gì”, ta nói, “nếu hắn không kí tôi cũng cóc cần. Tôi có giấy tờ nói rằng tôi bị tù oan, một tuần nữa tôi sẽ đi Mỹ với tư cách là vợ của một người khác. Nhưng không có tờ giấy này, cô sẽ không có vị trí gì ở Trung Hoa. Cô sẽ mãi mãi chẳng là gì ngoài một con hầu hạng bét của hắn”. Mọi người trong buồng điện cười. Con mẹ phát điên lên. “Kí vào, giải quyết xong với nó”. Mẹ ra lệnh cho Văn Phú. Hắn không nhúc nhích. Hắn không nói gì với ta hết. Hắn vẫn nhìn ta một cách độc ác. Nhưng rồi hắn cười, nụ cười của hắn ngoác ra hơn, đều giả hơn. Hắn cười thành tiếng sau đó kí tên vào, đóng dấu lên. Hắn vung tay lên, “Đây, xong rồi”. Hắn đưa lại tờ giấy, nhìn quanh, cười khẩy. Người đàn bà chớp lấy cái gói trên quầy một cách vội vã rồi bỏ đi. Con xem vợ mới của hắn ngu ngốc như thế nào, mẹ đã lấy cái gói mà ta nhét vào đầy đầy những cục phân lừa khô. Thế là ta đã có được tờ giấy li dị. Con có thể lên án ta vì những chuyện xảy ra sau đó không?

Có thể hắn rình quanh nhà chúng ta nhiều tiếng đồng hồ, thậm chí có thể nhiều ngày. Bởi vì hắn đợi cho đến khi ta chỉ có một mình. Ta nghe có tiếng gõ cửa. Ta thậm chí cũng không nghĩ là ta phải thận trọng. Ta mở cửa. Hắn đứng đó, đập tung cánh cửa, đập ta xuống sàn lăm lăm khẩu súng trên đầu ta.

Hắn chửi bới ta. Nói rằng ta sẽ không bao giờ thoát khỏi hắn dù ta có lên đến mặt trăng. Thấy cái vali ta đang soạn đồ, hắn quăng nó qua căn phòng, tất cả quần áo, vé máy bay, giấy tờ quan trọng của ta bay ra ngoài. Hắn nhặt một tờ giấy cuộn lại thành một ống nhỏ, mở sợi dây băng cột ngoài. Đó là tờ giấy li dị, tờ giấy đã làm nhục hắn. Hắn xé nó ra thành từng mảnh nhỏ, bảo ta, “Nào bây giờ thì mày cũng chỉ là con diêm, mày bao giờ cũng là như thế”. Hắn nhặt một tờ giấy khác. Đó là bức điện của cha con. Hắn đọc to lên bằng một giọng chế nhạo. Hắn cũng xé nốt, tung lên trời nói rằng lời hứa của Jimmy cũng trống rỗng như là khoảng không nơi những mảnh giấy đang bay lên. Sau đó hắn tìm thấy visa, những chiếc vé máy bay của ta kể cả chiếc vé cho chuyến đi hôm sau. Ta kêu lên thảm thiết. Ta năn nỉ hắn đừng xé vé máy bay. Hắn thấy vé lên thấy xuống trong tay như thể

hắn đang ước lượng vàng. “Tại sao tao lại xé. Tao có thể bán được cả một đồng tiền”. Ta khóc than, van xin hắn hãy để cho ta đi. Hắn đặt visa, vé máy bay lên chiếc bàn bên cạnh. Hắn túm tóc ta giật đầu ta lên, nói, “Lạy tao, lạy tao để tao cho phép mày làm vợ tao”. Hắn vẫy khẩu súng cạnh ta trên chiếc bàn, ta nhìn thấy tất cả cơ hội của ta, những chiếc vé máy bay. Trước mặt, ta nhìn thấy khẩu súng, sự sống chẳng mấy chốc rời bỏ ta mà đi. Ta biết có thể hắn nói láo. Nếu ta vâng lời hắn, có thể hắn vẫn lấy vé của ta, hắn có thể lấy đi cuộc đời ta. Ta có thể làm gì? Ta yếu đuối. Ta mạnh mẽ. Ta đã hy vọng. Ta không thể từ bỏ hy vọng của mình. Thế là ta đã van xin hắn. Cuối cùng ta đã đúng. Hắn nói láo. Hắn lấy vé máy bay của ta cho vào trong túi quần. Sau đó hắn đi vào buồng tắm, để lại ta nằm khóc trên sàn. Nhưng rồi ta nhìn thấy khẩu súng trên bàn. Ta chớp lấy, ghì giữa hai bàn tay, la lên gọi hắn quay lại.

Nhìn thấy ta với khẩu súng, đôi mắt hắn mở to, sau đó hắn cau mày, “Mày không biết bắn súng đâu”, hắn châm chọc.

“Tao sẽ học để giết mày”, ta nói.

“Tao chỉ lừa thôi”, hắn nói, “súng không có đạn. Tao chỉ muốn dọa mày thôi”.

“Vậy thì tại sao mày lại sợ như thế?” ta hỏi, vẫn chĩa súng vào hắn, nóng bừng lên vì một cơn cuồng nộ ngút trời. Ta thực sự muốn giết hắn, ta không nghĩ gì đến bằng chứng ngoại phạm hay là tù đầy, hay cách thức để trốn thoát. Ta chỉ muốn giết hắn. Có thể ta đã làm được điều đó nếu Huê Lan không mở cửa bước vào, đánh mất phép màu của ta. “Trời ơi”, cô ta kêu lên, “chuyện gì xảy ra thế này?” “Hắn lấy cắp vé máy bay của tôi”, ta nói. Ta không nói gì đến vụ hãm hiếp mặc dù bất cứ người thông minh nào cũng có thể nhìn thấy điều ấy: tóc tai ta xơ tung, chiếc váy bị xé rách, Văn Phú kéo lại dây kéo quần.

“Vé ở đâu?” Huê Lan hỏi.

“Trong túi quần hắn”, ta nói. Sau đó ta nảy ra một ý. Ta chĩa súng vào Văn Phú, “Cởi quần ra đưa cho Huê Lan”.

Văn Phú trừng trừng nhìn ta. Ta bóp cò, nghĩ rằng chỉ bắn xuống sàn dọa hấn chơi. Nhưng khẩu súng giật tay ta lại, viên đạn sượt qua đầu Văn Phú cắm vào bức tường sau lưng hấn. “Mày có điên không?” cả hấn và Huê Lan cùng bật lên một lúc.

“Phải tao điên”, ta hét lên, “cởi quần ra!” Ta nẩy cò một lần nữa. Lần này viên đạn cắm xuống sàn. Hấn lóng ngóng cởi quần rồi ném cho Huê Lan, cô tìm thấy vé, giơ lên cho ta vẻ chiến thắng.

“Nào bây giờ ném quần ra ngoài cửa sổ”, ta bảo Huê Lan. Cô chỉ chần chừ một giây, có lẽ nghĩ rằng có thể ta cũng bắn cô bèn vội vã ném quần xuống đường.

“Còn mày đi mà tìm cái quần bắn thiêu của mày”, ta bảo Văn Phú, hấn chạy ra khỏi cửa chửi bới đe dọa rằng ta sẽ không bao giờ thoát khỏi tay hấn. Ngay khi hấn đi khỏi Huê Lan phá ra cười. Helen thường nói về cái ngày này với ta cho đến khi ta bảo đừng nhắc nhở ta về điều đó nữa. Tại sao ta muốn nhớ cái ngày này? Tại sao ta lại phải nghe câu chuyện của dì ta về cái ngày này như thể nó là một chuyện tếu?

“Ồ”, dì ta vẫn nói, “nhớ Văn Phú cố ăn cắp vé máy bay của chị như thế nào không? Nhớ chị đã chĩa súng bắt hấn phải trả lại vé không? Nhưng súng bị cướp cò, một tai nạn! Hấn sợ vãi đái. Ôi tôi vẫn có thể nhìn thấy mặt hấn – hấn hầu như muốn nhảy ra cửa sổ với cái quần của hấn, sáng hôm sau chị đã ở trên máy bay, thật may mắn cho chị”. Điều đó đúng. Thật may mắn cho ta. Sáu ngày sau ta đã ở Mỹ với cha con. Năm ngày sau đó là cò cách mạng phát phối bay ở Thượng Hải. Không một chuyến bay hoặc một chuyến tàu nào được phép rời bến. Con thấy đấy những chiếc vé kia là vô dụng. Ta đã rời Thượng Hải ngay trước khi quá trễ. Ở Mỹ, ta gặp lại cha con, cả hai chúng ta đều thay đổi, nhưng tình yêu của chúng ta vẫn thế, tuy bây giờ anh còn tình yêu dành cho Chúa. Anh bao giờ cũng sẽ nói tiếng Anh còn ta thì không.

Đêm đến, anh ôm ta giống như anh đã làm ở Thượng Hải, “Đội ơn Chúa chúng ta sẽ không bao giờ xa cách nữa”. Tuy vậy ta vẫn thường khóc trong những giấc mơ. “Hấn tìm thấy em, hấn bắt em!” Cha con sẽ nói, “Cung ơi, suyt, đừng nghĩ về điều đó nữa bây giờ em đang ở Mỹ”.

Thế là ta không bao giờ bảo anh chuyện đó. Ta không bao giờ bảo bất cứ ai. Chín tháng sau, có thể là ít hơn một chút, ta sinh ra một đứa bé, ta có con trong đời.

## 25. ĐÁM CƯỚI BẢO ĐÀM

Suýt nữa thì tôi ngã lăn xuống đất. Mẹ tôi đã nói điều đó một cách rất thản nhiên. “Ta đẻ một đứa con. Ta có con trong đời”.

“Còn gì nữa?” tôi hỏi, chờ bà bảo tôi cái tin chết người – rằng Văn Phú là cha tôi. “Và”, bà nói, tìm lời để diễn đạt, “bây giờ người đàn ông này đã chết”. Bà gật đầu, rõ ràng là có vẻ thỏa mãn. “Bây giờ mẹ không phải lo lắng nữa. Trong bao nhiêu năm qua mẹ đã nghĩ là hắn có thể nhào ra từ một cái tủ, hoặc nhảy ra từ dưới gầm giường. Tay bà vung lên, chân bà giật bắn, bản năng vẫn còn đây. “Nhưng Betty người đẹp đã bảo mẹ trong một lá thư. Nhìn đây! Không phải lo lắng gì, hắn đã chết. Chết vào ngày Noel. Con tưởng tượng được không? Ngày Noel! Chết rồi mà hắn cũng tìm được cách làm cho mẹ đau khổ”.

“Đó không phải là điều con muốn hỏi”, tôi bắt đầu nói. Có lẽ bởi vì tôi cũng chẳng biết tôi muốn nói gì, tôi bắt đầu cười, chỉ có điều là tôi cũng sém khóc thôi.

“Mẹ có một quá khứ thật dễ sợ”, tôi nghe thấy mình nói. “Mẹ nghĩ mẹ có thể giữ bí mật với tất cả mọi người?” Bà gật. “Kể cả con?” tôi thì thầm.

Bà lại gật đầu, thế là không còn gì giữ lại được những giọt nước mắt của tôi nữa. “Bây giờ con biết tại sao”, bà nói, thở dài náo ruột. Tôi nghĩ, vậy là điều đó đúng. Văn Phú là cha tôi, người đàn ông kinh tởm mà mẹ tôi căm thù. Dòng máu của ông ta chảy trong huyết quản của tôi. Tôi rùng mình ớn lạnh về ý nghĩ này. Tôi ôm lấy hai đầu gối.

Lạnh à? Bà hỏi, “bật máy sưởi lên nhé”. Tôi lắc đầu. Tôi đang cố gắng làm một khám phá tức thì về bản thân. Tôi bao giờ cũng nghĩ tôi giống mẹ tôi nhiều: đôi mắt, cái mũi, cái cằm, đôi gò má, hàm răng nhỏ và sau đó, những sợi tóc bạc làm thành một cái vương miện ngay trên đầu tôi vào lúc

tôi mới ngoài ba mươi tuổi. Còn chiều cao, đôi chân, đôi tay dài tôi nghĩ tôi thừa hưởng của cha tôi – ít nhất thì cũng là người tôi nghĩ là cha tôi.

“Nói cho con nghe lần nữa”, cuối cùng tôi nói, “tại sao mẹ lại giữ bí mật như vậy?”

Bà nhìn đi chỗ khác, cân nhắc câu trả lời. “Bởi vì nếu con biết”, cuối cùng bà nói. “Con sẽ biết là mẹ yếu đuối như thế nào. Con sẽ nghĩ mẹ là một người mẹ không ra gì”.

“Con không bao giờ nghĩ thế”, tôi đáp.

“Có, con có nghĩ”, bà khẳng định, “ta còn chưa kể cho con nghe về quá khứ của ta con đã nghĩ ta là một người mẹ tồi rồi. Nếu ta cho con biết – con sẽ nghĩ ta còn tệ hơn!”

“Con không bao giờ nghĩ mẹ là người mẹ tồi.”

“Có, con có nghĩ”.

“Không”

“Có”

Rồi tôi nghĩ, chúng tôi đang cãi cọ nhau về cái gì? Mẹ tôi đã nói gì? Đột nhiên tôi nghĩ có thể mẹ tôi không nói rằng Văn Phú là cha tôi. Bà giữ bí mật chỉ vì tôi không thể nghĩ xấu về bà, “Chờ một chút. Mẹ đang nói ai là cha con?” “Cha con?” bà hỏi, hấp háy đôi mắt, như thể bà không nghĩ đến điều này trước đó. “Daddy là cha con”.

Tôi để vọt một tiếng thở dài nhẹ nhõm.

“Tất nhiên”, bà vội vã thêm vào. “Mẹ sẽ không bao giờ để cái con người xấu xa này nhận con là con. Hẳn ta không bao giờ có được điều đó từ mẹ”. Miệng bà mím chặt lại, vừa kiên quyết vừa hoang mang.

Bây giờ thì tôi bối rối hơn lúc nào hết. Tôi nghĩ ra cách diễn đạt lại câu hỏi của tôi làm cho nó trở nên rõ nghĩa hơn: về quan hệ huyết thống, về yếu tố di truyền, gen, nhóm máu, thử nghiệm mối quan hệ cha con, quá khứ ấy sẽ không bao giờ thay đổi được.

Mẹ tôi vỗ lên tay tôi, “Ồ, mẹ hiểu điều con đang nghĩ”, bà nói nhanh. “Tất nhiên mọi đứa bé đều sinh ra với âm, dương. Âm đến từ người mẹ, dương đến từ người cha. Khi con sinh ra ta cố gắng tìm xem con thừa hưởng cái dương của người nào. Ta nhìn vào người cha thân yêu của con. Ta nói, nhìn kìa nó có nụ cười của Jimmy Louie. Ta cố gắng quên đi mọi thứ khác. Nhưng từ tận đáy lòng ta nhìn thấy một điều gì khác”.

Bà vuốt vào má tôi, một lọn tóc rơi ra khỏi vai tôi, “Con giống Mặc Sầu. Con giống Di Cô. Con giống Đạm Như, đặc biệt là giống Đạm Như. Giống tất cả chúng nó. Tất cả những đứa con ta không thể giữ được, nhưng cũng không quên được”.

Mẹ tôi quay vào bếp châm thêm nước vào bình trà. Tôi ngồi nhàn hạt dưa giữa hai hàm răng. Tôi bao giờ cũng nghĩ rằng thú vui của việc cắn hạt dưa là ở chỗ cắn như thế nào để không làm vỡ hai mảng vỏ hạt dưa chứ không hẳn là ăn cái nhân.

“Như vậy mẹ chưa một lần nghĩ là con giống Văn Phú?” tôi làu bàu hỏi.

Mẹ tôi trở lại với bình trà nóng, “Nếu nói một cách thật lòng, thì có thể có một lần mẹ nghĩ như thế”.

Tôi làm bể vỏ dưa làm hai. “Cái gì?” “Có thể là hai lần tất cả”, bà nói với vẻ cân nhắc.

Tôi nín thở. Mẹ tôi rót trà không để rót ra một giọt. “Đó là sau ngày Daddy của con chết”, bà đáp. “Tâm trạng của con thật dữ dội”.

Ồ điều đó thật kinh khủng. Tính khí của tôi – giống như Văn Phú. Mẹ tôi cau mày nhìn tôi như thể tôi lại là đứa con gái choai choai 14 tuổi. “Trong đám ma, con không khóc, không hề khóc. Con nói daddy không phải cha con. Ôi! Mẹ không bao giờ muốn nghe điều đó!” Giọng bà vang

lên cứ như đó không phải chỉ là một kỷ niệm, mà cõi lòng bà lại tan nát một lần nữa. “Đó là lí do tại sao mẹ tát con. Mẹ không thể dừng được. Mẹ không thể giải thích cho con tại sao”.

“Nhưng con không có cái ý như mẹ nghĩ”, tôi nói “Đó chỉ là vì...”

“Mẹ biết tại sao”, mẹ tôi nói giọng dịu dàng. “Bây giờ thì mẹ biết là con không có cái ý như mẹ nghĩ”. Sau đó bà lại chau mày. “Nhưng còn một lần khác. Thật vô cớ. Còn nhớ một lần con muốn đi biển không?”

Tôi lắc đầu. Tôi thực không biết bà đang nói gì.

“Con thật hung dữ, con dậm chân, la lối với mẹ om xòm”. “Biển! Biển!” Mẹ tự hỏi, tính cách này từ đâu mà ra? Sau đó mẹ nhớ ra, “Ồi giờ! Văn Phú!” Khuôn mặt bà méo mó vì đau khổ.

“Mẹ không đổ lỗi cho con, mẹ kết án hẳn. Tất cả những khuyết điểm lớn nhỏ của con mẹ đều đổ lỗi cho người đàn ông xấu xa này. Vì thế mẹ đã không phạt con, mẹ để cho con đi biển. Nhưng rồi, chẳng bao lâu sau, em con cũng hành động như vậy. Thật điên khùng! Nó la hét với mẹ những điều tương tự chỉ có điều lần này nó không đòi đi biển. Đó là cách mà ta phát hiện ra. Samuel và con cả hai đứa – đều bảo ta, “Mẹ ác lắm, mẹ ác lắm!”

“Không”, tôi nói, quá sững sờ vì những việc đã làm “Con không nói thế”.

“Có! Con nói thế, cả Samuel nữa”. Bà mỉm cười, vui sướng vì đã chứng minh được là mình đúng sau bao nhiêu năm qua. “Mẹ rất hài lòng là mẹ không còn phải đổ lỗi cho Văn Phú nữa. Điều đó là do các con – tất cả là do các con! Con nghĩ là ta không hình dung ra được những điều đó sao? Ta còn biết được cả những từ tục tĩu con đã dùng, những từ con nói khi con giơ nắm tay lên có một ngón cái đâm ra ngoài. Chúng ta cũng có những câu chửi ấy bằng tiếng Hoa, nhiều câu khác thậm chí còn tục hơn trong tiếng Anh của con. Con nghĩ bà dì chỉ là một bà già sao? Khi ai đối xử với bà không ra gì – ôi chao – tất cả những câu chửi tuôn ra ngay. Đi mà ăn cái này! Đi mà ăn cái kia! Ta nghĩ đó là câu mà bà nói trong đám ma của bà lúc



câu đối viếng rơi lên người bà”. Cả hai mẹ con tôi cùng cười vang. “Dì Du là người rất mạnh mẽ!” Bà nói. “Ồ đó là một người thật tuyệt! Chúng ta đã có một thời gian dài vui vẻ bên nhau!” Mẹ tôi cười với tôi giống như cô nữ sinh trung học, giống như cái cách tôi hình dung cung cách của mẹ tôi khi bà và Peanut cùng chia sẻ những bí mật với nhau trong nhà kính. “Có thể con phải nói lời xin lỗi”.

“Vớ với bà dì ư? Vì cái gì ạ?”

“Không phải vớ với bà dì mà là vớ với ta. Vì đã nói những câu không được phép nói”. Bà vẫn tủm tỉm cười.

“Nhưng đã 25 năm rồi!”

“Không có lí do lí trầu gì!”

“Có thể chúng ta sẽ đổ những lỗi này cho Văn Phú”.

“Chuyến đi biển, đó cũng là lỗi của Văn Phú luôn phải không? Tất cả mọi điều xấu xa đều là lỗi của hắn”.

Mẹ con tôi lại cười một hồi lâu. Tôi cảm thấy chóng mặt. Ở đây mẹ tôi đã kể cho tôi nghe tấn bi kịch của đời bà. Ở đây, tôi vừa được biết Văn Phú là một nửa yếu tố di truyền trong tôi. Tuy vậy chúng tôi vẫn cười. Tôi biết đó là thời điểm tôi phải bật mí. Tôi hít một hơi dài, nói với tất cả vẻ hờ hững mà tôi có thể. “Có thể chúng ta còn một điều khác nữa để đổ lỗi cho Văn Phú...” Đoạn tôi kể cho bà nghe về căn bệnh của mình.

Bao nhiêu năm qua, tôi đã hình dung mọi chuyện sẽ như thế nào nếu mẹ tôi biết điều này. Bà sẽ hoảng lên về những điều xảy ra cho tôi. Bà sẽ giận dữ là tại sao tôi không cho bà biết sớm hơn. Bà sẽ cố tìm ra nguyên nhân tại sao căn bệnh này lại rơi vào tôi. Bà sẽ thận trọng theo đuổi những biện pháp chữa trị.

Tôi đã hình dung ra tất cả những điều đó, tôi đã nhầm. Nó còn tệ hơn nữa, bà là nữ thần Báo thù tự do.

“Tại sao con lại tìm đến Doug trước? Nó không phải là một bác sĩ thực sự – chỉ là một bác sĩ về thể thao thôi. Tại sao con biết là bạn nó là bác sĩ giỏi nhất? Tại sao con lại tin vào điều những người khác nói với con? Tại sao tin họ khi họ nói đây là một ca bệnh nhẹ? Nếu hay bị mệt như vậy thì bệnh không nhẹ chút nào! Bệnh nặng đấy! Tại sao chồng con không lo lắng về chuyện đó?”

Âm điệu trong giọng nói của bà cao hơn, cao hơn. Tôi ngồi nhìn bà, hai tay của bà vung vẩy về phía một kẻ thù mà bà không thấy được nhưng chắc chắn sẽ tìm ra. Tôi nghe bà hùng hổ nói rằng chắc chắn tôi phải giấu một điều gì đó về bệnh tật của tôi. Không còn có thể làm gì được ngoài việc nói mấy câu. “Con biết con biết”. “Ồi giờ! Văn Phú đã để lại bệnh ấy cho con!” bà kêu lên, “Hắn gây ra chuyện này mà. Còn cái lò viba. Mẹ bảo con kiểm tra xem nó có bị rò không. Con đã kiểm tra chưa?”

“Thôi đi mẹ”, tôi cầu khẩn, “không phải là do di truyền. Cũng không phải là do lò viba. Nó là như vậy thôi. Không phải là lỗi của ai cả. Mẹ cũng không có thể làm gì được”.

Nhưng thật không có gì cản được bà. Bà lườm tôi. “Sao con có thể nói thế được?” “Mẹ không thể làm gì được đâu”.

“Ai bảo con thế? Sao con lại có suy nghĩ ấy? Nói lại tên căn bệnh cho mẹ coi. Viết tên nó ra giấy. Ngày mai mẹ sẽ nghĩ ra một cái gì đó”.

Bà lục trong ngăn kéo để những món đồ linh tinh tìm ra một cái bút chì, một tờ giấy.

Tôi đang định phản đối, nói với mẹ tôi rằng bà chỉ tự làm khổ mình chẳng vì cái gì cả. Nhưng bất thành linh tôi nhận ra, tôi không muốn bà bỏ cuộc. Tôi được an ủi một cách đặc biệt. Hoặc có thể sự khuây khỏa này không thuộc về cảm giác. Bởi vì nỗi đau vẫn còn đó, mẹ tôi đang xé nó bay đi – cái vỏ cố thủ của tôi, nỗi tức giận của tôi, nỗi sợ hãi sâu xa nhất của tôi cùng với sự tuyệt vọng. Bà đang đặt tất cả những điều đó vào trái tim mình để cho tôi cuối cùng có thể nhận thấy một điều còn ở lại: HY VỌNG.

Trên đường đến dự đám cưới của Bảo Bảo và Mimi, Cleo đòi khênh một đầu món quà mừng, còn Tessa thì khẳng khăng nó có thể tự mang lấy một mình. Vì thế mà bây giờ bộ ly uống rượu kêu lách cách khi hai đứa giành nhau khênh.

Hai đứa con gái ghẹo nhau suốt, mỗi đứa đều không có khả năng kết tội đứa kia. Phil thở dài, đoạn chỉ vào một cái bàn, bảo chúng ngồi xuống. Anh lắc cái hộp lần nữa, cười toe toét rồi hăng hái đặt nó vào cuối cái bàn để quà. Chúng ta hãy để cho Bảo Bảo và Mimi đổi lấy một cái gì họ thích hơn”, anh thì thầm về giễu cợt.

Tôi cười, vỗ vào cánh tay anh. “Anh không thể làm thế được”. Lúc đó tôi nhìn thấy mẹ tôi đi đến với một món quà trong tay. Bà kiễng chân lên, đặt cái hộp vuông của bà lên trên những món quà khác vì thế nó cao ngất ngều. Món quà được gói bằng một miếng giấy thiếc đỏ tươi, một băng chứng rõ ràng nó là cái giấy bao mà chúng tôi dùng để gói món quà Giáng sinh tặng bà. “Mẹ”, tôi nói, chỉ tay món quà.

“Màu đỏ là màu may mắn cho đám cưới theo phong tục Trung Hoa”, bà cự lại như thể tôi trách bà về chuyện đó. “Dù sao thì cái bên trong mới quan trọng. Con tặng cái gì vậy?”

“Một bộ đồ uống rượu”, Phil nói.

“Có những món gì?” bà hỏi.

“Sáu cái ly, một cái bình pha rượu, que khuấy rượu. Tất cả có tám món, mỗi món 800”. Phil đáp. Mẹ tôi dường như hài lòng với câu trả lời của Phil. “Mẹ suýt mua một bộ đồ nấu ăn sáu món. Mẹ đọc trên báo, Emporium Capwell. Một ý hay đấy, mẹ nghĩ, chỉ có 49 đô la. Sau đó mẹ đến xem. Con biết như thế nào không? Ba cái nồi, ba cái vung. Họ tính ba cái vung là ba món. Những thứ còn lại là một cái chảo, hai cái nồi nhỏ. Mẹ mua hũ muối, tiêu thay vào đó. Đồ pha lê thật đấy”.

Giờ đây chúng tôi đi thành hàng, nhích từng bước chậm chạp đến chỗ đãi tiệc của nhà hàng. Mẹ tôi nhìn tôi cau mày, “Ồi giờ! Cái áo này quá

mỏng”. Bà sờ vào vải. “Quá lạnh không tốt cho sức khỏe của con. Mẹ đã bảo con rồi mà. Con phải nghe lời mẹ chứ”. Bà kéo tay áo Phil, “Cởi cái này ra, đưa cho nó khoác. Con cần phải trở thành một người chồng chu đáo hơn. Nếu con không chú ý đến nó sao con giúp nó chú ý đến bản thân mình được?”

Tôi đẩy Phil, “Ừ đi, Phil”, tôi nói, anh thở dài, cởi áo ra tuy có vẻ hài lòng, có vẻ như muốn nói với tôi rằng đó là số phận của anh, bao giờ cũng có người nhắc nhở anh có nghĩa vụ đối với tôi. Mẹ tôi chạm tay vào tay Phil, “Con nên mua cho nó một cái áo như thế này”, bà nói, gạt đầu về phía cái lưng của một người phụ nữ mặc áo khoác dài bằng lông chồn.

“Đó không phải là một sự sửa sai mang tính chính trị”, Phil nói với một nụ cười nhăn nhó.

“Nó sẽ ấm hơn”, mẹ tôi khẳng khẳng.

Trong suốt bữa tiệc cưới, chúng tôi phải hét vào tai nhau trong không khí ồn ào như chợ vỡ. Đến lần thứ tư, một trong năm người bạn “nổi khố” của Bảo Bảo như cậu ta gọi những người bạn phụ cho đám cưới, vỗ vỗ vào micro, nói giọng oang oang. “Thưa quý ông, quý bà, tôi có thể xin quý vị chú ý một chút không ạ?”

Chiếc micro rút lên rồi im tịt, mọi người ào lên, lại tiếp tục nói chuyện. Sau đó chúng tôi nghe người chủ hôn nói choang choang bằng giọng mũi vào micro.

“Nào tiếp tục chứ? Thưa quý ông quý bà, như quý vị đã biết tôi là Gary. Lần đầu tiên gặp Roger, tôi là một thằng nhỏ đến từ Brooklyn. Chúng tôi là những người bạn cùng phòng, gặp nhau một cách tình cờ không do chúng tôi chọn. Tôi giới thiệu với Roger thức ăn của những vị thần bánh mì tròn và trứng cá. Roger giới thiệu với tôi – Đoán xem cái gì – chân gà và cháo”.

Trong khi người chủ hôn tiếp tục một dòng thác những tình cảm lâm ly, mặt Bảo Bảo bùng lên vẻ hạnh phúc, hài lòng vì bao nhiêu lời tốt đẹp đổ xuống cậu ta. Nó làm tôi nhớ đến dáng vẻ ngày xưa khi cậu ta còn là một chú bé rất sung sướng vì tôi là Mary đã để cho nó chơi trò bác sĩ với chúng

tôi không nhận ra rằng chúng tôi chỉ cho nó là bệnh nhân chết sau năm phút đầu tiên.

Phil hấp háy mắt, làu bàu hơi to, “Dính trấu rồi”. Tôi nhận thấy mẹ tôi cười mặc dù có thể là bởi vì những người khác đang cười một cách lịch sự. Hoặc có thể họ cũng chẳng lịch sự nữa. Họ coi đây là một trò hề.

“Hãy giả vờ”, tôi bảo Phil, “Chương trình tối nay hấp dẫn đấy”.

“Cái gì? Anh mà không dễ thương á?” Anh nháy mắt với tôi, một ông chồng bị chê nhảm.

“Đây là đám cưới mà”, tôi lý sự, mặc dầu tôi cũng có ý thức muốn bảo vệ Bảo Bảo.

“Bây giờ để tôi giới thiệu Roger với “*oyvay*”. Chúng tôi nghe Gary nói. “Anh giới thiệu tôi với – ui da. Để tôi nói với quý vị Roger nợ tôi một điều. Bởi vì tôi cũng giới thiệu anh ta với người phụ nữ dễ thương, bây giờ là cô dâu may mắn của anh ta. Thưa quý vị tôi có thể giới thiệu với quý vị cô Mimi Wong Kwong”. Mimi lão đảo đứng lên mặt cô ta đỏ lựng vì quá nhiều rượu sâm banh. Bộ áo cưới của cô giống như bộ trang phục trong phim “Những người khốn khổ” te tua với những dải lụa màu men sứ. Bảo Bảo nhìn cô với ánh mắt tôn thờ.

“Ha-bu?” tôi nghe Tessa hét lên gọi mẹ tôi. “Chuyện gì xảy ra với cô kia?” Nó chỉ vào Mimi.

“Cô ấy là cô dâu”, mẹ tôi hét lại “Không, không phải thế”. Tessa nói. “Con hỏi tại sao cô ấy lại đeo một cái vòng trên mũi? Cô ấy kỳ cục quá”. Mẹ tôi nhìn cô dâu với một cái nhìn phê phán mới. “Ồ cô ấy kỳ dị bởi vì cô ấy không nghe lời mẹ cô ấy”.

“Điều đó đúng”, Phil nói. “Nhìn mẹ con coi. Mẹ nghe lời Ha-bu. Mẹ con không kỳ dị”. Tessa nhìn tôi với một sự kính trọng mới mẻ.

Người dẫn chương trình quay trở micro. “Bây giờ chúng tôi muốn giới thiệu với quý vị hai họ: về phía họ nhà gái, chúng ta có cha của cô dâu ông

Thomas C.Y.Wong chủ tịch công ty du lịch Những cuộc phiêu lưu bè bạn và người vợ đáng yêu của ông Maggie”. Đám đông vỗ tay.

“Trông trẻ quá”, mẹ tôi nói. Chúng tôi bây giờ nghe một danh sách dài những cái tên, lịch sự vỗ tay khi nghe mỗi cái tên về ông chú bà dì của Mimi, hầu hết bọn họ hình như đều đến từ bang Arizona, mảnh đất của những cây xương rồng, một nơi cũng xa xôi hẻo lánh như là Trung Quốc như trong hình dung của tôi. Sau đó Gary chuyển sang giới thiệu họ nhà trai, vỗ vào vai dựng Henry với kiểu cách của một ông chủ hôn.

Dựng Henry trông cứng ngắc trong bộ quần áo đi thuê, cúi đầu vẫy chào, vội vã ngồi xuống. Dì Helen cười hết cỡ, cúi đầu chào theo lối cổ, ném một cái hôn sang phải rồi một cái sang trái. Dì rất hạnh phúc xoay sở trong bộ áo váy bằng the màu xanh lá cây nhạt đính những hạt cườm nhỏ theo những vòng tròn ở phần thân áo. Tôi nhận thấy dì đeo đôi bông tai ngọc bích quý phái mà mẹ tôi đã kể. Bây giờ Frank, Mary, Doug và con gái họ đứng lên mỉm cười vẫy vẫy, tôi vỗ tay liên tục tự hỏi không biết bao giờ thì cái màn tra tấn này kết thúc. Vẫn biết rằng điều gì sẽ diễn ra tiếp theo. Bất thành linh, người dẫn chương trình thứ hai nói, “Xin mời dì của chú rể đứng lên, bà Winnie Louie. Tôi nghe nói rằng bà đã cắm tất cả những lọ hoa dễ thương trên những bàn tiệc tối nay”. Mẹ tôi đứng dậy gật đầu ngượng ngập. Sáng nay bà đã than phiền âm ỉ về những việc bà phải làm thêm ở cửa hàng hoa cho bữa tiệc tối nay. “Helen muốn toàn hoa hồng, màu hồng màu vàng, màu trắng”, bà nói đùa “Tại sao chỉ có màu vàng”, mẹ hỏi bà ấy. Tại sao không có hoa cẩm chương?

“Cám ơn dì!” Bảo Bảo kêu lên. Mẹ tôi vỗ tay về phía cậu ta. Trông bà rất tự hào.

“Người chị họ thân yêu của Roger cũng ở đây tối nay! Chúng tôi bắt đầu đứng lên, tôi nghĩ đây chỉ là trò hề thì vừa lúc cái gót chân trượt vào tấm thảm, Phil túm lấy tôi trước khi tôi ngã xuống. Một tiếng kêu phản kích lan trong đám đông to đến nỗi nếu ở đây có một cái máy đo tiếng cười thì tôi chắc chắn sẽ thắng. Tôi ngồi xuống xấu hổ.”

“Em có sao không?” đó là Mary, thở không ra hơi đã ở bên cạnh tôi, lúc đó tôi nhận ra: tôi đã quên chuyện này. “Em khỏe”, tôi nói. Chị ta nhìn tôi

với mỗi quan tâm không thành lời. “Thật mà, đó không phải là MS đâu. Đó chỉ do cái giày cao gót thôi, có nhìn thấy không?” Mary cười không lấy gì làm thoải mái.

“Mary”, tôi nói với tất cả sự kiên nhẫn mà tôi có thể nói. “Không phải bởi vì em bị bệnh MS thì có nghĩa là em làm cái gì cũng hỏng đâu”.

Chị ta cười, “Ồ chị biết. Chị chỉ, em biết đây muốn kiểm tra”. Chị ta giữ mãi một nụ cười, “nghĩ đến chuyện này, chị nhớ chị suýt ngã gẫy cổ vào hôm nọ, lúc xuống cầu thang ở chợ”. Tôi giơ tay lên, ngăn chị ta lại “Mary, không sao đâu chị không cần phải phô trương lòng tốt”.

“Em muốn nói gì?”

Lúc đó tôi nhìn thấy mẹ tôi nhưng tôi không thể dừng lại được. “Trong chuyện này”, tôi nói bằng một giọng trình trọng đầy châm chọc. “Chị không nên quan tâm quá nhiều đến chuyện của tôi”. Mẹ tôi chỉ ngón tay về phía tôi. Mary vẫn mỉm cười tự hỏi tại sao tôi lại có vẻ căng thẳng thế. Tôi cũng cảm thấy mình độc ác vì thế tôi xin lỗi.

“Em xin lỗi”, tôi nói với chị ta. “Có thể chúng ta sẽ nói chuyện đó sau”.

Lúc đó tôi nghe thấy tiếng sột soạt của hàng the và sa tanh. Di Helen vỗ tay lên lưng tôi. “Ăn đủ không?” Di hỏi, quan sát thảm họa vừa diễn ra bên bàn ăn của chúng tôi. Thức ăn vẫn ngồn ngộn trên các đĩa. Một cái khăn giấy gấp hình đầu con vịt một cái mà Cleo khăng khăng bắt mẹ tôi làm. “Quá nhiều thức ăn”, mẹ tôi than vãn, “lãng phí”. Mặt di Helen nở ra vì sung sướng coi đó là lời khen. “Đó là vì cha mẹ Mimi. Họ khăng khăng chúng tôi phải đặt mười hai món cộng với súp, cộng với bánh. Tôi nói quá nhiều, quá nhiều. Họ nói chúng ta làm thế theo kiểu Mỹ. Nhà gái trả tiền. Tôi còn làm gì được? Ai không ăn nốt con sò vậy? Ngon lắm, bỏ uổng. Winnie chị ăn đi!”

“No quá rồi”, mẹ tôi nói, bà đang bận rộn gài lại cái nơ trên đầu Cleo.

“Đừng có làm khách mà”, di Helen cầm lấy đôi đũa chưa dùng đến trước mặt Cleo gấp con sò, đặt nó lên đĩa thức ăn của mẹ tôi.

“Tôi không muốn ăn”.

“Ăn đi”, dì Helen nài.

Mẹ tôi nhăn mặt với con sò, “Không tươi”, bà tuyên bố.

Dì Helen cau mày rồi bỏ tọt con sò bị chê vào mồm. “Chị thấy đây”, mẹ tôi nói trong khi bà quan sát dì Helen ăn, “chẳng có vị gì đúng không?” Dì Helen tiếp tục nhai một cách thăm dò.

“Dai quá hả?”, mẹ tôi lại nói.

Dì Helen quay về phía tôi, “Mẹ con là một đầu bếp giỏi”, bà thì thầm. “Đó là lý do tại sao mẹ con khó mà thưởng thức được những món ăn ngon. Dì bảo mẹ con, khi chúng ta về thăm Trung Quốc có thể các món ăn không được như chị nhớ, mọi thứ đều thay đổi”.

“Mẹ về Trung Quốc hả? Sao mẹ không nói với con”.

“Ồ chúng ta mới chỉ bàn bạc”, mẹ tôi đáp. “Mẹ chỉ nói có thể. Không có gì chắc chắn là chúng ta sẽ đi”.

Dì Helen tiếp tục nói chuyện với tôi. “Dì yêu cầu mẹ con đi với dì, như là một ân huệ cuối cùng. Con biết đấy”. Dì Helen nhìn tôi với vẻ cam chịu rồi thở dài. “Dù sao thì cha mẹ Mimi cũng làm chủ một công ty du lịch. Vì thế nếu chúng ta đi có thể chúng ta sẽ được giảm giá”.

Dì gặp một hạt đậu Hà Lan tằm dầu bằng đôi đũa, lăn đi lăn lại dưới những đầu đũa. “Thế là ta có thể nhìn lại nơi ta cất tiếng khóc chào đời”, dì nói. “Ta có thể đãi tiệc cả làng. Dì nghe nói con có thể đãi 50 người với những thức ăn ngon nhất – mười hai món, chỉ mất 200 đô. Rẻ như bèo”. Dì Helen cười hết cỡ.

“Suyt! 300 đô” mẹ tôi nói, “giá cả lên rồi”.



“300 đô cũng được!” Dì Helen nói bằng giọng cường điệu, “vẫn có thể trả giá”. Rồi dì quay về phía tôi. “Ngoài ra đó không phải lý do duy nhất chúng ta trở về quê hương”. Dì đợi tôi hỏi.

“Vậy thì tại sao mọi người lại về ạ?” tôi nói.

“Chúng ta về mua thuốc bắc”, dì Helen giải thích, “Những thứ hiếm mà con không thể mua được ở đây”.

“Thuốc để làm gì ạ?”

“Dì Helen muốn tìm xem họ có bán cái gì cho thần kinh của dì không?” Mẹ tôi xen vào với bộ mặt tỉnh bơ.

“Ồ phải”.

“Thuốc bắc có thể chữa bất cứ bệnh gì”. Dì Helen tuyên bố. “Dì biết một bà bị bệnh ung thư của phụ nữ. Bà ta đi khám bác sĩ ở đây, vô ích. Bà ta đến nhà thờ cầu nguyện vô ích thôi. Bà ta trở về Trung Quốc, uống thuốc bắc hàng ngày – bệnh ung thư biến mất tã, lần sau bà bị ung thư phổi, cũng làm như thế, khỏi”.

“Bà ta uống thuốc gì?”

“Ồ. Dì không biết. Bà ta chỉ bảo nó có vị rất ghê. Bây giờ thì quá trễ để hỏi. Bà ta chết vì bệnh tim”.

Bất thành linh dì Helen đứng dậy, “Pearl”, bà nói nghiêm trang “đi giúp dì cắt bánh”. Trước khi tôi có thể phản đối bà đã nắm lấy khuỷu tay tôi. Thế là tôi thấy mình với dì Helen đứng trước cô dâu chú rể đặt trên lớp kem trắng. Bà nói với vẻ úp mở, “Nào bây giờ dì sẽ nói với con một bí mật”.

“Không, dì Helen ơi không có bí mật nào nữa”, tôi nói, mỉm cười. “Con đã thực hiện nghị quyết, một năm mới âm lịch không có bí mật nào cả”.

Làm sao tôi có thể nói là tôi không muốn nghe? “Dì chỉ muốn nói rằng mẹ con và dì không đi Trung Hoa vì khối u não của dì”.

“Hai người không đi sao?”

“Không, chúng ta không đi vì dì mà đi vì con”. Thấy khuôn mặt ngây ngô của tôi, bà tiếp. “Là thế này, mẹ con muốn đi Trung Hoa để tìm thuốc cho con. Bà ấy nghĩ bà ấy đã truyền bệnh cho con. Bà ấy nghĩ căn bệnh này là do sự thiếu cân bằng trong con người bà ấy, mà sự thiếu cân bằng này bắt đầu từ Trung Hoa. Nhưng bà không muốn đi một mình. Thế là ta bảo ta muốn đi vì khối u trong não của ta, mẹ con đồng ý đi vì khối u của dì. Dì bảo bà ấy phải đi vì lợi ích của ta. Như vậy làm sao bà có thể từ chối? Nhưng đoán xem chuyện gì xảy ra?”

“Chuyện gì ạ?”

“Dì chẳng có u iếc gì hết”. Bà vung tay lên, khua khua hai bàn tay.

“Cái gì?”

“Đúng đấy. Ta đã bịa ra lý do này. Ô lần đầu tiên ta đã rất lo. Ta nhìn vào phim chụp X quang, toàn điểm B. Nhưng lúc dì nghĩ mình sắp chết thì dì cũng nghĩ chuyện gì xảy ra nếu dì chết. Dì nghĩ không biết dì có quên điều gì không? Con biết chuyện gì không? Ta quên cảm ơn mẹ con, bao nhiêu năm qua mẹ con là người bạn tốt nhất trên đời”.

“Con không hiểu chuyện này thì có gì liên quan đến việc cảm ơn mẹ con”.

“Phải, mẹ con có một bí mật. Dì tự nhủ dì sẽ chết mà hai mẹ con không biết những bí mật của nhau. Điều đó không đúng à? Con tin ta phải không?” Bà cười khúc khích như một cô gái tinh nghịch. Tôi gật đầu vẫn không hiểu chuyện này sẽ dẫn đến đâu.

“Bây giờ thì hai người đã gần nhau hơn, mẹ và con gái, có thể thấy rõ điều đó. Đó là cách dì cảm ơn mẹ con. Con biết mẹ con rồi đó, rất khó cảm ơn mẹ con, rất khó cho lời khuyên. Bây giờ thì mọi chuyện đều vào đấy.”

“Mẹ con có biết rằng dì chưa bao giờ có khối u ở não không?”

Dì Helen cười, lắc đầu, sung sướng vì lời nói dối của dì vẫn còn tác dụng. “Tất nhiên khi chúng ta về Trung Quốc, con phải giả vờ là mùa xuân kì diệu ở đó sẽ chữa lành bệnh cho ta cũng như nó sẽ chữa lành bệnh cho con nếu không bà ấy sẽ điên lên vì ta bắt bà ấy phải trở về”.

“Dì muốn nói gì, con phải giả vờ?”

“Con phải về, tất nhiên con sẽ đi cùng. Tại sao mẹ con về Trung Hoa mà không có con. Bà ấy đi vì con không phải vì dì. Dì đã nói với con điều đó. Dì chỉ giả vờ đó là cái cớ. Con phải giả vờ đi vì sự sống của dì nhưng con phải đi với bà ấy. Con nợ bà ấy vì tất cả những lo lắng mà con đã gây ra cho bà. Chỉ có điều con đừng bao giờ nói điều ấy với bà. Đó sẽ là bí mật của chúng ta.”

Tôi cũng cười, bối rối vì bị lôi vào cái vòng luẩn quẩn của những lời nói dối bất tận. Hoặc có thể chúng không phải là những lời nói dối mà là một kiểu trung thành, một sự hy sinh bất thành văn cho bất cứ cái gì mà tôi không bao giờ hiểu được.

“Đó là một điều tốt đẹp phải không? Con có nghĩ thế không?”

Tôi xua tay, “Con nghĩ vậy”, cuối cùng tôi nói. Tôi không biết là tôi đồng ý về cái gì, nhưng tôi cảm thấy điều đó là đúng.

Phil đã đưa mấy đứa con gái về nhà mẹ tôi. Dì Helen sẽ đưa hai mẹ con tôi về nhà. Chúng tôi cho những đồ ăn thừa của bữa tiệc vào những chiếc hộp giấy mang về nhà.

“Cá thì con nên bỏ lại”, mẹ tôi bảo tôi. “Cá hấp để đến mai ăn không ra gì đâu”.

“Cứ mang về cứ mang về”, dì Helen nói. “Ngày mai chúng ta sẽ xem có ăn được hay không”.

“Cá hấp mà”, mẹ tôi phản đối.

“Bên ngoài đã được chiên rồi”, dì Helen nói, phớt lờ.

Tôi tránh xa trận công kích. Tôi chú ý đến gà, thịt heo còn thừa.

Giữa hai việc này tôi rót cho mình một ly trà hoa cúc trước khi những người bồi bàn đem đi. “Trà này ngon đây”, tôi nói cố gắng làm cho mẹ tôi và dì Helen lãng quên cuộc cãi nhau.

“Ồ con chưa uống cái gì gọi là trà cho đến khi con đến được Hàng Châu”, mẹ tôi nói “Trà ở đây ngon nhất thế giới”.

“Ồ,” dì Helen nói đôi mắt sáng lên. “Chúng ta phải đi vào cái mùa xuân diệu kỳ mà một lần chúng ta đã ở đây Winnie ạ. Chị nhớ cái khoảng thời gian sống ở Hàng Châu chứ? Dì quay lại phía tôi giải thích, “Nước mưa ở đây nặng như vàng. Mẹ con đã nếm rồi đó”.

“Rất ngọt”, mẹ tôi nói. “Họ bỏ đường vào”.

“Không phải đường”, dì Helen nói, “Đó là một loại hạt hoa, một loài hoa rất hiếm. Nó chỉ nở chín năm một lần hay đại loại như vậy. Con cà hạt ra, bỏ vào nồi đun lên”.

“Rất đắt”, mẹ tôi nói. “Chỉ bằng này” – mẹ tôi làm cử chỉ cho một nhúm – “Con phải trả hàng đồng tiền”.

“Đó là tất cả những gì con muốn”, dì Helen nói thêm. “Con nuốt một ít. Nó chạy bên trong con thay đổi mọi thứ – dạ dày, tim, phổi, đầu óc. Mọi thứ đều trở nên ngọt ngào”.

“Yên bình nữa”, mẹ tôi nói. “Mọi thứ bên trong con đều bình an, không lo lắng, không đau buồn”.

“Mẹ con sẽ mua cho con một ít”.

“Nếu chúng ta đi”, mẹ tôi nhắc dì.

Dì Helen cười, “Nếu chúng ta đi. Cũng như nếu chúng ta có thể tìm ra nó. Có thể em không nhớ nó ở chỗ nào nữa”.

“Tôi vẫn nhớ”, mẹ tôi nói.

Dì Helen chau mày suy nghĩ... “Chị vẫn nhớ à?”

“Tất nhiên, tôi nhớ rất chính xác”.

“Sao có thể thế được? Em là người dẫn chị đi mà”.

“Tôi có thể tìm được”, mẹ tôi nói.

Tôi quan sát họ tiếp tục tranh luận, mặc dù đó không giống một cuộc tranh luận chút nào. Họ đang cùng nhau mơ mộng. Họ có thể hình dung ra điều đó, con đường đi lên núi vào lúc họ đang còn rất trẻ, khi họ tin rằng cuộc đời còn đang trải phía trước họ, tất cả những điều tốt đẹp đều có thể xảy ra. Nước ở đây như họ đã hình dung nặng như vàng, ngọt như loài hoa quý hiếm.

Tôi cũng có thể ném nó. Tôi có thể cảm thấy. Chỉ một chút thôi nó đủ cho ta ghi nhớ – tất cả những thứ mà bạn nghĩ là bạn đã quên nhưng chúng không bao giờ bị lãng quên. Cả những hy vọng cũng có thể tìm thấy.

## 26. VĨNH BIỆT NỖI BUỒN

Hôm nay một khách hàng mới đến cửa hàng hoa, bà mua những thứ đắt tiền, những lẵng hoa lớn, nhiều cây cảnh cho một nhà hàng mới khai trương. Ngày hôm nay con rể tôi gọi điện từ chỗ làm, hỏi tôi xem tôi có thể trông nom những đứa trẻ vào tuần tới. Đó là tuần trăng mật thứ hai của vợ chồng nó. Ngày hôm sau Helen và tôi ngồi ăn những thứ còn lại trong đám cưới của Bảo Bảo, bà ta nói với tôi, “chị nói đúng, loại cá này – sau một ngày ăn chẳng ra gì”.

Tôi nghĩ hôm nay là ngày may mắn của tôi.

Rồi Helen lại nói, “Bây giờ em phải thừa nhận một điều. Điều đó như thế này: Em đã nói nhiều điều không đúng”.

Tôi nghĩ tôi may mắn hơn.

Helen tiếp, “Em bao giờ cũng bảo chị rằng Văn Phú không phải là người xấu, không quá xấu như chị nói. Nhưng mà em biết rõ tất cả những điều đó. Hắn là kẻ xấu xa, hắn thật đáng ghê tởm!” bà ta phẩy tay. Thế là bây giờ Helen thú nhận mọi thứ. Nghĩ rằng mình sắp chết vì vậy cuối cùng bà sẽ nói cho tôi sự thật!

“Em cố làm cho chị nghĩ, hắn là một người tốt”, bà nói. “Em bảo chị chỉ vì tai nạn đã làm cho hắn trở nên độc ác như thế. Chị biết tại sao không?”

“Chị không biết rõ”, tôi trả lời, “chị thực đã không biết tôi đau khổ như thế nào, tôi không bao giờ nguôi được. Cuối cùng chị cũng đã thấy?”

“Em nói rằng cuối cùng chị cũng đã không đổ lỗi cho Pearl”. “Chị nói cái gì?” Đột nhiên tôi hỏi, “tại sao tôi lại đổ lỗi cho Pearl?” “Bởi vì nếu chị nghĩ Văn Phú sinh ra đã xấu, thì chị có thể nghĩ Pearl cũng xấu. Nhưng bây

giờ em thấy điều đó không bao giờ xảy ra. Trong khi chị bao giờ cũng căm thù hắn, chị bao giờ cũng yêu con bé. Nó không có gì giống hắn vì thế bây giờ em không phải lo lắng gì nữa. Bây giờ em có thể nói thật. Hắn là một kẻ đê tiện, một con quỷ xấu xa”.

“Chị biết điều đó sao?” tôi hỏi, “rằng có thể Văn Phú là cha...?” “Tất nhiên là em biết”, Helen cau mày, “làm sao em có thể không biết? Em đâu có ngu. Em về nhà, hắn ở đây, chị lăm lăm khẩu súng trong tay với cái nhìn điên dại, sau đó trong suốt bao nhiêu năm em chứng kiến chị đấu tranh để làm cho Pearl là của chị. Chị không như vậy đối với Samuel. Tất nhiên con gái có khác. Dù vậy em vẫn biết”.

“Và dì Du cũng biết?”

Helen gật đầu.

“Ôi, làm sao cả hai người cùng biết mà không ai nói gì vậy?”

Helen đập vào tay tôi, “Bà chị bé nhỏ, chị là ai mà hỏi một câu như thế?”

Sau bữa trưa tôi bảo Helen là tôi muốn đi mua đồ. Bà ấy bảo “Đi đâu vậy. Có thể em cũng đi”.

Tôi đáp, “Tôi cũng chưa biết là đi đâu nữa”.

“Tốt, đó là điều mà em muốn”.

Thế là chúng tôi đi sang cửa hàng Tam Phúc. Ngay lập tức bà Hồng mở cái máy đếm tiền nghĩ rằng chúng tôi sang để đổi những tờ 20 đô. “Ồ không không”, tôi nói, “lần này tôi sang để mua đồ, một cái gì đó cho con gái tôi”. Bà Hồng cười rạng rỡ, Helen cũng thế. Tôi đứng trước một dãy những bức tượng Phật, Phật Bà Quan Âm, thần Tài, thần Hộ pháp, tất cả những vị thần mang lại phước lộc.

“Chị cần đồ trang trí hay là đồ thờ cúng? Nếu đồ thờ cúng em sẽ giảm giá 30% cho chị. Đồ trang trí em sẽ bán đúng giá”.

“Đề thờ cúng”, Helen đáp ngay lập tức.

“Không phải đề trang trí”, tôi nói rồi quay qua Helen. “Đúng ra là đề cho Pearl. Tôi tìm một bức tượng để đặt vào trong bàn thờ màu đỏ. Tôi đã hứa với dì Du. Tôi đã nghĩ về điều này rất lâu, trước khi Pearl bảo với tôi về bệnh của nó”.

Một lần nữa tôi nhớ về cái lúc mà Pearl bảo cho tôi về MS. Ôi tôi vừa giận dữ vừa đau khổ. Tôi kết tội tôi, tôi kết tội Văn Phú. Sau khi Pearl về nhà tôi gào khóc. Chợt tôi nhìn thấy ông Táo, ông quan sát tôi, mỉm cười, sung sướng khi thấy tôi bất hạnh. Tôi lấy bức ảnh ông ta ra khỏi khung đặt nó lên bếp. “Ông đi tìm Văn Phú đi! Ông cút xuống địa ngục đi!” Tôi quan sát khuôn mặt tươi cười của ông bị ngọn lửa liếm mất. Ngay sau đó sự giận dữ của tôi biến thành nỗi sợ hãi. Văn Phú trở về bắt tôi, tôi nghĩ thế.

Sau đó tôi lắng nghe lần nữa, tôi biết. Đó không phải là bóng ma của Văn Phú. Đó là tiếng trống bập bùng lúc trời tối. Đó là trò cá cược Reno. Đó là vợ ông Táo, la lớn, “Đúng! Đúng! Đúng!”

“Con gái chị làm gì?” Bây giờ bà Hồng hỏi tôi “Ồ nó làm một công việc quan trọng trong một trường học”, tôi đáp.

“Ồ một cương vị rất cao”, Helen thêm vào, “rất giỏi”.

“Vậy thì cái này rất hợp với cô ấy. Văn Xương Đế, vị thần của văn học. Rất nổi tiếng trong nhà trường”.

Tôi lắc đầu. Tại sao lại phải lấy một cái tên giống tên Văn Phú. “Tôi tìm một thứ có thể thờ cúng với nhiều mục đích”, tôi giải thích.

“Vậy thì tượng Phật Bà”, bà Hồng chỉ vào đầu những bức tượng Phật Bà, “May mắn, tốt cho trẻ con, tất cả những việc như vậy. Chúng tôi có nhiều lắm. Đủ loại khác nhau. Bức tượng này đẹp, giá 30 đô. Bức này đẹp hơn giá 265 đô. Tùy chị quyết định.”



“Tôi không nghĩ đến tượng Phật Bà”, tôi nói, “tôi tìm một thứ khác”. “Một cái gì làm cho chị phát tài phát lộc”. Bà Hồng gợi ý.

“Không, không phải như thế, không phải chỉ tiền bạc, không phải chỉ may mắn”, Helen nói.

Chúng tôi nhìn nhau nhưng Helen không tìm ra lời để diễn tả, mà tôi cũng thế.

“Có thể một trong tám vị Bát tiên?” Bà Hồng nói. “Có thể là cả tám, như vậy cô ấy sẽ có tất cả”.

“Không”, tôi nói, “tôi đang tìm một vị nữ thần mà không ai biết, có thể vị thần ấy không tồn tại”.

Bà Hồng thở dài, “Tôi rất tiếc chúng tôi không có thứ này”. Bà ta thất vọng. Helen thất vọng. Tôi cũng thất vọng.

Bất thành linh, bà Hồng vỗ hai tay vào nhau, “Hôm nay đầu óc tôi để đầu thế này?” Bà đi về phía sau của cửa hàng gọi tôi. “Nó ở đây. Nhà máy đã có sự nhầm lẫn. Tất nhiên đó là một bức tượng rất đẹp, không tí vết không rạn nứt. Nhưng họ quên không viết tên bà ở dưới ghế. Ông chồng tôi tức lắm. Ông nói “Chúng ta làm gì nó bây giờ? Ai muốn mua một thiếu sót?”

Thế là tôi mua cái thiếu sót ấy. Tôi dùng nhũ vàng viết tên của bà phía dưới. Helen mua nhang, không phải loại rẻ tiền đâu nhé loại tốt nhất đây. Tôi có thể nhìn thấy tượng người phụ nữ này trong ngôi nhà mới của bà, một cái đèn thờ màu đỏ với hai ngọn nến màu đỏ thấp sáng khuôn mặt bà từ hai phía. Bà sẽ sống ở đây. Nhưng không ai gọi bà là vợ ông Táo. Tại sao bà ấy lại cần một cái tên như vậy, bây giờ bà và chồng bà đã ly dị rồi phải không.

Khi Pearl, đem con đến nhà tôi vào cuối tuần, tôi bảo chồng nó. “Đi xem tí vi với bọn trẻ đi. Mẹ đưa cho vợ con một phương thuốc mà mẹ mới tìm thấy”.

Tôi đưa nó lên lầu vào phòng ngủ của tôi. “Pearl à”, tôi nói, “đây là một loại thuốc của Trung Quốc. Con dán miếng vào tay vào chân, hương thơm của nó sẽ thấm vào da của con. Ngày ngày con phải uống nước nóng ba, bốn lần vì con máu hàn. Con chỉ uống nước nóng không trà, cà phê gì cả. Con có nghe mẹ nói không? Con đang nhìn cái gì vậy? Ồ đó là một bức tượng. Con chưa nhìn thấy bao giờ. Đúng là nó rất đẹp bằng sứ cao cấp, và cái kiểu cũng đẹp nữa. Nhìn xem bà ngồi ghế dễ thương như thế nào. Phong cách bà thoải mái làm sao. Nhìn mái tóc bà, một màu đen tuyền không lo lắng. Mặc dầu có thể bà đã từng phải lo nghĩ. Ta nghe nói rằng bà đã từng trải qua bao nhiêu khó khăn trong đời. Vì thế có thể tóc bà là tóc nhuộm”.

Nhưng nụ cười của bà là trung hậu, vừa ngây thơ vừa chín chắn. Tay bà, nhìn cách bà giơ lên. Điều đó có nghĩa là bà định nói một điều gì, hoặc có thể là bà bảo con nói. Bà sẵn sàng lắng nghe. Bà hiểu cả tiếng Anh. Con nên kể cho bà nghe mọi thứ.

Phải phải tất nhiên bức tượng này là cho con. Tại sao ta lại phải mua một vật như thế cho mình? Đừng lo, đừng lo, mẹ không phải trả tiền đâu.

Nhưng đôi khi, những lúc sự hãi con có thể nói chuyện với bà. Bà sẽ nghe con nói. Bà sẽ rửa mọi nỗi đau buồn bằng nước mắt của bà. Bà sẽ dùng cái gậy của bà để xua đi những điều xấu. Hãy nhìn tên bà: Lady Sorrowfree, hạnh phúc vượt lên trên nỗi đau khổ không có buồn đau trên thế giới này.

Nào bây giờ giúp mẹ thắp lên ba cây nhang. Khói hương sẽ mang ước muốn của chúng ta lên thiên đình. Tất nhiên, đó là tín ngưỡng cho những niềm an ủi. Nhưng hãy nhìn khói bốc nhanh như thế nào, ồ thậm chí nhanh hơn khi chúng ta cười, mang niềm hy vọng của chúng ta lên cao hơn cao hơn.

HẾT

---

[1] Nguyên văn: Sincerely your truly, Peddy.